KINH
THỦ LĂNG NGHIÊM

TỲ KHEO THÍCH TUỆ HẢI

PL. 2563 - 2019

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

KINH
THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN HAI

(TRỌN BỘ 6 QUYỂN)

TỲ KHEO THÍCH TUỆ HẢI

PL. 2563 - 2019

TỲ KHEO THÍCH TUỆ HẢI

- **Sinh năm 1968, tại Bến Tre**
- **Xuất gia tu học tại Thiền viện Thường Chiếu (1986 - 1994)**
- **Trụ trì Chùa Long Hương, xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai từ 1994 đến nay**
- **Ủy viên Ban Hoằng Pháp Trung Ương nhiệm kỳ 2012 - 2017; 2017 - 2022**

Điện thoại: 0251 8600 258

Di động: 0911 258 258

Email: tykheo.thichtuehai@yahoo.com

Website: www.chualonghuong.org

www.quynguyen.org

www.quynguyen.com

SƠ LƯỢC TIỂU SỬTỲ KHEO
THÍCH TUỆ HẢI

Thầy **Thích Tuệ Hải**, thế danh: **Đinh Kim Nga**, sanh năm 1968 tại xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Thầy được sanh ra trong gia đình có 7 anh chị em, Thầy là người con út. Gia đình vốn là một điền chủ. Một điều rất lạ là mảnh đất nơi Thầy sanh ra là một nơi linh địa, trong thời chiến tranh những lúc bom đạn xảy ra thì mọi người ở khu vực gần đó đều chạy đến mảnh đất của nhà Thầy ẩn náu thì được an toàn, bom đạn không dội tới.

Có một biến cố xảy ra, người cha buông xuôi sự nghiệp nên gia đình lâm vào cảnh khó khăn. Hai người anh của Thầy thấu hiểu được thời thế vô thường nên phát tâm xuất gia; sau đó chị gái của Thầy cũng xuất gia.

Từ thuở ấu thơ Thầy vốn là một người con rất hiếu thảo với cha mẹ. Từ khi sáu tuổi Thầy đã biết nấu cơm, theo mẹ buôn bán … để phụ giúp gia đình. Tối về tận tụy thương yêu hầu hạ cha già, một lòng phụng sự theo ý muốn của cha mình; chưa từng có nửa ý niệm chống trái. Thầy nói: "*Thầy đã được dày công dạy dỗ từ thuở bé nên mới có ý chí kiên cường vượt qua những khó khăn thử thách trong cuộc sống cho đến ngày hôm nay.*"

Còn Mẹ Thầy là một phụ nữ siêu tuyệt, nhân hoà và từ ái, … Thầy cũng từng nói: *"khắp thế gian này khó có người phụ nữ nào đức hạnh tuyệt vời như Mẹ của Thầy."* Một đời tận tụy

hy sinh cho gia đình và đến năm 1993 mẹ của Thầy đã xuất gia tu học tại Thiền viện Tuệ Không.

Vốn là một người có thiện căn lớn với Phật Pháp, năm lên bảy tuổi lần đầu tiên được nhìn thấy hình tượng của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Thầy đã bị chấn động và đứng chết lặng trong trạng thái thiền định trước tượng Phật gần tám tiếng đồng hồ. Lúc đó Thầy thấy rõ tất cả mọi thứ diễn ra chung quanh mình, mọi người thấy vậy không ai dám làm động cho đến khi Thầy tự rời định.

Năm 1985 Thầy bị bệnh nặng nên nghiên cứu về phương pháp dưỡng sinh của Tiên Sinh G.Ohsawa. Thầy chỉ ăn dưỡng sinh trong vòng 21 ngày là đạt tới cảnh giới số 7, cảnh giới quân bình âm dương như Tiên Sinh đã nói, khi đó tất cả tật bệnh đều biến mất. Thầy ở trạng thái thân tâm rỗng lặng phúc lạc vô biên suốt bảy ngày bảy đêm.

Khi mới vào đến lớp 10, có lần Thầy đi bộ đến trường, vừa đi vừa niệm Phật rơi vào cảnh giới tâm hoàn toàn rỗng lặng, chỉ còn câu niệm Phật hiện tiền và đi trong mưa khoảng 5km mà không bị ướt người và tập vở, cho đến khi ngồi vào lớp học trước sự ngỡ ngàng của bạn bè và thầy cô giáo thì lúc ấy Thầy mới hồi ức lại là mình đã đi trong mưa mà không hề bị ướt.

Khoảng cuối lớp 10, một điều xảy ra là Thầy đang chạy xe đạp, vừa chạy vừa niệm Phật, lúc ấy chạy qua cây cầu khỉ bằng một cây tre bắc ngang qua kênh, sau khi qua cầu Thầy mới hồi phục ý thức lại, không biết mình chạy bằng cách nào mà qua được cây cầu khỉ ấy.

Cũng vào năm đó, lúc còn là học sinh khi nghe thầy giáo giảng đề tài "Vạn vật chuyển vận trong không gian" Thầy đã ngộ lý vô thường và nung nấu chí nguyện xuất gia. Mãi đến

đầu năm 1986 Thầy đã từ giả cuộc sống đời thường đến Thiền viện Thường Chiếu xin công quả xuất gia tu học.

Đến ngày mùng 8 tháng 12 năm 1986, ngày lễ Đức Phật thành đạo thì Thầy được chính thức xuất gia tại Thiền viện Thường Chiếu. Hòa Thượng Bổn Sư là thượng Thanh hạ Từ cho pháp danh là Thích Tuệ Hải.

Sống trong Tăng đoàn được phân công tác là trồng rau cuốc đất, nhưng ý chí xuất trần mãnh liệt, quyết tâm phá vỡ sanh tử thể nhập chân lý. Trải qua nhiều ngày tháng, thao thức ngày càng mãnh liệt, cho đến ngày 7 tháng 7 năm 1987, khi nghe Hoà Thượng Ân Sư giảng Trung Quán Luận đến câu: *"Không thọ là Niết Bàn"* thì ngay khi ấy Thầy liền dứt bặt tất cả những hiểu biết xưa nay, thân tâm rỗng suốt, thông thấu tất cả những duyên trần không phải là thân căn trước đây. Kể từ đó, Thầy thấu hiểu được chân lý không còn nghi ngờ lời Phật Tổ nữa, từ cái thấy biết vượt thoát mọi khuôn sáo, đời sống trở nên ung dung nhẹ nhàng. Ngay khi đó Thầy cảm tác bài kệ nói về sức sống hiện tại của mình:

Từ nay vui sống ung dung
Rõ ràng mỗi mỗi nơi duyên chẳng lầm
Chẳng lầm chẳng lộn chẳng sai
Rỡ ràng chỉ vậy chẳng sao nói lường.

Ngày 12 tháng 7 năm 1994 được sự chỉ dạy của Ân sư là Hòa Thượng thượng Thanh hạ Từ cử Thầy về Trụ trì Chùa Long Hương, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cho đến ngày nay.

Ngoài việc hoằng dương chánh Pháp lợi lạc chúng sanh, Thầy còn là một vị lương y cứu giúp cho nhiều người bệnh hiểm

nghèo, hướng dẫn cho mọi người có đời sống cân bằng thân tâm để khai mở trí huệ, thấu hiểu trật tự thể vũ trụ, đạt được tự do vô biên, công bằng tuyệt đối và phúc lạc cùng tận.

Thầy đã thuyết giảng những bộ Kinh: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Kim Cang, Bát Nhã v.v… và các Kinh về Thiền tông, Tịnh độ cũng như các Kinh điển của Phật giáo Nguyên Thủy. Tất cả đều thể hiện tính chung nhất của đạo Phật. Tâm nguyện lớn nhất của Thầy là muốn cho tất cả các tông phái của đạo Phật có cái nhìn nhất quán đúng với tinh thần giác ngộ giải thoát như lời Đức Phật dạy: *"Trăm sông đều chảy về biển cả, biển chỉ có một vị mặn, giáo pháp của Ta chỉ có một vị duy nhất là giải thoát mà thôi."*

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

(TIẾP THEO)

VĂN KINH

Mục 8: Chỉ rõ vọng sinh tiếp nối và các đại không ngại nhau

Đoạn 1: Ông Mãn Từ khen ngợi Phật và trình bày chỗ nghi

Khi ấy, ông Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử ở trong Đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai áo bên phải, quỳ gối bên phải sát đất, chắp tay cung kính bạch Phật rằng: "Đức Thế Tôn đại oai đức khéo vì chúng sinh diễn bày nghĩa đệ nhất chân thật của đức Như Lai."

Thế Tôn thường khen trong những người thuyết pháp, con là bậc nhất. Nay nghe pháp âm vi diệu của đức Như Lai, giống như người điếc ở cách xa ngoài trăm bước, mà nghe tiếng muỗi mòng, vốn đã chẳng thấy, huống chi được nghe. Phật tuy chỉ dạy rõ ràng, khiến con trừ mê lầm, nhưng nay vẫn còn chưa rõ chỗ rốt ráo không nghi lầm của nghĩa ấy.

Bạch Thế Tôn, như nhóm ông A Nan tuy được khai ngộ mà chưa trừ hết tập khí hữu lậu. Còn chúng con ở trong hội đã lên hàng vô lậu, tuy đã dứt hết các lậu, nhưng nay nghe pháp âm của đức Như Lai vừa dạy vẫn còn những điều nghi hối.

Sau phần Đức Phật khai thị cho Đại chúng và thông qua phần thu thất đại, lúc đó cả Đại chúng và ngài A Nan đều ngộ. Ngài A Nan đại diện cho hội chúng ngộ đạo trình bày chỗ sở ngộ của mình.

Theo Kinh điển Đại thừa, sau khi đốn ngộ rồi thì người ta đứng ở chân trời giác ngộ của chính mình mà soi khắp pháp giới mười phương, để thấu suốt bề mặt bề trái, thấu suốt chân ngụy của trần gian này và sống bằng chân lý đó cho tới ngày họ hoàn toàn giác ngộ giải thoát.

Cho nên đến phần này, theo cái nhìn của chúng tôi, phần đốn ngộ của Kinh Lăng Nghiêm gần như hoàn thiện. Từ đây về sau, cái nhìn của Đức Phật, cũng như cái nhìn của thính chúng, những thắc mắc của thính chúng đều hỏi tới cảnh giới rất chuyên môn. Nếu ai theo dõi từ đầu cho đến bây giờ thì chúng ta cũng nên để mình vào vị trí tương đối hơi chuyên môn, mới có thể nắm hết được tinh thần Kinh Lăng Nghiêm trở về sau nếu không chúng ta sẽ bỏ qua bản Kinh vô cùng quý báu này.

Ngài Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử là một trong mười vị đại đệ tử của Đức Phật, người được Đức Phật khen ngợi là Thuyết pháp đệ nhất. Ngài là người biện thuyết mà tất cả các pháp hội, tất cả những thính chúng nghe đều công nhận là một trong những vị có lối biện thuyết siêu việt. Ngài cũng đã chứng quả A La Hán rồi, thế mà nghe Kinh Lăng Nghiêm, Ngài diễn tả rất thật thà:

"Nay nghe pháp âm vi diệu của đức Như Lai giống như người điếc ở cách xa ngoài trăm bước mà nghe tiếng muỗi mòng, vốn thực đã chẳng thấy, huống nữa là được nghe. Như nhóm ông A Nan tuy đã khai ngộ mà chưa trừ

được tập khí hữu lậu. Còn chúng con ở trong hội, đã lên hàng vô lậu, tuy đã dứt hết các lậu, nhưng nay nghe pháp âm của Đức Phật Như Lai vừa dạy vẫn còn những điều nghi hối."

Ngài Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử nói rất rõ ràng: Ngài A Nan là một người bình thường mới vừa bị nhiễm ái với Ma Đăng Già được Đức Phật cứu về, thế mà ngài A Nan nghe là ngộ đạo, còn con (Phú Lâu Na) tuy đã chứng A La Hán rồi, diệt trừ các lậu hoặc sinh tử trong tam giới rồi, thế mà con nghe Kinh Lăng Nghiêm này vẫn còn mù mịt, nhà thiền nói: như người điếc mà nghe sấm, như gái đá múa vì gái đá thì không thể múa được. Đây là lời hết sức chân thành của ngài Phú Lâu Na trình bày với Đức Phật.

Từ trước tới giờ học Kinh Lăng Nghiêm mà chúng ta chưa rõ thông thì chúng ta cũng có chút phần an ủi. Vì một trong mười vị đại đệ tử của Đức Phật diễn tả chúng ta nghe đứt ruột: Ngài nghe Kinh Lăng Nghiêm còn mù mịt, như người đứng cách xa trăm dặm nghe tiếng muỗi mòng, nghe còn không nổi. Theo lối học của chúng ta từ trước tới giờ, chúng ta có thể thấy tất cả các pháp là vô thường chúng ta chấp nhận được; thấy các pháp là nhân duyên hòa hợp chúng ta chấp nhận được. Đó là lối học mà học thức có thể ghi nhận được, ý thức có thể chấp nhận theo kiến thức thường tình, theo cái thấy nhìn của thế gian. Nếu như lậu hoặc của chúng ta chưa sạch, nếu chúng ta chưa có một lần chết đi sống lại, thì tất cả những thấy nghe hay biết của chúng ta đều chấp nhận vật chất này là vô thường. Lối học đạo của ngài Phú Lâu Na cũng vậy, khi học giáo lý Nhị thừa đều lấy bốn điều là vô thường, khổ, không, vô ngã làm nền tảng tu hành. Ngài cũng

nhận định các Pháp ở trần gian này là vô thường, là khổ, không, vô ngã; Ngài tu tập để chứng vô ngã rồi, thế mà đối với Kinh Lăng Nghiêm này Ngài mù mịt. Vì sao?

Vì bản Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật gợi từ từ để chúng ta thấy mình có cái không bị Vô Thường chi phối. Điều này, ngài Phú Lâu Na chưa từng nghe. Thứ hai, tất cả các pháp đối với Đức Phật không còn là vô thường nữa, không phải là nhân duyên nữa và Đức Phật khẳng định tất cả các Pháp không phải là nhân duyên, không phải tự nhiên.

Nếu học Kinh điển Đại thừa, chúng ta có một chút tương ưng, thông cảm một cách tuyệt đối thì chúng ta rất thương những cái thấy nhìn cạn hẹp, hai chiều của các tông phái trong đạo Phật. Vì khi thấu hiểu và thông cảm được tất cả các pháp không phải là vô thường, không phải do nhân duyên, không phải do tự nhiên thì người đó đã sang một bậc khác. Tức là dù chúng ta là phàm phu chưa hết lậu hoặc, nhưng chúng ta cũng có khả năng vượt tầm La Hán để đi con đường Bồ Tát đạo, thẳng đến thành Phật.

Chúng ta đang đi một con đường khác, được Đức Phật mở cửa và dẫn dắt chúng ta thẳng tắt đến quả vị Phật. Không như ban đầu Đức Phật hướng dẫn trong hệ thống Kinh điển Nguyên Thủy, tu tập như vậy chứng quả A La Hán, rồi nhập Niết Bàn (đọc Kinh Pháp Hoa chúng ta thấy được điều này). Cho nên, chúng ta cũng không khó hiểu về việc một vị đã chứng quả A La Hán mà không hiểu Đức Phật nói gì ở bản Kinh Lăng Nghiêm. Không phải nói tất cả các pháp là phi nhân duyên, phi tự nhiên, mà Đức Phật lại nói tất cả pháp giới này đều là Như Lai Tạng Tâm trùm khắp pháp giới, chưa từng sanh, chưa từng diệt. Đối với trí thế gian, với người từng học

hiểu theo khung sáo thì chúng ta không có cách nào chịu nổi.

Đối với trí thế gian chúng ta nói thân tứ đại mấy chục ký lô này là Như Lai Tạng Tâm thanh tịnh trùm khắp pháp giới, chúng ta không tin nổi. Trí tuệ đạo Phật có cái gì vượt thoát khung sáo, mà khi một người ở ngoài tịnh và nhiễm rồi họ mới thấu suốt bề mặt bề trái của trần gian, còn nếu không thì chúng ta không thấy nổi. Chúng ta cứ luẩn quẩn loanh quanh ở bên này thì đúng, ở bên kia thì sai, làm thế này thì phải, làm thế kia thì trái…Tất cả mọi cái trong học thuyết mà chúng ta đã từng gặp, đã từng dự những khóa tu tập, thấy rõ ràng là không có lối để chúng ta thoát.

Đây là điều mà tất cả những người trong chuyên môn thật sự rất xót xa, và tìm đủ mọi cách để cho những người tìm chân lý trong cõi này phải hay ra sự thật: Mình không phải là bên đây, không phải là bên kia, mình không phải là nhiễm và tịnh. Ở nơi nhiễm mình cũng có, ở nơi tịnh mình cũng có, nhưng mình không phải là nhiễm, không phải là tịnh. Khi nào được như vậy thì chúng ta mới thấu hiểu được đoạn trước.

Ở đây chúng ta đồng cảm với ngài Phú Lâu Na vì mình cũng không khác gì Ngài, tới bây giờ mình cũng như vịt nghe sấm, không có chuyện giựt mình, không có chấn động. Điều đặc biệt, nếu chúng ta tiếp nhận được chân lý Đại thừa là toàn thân tâm chúng ta chấn động thành một con người khác, chết liền con người cũ. Nếu chúng ta hiểu hết hệ thống Kinh điển Đại thừa của đạo Phật, nhưng chúng ta chưa có một lần rung động, chưa có một lần biến chuyển, chưa có một lần chết đi sống lại, thì tất cả những cái hiểu đó thuộc dạng tâm thức chẳng có dính dáng gì đến Kinh điển Đại thừa. Cho nên có những người thuyết pháp như hoa rơi, như lá rụng, nhưng

chưa phải là con người từ Phật sanh, thì đó là kiến giải của học thức, không phải chuyên môn đạo Phật.

Tất cả chúng ta khi bắt đầu học Kinh điển Đại thừa, chúng ta nên để thân tâm thật sự thả lỏng, buông thư hoàn toàn, chúng ta là người mới mẻ đang ở đây và bây giờ. Chúng ta không phải là người của quá khứ, hồi nãy mình ở nhà, mình tên gì, tuổi gì, mình là phật tử tại gia, mình mới xuất gia, mình mới đi chùa v.v… Tất cả những điều đó dẹp hết đi, chúng ta chỉ là người rỗng lặng rõ biết ngay tại đây và bây giờ, để chúng ta có thể tương ưng với cảnh giới cao tột của Phật Pháp. Nếu chúng ta vẫn còn dùng cái đầu cũ để nghe Pháp, còn lắng lòng thanh tịnh để chúng ta ráng ghi nhận tất cả những gì trong bài Pháp ngày hôm nay, thì chúng ta tự phá vỡ mình, tự phá vỡ cái thanh tịnh hiện hữu đang có mặt tại đây.

Tất cả chúng ta đang ở đó rồi, có điều chúng ta đừng làm thêm cái gì thành rào chắn cho mình. Hòa nhập vào bể giác thì chúng ta đã ở trong đó. Vì tứ đại đều là thanh tịnh bản nhiên trùm khắp pháp giới. Không đại, kiến đại, thức đại cũng là thanh tịnh bản nhiên trùm khắp pháp giới. Hay nói khác đi, tất cả các pháp đều là Phật Pháp, tất cả các pháp đều là bất sanh bất diệt, tất cả các pháp đều là thanh tịnh tuyệt đối từ ngàn xưa cho tới bây giờ.

Cho nên trong đời sống này chúng ta còn bị nặng trong quan niệm đúng sai, còn bị nặng trong luân lý đạo đức, còn bị nặng trong trong tất cả hình thức khung sáo là chúng ta còn từ chối sự hiện hữu hiện tiền ngay tại đây và bây giờ của chính mình. Nếu chúng ta ngồi tại đây mà chúng ta không có kiến thức cũ, không hề có bất kỳ sự hiểu biết nào thì chúng ta vẫn thanh tịnh ngay tại đây; không có chuyện đúng sai, hay dở;

không có bóng dáng khổ đau và phiền trược. Thì chúng ta sẽ thấu hiểu đạo lý trong từng bước một của tất cả Kinh điển Đại thừa. Nếu không chúng ta luôn bỏ qua những phần cao đẹp của nó.

Chúng ta có thể đứng mà rung cảm được trước một đóa hoa dại giữa rừng đang nở, chúng ta có thể một lần nào đó rung cảm với ánh nắng ban mai, chúng ta có thể rung cảm cúi đầu kính lễ ngọn gió đang thoáng qua với chúng ta trong lúc đang nóng nực. Tất cả những sự rung cảm và kính ngưỡng đó tạo nên sự nhạy bén tuyệt đối cho thân tâm chúng ta. Điều đó cho biết chúng ta đã rời khỏi những khung sáo vốn có của mình rồi, thì thân tâm chúng ta linh thông nhạy bén tuyệt đối.

Nếu chúng ta chưa có sự linh thông nhạy bén tuyệt đối đó, chưa có cái rung động tuyệt đối với tất cả những chuyện đang xảy ra trong trần gian này, thì chúng ta vẫn còn bị bó chặt mình trong khung sáo. Như thế là chúng ta vẫn còn bước theo dấu chân của người khác, vẫn còn đi theo lối mòn của người xưa, thì không hề có bóng dáng tự do hiện ra nơi tâm của chúng ta được.

Cho nên chúng ta phải sống ngay tại đây và bây giờ chúng ta là người đang hiện hữu thanh tịnh tuyệt đối, trùm khắp mười phương pháp giới. Khắp pháp giới muời phương có cái gì là chúng ta có cái đó, khắp pháp giới mười phương ở vị trí nào là chúng ta có mặt ở vị trí đó, không thiếu sót, mà chúng ta còn ở trong khung sáo thì tự khu biệt chúng ta bằng khung sáo đó.

Người học Phật dù chưa ngộ đạo, thì chúng ta cũng bắt đầu để cho đời sống chúng ta rơi rụng những khung sáo. Cố gắng làm sao những khung sáo tự bể, tự rớt, tự bung vỡ

với chính mình. Đạo Phật khai phóng cho chúng ta thoát hẳn hết những khung sáo vốn có trong tam giới này, chứ không phải trong trần gian thường tình nữa. Chúng ta tiếp nhận được giáo lý tự do giải thoát đó thì mới hy vọng chúng ta thông cảm được, nếu không là chúng ta từ trước tới giờ bị chới với.

Từ xưa tới giờ chúng ta đã từng học đạo theo kiểu một là phải đúng, hai là sai; một là thanh tịnh, hai là ô nhiễm. Tất cả những pháp mà chúng ta thấy được, nghe được, ngửi được, nếm được đều là vô thường, là huyễn hóa, là nhân duyên, là giả hợp v.v. Nếu học cao hơn chút nữa là Tự Tánh không. Nhưng tới vị trí của Kinh Lăng Nghiêm hơi vượt tầm, Đức Phật không nói những chuyện đó nữa: Tất cả các pháp đều là Phật Pháp, tất cả các pháp đều là thanh tịnh bản nhiên trùm khắp pháp giới. Những cái mà quý vị đang cảm nhận ngay tại đây và bây giờ đều là thanh tịnh bản nhiên trùm khắp pháp giới, không có gì thay đổi. Toàn vũ trụ này là toàn tri thanh tịnh không hề có sự nhiễm nhơ. Nếu chấp nhận được thì hy vọng học Kinh Lăng Nghiêm chúng ta mới hiểu, còn ngay đây chấp nhận không nổi thì giống như ngài Phú Lâu Na nói***: "giống như người điếc ở cách xa ngoài trăm bước, mà nghe tiếng muỗi mòng, vốn đã chẳng thấy, huống chi được nghe"*** trơ trơ không biến chuyển.

Có những bài pháp mà chúng ta chỉ cần nghe một câu là gần như mình bị chấn động hoàn toàn. Một sự rung động để chúng ta có thể nổ tung ra. Đó là tiềm lực của Pháp chuyên môn. Muốn như vậy thì chúng ta phải để mình ở chỗ rỗng lặng. Đơn giản là mình rỗng lặng thôi, đừng có làm thêm cái gì. Chúng ta cứ thả lỏng buông thư ngay tại đây và chúng ta chỉ ở đây không có chuyện khác, không có chuyện hồi nãy,

không có chuyện sắp tới. Chúng ta chỉ là người đang hiện hữu ngay tại đây và bây giờ, thì mỗi mỗi đến chúng ta rõ biết cái trong lặng sáng ngời này, nó luôn như vậy lúc nào chúng ta cũng trong lặng sáng ngời, mãi mãi cuộc đời chúng ta chỉ là sự trong lặng sáng ngời đó là đúng, là chúng ta đang ở trong nhà của chính mình. Nhà mình là nhà thanh tịnh, tuyệt diệu trùm khắp pháp giới.

Nếu chúng ta một phen nhận ra được cái thanh tịnh trùm khắp pháp giới thì gặp bất cứ tình huống khổ đau nào xảy ra trong đời chúng ta cũng như ngài Huyền Giác nói: "Ta nghe như uống nước cam lồ vậy". Mặc người chê, mặc kẻ dèm, tiêu rất nhanh. Qua tai chúng ta liền thanh tịnh, qua mắt chúng ta liền thanh tịnh, qua lục căn chúng ta liền thanh tịnh. Người tiếp nhận đạo lý họ có cuộc sống rất kỳ diệu, mặc dù gặp chuyện họ có thể rớt nước mắt, nhưng vừa xong chuyện đó là sạch sẽ. Họ có thể xúc động mạnh hơn người bình thường, nhưng vừa dứt là sạch sẽ nơi tâm, thanh tịnh tuyệt đối.

Đó là cảnh giới của người thực sự chuyên môn. Họ có thể rung cảm trước đóa hoa đang nở rộ trong buổi sáng, không phải là hoa họ chọn lọc. Chúng ta có thể chọn hoa mai, hoa sen, hoa cúc, hoa huệ, các hoa đẹp để chúng ta có thể ngắm. Nhưng cái đẹp đó là khuôn thước mà chúng ta đã chọn lựa. Người thực sự tâm không có chọn lựa, họ sẽ rung cảm với đóa hoa dại giữa rừng với đầy sự kính trọng.

Cho nên trong đời sống sinh hoạt hiện tiền này, mình đi đâu, mình ở đâu, mình tiếp xúc với ai, ở trong hoàn cảnh nào mà mình không có sự rung động đầy lòng tôn kính thì biết lúc đó chúng ta đang ở trong khung sáo, chưa sống đúng với

chân lý. Người sống đúng với chân lý là từng sát na một họ rung cảm một cách tuyệt đối. Sự rung cảm đó đưa họ tới cảnh giới an lạc, phúc lạc tuyệt đối. Gần như cả đời họ đều ở trong phúc lạc vô biên đó, không ra được. Khi nhận ra được chân lý là họ không ra được chỗ này mà người còn khung sáo hiểu không nổi.

Không phải ngài Phú Lâu Na không hiểu, nhưng Ngài đặt câu hỏi giùm chúng ta. Ngài đại diện cho chúng sanh còn mù mịt mà đảnh lễ thưa Đức Phật, để chúng ta tạm thời thông cảm được, chấp nhận được với nhau. Thời chúng ta nếu một người có thể thấu được Kinh Lăng Nghiêm thì phải nói khó có trong trần gian này, khó lắm, mỗi thời đại kiếm chừng năm người thấu hiểu Kinh Lăng Nghiêm thôi đã là khó. Và chúng ta cũng không tủi thân nữa vì mình đã từng nghe đi nghe lại Kinh Lăng Nghiêm nhiều lần mà chưa thay đổi gì, chưa nổ tung mình ra, chưa có chết mình một lần thì mình có thể đồng cảm với ngài Phú Lâu Na trong lúc này.

Ngài Phú Lâu Na so sánh: ***"Như nhóm ông A Nan tuy đã khai ngộ mà chưa trừ được tập khí hữu lậu."*** Có nghĩa là ngài A Nan còn có thể rung động với Ma Đăng Già, tình cảm còn nguyên đó, mới vừa dính mắc bây giờ lại ngộ đạo, ai chịu nổi điều này? Tin nổi điều này chúng ta mới thấy rằng Phật Pháp quá kỳ diệu! Tức là đến chỗ cực khổ là họ sẽ nhận được cực vui liền, nếu đủ duyên lành. Ai đã từng nhiễm trước trong trần gian này thì không phải là điều xấu, đã từng sống trong hoàn cảnh vẩn đục trong trần gian đó là chuyện rất bình thường. Nếu đủ cơ duyên, tất cả những người ở trong hoàn cảnh đó, một sát na họ có thể thành Thánh liền (như ngài A Nan).

Có một điều kỳ diệu là người đã ngộ thì những tập khí hữu lậu không còn sức cuốn hút người đó, không còn khuấy nhiễu người đó, không còn khuấy động người đó và không làm cho người đó bất an nữa. Còn chưa ngộ đạo thì dù có cố gắng công phu, cố trì giới, cố gò ép mình thì thẳm sâu mình vẫn bị dính mắc, không thoát được. Một phen chúng ta đã phá vỡ khung sáo rồi thì tất cả những vướng mắc trong trần gian không còn đủ sức vướng người đó trở lại. Nếu chúng ta chưa có lần phá vỡ khung sáo thì dù chúng ta có làm cách nào đi nữa, chúng ta cũng ở chỗ trói buộc. Đây là điều khác nhau của người ngộ đạo và chưa ngộ đạo.

Ở đây ngài Phú Lâu Na so sánh Ngài đã chứng quả A La Hán, đã dứt hết lậu hoặc sanh tử trong tam giới mà chỗ này Ngài không biết. Câu nói này rất chân thành, rất chân tình, rất đúng đắn và không sai. Đây không phải là sự phân cao thấp của tông phái. Kinh Lăng Nghiêm không hề có ý hạ thấp con đường nhị biên của Nhị thừa, không có ý hạ thấp vị chứng quả A La Hán. Nhưng ở đây muốn nói đến sự thật, một người cả đời đi theo con đường khung sáo để đạt được quả vị trong khung sáo đó, là người chưa đủ sức phá vỡ khung sáo để đi ra thì không đủ sức tiếp nhận Kinh điển Đại thừa.

Từ trước tới giờ chúng ta quen với kiểu này là đúng, kiểu kia là đúng, tu như thế này mới là phải, tu thế kia là trái, làm như thế này mới đúng chân lý, tu sĩ phải thế này, phật tử phải thế kia… Và nếu chúng ta răm rắp cả cuộc đời theo những cái phải đó, thì cuối đời người đó phải ở trong cái chỗ phải và quấy mà thôi, không ra được. Chúng ta phải mạnh dạn, phải tự giẫm bể khung sáo bước ra, tự đạp bể hư không để tự tại ngoài tam giới này thì hy vọng tiếp nhận được giáo

lý Đại thừa. Đây là điều rất khó!

Tất cả các vị trong hệ thống Nguyên Thủy không chấp nhận đoạn này. Chúng tôi muốn lý giải để thấy rằng hệ thống Kinh Nguyên Thủy của Đức Phật và hệ thống Kinh Đại thừa phát triển không hề có sự sai biệt nhau, chỉ có khác ở chỗ nhận định tu tập mà thôi. Ví dụ một người tu theo Nhị thừa nhìn tất cả các pháp là vô thường, là nhân duyên, nhưng người tu theo Đại thừa thì các pháp là thường, không phải là vô thường. Thân đối với Nhị thừa là bất tịnh, nhưng đối với Đại thừa là tịnh. Tâm đối với Nhị thừa là vô ngã, nhưng đối với Đại thừa là chân ngã. Khác nhau ở cái nhìn thôi có thể đổi hàng tỷ kiếp trong sanh tử. Không phải một đời mà chúng ta có thể thay đổi được cái thấy nhìn. Nên trong đời này ai nghe Kinh điển của đạo Phật, chúng ta phá vỡ được chấp trước của mình là duyên lành ngàn kiếp chớ không phải một đời đâu.

Từ trước tới giờ chúng ta hiểu theo kiểu học thức thế gian, thường tình là tất cả các pháp đều vô thường, cao chút nữa là tất cả các pháp là nhân duyên. Nhưng nếu chúng ta chấp nhận các pháp là chân thường, thì đó là nhân lành ngàn kiếp của chúng ta, không phải một đời, ít ra họ đã tu hơn một ngàn kiếp rồi. Nếu chấp nhận tất cả các pháp là Phật pháp, tất cả pháp giới là thanh tịnh bản nhiên, không hề bị ô nhiễm là người đó trải qua tám đại a tăng kỳ kiếp mới đủ sức tương ưng thông cảm một cách tuyệt đối.

Kinh điển Đại thừa thấy thì rất dễ với người tự rơi rụng khung sáo, nhưng vô cùng khó khăn cho tất cả những người không thể phá vỡ được mình. Với chúng ta khung sáo trở thành tường thép vách đá, nó tự giam hãm mình trong đó, nhưng chúng ta thích như vậy, vì nếu có bốn bức tường thành

chúng ta cảm thấy bình yên. Nhà mà đóng cửa đàng hoàng, có người gác cổng chúng ta cảm thấy bình yên lắm, nhưng ngủ giữa rừng xanh là không yên nổi. Nhưng ở ngoài trời nắng táp mưa sa mà chúng ta chịu được đó mới là người mạnh mẽ, còn người ở trong nhà kín chưa chắc có sức khỏe tốt. Người dám phá vỡ khung sáo trần gian này bước ra là người hết sức mạnh mẽ. Đó là tiếng gầm của sư tử, là những dẫm đạp của voi chúa, chớ không phải bình thường. Những loài chồn, cáo, dã can… không đủ sức này.

Kinh Lăng Nghiêm không có ý chê trách, không có ý hạ thấp những vị chứng quả A La Hán. Quả vị A La Hán là một Thánh quả thì không phải tầm thường. Lối lý luận này đại diện cho người còn kẹt trong khuôn sáo; còn thấy nhìn có đúng, sai, hay, dở; các pháp là vô thường, các pháp là nhân duyên, các pháp là giả có… Ngài Phú Lâu Na đại diện cho tất cả những người còn ở bên đây bờ ý thức đứng ra trình bày thắc mắc với Đức Phật, chứ ở đây không có sự xúc phạm nhau về quả vị, về tông phái.

Kinh Lăng Nghiêm muốn nói lên sự thật chân lý, nên lối diễn đạt để khai mở chúng ta thoát ra khỏi khung sáo, hòa nhập vào chân lý vũ trụ, chứ không có ý khác. Những người từng học theo kiểu khung sáo, đọc tới đây rất tự ái, nhất là hệ thống tu tập Nguyên Thủy. Chúng tôi xin gởi lời tới các vị là Kinh Lăng Nghiêm không hề có ý xấu đó, không phải chê quả vị A La Hán thấp. Tất cả Thánh hiền không hề chê trách nhau, nếu còn chê trách nhau thì đó không phải là Thánh hiền. Ngài Phú Lâu Na đại diện cho tất cả những người còn ở bên đây bờ ý thức, chưa đủ sức phá vỡ mình, chưa đủ sức vượt thoát ngoài tam giới, chưa đủ sức đạp vỡ hư không này thoát ra, đang thắc

mắc. Trong đó có chúng ta ở đây là những người còn đang mù mịt, nên chúng ta đồng cảm với cái thấy đó là thắc mắc của chính mình, không phải chỉ của ngài Phú Lâu Na. Tất cả chúng sanh trong tam giới này chưa phá vỡ được mình đều có cái ray rứt đó.

VĂN KINH

Đoạn 2: Thiết lập hai điều nạn vấn

Chi 1. Hỏi về Chân tâm thanh tịnh bổng sinh

Bạch Thế Tôn, lại nếu tất cả các thứ căn, trần, ấm, xứ, giới v.v… trong thế gian đều là Như Lai tạng bản nhiên thanh tịnh, cớ sao bỗng sinh ra núi, sông, đất liền và các tướng hữu vi thứ lớp đổi dời, cuối cùng rồi trở lại chỗ bắt đầu?

Chi 2. Hỏi về các đại không trùm khắp

Lại nữa, đức Như Lai nói đất, nước, lửa, gió bản tính viên dung khắp giáp cả pháp giới vắng lặng thường trụ. Bạch Thế Tôn, nếu tính đất trùm khắp, thì làm sao dung chứa được nước? Nếu tính nước trùm khắp thì lửa không thể sinh, lại làm sao chứng tỏ hai tính nước và lửa đều khắp giáp cả hư không, mà chẳng lấn diệt lẫn nhau? Bạch Thế Tôn, tính đất thì chướng ngại, hư không thì rỗng suốt, làm sao cả hai đều trùm khắp pháp giới?

Nay con không biết nghĩa ấy thế nào, cúi mong đức Như Lai mở lòng đại từ vén mây mê mờ cho con và tất cả Đại chúng. Nói lời ấy rồi, năm vóc gieo xuống đất, kính mong lời dạy từ bi vô thượng của đức Như Lai.

Ngài Phú Lâu Na thắc mắc một điều hết sức tuyệt vời,

điều thứ nhất: **"*Bạch Thế Tôn, lại nếu tất cả các thứ căn, trần, ấm, xứ, giới v.v. trong thế gian đều là Như Lai Tạng Tâm bản nhiên thanh tịnh, cớ sao bỗng sinh ra núi sông, đất liền và các tướng hữu vi thứ lớp đổi dời, cuối cùng rồi trở lại chỗ bắt đầu".*** Đức Phật nói tất cả cái thấy biết của sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý), sáú trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), ngũ ấm (sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm, thức ấm), mười hai xứ gồm sáu căn và sáu trần là (nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, ý nhập) và mười tám giới gồm sáu căn, sáu trần và sáu thức là (nhãn thức giới, nhĩ thức giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới, thân thức giới, ý thức giới) đều là thanh tịnh bản nhiên rồi, mà sao lại sanh ra núi rừng, đất đai, cây cỏ, lá hoa, nhà cửa, sanh ra con người mà chúng ta đang thấy đây? Rồi cuối cùng nó lại trở về với chỗ bắt đầu? Thanh tịnh thì thanh tịnh luôn đi tại sao lại sanh ra như vậy?

Thắc mắc thứ hai: ***"Lại nữa, đức Như Lai nói đất, nước, lửa, gió bản tính viên dung khắp giáp cả pháp giới vắng lặng thường trụ. Bạch Thế Tôn, nếu tính đất trùm khắp, thì làm sao dung chứa được nước? Nếu tính nước trùm khắp thì lửa không thể sinh, lại làm sao chứng tỏ hai tính nước và lửa đều khắp giáp cả hư không, mà chẳng lấn diệt lẫn nhau? Bạch Thế Tôn, tính đất thì chướng ngại, hư không thì rỗng suốt, làm sao cả hai đều trùm khắp pháp giới?"***

Nếu tính nước trùm khắp thì lửa không thể sinh ra được. Lửa với nước không thể đan xen với nhau được, đất cũng không thể đan xen với lửa với nước được, đất là vật ngăn bít không thể đan xen với gió được, thế mà Đức Phật lại nói

tứ đại bản tính viên dung trùm khắp pháp giới, vắng lặng thường trụ thì điều này khó hiểu, khó tin và khó chấp nhận. Đây là thắc mắc rất hay trong suốt bản Kinh Lăng Nghiêm này.

Đức Phật ví dụ: Lửa là thanh tịnh bản nhiên trùm khắp pháp giới, tùy theo nghiệp chúng sanh mà hiện theo cái tâm mong cầu đó. Giữa hư không này nếu chúng ta muốn đốt vật gì, chỉ cần bật hộp quẹt lên là nó cháy. Nếu cần lửa đốt điếu thuốc, thì chúng ta bật hộp quẹt lửa chỉ đủ cháy điếu thuốc cho chúng ta hút. Tùy theo nghiệp chúng sanh, tùy theo lúc đó chúng ta hiện khởi cái gì thì loại đó hiện ra. Chúng ta bật hộp quẹt bên trái, bên phải, đằng trước, đằng sau, trong, ngoài, bậc quẹt khắp nơi trong hư không này đều có lửa, như vậy là lửa trùm khắp pháp giới.

Nước cũng vậy, các nhà đại huyễn thuật như tiên Ca Tỳ La, Chước Ca La và Bát Đầu Ma, Ha Tát Đa v.v… muốn cầu nước thái âm tinh, dùng để hòa với thuốc huyễn thuật. Các vị tiên ấy vào đêm trăng sáng, tay cầm hạt châu phương chư, hứng lấy nước trong ánh mặt trăng. Ngọc phương chư nếu để ở khắp thế giới này thì đều có nước tràn ngập thau như vậy. Gió, đất cũng vậy; chỗ nào cũng có đất, có nước. Đất, nước, gió, lửa trùm khắp viên dung thật sự. Ngài Phú Lâu Na thắc mắc tại sao nó viên dung, tại sao nó trùm khắp? Chúng ta sẽ nghe Đức Phật trả lời ở phần sau. Đó là hai câu thắc mắc rất chí lý của những người chưa phá vỡ được tâm thức.

VĂN KINH

Đoạn 3: Phật hứa sẽ tuyên nói nghĩa thù thắng bảo đại chúng hãy lắng nghe

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn bảo ông Phú Lâu Na và các hàng lậu tận vô học A La Hán trong hội rằng: "Hôm nay Như Lai khắp vì trong hội này tuyên nói tính chân thắng nghĩa trong pháp thắng nghĩa.

Khiến cho hàng định tính Thanh Văn trong hội và hết thảy các bậc A La Hán chưa được hai pháp nhân không, pháp không, phát tâm hướng về thượng thừa, đều được chỗ tu hành chân chính, thiết thực không xao động của cảnh giới tịch diệt nhất thừa. Nay ông hãy lắng nghe kỹ, tôi sẽ vì ông tuyên nói."

Ông Phú Lâu Na v.v… im lặng cung kính chờ nghe pháp âm của Phật.

Đoạn 4: Nêu bản tính để chỉ rõ căn nguyên hư dối

Chi 1. Nêu bản tính

Phật bảo: "Phú Lâu Na, như lời ông hỏi, tính bản nhiên thanh tịnh, vì sao bỗng sinh ra núi, sông, đất liền. Ông chẳng thường nghe Như Lai chỉ dạy, Tánh giác Diệu minh, bản Giác minh diệu hay sao?"

Ông Phú Lâu Na thưa: "Đúng như thế. Bạch Thế Tôn, con thường nghe Phật dạy nghĩa ấy."

Chi 2. Gạn hỏi tính minh làm vọng

Phật hỏi: "Ông bảo cái giác minh, là vì bản tính nó là minh, nên gọi là giác, hay là vì cái giác chẳng minh mà gọi là minh giác?"

Ông Phú Lâu Na thưa: "Nếu cái chẳng minh đó gọi là giác, thì không có sở minh."

Phật dạy: "Nếu không có sở minh là không có minh giác, còn có sở minh thì không phải là giác; không sở thì

không phải minh, không minh lại chẳng phải Tánh giác trạm minh. Tánh giác hẳn là minh, do vọng làm thành minh giác." Giác không phải là sở minh, nhân minh mà lập sở, sở đã vọng lập liền sinh cái vọng năng nơi ông.

Đức Phật hứa sẽ trả lời hai câu hỏi thắc mắc đó. Đức Phật tháo gỡ từ từ cho chúng ta thấy: *"**Phú Lâu Na, như lời ông hỏi, tính bản nhiên thanh tịnh, vì sao bỗng sinh ra núi, sông, đất liền. Ông chẳng thường nghe Như Lai chỉ dạy, Tánh giác Diệu minh, bản Giác minh diệu hay sao?"***

Từ xưa tới giờ chúng ta hiểu lầm cho rằng, trong bản nhiên thanh tịnh đó là nó thanh tịnh chớ chẳng biết gì hết. Như kiểu chúng ta tu tập là muốn cho sạch hết các vọng tưởng để tâm rỗng lặng hoàn toàn tuyệt đối, cho rằng lúc đó mình thanh tịnh. Nhưng đó có đúng thanh tịnh chưa? Như trời sạch hết mây chỉ còn hư không xanh vờn thì đẹp, nhưng ai có thể sống nổi? Nếu trời trong hoài, không có mây mù kéo tới thì chúng ta không hề có giọt nước nào để sống đâu!

Đức Phật muốn nói tánh giác là Diệu minh nhưng Bản Giác nó là Minh diệu, tức là Chân không mà Diệu hữu. Cái Chân không không thuần túy là cái không rỗng lặng, cũng như nếu chúng ta thật sự là thanh tịnh thì chúng ta có thể nói, có thể cười, có thể nhảy, múa, có thể đi, đứng, có thể làm tất cả mọi việc nhưng vẫn thanh tịnh. Đó là cái Diệu minh của chúng ta.

Tánh Giác nó vốn là minh nhưng mà nó sanh ra mọi vật. Tức là từ chỗ Chân không sanh Diệu hữu, chứ không phải chỗ đó hoàn toàn không có gì. Nếu người nào đạt tới chỗ thanh tịnh mà không có gì là đã đi sai đường Đức Phật dạy. Chúng ta ngồi cố đè nén để sạch những ý niệm, sạch những vọng tình

thì xin thưa rằng đó không phải chỗ Đức Phật dạy. Đức Phật dạy cái thanh tịnh của chúng ta nó có đầy đủ không thiếu sót, mới là thanh tịnh thật. Ví dụ chúng ta đang thanh tịnh rõ biết, thì không có âm thanh nào xung quanh mà chúng ta không rõ biết. Âm thanh micro, âm thanh của tiếng chim hót, âm thanh của quạt, tất cả mọi âm thanh chúng ta rõ biết, không thiếu cái nào, đó mới là thanh tịnh thật. Còn thanh tịnh mà không biết gì hết, theo kiểu nhập định là chết cứng như ngài Phú Lâu Na nói đó là điều sai lầm.

Đức Phật nói khắp vụ trụ này tùy theo nghiệp chúng sanh mà nó hiện hữu. Ví dụ tất cả chúng ta đều là con người ở đây, nhưng tám tỷ người trên thế giới này cái mặt khác nhau đâu ai giống ai. Cho dù cha mẹ sanh đôi hai cái mặt giống nhau y như đúc, nhưng vẫn có cái khác nhau như lỗ tai người này lớn hơn người kia một chút, tóc người này dày hơn tóc người kia một chút, người này da trắng người kia đen hơn một chút, người này cao hơn người kia lùn hơn một chút, tay người này lớn hơn người kia tay nhỏ hơn. Tức là nghiệp cảm hai người khác nhau, cho nên họ mới thu gom tứ đại cho chính bản thân họ không đồng nhau.

Tất cả sơn hà, đại địa này có ra do đâu? Đức Phật sẽ trả lời tiếp, đầu tiên Đức Phật muốn nói tới giá trị thật của Chân Tính là chỗ Chân không mà là Diệu hữu có thể sanh ra sơn hà, đại địa, đất đai, cây rừng, cỏ lá, chứ không phải là cái chết khô không có gì. Nếu đạt tới cảnh giới chết khô không có gì thì đừng tu nữa và tôi cũng không theo đạo Phật. Nhưng vì cái Chân không này quá vi diệu đi, nên nói là Tánh giác Diệu minh, Bản Giác minh diệu, cái minh đó sanh ra nhiều diệu dụng. Từ chỗ rỗng lặng thênh thang chúng ta có thể nói,

có thể cười, có thể làm tất cả mọi điều trong tam giới này, đó là diệu dụng hà sa của Chân Tánh. Chúng ta phải thấy sự diệu dụng này thì mới thông cảm được, còn nói nó thanh tịnh trùm khắp pháp giới là không còn cái gì, đã thanh tịnh rồi thì không cử động gì được, thanh tịnh khô khan, thanh tịnh chết lỳ là người đó không hiểu được giá trị thật Niết Bàn của đạo Phật.

Người đã nhập pháp giới Tánh họ linh thông hơn người bình thường. Họ có thể rung cảm trước làn gió nhẹ, họ cảm nhận hạnh phúc vô biên khi nhìn thấy hạt cát trước mặt mình. Họ luôn là người rung cảm linh thông, họ không có chết cứng. Người tu sĩ hay cư sĩ mà tu một thời gian thấy gò gò cứng cứng là họ đã đi lệch rồi. Người tu càng công phu sâu chừng nào, phá vỡ khung sáo nhiều chừng nào thì họ càng thoải mái chừng đó. Khi tiếp xúc với người có đạo lý thật, chúng ta thấy ở nơi họ hoàn toàn không có chỗ khung sáo để cho mình phải ngăn ngại. Họ cởi mở một cách tuyệt đối trong mọi lãnh vực đời sống này. Họ thâm nhập trong tất cả cảnh giới tự do tự tại không dính lại. Cho nên người ngộ Chân Tính mà còn khung sáo là không phải. Còn có ước định gì cho đời sống mình, cho người bên cạnh mình là không phải. Còn có cách dạy bắt người ta phải thế này, thế kia, là không phải. Đạo Phật không hề có những điều này. Tự Tánh này linh diệu, linh thông, huyền diệu, nhiệm màu, không phải là cái chết cứng.

VĂN KINH

Chi 2. Gạn hỏi tính minh làm vọng

Phật hỏi: "Ông bảo cái Giác minh là vì bản tính nó là minh, nên gọi là giác, hay là vì cái giác chẳng minh mà gọi là minh giác?"

Ông Phú Lâu Na thưa: "Nếu cái chẳng minh đó gọi là giác, thì không có sở minh."

Phật dạy: "Nếu không có sở minh là không có minh giác, còn có sở minh thì không phải là giác; không sở thì không phải minh, không minh lại chẳng phải Tánh giác trạm minh. Tánh giác hẳn là minh, do vọng làm thành minh giác." Giác không phải là sở minh, nhân minh mà lập sở, sở đã vọng lập liền sinh cái vọng năng nơi ông.

Đức Phật hỏi cái Giác minh này bản tánh nó minh mà gọi là giác, hay bản tánh nó chẳng minh mà gọi là giác? Ngài Phú Lâu Na thưa: Nếu cái chẳng minh đó mà gọi là giác thì không có sở minh.

Cái đèn sáng là vốn nó tự sáng cho nên gọi nó là sáng, hay nó không sáng mà gọi nó là sáng? Nếu cái không sáng mà mình gọi là sáng thì nó không có cái năng và sở. Cho nên cái minh là minh chứ không có đối tượng. Cái sáng của mình là nó vốn tự sáng chứ nó không cần cái gì để nó sáng. Nếu có cái gì để nó sáng là đã có năng, có sở.

Đức Phật muốn chỉ một điều là cái tri đang hiện hữu của mình tại đây, nó không cần cái gì hết mà nó cũng tự tri. Nó không cần cái gì hết mà tất cả những gì rớt trong đó nó đều rõ biết. Không cần bất kỳ đối tượng âm thanh nào, nhưng tất cả âm thanh rớt vào chân trời rõ biết của chúng ta thì chúng ta tự rõ biết mà không cần một tí công phu nào, đó mới là cái minh thật. Minh không năng không sở. Đến một lúc nào đó, hành giả công phu theo Đạo Phật đạt tới cảnh giới không năng không sở, toàn tri hiện hữu là chúng ta đang đúng. Còn chúng ta đang tri cái gì thì biết lúc đó chúng ta còn đang năng sở. Đây là chỗ hết sức chuyên môn.

Nếu mình còn thấy cái gì đó thì còn năng còn sở, còn ta còn người, còn ngã còn pháp nguyên đó. Khi nào chúng ta chỉ là toàn tri hiện hữu mà thôi, tất cả những năng sở đều tan biến thì minh đó mới thật là minh, minh không có minh mới thật là minh. Còn minh mà có chỗ minh thì minh đó không thật.

Học Kinh Lăng Nghiêm chúng ta sẽ tỏ thông chỗ này. Chính ngài Phú Lâu Na cũng hiểu điều Đức Phật muốn nói ngay tại đây. Hiểu chỗ không có giác mà gọi là minh thì không có sở để mình minh. Tức là minh không có cái minh và cái bị minh, minh là minh. Rõ là rõ, chứ không phải là rõ cái gì. Khi tu tập chúng ta ở trong trạng thái chỉ là sáng thôi mà không cần sáng cái gì hết, nó chỉ thuần là sáng. Chúng ta tri chỉ thuần là tri, không cần tri cái gì, nhưng không có cái gì mà không tri.

Đó gọi là Chân không mà Diệu hữu. Minh không sở minh mà là thường minh, đó là minh thật. Giác không sở giác mà là thường giác, đó mới là giác thật. Không có sở giác mà không có cái gì là không giác. Không có đối tượng nhưng mà không có hình tướng nào mà chúng ta không rõ. Nếu chúng ta ngồi đây để rõ cái gì là chúng ta đang sai lầm. Đó là điều Đức Phật gợi ý để ngài Phú Lâu Na thấy ra vấn đề.

"Nếu không có sở minh là không có minh giác, còn có sở minh thì không phải là giác; không sở thì không phải minh, không minh lại chẳng phải Tánh giác trạm minh. Tánh giác hẳn là minh, do vọng làm thành minh giác."

Nếu không có sở minh là không có minh giác, tại vì cái giác của chúng ta gọi là minh giác thì phải có điều gì để chúng ta giác? Nếu không có sở tức là không có ngã, không

có nhơn. Ngày nào chúng ta thấy không còn đối tượng nữa, thì biết rằng chúng ta đã tan mất ngã rồi, đó là ý Đức Phật muốn nói.

Nếu không có sở thì không có minh giác, tức là không có đối tượng để chúng ta giác. Người đã đạt tới cảnh giới không còn đối tượng ở chỗ này thì người đó là thật giác, còn có đối tượng thì không phải giác. Có đối tượng là có ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả; vẫn còn ở trong tứ tướng. Nếu không có sở minh thì không có minh giác.

Nếu còn có sở minh thì không phải giác, tức là còn có chỗ để mình rõ thì chỗ đó không phải là giác ngộ. Nếu ai công phu đến đoạn thấy chỗ này là đạo, chỗ này là đúng, chỗ này là chỗ mình tới. Mình hiểu đạo, hiểu đúng, chỗ này là thanh tịnh thì đó vẫn không phải, vì căn có chỗ để mình thanh tịnh, có chỗ để mình thấy biết, có chỗ để mình giác thì chỗ đó không phải là giác.

Chúng ta khó hiểu điều này. Từ xưa tới giờ mình biết là phải biết điều gì, mình thấy là phải thấy cái gì, mình nghe là phải nghe cái gì, mình hiểu là phải hiểu cái gì… Nếu không có cái gì để mình hiểu mà gọi là mình biết thì khó tin quá, khó hiểu và thực sự khó chịu nữa.

"Còn có sở minh thì không phải là giác": Giác thì không có chỗ để gọi là giác, không có chỗ để giác đó mới là toàn giác. Đã là toàn giác thì không còn đối tượng. Như mặt trời đã hiện lên rồi, thì chúng ta có gọi mặt trời rọi bóng tối không? Mặt trời hiện lên là toàn sáng, không nói mặt trời soi sáng cái gì cả. Mà chỉ là cái sáng không đối tượng, cái gì rớt trong tầm sáng đó nó tự bị soi rõ để nó thành sáng với ánh sáng mặt trời, không phải mặt trời đi rọi bóng tối, không phải

mặt trời rọi quả địa cầu để chúng ta được sáng. Ngược lại, nhờ ánh sáng mặt trời cho nên mình được sáng là mình còn đối tượng, còn ngã, còn pháp.

Nếu mình thực sự không còn ngã, không còn pháp, thì mình là cái sáng. Cái gì rớt vào vùng sáng đó thì tự bị nhuốm sáng bởi ánh sáng của chính mình. Khi một phen họ nhận đạo lý rồi thì không cần phải tu để từ từ khử vọng niệm này, khử vọng tưởng kia, nhưng tất cả những ý niệm tham sân xảy ra tự bị nhuốm sáng bởi ánh sáng giác ngộ của chính mình. Đây là điều hết sức kỳ diệu và linh thông. Không còn ngồi lim dim giải quyết từng ý niệm mà nằm ngủ đi nữa tất cả những ý niệm xảy ra tự bị nhuốm sáng bởi ánh sáng trí huệ, đó là con đường đúng. Còn ngồi mà hơn thua vọng tưởng thì phải xét lại.

Như người đi trong đêm tối lấy đèn pin rọi chỗ này thì sáng một chút, rọi chỗ kia thì sáng một chút, rút đèn pin ra thì tối trở lại. Suốt đời chỉ đi tìm một khe ánh sáng nhỏ. Người một phen giác ngộ thì toàn vô minh đều thành minh, toàn nghiệp chướng biến thành không.

Đức Phật nói: Còn có sở minh thì không phải là giác. Ngài Phú Lâu Na không phải là người bình thường đặt câu hỏi này, mà tại vì hồi trước Ngài đã thấy A Nan ngộ rồi, nhận Tánh rồi nên Ngài muốn kiểm tra lại xem Ngài A Nan đã thật ngộ chưa. Đây là lối lý luận rà soát lại cái chỗ ngộ trước của Ngài A Nan, mà chính Đức Phật cũng thấy được điều này, thầy trò hiểu nhau. Đức Phật muốn tẩy trừ vi tế hoặc cho ngài A Nan trong bài kệ trước, nên Đức Phật mới dạy điều này. Nếu ông nói ông ngộ đạo mà cái chỗ ngộ của ông còn đối tượng, còn ngã, còn nhân là chưa phải. Đức Phật đang dạy một cách khéo léo cho ngài A Nan và Đại chúng.

Nếu còn một chỗ để mình minh, còn một đối tượng để mình phải biết, thì mình không phải thực sự là người giác ngộ. Minh không có sở, đã có sở rồi thì không thật minh, nhưng không có cái nào mà không minh. Vì do minh khắp cho nên không còn sở, không còn chỗ để đối tượng. Vì mặt trời đã sáng khắp cho nên không còn đối tượng tối đối với mặt trời. Mặt trời đã mọc ra rồi thì không có chỗ nào không sáng. Đó là sự thật.

"Không sở thì không phải minh, không minh lại chẳng phải Tánh giác trạm minh. Tánh giác hẳn là minh, do vọng làm thành minh giác."

Tánh giác của mình nó vốn là sáng, nhưng vọng tình xảy ra cho nên nó giác cái vọng tình đó. Từ chỗ minh kia hiện hữu cái gì, thì cái đó tự động bị nhuốm bởi ánh sáng của minh. Một người bên ngoài có thể nói là chúng ta đang minh cái đó, đang giác cái đó. Ý niệm là si mê, cái nhận rõ ý niệm là giác, là minh, là cái sáng. Vốn nó là đang minh, nên cái gì hiện trong minh thì nó bị minh, coi như là có giác và có minh, có người giác và có người bị giác.

"Giác không phải là sở minh, nhân minh mà lập sở. Sở đã vọng lập liền sinh cái vọng năng nơi ông vậy."

Cái giác đó nó không có chỗ để bị giác, nó không phải là đối tượng để giác cái bị. Ví dụ chúng ta thấy một cái hoa trước mặt, thì hoa trở thành đối tượng với chính mình, nhưng cái thấy của chúng ta nó có cần cái thấy hoa đó không? Không cần. Tất cả cái bị thấy rớt vào tầm thấy của mình là mình tự rõ biết, mình không cần thấy cái gì. Chúng ta không cần đối tượng mà chúng ta vốn có cái thấy rồi. Cũng như âm thanh cũng không phải đối tượng để mình nghe. Nếu mình vượt

thoát khỏi khái niệm đối tượng để nghe âm thanh thì chúng ta mới thông cảm được điều này.

Quý vị đang nghe âm thanh tôi nói, âm thanh này nó đi tới tai quý vị hay lỗ tai quý vị tới âm thanh để nghe? Có phải quý vị đang ngồi đó nghe âm thanh chúng tôi đang nói hay không? Chúng ta từ xưa tới giờ quan niệm cái thấy của mình đang thấy vật trước mặt, tai mình đang nghe âm thanh xung quanh, mình đang ngồi đây để nghe rất nhiều, nên chúng ta phải xác định lại có phải mình ngồi đây để mình nghe âm thanh không? Nếu cho rằng mình ngồi đây để nghe âm thanh, thì đó là kiến giải của phàm phu.

Trong một sát na hiện tiền này âm thanh trước mặt quý vị, bên phải, bên trái, sau lưng, trên dưới, lớn nhỏ một lượt xảy ra ở xa và ở gần, chúng ta đều nghe một lượt, không trước không sau. Trong một sát na xảy ra hàng tỷ âm thanh, hàng tỷ hướng chúng ta đồng nghe một lượt và chúng ta nhận định đúng vị trí của từng âm thanh. Âm thanh bên phải chúng ta biết âm thanh động bên phải, âm thanh bên trái chúng ta biết âm thanh động bên trái, ở đằng trước chúng ta liền biết, ở đằng sau chúng ta liền biết, ở trên chúng ta liền biết, ở dưới chúng ta liền biết. Biết một lượt tất cả vị trí phát ra âm thanh đó.

Bởi vì mình vốn khắp rồi, nên cái gì hiện trong cái khắp chúng ta rõ đúng vị trí đó, không sai biệt. Không phải mình đang ngồi tại đây nghe âm thanh đằng kia, thấy như vậy là chúng ta thấy sai. Thực sự mình đã ở đằng kia mấy vạn kiếp rồi, bây giờ nó lộ ra mình rõ. Chúng ta phải phá vỡ quan niệm mình ngồi đây nghe âm thanh đằng kia, thì chúng ta mới có thể thông cảm được đạo lý Đức Phật đang nói.

Nếu mình ở đằng trước không ở đằng sau, thì làm gì

mình nghe được tiếng động sau lưng mình. Do mình ở khắp nơi nên cái gì hiện trong chân trời khắp đó mình tự rõ. Nhưng nếu nói mình trùm khắp pháp giới sao bây giờ mình nghe rất hạn hẹp. Xa chúng ta năm bảy cây số nói chuyện thì chắc chắn chúng ta không nghe được. Cách chúng ta một trăm mét con ruồi bay chúng ta không nghe được. Lý do tại sao? Do chúng ta bị khằn trong thân căn ngũ uẩn này chưa phá vỡ được, cho nên cái nghe cái thấy của chúng ta không khắp.

Phút chốc nhập tánh là chúng ta phá tan thân tâm ngũ uẩn, các khung sáo trần gian một phen tan biến hoàn toàn thì chúng ta có cảm nhận khắp pháp giới liền. Không phải chỉ cõi này, chỉ quả địa cầu này lơ lửng giữa hư không, mà các dãy ngân hà, thiên hà, những hằng tinh, hành tinh khắp vũ trụ chúng ta rõ biết một lượt, cảm nhận một lượt. Nó quay nhanh quay chậm, các chúng sanh sinh hoạt như thế nào đều được chúng ta rõ một lượt. Khi chúng ta đã phá vỡ khung sáo, phá vỡ cái khằn của thân căn ngũ uẩn này thì phút chốc đó chúng ta sẽ nhận biết được cái phủ trùm pháp giới của chính mình. Mình chính là người đang trùm để rõ tất cả những âm thanh đang hiện ra, mình không phải thân tâm này, không phải mình ở đây đi nghe âm thanh, không phải âm thanh chạy đến cho mình nghe, cũng không phải mình đi tới âm thanh để nghe, mà vốn mình đã khắp, những gì hiện trong cái khắp đó thì mình đang rõ. Trong khoảng không gian hạn cuộc của thân tâm này, thân tâm mở rộng tới đâu thì chúng ta rõ khắp tới đó.

Trong cái hiện hữu của đời sống này, nếu chúng ta có vọng tưởng lên để lập cái gì, thì đó gọi là vọng lập chớ không phải cái thật. Mà đã tạm lập như vậy rồi thì gọi là năng và sở sanh ra nơi tâm chúng ta, chứ vũ trụ này hoàn toàn không có

với một người giác ngộ. Chúng ta thấy có, thấy không là do tâm chúng ta sinh ra. Pháp giới này vốn thanh tịnh, mình thấy không thanh tịnh là tại tâm mình sanh ra.

Mọi cái không phải bên ngoài đem tới, mà chính cái năng cái sở mình tự tạo ra với chính mình. Sự thật mình chỉ là cái minh chứ không có năng và sở. Sự thật chúng ta đã thanh tịnh rồi. Mình tự thấy mình không thanh tịnh nên ráng tu để mai mốt mình được thanh tịnh, thì đó là cái sanh ra nơi tâm thức chúng ta. Ráng công phu lễ lạy, bái sám, tụng Kinh tọa thiền làm đủ điều để mình được thanh tịnh, đó là tự mình ràng ép mình ở chỗ không thanh tịnh. Ráng làm cho mình thanh tịnh là tại mình muốn cực, mình không muốn yên. Làm được như vậy năm năm, bảy năm, hai mươi năm mình thấy mình thanh tịnh, thì cái thanh tịnh đó rất là nhỏ, đủ trong kiến thức mình đang thấy, trong cái quy định của chính mình mà thôi, không phải cái thanh tịnh thật. Thanh tịnh thật không cần mình nhọc nhằn cực khổ, không cần công phu bái sám. Mình cứ thả lỏng, nghỉ ngơi là mọi cái nó vốn thanh tịnh rồi.

Bản ngã mình không chấp nhận mình ở yên, nó rọ rạy phải bốc cái này, phải làm cái kia v.v… điều này làm mình xáo động là bản ngã. Ngã chấp chúng ta càng nhẹ chừng nào chúng ta càng yên chừng đó. Chúng ta nằm chơi năm bảy ngày, nửa tháng, một năm cũng thấy không có gì khó chịu. Không có bản ngã là nó không đòi hỏi hoạt dụng, còn khi chúng ta hoạt dụng cũng không có gì chán chường, nằm cũng thấy phúc lạc, ngồi cũng thấy phúc lạc, đi cũng thấy phúc lạc, ngủ cũng thấy phúc lạc, ăn cũng phúc lạc, chơi giỡn cũng thấy phúc lạc, thậm chí giọt nước mắt trên mắt rớt xuống cũng thấy phúc lạc. Chúng ta tin nổi không? Chừng nào ai tin mình đang

khóc mà phúc lạc mới thông cảm đạo lý này. Chúng ta sẽ tận hưởng cái nguồn được sinh từ tâm một cách rất hồn nhiên, thì chúng ta mới hiểu đạo lý thật của đạo Phật là cái gì. Còn bây giờ chúng ta phải chọn lọc để ra cái gì đúng, thì chưa đủ trí tuệ để chúng ta thưởng thức phúc lạc vô biên đang hiện hữu nơi chính mình.

Người tu đạo Phật đúng không có chuyện gì đến với họ mà không thành phúc lạc. Như người biết ăn ớt họ cắn nhai ngon vô cùng vì họ đã thưởng thức cái ngon của trái ớt, nhưng mình không biết ăn ớt cắn một cái là khổ sở vô cùng. Như người không biết uống rượu không bao giờ tin người ta uống miếng rượu gọi là ngon, người không biết uống rượu uống vô là thấy nhăn mặt, còn người biết uống rượu là họ đã tới cảnh giới ngon của rượu rồi. Người uống cà phê, uống trà cũng vậy. Những cảnh giới khi tới là họ thưởng thức được cái tinh hoa của nó, nhưng người không tới là họ không thưởng thức được. Người Ngộ Tánh thì mọi chuyện xảy ra trong đời họ đều để họ hưởng phúc lạc. Mọi sinh hoạt trong đời sống này họ đều ở trong phúc lạc vô biên để tiếp nhận. Họ đang hưởng phúc lạc từng giây một trong đời sống còn lại của chính mình. Như vậy mới ráng ngộ đạo chứ chẳng lẽ ngộ đạo mà còn phiền phức thì ngộ làm gì. Không phải một đời tu của mình, mà ngàn đời ngàn kiếp của chúng ta, mong rằng một phút giây nào đó chúng ta được ngộ chân lý và giá trị của người ngộ chân lý là cả đời luôn ở trong phúc lạc vô biên. Không có phút giây nào mà phúc lạc tạm thời dừng lắng nơi tâm thức của họ.

Liễu liễu thường tri trong từng sát na đời sống còn lại của chính mình, đó là cảnh giới Phật đạo. Đạo Phật luôn linh thông, nhạy bén, tẩy xóa tất cả những lầm mê của chúng ta

từng sát na một. Không phải chúng ta không tu tập, không thiền định, không lễ Phật, không sám hối thì vô minh sẽ dày hơn. Đừng nghĩ rằng phải sống chỗ thanh tịnh, đừng chơi chỗ ô trược dính nhiễm để mình không bị dính nhiễm. Xin thưa đó là người đang bị yếu, cần phải tránh duyên. Nhưng không phải do tránh duyên đó mà chúng ta được mạnh lên.

Nếu trồng cây mà chúng ta lựa đất bùn trồng thì gỗ không bao giờ quý. Cây mọc trên núi cao, trong khe đá, trăm năm, ngàn năm thì đó là cây quý, nó chậm phát triển nhưng chắc lắm. Nếu chủ trương người tu sĩ suốt đời ở trong môi trường thanh tịnh để được tiến hóa thì chưa phải là bậc xuất trần thượng sĩ. Họ phải lăn lộn trong trần gian này mà đi ra tự tại thì mới có thể giúp được nhiều người, nếu không thì không giúp được nhiều người đâu. Chúng ta phải tự tại vô quái ngại trong tất cả các tình huống mà chúng ta chinh chạm. Đó mới là bậc xuất trần. Còn ở trong chùa mà nói mình thanh tịnh là chưa phải. Ban đầu chúng ta phải tạm tránh duyên trong lúc chúng ta chưa ổn định được với chính mình nhưng đừng nghĩ là môi trường đó đã đào luyện cho mình lớn lên.

Nếu mới bắt đầu tập tu, giai đoạn đầu được ở môi trường tập thể thanh tịnh thì một năm bằng người ta tu ở ngoài mười năm. Vì sao? Vì tập thể thanh tịnh mỗi người mỗi nghiệp, nay người này sanh ra nghiệp này, mai người kia sanh ra nghiệp kia, mình được học hết, học nhiều, học nhanh. Nhưng khi chúng ta đủ sức rồi thì một ngày sống giữa xã hội này bằng chúng ta sống năm năm ở trong chùa. Chúng ta có thể học bài học xương máu của những tình cảm trắc trở trong huynh đệ, trắc trở trong thầy trò, trắc trở trong bạn bè, những điều đó ngoài Kinh điển mà phải trả giá bằng xương máu, trả

bằng tất cả danh dự, trả bằng uy tín của mình, để học một bài tí xíu, rồi chúng ta phải tự tại lướt qua những điều này.

Cái chỗ thanh tịnh của mình chưa bao giờ gặp được những trắc trở trong tình cảm, nhưng nếu chúng ta gặp những trắc trở trong tình cảm mà chúng ta không tự tại được bài học này thì mười năm thiền định chưa qua nổi. Có những người trăm năm thiền định gặp trắc trở là gẫy đỗ liền. Nếu người đủ lực để tự tại thì đời sống của họ khác. Ví dụ bao tử mình chấp nhận loại gạo nhuyễn nó mới tiêu hóa, nhưng nhìn con vịt nó xóc nguyên con hến cái vỏ rất cứng nuốt vào vậy mà nó tiêu được. Bao tử tốt thì cái gì nó cũng tiêu được. Như chúng ta bị bệnh đau bao tử thì ăn kiêng đủ thứ, nhưng bao tử khỏe thì người ta ăn cái gì cũng được.

Người chưa từng đi về miền Tây bước tới đầu cầu khỉ là mình run, không bao giờ đi qua được, nhưng thằng bé nó chạy một cái là qua bên kia cầu. Vì nó tự tại cảnh giới đó, nó đã qua cảnh giới đó chứ không phải như mình. Cho nên có đôi lúc mình nhìn đời sống tu tập của người khác qua cái nhìn của chính mình thì tội nghiệp người ta.

Có những vị đã đủ sức lăn lóc tất cả mọi cảnh giới, nhưng vì mấy người dễ thối tâm, dễ thối chí mà họ phải giữ mình cho nó thanh tịnh. Giữ mình vì mấy người đó chứ không phải họ không đủ sức tự tại. Vì phút nhập Tánh họ bỏ thân này rất nhẹ nhàng, họ muốn đi đâu về đâu trong tam giới này là trong một sát na thôi họ đã đi rồi. Dù tám triệu thân này trong một khảy móng tay họ bỏ nhẹ chứ không phải chết khó khăn gì. Không còn gì dính trên thân tâm ngũ uẩn này nữa, thì cảnh giới bên ngoài làm sao có thể dính tới họ. Có khi chúng ta gặp những vị nghịch hạnh, họ muốn làm cái gì ở chỗ họ

đang tới thì chúng ta khoan vội kết luận, phải đợi kết quả nó tới như thế nào. Chúng ta phải ngắm nhìn, phải thật sự tỉnh táo để nhận định đúng mọi vấn đề, nếu không dễ bị sai lầm.

Chúng ta luôn thấy người khác qua kiến thức của chính mình, chớ chúng ta không thấy người đó là chính họ, nên chúng ta thường kết luận là đúng, là sai, là hay, là dở, là thanh tịnh, là ô trọc. Nhưng kiến thức của mình là của mình, mình bình phẩm họ theo cái của mình, bình phẩm họ nhiễm theo cái nhiễm của tâm mình, chứ chưa hẳn người đó nhiễm như mình nói.

Khi chúng ta đã sanh vọng tình, thì tự mình sở hữu lấy nó, tự mình khổ hoặc tự mình vui với chính mình, chứ không phải trách nhiệm của ai. Người tu tập đạo Phật đúng mức phải thấy trách nhiệm là chính mình. Mình đang khổ là do mình, chứ không phải hoàn cảnh làm chúng ta khổ, không phải đời sống khó khăn làm mình khổ, không phải mọi người áp bức mà mình khổ, không phải điều kiện khó khăn trong đời này mà mình khổ. Chúng ta đã vốn thanh tịnh, vốn sáng suốt, vốn an lạc, nhưng chúng ta không chịu ngồi chỗ an lạc thanh tịnh sáng suốt của chính mình để mình tận hưởng phúc lạc đó. Mình tự khuấy động để mình khổ đau, thì phải hưởng cái khổ đau do mình khuấy động, chớ không do ai.

Từ đây chúng ta phải nhận trách nhiệm là chính mình, khổ vui là chính mình. Cuộc đời này con người được có mặt ở đây, được đến đây là để tận hưởng hạnh phúc chớ không phải tới đây để khổ sở mà bỏ chạy. Ai mà cảm nhận trần gian này có một chút khổ nào đó để mình chạy trốn, thì người đó đã thấy lầm đời sống quý giá của chính mình. Người đó đã hủy hoại cái cao tột thanh tịnh mầu nhiệm của chính mình,

khuấy động cho mình đục lên, rồi mình phải xài cái đục nhơ đó mà thôi chớ không phải do hoàn cảnh. Hạnh phúc hay khổ đau là do chính mình.

Đức Phật nói tự cái vọng mình đã sanh ra rồi, cho nên cái năng cái sở là do mình mà thôi. Tất cả chúng ta cũng vậy, từ ngàn xưa chúng ta vốn thanh tịnh rồi, không ai không thanh tịnh khi ngồi tại đây. Ở đây chúng ta đã thanh tịnh thì tí nữa chúng ta cũng tiếp tục thanh tịnh và đời còn lại chúng ta cũng là người thanh tịnh. Tất cả các cõi trong tam giới này chúng ta đều phải tới đó để tận hưởng. Chúng ta xuống tới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh cũng tận hưởng chứ không phải đày đọa. Chúng ta đủ lực dạo trong lục đạo luân hồi giống như dạo trong hoa viên, chúng ta phải vui như vậy. Chúng ta nhìn hoa viên tươi đẹp, chúng ta thích thú như thế nào thì xuống địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh chúng ta cũng phải chơi tự tại như vậy. Đó là bậc xuất trần thượng sĩ thực sự trong đạo Phật.

Làm sao chúng ta nhận biết được điều này ngay tại đây, không phải nghe đây để về nhà tối tôi bắt đầu tụng Kinh, tọa Thiền, trì Chú, … để ráng cho thanh tịnh. Đừng có ráng mà phải nhận ra ngay tại đây. Trước khi đến đây chúng ta đã thanh tịnh rồi, ngồi đây chúng ta đã thanh tịnh rồi, một chút nữa chúng ta đã là người thanh tịnh. Chúng ta ở yên trong chỗ thanh tịnh của chính mình đừng khuấy động nữa, để chúng ta tận hưởng cái phúc lạc của mình. Không cần thêm cái gì nữa là chúng ta đầy đủ, còn muốn cái gì là biết mình đang thiếu. Mình luôn luôn muốn tức là mình luôn luôn thiếu, nếu mình không muốn nữa là mình tràn ngập. Chúng ta đã quá đủ quá thừa, khi chúng ta nhận cái đủ cái thừa đó chúng ta có thể ban phát khắp thiên hạ bất kỳ giờ phút nào trong cuộc đời này, đó

là điều rất cần cho việc tu tập.

Mong rằng chúng ta ở đây đang ngồi đúng vị trí thật trong cái mình giác của chính mình, mình tự minh trong cái thanh tịnh rỗng lặng sáng suốt phúc lạc vô biên này và mãi mãi cuộc đời chúng ta luôn ở trong cái sáng suốt đó.

VĂN KINH

Đoạn 5: Chỉ nguyên nhân có tướng thế giới hư không và chúng sinh

Chi 1. Chỉ nguyên nhân có tướng thế giới

Trong cái không "đồng" "khác" rõ ràng thành khác.

Chi 2. Chỉ nguyên nhân có tướng hư không

Khác với cái "khác" kia, nhân cái khác đó mà lập thành cái "đồng."

Chi 3. Chỉ nguyên nhân có tướng chúng sinh

Đã thành cái đồng cái khác rồi, nhân đây lại lập cái "không đồng không khác."

Ở đây chúng ta nghe Đức Phật giải thích về nhân sinh quan và vũ trụ quan theo cái nhìn của Kinh Lăng Nghiêm. Đức Phật nói về nguyên nhân hình thành thế giới, nguyên nhân hình thành hư không và nguyên nhân hình thành chúng sanh.

Nguyên nhân hình thành thế giới, Đức Phật chỉ bằng một câu hết sức gọn: "Trong cái không "đồng" "khác" rõ ràng thành khác."

Nếu đọc Kinh Lăng Nghiêm mà trong đầu chúng ta còn chấp cái gì đó thì có lẽ chúng ta cũng khó hiểu, và đây là giai đoạn hết sức khó cho người học Phật ban đầu. Nếu chúng

ta thông cảm được hết những phần trước thì phần này chúng ta sẽ thông. Với người hiểu thông về đạo lý ở trong đạo Phật, thì người đó sẽ hiểu được sơn hà đại địa nó hình thành như thế nào? Hiểu được nhân sinh, vũ trụ nó có ra làm sao?

Đó cũng là điều thách thức muôn thuở đối với trí tuệ đạo Phật, so với cái thấy nhìn của khoa học hiện đại. Cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm không có kính hiển vi, không có viễn vọng kính, không có tất cả các thiết bị khoa học cần thiết mà Đức Phật nhìn thấu tận nguyên nhân hình thành thế giới này như thế nào? Nguyên nhân nào có hư không? Và chúng sanh được sanh ra từ đâu?

Đó cũng là những câu hỏi ban đầu ngài Phú Lâu Na đã hỏi. Tại sao cái bản lai thanh tịnh đó lại sanh ra chúng sanh? Sanh ra chúng sanh để rồi cuối cùng cũng phải quay trở về đó? Đức Phật bắt đầu giải thích nguyên nhân hình thành thế giới, nguyên nhân có ra chúng sanh và cái tương tục để có ra thế giới và chúng sanh thì học hết phần này chúng ta sẽ hiểu.

Đức Phật nói: ***Trong cái không đồng, khác, rõ ràng thành khác là tướng thế giới. Khác với cái "khác" kia, nhân cái khác đó mà lập thành cái "đồng" là tướng hư không. Và đã thành cái đồng cái khác rồi, nhân đây lại lập cái "không đồng không khác"*** là tướng chúng sanh.

Từ Diệu minh chân tâm của mình, từ chỗ vi diệu nhiệm mầu đó, nó sáng suốt mà không do đối tượng. Nếu có đối tượng thì nó không thành minh, tức là đã có sở minh thì cái đó nó trở thành đối tượng. Còn cái thấy biết là còn đối tượng lúc đó đã rớt xuống tầng phân biệt hai bên, thì không phải ở chỗ rỗng lặng mênh mông ngoài đối tượng mà rõ biết. Khi nào chúng ta tu tập đến một chừng đoạn nào đó chúng ta

rớt được trong cảnh giới không cần bất kỳ đối tượng nào, không sử dụng hoàn toàn lục căn của mình, không còn nương gá bất kỳ cảnh duyên nào bên ngoài mà chúng ta có cái rõ biết rỗng lặng mênh mông, thì lúc đó chúng ta sẽ cảm nhận được cái Diệu minh kia.

Minh diệu là cái minh sáng suốt, nó giữ chúng ta ở chỗ sáng tuyệt đối không rớt xuống tầng mức lầm mê nữa. Ở chỗ lặng mênh mông của Diệu minh và Minh diệu này nó có đồng và khác, chứ không phải chỗ rỗng lặng đó hoàn toàn không có cái gì. Cái đồng và khác đó chính là tướng thế giới. Bởi vì khi chúng ta rời cái rỗng lặng mênh mông thì tâm thức chúng ta dao động phân biệt, mà chưa rời cái rỗng lặng mênh mông thì ở trong đó cũng dung chứa tất cả phàm Thánh. Cho nên cái chỗ không mà có đồng có khác, chứ không phải không là không có cái gì. Trong Kinh Bát Nhã nói cái không mà diệu, tức là từ chỗ không đó sanh ra sơn hà đại địa. Như chỗ ngộ của Lục Tổ Huệ Năng: "*Nào ngờ tự tánh hay sanh muôn pháp.*"

Tất cả những cái có trong trần gian này, trong thế giới này không ngoài cái Minh diệu kia. Ở trong Minh diệu có cái đồng, có cái khác, có hư không và có thế giới. Hư không cũng ở trong Minh diệu, thế giới cũng ở trong Minh diệu, nên Minh diệu là trùm khắp trên hư không và thế giới.

Đức Phật giải thích hư không là tối mù mịt, nhờ có ánh sáng mặt trời, có mặt trăng, sao, đèn, đuốc, chúng ta mới nhận biết được. Còn không có ánh sáng mặt trời, không có trăng, sao, đèn, đuốc, chúng ta không nhận biết được. Cái Diệu minh là luôn luôn sáng, nó luôn rõ biết được hư không và luôn rõ biết được pháp giới này, mà dù không có hư không,

không có pháp giới thì cái minh kia vẫn rõ, đó mới gọi là Diệu minh.

Diệu minh không do đối tượng mà rõ biết. Ý Đức Phật muốn nói trong Diệu minh đó nó có cái đồng và có cái khác, vì có cái đồng và có cái khác cho nên rõ ràng liền thành khác. Nếu chúng ta có công phu để chúng ta hết đi những cái riêng tư, hết đi những phân biệt ngã chấp, thì tự động chúng ta có một thoáng lướt qua cái không gian này. Dùng từ không gian thì nó không đúng nhưng nó là cảnh giới thật của Pháp Tánh.

Bất kỳ người tu tập nào đi sâu vào chuyên môn đạt tới mức độ phá trừ được tất cả những phân biệt hai bên, sạch những ngã chấp và pháp chấp thì một thoáng họ rớt vào cảnh giới này. Phút giây đó chúng ta mới thấy ra không phải pháp giới tánh toàn chân là rỗng lặng không có cái gì, mà nó có đầy đủ mọi cái không thiếu thốn. Cho nên Lục tổ mới nói: "*Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ.*" Từ xưa tới giờ chúng ta quen kiểu học thức của thế gian là mình học mình mới biết, mình làm mình mới có, đó là những pháp trần, cảnh giới sanh tử, còn Đức Phật ở đây đã nói đến cảnh giới vượt tầm sanh tử.

Phẩm trước, ngài Phú Lâu Na nói rằng là ngài A Nan còn lậu hoặc mà ngộ được cái Diệu minh. Còn ngài (Phú Lâu Na) đã chứng quả A La Hán rồi mà đối với Diệu minh này vẫn còn mờ mịt. Đó là điều kỳ lạ trong Phật Pháp. Nếu một người đi vào con đường Đại thừa Phật giáo thật sự thì họ có thể cảm thông được, còn người đã nặng với lý thuyết Nguyên Thủy tức là phải dụng công để có kết quả, phải chứng từng bậc từng bậc thì họ không bao giờ chấp nhận, họ không tin một người mới bị dính mắc với ma Đăng Già, khóc lóc cầu xin Phật, phải nhờ thần chú Thủ Lăng Nghiêm mới cứu thoát

khỏi tà thuật của ái nhiễm, vậy mà giờ này lại ngộ đạo. Khiến các vị chứng A La Hán không tin nổi.

Điều này rất khó tin. Chỉ trừ những người thực sự cảm thông được với chân lý, thực sự cảm thông giáo lý Đại thừa, đầu của họ thoát hết khung sáo rồi, thì người đó mới chấp nhận là một người bình thường bị nhiễm ô, nếu đủ duyên trong thoáng chốc họ có thể nhận ra đạo lý thượng thừa. Còn những người thường quen với khuôn thước, khuôn sáo, họ nghĩ rằng phải tu như thế này, như thế kia mới chứng được quả vị này, quả vị kia. Do đó Kinh Lăng Nghiêm cũng như một số Kinh điển Đại thừa, được các vị tu theo Nguyên Thủy cho là không phải Kinh điển Phật giáo, là quái thai của Phật giáo.

Nếu nhìn ở góc độ Đại thừa và có tu tập thật sự để chúng ta thoát khỏi lồng sáo một lần, thì chúng ta thấy từng lời, từng chữ Đức Phật nói trong Kinh điển Đại thừa là nghìn muôn nghĩa, là vô lượng nghĩa xứ. Với cái đầu một người bình thường thì họ hiểu theo tầng mức bình thường, một người đã có một chút công phu chuyên môn thì họ nâng tầng mức tâm linh lên, họ có thể thông cảm được một chút xíu trong Kinh điển Đại thừa và khi nào họ phá vỡ hoàn toàn ngã chấp và pháp chấp thì người đó thông cảm một cách tuyệt đối.

Khi người ta hoà nhập vào pháp giới tánh toàn chân rỗng lặng mênh mông rồi, thì chỗ đó không phải là rỗng không, muốn có cái gì là họ có cái đó theo ý của họ, và pháp giới chúng sanh tràn ngập không thiếu thốn. Cho nên, ở chỗ không này có đồng có khác rõ ràng. Tức là cái tướng thế giới này là một tướng sai biệt, cho nên chúng ta vừa thấy là đã có sự sai biệt nghìn trùng, vừa nghe đã có sự sai biệt nghìn trùng.

Ví dụ vừa nghe một câu nói chúng tôi phát ra, thì mỗi

người ở nơi đây đều có cảm nhận sai biệt khác nhau. Tùy theo trình độ, tùy theo công phu, tùy theo kiến thức mà mỗi người nhận một lời, một câu, một chữ khác nhau hoàn toàn, không ai giống ai. Nhưng nếu chúng ta lắng lòng thanh tịnh thực sự thì chúng ta nghe đồng nhau. Cái chỗ chung đồng đó là cái ban đầu rất nhanh mà với trí phàm tình chúng ta không đủ sức nhận ra.

Nếu ai nhận nổi cái ban đầu thanh tịnh sáng suốt tương đồng nhau tại đây, dù có hàng ngàn người, hàng triệu người vẫn có cái đồng nhau. Trong cái đang nghe hiện tại này thì chúng ta sẽ nhận được Minh diệu kia. Phút chốc ở trong Minh diệu đó chúng ta mới nhận biết cái thế giới này là thế giới sai biệt. Vừa thấy sự sai biệt là chúng ta đã rớt xuống tầng của tướng thế giới rồi. Chừng nào chúng ta chưa rớt xuống tầng sai biệt thì chúng ta ở trong Diệu minh Chân tâm.

Đây là điều rất khó cho mình. Ở đây không phải do chúng ta dụng công để rồi chúng ta nhập định mới biết được cảnh giới này. Đây là cảnh giới lìa khỏi định và loạn. Định và loạn cũng còn có năng và sở, tức là có người muốn trụ định, có người muốn trừ loạn cho nên vẫn còn bị kẹt ở năng và sở. Người tu tập đạo Phật tận nơi thâm tâm họ cái định và loạn không còn giá trị khác nhau. Đứng trước cái loạn họ vẫn bình yên, được cái định họ cũng không có gì quan trọng. Có khi chúng ta tu cả đời được định năm phút, mười phút và cho đây là điều tối thượng trong đời tu tập của mình, còn cái loạn nó quấy nhiễu mình, nó gây rối mình, nó làm khổ đau mình, bây giờ mình phải đè ép để một ngày nào đó mình được một chút xíu định mình cho rằng đó là thành quả tu tập. Vậy thì chúng ta phải trở lại đây vài ngàn kiếp để tu.

Khi nào tu tập tới đoạn xảy ra định mình thấy bình thường; tất cả những cái loạn tưởng, loạn tâm, những cái sống động trong cuộc đời này chúng ta cũng thấy bình thường, cái nhiễm ô đối với chúng ta cũng bình thường, thanh tịnh đối với chúng ta cũng bình thường, cả hai tâm chúng ta không thiên lệch nữa thì lúc đó chúng ta sẽ thông cảm và tương ưng với Diệu minh này, còn nếu không chúng ta không thể thông cảm được.

"Trong cái không "đồng" "khác" rõ ràng thành khác." Tức là cái chỗ không đồng và không khác nó có cái sai khác rồi. Trong thế giới này dù mình nói là đồng, dù mình nói là khác, dù mình nói là có, dù mình nói là không, dù là phải, là quấy thì nó là tướng thế giới. Lúc nào nơi tâm chúng ta còn có một chút sai biệt là chúng ta rớt xuống tướng thế giới, không phải ở Diệu minh chân tâm nữa. Chúng ta xem lại nội tâm của mình, xem lại công phu của mình, xem lại đời sống của mình đang muốn cái gì? Chúng ta đã từng tu tập, đã từng dụng công, đã từng sử dụng quá nhiều pháp môn rồi; nhưng bây giờ đối với chúng ta sự sai biệt đúng, sai với mình nó còn quan trọng không? Cái thanh tịnh và ô nhiễm với mình nó còn quan trọng không? Ngày nào mà chúng ta còn quan trọng hai điều này tức là ngày đó chúng ta còn nặng ở tướng thế giới, còn tiếp tục đi vào thế giới, chưa ra khỏi được.

Khi nào chúng ta muốn thoát khỏi thế giới này, thì chúng ta phải hết đi cái đồng và cái khác, hết đi sự sai biệt nơi tự tâm chúng ta, lúc đó mới hy vọng chúng ta một lần tự tại trong tam giới. Khi tự tại trong tam giới này, chúng ta muốn đi ra ngoài thế giới, hoặc muốn đi vào trong thế giới, lục đạo luân hồi chúng ta dạo chơi một cách tự do. Còn nếu chúng ta

vẫn còn sự sai biệt ở nơi tâm mình, chúng ta có sự sợ hãi lúc loạn tâm, có sự chấp nhận hoan hỉ đối với định tâm, tức là chúng ta còn thấy động và tịnh là quan trọng.

Người thấu thoát động và tịnh rồi thì chuyện động với họ, họ vẫn rõ biết, không có gì quan trọng, dù xảy ra định với họ cả ngày lẫn đêm, dù một chục năm ở trong thanh tịnh cũng không có gì quan trọng. Người đó mới thông cảm được Kinh điển Đại thừa, mới thông cảm được Diệu minh Chân tâm, phút giây đó họ thoát ngoài tam giới. Từ đó về sau họ trở lại tam giới một cách tự tại. Còn chưa được như vậy thì họ đi cảnh nào là nhiễm cảnh đó, khó thoát ra.

Người có khả năng nhập định được nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm nhưng buông ra vẫn bị động và tịnh khuấy nhiễu mình, họ thích nhập định, cho nhập định là quan trọng với cuộc đời tu tập của mình thì người đó không bao giờ thông cảm được với giáo lý Đại thừa, người đó không bao giờ thông cảm được Thiền, tông chánh thống. Thiền tông chánh thống cũng không nói về định và loạn, chỉ thuần nói về Tự Tánh.

Ở đây Đức Phật muốn gợi nhắc ở chỗ Diệu minh kia chỉ cần có sự sai biệt thôi, là có cái đồng và có khác, chưa thành danh tướng thế gian, có một chút xíu sai biệt đã rớt xuống tầng của tướng thế giới rồi. Người nói tu theo Đại thừa là gần như họ không tu gì hết, không thấy họ có phút giây dụng công, không thấy họ ngồi thiền, nhập định, không thấy họ trì chú, niệm Phật, nhưng công phu của họ vừa có cái manh nha sai biệt nơi tâm thức, là họ đã hóa tán xong rồi, họ không có phiền não nhiễm ô như người bình thường. Người bình thường dụng công tới khi mình giận, sân si, phiền não lúc đó mới nhận ra được thì mình đã bị nhiễm.

Một người công phu giỏi đứng ở góc vô nhiễm để họ tu tập, thì cái gợn li ti nơi tâm bắt đầu xảy ra là họ đã hóa tán được. Họ nhận diện rất rõ ràng cái gợn lăn tăn, manh nha hình thành sanh tử và họ đã hóa tán ngay tận gốc khi nó chưa thành phiền não. Bình thường thấy họ không tu gì hết, họ sinh hoạt, đi đứng, ngồi như người bình thường, nhưng nếu không phải cặp mắt chuyên môn thì không bao giờ phát giác ra được người đang dụng công như thế này.

Ở trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Đức Phật nói là: "*Cúng dường một ngàn Đức Phật không bằng cúng dường một người vô tu vô chứng."* Người đó là bậc xuất trần thượng sĩ thật sự, cặp mắt họ tinh anh hoàn toàn. Ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ nói*: "Khi mê thì tạo nào thưa nào nhặt. Khi ngộ thì bặt từng ly từng mảy."* Chuyện mê và ngộ nó xác định mức độ công phu cao thấp của chính mình, chứ không phải do ngồi thiền nhiều, do mình nhập định lâu, do mình tu lâu trong chùa. Đối với đạo Phật là có nhận biết được cái Diệu minh hay chưa? Nếu nhận biết được Diệu minh rồi thì nó tự động bặt từng ly từng mảy một, không cần chúng ta công phu gì. Nhưng khi chưa ngộ thì dù chúng ta có công phu cỡ nào cũng không phải là chúng ta hóa giải được.

Đức Phật nói đã rớt xuống tướng thế giới rồi thì nghìn trùng sai khác, nên nếu chúng ta đã có mảy may nhỏ nhiệm manh nha mống khởi nơi tự tâm của mình, tức là chúng ta đã rớt xuống tầng của thế giới. Người đã nhận ra Diệu minh rồi thì cái manh nha đó nó vẫn còn, không phải hoàn toàn bặt dứt và người đó cũng không cần gì phải bặt dứt nữa. Bởi vì Diệu minh phủ trùm cả hư không, cả pháp giới, nó luôn luôn là Minh diệu, hoàn toàn không có gì có thể làm cho nó bị động,

bị nhiễm, bị nhơ, bị thay đổi. Và không có gì có thể so sánh một mảy may nhỏ nhiệm trong Diệu minh đó. Cho nên chẳng có gì là quan trọng cả. Có, không, còn, mất, có tan hàng ngàn hàng triệu thế giới này thì cái Diệu minh kia vẫn nguyên là Diệu minh, không hề thay đổi gì. Chúng ta có thay đổi hàng tỷ kiếp chúng sanh thì Diệu minh vẫn nguyên là Diệu minh.

Đức Phật ngầm trả lời câu hỏi ban đầu của ngài Phú Lâu Na: *"Tại sao bản nhiên thanh tịnh lại sanh ra sơn hà đại địa?"* Nếu như một phen chúng ta thấy sơn hà đại địa thì chúng ta tự rời bản nhiên thanh tịnh của mình. Lời giải thích lòng vòng của Đức Phật là muốn cho ngài Phú Lâu Na hiểu một điều. Đức Phật muốn dạy: Ở chỗ bản nhiên thanh tịnh thì sơn hà đại địa xem như hoàn toàn không, nhưng với cái nhìn sai biệt thì nó lại là có với mình. Đối với người tự tại thực sự thì họ không vướng thiện ác và không lầm thiện ác, chớ không phải là không biết. Từ xưa tới giờ chúng ta quen với lối huân tập kiến thức, không vướng là không biết. Nhưng trí tuệ Phật đạo thấu suốt thiện ác, thấu suốt nhân quả mà không vướng vào trong đó, không lầm ở trong đó. Còn người vẫn còn nặng về nhân quả, vẫn còn nặng về thiện ác, còn vướng mắc trong đó thì trí tuệ chưa rõ thông.

Trong Pháp Bảo Đàn Kinh, tới đoạn Lục Tổ khai thị cho Huệ Minh. Một vị tăng họ Trần, tên Huệ Minh, trước là tướng quân bậc Tứ phẩm, tánh hạnh thô tháo, hết lòng theo tìm, chạy trước mọi người, đuổi kịp ngài Huệ Năng. Ngài Huệ Năng để y bát trên bàn thạch nói: "Y này là biểu tín, có thể dùng sức mà tranh sao?" Ngài Huệ Năng liền ẩn trong lùm cỏ, Huệ Minh đến cầm y lên mà không nhúc nhích, mới kêu rằng: "Cư sĩ, cư sĩ! Tôi vì Pháp mà đến chớ không phải vì y". Ngài

Huệ Năng bèn bước ra ngồi trên bàn thạch, Huệ Minh liền làm lễ thưa: "Mong cư sĩ vì tôi nói pháp." Ngài Huệ Năng bảo: "Ông đã vì Pháp mà đến thì nên dứt sạch các duyên, chớ sanh một niệm, tôi vì ông nói." Huệ Minh im lặng giây lâu. Ngài Huệ Năng bảo: "Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, chính khi ấy cái gì là bản lai diện mục của Thượng tọa Minh?" Huệ Minh ngay câu nói đó liền đại ngộ.

Rất nhiều người hiểu lầm câu khai thị "không thiện không ác" của Lục Tổ, cho rằng Thiền sư nói chuyện không thiện không ác, không nhân, không quả là bác đi nhân quả của đạo Phật. Xin thưa không phải. Người dám khai thị người ta ở chừng này là người đó rất thấu hiểu về nhân quả, không lầm nhân quả và không vướng trong đó. Lục Tổ có trí tuệ vượt tầm nhân quả, thấu suốt nhân quả, thấy tới chỗ không phải nhân, không phải quả kia, chỗ đó nó rất rõ nhân quả, chỗ đó chính là bản lai diện mục của Thượng tọa Minh. Chỗ này ngài Huệ Minh ngộ. Tức là Ngài thông cảm được điều chỉ dạy của Lục Tổ. Có rất nhiều vị không thông cảm được câu "không thiện không ác" của Thiền tông, cho nên sau này có rất nhiều người bình phẩm cho đây là câu nói sai lầm. Người nào một phen thông cảm được với cái "không thiện không ác", mới thông cảm được câu khai thị của Lục Tổ Huệ Năng và có thể thông cảm được chỗ Đức Phật nói.

2. Nguyên nhân có tướng hư không: *"Khác với cái "khác" kia, nhân cái khác đó mà lập thành cái "đồng."*

Đã rớt xuống tầng của thế giới rồi thì sẽ có sự sai biệt có và không, phải và quấy, đúng và sai, thiện và ác, thanh tịnh và ô uế… Khi đã có cái khác kia rồi thì nhân cái khác đó mới lập cái đồng, tức là có cái tướng cho nên mới lập cái không

tướng là đã có sự sai biệt của thế giới mới hình thành cái chung đồng. Hư không phủ trùm giữa tướng có và tướng không ở trong không gian mà chúng ta đang thấy thì đó là tướng của hư không.

Khi chúng ta nhìn ở trước mắt mình mà không có hình sắc thì là khoảng trống. Khoảng trống này mênh mông không có ngằn mé, đó là tướng của hư không, nhưng tướng này được thành lập là do đâu? Do sự so sánh của tâm thức mình. Tức là chúng ta thấy có cái có, là chúng ta liền thấy cái không. Từ quý vị nhìn thẳng lên tới tượng Phật, quý vị thấy rõ khoảng không và thấy được tượng Phật, nếu quý vị thấy được một lần hai tướng thì chúng ta sẽ nhận biết được Diệu minh là gì. Trước mắt chúng ta luôn có hai tướng nhưng chúng ta luôn luôn thấy một tướng. Nhìn cái hoa chúng ta chỉ thấy cái hoa này nó đẹp tức là chúng ta chỉ nhận biết một tướng của cái hoa thôi, còn khoảng không giữa cái hoa và tướng này chúng ta không thấy. Và khoảng không trùm khắp các tướng này chúng ta cũng chưa bao giờ nhận biết.

Người thấu suốt đạo lý là họ có tuệ nhãn thấu suốt được hai tướng, thấu suốt được hai bên, trong lúc họ tiếp duyên. Qua câu nói của người khác họ nhận biết được bao nhiêu phần thiện, bao nhiêu phần ác một cách rõ ràng nhưng mà họ không chấp mà thôi. Họ thấy người đó đi, thấy người đó cười, thấy người đó chào, thấy người đó nói, là họ thấu suốt được người này thiện ác bao nhiêu, rõ ràng lắm. Không phải người này nói ngon nói ngọt mình cho người này tốt, người này nói lời cộc cằn thì mình cho người này xấu. Nếu chỉ biết cái tốt qua ngôn ngữ, cái xấu qua lời nói là người này hoàn toàn không bao giờ thấy được tướng thật của người đối

diện mình. Người thấu suốt đạo lý khi đối diện một người họ thấy tới chân tướng người đó, chứ không thấy qua ngôn ngữ.

Bây giờ chúng ta tập công phu thực sự của Đại thừa. Lúc chúng ta nghe phải nghe có tiếng và không tiếng. Ví dụ chúng tôi nói tiếng Phật và tiếng Pháp thì giữa hai tiếng Phật và Pháp có khoảng không, chúng ta phải nghe được khoảng không này. Từ quý vị nhìn lên có cái bàn và khoảng không thì chúng ta phải thấy rõ ràng một lượt hai tướng. Nếu đủ bình tĩnh chúng ta sẽ nhận diện được hai mặt của vấn đề, hai mặt của cuộc đời. Còn nếu không đủ bình tĩnh chúng ta sẽ nhận một chiều theo thói quen nghiệp tập của mình thì luôn luôn chúng ta rớt vào tầng sai biệt của thế giới này và sẽ bị sanh tử tiếp nối. Chúng ta tập thấy, tập nghe, tập tiếp xúc mà chúng ta làm sao phá được cái thấy một chiều, thì chúng ta sẽ nhìn mọi cái trong cuộc đời này rất cởi mở. Còn nếu không chúng ta bị vướng mắc hoài không bao giờ thoát ra được.

Một lần chúng ta phải nghe được âm thanh nổi và âm thanh chìm. Như khi quý vị nghe đàn một bản nhạc mình cứ nghĩ nó hay, nhưng lý do hay ở đâu mình không biết, cứ nghĩ bàn tay nhạc sĩ hay. Nhưng nếu không có khoảng không, không có khoảng ngắt của hai âm thanh thì bản nhạc không thành hay được Nó chỉ là tiếng ù liên tục, không thành cao thành thấp thì không hay. Nếu như không có khoảng ngắt đó, không có hư không này thì vật chất này hoàn toàn không có giá trị, cho nên nhân cái sai khác này mà có cái không.

Hư không hiện ra ở nơi đây cũng từ cái nhận biết sai khác của chính mình. Nhưng ở nơi mình, một là chúng ta thấy hình sắc, hai là chúng ta quên đi hình sắc để chúng ta nhận biết khoảng không, chứ chúng ta chưa bao giờ chịu thấy hai

cái một lượt. Trong cái hay biết thường tình, chúng ta cố gắng làm sao một lần trong đời thực sự xảy ra là mình nghe được âm thanh nổi và không âm thanh. Cái khoảng ngắt của hai âm thanh chúng ta phải thấu suốt rõ ràng, khi nhìn thì phải thấy có hình sắc và có hư không lồng trong nhau thật sự, hình sắc và hư không không tách ly nhau, thì lần đó chúng ta sẽ thông cảm được với Diệu minh này.

Đức Phật chỉ rõ nguyên nhân có tướng hư không là do chúng ta đã có sự sai khác. Tức là nơi đầu và tâm chúng ta đã có sự sai biệt, mà vừa có sự sai khác thì sẽ có tướng không và tướng có. Từ chỗ không mà chúng ta mới nhìn ra hình sắc, nơi tâm của mình mặc dù mình chưa chấp nhận đây là hình sắc, nhưng nếu không có khoảng không mênh mông này thì hình sắc không lộ ra. Nhiều khi chúng ta nhìn thấy cái nhà đó đẹp, chúng ta chỉ biết cái nhà đó đẹp thôi, nhưng nếu ở đây là cái núi nó bít hết thì chúng ta không thể cất cái nhà được. Nhưng con người ta luôn thấy giá trị ở nơi cái có, chứ chưa bao giờ thấy giá trị ở nơi cái không.

Có khi chúng ta ở bên cạnh một người mà người đó hoàn toàn không làm được gì cho mình có lợi, thậm chí làm bất lợi cho mình nữa, thì mình sanh buồn chán. Sống chung với người này nhưng cả đời tôi lo cho họ, tôi chăm sóc họ mà họ chẳng làm gì có lợi cho tôi hết. Chưa bao giờ chúng ta thấy người ngồi không, không làm chuyện gì nhưng họ đem lại lợi ích cho mình. Người ta sống chung với mình ít ra người ta phải cộng tác, phải làm gì ra tiền ra của, làm lợi ích gia đình và lợi cho chính mình thì mình thấy họ ở bên cạnh mình còn có lợi ích, nhưng họ không làm được gì cho mình thì mình thấy bất lợi với chính mình. Như vậy chúng ta chỉ tìm lợi lạc

trong hiện tướng thôi, chứ chúng ta không thấy rằng nếu không có người đó bên cạnh chưa chắc mình làm được cái gì. Điều này mình hoàn toàn không thấy.

Chúng ta chỉ nghe âm thanh, còn cái không âm thanh chúng ta không thấy giá trị của nó. Cái không thấy vậy mà nó đem đến cho chúng ta nghìn trùng giá trị. Ví dụ khoảng không này, chúng ta muốn cất nhà cũng được, muốn đi đứng, muốn trồng cây, trồng cỏ, muốn làm gì cũng được, nhưng nếu khoảng không bít rồi thì chúng ta không làm gì được nữa. Tất cả những sinh hoạt của chúng ta trong đời sống này nhờ hư không mà có, nhờ có khoảng không này mà không khí mới luân lưu và chúng ta mới hít thở được. Nhờ có khoảng không này mà ánh sáng mặt trời mới chói rọi đến đây đem hơi ấm cho chúng ta. Nhờ có hư không này gió mới thoảng mát được, nhờ có hư không mới có mưa, có nắng mọi cái mới sinh sôi nảy nở trong đời sống này. Nhưng chúng ta ít khi nào nhận ra được giá trị thật của hư không.

Chúng ta làm ruộng thì đợi phải có mưa để đủ nước tưới cho cây nên mưa trở thành giá trị, phơi lúa thì cần nắng nên nắng trở thành giá trị. Làm sao chúng ta phải thấy giá trị thật ở hai mặt của cuộc đời, thì đời sống chúng ta có ý nghĩa. Nếu chúng ta quen thấy một chiều một bên mà không thay đổi được cái thấy nhìn này thì đời sống chúng ta không còn ý nghĩa nữa.

Người biết sống đạo lý thì phút giây nào trong cuộc đời họ cũng tràn ngập ý nghĩa. Khi họ thấy được hai mặt của cuộc đời rồi, thì cái khổ vui không thành hình nơi tâm thức người đó được. Họ thấu suốt chuyện khổ, vui. Họ luôn an lạc trên chuyện khó khăn và dễ dãi trong cuộc sống này, không

bao giờ bị quấy rối bởi những chuyện đó mà phiền não khổ đau như người thường. Còn chúng ta chưa nhìn thấy được hai mặt của vấn đề, nên chúng ta luôn bị cuốn một bên, vui thì chúng ta vui theo, buồn thì chúng ta buồn theo chứ chúng ta không giải quyết được, không hóa tán được, không an lòng, bình yên trong đời sống này.

Đức Phật dạy tướng hư không là do sai biệt của thế giới. Sở dĩ chúng ta thấy có cái này là chúng ta ngầm có cái không rồi, nên cái có mới hiện ra. Chúng ta nghe âm thanh là đã có cái không rồi nên âm thanh mới hiện ra được, chứ nếu có âm thanh trước rồi thì âm thanh sau không thể hiện được. Có âm thanh trước, rồi nó mất đi hiện khoảng không mới tiếp tục có âm thanh thứ hai. Người nào tập nghe được một lần trong đời mình hai âm thanh, giữa cái có âm thanh và không âm thanh, thì sẽ thấy đời sống chúng ta nó khác. Đó là lần biến chuyển cuộc đời của mình, khi ấy chúng ta mới cảm nhận được phúc lạc thật sự của đời người, thấy được giá trị chân thật của con người đang sống trong trần gian này, thật sự an lạc hạnh phúc như thế nào. Chỗ thực tế hiện thực này luôn luôn xảy ra mà chúng ta không tiếp nhận được thì chúng ta chỉ là người vọng cầu hạnh phúc thôi, chứ chúng ta không bao giờ thấy được hạnh phúc thật.

Có người nói cảnh giới Niết Bàn trong đạo Phật giống như bó cỏ treo trước mỏ con ngựa. Con ngựa lôi chiếc xe nặng và bó cỏ luôn treo trước đầu nó, nó chạy không bao giờ chạm tới được. Xin thưa không phải như vậy. Cái hạnh phúc của đạo Phật rất hiện thực. Cái đó nó đã có rồi nhưng chúng ta từ chối. Bây giờ chúng ta đừng từ chối hiện thực đó nữa, thì nó lộ ra một điều hết sức tuyệt vời. Cái thấy cái nghe của mình

thực sự là thấy nghe cả hai chứ không phải nghe một, nhưng não bộ chúng ta từ xưa tới giờ chỉ ghi nhận cái một chứ không bao giờ chúng ta tiếp xúc được cái hai. Từ chỗ sai khác kia, nhân cái khác mà lập thành cái đồng. Nhân thế giới mà có hư không, là tướng hư không hiện ra, do đối đãi mà có ra hình sắc và hư không.

3. Nguyên nhân có tướng chúng sinh: *Đã thành cái đồng cái khác rồi, nhân đây lại lập cái "không đồng không khác."*

Cái khác là thế giới, cái đồng là hư không thì có nhân vật thứ ba là chúng sanh lập ra cái không đồng không khác. Không đồng tức là chúng ta không phải là hư không, không khác tức là chúng ta không phải là thế giới, và cái không phải thế giới không phải hư không là chúng sanh. Có chúng sanh nên mới nói tới cái "không đồng không khác." không đồng không phải hư không, không khác không phải thế giới thì có một cái nữa là chúng sanh. Trong vũ trụ này có hư không, có thế giới và có chúng sanh được hình thành. Thế giới là cái khác, cái sai biệt; hư không là cái đồng và chúng sanh là cái không đồng không khác. Đó là ba nguyên nhân sanh ra sơn hà, đại địa.

Từ nơi tâm thức con người ta bắt đầu sanh ra sự manh nha sai biệt là khác, đó là tướng thế giới; nhân tướng thế giới sai khác đó mà có cái đồng là hư không. Nhân có tướng thế giới và có tướng hư không mới sanh ra tướng không đồng không khác là tướng chúng sanh. Là chúng sanh bắt đầu được sanh ra.

VĂN KINH

Chi 4. Tổng kết nguyên nhân có các tướng

Rối loạn như thế, đối đãi lẫn nhau mà sinh lao lự; lao lự càng lâu phát sinh ra trần tướng, tự làm vẩn đục lẫn nhau, do đó mà đưa đến trần lao phiền não. Nổi lên làm thành thế giới, lặng xuống thì thành hư không. Hư không là đồng, thế giới là khác, cái không đồng khác kia thật là pháp hữu vi.

Đức Phật giải thích rất rõ câu hỏi ban đầu của ngài Phú Lâu Na: Bạch Thế Tôn, lại nếu tất cả các thứ căn, trần, ấm, xứ, giới v.v… trong thế gian đều là Như Lai tạng bản nhiên thanh tịnh, cớ sao bỗng sinh ra núi, sông, đất liền và các tướng hữu vi thứ lớp đổi dời, cuối cùng rồi trở lại chỗ bắt đầu? Tại sao từ bản nhiên thanh tịnh lại sanh ra sơn hà, đại địa, đó là nguyên nhân gì?

Đức Phật giải thích là từ thế giới, hư không và chúng sanh. Nếu ở chỗ Diệu minh thanh tịnh kia một cách tuyệt đối thì không có chuyện gì để bàn, nhưng bắt đầu manh nha sanh ra cái sai biệt là hình thành thế giới. Khi sai biệt đã có ra rồi thì sẽ có cái chung đồng là hư không, khi cái sai biệt và chung đồng có ra mới có chúng sanh. Những cái này nó giao xen với nhau trong tâm thức mình mới sanh ra lao lự phát sanh trần tướng nó tiếp tục giao xen, tự làm vẩn đục lẫn nhau trong đầu của mình mà chưa lúc nào tạm dừng, do đó mới có trần lao phiền não. Từ Minh diệu sáng suốt nhiệm mầu của mình nó vốn đã đủ rồi, nhưng chúng ta không ở nguyên chỗ sáng suốt nhiệm mầu đó, chúng ta không giữ cái diệu này, một cách liên tục, thường hằng, yên ổn trong đó mà tự động sanh cái giao xen nên không thành cái Minh diệu nữa. Cái minh này nó không diệu mà nó trở thành giác, thành trần là nó rớt vô tầng

thấp và tâm bắt đầu sanh sai biệt. Tâm bắt đầu sanh sai biệt rồi thì xuống thế giới, xuống tầng hư không, xuống tầng chúng sanh và bắt đầu có đủ mọi cái sau này.

"Nổi lên làm thành thế giới, lặng xuống thì thành hư không." Đức Phật nói cái gì nổi lên liền thành thế giới, mà lặn xuống thành hư không. Tức là những cái có hình tướng là thế giới này, những cái không có hình tướng là hư không. Hư không là đồng, thế giới là khác. Thế giới thì muôn tướng sai biệt, hư không là một cái nguyên như vậy không có khác gì. Tức là đi đâu chúng ta cũng thấy cái rỗng suốt như vậy đó là hư không, nó không sai biệt. Còn thấy tướng này khác tướng kia, cái này lớn hơn cái kia nhỏ hơn, cái này đẹp hơn cái kia xấu hơn, cái này màu xanh cái kia màu đỏ là tướng của thế giới. Cái gì nổi lên mắt chúng ta thấy được, tai chúng ta nghe được, lục căn chúng ta nhận biết được sự sai biệt thì đó là tướng sai biệt của thế giới. Còn cái gì nó chung đồng không sai biệt với nhau, đi đâu dù ở trong nam ngoài bắc, dù đi nước này nước kia chúng ta chỉ thấy cái rỗng thì cái rỗng đó chính là hư không. Cái chìm lặng không có hiện tướng là hư không.

"*Hư không là đồng, thế giới là khác, cái không đồng khác kia thật là pháp hữu vi.*" Cái không đồng như hư không, không phải sai biệt như hình sắc là thế giới, tất cả những cái đó gọi là pháp hữu vi. Pháp hữu vi thì sanh diệt.

VĂN KINH

Đoạn 6: Chỉ ba tướng kết quả tiếp nối

Chi 1. Tướng kết quả thế giới tiếp nối

Cái giác thì sáng suốt, hư không thì mờ tối, đối đãi thành ra dao động, nên có phong luân nắm giữ thế giới.

Nhân hư không mà sinh ra dao động kiên cố cái sáng mà thành có ngăn ngại. Các loại kim bảo kia đều do minh giác lập ra tính cứng chắc nên có kim luân giữ gìn cõi nước.

Kiên cố cái giác thì thành có kim bảo, lay động cái minh thì có phong đại hiện ra. Phong đại và kim bảo cọ xát với nhau cho nên có lửa sáng làm thành tính biến hóa.

Ánh sáng kim bảo đượm ướt, lửa sáng xông lên, cho nên có thủy luân trùm khắp mười phương cõi nước.

Lửa bốc lên, nước rơi xuống giao nhau phát hiện mà làm thành tính cứng. Chỗ ướt là biển lớn, chỗ khô là đại lục và cồn đảo. Bởi do nghĩa ấy, nên trong biển lớn có hơi nóng thường bốc lên, trong đại lục và cồn đảo có sông ngòi thường chảy xuống.

Thế nước kém hơn thế lửa thì kết thành núi cao. Vậy nên đá núi đập thì tóe lửa, nấu thì chảy ra nước.

Thế đất kém hơn thế nước, rút lên làm cỏ cây. Thế nên rừng rậm đốt thì thành đất, vắt ra có nước.

Vọng tưởng giao xen phát sinh, lần lượt làm thành chủng tử cho nhau. Do nhân duyên ấy, thế giới tiếp nối.

Chúng ta rớt xuống tầng thấp hơn Diệu minh là cái minh giác của mình. Cái minh giác này chúng ta không còn ở trên cái diệu nữa mà chúng ta ở tới tầng giác của cái minh, nó có sự sáng suốt, cái sáng suốt đó so với cái mờ tối khác nhau. Hư không này hoàn toàn tối, chúng ta tưởng tượng mình vô cái nhà bít bùng tắt đèn hết và không có ánh sáng mặt trời thì nhà bị tối, cái tối đó chính là hiện nguyên tướng của hư không,

chứ hư không không phải là sáng. Cái giác thì sáng.

Hư không có hai cái mờ tối, một cái tối là so với cái sáng theo nghĩa sáng tối, ngày đêm; thứ hai là hư không không phải là cái nhận biết, mà cái nhận biết là cái của mình, của người, của chúng sanh. Khi chúng ta nhìn thấy hư không là lúc đó có cái biết và cái không biết hiện ra. Khoảng không này là cái không biết so với cái mình đang biết, là có hai. Chúng ta nhìn thấy và chúng ta nhận biết liền có hai, lúc nào cũng vậy. Từ đây về sau chúng ta thay đổi quan niệm thấy nhìn nghe là nghe hai cái, thấy là thấy hai cái rõ ràng, biết là biết hai cái một lượt, thì chúng ta sẽ thấy trí tuệ chúng ta khai thông. Còn nếu không là chúng ta luôn mù mịt, dù dụng công cỡ nào mà buông ra chúng ta vẫn thấy một cái là coi như trí tuệ không phát triển, không khai thông được.

Chúng ta vừa nhìn thấy hư không là có cái đang biết hư không, tức là có hư không và có cái biết của mình, là có đối đãi. Chúng ta nhìn thấy hình sắc thì có khoảng không, có hình sắc và có luôn cái biết hư không và hình sắc ngay tại đó. Chúng ta không bao giờ vắng mất điều này, nhưng vì mình không khéo nhận ra nó mà thôi.

Ở đây Đức Phật nói cái sáng suốt là cái riêng của chúng ta, còn hư không là mờ tối, do cái biết và cái mờ tối này đối đãi với nhau thành ra dao động. Chúng ta có cái biết khi nhìn mọi cảnh duyên bên ngoài, có cái biết mà chúng ta nghe âm thanh, chúng ta biết được mọi điều, thì cái biết này và cái đang bị chúng ta biết, là có ngã có nhơn liền thành sự dao động. Cái dao động đó tạo thành phong luân, là một luồng gió trong vũ trụ này. Đức Phật rất khoa học. Tới giờ phút này khoa học vẫn chưa đủ sức để có thể chứng minh một điều mà Đức

Phật đã nói cách đây hơn hai ngàn năm: ***"Cái giác thì sáng suốt, hư không thì mờ tối, đối đãi thành ra dao động, nên có phong luân nắm giữ thế giới."*** Không biết mấy trăm năm sau khoa học đủ sức chứng minh điều này.

Chúng ta vừa có chút manh nha móng khởi nơi đầu thì nó đã tạo thành nhiều cái, chứ không phải tạo thành phong luân như Đức Phật nói đâu. Thứ nhất, nó tạo thành luồng sóng dao động nơi tâm thức chúng ta, tạo thành trường năng lượng xuất phát từ đầu mình, tạo thành ánh sáng tốt xấu theo từng loại ý niệm của chúng ta. Và ánh sáng tốt xấu đó đi ra không gian này để tạo thành một dòng sóng, nhiều dòng sóng, hoặc tạo thành một loại gió gọi là phong luân dao động trong vũ trụ này, mà bây giờ khoa học chưa thể chứng minh điều này.

Tiểu thế giới chúng ta dao động để hình thành một cái gì đó chứ không phải nó yên. Tiểu thế giới dao động thì đại thế giới bên ngoài cũng dao động theo. Đức Phật nói mình vừa nhận biết được hư không thôi, thì hai cái này nó giao xen nhau tạo thành phong luân rồi. Sở dĩ có gió trong không gian là do tất cả chúng ta động tâm. Nếu tâm chúng ta không động thì thế giới này không có phong luân, tức là không bao giờ có gió. Nhưng tâm chúng ta động lâu quá rồi nên nó tạo thành gió, và gió không tạm dừng trong vũ trụ nhân sinh.

Do đó, lúc nào đầu chúng ta có chút manh nha tức là lúc đó đầu chúng ta động và cả thế giới này động. Sự dao động đó theo từng loại tâm thức, nó sẽ kết nối với từng loại từ trường tạo thành dòng sóng trong vùng chúng ta đang ở. Ví dụ tất cả chúng ta đang ngồi đây đều đang nghĩ một điều thiện thôi, không cần nhiều, mỗi người chỉ cần đóng góp một ý niệm thiện, thì mắt chúng ta không thấy được nhưng chư thiên thấy

khoảng trời này sáng rực lên, tạo thành một luồng sáng phát động ngay đây. Luồng sáng này tiếp tục dao động trong không gian, nó tạo thành phong luân thực sự, để đóng góp vào vũ trụ này một từ trường lực thiện tâm và phát ra một loại ánh sáng tốt. Nhưng nếu ngồi đây mà tất cả chúng ta đều nghĩ ác, thì tại đây tạo thành một vùng khí xấu, hiện ra một màu nâu xấu và sẽ tạo thành dòng xoắn đi vào vũ trụ này. Để nó kết nối với hằng hà sa số dòng xoắn khác ở vũ trụ làm loạn thế giới này, do những ý niệm xấu đó.

Chúng tôi biết khoa học sẽ có khả năng chứng minh được luồng sáng phát sinh từ não bộ của chúng ta. Khi một manh nha xảy ra nơi tâm thức chúng ta nó sẽ tạo thành luồng ánh sáng kèm theo khí. Vì có không khí, có cái động nơi tâm chúng ta tạo thành khí, thì cái luồng ánh sáng mới theo đó mà phát sinh. Nó tạo thành trường năng lượng, tạo một dòng sóng phát xuất từ não bộ chúng ta và tùy theo ý niệm thiện ác mà dòng sóng đó nó phát thành màu khác nhau, rồi nó làm lưng cạn nhiệt lực trong cơ thể chúng ta. Nếu đầu chúng ta luôn suy nghĩ không dừng, thì người đó không chịu lạnh giỏi được.

Nên những vị tu hành tốt ở trên núi tuyết mà không bị lạnh, lý do là tâm họ ít bị động nên họ không tiêu hao năng lượng nhiều, họ luôn giữ được độ ấm nơi tâm, nơi nội lực và cái lạnh bên ngoài không tác động họ được.

Chỉ cần lắng tâm thật sự không cho tâm thức mình phóng ra ngoài để không tiêu hao năng lượng, thì nội lực tăng lên mình ấm liền. Còn người nào không làm được như vậy thì mùa đông phải mặc nhiều áo mới đủ.

Mỗi khi tâm dao động chúng ta sẽ bị mất một phần năng lượng của mình. Năng lượng nếu tốt thì sẽ tạo thành

công đức trong đời sống này, năng lượng xấu thì nó sẽ phá vỡ công đức cho nên mình bị tổn phước. Có những vị tu sĩ ẩn cư trong rừng sâu mà người ta vẫn hướng về để lễ lạy cúng dường, vì vị đó ngồi không, không làm gì nhưng quá thừa phước. Còn chúng ta, sáng một thời sám hối, trưa một thời sám hối, chiều một thời sám hối, lạy Phật, tụng Kinh, làm đủ điều nhưng ngay khi đó đầu chúng ta nghĩ tốt nghĩ xấu, là lúc đó tự mình đã phá phước mình rồi. Còn các vị từng ý niệm xấu ác không bao giờ manh nha trong đầu, nơi tâm họ kiếm một chút xấu không có, là từng sát na một sanh công đức, từng sát na một phóng hằng hà sa số từ trường lực tốt cho vũ trụ này.

Nếu một người luôn phát khởi thiện thì vùng họ ở nó sẽ trong sáng ra, cái nhà họ ở sẽ có khí sáng rất rõ ràng. Người tu tập tốt thực sự tâm thanh tịnh, thì khi bước vào nhà họ mình thấy khác. Chùa nào có người tu tâm thanh tịnh thực sự, bước vô chùa đó chúng ta thấy khác. Mặc dầu ngôi chùa có cả ngàn người tới lễ lạy mà tâm không thanh tịnh, cũng không bằng chùa có một người tâm thanh tịnh sẽ làm sáng khí cả một vùng. Đây là điều chúng ta phải biết về năng lực tâm của chính mình. Mình thấy một móng khởi có chút xíu không có gì hết nhưng mà động cả thế giới này, chứ không phải động chút xíu đâu. Cái động này ảnh hưởng rất lớn đến xung quanh; ví dụ, chùa này trong một buổi tu tập, tất cả người tới chùa đều hướng tới điều thiện thì vùng này rực sáng, mà mắt phàm chúng ta không thấy được.

Tại sao mỗi động tâm của chúng ta là sinh công đức? Trong Kinh Pháp Hoa, Đức Phật nói: Chúng sanh khởi ý niệm thiện hay ý niệm ác, có chửi Phật, mắng Phật, nói Phật tốt,

Phật xấu gì Đức Phật biết, các vị Bồ Tát biết, các vị Thanh Văn biết, các vị A La Hán biết, các vị chư Thiên biết, các vị Phi thiên cũng biết và cõi âm cũng biết. Chỉ có cõi Ta Bà bị vướng vào vật chất, cho nên cái gì nó lộ ra bên ngoài mình mới thấy. Còn những cõi không ăn uống vật chất như mình thì những móng khởi manh nha nơi tâm chúng ta từng chút một là họ biết rồi, không giấu được ai chỉ giấu được người phàm.

Thành ra có người tu tập thời gian không giữ được tâm mình, bị bệnh hoạn, bị tổn phước, bị quở phạt. Thấy bề ngoài họ sám hối tụng Kinh, nhưng thời gian họ bị sụp đổ, bị hư đốn, là do hình tướng tu tập mà tâm không tu nên không có chút công đức nào. Do tâm chúng ta chưa có thuần hóa được ý niệm ác của mình, không giữ mình ở chỗ chân thiện toàn thiện được nên phước đức không sanh khởi. Vì vậy chúng ta phải thấy được năng lực của ý niệm, không đơn giản. Khi nó phát khởi là mình bị phiền não, bị khổ đau.

Khi mình vừa nghĩ niệm ác muốn hại người thì vùng khí xấu đó xông bốc lên đầu chúng ta liền, phát ra loại khí nâu sẫm và toàn bộ thể phách chúng ta theo trường sinh học nó xoay thành vòng ngùn ngụt khói đen khắp thân chúng ta ngay lúc đó. Nó không chỉ xoay bao quanh thân mà nó lan tỏa ra bên ngoài khiến cho thế giới này thêm một phần đen tối do mình.

Một người khi giữ tâm trong sáng bình thường thì người đó ít bệnh tật, vì tâm trong sáng đó sẽ làm cho toàn bộ não bộ, tế bào, hồng huyết cầu toàn thân chúng ta được nhuốm sáng bởi ánh sáng thân thiện đó mà nó được lành mạnh lên. Nhưng chúng ta không bao giờ để yên, mình vừa lên tới cõi

trời là mình nghĩ tới địa ngục, cơ thể chúng ta không theo kịp sự biến thái thay đổi của tâm thức, não bộ bị dao động mạnh quá khiến nó yếu đuối từ từ. Não bộ yếu đuối sẽ tạo thành sự rung động để kết nối những tế bào dao động quá mạnh, nó không điều chỉnh được, nên chúng ta thành bệnh tật nhiều, bị những bệnh rất lạ.

Chúng ta nên tự nghiệm, những ý niệm xảy ra nơi tâm chúng ta nó không giữ một chừng mực. Nghĩ thiện thì từ thiện ít tới thiện nhiều theo chừng mực, hoặc nghĩ thiện hoài theo chừng nào đó thôi đừng dao động thêm, thì cơ thể chúng ta hết sức yên và sức khỏe chúng ta sẽ tăng lên từ từ. Nhưng mới nghĩ thiện năm phút, là nghĩ ác năm phút, vừa lên trời vừa xuống địa ngục liên tục, cơ thể không theo kịp, năng lượng giữa dòng xoắn nó sẽ làm cho tế bào chúng ta dao động một cách bất thường, tiêu tán năng lượng liên tục như vậy trong ngày khiến sức khỏe chúng ta bị hao kiệt, tuổi thọ không bền. Một phần do não bộ chúng ta dao động bất thường quá, một phần do ăn uống bất thường, sinh hoạt bất thường, xảy ra nhiều chuyện bất thường đầu chúng ta không, đầu chúng ta không giữ yên cho cái thân nên mới sanh bệnh.

Từng loại ý niệm trực tiếp ảnh hưởng cơ quan nội tạng: Như buồn ảnh hưởng bao tử, vui ảnh hưởng tới tim, lo âu ảnh hưởng tới phổi, sợ hãi ảnh hưởng tới thận … Nội tạng tốt thì ý niệm không phát sanh. Ngược lại, những ý niệm không phát sanh thì không phá ngược nội tạng. Nội tạng chúng ta khoẻ thì cơ thể chúng ta khỏe. Vì vậy, đối với người tu tập thực sự là phải giữ yên được mình trong cuộc sống này. Học đạo tốt thì tự nhiên chuyển hóa đời sống chúng ta tốt, học đạo không tốt thì đời sống chúng ta bị chuyển hóa theo chiều

dao động bất an hoài cả đời. Đi chùa nhiều, học Phật nhiều nhưng đời sống vẫn luôn bất an là do chúng ta không thấy được giá trị sinh khởi nơi tâm thức chúng ta nó tạo thành tốt, thành xấu cho chính bản thân mình và cho vũ trụ này.

Ví dụ, chúng ta khởi ý niệm thương chúng sanh trong cõi giới này, thì sóng não bắt đầu phát động loại từ trường trước và cảm nhận nhanh nhất là dòng nước trong cơ thể chúng ta (gồm có nước mồ hôi và máu). Các phân tử nước, các hồng huyết cầu do tình thương này mà nó được đẹp và làm cho các tế bào theo đó mà đẹp, lành mạnh; nếu chúng ta có ý niệm thù hằn thì sẽ làm méo hồng huyết cầu.

Khi khoa học chụp thân chúng ta họ sẽ thấy có một dòng khí chung quanh thân tùy theo ý niệm thiện ác, nhưng đó là dòng khí tổng thể thôi, còn từng tế bào, từng hồng huyết cầu nó đều có một dòng ánh sáng. Do ý niệm thiện ác mà bóp méo dòng ánh sáng này, nên vừa khởi ý niệm ác là dòng ánh sáng bao quanh hồng huyết cầu bị méo ảnh hưởng xấu tới hồng huyết cầu, và ảnh hưởng xấu tới dòng ánh sáng bao quanh từng tế bào trong cơ thể khiến chúng ta đổ bệnh.

Người nào bệnh mà còn mang tâm trạng buồn, còn mang phiền hận là không bao giờ trị hết bệnh. Người bệnh mà vẫn sống lạc quan đầy tình thương yêu và đầy lòng tri ân thì người đó sẽ hết bệnh rất nhanh. Nó cải hóa từng ý niệm, từng tế bào do tình thương yêu và lòng tri ân của mình. Người không có sự tri ân, không có lòng thương yêu thật sự đối với cuộc sống thì người đó bệnh trị rất lâu lành. Cái gì cũng phải kết nối thân tâm làm một, thân tâm được kết nối rất chặt chẽ thì đời sống chúng ta rất tốt.

Đức Phật nói: ***"Cái giác thì sáng suốt, hư không thì***

mờ tối, đối đãi thành có giao động, nên có phong luân nắm giữ thế giới." Do cái thấy của mình và cái mù mịt của hư không tạo thành phong luân nắm giữ thế giới. Đây là đề tài rất lớn để cho các nhà khoa học trên thế giới nếu muốn bước vào cửa ngỏ của tôn giáo, phải đi bằng con đường này thì các vị mới thông cảm được với Phật giáo, còn không thì muôn đời khoa học không thể hiểu nổi đạo Phật là gì. Trí tuệ của đạo Phật siêu việt tới độ thấy được cái tinh tế, cho tới giờ này, dù khoa học có viễn vọng kính, có vệ tinh, thấy được sinh hoạt của toàn cầu, nhưng chưa thấy được chuyện sinh hoạt của não bộ thì làm sao thấy được tâm để điều hành não bộ. Tâm để điều hành đó nó mênh mông, mà máy móc tới giờ phút này chưa có ai đủ sức để có thể đo. Khoa học tới giờ phút này họ đã đo được dao động sóng thức của chúng ta, nhưng mức độ biết cái dao động đó nghĩ cái gì thì khoa học chưa làm ra.

Đức Phật nói, một mống niệm của mình do cái sanh khởi biết hư không, biết có hình sắc, biết có sự sai biệt ở trong pháp giới mà nó tạo thành phong luân để bao bọc thế giới này. Vùng nào có người tu tập nhiều chúng ta sẽ thấy vùng đó ít bão tố hơn vùng có ít người tu tập. Đất nước nào mà người xấu ác nhiều thì thiên tai bão lũ xảy ra nhiều. Tâm con người cuồng loạn thì tạo thành gió khủng khiếp. Gió lốc là một cuồn khói đen ngùn ngụt tạo thành dòng xoắn hút tất cả mọi cái đi theo nó. Đó là sự kết nối của tâm chúng sanh ở những vùng trời đó, là những ý niệm giết chóc hơn thua làm khổ đau người khác, họ luôn tính làm sao có lợi cho mình, còn ai khổ mặc kệ, muốn tất cả mọi người phải lệ thuộc mình. Cho nên muốn gìn giữ thế giới yên bình thì phải gìn giữ tâm chúng ta yên bình.

Đức Phật dạy: *"Tâm bình, thế giới bình."* Muốn thế giới bình phải giữ tâm thiên hạ bình chứ đừng tính chuyện khác. Làm bất kỳ chuyện gì cũng là chuyện bên ngoài, không thể nào làm cho thế giới này bình được. Thực sự các nhà chức trách mà ra lệnh cho đất nước, quốc gia dân tộc mình giữ yên tâm mình, thì cả thế giới này bình lặng, khỏi cần làm gì thêm cho tốn tiền tốn bạc, không cần vũ khí để bảo vệ, không cần phòng thủ quân sự. Khuyên quốc gia dân tộc mình giữ bình tâm an thì không cần tốn kém quân sự nữa mà cả thế giới này bình. Khi tâm chúng ta bình lặng thì sự dao động hơn thua không còn xảy ra, tất cả chúng sanh đều thương yêu nhau thì không có giết chóc, không có chiến tranh. Nhưng chúng ta không làm điều này, chúng ta không tìm hòa bình thật sự cho nhân loại, khiến cho nhân loại phải bị đau khổ liên tục.

Nếu con người tốt thì vũ trụ sẽ tốt theo, con người bình yên thì cả vũ trụ bình yên theo. Nhưng chúng ta không chịu làm cái chính này mà chỉ hướng ra bên ngoài. Khi đến với đạo Phật chúng ta mong muốn đủ điều, muốn làm sao mình tu được tốt, muốn tâm mình an, làm sao mình được giải thoát v.v…

Cho đến cả việc lễ lạy Phật, chúng ta đã lễ như thế nào? Chúng ta ngồi Thiền như thế nào? Lễ Phật mà chúng ta cũng chưa yên, trước bàn Phật chúng ta chắp tay là muốn cái gì? Chúng ta luôn luôn muốn là luôn làm cho mình dao động, chứ mình không dừng cái dao động của chính mình. Trong mọi thời mọi lúc chúng ta khéo tạm dừng mình lại một chút thì mình sẽ tự yên được, nếu không chúng ta luôn chạy loạn, phí cả đời của mình. Mình sống mà không biết sống vì cái gì? Tiền cũng quấn mình điên cả đời, danh nó cũng quấn mình

điên cả đời, ăn uống cũng vậy. Mọi cái gần như chúng ta bị điên chứ chúng ta không tỉnh được. Đối trước tiền của, danh lợi có mấy người tỉnh? Muốn là muốn giải thoát nhưng thực sự chúng ta đã dính sâu trong đó rồi. Mình không tự thấy rằng mình dính, đó là điều khổ cho mình.

Đức Phật nói chỉ có cái thấy biết sai biệt của thế giới tạo thành cái vòng xoắn trong vũ trụ, tạo thành cái ồn ào, náo nhiệt, thành cái động đậy trong vũ trụ này mà chúng ta không nhận ra. Rất nhiều người tha thiết tu tập, nhưng nhìn lại xem chúng ta đang tháo gỡ mình ra hay đang cột mình thêm? Chúng ta sống một ngày là chúng ta dính mắc thêm hay là chúng ta đã rơi rụng? Chúng ta hướng tâm làm điều này điều kia, những điều mang danh là Phật sự, Phật hạnh, nhưng phải xem lại là nó dính mắc hay giải thoát? Phật hạnh là cái tháo gỡ mình ra hay cột vô? Mọi điều trong đời sống này chúng ta phải nhận ra. Khi thấy được mình dính mắc thì mình sẽ thoát được, còn nếu mình chưa thấy mình vướng mắc thì mình không thể thoát. Phải bình tỉnh nhận ra chính mình đang đi đến chỗ vướng mắc hay đang quay ra chân trời giải thoát.

Bây giờ có nhiều tông phái, nhiều đạo giáo, nhiều tông chủ; ai cũng giỏi, cũng nổi tiếng, cũng vang danh, nhưng ai nổi tiếng là chuyện của họ, còn bản thân mình đi đâu về đâu mình phải biết. Mình đang làm cái gì, mình đang tu tập ngày hôm nay kiểu gì để thoát ra cái gì mình phải biết một cách rõ ràng. Mọi thời mọi lúc trong đời sống này mình tháo ra hay mình cột vào mình phải biết, chỉ cần vậy thôi.

Ngay tại đây mình chưa thấy mình thoát ra thì phải hết sức mãnh liệt tìm đủ mọi cách phá vỡ mình, làm sao mình là người rỗng tuếch ngay tại đây, không dính thứ gì cả. Mình là

người không vướng bận bất kỳ điều gì.

Ngồi tại đây tạo một chút bình an cho chính mình, đó là chuyện cần. Nếu ngay tại phút giây này mà chúng ta thật sự bình an thì tí nữa chúng ta tiếp tục bình an và mãi mãi sẽ bình an. Chỉ cần một lần chúng ta phá vỡ mình ngay tại đây; không nói chuyện hẹn hò ngày mai, ngày mốt; vì hẹn hò là rời sự thật. Tu tập là chúng ta phải tỉnh táo đừng có chạy theo những màu mè, bóng bẩy, cuốn hút bên ngoài. Đạo Phật chúng ta cũng nhiều màu sắc, cũng nhiều gợi cảm, nhiều khuyến dụ lắm. Nếu ngồi tại đây mà không thoát thì chút nữa kiếm đâu ra mà giải thoát, ngồi tại đây bị trói buộc thì có quả trói buộc ngày mai. Cho nên ngay tại đây phải tháo gỡ mình ra, phải thấy rõ rằng mình đang làm cái gì? Đây là điều rất cần.

Chúng ta phải đủ bình tĩnh, đủ sáng suốt để nhận diện mình từng lúc từng lúc. Ví dụ nói chuyện với một nhóm bạn, chúng ta phải đủ trí tuệ thấy mình nói như vầy là thêm vướng mắc hay là tháo gỡ cho mình, cho người. Chúng ta giao tiếp với một người mới là chúng ta đem sự vướng mắc tới cho họ, hay chúng ta tháo gỡ họ ra? Sống trong đời này nếu những cái đó mà mình không nhận ra thì thực sự uổng cho cuộc đời mình, nó trói buộc hoài mà mình không hay.

Phải bình tĩnh sáng suốt, không có gì gấp rút vội vàng, mọi cái chúng ta phải hết sức nghiêm túc chuẩn mực với chính mình. Phải nhận diện ra được mình thì mình sẽ nhận diện ra mọi điều. Nếu chúng ta thấu suốt mình trong tất cả những ý niệm nhỏ nhiệm, cho tới những hành động sống trong đời này thì chúng ta không bị lầm. Nếu những hành động, cử chỉ, lời nói, việc làm mình không thấu suốt, không đủ trí tuệ kiểm soát thì chúng ta không phải người tu. Dù chúng ta có lạy phật đi

nữa thì chúng ta không phải là người thực sự tu. Người thực sự tu họ không có gì lầm với chính mình, mọi thứ họ đều rất tỏ tường. Không cần ngồi thiền hay tụng Kinh, nhưng không có phút giây nào mà họ không tự rõ biết chính mình.

Chúng tôi nghĩ hình bóng của Đức Phật ngày xưa chắc đẹp lắm. Đức Phật sống trong đời, từng cử chỉ đưa tay lên, chân để xuống không dư thừa một mảy may. Cười là đúng với chuyện đó. Nhiều khi chúng ta cười cũng chưa chắc kiểm soát được nụ cười của mình. Chuyện vui có chút xíu mà cười khố khố lên, có chuyện rất vui lại cười mím miệng. Hai người ngồi cách nhau có mấy tấc, cũng nói to tiếng mất kiểm soát làm động người bên cạnh. Người tu khéo là phải kiểm soát được mình từng hành nếu động, cử chỉ nhỏ, để chúng ta có sự tiến bộ trong tâm linh chứ không chúng ta rất khó mở tuệ.

Nếu chúng ta tu theo kiểu bài bản khung sáo, tới giờ này phải làm chuyện này, tới giờ kia phải làm chuyện kia, cho dù chúng ta làm đúng hết hai mươi bốn tiếng đồng hồ cũng không thể khai tuệ được, nếu mình không kiểm soát được mình trong đời sống này. Mỗi lần chúng ta khéo nhận ra mình là mỗi lần chúng ta sáng hơn, có Kinh nghiệm hơn. Ví dụ ngồi giữa đám đông này chúng ta nói chuyện hơi lớn một chút, thì đó là sự sai trái mình đã không kiểm soát được ngôn ngữ của mình, nên kỳ sau giữa đám đông mình nói chuyện đủ nghe, không dư, là nơi tâm chúng ta có một chút nội lực. Nếu chúng ta liên tục kiểm soát mình là liên tục có nội lực và làm cho tự tâm mình lớn lên, không bị dao động, không bị ảnh hưởng bên ngoài.

Chúng ta phải kiểm soát tâm mình cho kỹ. Khi đến tầng sâu là vừa thấy cái manh nha móng khởi nơi tâm là chúng

ta dừng lại, để nó không tạo thành sóng trường phóng ra vũ trụ thành tốt, thành xấu ảnh hưởng thiên hạ nữa. Đây là đề tài rất lớn, ảnh hưởng đến người chung quanh thật sự, vì vậy mà chúng tôi có giảng đề tài "Năng lực của câu niệm Phật và ý niệm thiện", nếu một người nghĩ thiện hoặc niệm Phật thì công đức và phước đức của họ lớn lắm. Ví dụ chúng ta khởi ý niệm thương là sóng bắt đầu phát ra, nó đi mãi trong vũ trụ này hoài hoài tới hàng tỷ tỷ năm về sau. Sóng tình thương đó là ánh sáng thì những loài chúng sanh sống trong vũ trụ, đang bị đau khổ chạm được, vì họ đang âm nên ánh sáng này dương nó hấp thu nhau. Ánh sáng này xuyên qua cái tối tăm làm cho cái tối này nó sáng, và làm dịu cơn đau khổ trong không gian này. Không biết họ khổ cái gì, nhưng chạm được sự dao động sóng thức tình thương trong không gian là họ nhẹ đi một phần khổ đau và chúng ta có một phần công đức. Mà liên tục chạm tới là chúng ta liên tục được công đức. Thành ra một ý niệm thiện chúng ta xài hằng hà sa số kiếp không hết phước, nếu chúng ta không biết đầu tư thì uổng lắm.

Khi một người dứt trừ được ý niệm ác của mình thì tự động chúng ta thấy cái gì nơi họ xảy ra? Mặt họ sáng trước, tại sao? Vì ý niệm thiện nó đã làm tròn trịa những vùng hào quang của tế bào, làm đẹp hồng huyết cầu của mình, nên toàn thân chúng ta được nhuốm sáng bởi ý niệm đẹp đó, mà nó được đẹp ra. Người tu tốt nhìn khí sắc họ chúng ta có thể nhận ra được. Người thiện tâm tròn đầy thì sắc diện đẹp ra, người thiện tâm không tròn đầy thì sắc diện bị thay đổi, khí sắc họ bị đảo lộn lạ lắm. Nếu công phu tốt, nhìn một người chúng ta thấy vòng ánh sáng của họ hồi trắng, hồi đen, hồi xanh, hồi vàng liên tục giao giao rất lạ.

Chúng ta cố gắng tu tập kiểm soát được mình trong chừng mức thiện tâm, để mình cải thiện mình, nâng cấp mình lên, nếu không thì không cải hóa và không nâng cấp thân này lên được thì tầng bậc tâm linh chúng ta không được nâng cao. Tâm càng tinh tế, sâu sắc chừng nào, thì thân chúng ta nâng cấp chừng đó và tâm linh được phát triển thêm nhiều tầng bậc, cho đến mức độ nào đó chúng ta tương ưng cảnh giới Phật.

Chữ "Tu" có nghĩa là thăng hoa để mình tương ưng với cảnh giới nào đó, không phải tu là sửa. Tu mà sửa là làm cái cũ để vuốt vuốt lại xài chớ không phải tạo cái mới. Ví dụ xe hư đem đi sửa, nhà hư sửa lại, là trét trét cái cũ cho mới mới để xài. Người tu là không có gì hư hết, không phải sửa cái hư mà làm cho thân lẫn tâm được thăng hoa để tương ưng cảnh giới cao hơn, tương ưng cảnh giới Thánh, tương ưng cảnh giới Bồ Tát, tương ưng cảnh giới Phật. Chúng ta thăng hoa tâm linh từng cấp độ chứ không phải là sửa. Làm sao chúng ta được thăng hoa là chúng ta đang tu. Trước kia tâm linh chúng ta ở chiều thấp, chúng ta chỉ biết có tiền tài danh lợi, không biết cái gì hơn cái này, bây giờ biết thiện tâm, tu để tạo phước báu. Chúng ta phải làm sao cho mình tương ưng với thiện tâm, để chúng ta sanh cõi cao hơn cõi người tức là chúng ta thăng hoa, chứ không phải để sửa cõi người.

Tu không phải là sửa mà chúng ta thăng hoa thực sự. Từ chúng sanh chúng ta phải tăng tầng chúng sanh là ở chư thiên, từ cõi chư thiên chúng ta lên cõi Thánh, từ cõi Thánh chúng ta thăng lên cõi Bồ Tát, từ cõi Bồ Tát chúng ta thăng lên cõi Phật. Tu là sự chuyển hóa để thăng hoa hoàn toàn. Biết tu thì tâm chúng ta từ chỗ nhơ đục được thăng hoa, làm sao để chuyển hóa cho ý niệm thiện được kết nối liên tục trong

đời sống này. Chúng ta luôn luôn được lớn lên trong vòng thiện tâm của mình để cải hóa thân tâm này được nâng cao từng bậc từng bậc rõ ràng, lần lần chúng ta tương ưng với cảnh giới Thánh.

Khi chúng ta được thăng hoa tầng nào thì tự động chúng ta có kiến thức ở tầng đó. Ví dụ, chúng ta tu tập tốt thì dù chúng ta ở đây nhưng tâm mình đã tương ưng cõi trời, tất cả những sinh hoạt ở cõi trời mà chúng ta chuẩn bị ở chúng ta sẽ hiểu hết. Khi thiện tâm chúng ta đủ ngang tầm cõi trời, lúc đó chúng ta sẽ hiểu cõi trời ăn làm sao, ngủ làm sao, nói làm sao, cười làm sao. Nếu do nhiều năm nhiều tháng mình làm thiện phước mình ngang tầm với cõi trời Tứ Thiên Vương, thì mình chỉ biết cõi trời Tứ Thiên Vương như thế nào. Nếu tâm chúng ta tu tập có chút định lực ngang tầm cõi Trời Đế Thích thì chúng ta sẽ hiểu tất cả chuyện cõi Trời Đế Thích làm cái gì. Còn không chúng ta chỉ hiểu, chỉ nghe người ta nói mình chấp nhận gật đầu chứ mình không biết gì hết.

Học Kinh điển chúng ta tự động rơi rụng những tâm thấp kém của mình. Nếu nghe được kiến thức Phật Pháp đúng đắn là những cái đó tự động rớt ra, chúng ta thấy con người mình không có xứng để làm những chuyện thấp hèn là tâm chúng ta được nâng một tầng bậc. Ví như đi dưới ruộng thì mình đi chân đất, còn đi vô nhà lót gạch hoa thì không thể để chân dính sình đi vào được, mà bắt buộc phải rửa chân. Hoặc tới bàn tiệc mình không thể mặc áo rách, tay dính nhơ được mà phải mặc áo đẹp, tay rửa sạch. Tự động chúng ta tương ưng từng cảnh giới và tâm chúng ta được nâng tầm. Cho nên đừng nói từ đây mà có thể đi tới cõi quá xa trong khi mình còn nhiều tâm xấu.

Một người nông dân bình thường, nghèo khổ, suốt ngày chỉ làm ruộng, mà bảo họ tới một đô thị cao cấp để họ sống thì không có cách nào họ sống được, ép lắm là ở chơi vài ba ngày vì kiểu ở quê là nực quá cởi áo ở trần, nằm gác chân lên ghế nhịp nhịp chơi, mà bây giờ lên lầu nhà người ta đẹp mà cởi trần làm như vậy rất kỳ cục, rất khó chịu. Vô nhà vệ sinh phải mang dép này, vô nhà khách phải mang dép kia, ở mấy bữa là bỏ chạy mất. Mình cũng vậy, ở cõi này sinh hoạt quen vậy rồi, bỗng nhiên ai đưa mình lên cõi trên kia sinh hoạt, nó không có giống với sinh hoạt của mình, ít bữa mình cũng từ chối xuống đây lại mà thôi.

Cái chính là làm sao tâm mình tương ưng cảnh giới chứ không phải tự nhiên sanh lên kia, không được đâu. Tu phải thực tế, phải thấy là mình đã nâng tầm tâm linh mình tới đâu rồi, biết mình chỉ tương ưng cảnh giới đó không hơn được, phước báu mình ngang tầng nào thì khi bỏ thân mạng này mình ở tầng bậc đó không ai lôi mình đi cõi giới khác được. Mà muốn nhận mình xuống cũng không được, vì tâm mình ở tầng đó, cảnh giới đó là mình dứt khoát sở hữu tương đồng với phước báu hiện tại của chính mình. Đó là căn bản của sanh tử trong đạo Phật. Không ai sống khác với nghiệp của mình, không ai sống khác với phước báu của mình.

Trong lúc tu tập quý vị làm sao hết sức bình tĩnh để thấy được sự dao động thật nơi tâm thức mình, đang dao động theo chiều hướng dính mắc hay đang tháo gỡ mình ra? Chúng ta đang làm tất cả mọi điều để cho mình được thoát hay được vướng trong trần gian này? Chúng ta phải nhận ra được vì đó là điều hết sức quan trọng trong đời này.

Mong sao tất cả chúng ta đều thấy được, tự vấn lại

được, tự nghiêm túc với chính mình để nhận ra mình đang làm cái gì cho chính bản thân mình và cho cuộc đời. Làm sao mà từng giờ một ngay tại đây quý vị phải tháo gỡ được mình, để mình luôn sống với chân trời tự do bình an tuyệt đối ngay tại đây một lần, thì mãi mãi quý vị sẽ được bình an. Lúc nào chúng ta cũng có thể cứu thoát mình, lúc nào chúng ta cũng tự tháo gỡ mình thì đó là việc cần. Làm mà dính mắc là chúng ta phải biết, nghĩ cái gì mà dính mắc là chúng ta phải biết. Từng hành động, cử chỉ, lời nói chúng ta phải biết tháo gỡ mình thoát khỏi vướng mắc, đó là việc tu. Mong rằng chúng ta sẽ tu được như vậy để từng giờ, từng phút, từng giây trong cuộc sống còn lại là chúng ta luôn sống được ở chỗ tự do mênh mông của bản thân mình.

Mỗi bản Kinh có sự giải thích về hình thành chúng sanh và thế giới khác nhau một chút thôi, nhưng trên nền tảng căn bản nó vẫn là sự động tâm của tất cả chúng ta. Nguyên tất cả chúng sanh đều ở nơi cái Diệu minh Chân tâmsáng suốt nhiệm mầu, nhưng rồi có sự máy động mà không trụ vững nơi Diệu minh Chân tâmđó, chúng ta mới rớt xuống tầng giác minh. Nếu chúng ta chiếu soi là bắt đầu có đối tượng, là có năng sở. Kể từ lúc có năng sở là bắt đầu hình thành thế giới và hình thành chúng sanh. Dù Đức Phật giải thích lòng vòng nhưng chúng ta cũng hiểu tất cả chúng sanh ở bản lai thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu, nhưng rồi không giữ được cái bản nguyên thanh tịnh của mình mà có chút lay động, cho nên bắt đầu biến thiên vạn vật hình thành thế giới.

Ở đây Đức Phật giải thích thế giới là sự máy động của tâm thức mà ra. Nhìn với thời điểm hiện tại chúng ta ở đây là quả đất đã hình thành rồi, chúng sanh đã có tràn ngập rồi, bây

giờ nói thế giới hình thành do tâm có khi chúng ta không khái niệm nổi và cũng khó chấp nhận được với hiểu biết thông thường. Ví dụ ở đây là miếng đất trống, sau một thời gian chúng ta quay lại đây nó là cái nhà, vậy cái nhà này từ đâu nó sanh ra? Nếu không có con người, không sanh tâm, không vẽ ra, không có thợ để làm thì không hình thành cái nhà. Như vậy hình thành cái nhà là do tâm con người. Nếu có lần nào đó mình tu tập tốt, chúng ta hòa nhập được với bản tâm thanh tịnh để mình hết đi cái riêng tư, thì chúng ta sẽ thấy sự khởi động đầu tiên khi chúng ta quay lại thế giới này, lúc đó chúng ta không phải là con người, không phải là thân tâm này. Một phen thân tâm này tan biến rồi, thì chúng ta không phải là người nhỏ nhiệm như bây giờ, lúc đó chúng ta là cái gì đó khắp. Cái khắp biết đó rất thanh tịnh, nhiệm mầu. Bắt đầu manh nha trở lại đời sống của một chúng sanh, manh nha trở lại sự hiểu biết của thế giới vạn vật, thì lúc đó chúng ta thấy rõ ràng tất cả mọi cái đều hình thành từ tâm.

Trong các bản Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Pháp Bảo Đàn, Kinh Pháp Hoa, những cái tên Tự Tánh, Như Lai Tạng tâm, Phật Tri Kiến, Đức Phật nhằm chỉ nó bất sanh bất diệt, rồi chúng ta liền nghĩ tới nó bất động, nó chết lặng, khô cằn, không có sự sống. Hiểu như vậy là chúng ta hiểu lầm về Tự Tánh và người nghĩ như vậy thì không thể nào thể nhận được Tự Tánh.

Tự Tánh chúng ta là nguồn sống của vũ trụ này, nó vận hành để sinh sôi và sự vận hành đó liên tục không có phút giây tạm dừng với vận tốc bằng một tỷ lũy thừa tỷ vận tốc ánh sáng, khiến cho đầu óc bình thường chúng ta không nhận ra, mà chúng ta thấy gần như nó bất động. Giống như chúng ta

đang ngồi trên quả đất này, nếu nói với một người nông dân thông thường rằng quả đất này đang quay vùn vụt trong hư không là họ không tin, họ thấy quả đất đang bất động. Từ gần gũi nhất trong Kinh Kim Cang là từ vô trụ, nó gần diễn đạt được sự vận hành của Tự Tánh. Tự Tánh không có phút giây dừng trụ, nó luôn vận hành để gầy dựng, tạo lập tất cả mọi cái trong không gian và trong vũ trụ này.

VĂN KINH

Nhân hư không mà sinh ra dao động kiên cố cái sáng mà thành có ngăn ngại. Các loại kim bảo kia đều do minh giác lập ra tính cứng chắc nên có kim luân giữ gìn cõi nước.

Kiên cố cái giác thì thành có kim bảo, lay động cái minh thì có phong đại hiện ra. Phong đại và kim bảo cọ xát với nhau cho nên có lửa sáng làm thành tính biến hóa.

Ánh sáng kim bảo đượm ướt, lửa sáng xông lên, cho nên có thủy luân trùm khắp mười phương cõi nước.

Lửa bốc lên, nước rơi xuống giao nhau phát hiện mà làm thành tính cứng. Chỗ ướt là biển lớn, chỗ khô là đại lục và cồn đảo. Bởi do nghĩa ấy, nên trong biển lớn có hơi nóng thường bốc lên, trong đại lục và cồn đảo có sông ngòi thường chảy xuống.

Thế nước kém hơn thế lửa thì kết thành núi cao. Vậy nên đá núi đập thì tóe lửa, nấu thì chảy ra nước.

Thế đất kém hơn thế nước, rút lên làm cỏ cây. Thế nên rừng rậm đốt thì thành đất, vắt ra có nước.

Vọng tưởng giao xen phát sinh, lần lượt làm thành chủng tử cho nhau. Do nhân duyên ấy, thế giới tiếp nối".

VĂN KINH

Chi 2. Tướng kết quả chúng sinh tiếp nối

Lại nữa Phú Lâu Na! Cái minh vọng không phải gì khác, mà do Giác minh hóa ra lầm lỗi, cái sở minh hư vọng đã lập thì cái phạm vi của năng minh không thể vượt khỏi được.

Do nhân duyên ấy, mà nghe không ngoài tiếng, thấy không ngoài sắc; sáu thứ vọng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp v.v… thành lập, do đó mà phân chia ra có thấy nghe, hiểu biết. Đồng nghiệp trói buộc lẫn nhau mà có hợp, có ly, có thành, có hóa.

Cái thấy sáng tỏ thì các sắc phát ra, nhận rõ sự thấy thì thành có tư tưởng, ý kiến khác nhau (dị kiến) thành ra ghét, tư tưởng đồng nhau (đồng tưởng) thành ra yêu.

Dòng ái lan ra làm thành hạt giống, thu nạp tưởng thành bào thai, giao cấu phát sinh, hấp dẫn đồng nghiệp, nên có nhân duyên sinh yết la lam, át bồ đàm v.v …

Thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, hay hóa sinh, tùy chỗ của các loài ấy mà ứng hiện. Loài noãn chỉ do tưởng mà sinh; loài thai sinh nhân tình mà ứng; loài thấp sinh do hợp mà cảm; loài hóa sinh do phân ly mà hiện.

Khi tình, khi tưởng, khi hợp, khi ly, thay đổi lẫn nhau, nên các loài thọ nghiệp báo và theo đó mà có thăng trầm. Do nhân duyên ấy mà chúng sinh tiếp nối.

Đến đây là lần thứ hai Đức Phật giải thích về sự hình thành chúng sanh: *"Cái minh vọng không phải gì khác, mà do Giác minh hóa ra lầm lỗi, cái sở minh hư vọng đã lập thì cái phạm vi của năng minh không thể vượt khỏi được."*

Cái Diệu minh chân tâm nhiệm mầu sáng suốt của mình là cái gốc sinh ra tất cả chúng sanh muôn loài vạn vật vũ trụ ở trong hư không này. Chỗ Diệu minh này chúng sanh không giữ yên được, có chút dao động thì rớt xuống tầng kế đó là giác minh. Cái minh là cái soi chiếu, rõ thông tất cả mọi cái, đầu tiên nó nhận cái Giác làm đối tượng của nó, khi đó là bắt đầu hình thành hai bên, tức là sự manh nha đầu tiên từ bản tâm thanh tịnh của chính mình.

Đây là chỗ hết sức chuyên môn, nếu người tu có lần nhập định hoàn toàn bặt dứt tất cả những vọng niệm đúng với Thiền Đại thừa, thì sau khi các vọng niệm lặng dứt, người đó có cái rõ biết trùm khắp pháp giới ngay phút giây đó. Lúc đó mình không phải thân tâm này mà mình đã phủ khắp pháp giới, nhưng phước báu, định lực và đạo hạnh chúng ta không đủ thì chúng ta chỉ trụ trong đó mười phút, hai mươi phút thôi. Rồi từ cái rỗng lặng thênh thang đó bắt đầu manh nha những ý niệm ban sơ, thì chúng ta rớt xuống tầng kế tiếp.

Cái minh phủ khắp pháp giới này không có đối tượng. Tất cả những việc trong pháp giới này đều ở trong minh giác. Và minh giác rõ khắp không sót cái nào. Nhưng sự hình thành của thế giới, hư không, con người và tất cả mọi cái đều ở trong cái rõ biết của chính mình. Lúc chưa hình thành đối tượng nó rõ biết nhưng không phải mình biết sự vật, không phải mình biết cái đèn, không phải mình thấy cái chùa, tức là không có cái hai bên trong phút giây đó, là lúc này chúng ta còn trụ vững ở trong Diệu minh Chân tâm.

Nhưng rồi cái Diệu minh chân tâm đó chúng ta không trụ được bền, phước báu chúng ta không đủ để có thể giữ vững chỗ này, bắt đầu chúng ta có một sự manh nha nhỏ nhiệm ban

đầu. Nó vừa gợn ra nơi tâm chúng ta là có một sự hình thành rõ biết và có đối tượng để chúng ta biết, thì đối tượng đó chưa thành danh, thành tánh; nó chưa thành nhà, chưa thành núi, chưa thành đất đai, chưa thành hư không, chưa thành con người, chưa thành mặt trời, chưa thành trăng sao; nhưng nếu chúng ta tinh vi thì chúng ta sẽ thấy sự manh động này.

Nếu chúng ta có công phu khá một chút, thì sự manh nha đó vừa có máy động là hóa tán thì chúng ta trở lại cái Diệu minh. Nhưng nếu chúng ta không hóa tán được, thì nó đi tới thêm một chút nữa là khẳng định vị trí sáng suốt đang soi chiếu sự vật. Đây là chỗ lầm của rất nhiều người tu Thiền, họ đang rõ biết vạn pháp bằng tâm rỗng lặng không phân biệt và cho đó là Tánh. Đây được gọi là mặt trăng thứ hai.

Ví dụ chúng ta nhìn bóng đèn, nếu mắt bình thường thì thấy một bóng đèn, nhưng nếu lấy tay ấn vào mắt là thấy thêm một bóng đèn kế bên, lúc đó là mắt bắt đầu nhặm, không còn thấy nguyên xưa nữa. Cái thấy nguyên xưa là hoàn toàn không có đối tượng. Chỉ có người thấu hiểu định lực Đại thừa và đã hòa nhập trong pháp giới tánh toàn chân thật sự mới thấy đầu mối của sanh tử và coi như việc sanh tử xong, lúc đó muốn sống thì sống, muốn chết thì chết, muốn để thân mấy ngàn năm, mấy triệu năm cũng được.

Còn khi chúng ta chưa nhập vào chánh định, mà nhập vào tầng định thấp hơn của Nhị Thừa, thì cũng có thể trước phút chết chúng ta vào từ Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, dạo đi dạo lại mấy lần chúng ta mới bỏ xác được, chứ không có đi tự tại như các vị Thiền sư đã hòa nhập trong pháp giới tánh toàn chân. Hai cái chết rất khác nhau. Trong hệ thống Nguyên Thủy Phật giáo, chưa có vị Tổ sư nào có khả năng

lưu thân lâu hơn Thiền tông là Lục Tổ Huệ Năng. Thân Lục Tổ tới nay là hơn 1.300 năm, thân không bị teo nhỏ như người khác. Định lực Đại thừa khủng khiếp đến mức độ chỉ cần bỏ lại một chút xíu định lực, là có thể lưu thân vật chất hàng tỷ năm vẫn không suy tổn.

Lục Tổ chưa có một lần ngồi Thiền, cả một đời Lục Tổ thể hiện trọn vẹn một loại định là Thường Tại Định của Phật giáo Đại thừa, của Thiền tông và của Phật thừa. Tức là đi, đứng, nằm, ngồi, nhảy, múa, la, hét vẫn ở trong định. Một người thực sự triệt ngộ, hòa nhập trong bể tánh thanh tịnh sáng suốt đó rồi, họ muốn lưu thân chỉ cần bỏ một chút xíu định lực thôi là họ đi hằng hà sa số thế giới làm hằng hà sa số Phật sự, có thể họ tu thành Phật trong cõi khác, nhưng cõi này vẫn lưu thân hàng ngàn kiếp không hề nhúc nhích. Điều này các hệ phái khác không bao giờ chịu nổi định lực của Đại thừa. Khi chúng ta học Thiền tông thấy chuyện Ngộ Tánh rất bình thường, nói một câu khai thị người này ngộ, người kia ngộ, nhưng người đó chưa từng ngồi Thiền, chưa từng có lần nào nhập định, mà nói người này Ngộ Tánh rất nhiều người không tin.

Học Kinh điển Đại thừa tới đoạn này người bình thường sẽ thấy rất xa lạ, nhưng trong chuyên môn chúng ta mới thấy sự manh động ban đầu để sinh ra chúng sanh, tức là đầu mối của sanh tử. Trong đời này, người tu nào chưa có lần chạm trán được tới đầu mối sanh tử, chưa thấy được cái manh động nhỏ nhiệm nhất để hình thành một chúng sanh, hình thành một ý niệm ban đầu, không thấu tận nó, là người đó không giải quyết được thân phận chúng sanh của chính mình.

Đức Phật nói tướng kết quả để sanh ra một chúng

sanh, là Đức Phật muốn nói tới đầu mối sanh tử của tất cả chúng sanh muôn loài khắp mười phương pháp giới, không phải nói chuyện bình thường. Chỗ này hết sức quan trọng mà người tu chúng ta phải biết. Dù chúng ta là ai, mà chưa có lần thấu hiểu đầu mối sanh tử, chưa có lần thấu hiểu cái manh nha hình thành một chúng sanh ban đầu ở nơi tâm chúng ta, thì mình tiếp tục bị lầm. Cho nên Đức Phật nói: ***"Cái minh vọng không phải gì khác mà do Giác minh hóa ra lầm lỗi."***

Bây giờ chúng ta có cái minh giác, tức là ở chỗ sáng suốt chưa rớt xuống tầng mê lộ. Cái minh này đang minh cái giác, tức là cái sáng suốt đang rõ biết cái đang biết pháp giới này. Chúng ta có cái gì đó đang biết cái đang nghe hiện tại ở đây. Khi chúng tôi nói là quý vị đang nghe, nếu chúng ta thật sự lắng tâm là chúng ta đang có cái biết để biết âm thanh đang vang động trong tâm của mình. Chúng ta phải nhìn ra điều này để hiểu Giác minh nó là cái gì, nếu không thì chúng ta sẽ bị lầm và đoạn Kinh này chúng ta cũng sẽ không hiểu.

Bây giờ chúng ta thử lắng tâm thanh tịnh để nghe. Một âm thanh chúng tôi phát ra thì quý vị nghe rõ âm thanh tôi đang phát ra, đó là tầng thứ nhất đang giác biết. Nhưng có cái minh nó đang minh cái giác này, tức là cái biết âm thanh đang bị một cái rõ soi, tinh tế lắm chúng ta mới nhận ra. Không nhận ra được chỗ này là chúng ta không thấy được cái hình thành chúng sanh. Mà không thấy được cái hình thành chúng sanh, tức là không thấy được đầu mối sanh tử. Mà không thấy được đầu mối sanh tử, là chúng ta không giải quyết được sanh tử trong đời này của chính mình.

Nếu biết được điều này quý vị sẽ thấy rằng, sau phút giây chúng ta vừa biết chuyện này thôi là gần như cuộc đời

chúng ta chuyển qua một cõi giới khác, không còn là một chúng sanh tầm thường nữa. Mặc dù mang thân người như vậy nhưng chúng ta hoàn toàn là con người đã bị lột xác. Một thoáng chúng ta chết cái cũ để cái thân mới được sanh ra. Lúc cái minh nó đang minh cái giác là chúng ta đang ở tầng thanh tịnh, chưa phải là vọng tình. Cái đó nó bắt đầu lệ thuộc trần. Lúc này cái giác chúng ta bắt đầu tiếp tục hoạt dụng, thì cái biết nó biết ở nơi mắt để thấy được hình sắc, biết ở lỗ tai để nghe được âm thanh, chúng ta không thể ra ngoài cái này được nữa.

Biết ở tầng con mắt thì không thể thấy được âm thanh, cái tai không thể thấy được hình sắc, tức là chúng ta không thể đi ra ngoài đối tượng. Lúc đó mới bắt đầu hình thành hình sắc, hình thành âm thanh, hình thành căn, hình thành trần, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp trần, như vậy trong cái thấy nghe hay biết chúng ta bắt đầu bị ràng buộc trong lục căn không ra khỏi. Và căn nào thì rõ biết trần đó, không biết cái khác được.

Khi nào chúng ta phá vỡ hết những cái này đi ngược về nguồn, thì căn này không phải mắt thấy được sắc nữa, mà mắt chúng ta có thể nhận biết được âm thanh, lỗ tai có thể nhận biết được hình sắc, thì lúc đó là chúng ta đã phá vỡ được lục căn để trở về nguồn lại, gọi là nhập lại Diệu minh, trở lại cái bất sanh bất diệt. Còn khi nào cái thấy của chúng ta vẫn còn kẹt hình sắc, ở tai chúng ta vẫn còn tới âm thanh, mà lỗ tai không thể thấy được hình sắc, con mắt không thể nghe âm thanh thì biết rằng lúc đó chúng ta đang còn rớt xuống tầng sâu của sanh tử.

Đức Phật nói*: "Do nhân duyên ấy, mà nghe không*

ngoài tiếng, thấy không ngoài sắc." Tức là khi chúng ta bắt đầu manh nha có sự phân chia nơi mình là chúng ta rớt xuống, phân chia đó chưa phải là phân biệt khổ đau, buồn, thương, giận, ghét những cái đó chúng ta chưa bàn vì nó ở phần thô. Sự phân chia ban đầu là mình đang biết mình nghe âm thanh, mình đang biết mình thấy hình sắc, mình ở đây hình sắc ở kia, mình ở đây âm thanh ở kia v.v… có sự phân biệt đó là chúng ta bắt đầu rớt xuống tầng sanh tử. Đó là nguyên nhân tại sao chúng sanh xưa kia ở bản nhiên thanh tịnh mà bị sanh tử luân hồi.

Nếu bị sanh tử luân hồi, rồi mình giác ngộ thì có bị sanh tử lại như cũ không? Đó là câu hỏi trước kia của ngài Phú Lâu Na. Đức Phật trả lời: Nếu mình trụ vững ở Diệu minh, nhưng thực sự phước báu của chúng sanh không đủ để có thể trụ lâu. Có khi ngồi thiền được một giây trụ trong Diệu minh, có thể đổi một kiếp sanh tử của mình. Sau đó có thể được một phút, sau đó có thể được một tiếng, sau đó có thể được một ngày, và nhiều ngày ở trong Diệu minh, thì người đó sẽ được lực dụng rất mạnh, đi đứng nằm ngồi họ ở trong thường tại định, không do nhập do xuất nữa. Và tam giới này không phải là hai với họ nữa, chỉ là duy nhất Nhất chơn pháp giới, là tam giới toàn chân, không có gì sai biệt.

Nhưng mình bắt đầu sai biệt, là mình rời khỏi bể tánh thanh tịnh cho nên chúng ta rời khỏi cái toàn chân đó, chúng ta bắt đầu rớt xuống tầng sai biệt. Rớt xuống tầng sai biệt thì cái thấy và cái nghe bắt đầu duyên với nhau mà hình thành. Tức là lục căn chúng ta phải do có trần nó mới biết được, còn không có trần là chúng ta không biết. Như nãy giờ nói chuyện bây giờ mình ngưng không nói tiếng nào hỏi mình có nghe gì

không? Mình liền trả lời là không nghe. Nhưng người có tu họ sẽ trả lời là họ nghe không có tiếng chứ không phải là không nghe.

Đức Phật nói tiếp: Do cái phân biệt hai bên, vừa có phân biệt là vừa rớt vô hai bên, thì sẽ có đối tượng và mình, là có năng và có sở. Khi năng, sở hình thành là mọi thứ sanh ra. Chúng sanh bắt đầu sanh ra theo chiều năng, sở nhiều ít của mình, mà bắt đầu lưu chuyển trong sanh tử luân hồi tiếp nối.

Chúng sanh phải đi một vòng, bắt đầu rời khỏi bể giác thanh tịnh rơi xuống tầng mê lộ, phải đi một vòng để quay về nguồn. Một vòng đó là chúng ta được học hỏi tất cả những cái trong sanh tử của pháp giới này. Những cái buồn, thương, giận, ghét, giàu, nghèo, khó khăn, cực khổ… chúng ta phải học hết. Nếu như ai mà chưa tốt nghiệp những trường đó thì không quay về bể giác được, đó là luật sanh tử, không ai cắt ngang vòng đó được. Ví dụ người ta mới từ chỗ kia đi xuống, giai đoạn đầu là mình sống được hạnh phúc, an vui, bình yên, làm đâu được đó, tức là giai đoạn thiện mình hưởng được bao nhiêu đó, rồi mình cắt hết đoạn ác để mình quay trở về thành Phật. Xin thưa, là không được. Chúng ta phải học hết một vòng khổ đau cùng tận của trần gian này để chúng ta phải tốt nghiệp cho ra, địa ngục mười tám tầng chúng ta cũng phải đi tới, rồi mới trở về bể giác được.

Cho nên trong công phu tu tập từ trước tới giờ, chúng ta đừng bao giờ có thái độ ngăn chặn cái vòng nghiệp thức đang trôi chảy trong tâm của chính mình, phải để nó được trôi một cách tự do như dòng thác được đổ, nó chảy tự do thì nó sẽ nhanh về tới biển hơn. Nếu chúng ta be bờ, đắp đập, ngăn

chặn thì nó sẽ chậm; thậm chí nước mà tù đọng lại nó có thể thối tha sẽ gây nhiều phiền lụy cho chính bản thân mình. Người nào đủ gan bắt đầu công phu tu tập đúng chánh Pháp của Đức Phật, thì chúng ta phải để dòng tâm thức chúng ta trôi chảy, tức là cho chúng sanh phải tự sống hết tuổi thọ của nó thì nó sẽ không còn khiếu nại nữa. Còn nó sống nửa đường mà chúng ta cắt nó, chúng ta trừ nó, chúng ta khử nó, thì nó tiếp tục đi bằng đường khác.

Ví dụ mình vừa nghĩ tới chuyện có người nào đó ức hiếp mình, họ dùng quyền lực, dùng thế lực đông người, họ nói nặng nói nhẹ mình, họ gây thù chuốc oán với mình. Lúc đó mình uất lên, vừa uất lên là mình chặn lại, mình nghĩ mình tu nên ráng đè xuống, tức là chúng ta ngăn chặn dòng nghiệp thức, không cho nó tuôn đổ tiếp tục, thì nó sẽ đi đường khác. Cho nên vừa khởi tức tối lên thì cứ để cho nó tức, mình chỉ nhận diện rõ ràng cái tức đó đang xảy ra trong tâm của chúng ta. Thậm chí đang ngồi thiền chúng ta chửi nặng người kia, thì cứ để cho nó xảy ra. Lần đầu xảy ra như vậy rất là nặng nề, mình nghe cái ức của mình nó lên đến tột đỉnh. Nhớ nghĩ, những hành động, những lời nói, những thái độ họ chọc ghẹo mình, họ hơn thua với mình, họ bức ép mình, mình nghe rất khó chịu … Nhưng chưa hết đâu, lần sau ngồi thiền nó sẽ nhớ lại.

Nếu lần đầu mình để cho nó trôi một cách bình thường, thì lần hai độ bức xúc của nó chỉ còn khoảng năm mươi phần trăm chớ không nhiều, nhưng nếu lần đầu chúng ta ngăn chặn thì cái uất nó sẽ lên đến một trăm năm mươi phần trăm, nghĩa là cái ức nó sẽ mạnh hơn nữa. Và lần thứ ba xảy ra thì nó sẽ bớt từ bảy mươi phần trăm đến tám mươi phần

trăm, đến lần nữa thì coi như nó hết làm động đậy tới tâm thức chúng ta được. Nếu mình không rõ tâm mình uất hận người khác và mình cố đè nén để không cho nó xảy ra, thì việc đó còn hoài đời này cho tới đời khác nữa.

Có những loại công phu để chúng ta thanh tâm của mình. Có những khi chúng ta bị bức xúc tới khi không chịu nổi nữa, mà nếu mình là người tu đứng ra mình la hét thì kỳ quá, nên đóng cửa phòng lại, chuẩn bị cái gì mềm mềm mình đập, mình la hét để giải toả những cái trong lòng mình, thì khi ra khỏi phòng mình sẽ nhẹ. Hoặc chúng ta ra ngoài biển tìm khoảng không nào đó chúng ta la lên, thì đó cũng là một trong những cách chúng ta giải phóng được uất kết nơi tâm thức mình.

Đa phần do học hiểu tu tập là *"nguyện đoạn nhất thiết ác, nguyện tu nhất thiết thiện"* … nên khi tất cả những niệm ác bực bội vừa xảy ra nơi tâm là chúng ta đoạn dứt, nghĩ đó là tu tập, nhưng xin thưa, ở công phu chuyên môn chúng ta dồn nén để mình tiếp tục bị uất kết chứ không phải là cách giải phóng chúng ta. Chúng ta phải thấy lại công phu này chứ nếu không tu sĩ cũng như cư sĩ đều bị uất kết.

Có những tình cảm thương mến chúng ta không dám nói ra, không dám tâm sự, chính mình cũng không cho nó nói lên tiếng nói nội lòng, thì nó sẽ tìm đường khác. Ví dụ dòng suối đang trên núi chảy xuống mà chúng ta đắp ngang, thì nó không chảy được đường này nó sẽ chảy vô ruộng, vô đồng, tràn nhà, tràn cửa sẽ làm ảnh hưởng rất nhiều người. Đa số những người có uất kết nơi tâm thì đời sống họ có nhiều chuyện phiền. Mà không phải phiền mình họ, gia đình cũng bị phiền, những người sống gần họ chừng nào càng bị phiền

toái nhiều chừng đó. Còn người nào đã được xả bỏ rồi thì nó sẽ nhẹ đi, họ không làm phiền người xung quanh nữa.

Trong công phu chúng ta phải khéo léo để cho dòng tâm thức chúng ta trôi chảy một cách thẳng tắp về tới biển khơi. Sông nào, nước nào đi nữa nó chảy hàng ngàn dòng về biển thì cũng biến thành mặn hết. Tất cả dòng tâm thức nó chảy miên man kiểu nào thì cũng tới bể giác hết, nó không chảy đi đâu để lọt ra khỏi bể giác được, chúng ta phải để cho nó chảy tự do thì nó mới mau tới, còn nếu chúng ta ngăn chặn nó sẽ lâu tới.

Nói điều này có những người tu sẽ phản đối. Mình chỉ để cho dòng tâm thức hiện khởi mà không hành động, không phải tức lên là đi chửi người ta. Trong cõi tâm của mình phải để cho những ý niệm buồn, thương, giận, ghét được tự do sanh khởi, đừng có ngăn chặn, đừng có diệt trừ, chỉ cần rõ biết là đủ. Lúc tâm niệm thương người ta mình cũng rõ biết, lúc ghét người ta mình cũng rõ biết, thích người ta mình cũng rõ biết, không thích người ta mình cũng rõ biết, nhớ nhung người ta mình cũng rõ biết, mà uất hận thù hằn cũng rõ biết, phải để tất cả những ý niệm đó được luân lưu.

Khi chúng ta thấy rõ hai mặt tâm thức của mình là thương và ghét, thiện và ác là lúc đó chúng ta đã có tuệ giác thực sự. Người có trí tuệ mới thấy được hai mặt của vấn đề, còn người không có trí tuệ họ chỉ thấy một chiều mà thôi. Người có trí tuệ thì hai chiều thuận nghịch xảy ra họ đều được bình an, người không có trí tuệ tu tập thì cái này bình an nhưng cái kia sẽ không bình an, khởi thiện mình cảm thấy vừa ý, khởi bất thiện mình không vừa ý bị bất an. Nên làm sao nơi tâm chúng ta phải hết sức bình lặng để chúng ta thấu suốt được

thiện, ác của chính mình.

Đầu Kinh Pháp Hoa, từ lông trắng giữa chân mày của Đức Phật, phóng ra luồng hào quang soi thấu mười phương cõi nước phương Đông, trên thấu tới trời Hữu Đảnh, dưới thấu địa ngục A Tỳ. Trời Hữu Đảnh là cõi cực thiện, địa ngục A Tỳ là cõi cực ác, chỉ có lông trắng giữa chân mày là cái thấy không bị vướng kẹt hai bên mới đủ sức thấy được cõi cực thiện và cực ác nơi tự tâm của chúng ta. Còn không là không bao giờ chúng ta thấy nổi. Nếu chúng ta còn ngăn chặn tức là chúng ta còn ở bên thiện để trừ bên ác, thì không bao giờ chúng ta thấy tới nơi tới chốn nội lòng của mình. Mà không thấy được chỗ cực thiện thì sẽ không thấy được đầu mối của sanh tử chúng sanh, là chúng ta không giải quyết được chuyện sanh tử này.

Người tu chúng ta nhất định trong đời này phải biết được chuyện sanh tử, thì chúng ta phải để cho vùng đất tâm chúng ta được rộng mở, để tất cả chúng sanh tâm được sanh sôi nảy nở, sinh sống một cách tự do tự tại rồi nó sẽ ra đi một cách tự do tự tại. Chúng ta phải bình an được hai mặt thiện và ác.

"Đồng nghiệp trói buộc lẫn nhau mà có hợp, có ly, có thành, có hóa." Đức Phật nói tới nguyên nhân sanh tử của bốn loài chúng sanh: thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh. Ở Kinh Kim Cang thì bốn loài chúng sinh này luôn luôn có mặt nơi tâm của tất cả chúng ta.

1. Loài noãn sanh: Theo nhân chủng học thì loài sanh bằng trứng như chim, gà, vịt … có cánh bay được; loài lặn dưới nước như tôm, tép, cá ... loài sống thông thường trên bờ như rắn, rùa … là loài noãn sanh do tưởng mà thành. Những

người có tưởng nặng hay dao động chìm nổi nhiều, ví dụ ngồi đây mình tưởng tượng mình sẽ đi chợ mua cái gì đó ăn rất ngon, rồi kiếm nước gì đó uống cho ngon, rồi kiếm xe gì đó đi cho sang, rồi kiếm nhà ở cho tốt … Tất cả những ý tưởng này, nó luôn dao dộng để tìm sự thỏa mãn.

Loài sanh bằng trứng trong Kinh Kim Cang nói là những loại ý niệm được sanh ra, phải ấp một thời gian mới nở thành con. Như gà đẻ trứng ấp mấy chục ngày mới nở thành con, còn chúng sanh noãn sanh sanh ra từ tâm của con người, là những ý niệm chưa thành hành động. Ví dụ, ngồi đây nghe bụng đói mình nghĩ chút nữa mình sẽ về ngang chợ ăn món gì đó, chấm nước đó nó sẽ ngon hơn, nhưng chỉ là nghĩ thôi, là những ý niệm được sanh ra trong đầu của mình. Rồi tới bữa ăn mình sẽ gặp đúng món đó, mình sẽ gắp đúng món đó ăn, là lúc đó trứng đã nở thành con. Hoặc tối nay về nhà chủ nhật mình sẽ mở ti vi coi kênh đó có nhiều chương trình hay, đó là chỉ nghĩ thôi. Tối về nhà mình bật ti vi mở đúng kênh mình nghĩ ngày hôm nay để coi chương trình đó, là trứng đã nở thành con.

Noãn sanh là loài chúng sanh được sanh ra nơi tâm mình, chứ không phải là chúng sanh trong nhân chủng học. Đức Phật không nói chuyện bên ngoài nhiều như gà, vịt sanh ra trứng, mà tất cả những cái Đức Phật muốn nói là nói những cái nơi tự tâm chúng ta.

2. Loài thai sanh: Do tình mà thành. Loài này vừa sanh ra là thành hình liền. Ví dụ, như hai người thương mến nhau lâu ngày không gặp, bây giờ đón người đó từ xa về mình mừng chạy lại ôm chầm lấy người đó. Tức là vừa khởi niệm mừng vui đón người thân là chúng ta có hành động liền. Hoặc

người ta chọc mình tức lên thì chửi liền, khi chúng sanh sanh ra là thành hành động liền. Hoặc đói bụng quá ngồi trước bàn ăn là gắp liền để ăn, không có tính toán. Khát nước là đưa ly nước uống liền, ngồi trước máy hư chúng ta biết nó hư cái gì mình sửa liền, ngồi trước bài văn nghĩ câu nào là viết liền. Đó là loài chúng sanh có hình tướng được sanh ra.

3. Loài thấp sanh: Do hợp mà cảm. Ví dụ người nào tuổi vừa lớn lên mới vừa biết chuyện thế gian một chút là tâm mình bắt đầu dao động, mình tìm đối tượng cảm thấy mình hợp, gần gũi chia sẻ Kinh nghiệm và trở thành người thân của nhau. Nhưng mai kia mốt nọ họ bỏ mình, không còn thân nữa mà họ thân với người khác mà mình không thể nói được với ai. Đó là loài chúng sanh thấp sanh sanh ra từ sự ẩm ướt, từ nơi ẩm thấp nhất trong tâm hồn của chúng sanh. Còn bên ngoài chúng sanh này ví dụ như con mẻ trong cơm được ủ chua, nó rọ rạy trong đó, hoặc chỗ ẩm thấp có một số con giòi nhúc nhích, hoặc trũng nước dơ sanh ra một số côn trùng. Loài thấp sanh do sự hòa hiệp sinh ra, nếu không có sự ẩm thấp thì chúng sanh đó không sanh ra được. Tâm hồn chúng ta không trải qua đoạn thấp, thì những loài chúng sanh rọ rạy không thể xảy ra nơi tâm mình được.

Ví dụ như mình có chuyện buồn, không tâm sự được, không nói với ai được, nhưng có cái gì đó làm cho mình khó chịu sâu tận bên trong lòng. Có đôi lúc mình buồn mà chính bản thân mình cũng không có cảm nhận ra được. Mình rớt vào tầng tâm đó một ngày, hai ngày, thậm chí nhiều ngày, những người đó thường hay phát cuồng. Đôi khi mình buồn lải nhải một mình ở chỗ vắng, tự chịu với cái rọ rạy nơi tâm của mình, rất khó chịu.

Khi chuyện tình cảm hoặc chuyện đời của chúng ta có gì trục trặc, tức là sự hòa hiệp không còn rõ ràng, nó đã bị hư đổ, giữa mình với đối tượng không còn như ngày nào nữa, sự việc mà mình chấp giữ lâu nay nó không còn ở trong vòng tay của mình nữa, mọi cái bắt đầu hư mất rồi, thì sự luyến tiếc buồn thương ái nhiễm đó sanh ra loài chúng sanh này. Có những loại tình cảm chúng ta không thể tâm sự được với ai, với Phật mình cũng nói không ra lời, bạn thân cũng không thể tâm sự thì những uất hờn đó làm cho tâm chúng ta ray rứt thầm kín bên trong, làm chúng ta rất đau khổ. Đó là loại chúng sanh thấp sanh sanh ra trong tâm của chúng ta.

4. Loài hóa sanh: Do ly mà hiện. Loài chúng sanh này sanh ra không có nguyên nhân rõ ràng. Như con tằm nó vô kén thời gian hóa bướm, hoặc trong đống rác tự nhiên có đom đóm, hoặc quan tài chôn dưới đất tự nhiên có lươn, người ta cứ nghĩ là tóc của người chết sanh ra lươn.

Là loài hóa sanh đột biến mà người ta không thấy rõ nguyên nhân chính của nó. Như tò vò làm ổ đắp đất bắt con sâu nhét vào đó rồi đi, tự nhiên ngày nào đó có con tò vò con bò ra, người ta không hiểu. Thật ra nó đẻ trứng trong đó, rồi bắt một số con mồi làm mồi cho con nó khi sinh ra có mà ăn, rồi mọc cánh bay đi. Trứng con đom đóm trong đống rác mình không thấy, hoặc trứng con lươn mình không thấy, do chúng ta không thấy được nguyên nhân rõ ràng nên được gọi là hóa sanh.

Ở nơi tâm chúng ta có những lúc chúng ta thay đổi tâm tính một cách bất thường. Thường chúng ta gặp chuyện gì đau khổ mất mát nhiều thì chúng ta hét lên, la lối, hoặc quỵ xỉu. Vì đau khổ quá mình không kìm nén nổi nên gục xuống xỉu.

Chuyện đó từ xưa tới giờ không có nơi mình, nhưng bây giờ vì tâm mình có một sự biến động lớn để mình có những hành động bất thường, thì đó là loại chúng sanh hóa sanh được sanh ra nơi tâm thức chúng ta.

Hoặc thế gian có câu *"Bần cùng sanh đạo tặc",* cùng đường rồi nếu ngày mai mà không có tiền thì phải bị đói, mình chết thì không nói nhưng mấy đứa con mình nó còn nhỏ mà chết tội quá nên lén xin sanh tánh ăn trộm, cũng là loại chúng sanh hóa sanh sanh ra nơi tâm chúng ta.

Khi một người cùng đường, họ sẽ làm chuyện xấu hơn, tệ hơn bình thường, thậm chí còn tệ hơn những người đang tệ trong xã hội nữa vì họ bị dồn tới đường cùng. Có người bị ức hiếp, bình thường họ rất hiền không dám cầm dao cắt cổ một con cá nhỏ nữa, nhưng khi dồn tới đường cùng, bị đánh gần chết, cái vẫy vùng đau khổ tận cùng của họ có thể họ quơ trúng cái gì đó họ đâm lại người kia. Đó là loại chúng sanh hóa sanh phân ly để sanh ra. Tức là tâm chúng ta đến giai đoạn cùng để nó ly tán thì nó bắt đầu hóa sanh loài chúng sanh này.

Phần này Đức Phật muốn giải thích tướng kết quả chúng sinh được tiếp nối trong sinh tử luân hồi, một phần do chúng ta quên đi không trụ vững ở bản nhiên thanh tịnh Diệu giác chân tâm, sáng suốt, nhiệm mầu của chính mình mà rớt xuống tầng đầu tiên là cái giác minh, từ Giác minh mới bắt đầu phân chia phân biệt hai bên, để rồi tiếp tục theo chiều phân chia đó mà cái thấy không ngoài hình sắc, cái nghe không ngoài lỗ tai. Tức là chúng ta bị cái duyên đó nó ràng buộc và bây giờ chúng ta đang trong vòng ràng buộc đó không ra khỏi.

Với chúng sanh khi hình thành đầy đủ bốn loài: noãn

sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh thì từ cái tưởng, cái tình, cái hợp, cái ly của mình mà sanh ra nhiều chuyện. Ví dụ, trong tình cảm hai người nói chuyện hợp nhau thì thương, hai người ghét nhau thì ly tán. Chúng ta tưởng tượng để chúng ta mến thích. Rồi tình cảm chúng ta càng sâu lắng thì càng có nhiều sự đắm nhiễm để chúng ta đi xuống. Khi Đức Phật phân biệt về tưởng thì đi lên tình thì đi xuống, phần sau chúng ta sẽ giải thích tình và tưởng ở đây, Đức Phật chỉ giải thích ngang chỗ bốn loài chúng sanh nơi tâm tất cả chúng ta mà thôi.

VĂN KINH

Chi 3. Tướng kết quả nghiệp báo tiếp nối

Phú Lâu Na, tư tưởng yêu thương ràng buộc lẫn nhau, yêu mãi không rời, do đó mà trong thế gian cha mẹ con cháu nương nhau sinh ra tiếp nối không dứt. Những việc như thế là do dục tham làm gốc.

Lòng tham và yêu mến đồng tăng trưởng. Tham mãi không thể dừng, nên trong thế gian các loài noãn sinh, hóa sinh, thấp sinh, thai sinh, tùy sức mạnh yếu ăn nuốt lẫn nhau. Những việc như thế, là do sát tham làm gốc.

Do người ăn thịt dê, dê chết làm người, người chết làm dê. Như thế cho đến mười loài chúng sinh chết sống, sống chết ăn nuốt lẫn nhau, ác nghiệp cùng sinh ra tột đời vị lai. Những việc như thế là do trộm tham làm gốc.

Người này mắc nợ thân mạng người kia, người kia trả nợ cũ người này. Do nhân duyên đó mà trải qua trăm ngàn kiếp thường ở trong sinh tử.

Người này yêu tâm người kia, người kia ưa sắc người này. Do nhân duyên ấy trải qua trăm ngàn kiếp

thường ở trong vòng ràng buộc. Duy ba thứ: Sát, Đạo, Dâm là cội gốc. Do nhân duyên ấy mà có nghiệp quả tiếp nối.

Do ba nghiệp sát, đạo, dâm (sát sanh, trộm cắp, dâm dục) mà sanh ra sanh tử tiếp nối. Người phật tử quy y Tam Bảo thì còn thêm giới thứ tư là vọng ngữ, ở đây Đức Phật chưa nói tới. Trong bốn giới này gọi là tánh giới, là giới căn bản của loài người. Khi có Đức Phật ra đời hoặc không có Đức Phật ra đời, mà chúng ta phạm bốn điều này coi như cũng phạm tội ở trong thế gian. Không riêng đối với giới của Đạo Phật, một người phật tử bình thường phạm những giới này coi như chúng ta phạm tội, trở thành người xấu trong xã hội. Người phật tử phải giữ tròn năm giới. Giới thứ năm không uống rượu là tướng giới, khi có Đức Phật ra đời thì giới thứ năm mới trở thành giới cấm.

Đức Phật nói tiếp, trong tình cảm cái tưởng chúng ta thương yêu thì sẽ ràng buộc lẫn nhau, yêu mãi không rời. Do đó có cha, mẹ, vợ, chồng, anh em với nhau là có nghiệp ràng buộc nhau. Sau khi chúng ta bỏ thân mạng này rồi mà muốn được thân đời sau thì thứ nhất, chúng ta phải đủ phước làm người, gìn giữ năm giới trọn vẹn không tạo ác, không làm điều xấu, làm người tốt trong xã hội thì đời sau đủ nhân cách làm người.

Nhưng phút chốc vào thai mẹ không đơn giản. Khi cha mẹ hòa hợp thì phát ra ngọn lửa dục, nó chiêu cảm hằng hà sa số những tâm thức trong không gian này chứ không phải là một, tranh giành để được lọt vào tử cung bà mẹ không đơn giản. Tất cả những dòng tâm thức đó nó đánh đập, hơn thua, giành giựt nhau ghê gớm lắm, hàng triệu triệu triệu tâm thức

hơn thua như vậy, không dễ gì lọt vô để làm con của người mẹ mình đâu. Nhưng dục nghiệp nó thu hút chúng ta không ra khỏi chỗ đó được như nam châm lớn nó hút một cây sắt nhỏ vậy. Nó trở thành lực rất lạ thu hút tất cả những dòng tâm thức bu bám nơi đó.

Nếu chúng ta có nghiệp đối với cha mẹ mình, thì tự động chúng ta sẽ có một con đường để đi vào bào thai, được làm thai nhi của người cha và người mẹ đó. Một trận chiến phải nói là rất kịch liệt để chúng ta được lọt lưới đi vào. Rất khó! Nếu chúng ta không có nghiệp đó, là chúng ta tranh giành hàng triệu triệu lần mà vẫn chưa vào bào thai được. Nếu không có nghiệp riêng với cha với mẹ mình thì không có con đường thu hút mình vào. Nhưng bây giờ nếu chúng ta có tình cảm thương yêu với cha mẹ trong nhiều đời, có nhân quả, có nợ nần với nhau thì tự động nghiệp nổi lên và tạo thành một đường dây riêng, để cho tâm thức chúng ta đi theo đường dây đó mà lọt vào tử cung bà mẹ để được làm thai mới, chứ không có dễ.

Đức Phật nói là do cái tưởng yêu thương ràng buộc lẫn nhau, nhưng phải nói thêm là có nhân quả với nhau nữa mới có thể sống chung trong một gia đình thành cha, thành mẹ, thành dòng họ huyết thống với nhau trong đời này kiếp nọ. Biết được điều này rồi chúng ta mới thấy là sanh tử đối với chúng ta rất khó khăn. Người tu tốt, có năng lực thì chúng ta gọi là tự tại sanh tử, họ muốn đi đâu về đâu được quyền. Ví dụ trong cuộc tranh giành đó họ muốn vào cái thai đó là họ vào một cách nhẹ nhàng, không ai đủ sức ngăn cấm. Nhưng nếu không phải người tự tại sanh tử thì họ không có lực này. Phải có kết nối nghiệp lực với cha mẹ mình thì mới lọt vào

bào thai.

Trong đời này, nếu chúng ta thiếu công phu, có những ý niệm thương người hay ghét người mà chúng ta không đủ sức công phu hóa tán nó, ví dụ như mình giận là chửi thôi chớ không có nhịn được, hoặc giận hoài hoài không biết làm sao cho nó hết, hoặc thương người đó là phải nói chứ không thì khó chịu lắm, thương thì thương hoài không biết cách nào để dừng, đó là chúng ta bị nghiệp làm chủ mình. Khi nghiệp làm chủ thì lúc bỏ thân mạng nó cuốn trôi chúng ta đi, không để chúng ta tự do. Nếu ngang đây ý niệm thương người hoặc thù người mà chúng ta có cách hóa tán nhẹ nhàng ở cuộc sống này rồi, thì khi chết nghiệp không đủ sức để cuốn chúng ta đi nữa, gọi là người đó có công phu, có nội lực.

Có những lửa dục phát ra không gian tạo thành một loại đốm sáng, không phải loài người mà là của loài mang lông. Trong sanh tử có người bị đi lầm, tức là cái dục nơi lòng mình nó không tắt, khi thấy ngọn lửa dục là mình bị hút vào rất mãnh liệt, chứ không phải mình chọn lựa đâu. Mặc dù nghiệp mình là nghiệp người không phải nghiệp thú, nhưng khi chun vô đó rồi mình mới biết là mình lầm, mình là nghiệp người chứ đâu phải là thân thú, rồi mình bỏ ăn, không tiếp tục nhận dưỡng chất từ bà mẹ ra với mình nữa để mình được chết trong thai. Vì vậy có những loài thú sinh ra nó chết hẳn trong thai để thoát đi kiếp thú, do đi lộn một đoạn. Vậy là mình đã bị giảm một phần năng lượng sống của người, tức là từ cõi súc sanh được lên người trở lại thì tâm thức mình cũng bị giảm thiểu một phần.

Đức Phật nói tới lòng tham muốn và dục để đi vào sanh tử, là một trong những cái dễ sợ nhất trong tam giới này.

Trong đời này mình nghiệm lại nếu dục lòng xảy ra mà chúng ta không có cách gì hóa tán nó, thì sanh tử sắp tới dễ sợ lắm, dễ đi lọt mấy con đường mang lông đội sừng. Xung quanh chúng ta dục người ít hơn dục súc sanh, mà những loài âm dương gặp nhau luôn luôn phát một loại sóng, sóng đó có lực hút rất mãnh liệt với loài chúng sanh còn tâm dục. Nghiệp đi vào loài súc sanh là dục mạnh. Ham muốn cái gì sẽ làm cái đó mà không dừng được, muốn cái gì ăn cái đó, muốn cái gì mặc cái đó. Trong lòng chúng ta luôn theo đuổi cái ham muốn. Cái ham muốn càng ngày càng tăng trưởng tức là chúng ta đang có nghiệp để đi xuống cõi thấp hơn cõi người.

Đức Phật nói tham mãi không dừng nên thế gian này mới sanh ra các loài thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh và những loài thấp hơn loài người, rồi bắt đầu ăn nuốt lẫn nhau để tạo thành nhân quả tiếp nối trong dòng sanh tử này. Và cứ tiếp tục như vậy, người ăn thịt thú, rồi thú lâu lâu tiến hóa thành người nó trả thù. Người thì hết nghiệp người xuống làm thú trở lại để thú ăn thịt mình. Dòng sinh tử tiếp nối trả vay vay trả hoài, liên tục tiếp nối sanh tử theo nghiệp của chúng ta.

Học điều này chúng ta thực sự dễ sợ. Một người sanh ra muốn bảo toàn phước làm người của mình để đời sau mình đủ phước báu làm người trở lại khó lắm. Nếu chúng ta không phải là người quy y Phật Pháp, không tu tập gìn giữ năm giới một cách nghiêm túc thì đời sau rất khó. Theo như Kinh Phật, người nào giữ năm giới thanh tịnh, đúng đắn thì đủ tư cách đời sau được làm người. Nhưng nếu dục nghiệp chúng ta nhiều thì cũng khó trở lại làm người đời sau.

Bây giờ người tu có cái may mắn là càng lớn tuổi mà

biết đạo Phật chừng nào thì sức lực chúng ta càng yếu, cái dục nơi tâm chúng ta được lắng dịu bớt. Trong giai đoạn dục lắng dịu mà chúng ta có được công phu thì đó là điều may mắn cho chúng ta. Còn những người chết trẻ dục nghiệp còn rất mạnh, mà phải bị chết thì khó vô cùng. Nếu được vào chùa chúng ta biết cách tu tập và có thời gian dài để công phu, thì chúng ta phải hóa tán nghiệp dục cho kỳ được trước khi chúng ta nhắm mắt từ giã trần gian này. Nếu dục nghiệp mà chúng ta không hóa tán được thì chúng ta bị hút, bị cuốn đi, bị dẫn chứ chúng ta không có tự do, khó ai đủ sức chọn lựa. Đồng thời xảy ra cái dục của người và cái dục của thú, hai ngọn lửa đó phát sinh cùng một lúc mình không đủ sức để chọn, mình bị hút vào loài thú để làm thú thì rất uổng, coi như xong một kiếp, như vậy sẽ làm mờ đi não bộ chúng ta.

Đức Phật giải thích việc nghiệp: Thứ nhất do ăn nuốt lẫn nhau là nghiệp sát sanh. Nợ nần qua lại với nhau trong đời sống này là nghiệp trộm cắp. Tâm tham luyến ưa thích, người này yêu thích người kia, người kia yêu thích sắc đẹp người nọ trở thành nghiệp dục. Đức Phật ngày xưa cũng đã than: Nếu như ở trần gian này mà có được một cái dục thứ hai tương đồng với cái dục hiện có, thì chắc ta không có người đệ tử nào xuất gia. Nghiệp dục còn thì không ai có thể thoát khỏi tam giới. Một cái dục thôi mà chúng ta tu cả đời hóa tán cũng không được.

Người tu phải ý thức rõ điều này, phải thấy đây là mấu chốt sanh tử của tất cả chúng ta. Sở dĩ chúng ta phải bị trôi lăn hoài là do cái thương yêu, giận ghét của chính mình, do nợ nần mà phải trả vay hoài trong tam giới này. Trong cái ăn, mặc, ở của chúng ta, phải bảo toàn cái phước làm người, phải

làm sao đừng có bị nợ. Những cái có trong cõi này là những vật dụng thuộc quyền quản lý của ma. Dù nhà chúng ta có cao đụng nóc trời đi nữa cũng là vật chất trong vòng quản lý của ma. Cái ăn, cái ở cũng vậy. Cho nên mỗi lần chúng ta ăn, chúng ta ở, có sang nhiều chừng nào thì chúng ta nợ cõi ma cõi dục nhiều chừng đó và chúng ta phải biết cách để thoát ra nợ nần này.

Tức là ăn mặc ở chúng ta phải cúng Phật để bớt đi nợ cõi này mà chúng ta nợ Phật, nợ Bồ Tát. Làm sao ăn để không bị mất phước của mình thì trước bữa ăn phải cúng. Khi cúng Phật, cúng Bồ Tát thì phước báu chúng ta rất lớn, mà trước bữa ăn chúng ta quên cúng là bị nợ một bữa. Mặc dù những thứ đó là tiền mình mua, cơm gạo đó tự tay mình làm ra, nhưng chúng ta ăn không cúng là coi chừng chúng ta bị thiếu nợ, mà nợ cõi này thì khó ra lắm. Nếu chúng ta cúng thì không bị mất phước và không bị thiếu nợ, không phải chúng ta ăn gian mà là đường để mình thoát ra. Đơn giản chứ không có gì khó khăn. Chúng ta không cần bài bản gì cả, trước bàn ăn, nếu gia đình có người thông cảm được mình thì mình chắp tay cúng, còn chỗ công cộng thì mình nhắm mắt lại tưởng năm mười phút, không cho người ta biết, mình biết là được rồi. Chúng ta thầm khấn nguyện như sau:

"Con tên là..., pháp danh... Con xin dâng tất cả thực phẩm đang có cúng dường tất cả mười phương ba đời tất cả chư Phật, chư Đại Bồ Tát, chư vị Thánh Chúng. Ngưỡng cầu quý Ngài từ bi chứng minh nạp thọ những thực phẩm này của con và xin bố thí đến khắp tất cả chúng sanh muôn loài khắp mười phương pháp giới này. Những loài chúng sanh nào thiếu đói thì nương nhờ thực phẩm này mà được no đủ. Sau khi họ

no đủ rồi thì xin hồi tâm hướng thiện, hướng về quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng và tu hành cho tới ngày được giác ngộ giải thoát.

Con xin phần thừa của chư Phật ăn vào để nuôi thân này tu hành đúng chánh pháp cho tới ngày được giác ngộ giải thoát. Đồng cầu nguyện cho khắp pháp giới chúng sanh muôn loài đều nương nhờ từ lực của Tam Bảo tinh tấn tu hành, để phước đức và trí tuệ mỗi ngày một tăng trưởng cho tới ngày được giác ngộ giải thoát."

Đơn giản thôi, nghi thức này dễ cúng, không cần phải tụng niệm gì cả. Như vậy mình cúng chư Phật phước báu cũng lớn rồi, bố thí tất cả chúng sanh thì thêm phước nữa, xong rồi mình xin chút phần thừa để mình ăn thì không có gì, mặc dù mình ăn thức ăn hết trong cái bàn đó, nhưng chúng ta phải cúng.

Cái mặc cũng vậy, khi mình mặc để che thân, để trang nghiêm thân này, để tu hành đúng chánh Pháp. Không phải sắm cái áo đẹp để mình mặc đi khoe tôi đẹp hơn chị hơn anh. Khi chúng ta có nhà ở đàng hoàng để cho thân này được khỏe mạnh mà nương chánh Pháp tu hành, đừng nghĩ nhà tôi đẹp hơn nhà chị, tôi ở sướng hơn, đừng có tâm thọ hưởng dục lạc. Trong ba cái ăn, mặc, ở luôn luôn bị tổn phước của mình.

Do đó khi xài thì chúng ta phải xem xét lại phước báu của mình đủ để thọ dụng điều gì. Khi thọ dụng những điều đó thì chúng ta có chút tác ý nhẹ nhàng. Nếu mình không trang nghiêm thân mình thì không làm được việc lợi lạc chúng sanh, không đền ơn chư Phật được, không tu tập được. Mình trang nghiêm thân bằng cái ăn, mặc, ở để chúng ta có đủ phương tiện lợi lạc chúng sanh và tu tập tốt, thì phước chúng ta không

bị tổn.

Thực sự là trong giai đoạn mình tu tập chưa tốt mình rất sợ đời sau mình không được làm người. Đây là sự thật mà con người phải thấy ra. Rất hiếm có người không tu tập mà đời sau trở lại làm người, cũng có rất nhiều người tu tập mà đời sau vẫn không được làm người, lý do là trong giai đoạn tu chúng ta đã làm gì để phước bị tổn, đã phá phước làm người của mình thì điều đó rất uổng. Đức Phật cũng nhắc nhở chúng ta căn bản sinh tử là nền tảng bảo tồn phước báu của chính mình, để rồi mình đi lên chứ mình không đi xuống nữa.

Theo dòng sanh tử tiếp nối từ xưa giờ là đi đâu về đâu, mình không đủ trí tuệ thấy hết các giai đoạn mà mình đã bị sanh tử trong nhiều kiếp. Có khi là mình đã tới địa ngục hồi mấy ngàn kiếp trước rồi, và mình đã lên từ từ tới bây giờ là kiếp người. Từ giai đoạn Tự Tánh thanh tịnh sáng suốt mình đi vòng vòng đã từng làm vua chúa, đã từng ở cõi trời, đã từng làm các việc mà chúng sinh từng làm, xuống địa ngục mình cũng đã tới ở đó. Bây giờ được làm người rồi chúng ta cũng nên hạ quyết tâm tiến hơn kiếp người để trở về nguồn, trở về bản nhiên thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu của chính mình.

Một vòng đi học đã xong, đã trải nghiệm hết tất cả những trường lớp sanh tử của tam giới này. Chúng ta đã tốt nghiệp hết rồi nên đừng thèm thuồng nữa. Trường sanh tử của kiếp người ở hai mặt thương và thù chúng ta tốt nghiệp hết chưa? Tức là chúng ta phải thấy được tâm thức xảy ra nơi lòng của mình, thấy cái uất hận trào dâng tới cực đỉnh của mình. Mình hận người ta như thế nào thì mình phải thấy rõ như thế đó, ở nơi nội tâm thôi chớ không thành hành động, phải để cho nó sống hết nơi tâm của mình. Còn thương ai chúng ta

phải thương cho tới hết lòng hết dạ, thương cho tới tận cùng, đừng có lưng lửng thì chưa tốt nghiệp. Hai trường thương và thù chúng ta phải tốt nghiệp.

Con người ta sẽ gặp nhau ở hai chỗ thương và thù. Sanh tử tiếp nối hai điều này phải xảy ra. Và chúng ta có thương rồi thì phải rời khỏi cái thương, tức là chúng ta phải tu làm sao để cho cái thương này phải hóa tán trước khi chúng ta nhắm mắt chào vĩnh biệt cuộc đời. Cái thương phải dứt khoát và cái thù phải không còn, coi như chúng ta đã giải quyết xong cái nghiệp căn bản sanh tử, để đời sau chúng ta gặp những nhân quả cũ thì không phải là nhân quả được huân tập bằng thù hằn, bằng oán hờn, bằng những uất kết nơi lòng mà chúng ta gặp lại. Cũng như không phải chúng ta vì quá thương mà đời sau đi kiếm nhau. Hai cái căn bản này người phật tử phải dứt khoát hóa tán được trong đời này. Tệ lắm là hai căn bản này chúng ta phải tu cho được. Chúng ta phải tốt nghiệp ra trường, mà khi tốt nghiệp ra trường là phải dứt khoát không mang theo sanh tử tiếp nối.

Thương thì cứ thương cho tận nguồn, ghét cho tận nguồn. Thường là chúng ta không dám đi cho tới tận cùng con đường. Ví dụ đi đụng tường là chúng ta dội lại, mà không dám xuyên thủng tường để đi qua. Nhưng bây giờ chúng tôi muốn quý vị phải thủng tường để đi qua. Nếu có nhớ thì ngồi luôn đóng cửa ba ngày ba đêm nhớ cho hết những nỗi niềm thương nhớ rồi thôi, bắt đầu tu tập lại. Hận người ta thì đóng cửa hận cho tận cùng đi, chửi mắng trong phòng cho đã, cho hết cái tức của mình rồi thôi, bắt đầu tu tập lại. Đó là cách để mình thanh tâm mình, gạn lọc được những cái đã có. Phải tu tập như vậy để khi cái thương cái thù xảy ra nơi tâm mình lần sau nữa

là nó sẽ không còn làm dao động mình, thì coi như mình đã tốt nghiệp.

Những ham muốn, những đam mê của mình trong cuộc đời này cũng vậy, nhiều khi mình không biết tại sao người ta lại đam mê cờ bạc, đam mê rượu chè. Nhưng có khi đời kiếp trước mình học rồi đời này mình cảm thấy ngán, đừng nghĩ là tôi từ hồi sanh tử tới giờ tôi không biết đánh bài, có khi là mình quá sợ nó rồi, đời trước đã từng khổ sở, đã từng nợ nần nên đời này mình sợ mình không dám chơi thôi, không phải mình hay đâu. Tức là mình đã tốt nghiệp đời trước rồi, đời này mình đã qua lớp đó nên mình không còn nữa.

Những điều chúng sanh đã đi, là mình cũng đã dẫm bước rồi, mà tất cả những bước đó chúng ta phải bước mới qua được. Trong Thập Nguyện Phổ Hiền, nguyện thứ tám là *"Thường tùy Phật học"* là chúng ta phải học hết thuận nghịch của cuộc sống này. Nếu như chúng ta có duyên phải thấy hiểu việc gì đó, thì chúng ta phải thấy và hiểu cho tận cùng.

VĂN KINH

Chi 4. Tổng kết ba thứ theo thứ lớp đổi dời

Phú Lâu Na, ba thứ điên đảo tiếp nối như thế, đều do tính rõ biết sáng suốt của giác minh, nhân rõ biết mà phát ra tướng. Từ vọng thấy sinh ra núi, sông, đất liền các tướng hữu vi, thứ lớp đổi dời, nhân hư vọng này xoay vần sau rồi lại trước.

Đức Phật kết thúc sự hình thành chúng sanh, hình thành thế giới và hình thành nghiệp tập sanh tử của tất cả chúng ta, là cũng từ cái rõ biết sáng suốt và cái Giác minh nhân rõ biết phát ra tướng mà xoay vần. Chúng ta bắt đầu rời

cái Diệu minh Chân tâmcủa chính mình mà rớt xuống cái Giác minh lần thứ nhất, chúng ta manh nha đi vào cuộc sanh tử này để học hỏi, rèn luyện. Khi đi hết một vòng sanh tử chúng ta trở về nguồn một cách rất an lạc.

Chúng ta phải thấy một cách nhẹ nhàng nếu có duyên chúng ta học hết mọi điều trong cuộc đời này, đừng ngần ngại. Nếu học một chiều, thì đời này tuệ chúng ta chỉ có một nửa thôi, chúng ta không đủ cái thấy hai bên. Khi nào chúng ta thấu suốt được hai bên như trong Kinh Pháp Hoa "*Trên thấu trời Hữu Đảnh, dưới thấu địa ngục A Tỳ"* lúc đó mới gọi là có con mắt tuệ giác thực sự của Đức Phật. Khi nào nơi lòng chúng ta xảy ra hai chuyện thuận nghịch mà chúng ta luôn bình an được, mới là người tu tốt. Còn bây giờ chuyện thiện xảy ra mình thấy vui, chuyện ác xảy ra mình cảm thấy buồn là chúng ta chưa tu tốt, nên biết như vậy để chúng ta chỉnh đốn tâm thức của mình.

VĂN KINH

Đoạn 7: Thuyết minh giác chẳng sinh mê

Chi 1. Nghi Như Lai đã chứng Diệu minh, tại sao thế giới vẫn còn?

Ông Phú Lâu Na thưa: "Nếu tính Diệu giác bản Diệu giác minh này cùng với tâm Như Lai không thêm không bớt, vô cớ bỗng nhiên sinh ra núi, sông, đất liền, các tướng hữu vi. Vậy đức Như Lai hiện nay đã chứng được tính diệu không minh giác, thì đến khi nào lại sinh ra núi, sông, đất liền và các tập lậu hữu vi?"

Câu hỏi của ngài Phú Lâu Na cũng được chúng ta và ngoại đạo nhiều người thắc mắc như vậy. Và họ dùng câu hỏi

này để bắt bẻ lý luận đạo Phật. Từ đầu khi học chúng ta hiểu rằng Bản Giác Diệu Minh là cái chân thật vốn có của tất cả chúng sanh. Cái đó nó bao hàm khắp vũ trụ, không có chỗ nào bị khiếm khuyết. Đó là chỗ giác hằng hữu của tất cả chúng sanh. Ở những phẩm gần đây Đức Phật đã giải thích cách chúng ta quay trở về hòa nhập Bản Giác Diệu Minh này. Sau khi thu thất đại rồi là xong phần dẫn dắt của Đức Phật. Đến bây giờ ngài Phú Lâu Na thưa hỏi nguyên nhân sanh sơn hà đại địa, nguyên nhân sanh thế giới này, Đức Phật đã giải thích. Và ngài Phú Lâu Na tiếp tục đặt câu hỏi hết sức quan trọng là:

"Nếu tính Diệu giác bản Diệu giác minh này cùng với tâm Như Lai không thêm không bớt, vô cớ bỗng nhiên sinh ra núi, sông, đất liền, các tướng hữu vi. Vậy đức Như Lai hiện nay đã chứng được tính diệu không minh giác, thì đến khi nào lại sinh ra núi, sông, đất liền và các tập lậu hữu vi?"

Nếu tính Bản Giác Diệu Minh này cùng với tâm Như Lai là không thêm không bớt, thì tại sao lại sinh ra núi sông đất liền, các tướng hữu vi như vậy? Và Đức Phật đã thành Phật rồi thì mai mốt có bị mê lại không?

Chúng ta ai cũng hiểu rằng Bản Giác Diệu Minh của chúng ta là bản nhiên thanh tịnh không có gì nhiễm nhơ, nhưng từ chỗ đó nó sanh ra sơn hà đại địa, sanh ra vô lượng phiền não của chúng sanh. Vậy người tu chứng được Bản Giác Diệu Minh thanh tịnh sáng suốt đó rồi thì mai mốt có bị mê lầm lại không? Trong chúng ta ai đọc Kinh Lăng Nghiêm cũng đều có thắc mắc này. Trong lòng ít nhiều gì chúng ta cũng có khái niệm Bản Giác Diệu Minh là chỗ chân thật, nhưng tại sao lại sanh ra sơn hà đại địa theo kiểu Đức Phật

nói. Tức là Bản Giác Diệu Minh không giữ được thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu của nó mà phải sanh ra chúng sanh? Nếu mình tu là quay trở lại hoà nhập được Bản Giác Diệu Minh đó rồi, thì mai mốt có bị mê trở lại sanh tử tiếp tục nữa không? Hay là xong lần này rồi thôi?

Phần dưới Đức Phật sẽ trả lời. Còn chúng ta đang ngồi tại đây, là một chúng sanh chưa giác ngộ, một chúng sanh đang mê lầm trong sanh tử luân hồi này. Bây giờ thử đặt câu hỏi ngược lại: Chúng ta đã trải qua nhiều đời nhiều kiếp sanh tử luân hồi, hiện tại chúng ta là một chúng sanh, mà là một chúng sanh đang ô nhiễm, nhưng chúng ta có làm nhiễm được bản nhiên thanh tịnh kia không? Tự Tánh chúng ta có bị mê mờ không?

Người hiểu Thiền là chúng ta phải hiểu được điều này. Nếu chúng ta còn có một chút nghi lầm về chuyện này thì việc học đạo của chúng ta sẽ hoang mang. Không phải đời này mà kiếp khác chúng ta cũng tiếp tục hoang mang nữa, và biết bao lâu chúng ta mới hết sự hoang mang này. Chúng ta đã từng trải qua hằng hà sa số kiếp sanh tử luân hồi, nhưng Bản Giác Diệu Minh của chúng ta có bị ô nhiễm không? Nếu ngồi tại đây mà chúng ta hiểu vấn đề mấu chốt là: Tự Tánh chúng ta nếu có chút nhiễm ô thì không còn là Tự Tánh nữa, vì đã bị sanh tử khuấy nhiễu rồi, nó đã bị nhiễm nhơ không còn là bản nhiên thanh tịnh nữa. Nhưng Tự Tánh thanh tịnh vẫn là thanh tịnh.

Vấn đề thứ hai được đặt ra: Nếu Tự Tánh chúng ta vốn là thanh tịnh như vậy rồi thì tại sao mình bị lầm mê? Câu hỏi này ngài Phú Lâu Na trước kia đã đặt ra với Đức Phật đã được giải thích, và ngài Phú Lâu Na đã chấp nhận. Tự Tánh của

chúng ta nó luôn luôn thanh tịnh, nhưng nếu sự thanh tịnh giống như bầu trời trong hoàn toàn không có gợn mây nào hết thì chúng ta thấy đẹp, nhưng nếu trời xanh hoài từ năm này qua tháng nọ liệu chúng ta có sống được ở cõi này không? Không được! Cho nên chúng ta phải hiểu từ Chân không mà sanh được Diệu hữu, thì chúng ta sẽ không bị hoang mang trong việc này. Một chúng sanh được sanh ra trong chân trời Tự Tánh mà nói rằng Tự Tánh mình bị nhiễm, thì chúng ta cũng khó tu tập đạt tới cảnh giới cao trong tâm linh.

Khi một người hiểu rõ về Tự Tánh tri kiến Phật, về Như Lai của mình rồi, thì họ sẽ thấy một cách vững vàng là dù có sanh tử bao nhiêu ngàn kiếp nữa thì Tự Tánh vẫn nguyên là như vậy. Ngay tại đây chúng ta có cái đó hiện tiền nơi thân căn và đời sống hiện tại này, nhưng tại sao vẫn để mình tiếp tục lầm mê? Nếu hiểu điều này một chút chúng ta sẽ nhận được là tại sao Tự Tánh chúng ta luôn luôn hiện tiền mà chúng ta vẫn bị lầm mê. Có phải do Tự Tánh không có năng lực gì không? Như vậy thì mình tu để mình Ngộ Tánh làm gì? Chúng ta có bao giờ thắc mắc như vậy chưa?

Sự thật Tự Tánh không bao giờ ai có thể làm khuất lấp được. Nếu chúng ta còn ở bên đây bờ tâm thức thực sự thì chúng ta thấy mình bị mê mờ, mình bị vọng tưởng che lấp, mình bị phiền não che chắn, phủ mờ cuộc đời, phủ mờ trí tuệ, khiến mình không khai thông v.v. Mình bị nghiệp tập, mình bị nhân quả, bị đủ thứ điều và tràn ngập nơi tâm chúng ta những cái phiền muộn khổ đau. Vậy mình là một chúng sanh vô minh hoàn toàn. Điều đó đúng, không sai!

Thực tế chúng ta nhìn người còn ở bên đây bờ tâm thức thì chúng ta thấy không phải có một điều, mà có hằng hà

sa số điều mê lầm trong đời sống này. Mình thấy tất cả những cái gì xảy ra nơi mình là thật, là đúng, là đẹp, là xấu, là phải, nó không thể thay đổi trong đầu chúng ta, cho nên thế giới này là thiên hình vạn trạng, có nhiều điều để chúng ta phải đến, có nhiều điều chúng ta phải làm v.v… Những điều đó chúng ta đều thấy nó là thật, cho nên chúng ta quên cái thật là Tự Tánh của mình. Những cái nó in tuồng như thật nhưng nó không phải thật, mà Đức Phật dùng trong Kinh nó là cái huyễn hóa, giả tạo.

Với người lầm thì họ lấy tay ấn vào mắt thấy những hoa đốm trong hư không họ cho là thật, nhưng người sáng mắt với họ là không có hoa đốm. Khi một người hiểu được Như Lai, hiểu cái Diệu giác này rồi thì họ thấy rằng pháp giới này không hề có chuyện sanh tử và phiền não. Như người đang còn trong giấc mộng thì mọi điều trong mộng đều là thật với họ, nhưng người mở mắt ra rồi, không còn nằm mộng thì những chuyện trong mộng là không với họ. Người đang nằm mộng họ cũng có cái biết. Nhưng cái biết đó không có tác động để làm họ tỉnh giấc. Người đang ngủ cũng có Diệu minh, người thức Diệu minh chân tâm cũng như vậy không khác nhau.

Đây là chỗ hết sức quan trọng của người tu, nếu chúng ta không hiểu hết điều này thì mình nhận ra cái Bản Giác Diệu Minh làm gì? Nó không có giúp ích gì cho mình. Ví dụ, ngay tại đây chúng ta đang là người ngồi tu thì Bản Giác Diệu Minh chúng ta đang hiện hữu tại đây, nó hiện hữu đầy đủ nơi lục căn chúng ta không có phút giây nào tạm mờ. Một sát na Diệu minh chân tánh của chúng ta tạm lu mờ không thể được, lúc nào cũng tỏa sáng, lúc nào cũng minh bạch, lúc nào cũng

thanh tịnh, chưa hề có chuyện gì gọi là nhiễm, nhơ, tăng, giảm, ô trược và cũng không hề bị động bởi trần cảnh.

Chúng ta thử nghiệm lại một chút để minh định cái biết có tác động, và biết không tác động trong lúc công phu. Ai từng công phu chuyên môn, ở chiều sâu tâm linh thực sự, thì chúng ta lắng lòng nghiệm lại. Ví dụ mắt chúng ta nhìn thấy sắc, tai chúng ta nghe âm thanh, lúc đó chúng ta có tác động không? Hoặc chúng ta nhìn thấy đây là hoa màu hồng, đây là hoa màu đỏ, màu này khác với màu kia, tức là có phân biệt, có tác động tới duyên cảnh rồi. Thấp chút nữa là chúng ta thích, không thích, coi như là chúng ta đã động tới duyên cảnh rồi.

Ở nơi chúng ta có cái gì không tác động không? Nếu chúng ta nhận ra cái không tác động đó, thì chúng ta mới bắt đầu nhận ra cái mà Phật Tổ muốn nói. Khi chúng ta nhận biết chỗ không tác động này là bắt đầu chúng ta nhận ra được công phu của mình. Từ đó chúng ta mới thấy rõ ràng đời sống này thực sự là bình lặng, là thanh tịnh, còn lâu nay chúng ta quen nhận cái tác động thôi.

Ví dụ mình thấy là phải phân biệt, nghe là mình hiểu biết, mình chạm là phải có cái gì đó mình mới chấp nhận. Tức là khi thiếu thốn về sự phân biệt là chúng ta không chịu. Ngồi không, không có chuyện gì là chúng ta cảm thấy nó rất khó chịu, cho nên phải mở nhạc để nghe, mở tivi để xem, hoặc là muốn biết thêm một chút gì đó trong đời sống này, tức là ý thức chúng ta bắt đầu đi tìm mồi để ăn, gọi là thức thực trong tứ thực, chứ chúng ta không chịu để chúng ta yên. Chúng ta lắng lòng thanh tịnh để nhận ra điều thật mà từ xưa tới giờ nó luôn là như vậy. Chúng ta luôn luôn tìm cầu, luôn luôn muốn

có mùi vị, muốn có chất liệu nào đó, muốn được thêm cái gì đó, chứ ngay chỗ thấy chỗ nghe hiện tiền không tác động là không bao giờ chúng ta chấp nhận. Chính chỗ này mà chúng ta tiếp tục đi trong sanh tử.

Hồi trước Đức Phật nói đầu mối sanh tử là từ một cái manh nha móng khởi của tâm thức dao động không tạm dừng, để chúng ta tiếp nối theo nó. Diệu giác Chân tâm của chúng ta đang hiện có tại đây, nhưng mình vẫn tiếp tục đi vào con đường sanh tử, mình không chịu trụ ở Tự Tánh này. Chúng ta phải đi một vòng gần như là chúng ta học không còn sót cái gì trong sanh tử.

Cao nhất là cõi cực thiện, những đời sống sung sướng nhất, tốt đẹp nhất, cao thượng nhất của cõi trời chúng ta cũng phải học qua. Rồi dưới cõi trời là cõi a tu la chúng ta cũng phải học, ở cõi người chúng ta cũng phải học, ở địa ngục chúng ta cũng học, ở ngạ quỷ chúng ta cũng học, ở súc sanh chúng ta cũng học. Lục đạo luân hồi này, tam giới này chúng ta phải ra vô học không sót thứ nào. Để không có cái gì mà chúng ta không biết trong tam giới này. Sau khi học xong một vòng, trường nào chúng ta cũng tốt nghiệp, không còn chỗ để học nữa thì chúng ta hòa nhập trở lại Tự Tánh, là người đó đủ tất cả tri kiến hiểu biết và năng lực để có thể vào ra trong tam giới, làm chủ tam giới, không còn lầm lẫn trong tam giới này nữa, đó là người giác ngộ.

Nói về chuyện trong tam giới này từ cõi trời cho đến tận cùng mười tám tầng địa ngục, không có chỗ nào trước khi Đức Phật thành Phật mà Ngài không đi tới cả. Trải qua bao nhiêu đại a tăng kỳ kiếp tu tập trong tam giới này, mình nghĩ mình xuất gia là tu, giữ thanh tịnh là tu, ở trong chùa theo đạo

Phật là tu. Xin thưa, không phải như vậy! Tất cả chúng sanh đang tu, đang học, người học trước, người học sau, nhưng có những đời chúng ta không dám học hết những bề mặt bề trái của cuộc đời này, có nghĩa trong cõi người còn một điều gì chúng ta học còn thiếu, là chúng ta còn mong ước để quay lại đời sau.

Ví như học tới cấp ba mà gia đình không có điều kiện thì thi đại học là niềm mong ước của mình, mình cố gắng năm nay thi không được thì năm tới mình tìm cách nào đó thi lại, tức là mình muốn trở lại trường đó nữa. Trường đời cũng giống như vậy. Trong dòng sanh tử luân hồi chúng ta phải đi hết một vòng, đến đâu chúng ta phải tốt nghiệp đến đó thì chúng ta mới đi tới nữa được. Còn nếu tới đâu chúng ta không tốt nghiệp, ví dụ trường đời này, kiếp người này chúng ta học chưa hết thì chúng ta bị gởi lại trường này học mấy đời nữa, phải học tiếp nối. Khi chúng ta hiểu hết, đơn giản là mình đã học xong những bài toán cộng, trừ, nhân, chia rồi. Hồi chúng ta chưa học người ta đưa bài toán cộng ra mình có thể tính lộn; nhưng khi chúng ta học rồi thì bài toán đó chúng ta sẽ tính chính xác, không lầm, đó là cái huệ của chúng ta.

Khi Bản Giác Diệu Minh của chúng ta hiện hữu thì nó có cái minh giác, tức là giác lại cái minh đó, nó nhận rõ, nó hòa nhập, nó tương ưng với cái Diệu minh này, thì người đó là người Giác ngộ. Còn cái minh đó nó chiếu soi ra bên ngoài là đi vào đường sanh tử. Minh giác nó quay lại với Bản Thể Diệu Giác này thì xem như người đó đã quay về nguồn. Cũng là cái giác đó, nếu nó giác chiếu soi ngược ra bên ngoài thì phải đi một vòng sanh tử tiếp nối. Mà cái giác dừng lại chiếu

soi bên ngoài thì ở lại Diệu minh Chân Tánh, không bị lầm mê trong sanh tử luân hồi.

Theo đạo Phật chúng ta phải chín chắn nhìn lại những hành động sống trong ngày của mình. Phải hết sức tỉnh táo, những phút giây ngồi riêng mình nghiệm lại xem từ sáng tới tối mình dừng cuộc sanh tử tiếp nối hay mình còn thích tiếp tục? Tất cả những hành động, lời nói, cử chỉ, việc làm của chúng ta là gần như luôn muốn tiếp nối, nói là muốn dừng đó nhưng chúng ta không có dừng, do đó sanh tử còn hoài.

VĂN KINH

Chi 2. Dụ người mê lầm phương hướng khi ngộ chẳng sinh mê

Phật bảo ông Phú Lâu Na: "Thí như người mê, ở trong một xóm làng, lầm hướng Nam cho là hướng Bắc, cái lầm này là nhân mê mà có hay nhân ngộ mà ra?"

Ông Phú Lâu Na thưa: "Người mê như thế, không phải nhân mê, cũng không phải nhân ngộ. Vì cớ sao? Mê vốn không cội gốc, làm sao nói nhân mê, ngộ không phải sinh ra mê, làm sao lại nhân ngộ?"

Phật bảo: "Người mê kia, chính khi họ đang mê, bỗng có người ngộ chỉ cho khiến họ được ngộ. Phú Lâu Na, ý ông nghĩ sao? Người ấy dẫu cho mê mà đối với xóm làng này lại còn sinh mê nữa chăng?"

Bạch Thế Tôn, không vậy.

Này Phú Lâu Na, mười phương Như Lai cũng như vậy. Cái mê ấy không có cội gốc, tính rốt ráo không, xưa vốn không mê, mà in tuồng như có mê và giác. Giác ngộ được cái mê, thì mê diệt; giác chẳng sinh mê.

Mặc dù ngài Phú Lâu Na đã chứng quả A La Hán, những chuyện này Ngài rất hiểu nhưng mà Ngài muốn đại diện cho chúng sanh lầm mê đặt câu hỏi này ra. Đây là thắc mắc chung của cộng đồng.

Đức Phật ví dụ như người mê đi ra ngoài đường mà hướng Nam, hướng Bắc mình không rành. Hướng Nam mình ngỡ là hướng Bắc, hướng Bắc mình nghĩ nó là hướng Nam, cho nên mình đi lầm đường lạc lối. Bỗng có người chỉ đường và chúng ta biết chắc chắn hướng nào là hướng Nam, hướng nào là hướng Bắc, Đức Phật hỏi người đó còn lầm trở lại không? Vậy cái mê từ đâu sanh?

Ngài Phú Lâu Na trả lời: ***"Người mê như thế, không phải nhân mê, cũng không phải nhân ngộ. Vì cớ sao? Mê vốn không cội gốc, làm sao nói nhân mê, ngộ không phải sinh ra mê, làm sao lại nhân ngộ?"***

Cái lầm phương hướng của chúng ta trong đời này, hỏi nó từ đâu sanh ra? Có phải từ mê sanh ra phải không? Mê là cái gì? Mê không có cội gốc thật, nó chỉ là ảo vọng sanh sửa ra thôi, cho nên cái cội nguồn của mê không ai tìm ra được. Nhưng nói ở trí giác sinh ra cái lầm mê cũng không phải. Trí giác là giác, nó không thể sanh ra mê được, cho nên sự lầm lẫn nó không có cội rễ. Vì vậy mà người ta nói mộng không có cội rễ, mình thức giấc là mộng tự tan biến. Nếu mê có gốc rễ thực sự thì dễ tìm, nhưng đằng này nó không có cội rễ, không có gốc gác, không có nơi chốn thực sự nên rất khó tìm và không phá được.

Ngài Phú Lâu Na nói cái mê không có nguồn gốc, cũng không phải cái ngộ sanh ra mê. Phật bảo: "Người mê kia, chính khi họ đang mê, bỗng có người ngộ chỉ cho khiến

họ được ngộ, Phú Lâu Na, ý ông nghĩ sao? Người ấy dẫu cho mê mà đối với xóm làng này lại còn sinh mê nữa chăng?" Tức là hồi nãy người đó lầm phương hướng rồi. Bây giờ nếu có người chỉ họ nhận ra đâu là phương Nam, đâu là phương Bắc rồi thì người đó còn mê nữa không? Chúng ta đã từng học thấy thân này là huyễn là giả; thấy tham, sân, si là xấu nhưng tại sao mình còn tham, sân, si hoài buông ra mình vẫn thấy thân này là thật?

Đức Phật ví dụ như vậy không có nghĩa chúng ta hiểu theo cách thông thường, mà từ xưa tới giờ chúng ta không nhận đến sự thật, cho nên học thấy thân này giả nhưng ít bữa mình vẫn thấy thân này thiệt, nói thế giới này vô thường ít bữa mình vẫn thấy nó thường, nói tâm này huyễn giả nhưng đụng tới nó mình vẫn thấy nó thật, như vậy chúng ta chỉ là người hiểu thôi, chỉ nhận biết bằng ý thức thôi, không thể phá hết lầm mê trong sanh tử được.

Đức Phật ví dụ một người lỡ quên hướng Nam, hướng Bắc, được người ta chỉ để ngộ. Từ "ngộ" của Đức Phật ở đây không có nghĩa là chúng ta hiểu giống như từ trước tới giờ chúng ta từng hiểu Phật Pháp. Mình cũng đã từng hiểu ngũ uẩn này là giai không, tứ đại là giả có, nhưng bây giờ thân chúng ta lâm bệnh nặng thì có thân hay không? Chỉ cần nhức răng thôi là chúng ta thấy thân có liền. Lỡ đi ngoài đường đạp cây đinh đâm sâu trong thịt mình, là có thân liền. Hiểu thì hiểu như vậy, nhưng khi sự thật xảy ra thì không phải như vậy, nó làm biến đổi cái thấy nhìn Phật Pháp của mình từ trước tới giờ, thì biết mình là người hiểu trên ý thức thôi.

Khi nào chúng ta nhận biết được vấn đề là chúng ta hoàn toàn chuyển hóa. Như mình hiểu nước là ướt nhưng

mình vẫn khô queo. Trừ trường hợp mình bị quăng xuống sông, bị rớt xuống biển, thì mới biết thế nào là ướt, khỏi cần phải nói. Nếu chỉ hiểu thôi thì không thể chuyển hóa mình và không thành đời sống đúng đạo lý được. Đạo lý không để chúng ta hiểu. Người không lầm phương hướng giống như người đã thực sự giác ngộ thì họ không trở thành lầm mê nữa.

"Này Phú Lâu Na, mười phương Như Lai cũng như vậy. Cái mê ấy không có cội gốc, tính rốt ráo không, xưa vốn không mê, mà in tuồng như có mê và giác. Giác ngộ được cái mê, thì mê diệt; giác chẳng sinh mê."

Đoạn này dịch rất hay. Cái mê nó không có cội gốc rồi, tính rốt ráo cũng không, tức là cái Bản Giác Diệu Minh của chúng ta xưa nay nó chưa từng mê nhưng "in tuồng có mê có giác." In tuồng thôi, giống giống chuyện mê thôi chứ cái mê không thật. Nói mê không có cũng không phải. Giống như những tuồng hát, tuồng chèo họ nương theo kịch bản để đóng tuồng chứ đời sống thật họ không có như vậy, giống như phim ảnh, như huyễn hóa, như điện xẹc.

Chuyện sanh tử đối với cái nhìn của chư Phật nó là ảo thực sự. Như nhà ảo thuật quơ tay quơ giấy sanh ra con lươn, con lươn đó không thật, ăn không được. Quơ tay là ra một xấp tiền, tiền đó không xài được, chỉ là chuyện ảo thuật thôi. Nhưng nếu chúng ta có lần nào nhìn cuộc đời với cặp mắt này, chúng ta thấu hiểu cuộc đời giống như chúng ta nhìn người ảo thuật trên sân khấu, thì lần đó được xem là chúng ta giác ngộ. Nhưng lúc đó chúng ta thấy con rắn ảo thuật là thật, là do cái nhìn của chúng ta chưa có đủ về người ảo thuật trước mặt mình, vẫn còn bị người đó làm mình lầm, vẫn còn bị duyên cảnh làm lầm là cái thấy chúng ta chưa sáng.

"In tuồng như có mê và có giác": Là dạng rất ảo về chuyện mê mờ và chuyện giác ngộ. Thực sự Bản Giác Diệu Minh kia nó vốn là giác rồi, nên không có chuyện mê trong này. Nhưng có chuyện sanh tử tiếp nối, có chúng sanh buồn thương giận ghét là một chuyện in tuồng mờ mờ, ảo ảo, hết sức huyễn hoặc. Cái thật Đức Phật muốn nói là Bản Giác Diệu Minh chớ Đức Phật không có bàn sâu đến chuyện sanh tử. Khổ nó cũng ảo khổ, vui nó cũng ảo vui, sanh nó cũng ảo sanh, tử nó cũng ảo tử. Và lần nào đó chúng ta ngủ thức dậy, hay là sau một buổi tọa thiền mà chúng ta nhận cuộc đời nó thực sự ảo, thì lúc đó xem như chúng ta được giác ngộ. Từ đó về sau chuyện sống và chết với mình không còn quan tâm, không còn quan trọng nữa. Sống chết là ảo, Niết Bàn là ảo, sanh tử cũng là ảo.

Nhiều người nghe sinh tử ảo thì chấp nhận, nhưng nghe Niết Bàn ảo thì rất khó chấp nhận; nhưng "In tuồng có mê và có giác", từ "giác" nó đối với từ "mê", nên người mê lầm tạm thời nói là có giác ngộ, chớ sự thật là không có mê lầm, không có giác ngộ. Sự thật là sự thật. Không có mê và không có giác. Nếu chúng ta còn thấy có giác tức là chúng ta chưa thoát khỏi căn gốc của mê lầm. Nếu chúng ta thấy có sự mê lầm, tức là lúc đó chúng ta có một chút giác ngộ. Do đó, nếu chúng ta thấy rằng mình đã giác ngộ rồi thì mình vẫn còn mê lầm. Chúng ta còn ở bên giác hoặc còn ở bên mê thì mê và giác đối với Đức Phật in tuồng có thôi, nó là sự dựng lập tạm thời trong vòng sanh tử luân hồi thôi.

Ý Đức Phật muốn nói sự sanh tử luân hồi trong chúng sanh này nó hết sức huyễn ảo, nó là sự dựng lập tạm thời phương tiện, chứ nó không thật. Nếu chúng ta nhìn thấy có

sanh tử thật, có Niết Bàn thật thì chúng ta còn bị lầm mê, còn ở bên đây bờ tâm thức. Người đó khó có thể tiếp nhận bề sâu của tâm linh, không thể phá vỡ dòng sanh tử này.

VĂN KINH

Chi 3. Dụ hoa đốm bệnh nhặm đã trừ hoa chẳng sinh lại

Cũng như người bệnh nhặm mắt, thấy hoa đốm trong hư không, mắt nhặm nếu lành hoa đốm trong hư không diệt mất. Bỗng có người ngu đối với chỗ hoa đốm trong hư không diệt mà đợi cho hoa đốm sinh lại. Ông xét người ấy là ngu hay trí?

Ông Phú Lâu Na thưa: "Hư không nguyên không có hoa đốm, do hư vọng mà thấy có sinh diệt. Thấy hoa đốm diệt mất trong hư không đã là điên đảo rồi, lại còn muốn bảo nó sinh lại, thì thật là điên dại, làm sao còn gọi người điên cuồng như thế là ngu hay trí?"

Phật dạy: "Ông đã hiểu như thế, làm sao còn hỏi chư Phật Như Lai đã chứng Diệu giác minh không, đến lúc nào sẽ sinh ra núi, sông, đất liền nữa?

Đức Phật ví dụ rất hay và cũng ra đòn vô đầu chúng ta rất đau. Trong hư không này tự dưng sanh hoa đốm là do mắt bệnh, bây giờ ta trị hết bệnh ở mắt rồi, ngồi đó coi chừng nào hoa đốm sinh trở lại thì chúng ta là người như thế nào? Đức Phật cho chúng ta là người vô trí, người ngu, người bệnh.

Đòn này hơi nặng để chúng ta tỉnh giấc ra. Vì sao? Vì hư không vốn từ xưa tới giờ không có hoa đốm. Mà sanh hoa đốm là bệnh. Có nghĩa, Bản Giác Diệu Minh này từ xưa tới giờ không có chuyện mê lầm, nếu mình thấy có mê lầm là

mình bị bệnh, thấy còn sanh tử là còn bệnh, thì phải trị cái bệnh thấy không đúng của mình, còn cái Bản Giác Diệu Minh nó vốn thanh tịnh.

Ngay từ đầu chúng ta muốn đặt câu hỏi để khẳng định cái thấy biết của chúng ta về Phật Pháp, khẳng định lại cái Bản Giác Diệu Minh nó vốn nhiễm ô hay thanh tịnh? Nó bị sanh tử luân hồi hay không bị sanh tử luân hồi? Hoa đốm có sanh ra dày đặc trong hư không chừng nào, là mắt chúng ta bị bệnh nặng chừng đó và chúng ta không thấy được sự thật. Đến hồi chúng ta trị được hết bệnh mắt thì thấy hư không này là rỗng. Đức Phật ví dụ: Tất cả những người hiểu biết được hư không vốn rỗng, hoa đốm không thật, thì không cần phải đặt câu hỏi, là người giác ngộ có sanh mê lầm trở lại hay không? Hiểu được điều này rồi chúng ta không còn thắc mắc nữa. Phá vỡ cái nghi là khi Đức Phật giác ngộ thì chừng nào mới sanh lại lầm mê trong sanh tử này.

Đức Phật sanh lại trong các cõi thì không có lầm mê như mình. Đức Phật Bổn Sư được gọi là Thiên Bá Ức Hóa Thân Thích Ca Mâu Ni Phật. Khi một vị Bồ Tát đã giác ngộ hoàn toàn thì được thành Phật. Những vị Đại Bồ Tát từ Thập Địa trở lên, các vị có rất nhiều năng lực. Lúc các vị nhập trong pháp giới Tánh toàn chân thì lúc đó không phải một thân ở một cõi. Ví dụ một người ở cõi người tu tập cho tới giai đoạn nhập trong pháp giới Tánh toàn chân, thì người đó không phải ngồi tại đây thuyết pháp cho chúng hội tại đây nghe là hết, mà người đó đủ khả năng biến hóa hằng hà sa số thân để đi hằng hà sa số cõi, tu tập và thành Phật hằng hà sa số nước trong một khảy móng tay.

Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: Trong một sát na tâm, từ một cọng chân lông trên người Đức Phật phóng ra hằng hà sa số hào quang, hóa ra hằng hà sa số các vị Đại Bồ Tát, đi đến hằng hà sa số các cõi, tu tập thành hằng hà sa số Đức Phật, đó là Phật sự của Đức Phật. Cõi nào cũng được Đức Phật phân thân nghìn muôn ức tu tập, thành Phật đi giáo hóa tất cả các nơi. Tính ra thời gian một ngày Phật sự của Đức Phật bằng hằng tỷ lũy thừa tỷ tỷ kiếp làm Phật sự của mình. Khoảnh khắc làm Phật sự của chư vị Đại Bồ Tát của nhân gian này chưa ai so sánh được một phần tỷ tỷ của Đức Phật. Cho nên ở cõi này chúng ta có làm ông gì bà gì, có phước đức phước thiện bao nhiêu đi nữa chỉ là chuyện rất rất nhỏ của chư Phật và chư vị Bồ Tát.

Chúng ta chưa hiểu nổi chuyện phân thân của Đức Phật. Đức Phật phân thân thành tựu Phật sự trong tất cả các cõi chớ không phải chỉ cõi Ta Bà. Lịch sử nói là vị Bồ Tát Hộ Minh từ cung trời Đâu Suất giáng thần nhập thai ở thành Ca Tỳ La La Vệ, thành thái tử Tất Đạt Đa tu hành thành Phật. Nếu chúng ta còn ở bên đây bờ tâm thức thì chúng ta cũng chỉ hiểu như vậy. Hiểu Đức Phật sẽ bị sanh ra, khi tu hành thành Phật trong cõi đời này thì chết một đời, nhỏ lắm, không phải vậy.

Nếu ai sử dụng điện tử thì thấy có một máy chủ phân làm một triệu máy con. Máy chủ lệnh một cái thì một triệu máy con hoạt động. Bây giờ vật chất họ cũng làm được điều đó thì khả năng thần thông phép mầu của một vị Đại Bồ Tát, cũng như vị chứng quả Phật như Đức Phật, dư sức trong một khởi niệm để đi hằng hà sa số các cõi, dễ hiểu lắm. Cho nên chúng ta phải hiểu rõ ràng là Đức Phật phân thân ngàn muôn

ức thân thực sự để đi đến các cõi thành Phật, là chuyện thật, không phải là không có. Đức Phật xuống cõi này hay lên cõi trời hay khắp các cõi đều như vậy.

Ở đây Đức Phật chỉ làm một chuyện nhỏ trong Phật sự Phật hạnh của vị Đại Bồ Tát, ứng hóa thân tu hành thành Phật ở một cõi nào đó. Không phải trong một ngày làm được một việc, không phải một giờ làm được một việc, mà chỉ cần trong một sát na tâm thôi là hằng hà sa số việc, hằng hà sa số cõi để được thành Phật. Đó là lối hành đạo Bồ Tát của các vị Đại Bồ Tát. Nếu nói chuyện các vị Đại Bồ Tát thì chúng ta chỉ nên đi bằng hai đầu gối để đảnh lễ thôi, chớ không có gì so sánh được trong Phật sự Phật hạnh của các Ngài.

VĂN KINH

Chi 4. Dụ vàng trong khoáng không xen tạp

Lại như quặng vàng xen lẫn với vàng ròng một khi vàng đã luyện thành vàng ròng rồi, thì không thành quặng nữa. Cũng như cây đã đốt thành tro thì chẳng thành cây được nữa. Chư Phật Như Lai Bồ Đề, Niết Bàn cũng lại như vậy."

Đức Phật ví dụ rõ hơn: Vàng ở trong mỏ thì nó còn xen tạp, nhưng khi được khai thác từ quặng mỏ rồi, được nung nấu trở lại với độ lửa nhất định để lọc tất cả những tạp chất, thì vàng lại trở thành vàng ròng. Mà trở thành vàng ròng rồi thì không thể thành vàng tạp trở lại, mặc dù là chế ra nhẫn, dây chuyền, thì nó cũng là vàng ròng thôi, không thay đổi được. Đức Phật nói là chư Phật và Như Lai cũng lại như thế.

VĂN KINH:

Đoạn 8: Chỉ bày các đại có thể dung nhau

Chi 1. Lập lại câu hỏi ban đầu

Phú Lâu Na, ông lại hỏi về đất, nước, lửa, gió bản tính viên dung khắp giáp pháp giới, nên nghi sao tính nước, tính lửa không lấn diệt lẫn nhau. Lại nêu ra hư không và các đại địa đều khắp cả pháp giới không dung hợp nhau.

Chi 2. Lấy hư không để thí dụ tàng tính dung nhau

Phú Lâu Na, thí như hư không, thể nó không phải các tướng mà không ngăn ngại các tướng phát huy.

Chi 3. Lấy bảy việc để ví dụ các đại không ngại tàng tính

Vì cớ sao? Phú Lâu Na, nơi hư không kia mặt trời chiếu thì sáng, mây tụ thì tối, gió thổi thì động, trời tạnh thì trong, hơi động thì đục, bụi nhóm thành mù, nước đứng thì trong.

Ý ông nghĩ sao? Các tướng hữu vi khác chỗ như thế là nhân các cái kia sinh, nhân hư không mà có? Phú Lâu Na, nếu do các cái kia sinh ra, vậy khi mặt trời soi sáng đã là mặt trời sáng thì mười phương thế giới đồng thành sắc của mặt trời, vì sao giữa hư không lại thấy mặt trời tròn? Nếu là hư không sáng, thì hư không phải tự soi sáng, vì sao lúc giữa đêm mây mù không chói sáng? Phải biết cái sáng ấy không phải mặt trời, không phải hư không, cũng không ra ngoài hư không và mặt trời.

Câu hỏi được đặt ra: Tại sao bảy đại này dung nhau được? Trong phần thu thất đại, Đức Phật nói là tánh lửa trùm khắp hư không, do nghiệp của chúng sinh mà nó sanh ra. Mình không thấy lửa đâu hết nhưng nếu cầm hộp quẹt bật đốt điếu

thuốc hút, thì tùy theo nghiệp riêng của mình lửa xuất hiện đủ cháy một điếu thuốc rồi thôi. Cần lửa đốt lò nấu cơm, thì chúng ta bật lửa đủ nấu nồi cơm rồi lửa tan biến hết. Hoặc đi bất kỳ nơi nào muốn lấy lửa thì nơi đó có. Muốn cọ cây lấy lửa, hoặc xẹc đá vào bùi nhùi lấy lửa, hoặc lấy kính hiển vi rọi ánh sáng mặt trời vào bùi nhùi cũng cháy thành lửa. Như vậy lửa ở đâu? Lửa ở mặt trời, ở kính hiển vi, hay lửa ở bùi nhùi? Nếu tính lửa không đầy khắp hư không thì lửa không thể cháy trong khoảng không gian cần thiết. Chỗ nào chúng ta cần lửa thì lửa cháy liền, tùy theo nghiệp tập chúng sanh mà lửa hiện đúng như nghiệp đó của mình mà thôi, còn bình thường thì mình không thấy lửa. Lửa chúng ta đốt một ngày thì nó hiện một ngày, đốt lò hai ngày thì lửa hiện hai ngày, đốt lò năm ngày thì lửa cháy năm ngày, nhưng nếu chúng ta ngưng thì chỗ đó hoàn toàn không thấy lửa nữa.

Nước cũng vậy. Những chỗ hiện hình tướng thành nước như nước hồ, nước ao, lúc nước hiện thì chúng ta không thấy lửa, nhưng nếu nước trở thành phân tử bay trong hư không, thì khắp hư không này đều có phân tử oxy và hydro. Như vậy phân tử nước và phân tử lửa có lẫn lộn giao xen nhau trong không gian không? Hay cái này nó lấn cái kia? Bình thường chúng ta lấy nước đổ vào lửa thì lửa tắt. Tại sao Đức Phật nói thất đại trùm khắp hư không, thì chỗ nào có lửa sẽ không có nước, chỗ nào có nước thì không có lửa, vậy sao nó lại phủ trùm khắp pháp giới, cái này nó không lấn át cái kia được mà nó đan xen với nhau?

Như hư không và mặt trời. Hư không thì tối, mặt trời thì sáng. Khi có mặt trời thì không có hư không, khi có hư không thì không có mặt trời. Vì mặt trời là sáng và hư không

là tối. Hư không là cái rỗng không, vật chất là cái có, khi có vật chất thì không có hư không, khi có hư không thì không có vật chất. Nếu không có hư không thì vật chất không thể thành hình, vật chất là đặc luôn.

Đức Phật nói nhiều đến bảy đại để cho chúng thấy rằng nó không lấn diệt nhau. Mà Đức Phật muốn khẳng định rằng tất cả mọi cái đều phủ trùm khắp pháp giới, nó giao xen với nhau không có khoảng cách. đất, nước, gió, lửa cũng giống như vậy. Thân chúng ta có đầy đủ đất, nước, gió, lửa nó cũng đang giao xen với nhau. Ở giữa hư không, ở khắp vũ trụ này đối với Đức Phật thì tứ đại đang giao xen với nhau chứ nó không có lìa.

Đức Phật đặt câu hỏi: Khi mặt trời mọc lên thì có phải ánh sáng từ mặt trời mà ra không? Hay ánh sáng từ hư không mà có? Đức Phật nói một câu theo như thế gian nghĩ đó là câu nói lấp lửng: Ánh sáng không phải từ mặt trời, mà cũng không phải từ hư không, nhưng không ra ngoài hư không và mặt trời. Rõ ràng ánh sáng trong khoảng hư không này, ánh sáng không ra ngoài hư không, nhưng nếu không có mặt trời thì ánh sáng cũng sẽ không có. Nhưng khi ánh sáng hiện ra hư không rồi, thì nói nó là hư không cũng không đúng, vì nó là ánh sáng của mặt trời.

Ở đây Đức Phật dùng từ rất khéo là ánh sáng nó không phải từ mặt trời, cũng không phải hư không, nhưng ngoài hư không và mặt trời ra thì không thể có ánh sáng. Những cái giao xen như lửa với mắt thường của mình không thấy được, nhưng khi mình cần thì lửa hiện ra. Nước với mắt thường của mình không thấy được, nhưng đoạn trước Đức Phật nói tánh nước nó trùm khắp pháp giới mười phương, lấy ngọc phương

chư để trong thau nước một đêm thì tới sáng được đầy thau nước.

VĂN KINH

Chi 4. Dùng thí dụ để so với các pháp

Xét về tướng các pháp nguyên là vọng, không thể chỉ bày, cũng như mong hoa đốm giữa hư không kết thành quả hư không, làm sao còn hỏi cái nghĩa lấn diệt lẫn nhau? Xét về tính các pháp nguyên là chân, chỉ có Tánh giác Diệu minh. Tánh giác Diệu minh vốn không phải là thủy đại và hỏa đại, làm sao lại hỏi không dung lẫn nhau.

Đức Phật dạy xét về tướng các pháp nó vốn hư vọng rồi, không thể chỉ bày một cách rõ ràng được. Cũng như hoa đốm trong hư không mà chúng ta muốn kết thành cái quả giữa hư không chuyện đó không thể có, thì không thể có chuyện lấn diệt nhau. Đối với Đức Phật, tánh ướt của nước, tánh ấm của lửa, tánh cứng của đất, tánh động của gió trong hư không này nó đan xen, nó luôn luôn có, đủ duyên nó hình thành theo nghiệp tập của mình.

Chuyện đủ duyên hình thành quả địa cầu của chúng ta đang ở, là một sự kết nối của hằng hà sa số những loại tâm thức tạo thành dòng xoắn ở trong vòng vũ trụ mênh mông này, để nó kết thành vật chất. Do quá nhiều loại chúng sanh có những tâm thức tương đồng nhau mới thành quả địa cầu của chúng ta. Quả địa cầu hình thành cũng có tứ đại trong đó. Lửa trong lòng quả địa cầu rất nóng, thỉnh thoảng trong lòng đất xì lên vài núi lửa, nó có sự giao xen với nhau rất rõ ràng.

Đất, nước, gió, lửa được hình thành trong quả địa cầu này cũng như hình thành con người. Chúng ta chỉ nhìn thấy

cái ảo tướng nó hiện ra trong lúc nó thành hình chứ bình thường thì đất, nước, gió, lửa nó đã phủ trùm khắp pháp giới này mà không lấn diệt nhau. Ý Đức Phật muốn nói là ở trong Tánh giác nó không có thủy đại, không có hỏa đại v.v…

Đoạn trước Đức Phật ví dụ hoa đốm giữa hư không nó không thành quả. Đức Phật muốn nói sâu tới sự lầm lẫn của chúng ta trong đời sống này. Chúng ta làm mọi điều muốn nó có kết quả thật, là chúng ta đã thấy lầm. Như thấy hoa đốm giữa hư không mà chúng ta muốn nó thành kết quả, đó là cái thấy lầm. Đức Phật muốn dạy chúng ta trong đời sống hiện tại này, chúng ta phải thấy cho đúng sự thật về các tướng. Cuộc đời này nguyên nó là hư vọng, không thật, chúng ta phải nhìn cho ra cái hư vọng này, nếu nhìn ra được thì công phu và cuộc đời chúng ta sẽ nhẹ liền. Đây là điều rất lạ.

Ví dụ mình đang ngồi thiền thì tất cả những động niệm nơi tâm mà chúng ta một lần thấy nó là hư vọng, thì nó không quan trọng đối với mình. Nhưng chúng ta ngồi thiền sở dĩ chúng ta bị loạn tâm, bất an, cảm thấy bữa nay mình ngồi thiền không được do loạn tâm là do chúng ta thấy vọng là thật. Thành ra biết vọng chỉ cần chúng ta biết một lần là đủ, không biết nhiều lần. Người biết vọng rồi, chút nữa biết, chút nữa biết là người đó chưa biết được vọng. Pháp biết vọng phải nói là rất căn cơ. Tại vì sao? Vì tất cả sanh tử đều bắt nguồn từ vọng động. Chúng ta biết được vọng là chúng ta biết được sanh tử, chúng ta thấu được vọng là chúng ta thấu được sanh tử, chúng ta tự tại được vọng là chúng ta tự tại được sanh tử, chúng ta làm chủ được vọng là chúng ta làm chủ được sanh tử. Chuyện sanh tử dễ giải quyết lắm, nó chỉ trên đầu vọng niệm mà thôi, không khó khăn, mình thấy nó khó là do mình

thấy nó là thật. Đức Phật nói tướng của tất cả các pháp nguyên nó là vọng.

Như trước kia quả địa cầu không có, vì nó là ảo, là vọng, do sự kết hợp của nhiều tinh thể hình thành. Do mình sanh ra trong quả địa cầu này, thấy nó to quá nên mình thấy nó là thật, thấy núi sông là thật, tất cả mọi cái là thật. Nhưng một phen chúng ta hòa nhập được trong Bản Giác Diệu Minh một lần, thì chúng ta thấy quả địa cầu có một xíu xiu; lúc đó mình mới biết rằng mình không phải con người mấy chục ký lô này với những khởi niệm buồn, thương, giận, ghét này là thật. Đức Phật muốn nói nó vốn là hư vọng, là ảo giữa hư không nên chuyện lấn diệt nhau hoàn toàn không có.

Ra đường chúng ta thấy xe chạy rất lộn xộn. Thỉnh thoảng cũng có một hai cái nó chạm nhau nhưng mà thật ra nó không lộn xộn, nó rất trật tự, không có cái nào lấn diệt cái nào. Con người đi trong chợ cả ngàn người nhưng rất trật tự, nếu lộn xộn nó sẽ lấn diệt nhau, nhưng không lấn diệt được. Đời sống chúng ta nếu chiêm nghiệm kỹ từ nhỏ tới giờ chúng ta thấy có lúc mình buồn, có lúc mình vui, có lúc mình khổ, có lúc mình sướng, có lúc thấy tự tại, có lúc thấy rắc rối, có lúc thấy an nhàn, có lúc thấy nặng nề. Những cái đó mà mình không hiểu về đời sống của chính mình thì mình sẽ thấy cuộc đời mình sao kỳ cục quá, nay vầy mai khác, nó lộn xộn. Nhưng tất cả những cái xảy ra trong vũ trụ này nếu nhìn với cặp mắt đúng đắn nhất thì nó rất trật tự.

Cả vũ trụ này rất trật tự. Cái lớn nhất như trái đất, mặt trời, mặt trăng, nó là một vòng xoắn xoay quanh với nhau, nếu nó đi chỉ cần lệch trục thôi, nó quay không đúng vòng trật tự của nó thì nó đã va chạm nhau, nổ tung rồi. Nhưng trái đất

xoay quanh mặt trời mấy triệu năm rồi nó vẫn còn khoảng cách đó, nó vẫn quay cái kiểu của nó như vậy, không lộn xộn. Tất cả giải ngân hà, thiên hà, hành tinh, hằng tinh trong vũ trụ mênh mông này không từng lộn xộn, rất trật tự. Vậy xuất phát từ cái nền nào mà nó trật tự như vậy?

Bởi vì Bản Giác Diệu minh có cái năng lực đó nên chưa từng có chuyện lộn xộn trong vũ trụ này. Mọi chuyện xảy ra đều rất trật tự như nó đang xảy ra. Trong thời điểm thời khắc đó nó là vậy, trước đó muốn cũng không được, mà sau đó muốn cũng không được, thời điểm đó chuyện đó sẽ xảy ra, vì nó là như vậy rồi, nó rất trật tự. Nhưng mình không hiểu nổi, cho cuộc đời chúng ta là lộn xộn, nay chìm mai nổi. Xin thưa không lộn xộn. Vì nhân quả mà chúng ta đã làm đời này đời nọ, kiếp này kiếp nọ trong hằng hà sa số kiếp sanh tử, bao nhiêu đó nó sắp đặt cho cuộc đời này, bữa nay chúng ta ăn gì, uống gì, mai ngủ kiểu gì, đau khổ làm sao, nhức đầu làm sao, nhân quả đã sắp xếp rất kỹ.

Nhân quả không phải ai đứng ra sắp xếp cả, mà chính mình đã sắp xếp cho chuyện của mình trong đời sống này. Giống như mình đã sắp đặt cả một tháng cho cái nhà của mình, đặt bàn ở đâu, ghế ở đâu, tủ ở đâu, giường ở đâu, hồ nước ở đâu … Cho nên bây giờ ai bước vô nhà thấy nhà này trật tự, có thứ lớp. Chúng ta bị sanh trong cuộc đời, lớn lên mình không biết chút nữa sẽ xảy ra chuyện gì với mình, mình nghĩ là trời giáng hoạ, ai ban phước cho mình. Sự thật nhân quả đã sắp đặt rất kỹ. Kỹ lắm mới hình thành cái thân mình bây giờ và có một đời sống như vầy.

Cho nên mình phải vui vẻ sống với cái mình đã sắp đặt, thì mới đúng với một người hiểu nhân quả, không được

quyền quẹt nước mắt khóc cho là tôi bị thế này thế kia. Hiểu nhân quả chúng ta không bao giờ còn buồn vì chuyện này mình đã sắp đặt kỹ lắm. Chúng ta được người ta chửi là do mình đã sắp đặt kỹ lắm mới gặp đúng giờ này ổng mới chửi mình, không có chuyện khơi khơi đâu. Chúng ta gặp người chào đón mình nồng nhiệt, là do mình đã sắp đặt kỹ lắm nhiều ngàn kiếp, thì đời này người này mới tốt với mình.

Tất cả đều là sự sắp đặt của chúng ta, được tạm gọi là nhân quả. Đó là những chuyện mình làm. Mình đã mong muốn, chờ đợi chứ không phải tự nhiên. Không có chuyện nào gọi là tự nhiên cả. Nhưng với cặp mắt và cái đầu bình thường chúng ta không chấp nhận nổi điều này. Mình thấy chuyện xảy ra với mình quá quan trọng, mình chuẩn bị vô tù, mình chuẩn bị chết, mình chuẩn bị bệnh nặng v.v… Cuộc đời chúng ta sẽ thế này thế kia thế nọ, là không ai sắp xếp chuyện đó tới với mình, mà do chính mình. Mình đủ quyền năng trong tam giới này, phải nói là như vậy, tức là mình đủ khả năng đi vòng vòng trong lục đạo, mình muốn đi lên cõi trời, muốn xuống địa ngục là do mình. Nên lỡ đời này mình phải xuống địa ngục chơi thì phải vui cười, vì mình đã muốn xuống đó. Mình sắp đặt kỹ rồi mới xuống địa ngục được, chớ không phải tự nhiên ai đưa mình tới đó. Không phải nhân quả là năng lực nào đó đưa đẩy chúng ta đi, đừng hiểu lầm.

Trật tự vũ trụ này được sắp xếp rất kỹ mà máy điện toán không so sánh được. Chỉ có Đức Phật Ngài thấy rõ chuyện này một cách tường tận. Trí tuệ của Đức Phật được Long Nữ khen là "*Thấu rõ tướng tội phước"* trong Kinh Pháp Hoa. Lời khen rất độc đáo! Chỉ cần mình khởi một niệm nào đó là Đức Phật biết mấy ngàn kiếp sau mình sẽ gặp chuyện gì,

thấy rất rõ, còn mình thì không thấy được điều này. Chỉ cần mình cười với người này một cái thôi, Đức Phật thấy rõ năm trăm năm sau mình mới gặp lại cái nụ cười này và nó sẽ sanh tiếp cái gì nữa, rồi một ngàn kiếp sau sanh ra chuyện gì đó Đức Phật thấy rõ.

Chỉ có trí tuệ của Đức Phật mới thấy rõ đường đi nước bước, khúc quanh khúc quẹo của nhân quả. Thành ra chuyện tới với chúng ta trong đời này có khi do chúng ta làm hồi nhỏ bây giờ nó xảy ra, có khi do chúng ta làm đời trước nên đời này nó xảy ra, có khi chuyện đó chúng ta làm mấy tỷ kiếp trước bây giờ nó mới tới. Vốn liếng mình chuẩn bị trong mấy tỷ kiếp nó gom gom lại để bây giờ mình đang xài, vậy mà mình chê trách, tại hồi đó mình tính không kỹ. Đời này mình được đẹp, được xấu, được già, được lùn, được cao, được giàu, được nghèo là do mình đã sắp xếp không kỹ, bây giờ mình muốn tương lai như thế nào thì tự mình sắp đặt lại nhân quả cho mình.

Ở đây Đức Phật muốn nói một điều là tất cả các pháp nguyên nó là vọng, cho nên nó không thể kết thành quả được. Quả hiện tại chúng ta có tốt, có xấu, có hay, có dở với mình, thì đây là nhân quả của mình. Quả đó cũng vốn là ảo vọng tiếp tục, cho nên nó không có lấn diệt nhau. Nhưng trong đời này nếu một ngày nào đó mình có một lần bị trợt té dưới đất, mình nằm đó nghiệm nghiệm thấy rõ cuộc đời này, cả vũ trụ này hết sức trật tự. Nếu mình hiểu nhân quả rồi, mình có sự cảm thông về việc xảy ra nghiệp tập của người đó, do họ bị lầm, họ bị thương đau như vậy, không phải là mình dửng dưng không thương họ, mà mình có một sự cảm thông một cách tuyệt đối.

Chuyện mình mấy tuổi bị bệnh gì, mình lớn lên đau kiểu nào, chết ra làm sao, mình cũng tính kỹ lắm rồi, cho nên mình ra đời tới ngày giờ đó mình gặp phải chuyện đó. Cái đến với mình bất ngờ, mình gọi là bất ngờ theo kiểu của mình thôi, chứ tất cả những cái đó là mình đã sắp đặt hết rồi, cho nên đừng bao giờ than phiền tại sao tôi gặp rắc rối nhiều. Tại mình đã quăng chông gai trên lộ trình sanh tử của mình trước rồi, nên bây giờ mình phải dẫm lên đau đau một chút thì phải chịu thôi.

Một vũ trụ trật tự vô cùng. Cái trật tự nó cũng sắp đặt nhóm người này gây rối, nhóm kia lại sắp cho nó yên, người này cự lộn người kia có người khác lại can, có sự sắp xếp kỹ lưỡng lắm. Không phải tự nhiên hai người cự cãi và mình lại can được đâu. Như người ăn trộm muốn bắt họ mà không bắt được, vì chưa đến lúc họ phải bị tù, mình có rình đi nữa cũng không bắt được, nhưng khi người đó hết phước để xài tiền lén lấy của người ta rồi thì lúc đó bị bắt. Hàng tá công an cũng không bắt được người ăn trộm nếu phước họ đang còn. Có khi mình bao vây năm bảy chục người nhưng nó đi ra tỉnh bơ, vì trong đoạn nhân quả đó nó đang còn sử dụng được một đoạn lén lấy tiền người ta.

Mọi điều xảy ra mình thấy như là sự bất ngờ trong đời mình, nhưng không có gì là bất ngờ cả, mọi cái đều được tính toán rất chi li, mà nhân quả càng học càng thấy dễ sợ là nó chính xác không sai lệch. Như trong đời này, bỗng dưng hai người gặp nhau thân thiện, và họ làm được những chuyện họ muốn làm lớn trong cuộc đời, rồi họ tiếc sao mình không gặp nhau sớm một chút, khả năng mình gặp nhau sớm mà kết hợp là làm nhiều chuyện Kinh thiên động địa lắm. Không phải

đâu! Trước đó một giây cũng không thể gặp nhau được. Mà chuyện này đã tính mấy ngàn kiếp trước, hẹn nhau tới giờ này mới gặp được, không phải dễ đâu.

Thành vợ thành chồng, thành ân thành oán, thành cha thành con, thành bạn thành bè trong đời này là sự sắp xếp rất kỹ của mình. Cho nên đi đâu, trên trời trên mây cũng kiếm gặp nhau cho kỳ được để đền trả ân nghĩa đó. Với tôi, những chuyện xảy ra trong cuộc đời là ân nghĩa, không phải là ân oán.

Đức Phật nói không có cái nào diệt cái nào, mọi cái tới là sự sắp đặt, cái nào tới trước, cái nào tới sau, cái nào đúng, cái nào sai, nó giao xen nhưng rất trật tự. Hoặc thấy con người đi vào chợ đông như vậy, nhưng rồi đường ai nấy đi, việc ai nấy làm, hàng ai nấy bán, cuối cùng mọi người cũng đi đúng con đường của họ để về nhà. Thấy vậy nhưng nó cũng rất là trật tự. Giữa chợ đời cũng rất trật tự. Nhưng chúng ta không nhìn ra cái trật tự đó, nên mình có phiền não khổ đau trong đời sống này.

Cuộc đời này đúng như nó đang xảy ra, thời khắc đó phải xảy ra không khác được, nhưng người ta không biết về nhân quả chúng ta phải nhìn nhận cho thấu suốt, chúng ta thường nghe nói nơi nào có người tu tập tốt thì thiên tai bão lũ nơi đó ít xảy ra. Điều này có đúng mà cũng có sai, nhưng sai là người ta không nhìn hết nhân quả của những người đó. Thiên tai bão lũ có thể xảy ra với nơi có nhóm người tu tập tốt như dân Nhật. Vì họ tốt có đời này thôi, nhưng trước đó họ làm gì mình không biết. Những người có tâm tư đó, có nhân quả đó họ bắt đầu hẹn hò với nhau tới sống vùng đất đó trong đời này, để chuyện đó xảy ra với họ. Có thể trước đó mười

đời, hai mươi đời, thậm chí năm mươi đời họ từng sống tốt, nhưng nhân quả đời thứ năm mươi mốt về trước họ đã làm gì để bị nhân quả trong đời này thì dòng sanh tử sẽ sắp đặt. Mình chỉ nhìn phiến diện một đời thì chúng ta không thể nhận định được. Tất cả mọi cái chúng ta phải nhìn cho thấu suốt.

Tứ Đại đan xen nhưng rất trật tự. Ví dụ cái cây nhìn thấy đặc nhưng nước có thể nuôi tới đọt cây, là do thân cây có những lỗ rỗng. Có và không lồng bóng trong nhau, cái có nó không rời cái không, cái không không rời cái có, nước không rời lửa, lửa không rời nước, nhưng khi nó hình thành ảo tướng thì chúng ta thấy nó là thật. Tướng là vọng ảo. Cuộc đời này luôn là như vậy. Nếu chúng ta có chút thấy nhìn về cuộc đời cho đúng đắn, thì chúng ta rất yên ổn cho mọi chuyện thuận nghịch xảy ra.

VĂN KINH

Chi 5. Thí dụ tàng tính tùy các tướng hiện

Tánh giác Diệu minh chân thật cũng lại như vậy. Nếu ông phát minh ra cái hư không thì có hư không hiện ra; địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại mỗi thứ mỗi phát minh thì mỗi thứ hiện ra; nếu cùng phát minh thì cùng hiện ra.

Thế nào là cùng hiện ra? Phú Lâu Na, như trong một ao nước hiện một bóng mặt trời. Hai người đồng xem bóng mặt trời trong ao nước, một người đi qua hướng Đông, một người đi qua hướng Tây, thì hai bên đều có mặt trời đi theo mình, một về phương Đông, một về phương Tây, không có chuẩn đích trước.

Không nên gạn hỏi mặt trời đó chỉ có một, làm sao mỗi cái lại đi theo mỗi người? Mặt trời đã thành hai, làm sao hiện chỉ có một? Hư vọng xoay vần như thế, không thể lấy gì làm bằng cứ.

Đoạn này hết sức thâm thúy, hết sức hay! Một ví dụ mà chỉ có trí tuệ của Đức Phật mới nói được thôi. Khi nào chúng ta ngộ đạo thì mới hiểu hết chuyện mà Lục Tổ Huệ Năng nói: *"Nào ngờ tự tánh hay sanh muôn pháp"*. Người tu theo đạo Phật mà hiểu được cái Bản Giác Diệu Minh hay sanh muôn pháp như thế nào, thì người đó mới gọi là hiểu đạo.

Nãy giờ ngồi đây quý vị có nhận ra mình đang hít thở không? Có mấy người công phu tới đây? Khi tâm chúng ta nhận biết điều gì thì nó có với mình. Hoặc mắt nhìn chúng tôi quý vị có nhận ra hư không trước mắt mình không? Lúc chúng ta nhận ra hư không, thì cái hư không mới có ra với mình, tức là tâm bắt đầu sanh thì cảnh mới có. Cảnh đang hiện hữu trước mắt, nhưng chúng ta không để ý, chỉ để ý âm thanh đang giảng để mình hiểu thôi, mình không quan tâm những chuyện kia, thì những chuyện kia xét ra nó không có với mình.

Đức Phật nói: Chúng ta nhận được địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, mọi đều sanh tử, có không đều sinh ra từ mình. Nếu như một người giác ngộ ngồi đây nói không có chuyện sanh tử, mình không chấp nhận, vì tất cả chúng ta đều thấy có sanh tử, có thân này sống mấy chục năm, có người chết. Sự thật sanh tử chỉ có với ảo giác của chúng ta.

Cũng như chúng ta ảo giác là có mình. Nhưng ngã thật là cái gì ngay tại đây mình không tìm ra được. Có ai khẳng định ngã là cái gì không? Nhưng mình có cái ảo thấy mình với người này khác nhau. Lúc ảo ngã sanh thì mình có cảm giác

mình khác với mọi người, mọi loài, mọi vật. Khi mình chưa sanh cái ảo mình đang thấy đang nghe thì mình không khác nhau với vạn vật. Mình chưa sanh cái ảo nhận biết hư không thì hư không và mình có khác không? Cả đời mình ở trong hư không nhưng mình không bao giờ nhận biết từng phút từng giây mình ở trong hư không không. Chúng ta phải nghiệm lại để thấy Tự Tánh sanh ra là cái gì? Câu nói của nhà Thiền: *"Nào ngờ tự tánh hay sanh muôn pháp"* là chuyện gì? Nếu chúng ta hiểu được cái đó chúng ta sẽ hiểu cái này. Chúng ta hiểu được chuyện này chúng ta sẽ hiểu được *"Tự Tánh hay sanh muôn pháp"*. Như bà mẹ sanh ra đứa con và nuôi con lớn lên.

Chúng tôi nói: *"Nào ngờ tự tánh không sanh pháp nào",* cũng không sai. Thật sự Tự Tánh không sanh, Tự Tánh vốn thanh tịnh, chưa từng sanh chưa từng diệt, nhưng muôn pháp đều từ Tự Tánh sanh. Như cái mặt không sanh mụn, nhưng mụn hiện ra trên mặt. Tất cả sanh tử đều hiện ra trên vùng trời Tự Tánh, nhưng Tự Tánh không phải sanh ra. Nhưng tại sao chư Tổ lại nói: *"Nào ngờ tự tánh hay sanh muôn pháp"?* Chư Tổ nói không sai. Nói Tự Tánh sanh cũng không sai, mà nói Tự Tánh không sanh cũng không sai. Sự thật là Tự Tánh không sanh muôn pháp, nhưng mà hay sanh muôn pháp.

Thường chúng ta rất vô tư, rất thanh tịnh, nhưng gặp cảnh mình sanh tình, sanh tình mới sanh chuyện, nếu không sanh tình là mọi chuyện đều thành không với mình. Hoặc đi trên xe chạy nhanh mình thấy hết các cảnh, nhưng nếu mình không để ý thì đi lướt lướt qua về tới nhà hỏi có thấy gì không, mình trả lời không thấy. Nếu không có hai xe va chạm nhau

thì mình cũng không để ý. Hoặc đi từ đầu chợ tới cuối chợ, chúng ta chỉ đi thôi mọi việc trước mắt mình thấy hết, nhưng vì mình quan tâm tới một món đồ mình muốn mua, nên mấy cái khác mình cũng không để ý. Nếu có cái gì đẹp đập vô mắt mình thì bắt đầu cái đó nó sanh ra với mình. Đức Phật muốn nói tới chuyện mọi thứ đều phát sanh ra từ mình. Tức là đất, nước, gió, lửa nó đang có rồi, bình thường chúng ta đâu có quan trọng, tới hồi cần lửa mình bật hộp quẹt lên nó sanh ra lửa theo nghiệp của mình, chứ lửa nó vốn trùm khắp rồi.

"Thế nào là cùng hiện ra? Phú Lâu Na, như trong một ao nước hiện một bóng mặt trời. Hai người đồng xem bóng mặt trời trong ao nước, một người đi qua hướng Đông, một người đi qua hướng Tây, thì hai bên đều có mặt trời đi theo mình, một về phương Đông, một về phương Tây, không có chuẩn đích trước. Không nên gạn hỏi mặt trời đó chỉ có một, làm sao mỗi cái lại đi theo mỗi người? Mặt trời đã thành hai, làm sao hiện chỉ có một? Hư vọng xoay vần như thế, không thể lấy gì làm bằng cứ."

Đức Phật nêu ví dụ rất thực tế: Có hai người đồng đứng một nơi, đồng thấy có mặt trời hiện, nhưng hai người đi hai hướng thì thấy mặt trời đi theo từng người. Vậy tại sao có một mặt trời mà sanh ra quá nhiều hướng? Giả sử mười người đi mười hướng thì họ thấy mặt trời sẽ theo mười hướng. Người bên đây nói mặt trời của tôi, người hướng kia nói mặt trời của tôi, đúng hay sai? Đúng với họ, vì họ luôn thấy mặt trời đi bên cạnh mình; người bên kia cũng thấy mặt trời đi bên cạnh họ. Hoặc người này đi cách người kia hằng cây số nhưng vẫn thấy có mặt trăng hiện dưới nước. Ở Việt Nam nhìn xuống sông thấy mặt trăng hiện dưới nước, ở Mỹ nhìn xuống sông thấy

mặt trăng hiện dưới nước và hàng tỷ người nhìn xuống sông cũng thấy mặt trăng hiện dưới nước với chính mình.

Đức Phật muốn rằng mỗi một người tùy theo nghiệp của mình mà nhận một cảnh duyên khác nhau. Cùng ngồi đây nghe pháp nhưng chúng ta mỗi người cảm nhận cao thấp khác nhau. Người cảm thấy vui nhưng có người thấy khó chịu. Người tu tốt ở trong chùa ngày nào họ nghe an lạc ngày đó, người tu không tốt ở chùa giữ giới này, giữ giới kia, không được làm điều này điều kia là họ cảm thấy bị bó buộc. Ngồi Thiền cũng vậy, có người ngồi một tiếng thấy tâm an lạc, có người ngồi một chút là thấy chân đau không chịu nổi, ráng ngồi một tiếng đồng hồ là một cực hình.

Mỗi người cảm nhận khác nhau với nghiệp riêng của chính mình. Chúng ta càng nghiệm sâu thì càng thấy ví dụ này thật đặc biệt, muốn nói tới sinh tử luân hồi của chúng ta. Tất cả mọi cái buồn, thương, giận, ghét xảy ra; trong đời sống của mình, chúng ta cho rằng mình sống một đời hạnh phúc hay một đời rắc rối khổ đau là tự tâm của mình. Ngay cả quan niệm về đẹp xấu mỗi người một khác, tùy theo trình độ tâm thức kiến thức của từng người, như với người Việt Nam là phải da trắng tóc đen mới đẹp, còn người Châu Phi da đen thui họ vẫn có thể thành hoa hậu được. Có những người họ thương nhau rồi thì người thương của họ trở thành số một trần gian, người khác đẹp cỡ nào cũng không so sánh được. Mọi chuyện sanh ra là do tâm mỗi người.

Nhưng Đức Phật nói có một cái chung đồng. Một mặt trăng sinh ra hàng tỷ tỷ cái bóng kia, cũng như cái Diệu minh Chân như sinh ra hàng tỷ cuộc sanh tử của chúng sanh khắp mười phương pháp giới. Khi chúng ta trở về cái chung đồng

đó là không còn sanh tử nữa. Tất cả chúng sanh đều được sanh ra từ đó, thì phải từ các nơi để trở về một lần. Nếu ai chưa có một lần nhập vô đây thì không bao giờ trốn được dòng sanh tử, không có cõi nào trốn được, chỉ trừ chúng ta dừng cuộc sanh tử này hòa nhập vào Bản Giác Diệu Minh thì mới được xem là cắt đứt dòng sanh tử tiếp nối.

Bây giờ chúng ta đi tới cõi này cố gắng học cho hết những gì trong cõi này, học cho hết kiếp người của mình. Nếu ai chưa biết yêu thương thì hãy yêu thương tận nguồn, chưa biết thù hận thì hãy thù hận tận nguồn, chưa biết ganh tỵ thì hãy ganh tỵ tận nguồn cho tốt nghiệp hết những cái đó mới được, nếu còn thiếu một chút là đời sau sinh ra mình sẽ học cái ganh tỵ trở lại, mình sẽ học cái thương, cái ghét, cái thù hằn trong đời này trở lại. Nếu như chúng ta đã tốt nghiệp những đời trước rồi thì đời này chúng ta sống không có chuyện đó, chứ đừng ai nói sinh ra đây mình không bị nhiễm dục, không nhiễm ái, không biết yêu thương, không biết buồn hận. Không phải đâu! Học rồi ngán quá nên không muốn trở lại nữa. Đã trải qua một trận yêu đương khổ sở, nó ăn sâu trong tiềm thức mấy kiếp trước rồi, nên đời này xin lạy Phật cho con đừng có yêu, vì biết nó khổ lắm rồi, nên mình tránh chuyện đó thôi chớ không phải mình hay.

Tất cả những chuyện đó mà không trải qua là không bỏ được, tất cả mọi cái chúng ta đều phải tốt nghiệp ra trường hết. Nếu chúng ta ở cõi người, thì tất cả những cái thuận nghịch, những chuyện của con người là người đó phải biết, phải thấu đáo. Mặc dù là nhà Thiền "không nghĩ thiện, không nghĩ ác", nhưng mà phải thấu hiểu thiện ác, chứ không biết tới nó là một điều sai lầm. Ai cho rằng câu nói "không nghĩ

thiện, không nghĩ ác là bản lai chân thật của mình" rồi ráng tu để không biết thiện, không biết ác là không được. Tu để không dính mắc trong thiện và ác là đúng, nhưng tu mà không biết thiện ác là sai. Tu để thấu thoát thiện ác, để không lầm nó.

Khi hiểu được điều này rồi thì thấy mọi cái đều đến từ mình, trách nhiệm là chính mình với cuộc đời này, chứ không đổ thừa nữa. Đừng bao giờ nghĩ sao Phật không giúp mình, ông trời không thương mình, chuyện thiện nào mình cũng làm tại sao mình gặp chuyện rắc rối, hoạn nạn hoài. Tôi nói người nào tu nhiều bị nạn nhiều mới đúng, tu nhiều bị nạn ít là chưa chắc, chưa phải là giỏi. Cái khó xảy ra trong đời chúng ta một phần chắc chắn nó là nhân quả. Như trong trường học, sở dĩ một người được lãnh thưởng là phải trải qua một kỳ thi đặc biệt. Khi chúng ta chưa được rèn luyện thì chúng ta không thể làm được việc lớn. Những trường đào tạo đặc biệt thì mới có những con người đặc biệt phụng sự xã hội, mà trường đời này là trường đào tạo rất đặc biệt để có những vị Phật, Bồ Tát. Cõi chúng ta là cõi cực nhọc vô cùng so với các cõi khác, nên cõi này một người tu tốt có thể làm Phật sự Phật hạnh lớn, nên các vị Phật, Bồ Tát cũng muốn tới cõi này để tu tập thành Phật, tạo phương tiện lớn là như vậy.

Vì vậy việc gặp khó trong cuộc đời này có khi nó là nhân quả, nhưng có khi vì trao gởi chúng ta một trọng trách nào đó nên các vị phải thử mình một chút, nếu chúng ta không vượt qua những cuộc thi đó thì chúng ta không tốt nghiệp được. Những chuyện khó những chuyện thuận nghịch trong đời này là bài học, có khi phải trả bằng tiền, có khi phải trả bằng xương máu, có khi trả bằng vinh dự, có khi trả bằng tánh mạng. Đời mình có khi học chuyện đó xong ngã lăn ra chết,

nhưng đó cũng là bài học của sanh tử. Có khi nó không thành tựu gì cho mình trong đời này, nhưng mà mình học được bài học rất sâu đó thì trong vòng sanh tử tiếp nối chắc chắn là mình không còn lầm nữa, nên chúng ta phải học, đừng bỏ lỡ cơ hội.

Bây giờ còn một bài học cuối cùng cho đời mình, cho cuộc đời này, cho tất cả mọi người là bài học về Tự Tánh, bài học về Chân Minh Diệu giác của mình là chúng ta chưa tốt nghiệp. Bài này cần học mà từ trước tới giờ chưa ai học. Nếu không học bài này thì chúng ta không tốt nghiệp sanh tử. Muốn ra khỏi tam giới thì chúng ta phải tới chỗ này, phải học được bài học này. Bài học này chúng ta học không qua thì sanh tử này chúng ta không cách nào ra được.

Tất cả chuyện khác chúng tôi dám khẳng định là chúng ta ngồi đây đã học hết những chuyện yêu đương, phiền hận, tranh danh đoạt lợi, làm vua, làm chúa, làm ăn mày v.v… Nói về kiếp người thì thượng vàng hạ cám gần như chúng ta học qua rồi. Đời này nhiều khi không học hết, nhưng những đời đã qua chúng ta đã học rồi. Có những cái mà đời này chúng ta không thèm làm, không muốn làm nữa, không có nghĩa là mình tu giỏi, mà do đời khác ngán ngẩm quá rồi. Nhiều khi làm vua chán rồi bây giờ làm ăn mày, ăn mày thấy cũng không sướng muốn làm tỷ phú, làm tỷ phú thấy không ngon muốn làm ăn cướp, làm ăn cướp thấy không ngon nên muốn làm thầy chùa. Mỗi đời làm một kiểu. Đừng nghĩ đời này tôi làm thiện nhiều quá nên bây giờ tôi không nghĩ ác. Không phải vậy, mà do làm ác ngán quá rồi, đã từng làm ác xuống mười tám tầng địa ngục nên bảo làm lại mình sợ, mình đã Kinh nghiệm rồi.

Dòng sinh tử mình phải Kinh nghiệm thực sự để mình đi ra. Khi đã thành Phật rồi thì không còn cõi nào mà mình không biết. Vì mình biết được tất cả các cõi, biết cái thuận nghịch lên xuống các cõi nên mình mới đủ phương tiện cứu tất cả các cõi, còn mình không biết cõi nào thì không thể cứu cõi đó. Không biết chuyện cõi người, không nói được tiếng người thì không cứu được loài người, đó là thực, cho nên Đức Phật mới xuống đây thành đạo. Một trong mười hiệu của Như Lai là Thế Gian Giải, có nghĩa tất cả mọi điều chúng ta phải thông thấu hết, không lầm lẫn bất kỳ điều nào, phải thấy tới bề mặt bề trái của nó.

Ngồi đây nghiệm cho kỹ mình học hết rồi, chỉ có điều mình chưa học là chưa hòa nhập vào Diệu minh chân tâm của mình thôi. Chơi trò chúng sanh thấy cũng mệt mỏi, được danh cao tột đỉnh, được giàu sang sung sướng, được người hầu kẻ hạ mình đã làm nhiều lần trong dòng sanh tử này, tại mình không nhớ, nếu người nào nhớ ra mới thấy sợ. Các vị Thánh, nhất là các vị A La Hán khi đạt tới đỉnh điểm chứng Túc Mạng Thông nhìn lại sanh tử nhiều kiếp họ sợ lắm, họ không muốn quay lại nữa, đa số các vị nhập Niết Bàn liền. Các Ngài không phải độn căn nhưng các vị ngán lắm, các vị đi đủ một vòng rồi.

Như mình ở tại Việt Nam coi phim ảnh thấy nước này giàu có, nước kia đẹp, mình mong muốn được đi du lịch, nhưng tất cả cảnh giới đó nếu đi qua rồi mình không muốn đi nữa, một lần là đủ. Mọi việc chúng ta phải học qua hết, dù tốt, xấu, thuận, nghịch đừng bao giờ bỏ qua. Đó là nguyện thứ tám thường tùy học phật trong Thập Nguyện Phổ Hiền. Tất cả những điều đến với chúng ta trong đời này thì nên thông thấu

nó, không bỏ lỡ thì cuộc đời chúng ta sống tốt, linh động và có chiều sâu, chứ không phải chúng ta chỉ biết trên lý thuyết của cuộc đời.

VĂN KINH

Mục 9: Chỉ Diệu minh hợp với tạng tính "phi" "tức" cả hai đều ly

Đoạn 1: Chỉ trái với Giác Tánh hợp theo trần tướng

Phú Lâu Na, ông xem cái sắc, cái không lấn cướp lẫn nhau nơi Như Lai tạng, thì Như lai tạng tùy theo ông làm sắc, làm không cùng khắp pháp giới. Thế nên trong ấy gió thì động, hư không thì lặng, mặt trời thì sáng, mây mù thì tối, chúng sinh mê lầm trái với Giác Tánh hợp theo trần tướng nên phát ra trần lao, có các tướng thế gian.

Sau khi ngài Phú Lâu Na thắc mắc: Khi Đức Phật thành Phật rồi có sanh lại lầm mê hay không? Ở Như Lai tạng bản nhiên thanh tịnh tại sao lại sanh sơn hà đại địa. Đức Phật đã trả lời và tiến thêm một bước nữa chỉ cho chúng ta thấy Diệu minh hợp với tạng tính, cái phi, cái tức tất cả đều ly. Một đoạn dài trước Đức Phật ngắt ngang nói về Như Lai Tạng trùm khắp pháp giới đó nguyên nhân nào sanh ra sơn hà đại địa. Đức Phật cũng giải thích người đã nhập trong Như Lai Tạng thì không còn lầm mê trong sanh tử nữa.

Đoạn này Đức Phật nói với ngài Phú Lâu Na về sắc và không lấn cướp nhau trong Như Lai Tạng. Ví dụ chúng ta ngồi đây thì ngay chỗ mình ngồi là sắc, khoảng vừa đủ chỗ mình ngồi sẽ lấn khoảng hư không. Hoặc trong khoảng hư không

không có gì hết, nếu chúng ta đắp lên đây một đống đất to, đất sẽ hiện hình sắc ra thì phần hư không bị lấn lướt. Hoặc căn nhà có hình sắc như thế này, nhưng lỡ có duyên gì đó căn nhà hoại, tức là mất đi hình sắc thì lộ hư không ra. Hay khoảng không này nếu chúng ta dựng lập hình sắc mới thì hư không bị mất đi. Hình sắc và hư không luôn lấn diệt nhau, nếu chúng ta để hình sắc vào thì nó lấn diệt hư không, và hoại hình sắc đi thì hư không lại hiện ra y như cũ.

Đức Phật nói: "Như lai tạng tùy theo ông làm sắc, làm không cùng khắp pháp giới." Đức Phật khẳng định khoảng hư không chúng ta đang thấy rỗng, cũng như tất cả hình sắc mà chúng ta thấy được ở trong Như Lai Tạng, tùy theo mình mà nó hiện sắc hiện không.

Lấy ví dụ chậu hoa để đây chúng ta thấy hình sắc hiện ra, nhưng có ai đó không thích đem nó đi chỗ khác, thì tùy theo tâm mình mà hình sắc không còn hiện ở đây nữa, mà nó đổi thành khoảng hư không. Ngay trong đời sống hiện tại luôn luôn có sự giao xen giữa sắc và không, giữa có và không, giữa không và có, sắc cũng không thật sắc, không cũng không thật là không. Sắc và không luôn dao động, luôn giao xen với nhau không tạm dừng và luôn luôn thay đổi tùy theo tâm thức của chúng ta.

Kinh Bát Nhã cũng nói về sắc, không: *"Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc, thọ tưởng hành thức diệt phục như thị."* Sắc và không không khác nhau. Sắc tức là không, không tức là sắc. Khi chúng ta còn ở bên đây bờ tâm thức, tức là chúng ta hiểu theo nghĩa thông thường với mắt thường tình thì có hình sắc ở đó xem như có, mà không còn sắc thì liền

thành không. Nếu đưa sắc vào thì sắc lại có tiếp, nếu dẹp sắc thì chỗ này thành không. Có, không trong đầu mình như vậy.

Đức Phật nói "*Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc, Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc*" tức là sắc không khác không, không không khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc thì chúng ta hiểu như thế nào? Nếu ngay tại đây chúng ta có loại kính hiển vi được phóng khoảng 2.000 độ rọi cái bàn thì chúng ta thấy thấu tới đằng sau, rọi cái tường thì chúng ta thấy thấu tới bên ngoài. Theo kiểu thông thường mình sẽ thấy cái tường nó đặc, nó cứng nhưng khoa học thấy nó rỗng. Khoa học thấy tất cả vật chất là Chân không.

Nếu chúng ta học Kinh Lăng Nghiêm và Kinh Bát Nhã mà hiểu sắc là duyên hợp, phân tử này hợp với phân tử kia mới thành một hình sắc, hình sắc đó tạm thời nó có đó nhưng duyên tan nó rã. Hoặc chúng ta quán thân tứ đại là do đất, nước, gió, lửa hòa hợp, thở ra không hít vào được là gió đi, hơi ấm mất là lửa tan, thân từ từ rã là nước chảy ra đất, tứ đại trả về tứ đại lúc đó chúng ta mới hiểu ra rằng sắc không phải là sắc, sắc không thật. Nếu chúng ta hiểu theo kiểu bình thường đó thì không sai, nhưng nói đúng thì thật sự chưa phải là đúng.

Phật Tổ đưa ra cho chúng ta vấn đề sắc và không. Nếu chúng ta thực sự lắng tâm một lần trong đời của mình ở trong Như Lai Tạng Tâm thì lần đó chúng ta liền thấy không có sắc, không có không. Chúng ta tin nổi không? Rất khó tin với đầu óc thông thường, mình thấy cái gì có hình sắc thì nó liền có, cái gì không phải hình sắc thì là không.

Khoảng không này và hình sắc không khác nhau sắc và không lồng bóng trong nhau. Như cái cây chúng ta thấy nó

đặc, nhưng từng tế bào này với tế bào kia nó có khoảng rỗng, nên nước hút từ rễ lên tới đọt nuôi cây. Bây giờ người học Phật nhìn tất cả sự vật hiện tượng vẫn còn phân tích kiểu sắc này là duyên hợp, từ từ nó hoại đi nó biến thành không thì chắc chắn chúng ta đi sau khoa học. Đức Phật đã nói sắc không khác không, vật chất là Chân không, Chân không mà Diệu hữu, thế nên đến thế kỷ 21 này dù khoa học thấy tất cả vật chất là Chân không đi nữa vẫn chưa vượt qua được tuệ giác của Đức Phật đã nói từ ngàn xưa. Có nghĩa đạo Phật vẫn còn ở phía trước đó, vẫn là thách thức lớn chứ khoa học chưa đi cùng đường của đạo Phật nổi. Chúng ta là người học Phật phải hiểu sắc và không như thế nào?

"Sắc bất dị không," tức là sắc không khác không. "Không bất dị sắc" tức là không không khác sắc. "Sắc tức thị không, không tức thị sắc" nghĩa là sắc tức là không, không tức là sắc. Từ xưa tới giờ chúng ta quen nhìn có và không rồi, thành ra nói "Sắc không khác không" chúng ta nghe có gì hơi khó chịu, "không này khác sắc" chúng ta cũng nghe khó chịu. Ở tầng tâm thức nói sắc này là không chúng ta chấp nhận nổi không? Nói cái bàn là không chúng ta chấp nhận nổi không? Không thể chấp nhận được, vậy cái nhìn của Phật đạo có phải phá cái này không? Đây là vấn đề.

Nếu nói sắc chẳng khác không, mà mình hiểu sắc và không nó không phải giống nhau, không phải khác nhau thì với tâm thức thông thường chúng ta không bao giờ chấp nhận được điều này. Và người ngộ đạo thấy có phá vỡ cái này không? Đây là vấn đề. Khi chúng ta hiểu đúng chân lý rồi, mà có chút xíu nào đó phá vỡ được thế gian này thì phải xét lại cái thấy của mình. Thấy thì không khác thế gian, không phá

vỡ cái gì của thế gian hết, nhưng mà nó hoàn toàn không dính gì vào kiểu thế gian của mình.

Ví dụ: Từ quý vị nhìn lên tượng Phật rồi tới cái tường phía sau, lúc quý vị nhìn là chúng ta luôn chờ đợi thấy cái gì phía trước mình, còn khoảng không là gần như quý vị quên mất. Nếu không có khoảng rỗng từ quý vị tới đây thì quý vị không thể thấy được hình sắc, nhưng chúng ta ít khi quan tâm tới. Bao giờ mở mắt ra thấy một cái là từ mình có khoảng không rồi mới tới sự vật, là cái đầu chúng ta sẽ từ từ thoát ra được hai bên. Đó là sự thật, dù mình có khái niệm hay không thì nó cũng đang là như vậy rồi. Chúng ta đừng bao giờ hiểu hai đầu: Sắc không khác không có nghĩa là sắc tan hoại thành không, "không không khác sắc" có nghĩa là hư không hình thành hình sắc.

Nhiều người giảng kiểu này khiến chúng ta lúng túng lùng tung trong sắc và không không ra được. Nhưng quý vị luôn ở ngoài sắc không. Chúng ta thử, từ chỗ mình ngồi đến cái bàn là một khoảng không và lộ ra cái bàn là có hình sắc, vậy quý vị đang nhìn là liền thành sắc, thành không trước cái nhìn của mình. Nghe cũng vậy, quý vị đang nghe chúng tôi nói từng lời từng lời, nhưng cái cố gắng nghe của mình là nghe cái lời phát ra, mình nghe đang có âm thanh, nhưng giữa hai âm thanh có một khoảng rỗng thì chúng ta chưa bao giờ để ý. Giữa tiếng thứ nhất và tiếng thứ hai có một khoảng rỗng, giữa tiếng thứ hai và tiếng thứ ba có một khoảng rỗng, nếu nó là một âm thanh liên tục thì chúng ta nghe sẽ không hiểu cái gì. Do vậy nói sắc không khác không, quý vị có thể ngầm hiểu sắc và không không khác nhau, không không khác sắc, sắc chẳng khác không.

Chúng ta đặt câu hỏi lại: Nếu nói sắc không khác không, có nghĩa sắc này tan biến thành không, phải không? Hoặc nói không chẳng khác sắc thì hư không hình thành hình sắc để mắt chúng ta có thể cảm nhận được, đúng không? Nhưng có cái khác. Cái khác này nó vẫn giữ nguyên sắc và không ngay tại đây, nhưng chúng ta có một cái "không khác sắc và không khác không," sắc không khác không, không không khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc. Chúng ta tạm thời quên cái danh tự của không và sắc một chút đi. Cái khoảng không từ quý vị tới cái bàn quý vị thấy rất rõ, nhưng chúng ta tạm quên cái bàn là hình sắc, thì lúc đó quý vị có cái gì? Đang có một cái rõ trước mắt mình mà mình chưa có danh tự, chưa có khởi niệm sắc và không, khoảng đó chúng ta biết rất rõ ràng, không lầm. Như vậy khi căn trần tiếp xúc với nhau, lúc danh tự chưa hiện ra, chúng ta có cái biết.

Ví dụ từ trước tới giờ những cái hiện trước mắt chúng ta không nói là hình sắc, mà người xưa gọi nó là mưa thì chúng ta sẽ gọi nó là mưa. Như vậy hình sắc và khỏang hư không cũng là loại danh tự được đặt định. Nhưng nó vốn là sự hiện hữu không danh tự, chúng ta bắt đầu thấy và nghe ngược dòng danh tự đó thì chúng ta mới nhận ra sự thật của sắc và không. Ngay chỗ chúng ta đang thấy trước danh tự, chỗ đó sắc và không khác nhau hay giống nhau? Đức Phật nói từ Như Lai Tạng tùy theo ông mà hiện thành sắc, thành không. Nếu mình trụ ở Như Lai Tạng tâm, ở chỗ trước danh tự thì nó có thành sắc thành không không?

Ví dụ có người hai lỗ tai không nghe được gì hết, thì họ nghe tiếng gì đó chứ không phải âm thanh thông thường. Nếu chúng ta thấy trước danh tự một lần để chúng ta trở lại

chỗ chưa có danh tự, chỗ đó là chỗ riêng của mình. Còn bắt đầu có danh tự là sự đặt định của người khác. Cái này trước kia người ta gọi nó là chuông, là trâu, là bò thì chúng ta nhìn hình sắc này là chúng ta liền nhớ tới cái chuông, tới trâu, tới bò. Cái nhớ lại danh tự đó là ý thức chúng ta đã moi trong ký ức ra một loại kiến thức mà chúng ta đã học được từ xưa tới giờ. Cho nên chúng ta có khái niệm hư không là khoảng rỗng và hình sắc là cái gì mắt chúng ta có thể thấy được, chạm được. Chúng ta hãy quên đi khái niệm hư không và hình sắc đi thì chúng ta vẫn luôn là "thấy nghe hiện tiền."

Đây là chỗ rất thực, đòi hỏi chúng ta phải có chút công phu mới thông cảm được. Chỗ này có trước danh tự, là chỗ chúng ta chưa thành hình sắc và không. Khi nào cuộc đời chúng ta trở lại khoảnh khắc vượt ngoài danh tự, thì quý vị sẽ tự nhiên thấy cuộc đời mình có một sự biến động lớn. Phút giây đó chúng ta sẽ nhận ra cái không khác nhau giữa sắc và không, cho nên mới gọi là: *"Sắc bất dị Không, Không bất dị sắc. Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc. Thọ tưởng hành thức diệc phục như thị."*

Phút chốc chúng ta an trú ở Như Lai Tạng tâm, chúng ta nhận rõ được sắc và không. Cái rõ sắc và cái rõ không đó không khác nhau. Có nghĩa là cái thấy của mình thấy không hư không trước mắt và thấy hình sắc không khác nhau. Sắc và không vẫn còn nguyên đó.

Nếu chúng ta nói Tự Tánh Không của tất cả các pháp, Tánh nó là không, nó đang duyên hợp giả có, rồi một ngày nao đó duyên tan nó hoại thành không, là chúng ta chỉ ở trên sắc không mà dao động. Chúng ta không vượt ngoài sắc không để thấy sắc không một lần. Nhưng cái đang hay biết sắc không

này là cái không khác sắc và không khác không. Vì khoảng hư không này cũng có cái biết ở đó và khoảng hình sắc cũng có cái biết ở đó. Sắc này có hoại đi nữa thì cái biết vẫn đang ở đó, sắc này có hiện ra cái mới thì cái biết vẫn đang ở đó, do vậy có sắc hay có không thì cái đang rõ biết "vẫn là như vậy."

Đức Phật muốn chỉ chỗ "không khác sắc, không khác không" là chỗ này. Ở sắc nó cũng có hiện, ở không nó cũng có hiện, và chúng ta không bao giờ làm gì thay đổi được. Chưa ai đủ công phu để có thể thay đổi được cái thấy của mình với khoảng không này, với khoảng sắc này không có một mảy may sai biệt.

Đây là một sự thật không thể thay đổi được. Cái nhìn đang biết sắc và không, cái đó không khác nhau, ở nơi sắc nó cũng vậy, ở nơi không nó cũng vậy, nơi sắc nó cũng rõ sắc, nơi không nó cũng rõ không. Cái vừa rõ được sắc, vừa rõ được không, cái đó không khác sắc, không khác không, nó tức là sắc, nó tức là không, cái này mới nằm ngoài sắc không.

Khi chúng ta hiểu Bát Nhã là phải hiểu đến chỗ này. Đức Phật muốn chỉ tới chỗ này. Cái này nó không khác sắc, sắc lìa nó không được, nó đang hiện hữu nơi sắc, nó cũng không lìa không. Ở nơi sắc nó cũng vậy, nơi không nó cũng vậy, nó không khác nhau, nó không khác sắc, nó không khác không, nó tức là sắc, nó tức là không. Một người muốn hiểu lý sắc không thì một lần chúng ta phải ở ngoài sắc không để chúng ta hiểu. Nếu chúng ta còn ở trong sắc không mà lý giải thì sẽ bị luống cuống.

Ở đây có câu gợi ý rất khéo, rất tuyệt vời: "*Như Lai Tạng tùy theo ông làm sắc, làm không cùng khắp pháp giới*." Sở dĩ có sắc và có không là do ai? Do mình vọng động nó mới

thành sắc và thành không. Vọng động nó mới ra danh tự và có không trong cuộc đời này. Nếu mình không vọng động cái gì nó nguyên là cái đó, mặc dù nó là như vậy nhưng nó không cản trở bất kỳ cái gì với chính mình. Do đó mà Như Lai Tạng Tâm của mình, tùy theo mình muốn hiện tướng sắc thì tướng sắc liền hiện, muốn hiện tướng không thì tướng không liền hiện. Không phải sắc và không tự có, không phải nó là cái cố định sẵn có, mà tùy theo tâm chúng ta nó hiện ra.

"Thế nên trong ấy gió thì động, hư không thì lặng, mặt trời thì sáng, mây mù thì tối, chúng sinh mê lầm trái với Giác Tánh hợp theo trần tướng nên phát ra trần lao, có các tướng thế gian."

Tướng hư không đối với Đức Phật nó là lặng, mây thì mù, còn mặt trời là sáng. Hư không nếu không có mặt trời, nếu không có đèn, không có trăng sao thì hư không tối, là một khoảng mù. Cho nên về đêm mặt trời đã khuất nửa vòng trái đất bên kia thì chúng ta thấy trời tối là hiện nguyên tướng của hư không.

VĂN KINH

Đoạn 2: Chỉ tính Diệu minh hợp với Như Lai Tạng

Tôi do tính Diệu minh không sinh không diệt hợp với Như lai tạng, mà Như lai tạng chỉ là Tính Diệu Giác Minh soi khắp cả pháp giới, nên trong ấy một làm vô lượng, vô lượng làm một, trong nhỏ hiện ra lớn, trong lớn hiện ra nhỏ. Chẳng động đạo tràng hiện khắp thế giới mười phương, thân trùm cả mười phương hư không vô

tận; trên đầu một sợi lông hiện thành cõi Phật, ngồi trong hạt bụi nhỏ chuyển bánh xe đại pháp.

Diệt trần tướng hợp với giác Tánh, nên phát minh Tánh giác Chân như nhiệm mầu sáng suốt.

Đây là lối lý luận mà đầu óc thông thường chúng ta không thể hiểu nổi. Đoạn trên Đức Phật nói do chúng sanh mê lầm nên thấy có thấy không, thấy động thấy lặng, thấy sáng thấy tối v.v. Lao theo trần cảnh nên có các tướng thế gian. Đến đây, Đức Phật nói ngược lại.

"Đức Phật ở cái Tánh Diệu minh không sinh không diệt hợp với Như Lai Tạng, mà Như Lai Tạng chỉ là Tính Diệu Giác Minh soi khắp cả pháp giới, nên trong ấy một làm vô lượng, vô lượng làm một."

Nếu đem cái đầu mà có thể hiểu thì có thể mấy kiếp nữa. Đây là chuyện vượt tầm tâm thức. Vì sao? Đức Phật khẳng định rằng Ngài đang trú ở Như Lai Tạng tâm, cái đó trùm khắp pháp giới mười phương. Do Đức Phật trùm khắp pháp giới mười phương nên Ngài nhận biết Tính Diệu Giác Minh soi khắp mười phương pháp giới, cho nên trong ấy "một tức là vô lượng, vô lượng tức là một".

Ví dụ hạt cát này chúng ta thấy nó là vô lượng hạt cát, vô lượng hạt cát chúng ta thấy nó là một hạt cát, nếu hiểu như vậy là hiểu kiểu tâm thức thế gian, nên chúng ta thấy một cái hoa tức là vô lượng cái hoa, vô lượng cái hoa tức là một cái hoa, hoặc một hạt cát là cái núi Tu Di, núi Tu Di tức là một hạt cát. Cái kiểu đánh đổi như vậy là tâm chúng ta chưa trụ ở Như Lai Tạng, cho nên còn có sự so sánh giữa một và vô lượng. Còn ở đây Đức Phật muốn nói, Đức Phật trụ ở Như Lai

Tạng mà Đức Phật nói được cái "một và vô lượng." Hai cái này khác nhau.

Chúng ta vừa nghe cái "một và vô lượng" chúng ta đã có cảm giác khác, cái vô lượng là nhiều còn cái một là chỉ có một cái. Tự nơi mình vừa nghe là mình đã có khái niệm không đồng nhau, cho nên chúng ta không hiểu nổi điều Đức Phật nói. Bây giờ chúng ta tạm thời quên khái niệm vô lượng là nhiều, quên khái niệm một là ít, khi đó chúng ta nghe từ một và vô lượng sẽ thấy không khác nhau.

Ví dụ mắt chúng ta đang nhìn phía trước thì thấy rất nhiều người phía trước, hoặc nhìn chậu hoa thấy rất nhiều hoa, rất nhiều lá, bao nhiêu hoa nhỏ, bao nhiêu hoa lớn một lượt chúng ta thấy hết, nhưng có thấy được ý một và vô lượng chưa? Cái thấy là một, trong cái một có cái vô lượng. Cái vô lượng ở bên cái thấy của mình thôi. Nếu mình trụ ở Tính Diệu Giác Minh soi khắp pháp giới mười phương thì khắp pháp giới mười phương đều được rõ biết, vô lượng pháp giới đều được rõ biết chỉ có một khoảnh khắc nhỏ nhiệm nhất, đó là "một và vô lượng." Và "một và vô lượng." là tất cả cái đó chỉ một rõ soi mà thôi, không phải hai cái.

Một lần khắp pháp giới được chúng ta rõ biết tức là "một và vô lượng." Lúc đó cái vô lượng nó cũng tức là một. Chúng ta thấy một hạt cát nó mang tính hư không nên nó lớn khắp, nếu chúng ta nghiền nó làm nhiều phần, từ hạt cát thành lân hư trần, rồi ngưu mao đầu trần, rồi thố mao đầu trần, rồi thành sát na, rồi thành hư không, đó là phân tích sắc và không. Câu gợi ý đầu tiên là Đức Phật đang ở trong Như Lai Tạng Tâm và chỉ trụ trong Tính Diệu Giác Minh soi khắp mười phương pháp giới, cho nên thấy khắp pháp giới mười phương

không có chỗ nào sót. Vì vậy mà nói "một và vô lượng." Và vô lượng pháp giới mười phương đều chỉ có một cái đó mà thôi, nên "một và vô lượng."

Khắp pháp giới này chỉ là toàn tri nhưng mình thấy có cái này, có cái kia sai biệt là mình bắt đầu rớt vào tầng dao động tâm thức. Trong sự sai biệt này vừa nói tới pháp giới là đầu chúng ta liền có khái niệm sai biệt cùng khắp. Nếu trụ ở Như Lai Tạng Tâm thì chúng ta cũng vẫn rõ biết sự sai biệt cùng khắp này, nhưng chúng ta chỉ là một, chỉ có cái biết đó nó biết khắp. Biết khắp không phải là chỉ biết hình sắc, mà lỗ tai biết âm thanh, mũi biết mùi, lưỡi biết vị, thân biết xúc chạm và ý biết pháp trần. Vậy gọi là biết khắp lục căn, biết khắp lục trần, biết khắp lục thức, biết khắp mười tám giới và biết khắp pháp giới. Chỉ có một cái đó mà khắp pháp giới đều rõ biết. Khắp pháp giới do một mà rõ biết, cho nên khắp pháp giới này chỉ là một cái rõ biết mà thôi, không sai biệt. Đức Phật ở Như Lai Tạng Tâm và chỉ trụ trong Tính Diệu Giác Minh soi khắp mười phương pháp giới, còn chúng ta trụ ở tâm thức mà biết nên đó là điều khó khăn cho chúng ta.

"Trong nhỏ hiện ra lớn, trong lớn hiện ra nhỏ."

Khi chúng ta ở trong Như Lai Tạng Tâm một lần, thì chúng ta sẽ thông cảm rằng chúng ta đang thấy một cái hoa xíu xiu đây thôi, nhưng mà nó là cả một cái núi Tu Di, chúng ta có thể tin nổi không? Tức là từ nhỏ hiện thành lớn và từ lớn hiện thành nhỏ. Cả núi Tu Di nó cũng giống như một hạt cát và một hạt cát giống như núi Tu Di. Có vị Thiền sư nói: Đập vỡ hạt cát để lộ ra mười phương pháp giới. Hạt cát đó sẽ được chúng ta đập vỡ, nếu chúng ta không đập vỡ hạt cát đó thì mười phương pháp giới có cái gì thì chúng ta không biết.

Đây là những lời nói rất thật của người giác ngộ đã muốn nói trong cảnh giới riêng của chính mình. Nếu chúng ta thấy rõ ràng hạt cát nhỏ so với bức tường là chúng ta đang ở trong thức tâm so sánh phân biệt. Đến lúc nào đó chúng ta nhìn hạt cát là hạt cát, bức tường là bức tường, chúng ta lìa được sự so sánh này thì lúc đó hạt cát vẫn còn ở đó, bức tường vẫn còn ở đó là chúng ta không phá pháp thế gian mà trụ đạo tràng.

Nếu ở đây chúng ta có thoáng rời so sánh thì quý vị nhìn hình sắc trước mắt mình cái chót của cành lá nhỏ và bức tường to phía sau lưng chúng tôi, nhìn làm sao nó nguyên là nó, đừng thêm đừng bớt, nó là như vậy chúng ta thấy như vậy. Cái chót của cành lá nhỏ xíu và bức tường, cái nào nhỏ hơn cái nào? Nếu còn có chút so sánh thì chúng ta không thể tưởng tượng ra. Chúng ta phải rời sự tưởng tượng nơi tâm, thì mình sẽ thông cảm được sự vật này nó hết sức bình đẳng với nhau, mặc dù trên hiện tướng nó luôn hiện như vậy. Nó đang như vậy trước mắt bên tai chúng ta nhưng nó không khác nhau.

Khi nào chúng ta một lần nhận biết được hạt cát và cái núi không có cái nào lớn, lúc đó chúng ta sẽ nhận ra được sự bình đẳng của pháp giới này. Còn nếu chúng ta không thông cảm được thì việc tu tập của chúng ta còn xa xăm lắm. Chúng ta phải hết sức lắng tâm thông cảm được một lần trong đời của mình, làm sao đầu cọng cỏ và cái núi không khác nhau. Toàn pháp giới này là Chân như bình đẳng, không sai biệt.

Ngày nào chúng ta còn nhìn sai biệt, thì biết rằng chúng ta nhìn bằng cái nhìn của tâm thức, cái nhìn của chúng sanh. Còn Đức Phật trụ ở Như Lai Tạng Tâm nên thấy được cái nhỏ biến thành lớn, cái lớn biến thành nhỏ, lớn và nhỏ thực

sự bình đẳng. Nhưng khẳng định lại nhỏ vẫn là nhỏ, lớn vẫn là lớn nguyên ở đó, nhưng nó bình đẳng.

Ví dụ ở đây có người lớn tuổi, người trẻ tuổi, người học giỏi và người không học chữ nào, khi quý vị nghe tiếng "bùm" thì tất cả mọi người đều nghe như nhau, không khác, nghe một lượt, không trước, không sau, không cái nghe nào cản trở cái nghe nào trong vùng trời này. Đó là cái bình đẳng của tất cả chúng ta. Nếu chúng ta ở trong cái bình đẳng đó là chúng ta ở cảnh giới Như Lai Tạng tâm, ở nơi Diệu minh chân tâm đang hiện hữu ngay tại đây. Nếu chúng ta ở chỗ bình đẳng này thì tất cả chúng ta đều bằng nhau ở chỗ đó.

Nếu ở đây có Đức Phật ngồi thì tiếng "bùm" tất cả mọi người đều nghe như nhau, không khác. Đức Phật trụ ở Như Lai Tạng tâm, là đang ở trong Tuệ Giác, ở trong Tri Kiến Phật của mình đang nghe đang biết cho nên mọi cái Đức Phật nghe ở vị trí này, không bị rớt xuống tầm phân biệt như mình. Nhưng sau đó mình rớt xuống so sánh, tức là chúng ta rớt xuống một bậc. Chứ ngay khi tiếng động ra tất cả mọi người đều nghe như nhau, nghe một lượt, không trước, không sau.

Sở dĩ chúng ta nghe một lượt là vì đâu? Tôi ngồi đây, người ngồi phía sau xa hơn vừa nghe tiếng động là từ người ngồi trước tới người ngồi sau nghe không khác nhau về thời gian. Có nghĩa khoảnh khắc đó chúng ta nghe một lượt, cùng xác định đúng một hướng là tại đây, đó là điều rất lạ. Âm thanh phía trước, bên hông, đằng sau chúng ta đều nhận rõ đúng vị trí từng âm thanh một như nhau, không ai khác nhau cái gì.

Sở dĩ chúng ta nghe các phương hướng rõ ràng, không lầm lẫn là vì mình đang ở khắp nơi rồi, nên cái gì hiện trong

cái khắp là mình liền rõ biết. Hiện ra ở đâu thì mình nhận biết vị trí của nó liền, mình không cần chạy tới chạy lui. Âm thanh bên trái mình nghe bên trái, âm thanh bên phải mình nghe bên phải, nghe không mất thời gian, âm thanh vừa hiện ra chúng ta rõ biết liền. Nếu mình không phải là trùm khắp thì mình không nghe một lượt hết. Chúng ta phải phá vỡ cái chúng ta đang ngồi đó để nghe âm thanh, mà phải thấy rõ ràng mình đang khắp biết, cho nên tất cả mọi cái đều hiện trong cái khắp biết của mình và mình nhận biết cùng khắp, không lầm lẫn.

"Tính Diệu Giác Minh soi khắp cả pháp giới"

Sở dĩ chúng ta không soi khắp được mười phương pháp giới là vì chúng ta còn bị kẹt trong thân căn ngũ uẩn này, chưa phá vỡ được. Bây giờ mình thấy quả đất rất lớn so với mình và chúng ta chưa bao giờ thoát ra khỏi quả địa cầu này. Nhưng có lần chúng ta thoát ra khỏi thân căn này, phá được cái khằn của thân tâm thì mình liền thấy quả cầu này nhỏ tý xíu lơ lửng giữ hư không này và thấy hằng hà sa số hành tinh khác cũng nhỏ như vậy, mặc dù có những hành tinh lớn gấp mười lần, một trăm lần quả đất chúng ta đang ở, nhưng phút chốc đó tất cả hành tinh đó cũng nhỏ xíu. Lần đó mình mới biết mình khắp. Như vậy cái nhỏ cái lớn không phải là sự dao động so sánh như từ trước tới giờ chúng ta hiểu. Nếu nhỏ biến thành lớn, lớn biến thành nhỏ chính là cái biết rõ khắp này của mình.

"Chẳng động đạo tràng hiện khắp thế giới mười phương," không hề có sự dao động, không hề có sự máy động nào ở nơi tâm thức của mình mà hiện khắp pháp giới mười phương.

"Thân trùm cả mười phương hư không vô tận": Từ trước tới giờ chúng ta hiểu tâm tánh chúng ta trùm khắp mười phương hư không vô tận, bây giờ Đức Phật nói là chẳng động đạo tràng mà hiện khắp thế giới mười phương, thân chúng ta trùm khắp pháp giới mười phương vô tận. Đây có phải là chuyện ăn to nói lớn không? Tu theo Đại thừa đầu chúng ta vượt khỏi cái khằn của căn trần một lần, thì chúng ta sẽ hết sức thông cảm điều này. Chúng ta đọc thấy có gì hứng khởi lạ thường, thích thú đoạn này vô cùng. Nếu chúng ta chưa phá được cái khằn thì chúng ta nghe kiểu nói này khó chấp nhận, thân này mà trùm khắp pháp giới mười phương làm sao tin nổi.

Đây hoàn toàn là sự thật, Đức Phật không hề tưởng tượng. Nếu chúng ta trụ nơi Như Lai Tạng Tâm thì thấy quả địa cầu này có xíu xiu, nhưng nếu chúng ta chưa phá vỡ được cái riêng tư thì quả địa cầu này vẫn lớn với mình, cái nhà vẫn lớn với mình, cái núi vẫn lớn với mình và hư không mười phương vẫn lớn với mình. Thân chúng ta trùm khắp pháp giới mười phương là thật chứ không phải tưởng tượng. Khi nào chúng ta hết tưởng, thì chúng ta mới có một chút tương ưng với cảnh giới thân trùm khắp pháp giới mười phương, còn ở trong cái tưởng thì không bao giờ chúng ta hiểu nổi. Đức Phật hết tưởng rồi mới nói ra điều này.

Nếu chúng ta tưởng mình ngồi đây có hành tinh khác nó khác với hành tinh mình, có hư không khác nó khác với hư không mình, có nước khác nó khác với nước mình, là chúng ta còn trong cái khằn của tâm thức, là chúng ta luôn dao động, luôn so sánh, luôn thấy lớn thấy nhỏ. Khi nào chúng ta phá vỡ cái lớn và cái nhỏ, chúng ta nhận ra sự bình đẳng của pháp

giới này một lần, thì lúc đó mình thấy rõ ràng cái thân mình trùm khắp pháp giới mười phương là thật, không phải lối nói tưởng tượng. Chúng ta thấy mà không có tâm thức, không có sự dao động của ý thức, không có tâm phân biệt so sánh.

"Trên đầu một sợi lông hiện thành cõi Phật".

Chúng ta tưởng tượng nổi không? Không bao giờ chúng ta tưởng nổi, vì cảnh giới thanh tịnh này mình chưa bao giờ biết, mình nghe diễn tả thanh tịnh là bặt dứt vọng tình, bặt dứt vọng tưởng, bặt dứt âm thanh, bặt dứt hình sắc, tất cả mọi cái bặt dứt mới hiện cái thanh tịnh. Hiểu như vậy là làm cho cái thanh tịnh biến thành ô uế. Viên Giác Diệu Tâm của chúng ta nó luôn thanh tịnh, nhưng chúng ta hiểu thì cái Viên Giác Diệu Tâm của chúng ta nó biến thành cảnh giới của tâm thức. Mà cảnh giới của tâm thức thì là ô trọc chứ không phải là thanh tịnh nữa.

Cọng lông mà chúng ta nhìn thấy hiện nguyên cõi Phật trong đó, là có phải tưởng tượng không? Tưởng tượng là ô uế thêm. Khi nào chúng ta hết tưởng tượng một lần thì nhìn thấy cọng lông hiện mười phương pháp giới, nhìn thấy cọng lông hiện đạo tràng thanh tịnh khắp pháp giới mười phương, hiện một cõi Phật thanh tịnh tuyệt vời nhiệm mầu vô cùng. Tất cả những điều trong Kinh Đức Phật nói, chúng ta phải có lần chạm tới, nếu không chúng ta cũng hiểu, nhưng hiểu là hết thanh tịnh rồi. Muốn biết cõi Phật thanh tịnh trên đầu cọng lông thì phải hết hiểu thì sẽ thanh tịnh. Nếu người nào chấp nhận học để chúng ta không còn hiểu cái gì nữa, là chúng ta sẽ hiểu được tại sao trên đầu cọng lông hiện một cõi Phật thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu. Cảnh giới chư Phật không còn tâm so sánh nữa. Khi nào chúng ta dứt hết sự so sánh nơi

tâm mình, thì chúng ta mới có chút tương ưng thông cảm cảnh giới chư Phật.

"Ngồi trong hạt bụi nhỏ chuyển bánh xe đại pháp." Đối với Đức Phật thân mình nhỏ hơn hạt bụi. Lúc Đức Phật thuyết Kinh Diệu Pháp Liên Hoa thì lúc đó Đức Phật chuyển bánh xe Đại Pháp chưa? Chúng tôi ngồi giảng pháp đây có phải là chuyển bánh xe đại pháp chưa? Chưa phải. Nếu Đức Phật trụ trong Như Lai Tạng tâm, tức là trụ trong toàn tri của chính mình, trụ trong pháp giới Tánh toàn chân của chính mình, thì chỉ cần một sát na nhỏ nhiệm thôi, nó nhanh hơn ý tưởng của mình gấp một triệu lần, là Đức Phật đã chuyển bánh xe đại Pháp rồi. Chúng ta tin nổi không? Ai đủ niềm tin đối với chuyện này?

Đức Phật nhập trong pháp giới Tánh toàn chân chuyển bánh xe Pháp từ Như Lai Tạng Tâm của chính mình. Chúng tôi dùng từ thế gian cho dễ hiểu là: Đức Phật đang sử dụng ngôn ngữ gốc, không phải như ngôn ngữ của người Việt Nam nói cho người Việt Nam nghe người Campuchia nghe không được, người Campuchia nói cho người Campuchia nghe người Anh nghe không được, vì ngôn ngữ của chúng ta là loại ngôn ngữ so sánh thông qua tưởng ấm. Còn ngôn ngữ gốc thông đồng các cõi nước mười phương, cho nên trong một sát na nhỏ nhiệm Đức Phật đã chuyển đại Pháp luân rồi, mà mình không hề hay biết.

Ngày xưa Đức Phật lên tòa thuyết pháp trước chúng hội một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ kheo và bao nhiêu ngàn phật tử. Ví dụ Đức Phật nói câu: *"Này các Tỳ kheo, hôm nay Ta sẽ nói cho các ngươi nghe điều này…"*, là Đức Phật đã trải qua mấy triệu lần chuyển đại Pháp luân rồi. Vì trong

Kinh nói: Một chớp mắt của mình là xảy ra hai mươi đại niệm, mỗi một đại niệm là 16.798.000 (*mười sáu ngàn bảy trăm chín mươi tám*) lần sanh diệt. Vậy một chớp mắt là có mấy tỷ lần sanh diệt xảy ra. Đức Phật đã ở trong pháp giới Tánh toàn chân đó, sự vận hành của Đức Phật nhanh gấp một tỷ lũy thừa tỷ lần đại niệm đó là Đức Phật đã khai thị hằng hà đại chúng ở khắp pháp giới mười phương rồi.

Đây là điều rất lạ, tùy theo trình độ căn cơ mà Đức Phật thuyết pháp. Đức Phật ở chỗ ngôn ngữ gốc đó để nói pháp trong khoảng rất nhanh, chúng ta thử tưởng tượng: Cái tưởng hình thành lời như chúng ta đang nói ở đây, là nó đã thông qua tưởng ấm để thành ngôn âm là chúng ta nói một lời. Chúng ta tưởng tượng như nguyên một biển mênh mông nổi lên một hòn bọt, thì hòn bọt này chính là hòn bọt tưởng ấm của mình. Cho nên quý vị nghe một âm thanh là thông qua cái tưởng rồi, quý vị thấy hình sắc là thông qua cái tưởng rồi, thì nó rất chậm.

Còn cái hành chúng ta nó nhanh gấp một tỷ lũy thừa tỷ cái tưởng, mà chúng ta không hề thấy sự vận hành của nó. Và sự vận hành của Như Lai còn nhanh hơn một tỷ lũy thừa tỷ vận hành của hành ấm nữa. Do đó trong một sát na rất nhỏ là Đức Phật chuyển bánh xe đại Pháp khắp mười phương pháp giới.

Như thế nào mới gọi là đại Pháp? Tức là khả năng Đức Phật có thể giáo hóa cho tất cả chúng sanh đều được thành Phật trong hằng hà sa số tất cả các cõi, trong một sát na tâm nhỏ nhiệm. Một lần Đức Phật có thể khai thị hàng tỷ tỷ chúng sanh thành Phật ở khắp mười phương pháp giới này. Ví dụ bữa đó Đức Phật nói lý Nhân Duyên: *"Này các Tỳ kheo, hôm*

nay Ta sẽ nói cho các ngươi nghe điều này…”, là trong ngôn ngữ gốc của Đức Phật đã xuất ra ngôn ngữ đi khắp mười phương cõi nước. Và tất cả chúng sanh trong mười phương cõi nước có một điều lạ lùng là, phút chốc đó họ có sự cảm nhận giống như họ đang ở trước Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đang khai thị cho họ, đang nói giáo Pháp cho họ nghe bằng ngôn ngữ của chính họ. Đây là điều kỳ diệu trong ngôn ngữ gốc.

Phút giây có sự biến hiện nhanh chóng này là thể hiện năng lực của Đức Từ Phụ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật của chúng ta, cũng như của chư Phật mười phương. Phút giây nói bằng ngôn ngữ gốc này, có những cõi họ có thể nghe bằng sự chấn động. Chấn động lớn họ hiểu đó là loại Pháp gì, chấn động nhỏ họ hiểu đó là loại Pháp gì, chấn động vừa họ hiểu đó là loại Pháp gì. Lúc họ nhận được giáo Pháp đó, thì họ tưởng tượng như Đức Phật đang xuất hiện đối diện với từng chúng sanh một và khai thị cho họ. Họ tiếp nhận loại giáo lý đó bằng sự rung động tương ưng với cảnh giới tâm thức của họ và khai mở tâm thức họ được tiến hóa.

Có những cõi nghe bằng ánh sáng. Tự động họ đang ở yên trong cõi nước của cõi đó, có một loại ánh sáng vàng sẹc ra, có loại ánh sáng xanh sẹc ra, có ánh sáng màu hồng sẹc ra, họ hiểu loại ánh sáng này là cái gì liền, họ cảm nhận được cái gì đang đến với họ, họ hiểu được điều Đức Phật muốn khai thị cho họ và họ ngộ được đạo lý. Có điều họ luôn cảm giác là Đức Phật đang xuất hiện trước họ, để nói điều này cho họ nghe. Đây là điều kỳ diệu của Đức Phật thuyết pháp, gọi là chuyển bánh xe Đại Pháp.

Có những cõi quốc họ tiếp nhận ngôn âm bằng ánh sáng, khi ánh sáng tới họ có hằng hà sa số các vị Đại Bồ Tát chuẩn bị phát tâm Bồ Đề thì họ liền phát tâm Bồ Đề. Có những vị tu lâu họ chứng quả Bồ Tát rồi và chuẩn bị thành Phật, thì liền khi đó họ được giác ngộ và thành Phật trong cõi quốc đó và có Đức Phật được ra đời. Trong cõi quốc đó có hằng hà các vị Bồ Tát được giác ngộ thì có hằng hà sa số Đức Phật được ra đời, ngay cõi quốc đó.

Rồi có những cõi được nhận biết bằng âm thanh. Ví dụ "hú" một tiếng thì nó thuộc âm thanh nào, hoặc "ù ù" là nó thuộc âm thanh nào. Tất cả chúng sanh trong cõi đó nhận biết âm thanh đó mà được khai mở trí huệ của mình để ngộ đạo.

Vậy mỗi một cõi quốc có một kiểu nhận định pháp khác nhau bằng hình sắc, bằng âm thanh, bằng chấn động, bằng rung động, bằng sự mát dịu, hoặc nóng, hoặc lạnh v.v. Lúc đó Đức Phật nói bằng ngôn ngữ gốc, thì tất cả các cõi kia đều nghe được Pháp của Đức Phật in tuồng như là ngôn ngữ của chính họ. Họ hiểu bằng chính ngôn ngữ của mình và nhận được Pháp của Đức Phật họ ngộ đạo thành Phật, chứng quả A La Hán, chứng quả Bồ Tát, chứng quả Bích Chi Phật…, đầy khắp cả mười phương pháp giới. Lúc đó Đức Phật mới nói tiếp câu thứ hai là: *"Lý nhân duyên có mười hai Nhân duyên là…"*. Đức Phật vừa đọc xong Mười hai Nhân duyên là Đức Phật đã một lần chuyển đại Pháp luân nữa cho mười phương Pháp giới rồi. Và có hằng hà sa số chúng sanh ngộ đạo trong khoảnh khắc đó, mới gọi là chuyển bánh xe Đại Pháp. Đức Phật ở đâu? Ngài trụ trong thân như hạt bụi này ở tại cõi Ta Bà không rời, nhưng mà động đạo tràng mười phương.

Nếu chúng ta nghĩ Đức Phật chỉ thuyết Pháp để nước Ấn Độ nghe thôi, trong lúc đó có một số vị Tỳ kheo ngộ đạo, một số vị phật tử ngộ đạo, một số vị phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, một số chứng quả A La Hán, một số chứng quả Bích Chi Phật, chỉ có bao nhiêu đó thôi là không phải, chuyển bánh xe đại Pháp thì không phải chuyển như vậy.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật nói trong mỗi cọng lông của Đức Phật phóng ra một luồng hào quang chiếu khắp mười phương pháp giới, mỗi một pháp giới đó sẽ hiện ra một vị Bồ Tát tu hành thành Phật. Rồi trong một sát na các vị đã hoàn thành xong nhiệm vụ thành Phật của mình trong cõi quốc đó, rồi thị hiện nhập Niết Bàn, lưu bố xá lợi để cúng dường v.v… nhưng mà chỉ động có cọng lông. Nếu nói mình làm Phật sự một tỷ lũy thừa tỷ tỷ tỷ kiếp cũng chưa có bằng đầu cọng lông của Đức Phật làm Phật sự.

Phước của chúng ta có một xíu xiu, chúng ta đừng bao giờ tưởng tượng là mình phước báu lớn. Ai trong đời này nghĩ mình có phước báu lớn là coi chừng lầm rồi. Mình chưa bao giờ làm cho một chúng sanh thành Phật thì chưa gọi chuyển đại Pháp. Đức Phật là trong một sát na có hằng hà sa số đệ tử Phật thành Phật, có hằng hà sa số chúng sanh phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, có hằng hà sa số các vị chứng Bích Chi Phật, có hằng hà sa số các vị chứng A La Hán, chừng đó mới gọi là chuyển đại Pháp luân.

Lúc đó Đức Phật chỉ là người trụ thân cõi Ta Bà này, trụ nơi hạt bụi nhỏ xíu mà động pháp giới mười phương, như vậy mới gọi là chuyển đại Pháp luân. Chuyển đại Pháp luân chỉ có Đức Phật mới làm nổi thôi, mình làm không nổi. Nên ai trong đời này nói tôi đang chuyển đại Pháp luân thì nên

nhìn lại. Không ai đủ sức chuyển đại Pháp luân, chỉ trừ Đức Phật, Đức Phật mới có sức này. Năng lực, phước báu và trí tuệ Đức Phật rõ ràng là trong tam giới này không ai có thể so sánh được một chút.

Trong Kinh Phật Tạng, Đức Phật nói: "Khi Ta nhập Niết Bàn, Ta để lại thế gian này năm trăm bạch hào". Mỗi bạch hào của Đức Phật giá trị bằng mười tam thiên đại thiên thế giới này. Quả địa cầu của chúng ta có bao nhiêu vàng bạc, lưu ly, sa cừ, mã não, san hô, hổ phách mà tam giới có hằng hà sa số quả địa cầu như vậy. Rồi từ cõi Dục giới cho tới cõi Sắc có hằng hà sa số của quý, những vật bình thường ở cõi trời rớt xuống trần gian còn quý hơn triệu triệu hạt kim cương nữa. Tới cõi trời Vô Sắc thì của quý gấp triệu triệu triệu lần như vậy nữa vậy mà chưa so sánh được với một bạch hào của Đức Phật. Bạch hào Đức Phật để lại "cho những người tu theo Pháp của Đức Phật sẽ được thọ dụng", cho nên người xuất gia tu theo Pháp Phật yên tâm không bao giờ bị thiếu thốn.

Đó là kho tàng vĩ đại mà pháp giới mười phương này cũng không so sánh được. Từ mấy ngàn năm nay Tăng Ni đã tu theo Đức Phật, cũng như những người sống theo đạo Phật hưởng chưa được một phần mười một bạch hào của Đức Phật để lại. Phước báu đó lớn đến độ mà chúng ta không thể tưởng tượng bằng cái đầu của mình. Cõi chúng ta muốn có nhà là có nhà, muốn có tiền là có tiền chưa gọi là phước lớn. Gọi Đức Phật là bậc Lưỡng Túc Tôn là trí huệ và phước đức của Đức Phật đã tròn đủ. Cái đầu của mình không bao giờ hiểu được một chút về công đức và phước đức của Đức Phật.

Đức Phật muốn nói chỉ mỗi trong một hạt bụi nhỏ thôi mà chuyển đại Pháp luân thì rất lớn. Chúng ta hiểu kiểu thông

thường là Đức Phật lên tòa thuyết Pháp Tứ Đế, Nhân Duyên là chuyển đại Pháp luân, xin thưa không phải, hiểu như vậy là không đúng ý Đức Phật.

"Diệt trần tướng hợp với giác Tánh, nên phát minh Tánh giác chân như nhiệm mầu sáng suốt."

Câu này nếu không khéo chúng ta sẽ tiếp tục bị hiểu lầm. Chúng ta nhìn hình sắc này và cố làm sao cho nó mất đi gọi là diệt trần tướng. Hoặc nhìn trong tâm chúng ta hiện lên một vài ý niệm buồn, thương, giận, ghét, nhớ nhung …, chúng ta diệt trừ hết cho là hợp với Tánh giác thì đây là kiểu công phu thật sự khó khăn cho mình. Với chúng ta mở mắt là thấy bao nhiêu trần tướng? trần tướng là tướng của trần, vậy làm sao cho tướng này thành không? Làm sao cho tất cả thành không thì mới hợp với Tính Giác, với Chân Như. Đây là chỗ thách thức của những người tu tập theo đạo Phật.

Chúng ta phải có lần cảm nhận được trần tướng này tự động biến mất với chính mình. Nếu diệt trần tướng bằng cách phá hủy những gì đang có để mình trở thành cái không, gọi là hợp với Giác Tánh thì thực sự chúng ta không thể làm được. Và nếu tu như vậy là cả đời chúng ta không tu ra gì, tu hết đời cũng không thể diệt hết được. Như một người ra biển thấy sóng gió ba đào luôn luôn nổi lên, muốn mặt biển tĩnh lặng nên có bao nhiêu sóng hớt bỏ hết, chúng ta làm nổi không? Nhưng có rất nhiều người tu theo kiểu này.

Đức Phật không dạy như vậy, nhưng mình vẫn hiểu cái kiểu đó để mình làm thì thật là uổng, vậy mà còn dạy cho bao nhiêu người khác làm nữa. Nếu người đó có đủ sức hớt hết sóng trên mặt biển thì biển cũng trở nên khô kiệt, nhưng làm cho hết sóng là điều không ai có thể làm được trong trần

gian này. Vậy mà có nhiều người làm kiểu đó. Chúng ta dụng công diệt trần tướng theo kiểu dứt trừ, hơn thua từng ý niệm nhỏ trong đầu của mình, thì cả đời này mình cũng là cái người gạt cái sóng nước cho nó tạm lắng một chút ở đại dương mà thôi. Cho nên từ trước tới giờ chúng ta chưa phá được một chút xíu của tưởng ấm, chứ động gì đến hành ấm.

Ví dụ chúng ta ngồi nhắm mắt thấy hiện ra những hình bóng của người nào đó đẹp, xấu, dễ thương, dễ ghét; hoặc chúng ta nghe lại tiếng nói người này hay, tiếng này nghe dễ ghét, dễ thương … Tức là hình bóng và âm thanh hiện ra nơi não bộ chúng ta đó chỉ là màng ngoài của tưởng ấm. Giống như nguyên đại dương mênh mông, chỉ có lớp mỏng mỏng màng màng trên mặt biển. Chúng ta chưa đủ sức phá lớp mỏng này, thì nói gì tới chuyện xuống tới nước. Rồi nghĩ tu theo kiểu phá trần tướng thì phải gạt hết lớp màng biển này, chạy đầu này gạt một chút, chạy đầu kia gạt một chút thì không biết bao nhiêu tỷ kiếp nữa mình có thể gạt hết lớp màng đóng trên mặt nước, làm sao có thể nói chuyện hợp với Tánh Giác Chân như được. Cho nên khi chúng ta nhận lầm một sự việc rồi thì muôn đời chúng ta lầm.

Có người nói tánh thể của nước là yên lặng, tánh thể của tâm là yên lặng, dao động là tâm, mà yên lặng là tánh. Hiểu như vậy nên khiến nhiều người bị lầm và muôn đời chúng ta không làm ra gì hết. Khi người hiểu tánh của nước khác cái yên lặng thì họ sống rất bình yên và họ có thể dùng xài được nước. Nước gì cũng là ướt. Nước sôi ướt, nước lạnh ướt, nước đục cũng ướt, nước trong cũng ướt, nước chua cũng ướt, nước mặn cũng ướt, nước mồ hôi ướt, nước mắt ướt… thì ướt mới thật là tánh của nước. Nói tới nước là chúng ta

phải nói tới ướt. Sóng gió ba đào là ướt. Nếu nước thật sự bình lặng thì nó cũng ướt. Nước nhiều nó cũng ướt, nước ít nó cũng ướt, từng giọt nước mắt cũng ướt, nước biển mênh mông cũng ướt. Vậy cái ướt của từng giọt nước mắt và cái ướt của nước biển mênh mông kia không khác nhau. Nếu chúng ta thấy được điều này là phá vỡ được trần tướng, mới hợp với Tánh giác. Còn chúng ta không thấy được điều này là chúng ta không phá được trần tướng. Phá không có nghĩa là chúng ta đập, hay bỏ, hay loại trừ, mà phá là thấy nhìn không còn vướng ở trong đó.

Nếu chúng ta thấy được cái thể Tánh chân thật của mình là cái biết thì cả trần gian này không có cái gì dính với mình được. Nhưng chúng ta thấy có cái thân này thật, cảnh giới đó thật, có hình sắc thật là do sự phân biệt nhỏ nhiệm của tâm thức. Tâm thức mình phân biệt tới đâu thì mình biết tới đó, khi nào tâm thức hết phân biệt thì chúng ta sẽ biết khắp mười phương. Đây là một điều rất lạ.

Nếu chúng ta biết được tánh nước là ướt, cũng như biết được Tánh thật của mình là tri, chúng ta trụ ở cái tri thì tất cả những cái biết tự động tan biến gọi là phá trần tướng. Chúng ta luôn luôn nghĩ trong cái khu biệt nhỏ nhiệm này mà không dám phá ra. Có người nào đó chỉ cần một thoáng thôi có thể ra ngoài pháp giới, thì chúng ta tin không nổi. Một thoáng thôi quý vị có thể ngồi đạo tràng chuyển bánh xe đại Pháp, điều này chúng ta tin không nổi; vì mình có biết bao nhiêu phiền não, nghiệp tập, buồn thương giận ghét, nhớ nhung còn đầy nơi tâm nói Ngộ Tánh thì sao mà ngộ được.

Giống như đứng trước biển nói là: Biển sóng gió ba đào làm sao cho yên, nghiệp tập mình nhiều làm sao nhận

Tánh. Tại do mình nhận lầm Tánh, mình cứ nghĩ Tánh là yên tịnh, nhưng nếu mình hiểu tánh của nước là ướt rồi thì dùng xài thoải mái, đâu có ngại sóng gió ba đào, đâu có ngại nước đục, nước trong, nước nóng, nước lạnh. Chúng ta cần xài nước kiểu nào liền có nước kiểu đó cho mình xài, không ngần ngại, nước đục thì lắng một chút cho nó trong, nước nóng thì để một chút cho nguội, nước lạnh mình nấu một chút cho nóng. Vậy thôi! Chúng ta muốn tắm rửa cũng được, chúng ta muốn uống ăn cũng được, chúng ta muốn bơi lội cũng được, chúng ta muốn tưới tiêu cũng được. Tất cả những gì của nước chúng ta đều được dùng xài.

Giống như một người đang đầy những nghiệp tập phiền não, nếu chúng ta nhận được Tánh của mình là biết và chúng ta sống trên cái biết đó, thì chúng ta có thể xài được tất cả những tâm thức đang có trong đầu của mình không ngần ngại và không bao giờ lầm lẫn nữa, thì gọi là một phen ta phá được trần tướng. Không phải phá trần tướng là phá từng vọng niệm, phá từng ý nghĩ xấu, ý nghĩ tốt, ý nghĩ phải, ý nghĩ quấy là chúng ta trừ khử hết cho tâm mình được yên tịnh, để tâm mình càng yên tịnh chừng nào là mình phá trần tướng nhiều chừng đó, là hiểu lầm ý Đức Phật.

Một phen chúng ta nhận ra được cái tri của chính mình thì mình là người đang tri. Mình không rời cái tri được đâu. Bây giờ cho quý vị không nhận, quý vị cũng đang tri. Đây là sự thật mà chúng ta không thể chối bỏ.

Có chạy trốn, có từ chối nó vẫn luôn hiện hữu. Quý vị muốn không tri cũng không được, muốn một khoảnh khắc mình mất đi cái tri cũng không được. Có những lối lý luận khác dạy khiến chúng ta bị mù mờ, cho là chúng ta đã sanh đi

lộn lại nhiều ngàn đời ngàn kiếp rồi, bị vô minh che chắn rồi. Xin thưa vô minh chưa từng che chắn Tự Tánh, không cách nào vô minh có thể che được. Tự Tánh luôn luôn sáng suốt nhiệm mầu không hề bị khuất lấp. Tự Tánh vẫn tinh anh, vẫn sáng suốt, vẫn nhiệm mầu, vẫn toàn tri ngay tại đây, không bao giờ chuyện đó có thể thay đổi được với thời gian và không gian. Đố ai có thể làm cho cái tri này biến mất trong một khoảnh khắc.

Dù chúng ta ở cõi nào tri nó vẫn đang tri, ở cõi người nó vẫn đang tri, lúc chúng ta giác ngộ nó vẫn đang tri, lúc chúng ta lầm mê cái tri nó cũng đang tri như vậy. Có điều là chúng ta nhận được cái tri để chúng ta sống được với cái tri, hay là chúng ta mê theo ý niệm mà thôi. Tạm thời chúng ta quên chứ cái tri vẫn hiện đó. Như những bậc làm cha làm mẹ sanh được một đứa con, nuôi nó lớn, nó mê chuyện gì đó bỏ nhà bỏ cửa, quên cha quên mẹ, tại nó quên thôi chứ đâu phải cha mẹ nó chết. Cha mẹ còn nguyên đó nhưng tại nó còn mê chơi, mình cũng vậy, Tự Tánh luôn hiện hữu với mình, nhưng mình mê vọng tình, vậy thôi. Mình đang đeo bám vọng tình, mình chưa buông bỏ vọng tình, chứ không phải Tự Tánh chúng ta bị vọng tình che lấp.

Tự Tánh chưa từng bị lu mờ, một khoảnh khắc nhỏ cũng không thể có. Thực sự Tự Tánh mà bị lu mờ, thì cái đó không phải là Tự Tánh. Lúc tu mình nói có lúc mình tỉnh giác, có lúc mình không tỉnh giác, đó chỉ là cái trong tầng tâm thức. Cái dao động thay đổi tới lui được là thuộc về tâm thức, còn cái không thay đổi được, không thể thêm được, không thể bớt được mới là Tánh.

Từ xưa tới giờ không ai có thể thay đổi được cái biết. Mà cái biết của mình nó không biết đơn giản, đang ngồi đây lắng nghe âm thanh, không phải chúng hội ngồi đây đang lắng nghe một người nói, dù chúng ta có cố gắng lắng nghe hay không muốn nghe âm thanh khác chúng ta vẫn bị nghe, chúng ta không muốn biết thì cái biết của chúng ta vẫn bị biết, nó đang biết. Không làm sao ngăn trở cái biết này của chính mình. Cái biết đó là Tánh.

Còn chúng ta mê theo vọng tâm thì chúng ta chỉ thêm nhọc mệt. Chúng ta cực khổ với những vọng tình mà mình sinh ra, giống như mình sinh nhiều con quá, con hư thì mình phải chịu khổ. Chúng ta khổ vì cái mà mình đang sanh ra, mình đang mê cho nó là thật, là đúng, là sai, là hay, là dở. Nếu chúng ta không mê theo cái này, mà chúng ta nhận cái tri để chúng ta là người tri thì tất cả những trần tướng tự động tan biến. Không phải chúng ta phá từng vọng niệm, không cần trừ cái buồn, thương, giận, ghét, không cần động tới nó nữa mà tự động nó tan biến, nếu chúng ta một lần nhận biết cái toàn tri của chính mình.

Không phải là hơn thua từng vọng niệm. Không phải phá vỡ pháp thế gian. Hoàn toàn một người ngộ đạo là tất cả pháp giới mười phương này còn nguyên vị của nó. Sự thật tất cả các pháp trên thế gian này chưa từng bị sanh diệt. Đó là một sự thật. Nếu chúng ta thấy có một pháp nào bị sanh, có một pháp nào bị diệt đi, có pháp nào có ra và mình có khả năng diệt trừ nó được, thì chúng ta đang hiểu lầm.

Không có pháp nào mình có thể hủy hoại nó được. Ví dụ chúng ta lý luận theo kiểu thế gian: Cái hoa bây giờ tươi mai mốt nó nở rồi héo úa, có hủy hoại không? Thân tôi trẻ mai

mốt nó già chết, có hủy hoại không? Trần tướng có tan biến, có thay đổi, có sanh diệt không? Học pháp mà chúng ta hiểu theo kiểu đó, theo tướng có, tướng không, tướng sanh, tướng diệt, tướng phải, tướng quấy, tướng hay, tướng dở; là chúng ta đang mê đắm theo vọng tình của chính mình. Mình không chịu ở chỗ toàn tri để soi thấu trần tướng. Một sự phá vỡ giống như là một sự soi thấu thật sự. Chúng ta xuyên suốt, chúng ta thấu hiểu, tương thông với pháp giới mười phương một lần thì lúc đó mình mới thông cảm được với câu nói của Đức Phật là phá vỡ được trần tướng thực sự trong cõi giới này.

Người học Phật nếu thực sự là công phu đốn giáo của Đại thừa, thì chúng ta phải hiểu phá trần tướng theo kiểu đó. Còn nếu mình muốn thiền định theo kiểu khác, thì chúng ta có thể ngồi lại nhắm mắt chờ vọng niệm khởi lên rồi biết, chờ vọng niệm khởi lên rồi biết, rồi diệt từng vọng là chuẩn bị tiếp tục sanh đời mới nữa, tiếp tục làm điều đó nữa và cứ chuẩn bị dài dài ngàn kiếp sau chúng ta sẽ ra đời làm tiếp tục như vậy, thì vẫn là nguyên đó chứ không thay đổi được gì.

Vấn đề chính là chúng ra có thể thay đổi một cách toàn triệt cái thấy của chúng ta trong cuộc đời này, bằng cái thấy biết phá vỡ trần tướng. Tức là chúng ta phải nhận ra được toàn tri. Khi chúng ta nhận ra cái toàn tri rồi, thì trần tướng được toàn tri soi sáng một lần, thì tất cả những trần tướng đều biến thành toàn tri. Toàn pháp giới này là toàn tri. Làm sao hợp với pháp giới tánh lúc đó mới xong việc. Đó là cách phá trong Kinh điển Đại thừa gọi là phá trần tướng.

Một lần chúng ta hòa nhập trong cái thì tất cả trần gian đều biến thành toàn tri. Bất kỳ nơi nào, chốn nào trong pháp giới mười phương đều là đạo tràng thanh tịnh, cũng đều là

Phật cảnh thanh tịnh nhiệm mầu sáng suốt cả, chỗ chỗ nơi nơi là đạo tràng của chính mình. Rất mong đại chúng sớm nhận được điều này, để sống đúng với chánh Pháp của chư Phật. Còn học đạo mà điều này không xảy ra với chính mình thì rất uổng phí cuộc đời còn lại. Người nào chưa nhận biết điều này, thì quý vị nên phát tâm thiết tha trước chư Phật và trước Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mây Ni, quyết định trong đời này con sẽ hòa nhập trong pháp giới Tánh toàn tri này, để con đền ơn chư Phật và làm lợi ích tất cả chúng sanh muôn loài.

VĂN KINH

Đoạn 3: Chỉ như lai tạng đều "phi" tất cả

Nhưng Như lai tạng bản diệu viên tâm không phải là tâm, không phải là hư không, đất, nước, gió, lửa.

Không phải là nhãn, nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý; không phải sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không phải nhãn thức giới, như thế cho đến không phải là ý thức giới.

Không phải là minh, vô minh, là hết minh, hết vô minh; như thế cho đến không phải lão, tử, không phải hết lão tử.

Không phải là khổ, tập, diệt, đạo, không phải là trí, không phải là đắc.

Không phải là bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí tuệ và ba la mật đa.

Như thế cho đến không phải là Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri; không phải là Đại Niết Bàn, không phải là bốn đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Vì đó đều không phải là các pháp thế và xuất thế gian.

Phần trước Đức Phật nói về lý sắc không trong Kinh Bát Nhã, bây giờ Đức Phật lại nói tiếp ở trong Như Lai Tạng Tâm không có những cái này. Kinh Bát Nhã nói trong cái Không của Tự Tánh, không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới; không có vô minh cũng không có hết vô minh; không có già chết cho đến không có hết già chết; không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo; không có trí huệ cũng không có chứng đắc. Chỗ này tương đương với bài kệ đầu tiên của cư sĩ họ Lư xuất hiện trước bốn chúng.

Đạo tràng của Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, đến lúc Ngài muốn tìm người kế thừa, Ngũ Tổ nói sanh tử là việc lớn, các ông phải mỗi người trình một bài kệ cho Ta xem. Người nào mà nói được đúng ý Tổ sư thì Ta sẽ truyền y bát cho. Lúc đó cả đại chúng đều hợp tác với nhau: Mình là chúng theo học ngài Thần Tú lâu nay rồi, ngài Thần Tú là giáo thọ của mình, cho nên mình cũng không cần phải trình kiến giải làm gì, để cho ngài Thần Tú trình, còn mình thì trước sau gì cũng theo ngài Thần Tú học đạo.

Đại chúng không trình thì buộc ngài Thần Tú phải trình. Lúc đó ngài Thần Tú rất lúng túng. Trong Pháp Bảo Đàn Kinh diễn tả rất hay là: Suốt đêm đó ngài Thần Tú đi tới đi lui mười ba lần. Làm kệ xong rồi đi tới thất của Tổ, xong đi lui, hồi hộp không biết mình làm kệ có trúng hay không. Không trúng thì bị quở bị rầy, còn trúng thì được làm Tổ, mà tư cách của mình như vậy không biết có xứng đáng làm Tổ hay không. Cuối cùng Ngài quyết định viết ở hành lang không dám trình thẳng Ngũ Tổ. Bài kệ như sau:

"Thân là cội Bồ đề

Tâm như đài gương sáng
Luôn luôn phải lau chùi
Chớ để dính bụi nhơ.”

Sáng hôm sau, Ngũ Tổ đi tới hành lang đó, Ngũ Tổ định mượn thợ vẽ một bản đồ trong Kinh Lăng Già, nhưng thấy bài kệ, Ngũ Tổ khen ý là: Người nào mà thuộc bài kệ này, trì tụng và tu tập đúng thì người đó không đọa vào ác đạo thôi, chứ việc thành Phật thành Tổ, Ngũ tổ không nói tới. Trong chúng được truyền nhau tụng học thuộc lòng hết, trong khi đó cư sĩ họ Lư vẫn còn giã gạo phía sau không biết tới chuyện này.

Bỗng một hôm, có một chú tiểu đi ngang đọc bài kệ đó, cư sĩ họ Lư thấy chưa phải, hỏi thăm, chú tiểu nói ông tối ngày chỉ biết giã gạo không biết gì hết, trên đó Ngũ Tổ khuyên trình kệ để truyền Pháp. Lúc đó cư sĩ họ Lư mới nhờ dắt đến chỗ đó để đảnh lễ. Nhưng khi lên tới đó cư sĩ nghe đọc bài kệ rồi nói tôi cũng có bài kệ. Mọi người ngạc nhiên, một người giã gạo mà cũng có kệ. Có vị quan rất lớn là phật tử ở vùng đó coi thường cư sĩ nói: *“Ông cũng có kệ nữa hay sao? Ông là người dốt giã gạo, đạo lý đâu mà nói”.* Cư sĩ họ Lư đáp: *“Đạo Vô thượng Bồ đề không phân chia thứ bậc và cũng không được quyền khinh người chưa học”.* Câu nói này làm vị quan kia thức tỉnh, ổng nói: *“Bây giờ ông đọc tôi viết, nếu ông có ngộ đạo ông phải độ tôi trước”.* Cư sĩ họ Lư đọc bài kệ:

“Bồ đề bổn vô thọ
Minh cảnh diệc phi đài
Bổn lai vô nhất vật
Hà xứ nhá trần ai. ”

Nghĩa là:

"Bồ Đề vốn không cây,
Gương sáng cũng chẳng đài,
Xưa nay không một vật,
Chỗ nào dính bụi bặm?"

Khi đó chúng nhốn nháo lên, biết rằng bài kệ này nó vượt hơn ngài Thần Tú. Ngũ Tổ xuất hiện, sợ cư sĩ họ Lư bị hại nên Ngài dùng giày bôi bài kệ đó và nói một câu: "Bài kệ này vẫn chưa thấy Tánh."

Chiều hôm đó, Ngũ Tổ đi xuống nhà bếp thấy cư sĩ họ Lư vất vả giã gạo. Xưa dùng cái chày đạp, có một cái cân ở trước có đầu nhọn, khi đứng đạp đầu này đầu kia nó nhỏng lên, buông chân ra nó rớt xuống giã gạo. Lúc đó cư sĩ họ Lư ốm ròm không đủ đứng lên để nhỏng cái chày, buộc phải mang thêm cục đá phía sau lưng cột bằng dây thừng. Cho nên mỗi lần đứng lên tuột xuống thì cái dây nó cọ vai trầy da không có thuốc xức, từ từ nó lở khuyết sâu vô mỗi ngày mỗi nhiều bốc thúi tạo thành khối lở loét, bắt đầu ruồi bu đẻ ra một số con giòi trên đó. Cư sĩ họ Lư bước lên tuột xuống rớt con giòi, lại bốc bỏ lên vai cho nó ăn tiếp. Một hành tung hành đạo mà chúng ta không thể tưởng nổi trong cuộc đời này có người thứ hai.

Khi Ngũ Tổ xuống nhìn thấy đệ tử mình giã gạo như vậy xót xa: *"Người hành đạo vất vả thế sao?"* Cư sĩ họ Lư chẳng nói gì. Tiếp câu thứ hai, Ngũ Tổ hỏi: *"Gạo trắng chưa?"* Một câu hết sức khéo léo mà bên ngoài người ta nghe chẳng ai biết gì. Cư sĩ trả lời cũng hết sức khéo: *"Thưa Thầy, gạo trắng lâu rồi nhưng chỉ còn dần sàng một chút là xài được."* Thầy trò nói chuyện rất độc chiêu!

Hiểu nhau rồi, Ngũ Tổ mới gõ lên cối ba cái. Cư sĩ họ Lư ngầm hiểu sư phụ gọi canh ba vô truyền y bát. Quả thật như vậy, canh ba khi cư sĩ họ Lư vào nhà, Ngũ Tổ lấy y bao hết lại che lỗ hổng xung quanh thất, nói Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, tới câu: *"Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm"* cư sĩ họ Lư bắt đầu phát ra năm cái nào ngờ:

"Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh,
Nào ngờ tự tánh vốn không sanh diệt,
Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ,
Nào ngờ tự tánh vốn không dao động,
Nào ngờ tự tánh hay sanh muôn pháp."

Nhưng tại sao Như Lai Tạng Tâm lại không có cái gì? Đây là vấn đề mà chúng ta phải thấy. Trước khi nói những câu nào ngờ này, cư sĩ họ Lư trước đó đã ngộ *"xưa nay không một vật, chỗ nào dính bụi nhơ"*, như vậy vẫn chưa được truyền Pháp. Chúng ta phải hiểu lại điều này nếu chúng ta có học thiền và Kinh Pháp Bảo Đàn chúng tôi có nói rất nhiều, để chúng ta có cái thấy nhìn thông cảm. Khi chúng ta tu tập trình độ tâm thức chúng ta tương ưng Tự Tánh rồi, thì ngay phút chốc đó toàn bộ thân tâm chúng ta và ngũ uẩn lúc này liền thành không. Tức là ở đây diễn tả lục căn, lục trần, lục thức là mười tám giới hoàn toàn vong bặt.

Thiền tuy nói vòng vo không tu không chứng, nhưng khi trình độ chúng ta tu tập phải tới đỉnh điểm là toàn thân tâm bị khóa chặt, lúc đó chúng ta đang đứng đưa cái tay lên thế nào là như vậy luôn, y như trời trồng, chúng ta không để tay xuống được và không ai đủ khả năng đưa tay chúng ta xuống được nữa. Dù lúc này có xe hủ lô muốn đè cái tay xuống cũng không được, lúc đó vật chất không đủ sức để làm chuyển hóa

thân tâm chúng ta. Phút chốc đó khủng khiếp như vậy, còn ai chưa có một lần xảy ra như vậy thì biết rằng mình chưa ngộ Thiền, cũng đừng bao giờ nghĩ rằng mình đã ngộ rồi. Mình hiểu cái gì thì chỉ là ý thức thôi.

Chúng ta nghe kể lịch sử của Đức Phật, lúc ngài Xá Lợi Phất đang nhập định, con quỷ Ki Ta nó giận lấy chày đập lên đầu Ngài, Ngài không nhúc nhích. Ngài Mục Kiền Liên ở núi bên kia trông thấy đợi khi ngài Xá Lợi Phất xuất định mới đi qua hỏi: Hồi nãy con quỷ đập đầu sư huynh, sư huynh có nghe gì không? Ngài Xá Lợi Phất nói ta nghe ê ê chỗ này một chút. Ngài Mục Kiền Liên nói sức đập của con quỷ là tám cái núi Tu Di cũng nát, mà đập ngài Xá Lợi Phất không nhúc nhích.

Lâu nay mình nói Tự Tánh mình là cái tri, cái hay biết, đối với mình rất bình thường, không có cảm giác, không có cảm thọ gì thế mà khi một người tương ưng cảnh giới đó rồi thì toàn vật chất biến thành kim cương, một loại kim cương bất hoại. Nếu một người nhập trong pháp giới Tánh thể hiện trọn vẹn năng lực không bao giờ hư hoại. Các vị Tổ sư muốn để thân lại không khó khăn gì. Trong hệ thống Nguyên Thủy chúng ta ít có nghe, nếu có đi nữa thì các vị chưa ai để nhục thân quá một ngàn năm, nhưng trong nhà Thiền thì có nhục thân Lục Tổ Huệ Năng bây giờ thân vẫn còn nguyên, thân không héo, không bị tóp nhỏ lại. Đó là năng lực thật của Tự Tánh.

Phút đó thể hiện trọn vẹn năng lực này, cho nên chết bặt, ví dụ đang ngồi đây nếu chúng ta sắp được phá vỡ thì tự động chúng ta bị chết cứng, không ai làm nhúc nhích được. Rồi tự động chúng ta rời khỏi cái đó tùy phước nghiệp của

từng người. Lần đầu tiên nó xảy ra được một phút, sau phút đó chúng ta trở lại thành người bình thường, còn phút đó là chúng ta chết. Hoặc chúng ta đang nghĩ giận người này, ghét người kia đầy ắp trong não nhưng khi nó tới là tắt y như mở đài radio, khi tắt là không còn âm thanh nào, tắt toàn bộ tâm thức chúng ta trong giây phút đó để chúng ta tương ưng với Tự Tánh.

Năm 1996 giảng Kinh Kim Cang, chúng tôi có nói điều này: Khi chúng ta phát tâm bố thí ba la mật toàn triệt rồi, chúng ta phải phát tâm cầu đạo quả Vô Thượng Bồ Đề cho đúng mực của nó, thì phút giây chúng ta vong bặt, chết thân ngũ uẩn để đạt tới cảnh giới đó thì chúng ta liền đi tới chân trời Tự Tánh, nếu không thì chúng ta bị khựng lại. Rất nhiều người có những đoạn cuộc đời mình rớt vào khoảng không, nhưng rồi mình trở lại trần gian là phàm phu bình thường thì không phải.

Lần đó xảy ra là chúng ta chết hẳn cuộc đời này. Nếu ai chưa có một lần trong đời chết hẳn thì không hiểu nổi Thiền. Điều đó chúng ta phải nói thật với nhau như vậy. Cho nên người muốn tu Thiền thật sự, gần như bất kỳ giờ phút nào trong cuộc đời chúng ta cũng sẵn sàng chết đi cho chuyện này. Nếu ngày nào mình chưa chết thì mình chưa nhận lại được chân mạng chân thật của chính mình, tức là chưa nhận được Tự Tánh, chúng ta vẫn tiếp tục sống bằng thân ngũ uẩn cũ để bị sanh tử luân hồi tiếp tục.

Phút chốc phá vỡ thân ngũ uẩn hành giả tương ưng với cảnh giới Như Lai Tạng tâm, mắt không còn thấy sắc nữa, tai không còn nghe âm thanh, mũi không còn biết mùi vị, thân chúng ta không còn có nóng lạnh và ý không còn duyên pháp

trần nữa. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức một phen chết cứng, y như là bị đông đá, hoàn toàn không còn cử động được, y như người bị trời trồng, rất lạ. Ai tu Thiền mà chưa tới phút này một lần trong đời thì chưa phải, phải xét lại giùm. Ngang đó trở về sau mới được gọi là kiến Tánh khởi tu, còn chưa thì chưa gọi là kiến Tánh. Trước đó chỉ là hiểu được Tự Tánh, hiểu được đạo lý thôi. Hiểu thì không phải, hiểu là còn cách xa với sự thật.

"*Vô nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý; vô sắc thinh hương vị xúc pháp, vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới.*"

Chừng nào đến trạng thái Không thực sự, chúng ta mới thông cảm được điều Đức Phật nói. Mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe là không được. Phút Không này xảy ra với chính mình thì không phải là tai nghe âm thanh, mắt thấy hình sắc nữa, chúng ta có thể một lượt không sử dụng lục căn mà chúng ta biết toàn bộ pháp giới này. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp chúng ta nhận rõ ràng không lầm lẫn, mà không bằng lục căn. Ai có lần này xảy ra trong đời thì biết lúc này là lúc mình thấy bằng Tánh, không thấy bằng thân căn nữa, thì chúng ta sẽ hiểu tại sao chỗ này không có chuyện đó, nếu không chúng ta không thông cảm.

Đoạn này Đức Phật muốn diễn tả cảnh giới thật khi một hành giả tới. Học Kinh Lăng Nghiêm để chúng ta biết được mình tới hay chưa ở cảnh giới này. Nếu chúng ta thực sự tới cảnh giới này thì mới thấy rõ ràng căn, trần và thức hoàn toàn vong bặt trong một phút giây chúng ta tương ưng Tự Tánh. Đây không nói ngộ nữa, tại phút này bản ngã không còn, nói người ngộ đạo là sai. Không có người và không có đạo để ngộ, người ngộ mất đi và đạo lý cũng không còn. Lúc

đó pháp giới này lộ ra toàn tri, mình thật sự nhận biết khắp pháp giới mười phương một lần. Đây là điều rất kỳ diệu của con người. Không nói chuyện tâm thức theo các nhà khoa học phân tích thần Kinh theo kiểu có điều kiện, không điều kiện v.v… Nhưng cái biết này nó vượt ngoài cái đó xa lắm, nó vong bặt cái thần Kinh vận động theo chiều có điều kiện hoặc không điều kiện.

Ví dụ chúng ta nói chuyện này để mình nghe mình nhớ, một lần không nhớ chúng ta nói hai lần, nếu hai lần không nhớ thì mình nói ba lần … Khi nhớ được điều này rồi thì khi gặp lại chúng ta nhớ lại rõ ràng, là loại thần Kinh có điều kiện. Đến khi chúng ta thấy, chúng ta nhận biết mà không thông qua cái học hiểu, cũng không phải dạng thần Kinh đó, mà lúc này thần Kinh bị tắt. Chúng ta tưởng tượng giây phút đó là tim ngưng đập, máu ngừng chảy. Điều kỳ lạ là dù chuyện đó xảy ra một tuần lễ vẫn không đông máu, nhưng với người bình thường thì tim ngừng đập một ngày một đêm là máu sẽ đông và người bầm tím rồi.

Đây là loại định đặc biệt, khoa học dùng tất cả máy móc đo nhịp tim không thấy dao động mà người này vẫn sống, họ không thể hiểu nổi. Còn những người nhập định thì khoa học có thể đo được nhịp tim còn dao động thoi thóp nhẹ nhàng, hơi thở chậm gấp một phần trăm bây giờ, có thể chậm hơn nữa. Theo kiểu ngồi thiền nhập định đó thì máy móc vẫn đo được, nhưng người nhập Tánh thì khoa học không cách nào đo được trên thân xác của họ trong giây phút đó. Cho nên khi họ chết để lại thân, khoa học cũng không giải thích được.

Đây là chuyện ngoài vật chất, ra ngoài tam giới hoàn toàn. Sau phút giây chết đó họ sống trở lại làm con người bình

thường, thì chúng ta mới ngầm biết Tự Tánh là cái gì. Tất cả những Kinh điển Đại thừa, tất cả những lý luận của Thiền tông lúc đó họ tự thông. Còn không tới cảnh giới này chúng ta không thể biết được. Dù chúng ta có tu lâu, có lúc nhập định, có lúc tâm bặt vọng niệm, nhưng vẫn còn mình. Đa số những người nhập định còn có tâm trụ định, là còn mình tu tập, còn mình vô định thì chút nữa mình sẽ xuất định, không phải chuyện này.

Tới cảnh giới này rồi họ sẽ nhận ra điều kế tiếp là thường tại định, là cái định thường hằng sẽ xảy ra suốt cuộc đời còn lại của người đó không cần tu tập nữa. Phải nói một câu khẳng khái như vậy. Không cần bất kỳ công phu tu tập nào nữa người đó vẫn ở trong thường tại định, không bao giờ xuất ra được, muốn xuất cũng không xuất được. Dù là tu sĩ hay cư sĩ mỗi tối chúng ta ngồi thiền, tụng Kinh đó là cái chuyện điều hòa thân cho vui thôi chớ không phải ngồi để tu. Tới cảnh giới này có những người không hiểu biết cho là kiến Tánh khởi tu. Nhưng tới ngang đó phải dùng từ cho đúng nhất là đốn ngộ, đốn tu và đốn chứng. Lúc đó mình mới hiểu cảnh giới chư Phật, chư Đại Bồ Tát mười phương như thế nào? Các Ngài nhập định xuất định ra làm sao? Và phải có một đoạn nữa họ sống chúng tôi diễn tả như một người mới vừa ngủ thức dậy còn "say ke", ngầy ngật chưa tỉnh hẳn. Nhưng đã thức rồi, tự động người đó sẽ tỉnh thêm chút nữa, tỉnh thêm chút nữa để trở thành người hoàn toàn tỉnh hẳn. Cảnh giới đó tương đương với cảnh giới của chư Phật thật sự.

Khi chúng ta tỉnh một cách toàn triệt rồi, thì mọi cái chư Phật có, chư Bồ Tát có, mình có. Không phải tu thêm, không phải ngồi thiền để nhập định nữa, không cần thiết, dư

thừa, không có tác dụng gì đối với chuyện này. Lúc đó cái định kia thấy có xíu xiu, nó là trò đùa của tâm thức thôi chứ không có tới đâu. Được như vậy thì mới thông cảm được với chỗ này. Nếu không tại sao từ trước tới giờ Đức Phật lý luận đầy đủ các cách tu tập, rồi bây giờ Đức Phật lại nói trong Như Lai Tạng Tâm *"không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới."* Đồng thời: *"Không phải là vô minh, không có hết vô minh, không có già chết, cũng không có hết già chết, không có khổ tập diệt đạo, không có trí tuệ cũng không có chứng đắc."* Đây là nguyên văn của bài Kinh Bát Nhã.

Nếu chỗ này chúng ta còn có minh và vô minh thì lúc đó chúng ta chưa chết hẳn. Làm sao chúng ta tới cảnh giới gần như toàn triệt không còn hai nữa, không có cái sáng và không có cái tối, không có vô minh và không có cái hết vô minh. Trong Như Lai Tạng Tâm không nói chuyện này. Vì chúng sanh còn lầm mê, còn phân biệt, còn so sánh, cho nên Đức Phật tạm dùng có cái vô minh, có cái hết vô minh, là để so sánh đáp ứng lại nhu cầu tâm thức của chúng sanh mà thôi, chứ chỗ này không có minh và vô minh, nó chỉ là như vậy.

Khi Như Lai Tạng Tâm hiện ra thì chỉ thuần là cái rõ đó thôi, không thêm, không bớt. Chúng ta nhận ra một điều kỳ lạ là từ xưa tới giờ nó đã vậy, về sau chúng ta cũng không thay đổi thêm được cái gì, không thể thay đổi được với thời gian không gian, không ai có đủ năng lực có thể thay đổi, muốn thêm một chút cũng không được, muốn bớt một chút cũng không được, không tăng, không giảm, không hề dao động, đó là cái tịch lặng thường hằng của mình. Khi hiểu được điều này chúng ta mới biết cái tịch lặng thường hằng là cái gì,

chứ từ trước tới giờ chúng ta chỉ hiểu thôi và cái hiểu đó chỉ là cái gặm nhấm của ý thức, không phải là cái thấy thật.

Đến chỗ này chúng ta mới thông cảm thật. Tu theo đạo Phật mà chưa thực sự tới đây, thì biết rằng chúng ta không có cơ hội để ra khỏi tam giới này. Đây là bản Kinh gốc để cân đo chúng ta có thể ra khỏi tam giới hay chưa. Nếu một phen chúng ta không sạch những điều này là chắc chắn tam giới vẫn còn cho mình đi tiếp, không biết bao nhiêu ngàn tỷ kiếp nữa.

Kinh điển Đại thừa là một loại huyền, tức là những lời lẽ lý luận không phải là thật như một với một là hai, không phải thế gian này là thật là khổ, nguyên nhân khổ là cái gì. Nói Niết Bàn, nói Tự Tánh, nói cảnh giới chư Phật trong cảnh giới hệ thống Kinh điển Đại thừa là cảnh giới huyền, không phải thật theo kiểu tâm thức mình nữa, đó là cảnh giới của Tự Tánh không được dựng lập ra theo ngôn từ nào nữa, không còn nói tới chuyện bình thường. Học Kinh điển Đại thừa mà chúng ta hiểu đúng là chúng ta đã lầm. Khổ, Tập, Diệt, Đạo không có, có nghĩa là Tứ Đế cũng không có.

Đến cảnh giới Như Lai Tạng Tâm thì chuyện sanh tử luân hồi bình thường không nói. Chuyện Khổ, Tập không có cũng được nhưng Niết Bàn tại sao không có? Vì nếu tâm thức chúng ta còn ở tầng sanh tử thì còn Niết Bàn, còn thấy Niết Bàn là thanh tịnh, còn thấy sanh tử là khổ đau là còn hai bên. Nhưng phút giây này sanh tử cũng hoàn toàn vong bặt, nên Niết Bàn không cần phải bàn luận, không còn hai được. Người nào còn hai tức là chưa tới. Không còn gì khác hơn được ngoài cái rõ đó. Ngoài cái toàn tri đó không có cái khác được. Toàn

pháp giới lúc này trở thành toàn tri rực rỡ, mênh mông, thanh tịnh, trùm khắp chứ không có cái khác.

Ngay cả Tứ Đế lúc đó cũng hoàn toàn không có, không có chứng cũng không có đắc. Điều này rất là dễ hiểu, nếu mình thấy có mình cho nên mình được cái gì đó, cho nên không có chuyện được, không có chuyện chứng, không có đắc, lúc đó không còn mình nữa, đạt tới cảnh giới hoàn toàn bặt ngã chấp. Người tu Phật không tới đây là không được. Một ngày nào đó, nếu một người nói tôi tu được cái này, được cái kia, tôi nhập định được cái nọ, tôi thấy ông Phật nói chuyện với tôi mấy câu, ông Phật kia dạy tôi mấy điều v.v. Tất cả những cảnh giới đó là cảnh giới biến hiện của tâm thức, nếu chúng ta lầm chấp thì chúng ta thành bệnh, đoạn sau văn Kinh sẽ nói tới năm mươi cảnh giới trong lúc tu tập phá trừ ngũ ấm.

Phần đốn ngộ này nếu chúng ta không xong, thì sau đó chúng ta tiệm tu, bắt đầu phá từng uẩn một. Trong lúc phá sắc uẩn, sắc uẩn biến hiện mười cảnh giới, nếu chúng ta không lầm thì qua luôn, còn lầm thì trở thành cảnh giới ma.

"Không phải là bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí tuệ và ba la mật đa." Lục Độ cũng không phải là Như Lai Tạng tâm. Như Lai Tạng Tâm không phải là Lục Độ.

"*Như thế cho đến không phải là Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri; không phải là Đại Niết-bàn, không phải là bốn đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh."*

Như Lai là từ ngữ dùng để nói cái Như Như bất động, không sanh không diệt. Tới chỗ đó là không còn ngôn ngữ để diễn bày, cho nên nó không thành Như Lai, nó chỉ là như vậy, không tên, không tuổi. Nói Như Lai thì cũng là cái tên, nói

Niết Bàn cũng là cái tên. Nói Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn là mười hiệu của Đức Phật, nhưng trong Như Lai Tạng Tâm cũng không phải là mười hiệu này.

Đây là chiều gọi là "phi", tức là ly tất cả, không phải là tất cả. Cho nên Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, không phải là Đại Niết Bàn; không phải là thường, lạc, ngã, tịnh nữa. Nếu ở đây chúng ta bác thường, lạc, ngã, tịnh, tức là chúng ta bác cái gì? Có phải chúng ta bác hệ thống Kinh điển Đại thừa không?

Hệ thống Nguyên Thủy là vô thường, khổ, vô ngã (Tam Pháp Ấn), hoặc vô thường, khổ, không, vô ngã (Tứ Pháp Ấn). Nếu bác bỏ bốn điều này hoặc không có bốn điều này thì không phải là Pháp ấn của chư Phật. Còn Kinh điển Đại thừa là Tứ Đức: thường, lạc, ngã, tịnh cũng là Pháp ấn của chư Phật, nếu chúng ta học ở đâu mà bác bỏ bốn điều này thì nó không phải là Kinh điển Đại thừa nữa. Nhưng ở đây nói không có Tứ Đức thì có phải là bác Kinh điển Đại thừa không?

Nói không có thường, lạc, ngã, tịnh chúng ta cứ nghĩ thường, lạc, ngã, tịnh không phải luôn, là chúng ta đã hiểu lầm. Câu kết nói cảnh giới này: "*Vì đó đều không phải là các pháp thế và xuất thế gian*," là hơi nhẹ đòn. Tất cả những pháp: "Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; nhãn giới cho đến ý thức giới; vô minh, không có vô minh; Khổ, Tập, Diệt, Đạo; Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri; Thường, Lạc, Ngã, Tịnh," đó là pháp xuất thế để đối trị với pháp thế gian. Còn ở đây Như Lai Tạng Tâm không phải là xuất thế, cũng không phải là thế gian, hoàn toàn không phải những điều này.

Thường mọi người nói mình tu để giải thoát qua đến bờ bên kia, còn bờ bên đây là bờ sanh tử, khổ đau, trầm luân nên chúng ta phải tu tập để qua bờ kia là bờ bình an, giác ngộ. Rõ ràng là có bờ bên kia là mê và có bờ bên đây là ngộ là có hai bờ của dòng sông tâm thức. Nhưng điều kỳ lạ, khi chúng ta tới chỗ này thì không có bờ, không có sanh tử, không có Niết Bàn.

Người đang học đạo thì nghe có sanh tử, có Niết Bàn và chúng ta cố tình tu để vượt qua sanh tử tới Niết Bàn, nhưng khi thật sự tới đây rồi mà thấy có Niết Bàn để an trụ là chúng ta chưa tới, chưa phải, chưa đúng. Nếu dùng từ Niết Bàn thì nó lại thành Niết Bàn, dùng từ Như Lai thì nó liền thành Như Lai, dùng từ Tự Tánh thì nó thành Tự Tánh, mình muốn nói ngôn từ gì cũng được về điều này. Phút này nó không là cái gì nhưng nó là tất cả mọi cái, nó sẽ trở thành Khổ, Tập, Diệt, Đạo; nó sẽ trở thành sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; nó sẽ trở thành tất cả những điều trong tam giới này.

Cho nên cư sĩ họ Lư nói: *"Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ."* Ở đây gọi là Chân không mà Diệu hữu. Bây giờ cái có của trần gian này trở lại với hành giả nhưng nó khác màu, khác mùi. Vẫn là vị trí đó nhưng cá đã hóa rồng. Vẫn là thân 50 ký lô nhưng nó hoàn toàn biến đổi rồi, có một cái gì thông lạ lắm. Vẫn còn tâm đó; vẫn còn mắt, tai, mũi, lưỡi đó, nhưng cái thấy của họ về cuộc đời khác hẳn người thường, nhưng không phải bất bình thường.

Người này thấy sâu sắc về cuộc đời khi mắt họ nhìn một người sau lần chết đi sống lại, họ thấu rõ thiện ác của người đó trong tất cả những tình huống. Mắt họ giống như trong Kinh Pháp Hoa diễn tả trên thấu tới trời Hữu Đảnh, dưới

thấu địa ngục A tỳ. Ánh sáng trí huệ của Hành giả thấy được chỗ cực thiện nơi tâm là cõi trời Vô Sắc, thấy được chỗ cực ác nơi tâm là địa ngục A tỳ.

Đức Phật muốn diễn tả tới cảnh giới cao thật của Như Lai Tạng tâm, hoàn toàn không có pháp giới, không có ngôn ngữ, không có danh tự, không có đầu, không có đuôi, không có trước, không có sau. Sau này trong thời giáo hóa của Lục Tổ Huệ Năng, Ngài có nói: *"Ta có một vật không đầu, không đuôi, không trước, không sau, không trong, không ngoài, không xanh, không đỏ."* Lúc đó Thần Hội đứng ra đảnh lễ: *"Dạ thưa sư phụ đó là Như Lai tự tánh của con."* Bị ngài Lục Tổ quở liền: *"Ta đã nói là không đầu, không đuôi, không trước, không sau, không danh, không tự mà ngươi nói là Như Lai Tự Tánh, tức là ngươi lấy tranh che đầu của mình, là rớt vào hàng tri giải tri thức."*

Một phen chúng ta thoát ngoài tri thức, tri giải, tri kiến một lần thì chúng ta sẽ tới cảnh giới này. Hoàn toàn không có sự hiểu biết của đời thường, chúng ta phải chết hết phàm tâm một lượt, trần gian này phải hết một lần với mình mới hy vọng là chúng ta thông cảm. Có những chuyện mình hiểu đạo nghĩ mình sống tự tại, sống vài tháng không thấy mình dính mắc cái gì. Thật ra không phải đâu, vì chưa đủ duyên hay chưa gặp được cái ổ của dính mắc, chứ gặp là gỡ không ra, đừng nghĩ là mình hay.

Vì Đức Phật nói: *"Đừng nên tin tâm ngươi trừ phi ngươi chứng quả A La Hán".* Còn với nhà Thiền không thể tin được nếu người đó chưa chết đi sống lại. Tại vì người đã chết một lần, thân họ không còn là thân phàm nữa, tâm không còn là tâm phàm, không còn chỗ để người này dính lại nên

không dính ái được, không nhiễm trần gian này lại được. Còn nếu chúng ta chưa chết là chưa thoát khỏi thân phàm. Người tu tập muốn được an toàn thì phải tới đây, đây là cảnh giới vô trùng tuyệt đối cho cuộc đời của mình, không chỉ đời này, mà những kiếp sau chúng ta không thể nhiễm lại được. Tức là một lần chúng ta bước ra khỏi tam giới rồi là tự tại ngoài tam giới.

Khi chúng ta vong bặt hết nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý rồi; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo; không có Như Lai, không có tinh tấn, không có lục độ…, thì phút giây đó chúng ta có đủ. Một phen chúng ta không tất cả thì chúng ta có tràn ngập khắp pháp giới này.

Tới cảnh giới này rồi là thành con người khác. Mắt chạm sắc liền biến thành Bồ Đề, tai nghe tiếng liền biến thành Bồ Đề. Từ nay là Phật sanh chúng ta ra lần thứ hai. Chúng ta trở lại đây là con Phật thật sự. Từ Pháp phần của Phật sanh ra, họ đi vào pháp giới để họ học trở lại nhanh vô cùng, tất cả mọi cái họ đều thấu hiểu, đều soi thấu tới bề sau của nó không lầm.

VĂN KINH

Đoạn 4: chỉ như lai tạng đều "tức" tất cả

Tức là Như lai tạng nguyên minh tâm diệu tức là tâm, là không, là địa, thủy, phong, hỏa; tức là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; tức là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; tức là nhãn thức giới, như thế cho đến ý thức giới; tức là minh, là vô minh, là hết minh, hết vô minh; như thế cho đến tức là lão, tử, là hết lão tử; tức là khổ, tập, diệt, đạo, là trí, là đắc; tức là bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, Thiền định, trí tuệ, là đến bờ kia; như thế cho đến

tức là Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri; tức là Đại Niết Bàn, là bốn đức: thường, lạc, ngã, tịnh. Do đó đều tức là các pháp thế gian và xuất thế gian vậy.

Tự Tánh là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Tự Tánh là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Tự Tánh là nhãn giới cho tới ý thức giới. Tự Tánh là vô minh, là hết vô minh cho tới Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Tự Tánh là Lục Độ Ba La Mật, tự Tánh là Niết Bàn. Tự Tánh là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn. Tự tánh là thế gian và xuất thế gian thì mới trọn con mắt đạo. Nếu ai chỉ thấy một phần thì đạo nó sẽ không còn sống động nữa. Nhiều người không đủ phước thì công phu tu hành của họ cũng không có khả năng tới chỗ không này. Nếu có tới thì cũng trụ chỗ không này rất dài. Một đoạn họ không muốn làm phước, thậm chí thuyết pháp cũng không còn, độ sanh hoàn toàn vong bặt, họ không muốn làm gì hết và không lợi ích được quần sanh.

Nhưng khi hành giả tới cảnh giới này thì họ sẽ đi làm việc của tất cả thế gian mà không hề dính mắc. Tổ Quy Sơn nói:

"Thật tế lý địa
Bất thọ nhất trần
Vạn hạnh môn trung
Bất xả nhất pháp."

Cái chỗ thật tế kia một pháp trần nhỏ nhiệm cũng không dính được, nhưng cửa vạn hạnh này đi ra đường rớt một cọng gai nhỏ cũng phải lượm, một chuyện nhỏ chúng ta cũng không thể bỏ qua, cười một cái cho người ta vui chúng

ta cũng phải cười, nói một lời an ủi để cho họ an lòng chúng ta cũng phải làm. Tất cả những công hạnh nhỏ nhiệm mà làm lợi lạc quần sanh thì không có chuyện gì người này bỏ qua, mới là người hành đạo thật sự.

Họ sẽ đi vào tất cả cảnh giới của thế gian này, không bỏ sót cảnh giới nào, không có cái gì mà họ ngần ngại không dám học, không có cái gì mà họ ngần ngại không dám tới. Địa ngục mà người này không dám tới thì chưa phải là người ngộ đạo thiệt, ngạ quỷ mà không dám xuống sống chung với họ thì chưa phải là người ngộ đạo thiệt. Một vị Bồ Tát ngộ đạo rồi từ chối địa ngục không dám tới, từ chối ngạ quỷ không dám tới, từ chối súc sanh không dám tới, thì người đó chưa đủ tuệ giác vì sợ bị nhiễm. Nhưng mà thấy tới rồi là không còn đường để nhiễm nữa. Họ dạo địa ngục như dạo hoa viên, không phải là chỗ ràng buộc của mình. Xuống ngạ quỷ dạo chơi để độ sanh chứ không phải vì nghiệp mà tới.

Người nào nhận rõ được hai mặt của Như Lai Tạng tâm, thì người đó mới đủ trí tuệ Phật đạo thấy tất cả những gì của trần gian này từ Lục Nhập, Thập Nhị Nhập, Thập Bát Giới, Lục Độ Ba La Mật, Tứ Diệu Đế v.v… Tất cả những cái đó đều không có trong Như Lai Tạng tâm. Chính vì không có tất cả mọi cái mà tròn đủ tất cả mọi cái này.

Người học đạo có hai con đường giải thoát, một là thiền định và hai là trí tuệ. Khi trí tuệ chúng ta nhận định mọi cái là không thì nó cũng tan biến hết tất cả chấp trước của mình. Nhưng khi người đó nhập định đạt đến cảnh giới không thì cũng tan biến hết ngã chấp của mình. Hai con đường này rõ ràng, cho nên trước sau gì tất cả những hành giả đều phải đến cảnh giới không trước, là cảnh giới "phi". Sau 'phi" thành

"tức". Ngay khi phi được liền là tức, mà phi không được là không có Tức. Phi không được là mình có chút xíu theo cái chấp nhỏ nhiệm của tự tâm. Mình chấp đâu là có đó, nhưng khi mình hết đi tất cả những cái chấp, mình thành không một lần trong đời thì tất cả mọi cái liền thành có ngay trong phút giây đó.

Nhưng có một số người họ không đủ sức này là họ ở cảnh giới "không" hơi lâu, rồi họ thấy tất cả mọi cái là có. Giống như cư sĩ họ Lư, khi ngộ lần đầu thấy Tự Tánh "xưa nay không một vật," khi ngộ lần sau thấy Tự Tánh tự tròn đủ, không thiếu cái gì. Tới đó mới gọi là triệt ngộ, mới được nhận y bát.

Hai bước của một hành giả tu tập là chúng ta phải bước qua cửa "không" trước. Kinh Kim Cang cũng nói "không", Bát Nhã cũng nói "không", Lăng Nghiêm đoạn vừa rồi ngôn ngữ trùng lắp với bản Bát Nhã Tâm Kinh. Tất cả chúng ta muốn thoát khỏi tam giới này, thì phải có lần chúng ta sạch sành sanh không còn một mảy may ngã chấp để biến thành không. Sau đó, chúng ta sống trở lại với tròn đầy trí tuệ Phật đạo, thì mới có thể bước ra ngoài tam giới và cứu thoát người khác bước ra ngoài tam giới.

VĂN KINH

Đoạn 5: Chỉ ra ngoài các nghĩa "phi" tức" và phải nhờ đến ngón tay khéo

Chi 1. Ra ngoài các nghĩa "phi" và "tức" là chỗ nhiệm mầu cùng tột tâm phân biệt

Tức Như Lai Tạng Diệu Minh tâm nguyên ra ngoài các nghĩa "tức" và "phi" và cũng là tức, là phi tức. Làm sao chúng sinh ở ba cõi trong thế gian và hàng Thanh Văn, Duyên Giác xuất thế, dùng tâm phân biệt hiểu biết mà đo lường quả Bồ đề vô thượng của đức Như Lai và lấy ngôn ngữ ở thế gian mà vào được tri kiến Phật.

Đức Phật nói trọn vẹn bài Kinh Bát Nhã chỉ ở Như Lai Tạng tâm, còn bản Kinh Bát Nhã thì chỉ ở trong Bát Nhã: Không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới, cho đến không có ý thức giới; không có vô minh cũng không có hết vô minh, cho đến không có già chết cũng không có hết già chết; không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo, không có trí huệ cũng không có chứng đắc. Đức Phật chỉ trong Như Lai Tạng Tâm không có bóng dáng của sắc trần, không có bóng dáng của mười tám giới rồi thì Như Lai lại nói "tức" tất cả những cái đó. Đến đoạn này Như Lai kết thúc phần trước. Nếu bất kỳ người tu nào tu theo đạo Phật mà chưa có lần ngũ uẩn giai không, chưa có lần thấy mình có cái biết ngoài lục căn thì chúng ta không thể biết Như Lai Tạng Tâm như thế nào. Nếu người tu có thiết tha cầu đạo, hành đạo cho cả đời của mình nhưng mình chưa có lần thực sự chết đi thì biết mình không có cách nào rời khỏi tam giới.

Có một số lý luận, một số pháp môn khác nói chết sẽ có ai đó đưa mình rời khỏi tam giới này. Chúng tôi xin thưa, chúng ta không thể rời khỏi tam giới này nếu chúng ta chưa có lần thoát khỏi tam giới bằng công phu của chính mình. Tất cả lý luận Đại thừa mang tính huyền không phải tính thật. Các bản Kinh thật, Đức Phật nói đây là Khổ, đây là Tập, đây là

Diệt, đây là Đạo thì chúng ta nghe có thể hiểu bằng cái đầu của mình, nhưng bản Kinh huyền thì chúng ta không thể hiểu bằng cái đầu của mình, mà phải ra ngoài cái suy nghĩ chúng ta mới biết được Kinh nói cái gì. Nói học Phật để chúng ta ra khỏi cái đầu của mình là rất khó vì chúng ta đến đây, làm người, là chúng ta bắt đầu có tâm thức và dùng xài bằng cái suy nghĩ phân biệt này.

Tức Như Lai Tạng Diệu Minh tâm nguyên ra ngoài các nghĩa "tức" và "phi", và cũng là tức, là phi tức.

Khi đạt cảnh giới không tất cả mọi cái thì chúng ta có chút cảm nhận. Nhìn ngoài cái không nó có đầy đủ tất cả mọi cái, như Lục Tổ Huệ Năng nói "Nào ngờ Tự Tánh vốn tự đầy đủ". Tới chỗ này rồi người ta mới thấy Như Lai Tạng Tâm không phải là tức và không phải là ly. Không có tất cả mọi cái cũng đúng mà có tất cả mọi cái cũng đúng, nhưng nó thực sự không phải là có tất cả mọi cái và không tất cả mọi cái như trước tới giờ lý luận. Rõ ràng nó không phải tức cũng chẳng phải ly. Nó phi tức và phi ly. Không thể gọi là tức cũng không thể gọi là ly được. Không có ta, không có người, không có đạo và không có người nhận đạo.

Lúc này nó chỉ lồ lộ cái toàn tri, là cái tri duy nhất của pháp giới mười phương, không hơn không kém. Trong cái tri này nó có tức và có ly, nhưng không phải là tức và không phải là ly. Có cái tức có nghĩa là nó có đầy đủ pháp giới mười phương, có cái ly là nó có tất cả mọi cái mà không hề vướng lại trong Tự Tánh của chính mình. Tự Tánh mình có tức và có ly nhưng nó không phải là tức, không phải là ly. Chúng ta nghe không thiếu chữ nghĩa nào và chưa bao giờ vướng lại. Không có cái gì mà nó không nhận biết. Tất cả mọi cái đều

được nó nhận biết là tức; nó không thiếu cái gì, cái gì nó cũng có, có đầy đủ mà không có cái gì vướng lại tức là nó vốn tự ly.

Hồi đầu chúng ta nhận Như Lai Tạng Tâm vốn tự ly. Cái vốn tự ly đó không phải do tự tâm mình nó xô đẩy để nó lìa cái kia, mà là quy luật, là chân lý của vũ trụ. Người học Phật phải nhận ra được cái tự ly này. Cái tự ly nó cũng không phải là Tự Tánh, nhưng tất cả các pháp trong tam giới này nó cũng tự ly. Đây là lý trong hệ thống Đại Bộ Bát Nhã, nếu học Đại Bộ Bát Nhã mà chúng ta không nhận được cái này thì không phải là Trí Tuệ Bát Nhã. Tất cả các pháp do tự ly nên nó vô trụ và chúng ta sẽ hiểu được lý luận của bản Kinh Kim Cang.

Âm thanh chúng ta vừa nói ra mình muốn giữ lại cũng không được, lý do là các pháp vốn tự ly. Tất cả các pháp tánh, tướng đều như nhau. Âm thanh tánh nó như vậy, hình sắc tánh nó cũng như vậy. Tướng âm thanh nó cũng như vậy, hình sắc tướng nó cũng như vậy, không khác nhau. Tất cả các tướng đều do tứ đại hòa hợp, tất cả các tánh đều vốn tự ly. Tất cả những cái lục căn chúng ta tiếp xúc được vốn tự ly. Nếu thực sự chúng ta nhận được các pháp vốn tự ly thì ngay tại đây chúng ta hoàn toàn không bị dính không bị trói buộc.

Nghe tới điều này chúng ta mới biết, không có chỗ nào mình bị vướng mắc, tức là mình đã giải thoát từ lâu. Nếu nghe mà mình vẫn còn nguyên đó không nhận ra thì biết mình chưa thấy đúng tính tự ly của các pháp. Các pháp vốn tự ly, không ai làm cho nó dừng lại được. Các pháp vốn tự vô trụ, không ai dừng trụ lại được, khi thấy được điều này thì chuyện sanh tử không cần bàn nữa. Nếu chưa nhận được điều này thì

chuyện sanh tử là cái gì đó rất đáng sợ. Trần gian này nó sẽ trói buộc mình, tiền tài vật chất cũng trói buộc mình. Người nào tu một chút thì phải tránh né tiền tài, danh vọng, ăn uống, sắc đẹp, ngủ nghỉ, tránh duyên, tránh cảnh, tránh đủ thứ và tránh cuộc đời này, mình tìm nơi thanh tịnh. Nhưng thực sự khi thấy được điều này thì la hét, nhảy múa vẫn thanh tịnh. Được cái thanh tịnh này mới đúng. Chúng ta phải học Phật để nhận ra sự thật này.

Đức Phật nói: *Như Lai Tạng Diệu Minh Tâm nguyên ra ngoài các nghĩa "tức" và "phi"*, nó ra ngoài nghĩa tức, nó cũng không phải là ly. Lìa tất cả cũng không phải là nó, mà tức tất cả cũng không phải là nó, nhưng Như Lai Tạng Diệu Minh tâm nó cũng là ly, cũng là tức. Cũng như người có hiểu biết nói giữa hư không này có hằng hà sa số nguồn điện, tùy theo nghiệp của chúng ta muốn bắt luồng điện nào như sóng điện thoại thì sóng điện đó sẽ tới đây với mình. Hoặc mình sử dụng luồng điện của radio thì mình bật máy lên rà sẽ bắt được làn sóng đó, hoặc mình muốn xem tivi thì mình sẽ bắt được tần số đó.

Tất cả các tần số dao động đầy ắp trong không gian này. Chúng ta thấy không cái nào phá cái nào, cái nào nó vẫn nguyên cái đó. Nếu cái này phá cái kia thì khi chúng ta bắt đúng tần số đó thì đài thành phố không phát ra, hoặc chúng ta bắt đài Đồng Nai thì đài Đồng Nai phát ra thì cái kia không phát. Nó không đi theo trật tự, nhưng thực sự theo cái nhìn đạo lý thì nó rất trật tự, nó chưa bao giờ dính nhau. Hoặc đứng trên lầu cao nhìn xuống thấy xe chạy rối nùi nhưng nó rất trật tự, không anh nào đụng anh nào, nếu đụng nhau là nó ùn tắc giao thông liền. Nó lưu thông trật tự nên đời sống mới êm ái.

Con người cũng vậy, từng phút từng giây tính tự ly luôn hiển bày trong đời sống, nên chúng ta vừa có chuyện buồn mình nghĩ cả đời mình không thể quên. Hoặc có người bị uất hận, bị gạt gẫm mình nghĩ khó qua, mình có thể chết được nhưng do tính tự ly của các pháp nó tự làm mất đi, hoặc mình cố nhớ nó cũng tự qua đi. Học được điều này đời sống mình rất nhẹ. Ai thấy được tính tự ly của tất cả các pháp thì gần như chúng ta không còn công phu được. Nếu ngồi lại mình phải tu thế này thế kia cho vọng tưởng mình bớt đi, thì biết rằng chúng ta chưa thấy đúng sự thật. Học Phật Pháp cái chính là chúng ta nhận ra được điều này thì chúng ta được bình yên. Thậm chí không cần tu pháp nào chúng ta cũng bình yên, thì đó là đúng. Còn tu một pháp nào để chúng ta bình yên là sai. Vì còn tu một Pháp là dư chứ không còn bình yên và chúng ta sẽ bị xáo trộn với Pháp mới đó. Ngài Đức Sơn có một câu dõng dạc: "*Tông ta không ngữ cú, không một pháp cho người.*" Ngài không có lời lẽ, không có pháp để cho ai. Chúng ta học Phật phải tới trình độ này thì đời sống chúng ta mới tự tại, nếu không chúng ta sẽ lúng túng trong pháp trần.

"Làm sao chúng sanh ở ba cõi trong thế gian và hàng Thanh Văn, Duyên Giác xuất thế, dùng tâm phân biệt hiểu biết mà đo lường quả Bồ đề Vô Thượng của đức Như Lai và lấy ngôn ngữ ở thế gian mà vào được tri kiến Phật."

Đức Phật đã nói Thanh Văn, Duyên Giác xuất thế vẫn không đủ để có thể nhận biết điều này, vì các vị còn có sở chứng, sở đắc, các vị chưa sống đúng với vô trụ thật sự, chưa sống đúng với tính tự ly của vạn pháp. Nếu một người nhận được tính tự ly của vạn pháp thì không cần tọa thiền, không cần nhập định, không cần chứng, không cần đắc, không cần

quả vị để chứng, không còn chỗ để dừng trụ, vì tất cả các pháp vốn tự ly, mình là một pháp nên mình cũng ly. Nên không có cái gì trói được cái gì. Có lấy dây trói hai người lại một triệu năm cũng không có dính. Vì tất cả các pháp vốn tự ly nên không thể dính được. Chúng ta không làm sao thay đổi được quy luật vũ trụ vốn tự ly này.

Sự thật nó đã là như vậy, chúng ta chỉ sống đúng như vậy là đủ, đừng thêm đừng bớt, coi như chúng ta học đạo xong và hành đạo đúng. Còn nếu chúng ta không sống được như vậy là chúng ta không thấu hiểu được sự thật này. Cái đầu mình chỉ cần có một chút có không, có một chút đúng sai thì chúng ta không bao giờ hiểu được tính tự ly của vạn pháp. Chúng ta không bao giờ hiểu được cái chỗ không phải tức, không phải ly này, mà cái đó nó có vốn hiện hữu. Nếu tất cả chúng ta chịu khó trầm tĩnh một chút thôi thì ngay tại đây chúng ta nhận ra được vấn đề.

Điều này rất rõ ràng và có thể chứng minh được ngay tại đây. Bây giờ nói Tự Tánh chúng ta nó lìa tất cả mọi cái và chúng ta có cảm nhận nó lìa không? Nãy giờ chúng tôi nói rất nhiều tiếng rồi, bây giờ chúng tôi ngưng nói thì không còn âm vang nào ở đây cả. Có nghĩa nó tự lìa. Quý vị không thể giữ được một âm thanh. Âm thanh nặng, âm thanh nhẹ, nói xấu, nói tốt mỗi mỗi tự lìa, không phải nói hết câu nó mới lìa. Một âm thanh còn không thể được đừng nói là nhiều âm thanh. Một lời, một ngôn ngữ còn không thể được. Ngài Đức Sơn nói "Tông ta không ngữ cú" là muốn nói tới chuyện này. Thực sự là không có ngữ cú nên không có tiếng tốt, không có tiếng xấu, không có tiếng phải, không có tiếng quấy, không có tiếng nặng, không có tiếng nhẹ. Đó là sự thật mà Ngài Đức Sơn

muốn khai thị, chớ không phải Ngài từ chối Ngài không có ngữ cú. Chính Đức Phật nói "Suốt 49 năm Ta chưa hề nói câu nào" là chỗ này. Chúng ta nghe đâu có sót cái gì nhưng muốn giữ lại không được vì nó vốn là như vậy. Nếu chúng ta bình tĩnh sống đúng với sự thật của pháp là mỗi tiếng mỗi lìa, mỗi âm vang phát ra đều tự biến mất mà không cần một chút công phu nào của mình.

Âm thanh hiện ra chúng ta rõ biết âm thanh hiện ra, âm thanh vừa yếu đi chúng ta rõ biết, âm thanh vừa tan biến chúng ta rõ biết, chúng ta rõ biết khoảng không rồi tiếp tục rõ biết âm thanh thứ hai, cứ liên tục như vậy không tạm dừng. Liên tục có hằng hà sa số âm thanh, thì chúng ta cũng nghe một lượt hằng hà sa số âm thanh đó và âm thanh tự lìa. Âm thanh cũng như hình sắc, cũng như tất cả các pháp trần nó vốn tự lìa như vậy. Nếu chúng ta sống đúng thì từng khoảnh khắc một chúng ta tự lìa, từng sát na một chúng ta tự giải thoát. Công là làm chuyện dư thừa nên nghỉ ngơi một chút cho khỏe để chúng ta nhìn ra sự thật của vấn đề. Đừng vội vã chạy theo công phu. Nghe đồn vị này vị kia nổi tiếng có pháp thuật gì hay, có phương pháp gì tài giỏi tu năm tháng ba tháng thành Phật, thì chúng ta nên bình tĩnh đừng vội vã, mình ngồi và nhìn cho ra được sự thật một việc thôi.

Ngài Thạch Củng là thợ săn, bữa đó rượt theo con nai thì gặp Mã Tổ thưa: Hòa thượng có thấy con nai què chạy ngang đây không? Mã Tổ hỏi: Ngươi là cái gì? Thạch Củng thưa: Ta là thợ săn. Mã Tổ hỏi: Ngươi bắn một phát được mấy con? Thạch Củng nói: Con bắn một phát một con. Mã Tổ nói: Dở hơn ta nhiều, ta bắn một phát được một bầy. Thạch Củng phải nói là người có căn khí lớn nghe một câu đó là nhận ra,

thưa: Sinh mạng chúng sanh như thế tại sao Hòa thượng dám bắn một bầy? Có nghĩa Thạch Củng nhận ra đạo lý này, bẻ cung, đảnh lễ Mã Tổ và theo học Ngài. Sau này Ngài ngộ đạo ra làm Thầy thiên hạ để dạy đạo, người ta hỏi: Thế nào là đạo lý? Ngài giương cung bắn. Ngài dùng cung khai thị người ta.

Mã Tổ khéo léo nói "bắn một phát được một bầy" là vì sao? Ví dụ chúng ta nghe âm thanh thì nhìn cho đúng một âm thanh thôi đừng có làm nhiều, đừng có tu nhiều, tu một âm thanh, tu một ý nghĩ của mình thôi. Vì sao? Vì tánh tướng của tất cả các pháp đều như nhau, nếu chúng ta giải quyết được một âm thanh thì ngàn muôn âm thanh chúng ta giải quyết xong. Nếu chúng ta giải quyết được một pháp thì tất cả các pháp chúng ta giải quyết xong. Đó là kiểu bắn một bầy của Mã Tổ. Nếu chúng ta thấy một âm thanh hiện ra nó tự ly, thì tất cả âm thanh nó tự ly, đâu có khác gì nhau, là nguyên một bầy rụi liền tại chỗ.

Một hình sắc nếu chúng ta thấy nó tự ly, thì tất cả âm thanh nó tự ly, ví dụ nhìn bên đây thấy bình hoa, quay bên kia thấy chậu hoa khác, quay bên kia thấy chậu hoa khác, nếu chúng ta quay một vòng thì mỗi cái thấy của chúng ta mỗi mới. Hoặc chúng ta thấy cây cột, nếu nó không có tính tự ly thì cây cột nó dính trong mắt mình, mình không thể nhìn thấy được cái bàn. Nhưng khi quay bên đây mình thấy cái bàn, quay bên kia mình thấy bức tường là mỗi cái nó tự lìa nên chúng ta mới thấy được cái mới, nếu nó không tự lìa thì chúng ta không thể thấy được cái mới. Hai cái dễ dính mắc nhất của mình là âm thanh và hình sắc chúng ta phải nhận ra.

Nhìn lại ý nghĩ của mình đang hiện khởi trong đầu mình, không có ai có khả năng giữ được một ý niệm. Ý niệm

chợt khởi chợt mất, chợt khởi chợt mất mà trong Kinh dùng từ hết sức hay là vọng. Vọng động là cái động của cái ảo huyễn, không có thật. Như mấy nhà ảo thuật quăng miếng giấy ra thành chim bồ câu bay. Nơi đầu mình là cái ảo vọng, không thật. Một sự biến hóa không thật như vậy mà mình vẫn khổ đau với nó, mình lấy nó làm đối tượng để công phu hơn thua. Cứ ngồi trầm tĩnh nhìn từng vọng khởi rồi bắt một vọng nào đó đứng lại, điều này hoàn toàn không thể được. Như vậy chúng ta không thể nói là vọng nhiều hay vọng ít. Nhiều người tu nói sao mình loạn tưởng nhiều quá, thật ra tâm mình yên sẽ thấy hết mọi chuyện. Tâm càng thanh tịnh chừng nào thì tất cả mọi chuyện mình đều thấy rõ chừng đó.

Một quan niệm lầm lẫn là mình tu cho nó mất hết chuyện quá khứ vị lai, đó là mình cưỡng lý thôi chứ thật sự nó không mất. Vì nó tức tất cả và lìa tất cả. Tất cả mọi cái đều không thể có, không có nhưng không phải là mất. Nó vô trụ nhưng không mất. Tất cả những cái mà mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý mình khi xúc chạm với trần cảnh là không có cái gì mất cả. Một mảy tình nhỏ nhiệm cũng không mất, vẫn còn nguyên trong đó. Khi một người nhận đạo thì chuyển từ thức thành trí, chuyển A lại da thức thành Bạch tịnh thức, thành Đại viên cảnh trí. Lúc đó những buồn, thương, giận, ghét nơi mình nó biến thành Kinh nghiệm chuyển hóa đạo lý để mình có thể lợi lạc khắp trần gian này.

Chuyện đau khổ trong đời như mất tiền, mất tình, mất của mà mình vượt qua được một lần thì khi gặp người gặp chuyện đó mình sẽ có cách giúp họ bằng Kinh nghiệm vượt thoát của mình. Tất cả những cái mình đã trải qua trong cuộc đời đều trở thành của báu của mình cần thì đem ra xài, không

cần thì để nguyên đó. Mà không để nó cũng còn nguyên, mình không thể phá hủy được đâu. Cho nên mình phải thấy đúng, sống đúng để mình được bình an giữa cuộc đời này, đừng nghĩ mình dẹp trừ cái gì. Đừng ai nghĩ mình công phu để dứt trừ điều gì trong tam giới này, đó là điều lầm lẫn. Nếu dứt trừ được thì khi Đức Phật chứng Túc Mạng Minh, nếu như quá khứ mà bị tẩy xóa hết thì không bao giờ Đức Phật thấy được quá khứ. Vì nó còn nguyên nên mới có thể thấy được.

Rất nhiều người nói tôi nhập định là không có cái gì. Đương nhiên chỗ đó không có gì, nhưng nói mất hẳn, diệt trừ hết là điều sai lầm, là rớt vào đoạn kiến của ngoại đạo. Ngài Từ Đạo Hạnh nói: *"Có thì có tự mảy may, không thì cả thế gian đều không"*, Ngài Minh Thiền cũng nói: *"Chỉ cần một hạt bụi thôi đủ che khuất trời xanh."* Thử bỏ vô mắt hạt bụi thôi là hết thấy ông trời liền. Mình phải không trống mới thấy được mọi cái. Nên khi mình thấy được quá khứ, vị lai là lúc đó mình đang thanh tịnh, nên mừng. Cái chính là mình thấy rõ ràng, không lầm lẫn chứ không phải mình hết mọi cái trong công phu. Mình cần là có trí tuệ để thấy không lầm thiện ác nơi tâm, chớ mình không phải là thiện, mình không phải là ác. Khi mình thấy được thiện ác rồi thì cái thấy không phải là thiện ác.

Sự thật này Đức Phật nói là phải thấy ngoài cái suy nghĩ. Có nghĩa không thể dùng tâm phân biệt mà biết quả Vô Thượng Bồ Đề của Như Lai. Muốn biết quả Vô Thượng Bồ Đề của Như Lai thì chúng ta đừng dùng cái đầu nữa, đừng quý trọng cái gì từ cái đầu sanh ra.

Khi nào mình còn có cái để mình giữ được trong trần gian này thì khi đó mình không hiểu Như Lai là gì. Mình tu

tới mức độ thấy mình không có cái gì có thể giữ được, từ thân tới tâm mình không có thể giữ được, không có chỗ để bám níu thì lúc đó chúng ta rớt vào chân trời vô trụ. Đời sống chúng ta tự lăn và từ xưa tới giờ chúng ta tự lăn chứ không phải đợi mình tu lâu mới được chuyện này, có điều chúng ta không dám thừa nhận với chính mình thôi.

Quý vị chỉ cần năm phút ở trên con tàu vô trụ, thì vĩnh viễn chúng ta là người vô trụ hoàn toàn, tuyệt đối. Một phút chúng ta đạt đến đỉnh điểm vô trụ, mình nhìn ba bên bốn phía, từ quá khứ hiện tại vị lai kiếm một mảy may chúng ta dính lại cũng không được. Nếu thấy mình vẫn sợ dính, người tu sợ phạm, sợ đọa, nhưng nếu chúng ta thấy đúng là tan biến mọi cái đọa lạc trầm luân đó. Còn thấy sai là còn có chỗ cho chúng ta tới. Thấy còn có chỗ cho chúng ta tới là chúng ta sẽ sai, còn một mảy may chúng ta có thể dính được là chúng ta đang có kiến giải sai lầm.

Người tu sợ mình dính với người khác phái, e dè, lo lắng, sợ hãi thì biết rằng người đó thấy sai sự thật. Do thấy sai sự thật nên mới thấy rằng cái tưởng của mình là thật, mình tưởng mình thọ cảm kiểu này, mình tưởng mình thọ cảm kiểu kia mới sanh ra nhiều chuyện. Nhưng khi chúng ta thấy đúng sự thật rồi thì chúng ta ở đâu, đi đâu, làm gì một mảy may đọng lại trong tâm thức cũng không được. Vì mình bị vô trụ cuốn. Chúng ta bị giải thoát từ lâu rồi, nhưng mình không chịu nhận điều này là rất đáng buồn, uổng phí đi một kiếp người của mình. Sống luẩn quẩn rồi ôm một số phiền muộn đi vào chỗ chết, uổng lắm, mất giá trị quý báu trong đời người của mình.

Thực ra khi mình sanh ra trong cuộc đời này là để mình hưởng phúc lạc, chứ không phải hưởng hạnh phúc bình thường của thế gian. Chúng ta khẳng định mình tới cuộc đời để hưởng vui chớ không phải để chụi khổ. Đức Phật nói cái khổ trong Khổ Đế là để cho những người đang lầm. Cái Khổ là do quý vị đang lầm chứ sự thật là không có Khổ. Đức Phật nói Diệt Đế là sự thật không khổ đau trong trần gian này. Đức Phật nói chúng sanh có tám cái khổ và mười nguyên nhân dẫn đến cái khổ, là những cái đang có thật ở thế gian đối với người mê lầm.

Nhưng rồi Đức Phật cũng nói cái Niết Bàn tịch diệt là cái cũng đã có trong trần gian này. Không phải tu là diệt hết mấy cái kia mới được Niết Bàn. Nếu nhìn theo cái nhìn Đại thừa thì Niết Bàn là cái vốn có sẵn đủ, trừ trường hợp chúng ta không nhận cái Niết Bàn đó cho nên mới bắt đầu tu theo Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo.

Thứ lớp Tứ Diệu Đế rất hay! Trong cái khổ và nguyên nhân của khổ nó có cái Niết Bàn thanh tịnh đó, nhưng người ta không nhận nổi Niết Bàn thanh tịnh này nên mới sử dụng công phu Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo. Nếu nhìn theo cái nhìn Đại thừa thì tới Diệt Đế là đủ, không cần những phần sau nhưng người ta không đủ sức nhận ra.

Chánh kiến cũng vậy. Chánh kiến từ đâu ra? Chánh kiến như thế nào? Tới Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo, Đức Phật một lần nữa khẳng định tri kiến của người học Phật rõ ràng khi chúng ta thấy đúng chân lý thì tất cả các pháp vốn tự ly, tất cả các pháp vốn vô trụ, tất cả các pháp vốn thanh tịnh. Từ ngàn xưa tới bây giờ chưa có lần gọi là sanh tử. Có người nói tôi thấy ông bà cha mẹ tôi chết, nói không có sanh tử là làm

sao? Chúng ta nghe câu tất cả các pháp vốn không sanh tử, tất cả các pháp vốn thanh tịnh chúng ta chịu nổi không? Ai đủ sức thừa đương câu nói này? Chúng ta không thấy tất cả các pháp vốn thanh tịnh thì chúng ta phải trở lại đây tu vài ngàn kiếp nữa mới xong. Không phải chỉ Tự Tánh thanh tịnh. Tự Tánh thanh tịnh là chỉ mới thấy một nửa, mới mở được một con mắt. Thấy được tất cả các pháp vốn thanh tịnh mới mở được hai con mắt, mới sống tự tại được. Nếu thấy Tự Tánh thanh tịnh người đó sống dè dặt lắm. Tự Tánh thanh tịnh thì tướng đâu có thanh tịnh, tướng sẽ dính mắc. Mình là người nữ ở gần người nam coi chừng bị vướng mắc, mình là người nam ở gần người nữ coi chừng bị vướng mắc, rồi bắt đầu có sự dè dặt trong công phu, trong đời sống đời thường này. Nhưng khi chúng ta sống đúng rồi thì tuyệt đối không hề có chỗ dính lại. Khi mình thấy đúng rồi thì mỗi cái mỗi cái nó tự trơn tuột, tự lìa.

Đó là đời sống thật của người thấu đạo lý. Họ không còn chút gì dè dặt, chuẩn bị. Cả đời không hề có sự chuẩn bị. Nếu chúng ta có gì chuẩn bị trước là chúng ta sai lầm, thậm chí lên pháp tòa giảng pháp cũng không hề chuẩn bị mới là đúng. Chuẩn bị nói cái này, cái kia là tâm thức chuẩn bị nói chuyện. Đã là tâm thức thì nhiều khung sáo, nhiều sự ràng buộc cho nhau, không giúp được ai điều gì. Nên chúng ta phải gan dạ tự sống không chuẩn bị. Không chuẩn bị nghe mà không có cái gì không nghe, cái gì rớt vào vùng trời nghe là mình nghe rất rõ ràng.

Quý vị đâu có chuẩn bị nghe mấy tiếng sẹc sẹc bên ngoài, mà đâu có tiếng nào lọt qua mình. Không chuẩn bị thấy mà cái gì hiện trước mắt là thấy rõ ràng, không có lầm. Cái

chính của mình là không chuẩn bị để cho tâm mình nó rỗng. Mà tâm mình rỗng chừng nào thì mình càng rõ biết nhiều chừng đó. Không chuẩn bị thấy, không chuẩn bị nghe, không chuẩn bị ngửi, không chuẩn bị nếm, không chuẩn bị suy nghĩ cái gì hết. Chúng ta hoàn toàn vô tư từ sáng sớm tới chiều tối "không chuẩn bị."

Nếu chúng ta không chuẩn bị sẽ có nhiều cái hay trong cuộc đời mình lắm. Ví dụ chạy xe đừng chuẩn bị tránh ổ gà cứ thả lỏng, đến khi gặp cái gì thì tự động nó sử dụng lý linh thông. Khi chiếc xe chạy được là do đâu? Có người nói do máy nổ, nhưng chưa đạp ga thì xe đâu chạy. Máy vẫn nổ rầm rầm nhưng xe không chạy. Xe chạy tới được là do nó bỏ những cái bên sau nó. Như mình đang đứng muốn bước tới là mình bỏ dấu chân. Đi tới có nghĩa là bỏ cái gì đang đứng lại đằng sau . Chúng ta phải lái cuộc đời chúng ta theo kiểu này thì sẽ đi tới nơi. Điều thứ hai xe luôn chạy trong khoảng không trống. Luôn luôn để đầu chúng ta trống rỗng, không chuẩn bị thì chạm tất cả duyên cảnh chúng ta linh thông sử lý. Chúng ta chạy vô tư trong khoảng không trống luôn ở phía trước và bỏ lại những gì đã qua. Nó đã qua mà mình không bỏ qua là mình dừng lại.

Chúng ta lái cuộc đời chúng ta vào chỗ chư Phật bằng kiểu này. Trước mắt chúng ta là khoảng trời không thực sự, nhưng mình cứ nghĩ là mình bị ngăn bít. Chúng ta chuẩn bị cho mình chiếc xe tốt tới cõi Phật không tốn nhiên liệu mà rất nhanh. Khi chúng ta tới thì chúng ta phải qua. Sống là luôn luôn động, động là luôn luôn tới, tới là luôn luôn mới không dẫm lại chỗ cũ. Lúc nào chúng ta dẫm lại chỗ cũ là biết chúng ta đã sai, đã không lái chiếc xe cuộc đời chúng ta đi đúng.

Mong sao mỗi người là tài xế giỏi. Phút giây nào những cái chúng ta tới là chúng ta qua, coi như đời sống chúng ta bình yên. Khi nào chạm cái gì mà chúng ta qua không được là đầu óc mình căng thẳng rối rắm, nghĩ suy, buồn thương giận ghét, tức là cuộc đời chúng ta bị dừng lại với chuyện đó. Còn mình đã đi tới rồi là lướt qua.

Tùy theo kiểu lướt nhẹ nhàng hay nặng nề nữa. Có người qua nhưng mang theo sự tiếp nhận cái mới, nhưng mình không có chuyện đó. Chúng ta luôn đi tới và bỏ lại những gì mình đã qua trong khoảng không mênh mông phía trước. Phía trước chúng ta là khoảng không, phía sau mình cũng là khoảng không, xung quanh chúng ta là khoảng trống thì chúng ta mới hoạt động linh diệu được. Nhưng nếu bên phải có, bên trái có, đằng trước có thì chúng ta không thể chạy tới được. Xe luôn luôn là rỗng. Chúng ta phải sống trong cái rỗng rang mênh mông, cái chỗ không có cái gì; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Học đạo nếu chúng ta vô tư thì chúng ta sẽ mềm mại như nước chảy nhưng có tư lự, khung sáo, cứng như sắt thì thế nào cũng bị gãy. Đời sống đúng đạo lý là chúng ta phải sống mềm mại như nước. Chúng ta có lúc như nước chảy, như mây trôi, có khi tán, có khi tụ; nhưng tán hoài, tụ hoài cũng không đúng. Nên khi nhận đạo lý thì lúc tức, lúc ly, lúc có, lúc không. Nhưng mình không phải tức, không phải ly, không phải có, không phải không; nhưng vì phương tiện buộc chúng ta tức, ly thì chúng ta phải tức, ly thôi. Một người khi nhận đạo lý rồi họ sống linh động rất khế cơ, khế lý.

Khi chúng ta chấp nhận buông bỏ tâm thức xuống, thấy được sự thật tâm thức vốn ly rồi thì chúng ta hoàn toàn

không có chút sợ hãi tâm thức nhiều hay tâm thức ít. Chúng ta bình tĩnh khi dùng xài tâm thức theo kiểu nào.

Những vị Thiền sư thực thụ họ đi sâu vào đời sống cá nhân của từng người. Họ biết nhiều chuyện của trần gian này, trong những chuyện vướng mắc nhất họ tìm được lối thoát cho người ta. Còn những người biết đạo lý rồi cứ tìm chỗ thanh tịnh thì không giúp được mấy người, không giúp được tận cùng.

Có những phật tử tu tập nhận được đạo lý rồi, mình thấy người nhà mình là trói buộc, còn sống với người này là còn ràng buộc nên mình tìm cách tránh né. Như người nam có vợ tìm cách bỏ vợ đi tu, người nữ tìm cách bỏ chồng đi tu. Nếu hết duyên đi tu thì mình không bàn, nhưng người hiểu đạo lý giải thoát thực sự thì người bên cạnh mình là người nghiệp nặng nhất với mình, mà không giải quyết được người này thì đời sau thế nào cũng bị kiếm, lên trời cũng không thoát. Cái hay của Tuệ Trung Thượng Sĩ là ông ngộ đạo mà vẫn sống chung với bảy bà vợ. Cái nghiệp phải đến với nhau, chung sống với nhau một ngày không phải là chuyện đơn giản, đó là nghiệp nhiều đời rồi, mà tại sao hồi chưa có đạo lý mình sống với người ta, tới hồi có đạo lý mình không dám sống với người ta là sao? Người thế gian cũng gan trời lắm dám sống với người ta cả đời. Chúng ta phải cúi đầu khuất phục ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ dám sống chung với người đã từng dính mắc với mình và không bỏ chạy. Bảy bà này ít nhiều gì cũng nếm được mùi đạo lý của Tuệ Trung Thượng Sĩ. Nếu Tuệ Trung Thượng Sĩ không hiểu đạo lý, cắt hết đi thì bảy người này có thể sẽ uất hận. Ngài vẫn sống vui vẻ để mỗi một ngày với sức đạo lý của mình có thể ảnh hưởng tới người bên cạnh.

Cái duyên chồng vợ ràng buộc lớn lao trong tam giới này. Nếu mình thoát được rồi mà không giúp người bên cạnh, mình bỏ chạy sợ sự vướng mắc trần gian thì chứng tỏ đạo mình không có giỏi. Người bình thường có thể chấp nhận được tự do, còn người cao thủ mới sống tự tại được.

Từ xưa tới giờ mình bị ràng buộc, đi đâu phải báo cáo nên mình tìm mọi cách thoát ra luôn, đi không ai nói, không ai rầy, không ai níu kéo mình cảm giác được tự do. Và mình thấy đời sống tự do như vậy là tốt, mình quyết lòng sống được tự do như vậy. Nhưng người tự tại là sống chung trong nhà đó mà mình hoàn toàn không bị vướng mắc. Người cao thủ lắm mới có sức này.

Thiền dạy chúng ta tự ly, dù sống chung với một triệu người cũng không vướng, dù sống Ta bà một tỷ kiếp vẫn không vướng, đó mới thực sự là người ngộ đạo. Muốn dạo tam giới kiểu nào họ có thể tới được. Đối với lục đạo luân hồi phải vào ra tự tại như dạo hoa viên mới đúng. Ai đủ gan phát nguyện trở lại tam giới vài ngàn kiếp nữa thì chừng đó mới nói chuyện thiền được. Mình nên phát nguyện thành Phật sau cùng, nguyện cho chúng sanh thành Phật hết đi. Ai cũng thành Phật hết, cả pháp giới là Phật chỉ có mình mình là chúng sanh thì một pháp giới Phật độ mình. Phải đủ gan đi vào tam giới này làm tất cả Phật sự Phật hạnh, để cho tất cả mọi người đều được thành Phật hết mình là người thành Phật sau cùng, mới thể hiện cái thấy ngoài tâm thức.

Khi chúng ta có lần thấy ngoài tâm thức theo kiểu này, chúng ta mới thấu hiểu định lực Đại thừa. Không thể dùng cái đầu và ngôn ngữ thế gian có thể diễn bày được. Định này ngoài cái tưởng tượng của tất cả chúng ta từ xưa tới giờ.

Chúng ta cứ nghĩ định là mình ngồi nhập định, không nhúc nhích, không cho tâm thức máy động. Xin thưa, định đó nhỏ nhiệm lắm, không có lớn lao gì so với định lực Đại thừa.

Khi chúng ta vượt tầng tâm thức một lần mới nhận được định lực Đại thừa. Định lực Đại thừa là hàng tỷ tỷ kiếp không hề có sự dao động nhỏ nhiệm nào. Xảy ra chuyện sanh tử ở tam giới này kiểu nào đi nữa nó vẫn nguyên là như vậy, vẫn thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu. Chỉ cần xíu xiu trong định lực đó mà xuất phát thì nó xảy ra hằng hà sa số kiếp người, hoặc hằng hà sa số kiếp chúng sanh đi khắp các cõi, tu hành cho tới thành Phật trở lại thì chuyện đó vẫn còn nguyên đó, không bao giờ thay đổi được.

Ở trong định đó muốn thân này sống ngàn năm thì thân này còn ngàn năm, muốn thân này sống một tỷ năm thì thân này còn một tỷ năm, không bao giờ bị thay đổi. Thiền sư chết muốn để thân hay bỏ thân chuyện đó thường lắm. Muốn lưu thân chuyện đó không có lớn lao gì. Còn chưa đạt tới định này thì có để thân một thời gian nó cũng héo khô và hư hoại, đó không phải là Phật định.

Khi chúng ta qua bên kia bờ tâm thức một lần mới cảm được chỗ này. Có lần nào đó chúng ta tự ngồi chiêm nghiệm lại, mới giựt mình hay ra mình không còn chỗ đứng nữa trong tam giới này. Mình không biết mình trụ ở đâu được nữa. Trụ nơi thân không được, trụ nơi tâm không được, trụ hoàn cảnh không được, không còn chỗ cho mình trụ là lúc đó chúng ta mở cửa pháp giới đi ra. Từ đó cuộc sống chúng ta biến đổi hoàn toàn.

Người tu phải dứt khoát vượt qua tất cả sở chứng sở đắc của mình. Dù bây giờ mình có ngồi thiền nhập định tới

đâu, chứng cái gì, đắc được cái gì cũng phải nhẹ nhàng bước qua, nếu không chúng ta qua không khỏi. Còn sở chứng sở đắc, còn chỗ chúng ta trụ là còn con đường đi vào tam giới.

Ngài Ohsawa nói: "Tất cả những hiểu biết, những tri thức của trần gian này là chứng minh thư để chúng ta đi vào tam giới, vào sanh tử". Một câu nói của người đầy trí huệ. Chúng ta phải sống làm sao ngay từ giờ phút này phải thấy kiến thức, ý thức; cái thọ, tưởng, hành, thức là tự ly để rồi mình ly tất cả mọi cái một lần. Chúng ta nhập vào cái năng lực ly đó thì không còn chỗ cho mình dính lại được. Một điều lạ khi chúng ta nhận ra được điều này là chúng ta không dính lại được cái gì, chứ không phải sau đó chúng ta công phu để lìa thoát. Cho nên đạo Phật, các vị Thiền sư cũng như hệ thống Kinh điển Đại thừa chúng tôi phải cúi đầu đảnh lễ các vị. Lý do là các vị đã thấy ra mấu chốt và muốn dạy người ta nhận ra cái này thôi, không làm mất thời gian trong đời sống này của mình. Tức là rút ngắn thời gian cho những người học Phật, bằng cách cho người ta nhận ra sự thật này. Ai có lần thông cảm được một xíu xiu trong này thì thấy đời sống mình là phúc lạc, tràn dâng hạnh phúc trong đời này liền, không có khổ đau. Lúc nào họ cũng tự tại nơi tự tâm. Tâm họ không có chuyện gì gọi là vướng mắc.

Nếu nói kiến Tánh khởi tu là không phải. Thấy được sự thật, tan biến mình mất lấy gì mà tu, mình ở đâu mà tu. Mình có chỗ nào đó mới có chỗ dính, nên phải tu phải gỡ cái dính đó ra. Rõ ràng còn mình thì không thể kiến Tánh được. Hết mình, hết đi cái riêng tư của ngã chấp mới thấy Tánh. Một phen thấy Tánh rồi thì mình thành không hoàn toàn.

VĂN KINH

Chỉ 2. Chỉ tiếng hay phải nhờ ngón tay khéo

Thí như những cây đờn cầm, sắt, không hầu, tỳ bà, tuy có tiếng hay, nếu không nhờ ngón tay khéo, trọn không thể phát ra tiếng hay được.

Ông và chúng sanh lại cũng như vậy, cái Bảo giác Chân tâm mỗi người đều đầy đủ. Nhưng khi tôi ấn ngón tay thì hải ấn phát ra hào quang, còn các ông vừa dấy tâm lên thì trần lao liền nổi dậy. Do chẳng siêng năng cầu đạo vô thượng, ưa thích Tiểu thừa, được chút ít cho là đủ."

Thí như những cây đờn cầm, sắt, không hầu, tỳ bà, có tiếng hay là nhờ bàn tay khéo léo, còn không thì nó như khúc gỗ không sử dụng được. Giống như Tự Tánh chúng ta thanh tịnh đầy đủ khắp pháp giới này không thiếu gì, nhưng mình vẫn thấy mình còn nghèo và mình luôn thấy thiếu. Phút giây nào mình còn cái gì mình tìm, còn cái gì mình cầu thì biết rằng mình còn đang thiếu. Nhưng chúng ta không thiếu cái gì, gần như Phật có cái gì mình có cái đó, các vị Thanh Văn có cái gì mình có cái đó, các vị Thánh Hiền có cái gì mình có cái đó, nhưng mình vẫn không mở cửa được kho tàng của chính mình để dùng xài. Chúng ta phải khéo, tuệ chúng ta phải linh thông để khi chúng ta nhận biết được mọi điều rồi thì đời sống chúng ta sẽ linh động hoạt bát, bình yên thật sự, còn nếu không chúng ta sẽ bị vất vả. Thấy đúng thì tự động cuộc đời này không còn vướng, còn thấy sai thì cuộc đời đầy ắp khổ đau.

Đức Phật đã đạt tới đỉnh điểm thanh tịnh nên tay Đức Phật ấn đất thì phát ra hào quang, còn mình dấy khởi tâm thức là trần lao phát khởi. Khi Đức Phật thành Phật là chấn động đại địa, lúc đó Đức Phật để tay úp lên đầu gối là ấn an địa. Đức Phật muốn an địa thì cả đại địa này an, Đức Phật muốn

phóng quang thì dùng ngón tay ấn xuống thì liền hào quang phát khởi sáng khắp pháp giới này, Đức Phật muốn chuyện gì trong pháp giới thì chuyện đó sẽ xảy ra. Nhất cử nhất động của Đức Phật cả đời mình tưởng tượng chưa ra nổi. Mình có thể dùng công phu tu hành của mình nhiều kiếp mới thấy được một xíu xiu việc làm của Đức Phật. Mỗi bước chân đi của Đức Phật không phải bình thường và mình không thể hiểu nổi. Người học Phật nếu hiểu được một xíu xiu của Đức Phật là chúng ta phải cúi đầu đảnh lễ.

Trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Đức Phật nói dùng trí tuệ như ngài Xá Lợi Phất nhiều như lúa mè tre lau, muốn hiểu được chuyện của Đức Phật cũng không thể hiểu. Nếu chúng ta đem tâm suy lường thì không thể hiểu biết được. Người khen hoặc chê Phật cũng không đủ trí tuệ để khen hoặc chê cho đúng, không tới đâu hết. Chúng ta không đủ sức để khen hay chê cho đúng nghĩa.

Trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Long Nữ khen Đức Phật là "*Người thấu rõ tướng tội phước,*" một câu khen quá tuyệt vời. Đối với mình muốn nói về nhân quả là mình suy luận làm cái này sẽ có quả báo kia, chứ làm sao mình thấy được tướng tội phước, nhưng Đức Phật thấu rõ tướng tội phước. Đây là một câu khen đầy trí huệ. Long Nữ chuẩn bị thành Phật nên mới có một câu khen Đức Phật như vậy. Một móng niệm của mình là Đức Phật đã thấu rõ tướng tội phước của nó rồi. Hoặc mình khởi ý niệm không thích người bên cạnh thì Đức Phật thấy rõ ràng ý niệm này chút nữa nó sẽ dẫn tới đâu, ngày mai nó sẽ tới đâu, ngày kia nó sẽ tới đâu và hết đời này nó sẽ sanh thêm cái gì nữa. Để đời sau mình gặp lại người kia mình sẽ tiếp tục cảm tình cảm mến ra sao. Rồi đời

kế tiếp sẽ thành bạn thân, đời kế tiếp nữa sẽ thành vợ thành chồng, đời kế tiếp nữa sẽ thành kẻ thù với nhau, kiếm đường giết nhau, thuốc độc nhau. Rồi đời kế tiếp sau khi hai người đã giết được nhau sẽ kiếm giết mấy đời nữa, tới đời thứ mấy mới làm hòa, tới đời thứ mấy mới làm bạn, tới đời thứ mấy mới đi tu, đời đó sẽ gặp ai gặp ai để nó kết thúc một ý niệm.

Một ý niệm Đức Phật thấy từng bước từng bước bao nhiêu kiếp cho tới dứt khoát được dòng ý niệm đó. Ý nghiệp đó nó sẽ tiếp nối ý nghiệp mới để nó sanh ra đời mới để thành cái gì cái gì cái gì tới bao lâu mới kết thúc. Ý nghiệp thứ ba nó sanh ra cái gì cái gì cái gì bao lâu mới kết thúc, Đức Phật thấy rất rõ như thấy cái bàn trước mặt.

Ví dụ bữa nay mình tới chùa lễ Phật hành động lễ bái này của mình với tâm thành như thế nào, tâm không thành như thế nào, tâm thành đó sẽ kết được phước báu gì, phước báu đó mai kia mốt nọ mình sẽ được hưởng cái gì, hưởng bao lâu, hưởng bao nhiêu, hưởng mấy ngày mấy tháng mấy năm mới kết thúc. Những chuyện đó Đức Phật thấy rất rõ.

Trong Kinh Đức Phật thọ ký ngài Xá Lợi Phất, ngài A Nan, ngài Mục Kiền Liên trải qua bao nhiêu ngàn năm ức kiếp về sau sẽ được thành Phật. Như vậy trước đó một phút, sau đó một giây cũng không được, phải chính xác phút giây đó mới được. Đức Phật nói phải trải qua đời kiếp đó tu tập như thế nào, cúng dường các vị Phật như thế nào, gặp bao nhiêu vị Phật tên gì, cúng dường sáng hay trưa, cúng dường bằng thức ăn gì, Đức Phật đều thấy biết hết.

Người học đạo hiểu được Đức Phật nhiều thì sẽ hiểu những chuyện của Đức Phật làm rất nhỏ trong đời này, mang ý nghĩa nghìn trùng. Đời chúng ta không thể hiểu được chuyện

đưa tay ra để tay xuống của Đức Phật. Ít ai hiểu nổi bài thuyết pháp của Đức Phật. Có khi Đức Phật nói "Này các Tỳ kheo…", tay Đức Phật đưa lên thế này là Đức Phật đã dùng thần lực của mình thuyết pháp cho các cõi khác, không phải là chỉ khai thị cho chúng hội ở đây, mình làm sao biết nổi. Đức Phật đang ngồi trước tòa thuyết pháp cho dân Ấn Độ nghe, là lúc đó Đức Phật đã đi khắp cõi nước mười phương thuyết pháp cho các cõi nghe hằng hà sa số bài pháp khác rồi, nhưng mình không biết nổi. Lúc Đức Phật ngồi thiền mình thấy Đức Phật ngồi như vậy thôi, nhưng lúc đó Đức Phật đã nhập trong pháp giới Tánh thuyết bài Pháp tối thượng thừa cho pháp giới mười phương nghe mình cũng đâu có biết.

Chúng ta chưa hiểu nổi một bước chân của Đức Phật đi và làm cái gì thì rõ ràng cái đầu của mình quá hạn hẹp. Chúng ta đừng xài cái đầu nữa thì cái thấy chúng ta mới rộng. Chúng ta phải xem nhẹ kiến thức của mình, nếu mình muốn thoát ra ngoài cõi này, cho tới không còn dùng xài nó nữa. Có lần chúng ta hoàn toàn không còn dùng xài cái đầu thì lần đó mình sẽ biết pháp giới mười phương là cái gì, điều Đức Phật nói là cái gì.

Sở dĩ chúng ta không thấy được đạo lý này, không hiểu được Đức Phật nói điều gì, không nhận chân được chân lý là do chúng ta còn xài cái đầu. Mà cái đầu khởi một cái là có một ý niệm, chúng ta tự buộc mình trong ý niệm nhỏ nhiệm đó, thì rõ ràng chúng ta không biết không thấy được nhiều. Chúng ta nên sống vô tư hồn nhiên không sử dụng cái đầu này nữa, thì chúng ta sẽ có loại trí tuệ vượt ngoài tam giới, nếu còn xài cái đầu thì chúng ta sẽ bị luẩn quẩn.

Đoạn này Đức Phật muốn nói người sử dụng trí tuệ thực sự vượt ngoài tam giới, mới có thể hiểu được Đức Phật là ai. Dùng cái đầu để hiểu thì chúng ta chỉ hiểu Đức Phật trong kiến thức của mình thôi. Kiến thức mình bao nhiêu thì mình hiểu Đức Phật bấy nhiêu, chúng ta không bao giờ hiểu hết Đức Phật, mà kiến thức hay ý thức thì rất nhỏ, rất mong manh không tới đâu hết. Không phải nói vậy để chúng ta cố gắng trừ khử kiến thức mà chúng ta phải thấy được sự thật của kiến thức, của ý thức, của vọng tưởng mình là tự ly để chúng ta không còn chấp được nữa.

Khi nhận biết được sự thật là mình chấp không được để mình không còn chỗ dính lại. Không phải buông bỏ, vì mình thấy còn dính mình mới có thể buông được. Phải thấy được sự thật mình không dính để mình sống không dính được trong cõi này không phải là chúng ta ráng buông. Thấy đúng đạo lý thì tự động trơn tuột, tự động rơi rụng. Phút giây mình thấy đúng là gần như tan biến hết hoàn toàn. Đây là điều rất lạ của người nhận đạo lý.

Một phen mình hòa nhập trong pháp giới Tánh là tất cả những nghiệp tập, phiền não, trần lao của mình tự động tan biến trong phút giây đó. Sau đó chúng ta sống lại là con người mới hoàn toàn, nên cái chỗ vướng lại không còn nữa. Trước phút giây đó nói gì thì nói, có ráng tu cỡ nào cũng bị vướng. Có quán nó thành không, quán như huyễn, quán kiểu gì nó cũng vướng.

Chúng ta nên cố gắng thấy sự thật, không vất vả công phu, bình tĩnh một chút bắt ra một ý niệm nào cũng được, hoặc nhận ra một hình sắc nào cũng được, hoặc nhận ra một âm thanh nào cũng được, chúng ta hóa giải được một cái, thấy

đúng được một cái thì tất cả mọi cái đều được tan biến theo cái thấy này. Điều này rất dễ làm.

Ví như từ sáng tới giờ chúng ta nói nhiều chuyện, bây giờ chúng ta dừng không nói câu nào thì tất cả âm thanh mất liền. Chúng ta nhận ngay chỗ này đi, lấy chỗ tự ly làm chỗ sống của mình và từ từ chúng ta sẽ mở ra mọi chuyện. Giống như chúng ta quét cho trống một chỗ, rồi chúng ta phóng vào chỗ trống đứng và làm rộng khoảng trống này ra. Làm sao một lần thôi, vì tâm thức chúng ta nó hiện có hiện không liên tục, chúng ta phải đứng vào vị tri không đó làm cho cái không rộng ra. Nhận biết được sự thật là quý vị ăn ngon ngủ yên liền, không ai có thể xáo trộn mình được, nhưng nếu không biết được chuyện này thì thực sự là khó khăn cho cuộc đời mình.

Tất cả chúng ta phải có tâm trí xuất phát tận đáy lòng mình, quyết nhận ra được sự thật, thấy đúng sự thật, nói đúng sự thật và sống đúng sự thật. Nếu chưa được thì phải quyết lòng phát tâm phát nguyện, tập trung toàn lực của mình, đem tất cả sức bình sinh của mình còn lại dồn vào việc chính để mình thấy được sự thật như Đức Phật đã nói. Chúng ta đừng vội vã trong mọi việc, gặp chuyện gì chúng ta cố gắng khựng lại tí xíu để chúng ta thấy rõ nhận biết rõ. Ví dụ ngồi đây mà có vọng niệm nào xảy ra thì mình bình tĩnh nhận rõ nó. Trước hình sắc, trước âm thanh chúng ta nhận rõ nó. Mỗi cái đều hiện rõ với chính mình, thì mình bằng cái rõ biết để mình rõ biết mọi cái, thì cái nhận rõ này nó sẽ tháo gỡ chúng ta, nó sẽ làm sáng chúng ta lên, nó làm cho chúng ta nhẹ nhàng thanh thản để mỗi lúc mỗi rõ ràng hơn. Đó là điều chúng ta cần.

Cái đang rõ biết là cái của mình, còn cái đang bị mình rõ biết không phải của mình nên không quan tâm. Ví dụ mình

khởi nghĩ cái gì đó, mình đang rõ biết mình đang khởi nghĩ, thì cái đang khởi nghĩ không phải là cái thật, mà cái rõ biết mới là cái thật. Chúng ta phải khẳng định với mình cái chính và cái phụ để mình có được chỗ sống mới. Từ xưa tới giờ mình khởi là của mình, mình nghĩ là của mình, mình buồn là mình, mình ghét là mình, mình thương là mình, nhưng tất cả những cái này là cái đang bị mình rõ biết. Chúng ta nên trầm tĩnh xem lại, mình ngủ cũng là mình, mình thức cũng là mình, nhưng bây giờ mình biết mình ngủ, mình biết mình thức. Mình chết cũng là mình, mình sống cũng là mình chứ mình không biết được sự thật.

Khi mình nhận ra được cái rõ biết này thì mình đang rõ biết cái chết, đang rõ biết cái sống, chứ mình không phải là người bị sống chết. Người rõ biết này không có sanh tử, đó là điều chư Phật và chư Tổ muốn chỉ chúng ta. Nếu chúng ta là người thật sự học đạo thì chúng ta phải nhận ra được điều này trong đời của chính mình. Khi nào chúng ta chưa nhận biết được điều này, chưa sống đúng với cái này thì khi đó biết mình chưa sống đúng với bổn mạng của mình. Tức là cái chân mạng của mình là cái rõ biết, còn thân tâm sống mấy chục năm không phải là chân mạng của mình. Phải nhẹ nhàng buông cái thân mạng này ra đi thì chúng ta sẽ nhận được cái chân mạng của chúng ta. Đó là điều rất cần cho chúng ta quay về. Chúng ta phải sớm nhận ra cái chân mạng của mình để chúng ta được sống bình an trong cõi này.

Mục 10: Chỉ mê vọng không có nhân, hết mê tức là Bồ đề

Đoạn 1: Nghi Tánh giác nhân đâu có vọng

Ông Phú Lâu Na thưa: "Bản Giác Viên Minh Chân Diệu Tịnh Tâm của con và của Như Lai viên mãn không hai, mà con trước kia đã bị các vọng tưởng từ vô thỉ đành ở lâu trong luân hồi, nay nương nhờ Phật lực vẫn chưa được rốt ráo. Thế Tôn thì tất cả các vọng đều dứt sạch, chỉ còn Tính Diệu Chân Thường. Xin hỏi đức Như Lai, tất cả chúng sinh nhân đâu có vọng, tự che lấp tính Diệu minh mà phải chịu chìm đắm như vậy?"

Qua những phần trước ngài Phú Lâu Na cũng nhận được Bản Giác Viên Minh Chân Diệu Tịnh Tâm của mình rồi, nhưng vẫn còn ít nghi, nên Ngài đại diện cho đại chúng cũng như đại diện cho chúng ta đứng lên đặt câu hỏi với Đức Phật: Bản Giác Viên Minh Chân Diệu Tịnh Tâm của con và của Như Lai viên mãn không hai, do con trước đã bị vọng tưởng vô minh lập thành, vậy cái vọng nó từ đâu mà có?

Không ai có khả năng thấy được nguyên nhân ban đầu sinh khởi của ý thức, chỉ trừ những người chứng Thánh từ quả A La Hán trở lên thì mới thấy rõ chỗ manh nha động khởi của ý thức. Hoặc là người tu Thiền một lần chết thân ngũ uẩn hòa nhập vào Bồ Đề Tự Tánh thanh tịnh rồi, thì ở trong bể Tánh thanh tịnh đó họ thấy được chỗ manh nha động khởi của ý thức, còn lại không ai đủ sức để thấy hiểu hết. Ngài Phú Lâu Na đã chứng quả A La Hán, nên không phải là Ngài không biết điều này, mà vì Ngài muốn đại diện cho chúng sanh lầm mê đặt câu hỏi với Đức Phật: Vọng từ đâu mà có? Các vị tu theo hệ thống Nguyên Thủy chứng quả A La Hán mới đủ sức thấy được đầu mối sanh tử. Các vị diệt trừ đầu mối đó để nhập vào diệt thọ tưởng định. Còn các vị tu Thiền thì phải chết đi sống lại, rớt vào đoạn ngũ uẩn giai không, người đó ở trong

cảnh giới thanh tịnh sáng suốt, lúc khởi động lại đi làm việc giáo hóa chúng sanh thì họ nhìn thấy cái gợn lăn tăn hình thành ý tưởng, hình thành vọng niệm, hình thành ý thức.

Ý thức không có khởi đầu, không có nguyên nhân, nó mù mịt đối với người thường, chỉ trừ các bậc Thánh mới đủ sức thấy thôi. Tất cả chúng ta ngồi tại đây không phút nào mà đầu chúng ta không hoạt động. Dù có cố gắng cỡ nào nhưng chúng ta không nghĩ xa cũng nghĩ gần, không nhớ chuyện ngày xưa thì cũng mộng tưởng chuyện sắp tới, không có phút giây nào ý thức tạm dừng. Trừ những người có công phu đạt tới đỉnh điểm rất cao, người đó có thể nhập định trong lúc tọa thiền, hoặc những người ngộ Thiền tông thì họ có khả năng dừng hay không dừng ý niệm theo ý mình. Còn tất cả chúng ta ở đây rất khó tắt được vọng niệm một lần.

Cái đầu chúng ta như một loại máy sinh học. Đối với người nữ thì bắt đầu ba tuổi mới ghi nhận điểm sóng thức của mình, người nam thì bốn tuổi. Đa phần người tu Thiền nhập định muốn nhìn lại quá khứ của mình, thì người nam ngược về tới bốn tuổi là đoạn đó nó mờ mờ cho tới không tuổi. Định rất sâu chứng được Túc mạng thông thì mới có thể lướt qua khoảng mờ này mà thấy được kiếp trước.

Giai đoạn bắt đầu nhập thai cho tới bốn tuổi là khoảng đó rỗng, không có hình bóng trong não bộ của đức bé. Nên khi đứa bé lớn lên, ví dụ là nữ thì nó phát triển nhanh hơn, nó muốn ghi nhận sớm hơn, bốn tuổi bắt đầu nó học hỏi, nó muốn biết cái này cái kia, nó cầm cái này đưa lên hỏi nó là cái gì vậy cha, nó là cái gì vậy mẹ, nhưng nó không chú ý tới câu trả lời của mình, nó không cần thiết là nó hỏi đúng hỏi sai, mình trả lời đúng sai nó cũng không cần biết, nó hỏi chỉ là hỏi thôi.

Điều đó là do cái đầu bắt đầu hoạt động, nó rất thích thú thành ra nó hỏi luyên thuyên, nó rất năng động. Dần dần lên năm sáu tuổi nó được ghi nhận, được học thuộc lòng và não bộ sinh học bắt đầu hoạt động.

Lúc kia không nhận dạng được hình bóng, không có nghĩa là tâm thức nó không có, nó vẫn phân biệt đúng sai hay dở, nó biết hết nhưng khả năng phát triển não bộ của nó chưa đủ để có thể ghi nhận và đánh dấu trong tâm thức. Nên hồi nhỏ những đứa bé nữ trước ba tuổi, nam trước bốn tuổi rất hồn nhiên vô tư, chuyện gì nó cũng có thể bỏ qua, vừa đánh nó đau xoay lưng là nó có thể ôm hôn ngả vào lòng cha mẹ được, nhưng năm sáu tuổi đánh nó ba ngày sau kêu nó lại gần chưa chắc được, nó bắt đầu ghi nhận.

Giai đoạn ý thức được hoạt động tương đối cơ bản để có thể ghi nhận những hình bóng, những câu chuyện tùy theo hoàn cảnh, trình độ và khả năng cho tới suốt cuộc đời này. Não bộ chúng ta hoạt dộng không dừng, nên có những người càng về già não bộ già cỗi đi, sự hoạt động ghi nhận cũng bắt đầu yếu kém và bị lớp này lớp kia phủ mờ. Nếu như chúng ta có một lần trong đời mình ngồi Thiền cắt được cái hoạt động liên tục của nó, giống như cái máy mà chúng ta tắt được rồi, chúng ta bắt đầu khởi động lại thì máy đó mới tươi nhuận, đẹp đẽ, hồn nhiên, vô tư.

Người tu nào có một lần trong đời của mình tắt được cái máy sinh học này, thì mình thấy cuộc đời tươi vui lạ thường lắm, không còn những dấu tích cũ. Ngang đây mà mình nhập định tắt được một lần thì những dấu tích tâm thức cũ nó tự rụi, nó nguội đi vì máy chạy mấy chục năm nó đang nóng. Và chúng ta bắt đầu khởi động bằng đạo lý mới thì nó

sẽ mở cửa cho tâm thức chúng ta một đường lối rất đẹp và đời sống chúng ta bắt đầu có ý nghĩa.

Còn không là cái máy sinh học nó cứ tiếp tục lải nhải, mà các nhà nghiên cứu khoa học phát hiện ra não bộ chúng ta là những cơ chế sinh học hoạt động không dừng, không cần chủ đích, chủ động. Nếu mình quen cái kiểu ra chợ nói chuyện người này buôn bán hơn thua người kia, trong đầu mình hoạt động theo cơ chế đó thì chúng ta có ngủ thức gì nó cũng hoạt động theo chiều hướng này. Nếu như khoa học lấy não bộ chúng ta ra trong giai đoạn chúng ta là người đang buôn bán hơn thua, đang chửi rủa, đang nói này nói kia đưa vào máy sinh học thì nó phát sóng y như mình đang nói, nó lảm nhảm hoài không dừng từ sáng tới chiều, từ chiều tới tối suốt. Chỉ trừ công phu rất dày của người tu Thiền nhiều năm, một là họ ngộ đạo theo kiểu Thiền tông, hai là phải nhập định rất sâu theo kiểu hệ thống Nguyên Thủy thì mới có thể tạm tắt máy này.

VĂN KINH

Đoạn 2: Chỉ mê vốn không nhân

Chi 1. Dụ mê đầu cuồng chạy

Phật bảo ông Phú Lâu Na: "Ông tuy trừ được tâm nghi, nhưng còn những điều lầm sót lại chưa hết. Nay tôi lấy việc hiện tiền trong thế gian để hỏi ông, ông đâu không nghe trong thành Thất La Phiệt có anh Diễn Nhã Đạt Đa, một buổi sáng lấy gương soi mặt, bỗng yêu thích cái đầu trong gương, lông mày, con mắt có thể thấy rõ, rồi giận trách cái đầu mình sao không thấy được mặt mày, cho là giống yêu quái, không cớ gì phát cuồng bỏ chạy. Ý ông

nghĩ sao? Người này vì nguyên nhân gì vô cớ phát cuồng bỏ chạy?"

Ông Phú Lâu Na thưa: "Chỉ tâm người ấy cuồng không có cớ gì khác!"

Đức Phật quở ngài Phú Lâu Na là ông tuy trừ được tâm nghi nhưng còn những điều lầm sót lại chưa hết. Là chưa thấy tận nguồn của sanh tử. Đức Phật đặt ví dụ có ông Diễn Nhã Đạt Đa sáng ngày lấy gương soi mặt của mình, vì từ trước tới giờ chưa từng thấy mặt của mình nếu không lấy gương soi. Ông thấy gương mặt mình thì cũng thích cũng đẹp, rồi trách sao mình từ trước tới giờ mình không thấy mặt mình. Rồi nhìn tới nhìn lui một hồi bỗng sợ cái mặt, sợ cái đầu, rồi điên cuồn tinh quái bắt đầu bỏ chạy. Ông bỏ chạy vì lý do gì? Cái sinh khởi, cuồng loạn của ông Diễn Nhã Đạt Đa đó nguyên nhân từ đâu? Gốc rễ từ chỗ nào? Ngài Phú Lâu Na nói: Chỉ do tâm người ấy cuồng chứ không có gì khác.

Cái cuồng đó có nguyên nhân rõ ràng hay không? Với cái nhìn của ngài Phú Lâu Na và Đức Phật thì những vọng thức của chúng ta không có nguyên nhân. Nếu nó có chỗ sinh khởi thì chúng ta dễ tu lắm. Chúng ta nghiên cứu tìm tòi một hồi, thấy được cái chỗ sinh khởi của nó là chúng ta dứt trừ được liền. Còn đằng này những vọng tình, những vọng thức chúng ta gần như nó hoàn toàn không có chỗ sinh khởi rõ ràng. Nguyên nhân cuồng loạn của Diễn Nhã Đạt Đa là do cuồng bất giác thôi.

Điều này trong Kinh Kim Cang, tâm cuồng loạn là loài chúng sanh hóa sanh, nó bất thường xảy ra nơi con người, không có nguyên nhân rõ ràng. Người ta nói là con đom đóm nó sanh ra từ đống rác, con lươn sanh ra từ sợi tóc của người

chôn trong quan tài, vì họ không thấy được nguyên nhân rõ ràng. Từ xưa giờ người đó hiền hậu, sống vô tư hồn nhiên bỗng chốc người đó thay đổi tính tình như một người điên, họ la hét ngoài đường, nói bậy nói bạ, không cái gì ra cái gì mà tìm nguyên nhân thì không rõ ràng. Hoặc con sâu ở trong kén một thời gian nó thành con bướm. Hoặc người này bị cơn sốc nào đó về tình cảm, thất thoát trong làm ăn khiến họ có thể thay đổi tâm ý.

Đó là có loại chúng sanh sanh ra nơi tâm thức chúng ta, mà người dân quê nói là "bần cùng sanh đạo tặc". Nhưng do cùng đường nên loại hóa sanh đó sanh ra trong tâm thức mình.

Ở đây ngài Phú Lâu Na nói tâm cuồng loạn của Diễn Nhã Đạt Đa là không có nguyên nhân. Nhưng thực sự là có chuyện gì đó, như người này chưa bao giờ nghe họ nói lớn tiếng nhưng đụng chuyện là họ hét, la, chửi, rủa đó cũng là loài cuồng không có nguyên nhân rõ ràng.

VĂN KINH

Chỉ 2. Chỉ tính mê tự có, vốn không sót mất

Phật bảo: "Tính Diệu giác sáng suốt viên mãn bản lai là Diệu minh cùng khắp, đã gọi là vọng thì làm sao có nhân, nếu có nguyên nhân thì sao gọi là vọng? Tự các vọng tưởng xoay vần, làm nguyên nhân cho nhau, từ mê chứa chấp cái mê trải qua kiếp số như vi trần. Tuy Phật đã chỉ rõ ra, vẫn còn không biết trở về. Nguyên nhân cái mê như vậy, là nhân mê tự có. Biết mê không nhân, thì vọng không chỗ tựa, còn không có sinh, lại muốn đem cái gì làm diệt.

Người được Bồ đề, như người khi thức nói việc trong mộng; tâm dẫu sáng suốt nhưng không thể có nhân duyên gì để lấy vật trong mộng, huống nữa cái mê không có nhân, vốn không thật có.

Như Diễn Nhã Đạt Đa trong thành kia, đâu có nhân duyên, mà tự sợ đầu mình bỏ chạy; bỗng nhiên hết điên, cái đầu chẳng phải do bên ngoài đưa tới. Dẫu chưa hết cuồng cái đầu cũng không hề mất. Phú Lâu Na, tính vọng tưởng là như vậy, làm sao còn có nguyên nhân được.

Ngài Lục Tổ Huệ Năng, lần đầu tiên nghe Kinh Kim Cang cho tới khi tám tháng giã gạo ở trong đạo tràng của Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, thì ngôn ngữ đầu tiên được lộ trước công chúng là *"bản lai vô nhất vật"*. Là bản lai của mình từ xưa tới giờ không có một vật nào, không có điều gì hết, tức là Tự Tánh viên minh trùm khắp pháp giới là không có vọng. Ở đây Đức Phật nói Tính Diệu giác sáng suốt viên mãn bản lai là Diệu minh cùng khắp, đã gọi là vọng thì làm sao có nhân, nếu có nguyên nhân thì sao gọi là vọng? Tự các vọng nếu có nguyên nhân thì sao gọi là vọng nên vọng không có nguyên nhân.

Từ "vọng" tiếng Việt rất tuyệt vời! Vọng là cái gì ảo không có thực. Ví dụ ảo thuật gia thả sợi dây câu câu có con lươn lên trước mặt mình, gọi là ảo thuật. Tức là có hiện ra gì đó nhưng không có thật. Như mắt mình dụi dụi khi buông ra thấy sao chớp ngoài hư không, không có thật, do một phút nào đó cặp mắt bất thường sanh ra vọng này.

Đức Phật nói vọng là do sự mê chấp. Ví dụ mình thích ca nhạc loại nào đó, tự nhiên nghe lại ai ca văng vẳng câu đó là mình có thể hát nguyên một bài liền. Mình gõ tay, nhịp

chân, mình tiếp tục duyên theo cái vọng đó. Hoặc bạn với mình có nhiều kỷ niệm đẹp, khi mình nghe nói tên người bạn đó là mình liền nghĩ tới họ với hàng loạt cái về họ. Hoặc gặp lại người mà lần trước mình gặp, có nói chuyện qua lại với nhau, bây giờ chạm mặt trở lại thì những Vọng sẽ duyên tiếp tục nhắc lại hồi xưa mình gặp nhau ở đâu đó, mình nói chuyện gì, mình ăn uống chơi chung với nhau liên tục kết nối. Những cái kết nối này nó làm duyên để kết nối cái mới, trải qua từ đời này cho tới kiếp nọ không dừng.

Hoặc chúng ta vừa thấy một người thì trong đầu chúng ta liền có khái niệm người đó là tốt, là xấu, là đẹp, là không đẹp là chúng ta huân thành chủng tử vào tàng thức, lần sau gặp lại là tất cả chủng tử về người này nó ùn ùn khởi lên một loạt, rồi chủng tử này huân thành chủng tử nữa ở chỗ nào mình không biết, nhưng gặp mặt là chủng tử huân thành hiện hạnh để thành lời nói, thành hành động rồi thương hoặc là ghét. Và chúng ta tiếp tục thương ghét để tiếp tục huân thành chủng tử, gặp duyên khởi thành hiện hạnh, rồi tiếp tục huân thành chủng tử.

Nếu chúng ta tu không kỹ thì lục căn chúng ta tiếp xúc lục trần là không có phút giây nào không huân thành chủng tử. Đây là điều dễ sợ nhất của sanh tử. Học tới điều này rồi mới thấy sanh tử rất khó phá vỡ. Lục căn chúng ta tiếp xúc lục trần có khi nào chúng ta không ghi nhận không? Nếu chúng ta chưa có lần nào không ghi nhận thì không có lần nào chúng ta không huân thành chủng tử. Thấy chấp nhận hay không chấp nhận là thành chủng tử, nghe chấp nhận hay không chấp nhận là thành chủng tử. Một ngày lục căn chúng ta hoạt dụng không dừng, có nghĩa là từ sáng sớm tới chiều tối chúng ta

luôn luôn huân chủng tử vào bên trong. Tối ngồi thiền xả ra nhưng xả không hết. Siêng lắm là xả được một phần ngàn, còn lại chín trăm chín mươi chín phần ở trong A lại da thức của chúng ta.

Đức Phật nói vọng tưởng là cái duyên để kết nối với nhau. Ví dụ mình sống trong đời này mình quen người này, nếu họ mến mình họ sẽ giới thiệu mình với bạn của họ, rồi họ lại mến mình tiếp tục giới thiệu thêm. Tức là mình quen người này rồi dây chuyền quen được người nọ, kéo dài chúng ta sẽ có hàng loạt bạn bè. Do người bạn này là duyên mà mình tới người bạn kia, rồi tới người bạn nọ.

Hoặc mình nhắm mắt lại nhớ chuyện hôm qua mình tiếp xúc với người đó tốt như thế nào, họ giúp đỡ mình cái gì, nhờ sự giúp đỡ đó mà mình được cái gì đó. Rồi mình tiếp tục nghĩ, nếu như lần sau tiếp tục gặp người đó mình nhờ vả chuyện đó nữa và tiếp tục gặp nhau để thân thiện hơn. Vừa nghĩ đến người đó thì sẽ có chuyện về người đó và chuyện đó sẽ tiếp nối trong đầu chúng ta với hàng loạt chuyện kế tiếp, tiếp nối tiếp nối hoài, trùng trùng những cái vọng như vậy. Đức Phật nói vọng là nguyên nhân sự mê chấp của chúng ta qua nhiều ngàn kiếp, nó đầy ắp như vi trần, số lượng không còn có thể tính kể được nữa, mà chỉ là chuyện rất nhỏ thôi.

Khoa học bây giờ họ đã nghiên cứu thấy rằng não bộ chúng ta nó được kết nối với nhau chằng chịt hàng loạt những nơ rông não. Khi chúng ta khởi động, tức là chúng ta chạm tới một nơ rông não thôi, thì nó sẽ động tới hằng hà sa số nơ rông não khác, nó kích động để hằng hà sa số ý tưởng phát sóng từ não bộ của mình. Như vậy nguyên nhân để sinh ra vọng niệm,

đối với Đức Phật là không có nơi rõ ràng, không có gốc gác. Vọng không có nhân.

"Nguyên nhân cái mê như vậy, là nhân mê tự có. Biết mê không nhân, thì vọng không chỗ tựa, còn không có sinh, lại muốn đem cái gì làm diệt."

Ngài Phú Lâu Na muốn hỏi Đức Phật nguyên nhân cái vọng từ đâu? Gốc gác nào sanh ra nó, để bứng gốc đó cho hết vọng niệm? Nếu chúng ta bắt đầu tu tập thì đây là mấu chốt cần phải lưu tâm. Người nào thấy được như cái thấy của Đức Phật ở đây thì người đó sẽ nhẹ đi công phu và chúng ta sẽ có một đời sống bình an. Còn người nào không thấy rõ chỗ này, thì chúng ta tu suốt đời vẫn tiếp tục khổ đau không bao giờ giải quyết được. Đây là điều hết sức mấu chốt, Đức Phật nói một lần trong đời chúng ta biết nó là vọng thì sinh còn không có huống chi là diệt.

Ví dụ chúng ta dụi mắt thấy có chớp chớp ngoài hư không, thì cái đó nó không có nhân. Tức là chúng ta có sự lầm lẫn, hoặc là bệnh nơi mắt mới có xảy ra. Tâm thức chúng ta có bệnh gì đó nó mới phát sóng này. Những ý tưởng được phát từ sóng não chúng ta như nhớ chuyện này, nhớ chuyện kia, mình buồn người này, giận người nọ, thương người kia, tất cả những sóng đó phát ra có ai khẳng định nó là vọng với chính mình một lần chưa? Nếu một lần trong đời của mình khẳng định tất cả cái này là vọng, bằng cái thấy của chính mình một cách triệt để, thì từ đó về sau đối với vọng niệm nó không còn là vấn đề với mình, tại vì mình biết rõ nó là vọng rồi.

Vọng vốn là ảo, không có thật. Bây giờ ngồi thấy nó lơ thơ lẩn thẩn nhớ người này, ghét người kia, nhìn lại coi nó không có chỗ tựa, không có tạm dừng. Chúng ta cố gắng thấy

ra điều này, vì nếu không thấy ra điều này thì tu cả đời mình không bình an được. Nếu thấy đúng thì không cần diệt trừ mà vọng tự không có, còn thấy sai thì cứ hơn thua với nó cả đời.

Nếu chúng ta chưa có một lần thấy thực tất cả những lăng xăng động niệm nơi tâm là vọng thì chúng ta khó tu lắm. Đã đặt tên nó là vọng thì nó là cái gì rất ảo, không có thật. Giống như chúng ta ấn con mắt sinh ra hoa đốm là mắt bệnh, mắt hết bệnh tự động hoa đốm mất. Chúng ta không hơn thua với hoa đốm, mà chúng ta phải làm sao cho mắt hết bệnh, làm sao cho cái thấy nhìn của chúng ta chuẩn mực trở lại, để thấy hoa đốm là cái gì rất ảo. Một lần như vậy trong đời mình thì những chuyện buồn, thương, giận, ghét tan biến liền tức khắc không còn khuấy nhiễu chúng ta nữa. Nếu chúng ta chưa một lần thấy được như vậy trong đời thì việc tu cực lắm. Phải nói là chúng ta công phu một cách rất nặng nề. Mỗi đêm mỗi ngày cứ sám hối, lạy Phật, tụng Kinh, tọa thiền, sáu thời hành đạo mà buông ra nó cũng đầy ắp nơi tâm chúng ta.

Vọng niệm nó chợt có, chợt mất, mình muốn giữ cũng không được. Nếu chúng ta sống đúng như thật của pháp chỗ này thì chúng ta sẽ biết cách sống. Bây giờ nó hiện lên như vậy, chúng ta như thật thấy biết như vậy mà thôi. Thấy biết như thật cái hiện hữu của nó đang hiện ra, thấy như thật cái động niệm đang chớm khởi, nó manh nha chưa hình thành một vọng nào đó, cho tới khi cái vọng nó hiện khởi rõ ràng, rồi vọng yếu đi, nó mất, là chúng ta thấy hết một vọng. Chỉ thấy thôi là vọng nó tự hết chưa cần chúng ta thêm bớt cái gì. Và nếu chúng ta không thấy vọng nó có hết không?

Ví dụ từ nhà tới đây chúng ta nghĩ ngợi nhiều chuyện lắm, nhưng ngồi ngay tại đây nhìn lại xem những cái đó nó

còn không? Hoàn toàn không có. Như vậy lúc mình đang nói chuyện, lúc mình đang suy nghĩ là mình đang có vọng niệm, lúc đó mình đang quên tu, không hề có công phu mà nhìn lại vọng không còn. Như vậy cái vọng nó qua, nó có hiện khởi, rồi nó tự mất là do mình công phu nó mất, hay tự nó mất? Chúng ta phải nhìn cho ra chỗ này, thì công phu chúng ta không còn nặng nề nữa. Đây là chỗ mấu chốt cho tất cả những người tu. Vì sanh tử là từ vọng niệm, giải quyết được vọng niệm là giải quyết được sanh tử, không vọng niệm thì lấy gì sanh tử, có vọng niệm tiếp nối thì sanh tử tiếp nối. Giải quyết được vọng niệm là giải quyết được sanh tử. Rất dễ tu!

Đức Phật mới nói từ Bảo Giác Viên Minh Chân Diệu Tịnh Tâm kia không có vọng niệm. Nếu chúng ta đứng ở mảnh đất trống này để chúng ta thấy thì mọi cái đều thành không. Tất cả vọng tưởng đều thành không với cái thấy này. Và cái không này nó được lớn dần dần nơi tâm chúng ta, chứ không cần cực nhọc công phu gì hết. Giải quyết một vọng niệm thôi là xong tất cả các vọng niệm còn lại. Vì tất cả những vọng niệm đó Tánh tướng đều như nhau. Thiên Kinh vạn điển gom lại một vọng thôi. Chúng ta không cần học nhiều, chỉ cần lắng tâm nhìn một niệm.

Từ trước tới giờ mình ngồi thiền là mình muốn diệt vọng, muốn làm cái gì đó, bây giờ bỏ hết những chuyện đó đi, chúng ta bắt đầu điều tra lý lịch một ý niệm. Phải thấy được cái khởi điểm động niệm của nó là cái gì. Phải lắng tâm thực sự nhìn thấy cái khởi động của nó. Nó vừa khởi động lên chúng ta phải thấy rất rõ là nó bắt đầu manh nha động khởi, rồi nó động từ từ để thành hình một vọng gì đó, chúng ta thấy nó yếu dần dần, nó mất, nó hiện khoảng không, rồi nó bắt đầu

động mới lại, nó tiếp tục có một vọng mới nữa. Phải thấy được từ có tới không, từ không tới có, nó chìm nổi nơi tâm thức chúng ta như thế. Phải thấy rất rõ ràng điều này một lần.

Từ sáng tới giờ mình khởi hằng hà sa số vọng niệm nhưng bây giờ ngồi lại những vọng đó ở đâu? Rõ ràng là nó mất, không còn. Mình tiếp tục đặt câu hỏi nữa là: Nó mất do đâu? Do mình tu tập, mình niệm Phật, mình tọa thiền, mình sám hối nó mất hay do mình làm cái gì mà nó mất? Mình không đụng gì tới nó mà nó vẫn mất, thì chúng ta sẽ nhận ra một điều mà ngài Huệ Khả ngày xưa đã ngộ.

Ngài Huệ Khả là một võ tướng. Khi nghe Tổ Bồ Đề Đạt Ma sang Trung Hoa, Tổ sau khi tiếp xúc với vua Lương Võ Đế thấy vua không ngộ ra điều gì nên buồn quá Tổ qua nước Ngụy, cũng không nói câu nào vô núi ngồi thiền, mặt quay vào vách suốt chín năm.

Lúc đó ngài Thần Quang (Nhị Tổ Huệ Khả), nghe nói mới tìm đến hỏi đạo. Đứng trước cửa thất của Tổ Bồ Đề Đạt Ma nhìn vào thấy Tổ ngồi bất động không nói câu nào, cũng không quay ra nhìn. Thần Quang quỳ suốt một đêm trong tuyết lạnh ngập qua đầu gối. Tới sáng lạnh cóng tay chân, khi đó Tổ mới quay lại hỏi: *"Ngươi đứng chôn chân trong tuyết làm gì cả đêm như vậy?"* Thần Quang nói: *"Thưa Hòa thượng, con tới đây tìm cầu đạo lý, xin Hòa thượng từ bi cứu con."* Tổ nói: *"Người xưa hành đạo quên cả thân mạng, ngươi dùng cái hạnh có chút xíu đó mà cầu được sao?"* Đứng chôn chân trong tuyết suốt một đêm như vậy mà chưa nhận được đạo lý từ Tổ, Thần Quang mới thể hiện tâm tìm cầu đạo lý của mình, chạy đi vào chùa tìm dao chặt cánh tay đem dâng lên Tổ làm quà cầu đạo đầu tiên. Tổ gật đầu chấp nhận.

Câu hỏi đầu tiên của Thần Quang là: *"Thưa Hòa thượng, tâm con không an, xin Hòa thượng dạy cho con pháp an tâm."* Tổ nhìn trừng trừng: *"Ngươi đem tâm ra đây ta an cho."* Lúc đó Thần Quang nhìn vô tâm mình thấy trống rỗng không có gì hết: *"Thưa Hòa thượng, con tìm tâm không được."* Tổ nói: *"Ta đã an tâm cho ngươi rồi đó."* Thần Quang nhận được đạo lý, nhận cái chỗ vọng không nhân này.

Chúng ta cũng nên an tâm mình theo kiểu này để cho cuộc đời mình được yên. Ngay chỗ này mà chúng ta không an được, thì không có tu kiểu nào mà an được đâu. Đây là mấu chốt tu tập thực sự buộc chúng ta phải nhận ra. Đã là vọng thì nó không thật, nó rất ảo, chúng ta muốn nắm giữ nó mà giữ không được. Phải thấy một cách cả quyết nơi tâm mình như vậy. Lúc rảnh rỗi chúng ta phải dành thời gian nhìn mình xem những động khởi này như thế nào. Mình phải có kết luận về động khởi này và tự phá vỡ. Ngay chỗ này mà chúng ta an tâm chứ đừng tìm cầu chỗ khác. Phải thấy nó khởi ra làm sao? Lúc chuẩn bị khởi, lúc nó hiện, lúc nó mất ra làm sao phải thấy rất rõ một lần với chính mình. Mình liền phải có kết luận về cái động khởi này. Tại sao nó khởi? Nó khởi từ đâu? Khi khởi ra nó như thế nào? Sau khi khởi nó ra làm sao? Lý do tại sao nó khởi mà nó mất? Tất cả những câu hỏi đó chúng ta phải đặt ra và tự phá vỡ với chính mình.

Khi chúng ta phá vỡ được một ý niệm là phá vỡ được sanh tử. Tu rất ngắn, rất dễ, rất gần gũi, không có xa lạ gì. Một lần quý vị phá vỡ chuyện này rồi thì mới thấy rõ ràng sanh tử với mình không còn nữa. Tất cả những vọng niệm coi như xong. Ngay chỗ này mà chúng ta an tâm. Đừng tìm cầu chỗ khác. Nếu không quý vị không giải quyết được sanh tử đâu.

Có làm cái gì cũng không thể giải quyết được. Cố gắng giải quyết bằng tuệ giác của chính mình.

Những công phu như chúng ta có thể tọa thiền một trăm năm, nhưng còn thấy vọng niệm là thiệt là chúng ta đang thấy lầm, cho nên sanh tử không thể giải quyết được. Vì rất sợ vọng niệm xảy ra cho nên ráng làm sao cho vọng niệm đừng khởi, là còn thái độ với vọng niệm thì không giải quyết được cái gì. Chúng ta phải bằng tuệ giác nhìn một cách rất nhẹ nhàng, phải hết sức tỉnh táo, rõ biết nhận ra.

Chúng ta chỉ nhận ra vọng niệm thôi chứ không phải chúng ta hơn thua với nó. Như chúng ta đứng trên lầu cao nhìn ra lộ thấy xe chạy tới, chạy lui, chạy xuôi, chạy ngược, người này chạy lẹ, người kia chạy chậm, xe lớn, xe nhỏ, thấy tất cả mọi cái nhưng mình vẫn là người đứng trên cao để quan sát, thì đường xe đó nó không có làm gì bận rộn mình, nhưng nếu mình bước ra lộ là có chuyện. Chúng ta là người ngắm nhìn thì không có chuyện gì hết, chỉ thuần là ngắm nhìn thôi, thì chúng ta sẽ hay ra nhiều điều. Điều đầu tiên chúng ta thấy ra là vọng hết sức ảo, coi như xong việc tu hành của mình. Từ "vọng" hết sức hay, là ngôn ngữ diễn tả hết sức chuẩn mực.

Tu Thiền rất dễ và rất đơn giản. Chúng ta không có lần Kinh nghiệm cho chuyện thấy này, nghe nói thấy một lần mà xong thì khó tin lắm. Cái bình yên sẽ xảy ra liền với đời sống chúng ta. Chỗ này Lục Tổ nói "an tâm tại vọng tình, ngay đó không ba chướng", phải biết cách an tâm tại chỗ này. Khi vọng xảy ra mà mình thấy rõ ràng nó là vọng, giống như mình ấn mắt thấy hoa đốm thì nên thấy rõ ràng nó là hoa đốm. Chỉ làm sao cho mắt chúng ta hết bị lem nhem, là hư không không còn hoa đốm. Chúng ta thấy đúng thì không bao giờ còn vọng

niệm. Không đợi mình phải công phu. Tất cả những người hơn thua với vọng niệm là điều sai lầm. Chúng ta đừng bao giờ phải hơn thua nhiều nữa, cực lắm, nếu chúng ta muốn tu tốt, muốn giải quyết được sanh tử nhanh, gọn, lẹ, chính xác thì một vọng thôi không cần nhiều. Phải tự truy vấn mình và không được trả lời theo kiểu kiến thức hiểu biết, mà phải thấy biết bằng cái thấy biết của chính mình ngay khi thấy nhìn. Đây là điều hết sức quan trọng.

Đầu tiên là chúng ta phải gạn lọc tất cả những kiến thức vốn có trong đầu chúng ta, không xài tới nó nữa. Chúng ta loại trừ hết tất cả kiến thức đang có của mình đi. Mình vừa ngồi thấy thân này là huyễn, là giả, là vô thường, là nhân duyên, tất cả những kiến thức đó khởi lên trong lúc công phu thì loại trừ. Không tiếp tục sử dụng kiến thức này vào công phu nữa.

Ngay tại đây chúng ta phải loại trừ tất cả những kiến thức đang có, tất cả những hiểu biết về đạo lý và chúng ta nhìn tâm mình bằng cái nhìn riêng của chính mình. Đây là cái hết sức riêng tư mà không mang cái hiểu biết nào vào cái nhìn cái ngắm của mình. Chỉ là cái rõ biết, không thêm không bớt. Thêm cái gì là thành kiến thức, chỉ rõ biết không phải do thầy dạy, không phải do học Kinh, không có ông Tổ nào dạy, không ai trao cho mình cái rõ biết này. Mình nhìn lại để mình tìm cho ra cái rõ biết đang có này của riêng mình. Đó là cái đầu tiên cần gạn lọc nơi mình khi đi vào công phu. Bắt đầu không kiến thức mà nhìn tâm.

Đây là công phu rất rõ ràng mà chúng ta phải nắm bắt cho được thì mình mới giải quyết được chuyện lớn. Không bằng cái hiểu biết nào, không coi nó là vọng, là huyễn, là giả,

là ảo. Dẹp tất cả những cái đó qua một bên. Chỉ là mình đang đối diện với chính mình, thì quý vị sẽ thấy động niệm xảy ra rất trong sáng rõ ràng. Hồi đầu thì nó mù mờ nếu chúng ta nhìn không kiến thức thấy nó hiện rõ như mình thấy một người đang đứng trước mặt mình vậy đó. Lúc chúng ta chưa thấy rõ như vậy là cái gạn lọc kiến thức chưa hết, vẫn còn kiến thức này kia thì nó sẽ che mờ và làm cho công phu chúng ta không tới nơi tới chốn, bất kỳ giờ nào. Chúng ta phải ngồi lại với chính mình, để mình đối diện thật với mình. Nếu chúng ta chưa có lần đối diện với chính mình, thì mình không giải quyết được chuyện đâu.

Người tu chúng ta không can đảm để nhìn thấy mình một lần trong đời, cứ nhìn mình là duyên hợp, giả có, tứ đại huyễn, mình dùng kiến thức phủ lấp những cái mình đang có. Đừng làm chuyện đó nữa, vì những kiến thức đó không đáp ứng gì cho việc sanh tử, chỉ có cái thấy riêng mình mới giải quyết sanh tử mà thôi. Tu đúng theo đạo Phật thì mười lăm phút đủ sức phá vỡ sanh tử. Tu một hai tiếng đồng hồ hoặc một ngày mà chưa đủ để hóa giải kiến thức của riêng mình thì chúng ta không đủ sức làm cái gì cả.

Chúng ta bắt đầu đối diện với chính mình thật để nhìn nó rỗng hay nó đầy, nếu nó rỗng thì chúng ta thấy rõ ràng nó rỗng, nếu nó tràn ngập tâm thức thì chúng ta thấy tâm thức nó ùn ùn hiện khởi. Nếu ngồi thiền nhìn thấy nó mình đặt tên nó là vọng, là ảo, là không thật, mình cứ lải nhải như vậy thì không phải mình tu. Tu không cần lải nhải như vậy, thấy là thấy, không cần kiến thức, cái hiện khởi không mang danh là vọng hay không vọng trong này.

Khi chúng ta thấy bằng cái thấy riêng của mình thì không có danh tướng, không có khoảng cách giữa mình và vọng niệm, thành ra chúng ta tiếp cận được với chính mình đến chiều sâu. Nếu chúng ta còn thấy danh tướng là chúng ta còn thấy lớp rào chắn, thì chúng ta không tiếp cận được đến chiều sâu này thì không phá vỡ được.

Những sai lầm trong công phu là do chúng ta nhìn bằng kiến thức. Rồi còn cho vọng này thuộc về gốc tham, vọng này thuộc về gốc sân, vọng này thuộc về gốc si, bày ra rất nhiều chuyện cho người ta đi ra ngoài chứ không chỉ cho người ta cách để trở về. Khi nào chúng ta nhìn thấy một động khởi nơi tâm hoàn toàn không có danh tự, không có kiến thức thì biết lúc đó chúng ta đã tiếp cận được với chính mình, và khi chúng ta đã thấy được mình một lần thì tất cả vọng tưởng tan biến. Chúng ta phải tiếp cận cho được, đừng dùng kiến thức che mờ mình. Uổng phí cả đời mình, nếu mình còn dùng kiến thức trong lúc công phu. Ra ngoài đường kiến thức có thể xài được, nhưng đối diện với chính mình đừng bao giờ xài kiến thức.

Nếu muốn tu thì phải thôi tất cả những hiểu biết ở trong công phu. Mình hết sức hồn nhiên vô tư, và thấy bằng cái thấy riêng của chính mình, hoàn toàn không có danh tự. Nếu có danh tự là cái thấy của người khác. Chúng ta nên bắt đầu để cho mình trống, thấy bằng kiến thức là rào chắn của chính mình. Bắt đầu tu là quên hết mọi cái, đừng có nhớ đây là Pháp của Phật, Pháp của Tổ, của Nguyên Thủy, của Đại thừa.

Nhà Thiền nói là: *"Phùng Phật sát Phật. Phùng ma sát ma,*" tức là thấy Phật giết Phật, thấy ma giết ma trong lúc

công phu. Lúc đó không chấp nhận Phật, không chấp nhận ma nơi tâm mình nữa, dù có hiện Phật ra cũng không cần đảnh lễ, có ma hiện ra cũng không sợ hãi. Cả hai đầu thiện và ác chúng ta cũng không cần để ý nữa, thấy là thấy cái hiện khởi đó thôi. Đừng cho hiện khởi là ác, là thiện, là Pháp Phật, là pháp ma, là đúng chân lý, là sai chân lý. Chúng ta đi vào pháp ly thật sự cho tới tận nguồn. Khi chúng ta không tất cả mọi cái là chúng ta sẽ rõ tất cả mọi cái.

Khi chúng ta nhận vọng thực sự là ảo với chính mình một lần, tiếp cận bằng cái thấy của riêng mình, lúc đó nó không mang danh tự vọng nữa, nó chỉ là cái hiện khởi thôi, chúng ta rõ ràng cái hiện khởi đó thì chúng ta sẽ thấy một sự rỗng lặng mênh mông hiện ra với chính mình ngay tại đó. Đây là điều rất đặc biệt đi vào thiền định theo kiểu định Đại thừa. Không phải diệt trừ, không thêm không bớt, không đánh giá bình phẩm, không phê phán, không kiến thức lúc công phu.

Nếu muốn tiếp cận điều này chúng ta cố gắng làm được, còn không là tu mà mình không biết làm gì. Ngồi đó để loại trừ cho bớt ra hay để thêm vô. Nếu loại trừ thì mình bỏ nó đi đâu, thêm vô thì mình chứa nó chỗ nào. Tại sao chúng ta phải ngồi miệt mài ngày này qua tới ngày kia, chuyện có chút xíu của vọng niệm không chịu thấy mà cứ làm gì thêm cũng thành dư.

Trong cái thấy chúng ta không thêm không bớt thì cái thấy đó vượt thoát không gian và thời gian. Một phen chúng ta thấy mất danh tự thì liền khi đó mất không gian và thời gian. Ngay cái thấy hiện tiền này của mình hoàn toàn không có danh tự, nhưng có danh tự là tâm thức bắt đầu gá vào, kiến thức bắt đầu hiện khởi.

Nếu trước kia chúng ta chưa biết cái này là cái gì, mình nhìn chỉ thấy thôi đâu có danh tự gì gán vào đầu mình, nhưng khi người ta đặt nó là cái hoa thì khi gặp cái giống giống cái đó là hoa. Danh tự hoa hiện ra khi mình đang thấy sự vật chứ mình chưa bao giờ thấy sự vật bằng không kiến thức. Nếu thấy sự vật bằng không kiến thức thì liền khi đó không danh tự. Ngay chỗ thấy không danh tự đó là tiếp cận sự thật. Nếu mình muốn tu trong mọi thời điểm thì đều tiếp cận sự thật.

Nếu quý vị rớt vô khoảng hồn nhiên vô tư thực sự để thấy nghe hay biết, thì quý vị sẽ phát hiện điều vi diệu nơi mình là một nguồn năng lượng trào dâng để đưa mình tới khoảnh khắc bình an liên tục xảy ra không tạm dừng. Chúng ta liên tục ở trong khoảnh khắc bình an liên tục đó không tạm dừng. Vì tất cả các pháp là vô trụ thì mình liền vô trụ liên tục liên tục. Các pháp đã vô trụ rồi, mình cũng là người vô trụ, cả hai đều là vô trụ. Đã là vô trụ thì không đọng lại một xíu xiu trong tâm thức mình được. Vì vọng vốn không thật, nó ảo, muốn giữ nó giữ không được.

Nếu ngồi lại để nói thật với nhau chúng ta chưa bao giờ có được một niệm, nhưng đối với các vị không nhìn theo cặp mắt của Đại thừa thì mình có đầy ý niệm cần phải diệt trừ, vì vọng là thật. Ngay cái thấy biết công phu đã phân ranh đại, tiểu rồi ra hai kết quả khác nhau. Nếu chúng ta thấy vọng là thật, là chúng ta bắt đầu hơn thua với vọng cả đời, để diệt trừ và đè ém vọng niệm không cho xảy ra trong tâm thức của mình, rồi cuối cùng mình sẽ được chứng quả khi mà đã đánh dẹp được vọng niệm.

Còn người Đại thừa thì hoàn toàn không có chuyện này, một phen thấy được tất cả các vọng này là ảo là xong

chuyện. Muốn cho nó khởi là khởi, muốn cho nó không khởi là không có bóng dáng, người Đại thừa có khả năng này. Họ muốn nhập định là họ nhập, không phải một ngày hai ngày đâu, mà kéo dài. Lạ nhất là khi chúng ta phá vỡ được vọng niệm rồi thì mình thấy sanh tử không còn với mình liền. Lúc đó người ấy sẽ làm chủ được sanh tử trong đời này, muốn chết giờ nào chết, muốn sống giờ nào sống. Họ làm chủ luôn cả thân vật chất này. Nếu muốn để lại lưu thân là họ thừa sức để lại bao nhiêu ngàn năm, bao nhiêu tỷ năm cũng được mà không cần ngồi nhập định lần nào trong đời.

Ngài Lục Tổ chưa bao giờ có một lần ngồi Thiền. Hồi mới nhận đạo lý thì công quả giả gạo suốt tám tháng rất cực nhọc. Sau khi vô thất được truyền y bát rồi là lo chạy trốn. Sống chung với thợ săn nay phải giăng bẫy này, mai phải giăng bẫy kia, mấy người thợ săn đi đằng kia là Ngài thả cho thú chạy, những con vật nào chết thì phải chấp nhận. Sống chung, ăn chung với thợ săn, Lục Tổ ăn rau bỏ vào nồi thịt, trong suốt mười lăm năm không có ngày nào Ngài ngồi thiền. Và khi ra giáo hóa Lục Tổ cũng không ngồi thiền, ai ngồi thiền là Ngài xách gậy đập. Vậy mà cuối đời ngồi kiết già để tịch, bây giờ xác còn hơn một ngàn năm không hề suy tổn.

Chúng ta thấy có vọng niệm thiệt, có khổ thiệt, có vui thiệt, có sanh tử thiệt, cuộc đời này là thiệt, mình sinh ra là con người thiệt, thân tâm này là thiệt cho nên khổ đau là thiệt. Nhưng khi chúng ta thấy đạo lý rồi như người tỉnh giấc ngủ, người đó trong giấc ngủ thấy đủ thứ mộng, thấy mộng đẹp, thấy mộng xấu. Vừa thức giấc thôi là mộng không còn. Nhưng nói không mộng là không được! Vì rõ ràng nằm mộng thấy mình khóc, tới chừng tỉnh giấc mắt còn đẫm lệ. Rõ ràng chúng

ta vừa trải qua cơn ác mộng, nhưng khi mở mắt bảo đem mộng ra cho người khác coi thì không được. Mộng là cái gì mình có thể kể lại được, nhưng muốn chứng minh cho người khác đó là giấc mộng thì mình không làm được.

Mộng là cái gì ảo không thật đối với một người đã mở mắt. Còn ở trong mộng thì dù chúng ta có giãy giụa, có la hét, có kêu cứu, thậm chí có Phật Tổ hiện ra cứu mình, nhưng chúng ta vẫn tiếp tục ở trong mộng đó thì không giải quyết được gì.

Cho nên những người hơn thua với vọng niệm trong lúc công phu, tức là người đó ở trong mộng mà đánh lộn, chứ chúng ta không chịu thức. Thức ra rồi thì không cần công phu tất cả mộng đều tan biến. Cuộc đời này một phen thức giấc là xong chuyện không cần làm thêm gì. Bây giờ mình thức rồi chẳng lẽ mình quay lại hơn thua với giấc mộng của mình hồi nãy. Hồi nãy mình nằm mộng đáng lộn với người kia, bây giờ thức rồi trở lại đánh lộn với người ta sao? Đó là chuyện không ai làm được.

Cho nên mọi người nghe mình nói chuyện không công phu họ không chịu. Công phu cái gì khi chúng ta thức giấc. Một người thức mà quay lại hơn thua với giấc mộng là người đó bệnh thần Kinh còn nặng hơn ngủ nữa. Vì vậy mà nói kiến Tánh khởi tu là đáng ăn ba mươi gậy. kiến Tánh không có chuyện khởi tu. Khi kiến Tánh là đã mở con mắt rồi, thức giấc rồi, mà còn tu là đáng bị ăn đòn. Câu kiến Tánh khởi tu là người chưa thức. Một phen thấy đúng là hết tất cả mọi cái, vọng niệm hết, sanh tử hết. Một phen kiến Tánh là tự tại sanh tử, tự tại với tam giới, sanh tử của cuộc đời này chẳng có nghĩa lý gì cả. Cả tam giới này muốn dạo chơi cõi nào thì dạo, muốn

xuống chơi địa ngục cũng được, muốn lên thiên đường chơi cũng được, muốn chơi cõi Phật, cõi Thánh cõi phàm, tất cả các cõi đều dạo chơi, không còn nghĩa lý gì đối với chuyện sanh tử nữa đó mới là người kiến Tánh thật.

Đối với nhà Thiền là đốn ngộ, đốn tu, đốn chứng ngay khi ngộ là tu xong hết mọi cái và chứng đắc ngay tại chỗ đó, không nói chuyện trước sau. Ngay phút chốc là xảy ra tất cả mọi chuyện này, nhưng phút ngộ đạo mà không xảy ra chuyện như vậy, chuyện tu chứng không xong thì biết rằng chúng ta không ngộ. Đó là sự thật của Thiền tông.

Bây giờ nhận được đạo lý rồi ráng sống sao cho đúng với đạo lý, là không phải, đó là dạng thức nhận chứ không phải trí. Cái thức chúng ta có thể hiểu đúng tất cả mọi điều, chúng ta có thể làm đúng tất cả mọi điều, nhưng đó không phải là đạo, đó là trò chơi của ý thức mà thôi.

Chúng ta phải nghe đạo lý tới mức độ tan nát hết tâm thức của mình. Không có chuyện chút nữa để làm. Ngay tại đây, phút giây này đang hiện hữu hiện tiền rõ biết mênh mông sáng suốt nhiệm mầu như vậy, không trước, không sau, không có quá khứ, không có hiện tại.

Bây giờ chúng ta đang ở chỗ không thời gian, không không gian; thì một sát na nữa chúng ta vẫn tiếp tục ở chỗ không thời gian, không không gian và liên tục những khoảnh khắc xảy ra không thời gian, không không gian ngay tại đây với chính mình. Lúc nào chúng ta cũng hiện tại hiện tiền, không có trước, không có sau.

Trước âm thanh chúng ta không có nghe âm thanh đó, sau âm thanh cũng không còn âm thanh để chúng ta nghe. Chúng ta chỉ nghe âm thanh hiện tại này mà thôi, thì cái hiện

hữu đang rõ biết âm thanh này là cái chỗ không thời gian, không không gian. Cái hiện hữu của âm thanh này nó cũng không thời gian, không không gian. Chúng ta nên ở chỗ này mà hay biết mọi cái thì mọi điều đều thành Chân Như. Chúng ta rớt vào chỗ Như Như bất động liền ngay tại chỗ này là xong chuyện sanh tử. Đơn giản, đừng thêm đừng bớt gì.

Tu đạo mà làm biếng đến tận đỉnh, đừng có máy động gì hết, đừng có thèm làm cái gì hết, ngay cả tâm thức cũng không thèm làm là xong chuyện, nhưng tại mình tài lanh, phải nói như vậy. Mình nghĩ là mình khôn lắm, mình nghĩ tâm thức này nó giỏi lắm, mình tinh tế, mình nhạy bén, mình thông minh lắm, cho nên cứ đem tâm thức ra xài hoài. Đứng trước cửa đạo vẫn đem tâm thức ra xài thì là oan uổng cho mình. Đời này mình không bao giờ giải quyết xong chuyện nếu vẫn còn dùng xài tâm thức. Bây giờ khi công phu là quăng cái đầu xuống đi, đừng có xài nó nữa. Bao nhiêu cái hiểu biết lăng xăng lộn xộn về đạo lý, về cuộc đời thương ghét v.v… Phải ngồi mình nghiệm nó rõ ràng là rào chắn thì thôi vậy, là hết liền.

Bây giờ tu, chúng ta nhìn lại coi cái gì là kiến thức không tiếp tục, dùng xài cho tới cái "không tiếp tục" đó chúng ta không tiếp tục nữa. Tận cùng những kiến thức thì mình còn cái "không tiếp tục" thôi nó luôn đi, là tự động mình rớt vào chỗ không tiến không lùi được. Đây là một điều rất lạ. Chúng ta tiến nữa cũng không được vì đâu có kiến thức mà tiến, lùi nữa cũng không xong, tự dưng mình rớt vào khoảng không có thêm, không có bớt. Một phen chúng ta rớt vào chỗ "không thêm không bớt" là mọi chuyện nó sẽ bùng vỡ.

Người tu Thiền phải làm được điều này. Vì cuộc đời này không còn chuyện gì khác để chúng ta làm đâu. Nếu như trong đời này chúng ta làm chuyện này không được thì bị gởi lại đây để học tiếp. Chúng ta phải học cho tới khi nào làm được chuyện này thì mới ra khỏi trần gian này, đừng hy vọng có một con đường thứ hai. Không phá vỡ sanh tử là không ra khỏi tam giới này. Đừng ai có lý thuyết gì, không có con đường thứ hai ra ngoài tam giới, ngoài việc phá vỡ vọng niệm. Vọng niệm là đầu mối sanh tử, không phá vỡ vọng niệm thì không mong phá vỡ sanh tử.

VĂN KINH

Đoạn 3: Chỉ dứt các duyên thì hết cuồng, Tánh giác trùm khắp

Chi 1. Chỉ dứt các duyên

Ông chỉ không theo phân biệt ba thứ tương tục: thế gian, nghiệp quả và chúng sinh. Do ba duyên đã đoạn, ba nhân không sinh thì tính cuồng của Diễn Nhã Đạt Đa trong tâm ông tự hết.

Chi 2. Chỉ tính trùm khắp

Hết cuồng là Bồ đề thắng tịnh minh tâm, vốn trùm khắp cả pháp giới, chẳng phải từ người khác đưa đến, đâu nhờ siêng năng khó nhọc tu chứng.

Chi 3. Thí dụ để tóm kết

Thí như có người tự trong chéo áo có buộc hạt châu như ý, nhưng không tự hay biết, đành chịu nghèo khổ rách rưới dong ruổi đến phương xa xin ăn. Tuy thật nghèo khổ nhưng hạt châu chưa từng mất. Bỗng có người trí chỉ cho

hạt châu ấy, thì chỗ mong cầu đều toại nguyện mà trở nên rất giàu có. Mới biết hạt châu quí báu ấy không phải từ bên ngoài đưa đến."

Đức Phật chỉ chỗ để mình dứt trừ vọng niệm là do ba cái tương tục: thế gian, nghiệp quả và chúng sanh. Thế gian là những cái bên ngoài mà chúng ta có thể nhận biết được như đất đai, núi rừng, sông suối, cỏ cây, hoa lá v.v. Được gọi là khí thế gian. Nghiệp quả là mình thấy được mình sinh ra với nhân quả nào để mình được thân tướng này. Khi sống trong đời này thì mình phải gặp nhân quả nào đó, gặp người nào đó, duyên cũ, duyên mới, là tất cả những cái chúng ta hiểu biết hết. Chúng sanh là những mối liên hệ của mình đối với những hiểu biết về những người được sanh đi lộn lại trong tam giới này. Về ba mặt này ở nơi tâm mình mà dứt trừ được liền thành không, thì tính cuồng chúng ta sẽ hết.

Ví dụ, kiến thức chúng ta hiểu biết về thế giới, về vũ trụ thì khi ngồi thiền, nó không được xảy ra với chính mình, chúng ta thôi dứt nó. Rồi những hiểu biết hơn thua trong nghiệp tập, chúng ta thương người này, ghét người kia, chúng ta nhớ nhung người nọ đó là những cái do nghiệp quả sanh ra chúng ta cũng không tiếp tục. Đối với chúng sanh sanh tử trong cõi giới này, tất cả những hiểu biết về đời sống nhân quần xã hội chúng ta cũng không tiếp tục. Đức Phật dạy không phải để chúng ta về nhà làm, mà ngồi tại đây chúng ta phải làm được chuyện này thì ngay tại đây cái cuồng tự mất.

Cái gì mà thuộc về kiến thức chúng ta không tiếp tục. Tu rất đơn giản. Đừng có thêm và đừng có dùng xài kiến thức trong lúc công phu nữa. Cái gì không phải là mình thì đừng tiếp tục, mình là cái đang biết, tất cả cái bị biết đều không phải

là mình. Cái mà mình thấy mình biết dù là cái tâm thức nhỏ nhiệm đang bị mình thấy mình biết, thì biết nó cũng không phải là mình. Cái bị chúng ta thấy nó không phải là con mắt, con mắt là cái hay thấy, thì đối với tâm vọng niệm là cái không biết.

Có một điều rất hay là giữa cái vọng thứ nhất và vọng thứ hai, hai cái vọng này không biết nhau. Chúng ta có bao giờ phát hiện ra điều này chưa? Ví dụ mình niệm Nam Mô A Di Đà Phật thì chữ Mô nó không biết chữ Nam trước nó. Chữ Nam cũng không biết chữ Mô đi theo. Bình thường chúng ta thấy in tuồng như vọng niệm này được kết nối, vì khi mình nghĩ là mình viết một bài văn, mình nghĩ mình nói một câu gì đó, thì vọng niệm này nó được tiếp nối một cách tương tục, tức là cái vọng trước nó sẽ biết cái vọng sau, vọng sau sẽ biết vọng trước, kết nối với nhau để nó đi thành vòng. Nhưng thực sự không có.

Như một đống cát hay một đống lúa không bao giờ dính lại, nó riêng biệt từng hạt một. Tất cả những vọng niệm không có sự liên kết với nhau. Đối với vọng niệm chúng ta phải thấy hết tận nguồn của nó. Vọng sau không biết vọng trước, vọng trước không biết vọng sau. Vọng trước mất đi vọng sau hiện khởi, vọng sau mất đi vọng kế hiện khởi. Vọng này không "cái nào biết cái nào". Cái kia nó còn hay nó mất nó cũng không biết. Cái sau nó hiện làm sao cái trước không biết, cái sau của cái sau kia nó cũng chẳng biết luôn. Tức là cả ba thời của vọng niệm đều không biết nhau. Vọng niệm không có khả năng để nó kết nối lại mà nó phải tự ly. Từng vọng niệm nó tự lìa, mỗi cái đều giải quyết đúng với thân phần của chính nó chứ không có thêm, không có bớt được.

Ví dụ mình nói tiếng Phật thì tiếng Phật tan biến ngay tại đây chứ tiếng Phật không có lôi theo tiếng Pháp, và tiếng Pháp nó không có lôi theo tiếng Tăng. Mấy cái này nó không có lôi cuốn nhau được, đừng nghĩ chất liệu này nó làm dính chất liệu kia. Tất cả vọng niệm đều rời rã và cái rời rã này nó vốn tự ly. Chúng ta phải phá tới nguồn thì không có vọng nhiều, nó chỉ là cái ảo để sanh mà thôi. Hiểu về thế gian là ảo, hiểu về nghiệp quả cũng là ảo, hiểu biết về chúng sanh nó cũng là ảo. Ba cái ảo này gom lại để chúng ta có cái thấy nhìn về cuộc đời nó trở thành cái gì hết sức ảo với chính mình ngay tại đây thì tự động chúng ta mất đi sự cuồng loạn nơi tâm thức liền.

"Hết cuồng là Bồ đề thắng tịnh minh tâm, vốn trùm khắp cả pháp giới, chẳng phải từ người khác đưa đến, đâu nhờ siêng năng khó nhọc tu chứng."

Đức Phật nói khi ba nguyên nhân sanh khởi này hết, thì chúng ta sẽ hiện điều rất đặc biệt là nhận biết được tâm mình trùm khắp pháp giới liền. Mà tâm mình trùm khắp pháp giới không phải do người khác đưa tới, cũng không nhờ "siêng năng khó nhọc tu chứng", đây là câu nói của Đức Phật hết sức đặc biệt.

Không nhờ công phu, mà chỉ là cái thấy biết đúng để tan hết sanh tử mà thôi. Thấy biết đúng, thấy tới tận nguồn của thế gian, nghiệp quả và chúng sanh đều là rỗng, không thật, đều là ảo vọng của chính mình. Một phen chúng ta thấy vậy rồi là tự chúng ta sẽ nhận biết ra Tự Tánh mênh mông trùm khắp pháp giới mà không nhờ công phu khó nhọc tu chứng. Ngay khi ngộ đạo ngài A Nan trình kiến giải cũng nói: *"Bất lịch tăng kỳ hoạch pháp thân",* không trải qua ba đại

a tăng kỳ kiếp mà nhận được Pháp Thân, không phải trải qua ba đại a tăng kỳ kiếp tu tập mới chứng đạo.

"Thí như có người tự trong chéo áo có buộc hạt châu Như ý, nhưng không tự hay biết, đành chịu nghèo khổ rách rưới dong ruổi đến phương xa xin ăn. Tuy thật nghèo khổ nhưng hạt châu chưa từng mất. Bỗng có người trí chỉ cho hạt châu ấy, thì chỗ mong cầu đều toại nguyện mà trở nên rất giàu có. Mới biết hạt châu quí báu ấy không phải từ bên ngoài đưa đến."

Trong Kinh Pháp Hoa, năm tram vị A La Hán sau khi được Đức Phật thọ ký rồi thưa rằng: *"Thế Tôn! Chúng con thường nghĩ như vầy, tự cho mình đã được rốt ráo diệt độ, nay mới biết đó là như người vô trí. Vì sao? Chúng con đáng được trí huệ của Như Lai mà bèn tự lấy trí nhỏ cho là đủ. Thế Tôn! Thí như có người đến nhà bạn thân say rượu mà nằm, lúc đó người bạn thân có việc quan phải đi, lấy châu báu vô giá cột trong áo của gã say, cho nó rồi đi. Gã đó say mèm đều không hay biết, sau khi dậy bèn dạo đi đến nước khác, vì việc ăn mặc mà phải gắng sức cầu tìm rất là khổ nhọc, nếu có được chút ít bèn cho là đủ. Sau người bạn thân gặp gỡ thấy gã bèn bảo rằng: Lạ thay! Anh này sao lại vì ăn mặc mà đến nỗi này. Ta lúc trước muốn cho anh được an vui tha hồ thụ năm món dục, ở ngày tháng năm dó, đem châu báu vô giá cột vào trong áo anh nay vẫn còn đó mà anh không biết, lại đi nhọc nhằn sầu khổ để cầu tự nuôi sống thực là khờ lắm; nay anh nên đem ngọc báu đó đổi chác lấy đồ cần dùng thì thường được vừa ý không chỗ thiếu thốn."*

Đoạn này Đức Phật muốn nói có hai anh em bạn chơi chung với nhau, khi lại nhà uống rượu say rồi, người bạn tỷ

phú cột hạt châu vào chéo áo bạn mình rồi ra đi. Nhưng người này không biết, anh làm ăn thất bại nghèo khổ lang thang nhiều chục năm, đi xin ăn đầu đường xó chợ. Khi trở lại gặp nhau, người bạn cũ nói: Ngày xưa tôi đã cho anh hạt châu như ý rồi, anh lấy ra xài muốn gì được đó. Người này mới giật mình, nhận ra là mình có hạt châu trong chéo áo và bắt đầu trở lại giàu có không thiếu thốn nữa. Mặc dù tất cả chúng ta chưa nhận ra điều này, nhưng cái này nó đã vốn là của riêng mình đủ hết không thiếu thốn, ai cũng có, chỉ có điều chúng ta có chịu nhìn một cái để nó tan sanh tử này hay không. Tức là phải nhìn bằng mắt riêng của mình để phá vỡ sanh tử một lần, thì tự động bản nhiên thanh tịnh, sáng suốt, nhiệm mầu trùm khắp pháp giới sẽ hiện ra rõ ràng. Nó đã vốn hiện ra rồi chứ không phải nó khuất mờ đâu.

Tiên sinh G.Ohsawa nói đến "trật tự thể của vũ trụ" hết sức khoa học và đặc biệt, không sai với những gì mà Đức Phật nói chỗ này. Chúng ta suy nghiệm lại vũ trụ này hết sức trật tự. Mình thấy quả đất luôn xoay quanh mặt trời. Và nhiều ngàn năm rồi nó vẫn đi theo chiều của dòng xoắn ốc đó, nếu không trật tự thì nó đã đụng nhau rồi. Vũ trụ này có sự điều tiết nào đó để cho trời đất, trăng sao, những giải ngân hà, thiên hà chưa bao giờ chạm nhau để nổ. Nó vẫn đi theo chiều nhất định nào đó, tức là có bàn tay nào sắp xếp, mà Tiên sinh dùng từ rất hay đó là "trật tự thể của vũ trụ." Vũ trụ này có trật tự rất đặc biệt.

Những người tu Thiền nói nhận Tánh không có cái gì trong đó. Thực sự một người một phen nhận Tánh thì tuyệt đối là không có cái gì và không có năng lực gì, nhưng điều đầu tiên xảy ra là tất cả nghiệp tập sanh tử tan biến không còn

một mảy may. Không bao giờ còn vướng mắc khổ đau được nữa trong tam giới này. Khổ không còn dán dính với người Ngộ Tánh nữa. Đối với tam giới người đó hoàn toàn tự do tự tại. Họ càng sống lâu trong cái thấy biết đó thì bắt đầu năng lượng mạnh lên. Càng ngày cái thấy biết càng rõ ra, càng ngày cái vướng mắc càng biến mất. Phút chốc tan biến thân ngũ uẩn này để rớt vào cảnh giới toàn chân đó, mình mới thấy cái vận hành của pháp giới tánh toàn chân này. Năng lực đó điều động và hình thành tất cả vũ trụ vật chất này, nó làm hưng khởi, làm yếu đi, làm hư hoại tất cả vật chất và tái dựng lập trở lại. Năng lực vũ trụ làm được tất cả những điều đó.

Khi chúng ta phá vỡ được cái riêng của mình, thì tất cả những kiến thức đều là những cái riêng biệt, những cái rời rã không hợp nhất. Tất cả những cái riêng đó nó dựng lập thành bản ngã của mình, những cái ảo để nó dựng cuộc đời này là thiệt, cái ảo để nó dựng mình là thiệt. Một phen chúng ta nhìn cho tan biến hết cái ảo ngã về cuộc đời này, thì chúng ta sẽ không còn cái riêng nữa. Lúc đó mình không còn là cái nhỏ nhiệm của thân và của tâm này, không còn là những kiến thức lặt vặt nữa, mà nó mênh mông trùm khắp pháp giới thực sự. Và chúng ta có lần cảm nhận ra được mình không phải là thân tâm này nữa. Thân tâm này nhỏ lắm, nhỏ tới không thể ví dụ được trong hư không này. Lần đó là chúng ta hòa nhập trong pháp giới tánh toàn chân, lúc đó chúng ta mới thấy khắp vũ trụ này một lượt, đó là phút gọi là Ngộ Tánh.

Chúng ta phải một lần thấy khắp chứ không có tưởng. Lúc đó tưởng hết, những kiến thức về thân tâm hết, thì chúng ta sẽ rớt vào cảnh giới này một lần. Cả pháp giới một lần mình thấy được, khắp vũ trụ trăng sao một lần mình thấy được, lúc

đó quả địa cầu nhỏ hơn hạt cát đang búng trước mặt mình; hằng hà sa số những hằng tinh, hành tinh, những giải ngân hà, thiên hà chúng ta thấy một lượt. Khi cái thấy thế gian, nghiệp quả và chúng sinh mà chúng ta phá vỡ được thì chuyện đó sẽ xảy ra. Vì cái đó nó đã sẵn như vậy rồi, tại mình còn vướng còn kẹt chưa phá vỡ thân ngũ uẩn một lần để mình thoát ra ngoài tam giới. Tâm thức tuy nhỏ nhiệm rời rã như vậy nhưng nó đủ sức để khu biệt mình lại trong tam giới này ra không được. Nhưng nếu phá vỡ được tâm thức một lần, hết cái riêng tư một lần, là chúng ta hòa nhập trong pháp giới tánh toàn chân.

Đó là chỗ mà tất cả người tu chúng ta cần phải hướng tới, bằng tất cả tâm lực của chính mình ngay trong đời này. Đời này mình tu mà chuyện đó chưa xảy ra thì biết là tam giới này chúng ta chưa ra được. Một phen chúng ta phải đạp vỡ hư không này để bước ra, thì mới đi ngoài tam giới tự tại. Còn chưa có một lần như vậy thì biết rằng việc tu của chúng ta chưa xong.

Chúng ta phải dồn hết sức lực bình sinh của mình để phá vỡ, chứ đừng có coi thường. Vọng niệm hết sức ảo, nhưng nếu chúng ta không dùng hết sức lực bình sinh của mình để phá được một vọng, thì chúng ta không làm được chuyện gì trong đời này hết. Tu mà giống như chuyện đùa giỡn với nước vậy, lấy tay khoát nước một cái trống buông ra nó ngập lại, khoát nước một cái trống buông ra nó ngập lại… Nhưng chúng ta thích chơi trò này. Như nguyên biển bèo chúng ta lấy tay vạt cho bèo trống lộ nước rồi nó lại lấp lại, mà mình cứ làm hoài như vậy.

Hoặc như người ra giữa biển khơi lấy thau hớt sóng cho hết sóng; như người giữa trưa đập bóng, thấy có bóng đen mình không chấp nhận nên đập hoài, đập cuồng loạn ngoài trời. Nếu muốn tu thì chúng ta đừng bao giờ hơn thua với chính mình nữa, nó sẽ làm kiệt quệ năng lượng của mình. Ai còn hơn thua với vọng niệm là tự mình phá hủy năng lượng sống của mình. Năng lượng sinh khởi của mình đã bị phá hủy. Nó làm cho mình bị lụn xuống, làm hoại năng lượng của chúng ta.

Có người ngồi thiền mà năng lượng lần lần bị cạn kiệt, nhưng nếu ngồi đúng là năng lượng mỗi ngày mỗi mãnh liệt hơn, sung mãn hơn, trào dâng mạnh hơn. Năng lượng cạn kiệt là biết mình đã sử dụng công phu hơn thua với nhau, tiêu hao năng lượng từng ngày từng giờ của mình thì rất uổng. Phải cố gắng làm cho đất nước mình thanh bình, không hơn thua, không chiến tranh với chính mình nữa. Phải bằng cái thấy riêng của mình để mình thấy hết tất cả mọi điều, mọi chuyện đúng một lần, thấy tới một lần để sanh tử này mình bước ra được, nếu không cứ luẩn quẩn hoài, không biết chừng nào ra.

Mong rằng chúng ta hết sức tỉnh táo để nhìn ra được mình một lần trong đời. Cái mình đó nó không có kiến thức, nếu có kiến thức thì chúng ta loại trừ để mình còn nguyên là mình thôi, khi đó mình có thể sống tự do tự tại giữa cuộc đời này bằng cái thấy nghe hay biết của chính mình.

VĂN KINH

Mục 11: Lại bác nghĩa nhân duyên tự nhiên, để trách nghe nhiều

Đoạn 1: Phát nghi và hỏi

Liền khi ấy, ông A Nan ở trong Đại chúng đảnh lễ dưới chân Phật, đứng dậy bạch Phật: "Đức Thế Tôn hiện nói về các nghiệp sát, đạo, dâm, do ba duyên đã đoạn nên ba nhân không sinh, tính cuồng Diễn Nhã Đạt Đa trong tâm tự hết. Hết tức là Bồ đề, chẳng phải từ người khác đưa đến. Đây là nghĩa nhân duyên quá rõ ràng, vì sao đức Như Lai vội bỏ nghĩa nhân duyên? Chính con cũng do nhân duyên mà tâm được khai ngộ.

Bạch đức Thế Tôn, nghĩa này chẳng riêng hàng Thanh Văn hữu học ít tuổi như chúng con, mà nay ở trong hội này như các ngài Đại Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất, Tu Bồ Đề v.v… từ lão Phạm Chí nghe lý nhân duyên của Phật, mà phát tâm khai ngộ được thành quả vô lậu.

Nay Phật dạy Bồ đề không do nhân duyên, thì thuyết tự nhiên của bọn Câu Xá Ly ở thành Vương Xá lại thành nghĩa đệ nhất. Cúi mong đấng đại bi khai phát chỗ mê lầm cho chúng con."

Đoạn trước Đức Phật chỉ cái mê vọng không có nhân, hết mê tức Bồ đề, tức là Đức Phật bác bỏ lý Nhân duyên. Nếu học theo căn bản Phật Pháp thì chúng ta có thể hiểu đạo Phật qua lý Nhân quả, lý Vô thường, lý Luân hồi, những lý luận đó trước thời Đức Phật có rồi, cho tới khi Đức Phật thành Phật thì Đức Phật minh định rõ ràng lại thôi, chứ không phải lý Nhân quả là phát minh của Đức Phật. lý Vô thường, lý Luân hồi cũng vậy. Nhưng riêng lý Nhân duyên đến thời Đức Phật mới có. Đây là nguyên lý của đời sống vật chất được Đức Phật phát hiện. Người tu theo lý Nhân duyên thì theo thứ bậc tu chứng người ta có thể chứng ngang tầm Bích Chi Phật. Theo cái nhìn của lý Nhân duyên, Đức Phật nói có cái này thì sẽ có

cái kia, hoặc cái này sanh thì cái kia sanh, nếu không có cái này thì sẽ không có cái kia, cái này diệt thì cái kia sẽ diệt, đó là cái nhìn thuần về mặt vật chất.

Nếu tâm chúng ta có thiện căn thì tự động chúng ta thích đi chùa, còn nơi tâm chúng ta không có thiện căn thì thấy chùa chiền chúng ta không muốn ghé. Nhân duyên sâu hơn một chút nữa là chúng ta có căn lành nhiều đời đã từng tu tập rồi, thì tự nhiên không phải chúng ta thích đi chùa nữa mà chúng ta muốn quy y Tam Bảo, thậm chí chúng ta muốn nghiên cứu giáo lý của Đức Phật. Nếu thiện căn sâu hơn nữa, thì thấy được là chúng ta phải biết làm gì trong cuộc đời này, chúng ta quyết tâm mình sẽ được giác ngộ giải thoát.

Phật Pháp càng sâu thì nhân duyên không có nghĩa là nói có cái này thì cái kia sẽ có, mà có là có những cái không phải trong đời này, nhân duyên sẽ nói tới cái chuyện xuyên qua những đời kiếp trước nữa. Nếu đời trước chúng ta không có lần gieo duyên Tam Bảo, thì đời này đi ngang chùa chưa chắc chúng ta muốn ghé vào. Và nếu có lỡ ghé đi nữa thì cũng lảng vãng ở đâu, vì chùa này không có ghi nhận trong tâm thức của mình. Cái có này Đức Phật muốn nói tới cái chủng tử nghiệp thức nhiều đời của mình. Nếu chủng tử nghiệp thức của mình nhiều đời không huân tập theo điều thiện, không huân tập với việc tu tập thì đời này khi lớn lên chủng tử không đúng duyên nó không nảy nở. Vì có chủng tử cũ nó trỗi dậy, nó biến thành hiện hạnh mới, hiện hạnh đó tiếp tục huân chủng tử mới, thì cái dòng này nó trở thành một chuỗi nhân duyên mà Đức Phật nói là mười hai Nhân duyên.

Ở đây chúng ta không bàn tới mười hai Nhân duyên, chúng ta muốn đào sâu ở chỗ "cái này có thì cái kia có". Cái

có này nó không có trong hiện đời của chúng ta, mà nó có từ nhiều đời nhiều kiếp, nó có từ mầm mống sanh tử nhỏ trong quá khứ. Nó có cái tâm mê lầm, có cái vọng động sâu thẳm trong tâm thức của chúng ta, thì nó sẽ có sanh tử. Cho nên có một chủng tử nghiệp thức nảy nở sanh sôi khi chủng tử nghiệp thức này sanh thì nó sẽ sanh, chủng tử nghiệp thức này diệt thì nó sẽ diệt, theo chiều nhân duyên như vậy.

Không phải nhân duyên đơn giản là thấy có duyên với nhau. Ví dụ nơi tâm chúng ta có vọng niệm, tức là bắt đầu sinh khởi sanh tử, thì có cái này sẽ có cái kia, cái này có thì cái kia sẽ có, cái kia là cái gì ở sau cái này. Cái này có là nhân được duyên cái gì đó để nó hình thành cái kia, đó là chuyện sanh tử xa xôi, là những nghiệp thức cũ. Đơn giản, mình có học thì đương nhiên là mình sẽ biết chữ. Khi mình học qua chữ đó rồi là đã huân một chủng tử. Như chúng ta học chữ Phật thì nơi tâm chúng ta đã có chữ Phật, cái này có thì nó sẽ phát sinh cái kia, khi gặp chữ gì giống chữ Phật lần thứ hai, thì nơi tâm chúng ta sanh khởi chữ Phật lên, tức là từ chủng tử nó khởi thành hiện hạnh.

Nhân duyên này cũng gắn với hệ thống Duy Thức Học trong đạo Phật, nó không rời. Trong hệ thống chưa chuyển lên Phương Đẳng Đại thừa, tức là theo phán giáo thì hệ thống Kinh Nguyên Thủy là người ta tu tập cuối cùng chứng quả A La Hán. Ngài A Nan đại diện cho chúng sanh mê lầm, và đại diện cho những vị đứng ở hệ thống Kinh Nguyên Thủy, đứng ở hệ thống Nhị thừa tu chứng quả cao nhất là A La Hán. Ngầm nói những vị ngang tầm A La Hán trở xuống thì các vị hiểu rất rõ về nhân duyên, do hiểu nhân duyên nên họ tu tập để chứng quả vô lậu, còn qua đó là không biết. Ngài A Nan đã

ngộ rồi mới có bài kệ ở đoạn trước, chứ không phải Ngài không hiểu cái ngoài nhân duyên, ngoài tự nhiên. Những đoạn trước Đức Phật nói tới nguyên nhân sanh tử luân hồi, ba đạo nặng nhất là sát, đạo, dâm; nếu hết sát, đạo, dâm thì Bồ Đề sẽ hiện không do nhân duyên, không do tự nhiên, đến phần sau Đức Phật sẽ giải thích.

Chúng ta nói lại nhân duyên: "Cái này có thì cái kia sẽ có". Ví dụ mình gặp một người đối diện với mình, mình có một chút cảm tình thì sẽ tiếp tục quan hệ để thành thân thiết. Nhưng nếu gặp người đối diện mà mình có chút không vừa ý thì sẽ có cự cãi và oán thù đi theo, đó gọi là nhân duyên. Đức Phật nói tới Mười hai Nhân duyên: Cái này có thì cái kia có, theo một chuỗi sanh tử luân hồi mà người ta không bao giờ dừng dứt được. Từ cái mê mờ vô minh nó sẽ duyên với hành, có hành rồi nó duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử, đó là chiều hoàn sanh.

Mình không nhận rõ được chân lý, mình mê mờ là vô minh. Đoạn mà thức chúng ta mê mờ để nhập thai thì hoàn toàn chúng ta không nhận rõ được chân lý. Nếu chúng ta thấu suốt chân lý, chúng ta trụ nơi đạo lý, thì khi quan hệ nam nữ (âm dương) phát ra làn sóng dục tâm thức chúng ta không bị hút vào để chúng ta chun vào bào thai. Nhưng mình không có được cái đạo lý kia, cho nên cái lực hút về dục buộc chúng ta bị cuốn hút vào.

Khi thần thức rời khỏi thân này chúng ta mang thân trung ấm kéo dài. Nếu như chúng ta có nghiệp thì bảy ngày thay đổi một lần, bảy lần bảy bốn mươi chín ngày tùy theo

nghiệp mà thọ sanh. Trừ nghiệp cực thiện thì sanh cõi trời vô sắc, nghiệp cực ác đọa địa ngục A Tỳ. Đến lúc thần thức đủ bốn mươi chín ngày thì tùy nghiệp sẽ hút chúng ta vào cảnh giới tương ưng với nghiệp đang có trong tâm thức của mình. Ví dụ nghiệp chúng ta có thể sanh lên cõi trời, thì lúc đó tự động nó sẽ hút chúng ta lên cõi trời. Trước khi vô cõi mới, chúng ta hoàn toàn không biết cõi mới này và chúng ta không biết gì khác ngoài cái biết nguyên đời sống vừa qua của mình. Mình vẫn giữ nguyên cái buồn, thương, giận, ghét, nhớ nhung, mình hiểu mình là Nguyễn Văn A, kêu đúng tên tuổi đó là thần thức đó tiếp nhận được. Như vậy thần thức ở trong trạng thái nguyên của đời sống cũ, không thay đổi gì, chỉ là không mang thân mà thôi, còn tất cả những cái nhận biết như bây giờ, không khác. Và như trong Kinh nói nó thông minh gấp bảy lần bây giờ, nhạy bén và có được ngũ thông. Nếu không phải là người bị đọa, nó có thể xuyên tường, xuyên vách, xuyên núi, vượt thời gian, vượt không gian, trừ hai cái không thể đi qua được là tử cung bà mẹ và tòa Kim Cang của Đức Phật.

Thần thức không phụ thuộc thân nghiệp, không phụ thuộc vật chất cho nên không bị cản trở, chỉ tác niệm là tới nơi. Điều này trong sanh tử người ta rất sợ, vì nếu tác nghiệp xấu là bị đọa liền tại chỗ. Ví dụ mình muốn đi chùa thì mình đi xe mất thời gian mấy tiếng đồng hồ, hoặc muốn đi Mỹ thì mua vé máy bay đi mấy chục tiếng đồng hồ mới tới, nhưng thần thức thì chỉ cần tác ý là tới nơi, xuyên thời gian không gian, đó là loại Thần túc thông.

Bao nhiêu nghiệp mình huân tập của đời này tràn ngập những ý niệm xấu, thì chúng ta có đầy đủ nghiệp để chúng ta

sống một cõi tương ưng với cái nghiệp đang có của mình. Cho nên khi bỏ thân mạng này thì sau bốn mươi chín ngày tự động nghiệp đó mạnh lên để nó tìm cảnh giới tương ưng. Ví dụ chúng ta có nghiệp súc sanh, thì sau bốn mươi chín ngày nghiệp đó nó mạnh ghê lắm để mình chun vào bào thai con bò, con trâu, con dê. Còn nếu nghiệp ác để có thể đọa địa ngục, thì tới lúc đó nó rất mãnh liệt để hút chúng ta vào địa ngục mà không cưỡng lại được. Nghiệp mạnh đến độ giống như cơn lốc xoáy mà hút hạt bụi vậy. Hạt bụi không thể cưỡng lại được, đó là nghiệp. Bình thường mình không thấy gì hết nhưng đến lúc sanh tử chuyện đó sẽ xảy ra.

Trong lúc chúng ta vô minh thấy ngọn lửa dục chúng ta bị hút vào chứ không vô dễ dàng đâu. Lúc đó hàng triệu triệu thần thức đánh đấm giành giựt chen chúc với nhau, để có thể chun vào bào thai của bà mẹ, nhưng không được. Đừng có nghĩ ai mạnh là hơn. Lúc đó thần thức có nghiệp với cha mẹ mình thì tự động nó có đường dây riêng, đường dây đó tự hút mình đi vào bào thai của bà mẹ mà không có đánh đấm với mấy thần thức kia. Khi có một thần thức rớt vào tử cung của bà mẹ rồi thì tự động đóng cửa, còn mấy thần thức kia ở ngoài chơi không vô được nữa.

Chúng ta bắt đầu ở trong cái mầm ban đầu của một đời người. Thần thức lúc đó dính trong noãn cầu của bà mẹ, nếu là nghiệp phải sinh ra người nam thì thần thức tự động có cái gì đó rất khắng khít với bà mẹ và đối chọi với ông cha, còn nếu phải đậu thai sanh ra người nữ thì thần thức rất thích ông cha và tự động có thái độ đối chọi với bà mẹ. Trong tâm thức ban đầu đã có chuyện đó rồi, nên "cái này có là cái kia có", có cái nam thì sẽ có cái nữ, có âm có dương sẽ sanh ra cái ái

nhiễm để thần thức chúng ta tiếp tục hoạt động chuyển thành hành ấm.

Mặc dù bên ngoài không thấy, chỉ là cái mầm rất nhỏ hơn sợi tóc chỉ có kính hiển vi mới rọi được thôi, nhưng thần thức đó khi vừa chạm tới tử cung bà mẹ, chạm tới noãn cầu là một sự bùng nổ để thần thức đó chết đi lần thứ hai. Nếu thân chúng ta mang hàng triệu năm mà chưa vô thai thì vẫn nguyên là Nguyễn Văn A, kêu tới tên là tự động hay biết, nhưng thức chạm thai là tắt mất sự hiểu biết đó. Thế gian gọi là "ăn cháo lú" để đi đầu thai, để không còn nhớ lại kiếp trước. Khi thức chạm tới tử cung bà mẹ thì không ra được nữa, bắt đầu nó chạm tới noãn cầu dính vô đó gọi là đậu thai.

Phút chốc đó chết đi thân trung ấm một lần nữa, thay vì bốn mươi chín ngày (bảy thất) là hết rồi, nhưng còn lần chết nữa. Lần chết thứ hai này là quên hết đời trước, khi đó nó chấp noãn cầu bà mẹ là cái mình mới, cái mình này nó chưa có tên tuổi, nó quên đi mình là Nguyễn Văn A. Vì nếu không thì khi sinh ra cha mẹ đặt tên Nguyễn Văn B thì nó là Nguyễn Văn A hay Nguyễn Văn B? Như vậy sẽ lẫn lộn. Trong sanh tử nó rất hay, phải chết đi thân trung ấm tiếp nhận thân kế gọi là hậu ấm, cũng có nghĩa là thân mới này.

Thần thức bắt đầu sống dậy nó chấp cái thân mới này, thì nó vận hành biến chuyển theo cái chấp trước mới. Có cái vận hành của thức mới về thân mới và bao quanh thân mới này. Vận hành đó nó phân biệt thấy mình khác với cái kia, nó tiếp nhận cái này cái kia là hành duyên thức. Thức cũng phân biệt nó thấy mình không giống cái tử cung; hoặc cái này nó sẽ tốt, sẽ xấu, sẽ hay, sẽ dở, sẽ đau đớn, sẽ thoải mái…

Khi vận hành một thời gian trong thai mẹ nó hình thành lục căn, là bắt đầu có danh và sắc hiện rõ một con người; có đầy đủ lục nhập: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Lúc đó nó có sự phân biệt nhưng phân biệt không rõ ràng về ý thức thôi, nhưng nó đã có sự phân biệt khác biệt rồi. Nó khác với tử cung, nó khác với người mẹ, nó có sự phân biệt nhỏ nhiệm bên trong rồi. Khi đó mẹ ăn đồ nóng nó bị nóng, mẹ ăn đồ lạnh nó bị lạnh. Vậy là ở trong thai nhi nó có xúc chạm khổ và vui trong đó rồi. Khi sanh ra khác môi trường, từ chỗ ấm êm ra ngoài lạnh, nó nghe cơn bức xé ban đầu nên nó khóc ré. Vì thay đổi môi trường đột ngột quá nó không chịu nổi, nó nghe rát buốt la khóc. Là sanh xúc, sanh thọ. Thọ có: thọ khổ, thọ vui, thọ không khổ không vui. Như vậy là nó đã có vui thì thích, khổ thì chán nhưng nhẹ lắm.

Đến khi thức hoàn thiện để nó có thể ghi nhận dấu tích hình ảnh mới, đối với nữ là ba tuổi, với nam là bốn tuổi. Ý thức bắt đầu có hình ảnh, giống như chúng ta chụp phim có bóng. Lúc đó nó mới ghi nhận còn trước đó là khoảng mờ. Nó cũng phân biệt đúng sai nhưng nó không ghi nhận. Dần dần lớn lên thức ghi nhận từ từ, học điều này chúng ta nhớ điều này, học điều kia chúng ta nhớ điều kia. Rồi thọ duyên ái là thương và ghét xảy ra. Khổ thì ghét mà vui thì thương. Có thọ thì có ái, có sự gìn giữ bảo thủ. Thích thì chúng ta muốn giữ nó lại, không thích thì xua đuổi nó ra là có thủ. Có thủ thì có hữu. Có giữ của thì có tiền, có thủ thì có cái gì đó cho mình giữ, là có chủng tử nghiệp thức.

Do mình gìn giữ chấp trước cái này đẹp cái kia xấu, cái này thương cái kia ghét, cái này buồn cái kia nhớ, tất cả những cái đó trong cuộc đời mình học hỏi, mình ghi nhận,

mình bảo thủ, mình gìn giữ thì tự động mình sẽ tiếp tục có chủng tử mới để tiếp tục huân một số chủng tử nghiệp thức mới, huân một số nhân quả mới, huân một số nghiệp báo mới để đi sanh tử mới. Hữu duyên sanh là tiếp tục sanh đời mới. Từ sanh rồi lớn lên già là lão tử. Và lão tử tiếp tục trở thành vô minh, rồi vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc … Đó là theo chiều hoàn sanh của lý Nhân duyên: "*Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử.*"

Đó là một chuỗi móc xích không bao giờ bị cắt đứt được. Cho nên chúng ta lọt vô cõi này rồi là không có đường để ra, chỉ trừ chúng ta cắt được dòng Nhân duyên này. Nếu cắt ngang ái, không có ái thì chúng ta không có bảo thủ thì không có hữu, là không có chủng tử nghiệp thức để tiếp tục sanh tử nữa.

Hai là, quán theo chiều hoàn diệt: Phá vỡ gốc là vô minh, vì từ vô minh sanh chấp ngã mới duyên hành. Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử diệt. Nếu quán như vậy và công phu được nâng theo kiểu diệt diệt, phá vô minh, phá hành, phá thức, phá danh sắc dần dần để chứng quả Bích Chi Phật. Cũng có những vị không phải do tu quán nhân duyên, mà tu Độc Giác là họ không theo chiều hoàn sanh hoàn diệt mà họ vẫn ngộ lý Nhân duyên chứng Bích Chi Phật. Ở tầng Bích Chi Phật ngược xuống như A La Hán,

các vị thấy biết không ngoài nhân duyên "cái này sanh nên cái kia sanh, cái này diệt nên cái kia diệt", nên ngài A Nan mới đại diện cho tầng tâm thức đó mà hỏi, chứ không phải là ngài A Nan không biết chuyện này, vì ngài A Nan đã ngộ, đã trình kiến giải với Đức Phật và vượt qua tầng này rồi.

Ngang tầm các vị Bồ Tát không phải thấy nhân duyên nữa, mà thấy "đương thể tức không." Ví dụ nhìn một bông hoa thì người bình thường quán nhân duyên họ sẽ nhìn ra là do từ hạt mầm, do có đủ đất nước hạt mầm mọc lên hấp thu ánh nắng mặt trời, dưỡng chất, nước để nuôi lớn cây và tạo ra hoa. Do nhân gì đó duyên với cái gì thành cái gì đó. Khi thành cái hoa rồi, nó đang tươi lần lần nó sẽ héo và nó tan biến trả về không. Quán nhân duyên họ sẽ quán theo chiều đó của mọi vật. Nhưng vị Bồ Tát thì không nhìn thấy kiểu như vậy, nhìn là thấy nó không liền, gọi là đương thể tức không. Ngay khi thấy tất cả mọi cái đều là không. Nếu tâm thức chúng ta vượt tầng nhân duyên và tự nhiên thì sẽ thấy tất cả mọi cái là không, chứ không có huân quán công phu. Ở đây Đức Phật muốn nói ngang tầng này trở lên. Đoạn Kinh này Đức Phật không nói ngược lại nhân duyên nữa.

Ngài A Nan đặt câu hỏi là: "*Hồi trước Đức Phật dạy nhân duyên mà chúng con tu tập, các vị lớn cũng do nhân duyên mà chứng đạo quả vô lậu. Bây giờ Phật phá lý nhân duyên là vì sao?"* Thật sự Đức Phật không phá lý Nhân duyên, nó vẫn có đối với người còn trong tầng tâm thức. Trí tuệ họ thấy chưa ra ngoài vật chất thì sẽ hiểu nhân duyên và tu tập theo nhân duyên. Còn nếu tầng tâm thức họ đã vượt ra ngoài vật chất rồi, thì họ mới có thể hiểu cái chỗ Đức Phật nói là không phải nhân duyên, không phải tự nhiên.

Ngài A Nan đại diện cho Tăng Ni, cư sĩ phật tử và các vị chư Thiên trong thời điểm đó, đặt câu hỏi với Đức Phật về lý Nhân duyên để minh định tầng thấy biết một cách tường tận trước Đức Phật, chứ không phải là Ngài không hiểu. Nếu là người chứng quả Thanh Văn và Duyên Giác ở ngang tầng của đại chúng đang có trong hội của Đức Phật, thì những người này đều do nhân duyên mà thấy đạo. Nếu không có nhân nghe Đức Phật giảng Pháp thì không có duyên hiểu đạo, không có nhân tu tập thì sẽ không có duyên chứng quả, tất cả đều do nhân và duyên cả, tại sao Đức Phật lại bác nhân duyên?

Đó là câu hỏi được đặt ra của người đang ở trong tầng tâm thức chưa phá vỡ, và những cái thấy nhìn của họ vẫn còn lệ thuộc ở nơi vật chất chưa ra được, tất cả những cái đó đều thấy trong tầng nhân duyên hết. Nếu như Đức Phật đã bác bỏ lý Nhân duyên ngay tại đây thì có đồng với tự nhiên của ngoại đạo không?

"Nay Phật dạy Bồ đề không do nhân duyên, thì thuyết tự nhiên của bọn Câu Xá Ly ở thành Vương Xá lại thành nghĩa đệ nhất."

Ngoại đạo họ chủ trương cái gì cũng tự nhiên hết. Tự nhiên nắng, tự nhiên mưa, tự nhiên đến, tự nhiên đi, họ nghĩ họ sẽ vượt hơn nhân duyên nhưng họ không thấu nhân duyên nên họ không vượt khỏi nhân duyên được. Cái tự nhiên nó không đạt được Thánh quả, nó chỉ là sự xô đùa lộn xộn, cái gì đối với nó cũng tự nhiên hết. Ví dụ mình tự nhiên bị người ta hành hạ, tự nhiên người ta làm mình đau khổ không nói tới nhân quả cũ, không nói tới nghiệp thức cũ. Họ muốn phá nhân duyên ở mặt vật chất này để họ được cái không ngơ và cái quả của họ đi tới là cái không rỗng không thôi, không biết gì.

Có câu hỏi của thiền khách hỏi Thiền sư Huệ Hải làm sáng tỏ điều này: *"Thưa Thiền sư, có cái gì vượt hơn thiên nhiên, tự nhiên không?"* Huệ Hải nói: *"Có!"* Hỏi: *"Cái gì vượt hơn thiên nhiên tự nhiên?*" Ngài trả lời một câu rất gọn là: *"Có cái biết thiên nhiên, cái đó nó vượt hơn thiên nhiên và tự nhiên."*

Ở đây muốn nói tới bọn ở thành Vương Xá, họ cũng nói thuyết nhân duyên nhưng đó không phải là nghĩa đệ nhất. Vì sao? Vì họ mù mịt không biết đến cái thiên nhiên tự nhiên là cái khoảng mù hoàn toàn không có vật chất, cũng không phải là có tâm linh. Nhưng ở đây vượt tự nhiên và vượt thiên nhiên, để đến toàn tri, nó là linh thông chứ không phải hoàn toàn không biết giống như là tự nhiên. Đức Phật phá lý nhân duyên rồi, nhưng Đức Phật vượt hơn tự nhiên của ngoại đạo nữa để đến chỗ hoàn toàn toàn tri, chứ không phải tới chỗ rỗng lặng không biết gì, chỗ đó ngang tầm với Phật quả.

Đức Phật không dừng cở chỗ phá nhân duyên mà Đức Phật lại vượt hơn tự nhiên nữa để tới đạo lý. "Nếu không phải nhân duyên thì là tự nhiên," câu này vẫn còn trong đối đãi. Nếu không phải tự nhiên thì sẽ là nhân duyên, nhưng đạo lý thì không phải nhân duyên, không phải tự nhiên, mà nhân duyên cũng có đạo lý, tự nhiên cũng có đạo lý. Đạo lý phủ trùm nhân duyên và tự nhiên nhưng đạo lý không phải là nhân duyên, không phải là tự nhiên.

Có rất nhiều người học đạo không rõ sẽ bị vướng vô kiểu của ngài A Nan đặt ra. Ngài A Nan đại diện cho chúng sanh mê lầm đời sau mà Ngài đặt câu hỏi này rất hay. Khi đến với đạo lý nó không còn là nhân duyên nữa. Nếu chúng ta thấy do nhân này chúng ta được quả kia, do nhân này được duyên

kia thì chúng ta vẫn còn ở bên đây bờ tâm thức. Do mình tu pháp đó nên mình chứng quả đó, do mình hành trì pháp này cho nên mình được cái này, do mình hành trì pháp kia nên mình được cái kia. Tất cả những cái làm và cái được đều nằm ở bờ mé của vật chất, nằm ở bờ mé sinh tử chứ chúng ta không ra được.

Khi chúng ta đã dụng công đến chỗ vượt tầng nhân duyên, vượt tầng tự nhiên, thực sự cái đó chưa từng sanh chưa từng diệt, tức là nó vốn có sẵn đủ, nó gần giống như cái tự nhiên nhưng hoàn toàn không phải tự nhiên. Vì cái tự nhiên là cái hoàn toàn không hay biết gì, nhưng cái này biết nhân, biết quả, biết tốt, biết xấu, biết thiện, biết ác, biết được bề mặt và bề trái của sanh tử. Khi nào chúng ta tu tập vượt qua hết những vọng thức thường tình nơi tâm thức chúng ta, lại tiếp tục hiện ra cảnh giới mới ngoài sanh tử, hiện một khoảng không, cái không đó không còn nhân, không còn duyên nữa, dứt hết mầm mống sanh tử, tâm thức chúng ta hoàn toàn không còn bóng dáng sanh tử, thì các vị A La Hán dừng lại chỗ này, tức là đi vào Diệt thọ tưởng định.

Nhưng chỗ này có một chút khác biệt. Nếu là người tu Đại thừa và Thiền tông thì họ sẽ thấy rõ là mình đang định. Có người thấy mình đang trụ định, thì như vậy công phu tu hành để được thành định này vẫn chưa phải là tối cao. Còn có người đang biết mình định đó, nếu người ta khéo để nhẹ nhàng buông cái định này thì người ta sẽ nhập vào cái biết toàn tri liền. Nhưng ít ai chịu buông lắm.

Tới chỗ này không phải công phu một đời mà được. Chỗ này rất an lạc nhẹ nhàng hoàn toàn có thể chứng quả A La Hán. Nhưng sau đó các vị ở trong cảnh giới của A La Hán,

mặc dù thực sự nhập Niết Bàn là hoàn toàn không có mầm mống sanh tử trở lại tam giới này thôi, chứ các vị vẫn còn cảnh giới tương đồng với quả vị tu tập của mình. Trong cảnh giới tương đồng với quả vị tu tập đó nhiều vị A La Hán nhập Niết Bàn, dần dần được sự chuyển hóa của các vị Bồ Tát, hoặc sự khai thị của Đức Phật các vị sẽ chuyển hóa, không còn sanh tử theo kiểu của mình là phần đoạn sanh tử nữa mà gọi là chuyển tiếp sanh tử.

Từ quả vị A La Hán có thể chuyển thành Bồ Tát, nếu được ngộ đạo và thấy cái gì hơn, không phải sanh tử trở lại cõi phàm mà là một sự chuyển biến để thăng cấp. Các vị không thấy Nhân duyên nữa mà thấy đương thể tức không, hoặc thấy cái toàn tri này. Các vị không phải do nghiệp trở lại cõi này, mà chuyển tiếp lên cõi cao hơn gọi là đại căn A La Hán. Còn các vị cố thủ quả vị của mình luôn không chuyển tiếp sanh tử để làm lợi lạc chúng sanh thì gọi là độn căn A La Hán. Thời Đức Phật, tất cả các vị đệ tử của Đức Phật khi ngộ đạo đều đi giáo hóa, không phải các vị cố thủ Niết Bàn, các vị toàn là Đại Bồ Tát ứng thân làm đệ tử Đức Phật chứng quả A La Hán trong cõi này trợ giúp Đức Phật cứu độ chúng sanh.

Đến đây chúng ta sẽ hiểu lại câu hỏi của ngài A Nan*:* ***"Đức Thế Tôn hiện nói về các nghiệp sát, đạo, dâm, do ba duyên đã đoạn nên ba nhân không sinh, tính cuồng Diễn Nhã Đạt Đa trong tâm tự hết. Hết tức là Bồ đề, chẳng phải từ người khác đưa đến. Đây là nghĩa nhân duyên quá rõ ràng, vì sao đức Như Lai vội bỏ nghĩa nhân duyên? Chính con cũng do nhân duyên mà tâm được khai ngộ."***

Nếu hết tất cả những cuồng vọng sát, đạo, dâm thì sẽ được định gọi là Bồ Đề, vậy Bồ Đề rõ ràng là có nhân, có

duyên. Đoạn trước Đức Phật ví dụ về chàng Diễn Nhã Đạt Đa: *"Trong thành Thất La Phiệt có anh Diễn Nhã Đạt Đa, một buổi sáng lấy gương soi mặt, bỗng yêu thích cái đầu trong gương, lông mày, con mắt có thể thấy rõ, rồi giận trách cái đầu mình sao không thấy được mặt mày, cho là giống yêu quái, không cớ gì phát cuồng bỏ chạy. Ý ông nghĩ sao? Người này vì nguyên nhân gì vô cớ phát cuồng bỏ chạy?"* Ông Diễn Nhã Đạt Đa tự nhiên soi gương thấy lâu nay sao mình có mặt đẹp vậy mà mình không biết, tự trách mình. Soi rồi úp cái gương xuống thấy cái mặt không còn ôm đầu chạy, la lên tôi mất cái đầu rồi thì được người chỉ cho là cái đầu ông còn nguyên đó, bởi vì ông không soi gương nên không thấy nó chứ cái đầu vẫn còn, thì ông sẽ tỉnh ra. Vậy cái cuồng này là do đâu? Đức Phật đặt vấn đề với ngài A Nan.

Nhân có soi gương mới thấy được cái đầu của mình, tức là có cái này sanh thì sẽ có cái kia sanh, nếu không có cái gương thì mình sẽ không thấy cái bóng của cái đầu mình. Cái bóng mình nó hiện trong gương, nếu chấp cái bóng đó là cái đầu thật thì chúng ta là người điên đảo. Chúng ta có giống Diễn Nhã Đạt Đa không? Chúng ta thấy cái này là đúng, cái kia là sai, cái này là hay, cái kia là dở là chúng ta chấp bóng. Tất cả những cái nhận biết của mình trong đời sống mình đều chấp trước kiểu đó. Một với một là hai, mình chấp cái đó là đúng, nếu người ta nói một với một là hai rưỡi mình cãi liền là do mình chấp bóng. Giống như Diễn Nhã Đạt Đa chấp cái đầu là mình.

Nhìn xa hơn nữa những cái đúng, sai, hay, dở trong trần thế này, thời xưa cho rằng người Á Đông phải công dung ngôn hạnh chuyện đó là đúng, nhưng Tây Phương lại cho

chuyện đó là dở, vậy ai đúng ai sai? Ai ở đó để phân xử điều này? Nếu có người đứng ra phân xử cho ra một cái đúng, thì đó chỉ là sự đúc kết của tâm thức để cho ra một cái đúng mà thôi. Điều này dẫn dần dần đến công phu tu hành của chúng ta. Trước kia mình thấy thân này là thiệt bây giờ do mình học đạo thấy thân này là giả, trước kia mình thấy tâm này là thiệt bây giờ do mình học đạo thấy tâm này là giả, mình kết luận thân tâm này là giả thì mình là người thấy đúng. Đúng ở tầng đó có thật đúng chưa? Vẫn là sự đúc kết của tâm thức thôi.

Những người sau giai đoạn nhiều năm nhiều tháng theo đạo, nhiều năm công phu tu tập rồi thì Kinh nghiệm mỗi lần hiểu thêm một chút, tới gần già mình thấy đạo lý là phải như thế này cho nên mình phải sống đúng như thế này, gọi là sống đúng đạo lý, rồi kết luận cả đời tu tập mình đã thấy đạo, chấp kiến thức này cho là mình thì mình là người tiếp tục chấp bóng.

Nhưng đạo lý thật ra không phải là sự đúc kết Kinh nghiệm của tâm thức. Chúng ta phải phá tất cả những khuôn sáo; những đặt định đúng, sai, hay, dở; những đạo lý mình được tiếp xúc, được ghi nhận, được công phu cả đời mình cho nó là đúng, rồi bắt đầu ép mình sống tương ưng với cái đúng này, nếu xa rời cái này thì cảm thấy đau khổ, cảm thấy mình phạm điều gì đó, thì tất cả những điều thấy biết đó vẫn luẩn quẩn trong tâm thức, không phá ra được. Rồi chúng ta làm sao công phu tới độ phải chứng cái này, phải đắc cái kia, phải sở hữu cái nọ. Cái này thanh tịnh cái kia thanh tịnh, ai sống không đúng với cái thanh tịnh này thì coi như rời khỏi đạo lý. Tất cả những cái đó đều đúc kết cho chúng ta một khối nghiệp

thức, để chúng ta có thể ôm nó mà đi đời này kiếp nọ, chứ chưa phải là người phá vỡ sanh tử đi ra.

Người phá vỡ sanh tử đi ra tự động họ sẽ phá vỡ hết những khuôn thước đúng sai, hay dở, phải quấy, hơn thua, thanh tịnh, ô trọc trong đời này liền. Và người đó sống đời sống không nhiễm, không tịnh. Họ vô chỗ nhiễm mà không nhiễm được, ở chỗ tịnh họ cũng không vướng trong đó. Vào chỗ nhiễm cũng đi ra tự tại, đến chỗ tịnh cũng đi ra tự tại. Ở hai cái nhiễm tịnh, đúng sai, thiện ác họ thấu suốt và tự tại không lầm lẫn; chứ không phải không biết thiện ác, đúng sai. Họ minh định rất rõ, thấu suốt và ở ngoài hai bên không vướng vào, như vậy mới vượt khỏi nhân duyên và tự nhiên.

VĂN KINH

Đoạn 2: Gạn hỏi nguyên nhân khởi nghi

Phật bảo ông A Nan: "Như anh Diễn Nhã Đạt Đa trong thành, nếu trừ được nhân duyên tính cuồng, thì tính không cuồng tự nhiên hiện ra. Lý nhân duyên tự nhiên cuối cùng như vậy."

Ông Diễn Nhã Đạt Đa có tánh cuồng đi ra từ đâu? Từ sự mê lầm chấp bóng. Nếu không chấp cái bóng trong gương là cái đầu của mình, thì không có khùng điên chạy ở ngoài nói tôi mất cái đầu tôi vừa thấy. Vừa rọi kiếng thấy cái bóng của mình trong gương, úp kiếng thấy mất, là mình mất cái bóng chứ không phải mất cái thiệt. Mà chúng ta đã từng đuổi tìm cái bóng bao nhiêu ngàn kiếp rồi? Thấy cái này là hạnh phúc, thấy cái kia là bình yên, thấy cái nọ là sung sướng, mình phải sống như vầy cho thân được yên, sống như vầy cho thân được

sung sướng, sống như vầy cho tâm được an lạc. Rồi cố đào tìm đời này kiếp nọ là chúng ta chỉ chạy luẩn quẩn.

Ví dụ mang thân người thì chúng ta tìm đủ phương tiện cho thân người được an ổn, nếu mang thân thú thì tìm chỗ nào cho thân thú được an ổn, nếu mang thân ngạ quỷ thì tìm cái gì đó cho thân ngạ quỷ được an ổn. Chúng ta vào cõi nào thì cõi đó là sở hữu, là sự chấp trước của chính mình. Vào cõi chúng sanh thì chúng ta chấp trước phải có cái này, cái kia cho một chúng sanh.

Cái gốc là từ chỗ chúng ta chấp ngã, do chúng ta không thấy biết đúng với sự thật, không đúng với chân lý nên chúng ta chấp ngã của người, chấp ngã của thú, ngã của ngạ quỷ, ngã a tu la, ngã địa ngục, ngã của cõi trời, ngã của lục đạo, ngã của chúng sanh. Tu thì chúng ta phải vượt ra ngoài ngã chấp này một lần, phá vỡ cái đang có của mình là một chúng sanh đang sống ở cõi Ta Bà. Chúng ta tu tập phá vỡ tông môn tính, dân tộc tính, chúng sanh tính để thấy mình là chúng sanh không phải của một đất nước nhỏ hẹp nữa, mà mình là chúng sanh của cõi Ta Bà này thì chúng ta mới ra được. Cái ngã chúng ta từ lớn chúng ta thu nhỏ nhỏ nhỏ lại, bây giờ phá ngược lại từ cái nhỏ phá luôn tới cái lớn thì chúng ta mới ra ngoài cõi này được.

Chúng ta theo đạo Phật thì đạo Phật là số một, theo đạo Chúa thì đạo Chúa là số một, theo Tịnh độ thì Tịnh Độ là số một, theo Thiền tông thì Thiền tông là số một, cái nào cũng thành một với mình, tức là chúng ta đã chấp bóng. Từ lớn chúng ta gom thành nhỏ, từ nhỏ chúng ta làm ra rộng, thì cũng là sự chấp mới chấp cũ thôi, là thay đổi hình thức chấp trước của mình thôi chứ không có gì mới lạ. Nếu tiếp tục làm như

vậy là chúng ta tiếp tục mê lầm, chứ không có chạy đâu được. Nên việc tu tập muốn phá ra ngoài tam giới thì khó thật khó, chứ không đơn giản.

VĂN KINH

Đoạn 3: Ví dụ cái đầu xưa không mất để chỉ ra tính cuồng giả dối

Chi 1. Phá tự nhiên

A Nan, như cái đầu anh Diễn Nhã Đạt Đa vốn là tự nhiên. Nó đã tự nhiên như thế thì không có lúc nào không tự nhiên, vậy vì nhân duyên gì mà sợ cái đầu, phát cuồng bỏ chạy?

Đoạn này Đức Phật đang dẫn dụ ngài A Nan tới chỗ gọi là tự nhiên. Đức Phật nói cái đầu Diễn Nhã Đạt Đa nó tự nhiên như vậy, nó không có hiện ra trong cái kia, nó vẫn không phải là cái thiệt. Cái ông thấy trong gương nó chỉ là cái bóng, cái đầu vẫn còn nguyên trên cái cổ của ông chứ nó không có mất. Trước khi ông phát cuồng thì cái đầu nó vẫn nguyên như vậy, ngay khi ông phát cuồng thì cái đầu nó vẫn nguyên như vậy, sau khi ông tỉnh lại thì cái đầu nó cũng là như vậy, thì không phải nhân cái cuồng mà bây giờ ông có cái đầu, không phải nhân ông hết cuồng mà ông còn cái đầu của ông.

Từ trước tới giờ mình có nghĩ mình có nghiệp sanh tử, nghiệp ái, bây giờ tu hết nghiệp sanh tử, hết nghiệp ái để mình có được cái giác ngộ, nhưng ở đây Đức Phật muốn nói đến Bồ Đề, Giác Ngộ, Tự Tánh, Bản lai diện mục của mình vốn có sẵn ở đó. Trước khi ông có mầm mống sanh tử cái đó vẫn có,

ngay khi ông đi sanh tử luân hồi cái đó vẫn hiện hữu, sau khi ông dứt trừ tất cả mầm mống sanh tử luân hồi cái đó vẫn là nguyên là như vậy từ xưa tới giờ, chưa hề có sự thay đổi nào. Ý Đức Phật muốn nói mặc dù nó sẵn có nhưng nó không phải tự nhiên.

VĂN KINH

Chi 2. Phá nhân duyên

Nếu cái đầu vốn tự nhiên, do nhân duyên nên phát cuồng, vì sao không tự nhiên do nhân duyên mà mất, cái đầu vốn không mất, cái cuồng sợ giả dối phát ra, chứ nào có thay đổi gì mà phải nhờ đến nhân duyên?

Diễn Nhã Đạt Đa phát cuồng là do nhìn và chấp bóng ở trong gương là một sự sai lầm. Thay vì do thấy cái bóng đó mà biết mình có cái đầu ở đây thì là người tỉnh. Do chúng ta thấy duyên cảnh, do chúng ta tiếp xúc lục trần mà chúng ta ngầm rõ biết mình có cái đang biết, thì mình là người tỉnh. Nhưng khi tiếp xúc duyên trần mình thấy mình nghe thì mình lại thấy cái thấy này là thiệt, cái nghe này là thiệt là chúng ta đã hướng ngoại đã chấp bên ngoài nên chúng ta trở thành người cuồng. Cuồng là do chúng ta hướng ngoại chấp trước. Muốn không cuồng là chúng ta không tiếp tục hướng ngoại chấp trước nữa, chứ không phải do chúng ta quay ngược trở lại. Không cần phải quay ngược trở lại, nhưng đừng hướng ngoại chấp trước nữa thì chúng ta liền hết cái cuồng đó. Khi hết cái cuồng đó rồi thì không phải do hết cuồng mà sanh Bồ Đề, mà Bồ Đề là cái sẵn có của chính mình, nhưng mình lại không hay biết.

Như mình đang đứng ngoài nắng tự nhiên cái bóng hiện ra. Người bình thường thì thấy sao cái bóng nó đẹp, chứ không thấy cái người đang đứng này nó đẹp. Tại chúng ta chấp trước, chúng ta chăm sóc, chúng ta lo lắng cho cái bóng. Còn người tu thì hiểu cái bóng không phải là mình, nhưng lại có ý khác là đập bóng đó, không chấp nhận cái bóng này. Đi ra giữa nắng mà xách cây đập bóng, như kiểu công phu ngồi chờ vọng tưởng vừa khởi là diệt, là đè, là nén làm sao cho nó đừng khởi là chúng ta làm như Diễn Nhã Đạt Đa vậy.

Người thấy bóng biết mình ở đây thì lấy gì mà đập? Cái bóng có tốt, có xấu, có dài, có ngắn, có ốm, có mập cũng là cái bóng, những ý niệm thiện ác, buồn thương, những dao động tâm thức của mình, nó là cái bóng mà mình đang thấy. Thấy bóng, biết mình đang rõ biết cái bóng là đủ rồi. Nhưng tất cả người tu không chịu điều này. Cái mà lúc nào cũng thấy bóng, cái đó nó không thay đổi bởi thời gian và không gian, đó mới là cái thật định.

Chúng ta thấy bóng để rõ mình. Cái rõ mình do thấy bóng nó vẫn còn cái gì đó. Khi thấy bóng để rõ mình là một bước nhảy nhưng vẫn chưa tới. Tức là cái mình đang rõ này không phải do có bóng và không bóng, có bóng nó cũng rõ mà không bóng nó cũng rõ. Có vọng niệm nó vẫn rõ biết, không vọng niệm nó vẫn rõ biết, không đợi có vọng niệm nó mới rõ biết.

Cái biết không cần đối tượng. Khi chúng ta công phu ngồi thiền được định, bặt hết các ý niệm, lúc đó phải đủ trí tuệ để minh định được khoảnh khắc định của mình là còn có người đang biết định không, hay định là cái duy nhất. Ở đây không nói vọng niệm nữa, mà chúng ta tới chỗ bặt dứt rồi, thì

chính ngay cái chỗ bặt dứt này nếu một hành giả tu Thiền khéo, căn cơ lớn, có một chút nhạy bén thì họ sẽ qua cái chỗ định này để họ tới cảnh giới khác. Lúc mình trụ định sẽ có mình và có định rõ ràng chớ không mất. Chúng ta vẫn còn cố thủ cố định cố giữ.

Tới chỗ mà chúng ta hoàn toàn không còn có đối tượng nữa, chúng ta biết không phải vì chúng ta biết hư không này, không phải chúng ta biết vật chất này, không phải chúng ta biết vọng và không phải chúng ta biết cái định này. Không có ý niệm để biết nữa, hoàn toàn không có con người ở đó để biết. Cái biết không còn có người và không còn đối tượng. Không có mình biết, cái khẳng định về mình từ trước tới giờ nó tự xóa đâu mất. Tới phút đó phải mất cái mình đang trụ định, mất cái mình quen thuộc, thì chúng ta sẽ có cái biết không phải cái từ xưa tới giờ.

Phải tinh tế thật sự chúng ta mới đủ sức nhận ra, nó vượt ngoài ngã và pháp. Nếu như chúng ta vẫn chưa phá vỡ cái quen thuộc của mình thì mình thấy có, thấy không, thấy phải, thấy quấy. Còn phút đó là hoàn toàn không có cái biết cũ và không phải do hồi trước mình biết vậy nên giờ mình biết vậy. Nó mới, một khoảnh khắc mới mẻ tuyệt đối, không phải là cái biết quen thuộc của tâm thức, không phải là đường xưa lối cũ, chỗ này gần như người công phu phải hết sức tinh tế, phải có căn khí, nếu không tới đây chúng ta không vượt qua cái không lặng lẽ, và chúng ta trở lại cái chấp ngã như xưa. Mặc dù chúng ta tu có kết quả ngồi được định có thể nhập định một ngày, hai ngày, bảy ngày, thậm chí nhập định hàng trăm năm, hàng triệu năm nhưng vẫn chưa ra được.

Ngay từ đầu chúng ta phải có cái khái niệm chân thật này cho chuẩn mực, để khi công phu vừa tới đây là chúng ta phải khéo. Nhiều năm, nhiều tháng cực quá mình muốn được yên, muốn được định, tắt được ý niệm cũng mừng lắm nghĩ đây là đạo, dụng công như vậy nghĩ là mình tới rồi. Nhưng thực sự không tới đâu hết, chỉ tới ngang chỗ yên thôi. Mình chấp chỗ yên này một tháng, hai tháng, một ngày, hai ngày, không có chuyện gì khó. Nhưng còn có chỗ để mình lưu trú, còn có bám níu được, còn có thể nương tựa được, còn có thể trụ bám được, là chúng ta tạo chỗ sanh tử mới cho mình.

Khi chúng ta học là phải khéo nhận định cảnh giới tâm thức xảy ra, dù một mảy may nhỏ nhiệm cũng phải nhận định ra. Nếu chúng ta rớt vào cảnh giới định, thì nhân cơ hội định này chúng ta qua bờ bên kia của tâm thức, thì chỗ này gần như bờ mé rồi. Nếu chúng ta không vượt qua, thì chúng ta trở lại tâm thức cũ, trở lại nhân duyên và tự nhiên liền. Việc này đòi hỏi một trí huệ rất nhạy bén, chậm một chút không được.

Như ngài Lâm Tế nói là phải "nhạy như đá sẹc điện nháng" vẫn biện biệt được một cách rất rõ ràng. Nó sẹc một đường dài bao nhiêu và nó tắt là phải biết. Khởi đầu của cái sẹc, kết thúc cái sẹc, đoạn giữa cái sẹc chúng ta biện biệt rõ ràng. Đòi hỏi một trí rất sắc, phải dùng từ là thông minh cực độ. Không phải người thông minh là người đọc qua thuộc lòng. Đọc hết Kinh điển thuộc lòng chưa gọi là người thông minh. Người thông minh là người nhạy cảm nhất, tinh tế nhất, tất cả đều biện biệt rõ ràng tường tận không lầm lẫn.

Ví dụ từ xưa tới giờ chúng ta không có làm công việc buôn bán, nhưng khi bước vào lĩnh vực đó chúng ta rất nhạy cảm để biền biệt cái này thế nào, nó sẽ lên giá lúc nào, xuống

giá lúc nào mình sẽ rất rõ ràng. Dù cảnh giới rất mới với mình trong đời sống, như bước chân vào chùa là mình sẽ biết sinh hoạt ở đó như thế nào, mình ở đó một ngày rất phù hợp, không chống chõi, không khó khăn gì. Nhạy cảm, nhận biết tường tận và phù hợp đó là cái đầu thông minh. Người thông minh luôn luôn tiếp xúc cảnh giới mới, thấu thoát cảnh giới mới để đi ra không lầm, tâm luôn nhạy cảm mới mẻ tinh anh hoàn toàn.

Khi chúng ta công phu đạt tới chỗ định chúng ta phải tỉnh táo để coi nó có phải là cái biết cũ không, có quen thuộc không, nếu thấy nó quen thuộc thì chúng ta tiếp tục đừng có dừng lại. Thôi đi cái biết quen thuộc này thì chúng ta sẽ rớt vào cảnh giới mới, ngoài tâm thức thực sự mới vì không còn tù đọng cũ nữa, sự vận hành của pháp giới Tánh toàn chân luôn luôn mới. Từ đó về sau, tâm chúng ta mỗi giây phút, mỗi sát na mỗi mới, hoàn toàn không có chuyện cũ, và đời sống chúng ta là đời sống mới.

Tức là chúng ta chết thân cũ này, bắt đầu được sanh trong cảnh giới mới hoàn toàn, thì không phải trải qua thân trung ấm nữa. Một chuyển thân qua một cảnh giới mới thành một con người mới, một tâm thức mới mẻ tuyệt đối, bỏ vô đâu cũng không bị dính, còn không thì sẽ bị dính mắc hoài. Nhập định buông ra cũng dính mắc, không thoát được sanh tử, không thoát được cái dính mắc trong tam giới này. Nếu một phen vượt qua cái nhận định cũ của tâm thức thì chúng ta sẽ thấy từng sát na một chúng ta sống ngoài không gian và thời gian. Ngay tại đây không có quá khứ, không có hiện tại và không có vị lai. Ngay tại đây không phải chỗ này nó khác với trước, không phải chỗ này nó khác với chút nữa. Cho nên cái

nghe chúng ta hiện giờ nó luôn là như vậy nếu chúng ta khéo nhận.

Chúng ta muốn nói định kia để nói cái hiện tiền này của mình. Chúng ta tinh tế một chút để chúng ta nghe cái nghe không quen thuộc. Chúng ta vẫn luôn rõ biết âm thanh nhưng không phải chú tâm để nghe. Chúng ta vẫn còn ngồi đó để nhận biết âm thanh, vẫn thấy mình không phải là âm thanh này, thì đó là cái quen thuộc. Khéo thấy cái quen thuộc này để chúng ta có cái đang nghe mới mẻ hiện tiền không quen thuộc, là cái nghe ngoài tâm thức.

Thiền rất dễ ở khoảnh khắc nhỏ nhiệm này, khéo một chút thì ngay tại đây chúng ta tới liền, còn không khéo chúng ta vẫn tiếp tục nghe hoài kiểu cũ, ra không được. Đủ sức minh định cái nghe này là cái nghe cũ hay không? Mấu chốt của vấn đề là nghe cũ và nghe mới, mình đủ sức minh định được hay không? Đòi hỏi người tu không phải là người tầm thường mà có thể tu được. Người bình thường không thể tu được chỗ này, vì nhúc nhích là từ phàm thành Thánh liền, một sự chuyển biến, cửa ngõ này tí xíu thôi là thành Thánh, còn không qua cửa hẹp này thì mãi mãi là phàm phu.

Chúng ta tập nhìn để thấy cái quen thuộc này. Ví dụ thấy ông thầy mặc áo vàng, tự nhiên hôm nay ổng mặc áo xanh, mình thấy sao ông thầy không mặc áo vàng có phải đẹp hơn không, đó là cái thấy quen thuộc. Hôm bữa ổng mặc đồ ông thầy, nay tự nhiên ổng mặc đồ tây, không được, ổng mặc đồ tây là không đúng. Cái thấy biết quen thuộc nó đã in đậm trong tâm thức của chúng ta, nên chúng ta phải tự nhận ra được nó trong mọi thời mọi lúc, mọi hoàn cảnh thì chúng ta luôn luôn mới.

Rõ ràng vị thầy này đang hiện hữu ngay tại đây và giờ phút này, không phải là vị thầy trước đó, nếu tâm thức mới thì mình nhận vị này rõ ràng ngay tại đây và bây giờ, chứ không có cái bóng cũ của vị này nữa. Hồi xưa nhìn người này đẹp trai quá bây giờ tóc họ bạc hết rồi. Không phải thấy ông tóc xanh ngày xưa mà phải thấy ông tóc bạc ở đây. Khoảnh khắc hiện tiền này đầu óc chúng ta phải hết sức linh thông chúng ta mới kịp tiếp nhận, chứ không chúng ta không nhận nổi, thực sự rất khó nhận. Nếu đầu chúng ta có chút gì mù mờ thì không thể nhận ra.

Thành ra người tu Thiền phải nhạy bén, nhạy cảm, linh thông tuyệt đối. Từng khoảnh khắc nhỏ nhiệm nhất chúng ta cũng phải mới. Mọi thời, mọi lúc đối duyên chúng ta là người mới, còn không cứ thấy cũ nghe cũ, mà thấy cũ nghe cũ là nghe lại, là tiếp tục vòng lại sanh tử. Chúng ta nghe mà không phải cái nghe cũ nữa, chúng ta thấy mà không phải cái thấy cũ nữa. Đây là chỗ khéo trong công phu hiện tiền.

Người tu Thiền là ngay đời sống hiện tại này, ngay phút giây này và tất cả những phút giây còn lại trong đời mình, chúng ta phải là người ở trong Thiền. Người ở trong Thiền là người luôn luôn mới, có một chút cũ là biết mình đã sai lầm. Chúng ta đã từng làm chuyện sai lầm đó, chúng ta không chịu sống đúng với cái thực tại hiện tiền, chúng ta không thể chấp nhận nổi tại vì cái cũ nó có cảm giác, còn cái mới mẻ này hoàn toàn không có cảm giác.

Mình thấy người mình thương thì lòng mình có cái gì nó ấm ấm, còn người mình không thương thì không có cái ấm ấm đó, nếu mình ra khỏi cái ấm và cái lạnh của cõi lòng thì mình sẽ có cái khác ngoài cái ấm và cái lạnh này. Đó là cảnh

giới ngoài tâm thức, mà người nào tới đây họ sẽ thấy mênh mông sự an lạc, chứ không phải mất ấm mất lạnh là mình mất hết. Không phải như vậy. Chúng ta phải nhạy cảm linh thông thật sự trong mọi thấy nghe. Cái đầu chúng ta phải sắc sảo, phải tinh tế nhạy bén để vừa nhận cái cũ là biết, chứ không là chúng ta không thể ngộ Thiền kịp.

Các vị Thiền sư gặp nhau hỏi một câu rất chớp nhoáng ông kia phải trả lời chớp nhoáng, nếu suy nghĩ là đánh ba gậy đuổi đi liền, để thấy nó nhạy bén linh thông lắm. Cái thấy của người vượt tầng tâm thức là không gợn bóng cũ. Hỏi lại cái chuyện ngay tại đây thì ngay tại đây khoảnh khắc rất nhỏ là có đáp án cho mình liền, rất phù hợp đạo lý và không cho tâm thức can dự vào. Có tâm thức can dự vào đều là bóp méo sự thật. Đời sống này nếu mình buồn người kia, trách người kia, hờn người kia là tâm thức cũ đã can dự rồi. Mình thấy đúng, thấy sai là tâm thức cũ đã can dự rồi. Mình dám chấp nhận đời sống không đúng, không sai nổi không? Ai không đủ gan vượt qua khỏi cái đúng sai, nhiễm tịnh trong đời này là muôn đời không bao giờ thấy đạo.

Tại sao mình không thấy bằng cái thấy riêng của mình, không nghe bằng cái riêng của mình? Nghe riêng và thấy riêng hoàn toàn không có khái niệm đúng, sai, hay, dở mới là cái của mình. Ví dụ, nhìn cái bàn nói nó là cái bàn là cũ rồi, là cái tên mà người khác đặt định cho nó. Nhưng mình nhìn nó trước cái danh tự cái bàn, thì nó là cái gì? Chúng ta phải nhìn ngoài danh tự. Có danh tự là có ý thức, thử nhìn một cái ngoài danh tự, ngoài đối tượng thì nó sẽ ra chuyện. Đời chúng ta chỉ cần làm một chuyện đó thôi chớ không cần làm nhiều. Chuyện tu tập có một chút xíu chúng ta làm được hay không, rất là khó,

nhưng mà cũng rất dễ. Chúng ta buông xuôi tất cả những cái nương tựa của mình trong cuộc đời một lần thử xem.

Chúng ta không tựa kiến thức cũ thì cũng tựa kiến thức mới, không tựa kiến thức trần gian thì cũng tựa kiến thức đạo lý. Chúng ta không tựa cỏ cũng không nương lá, nương chỗ này, gá chỗ kia. Thử chúng ta không nương gá một lần là xong chuyện. Chúng ta phải đứng bằng đôi chân của chính mình trong tam giới này, thì mình mới đi tự tại, còn tựa nương người khác thì người ta sẽ lấy lại và mình té nhào trở lại, không ra được.

Người tu nên có những phút giây cho riêng mình, ôn đi ôn lại những chuyện cũ, dù có nhớ hay không nhớ thì chuyện đó không còn quan trọng với mình nữa. Bây giờ mình làm chuyện khác rồi, không có hơn thua với cái nhớ nhung, không có hơn thua với cái buồn thương giận ghét, chúng ta biết mình đang buồn đủ rồi, dần dần cái cửa ngõ biết cũ mà chúng ta nhận định được tới đỉnh này là chúng ta qua, phải biết mình kẹt chỗ nào mới biết tháo, đó là cái gút đầu tiên đi vào sanh tử. Ngồi đây không có mấy người đủ trí tuệ phân định rằng mình đang thấy cái này là cũ, đang nghe kiểu này là kiểu cũ, đang nghe lại, đang nghe theo thói quen. Đủ sức để mình ra khỏi chỗ này giùm. Nghe không phải là nghe cũ nữa, nghe này mới vì câu này mới chửi, lời này mới trong khoảnh khắc mới thì mình là người đang mới để rõ biết cái mới đang hiện hữu, thì không có bóng dáng khổ và vui nữa. Đang ở chỗ mới thì không khổ không vui, đang ở chỗ mới thì không có thời gian, không có không gian, không có quá khứ, không có hiện tại, không có vị lai.

Nếu chúng ta đang ngồi ngay tại đây và bây giờ thì mấy cái đó khuất bóng, muốn kiếm cái khổ cũng không có. Như vậy chúng ta đã vượt khỏi khổ vui, vượt khỏi sanh tử. Cái rõ biết này nó không phải sanh, không phải tử. Có cũ có mới, mới sanh tử. Có quá khứ, có hiện tại, có vị lai, có khái niệm được đặt để vào thì sanh tử sẽ hiện ra. Cái này có thì cái kia sẽ có, cái này không thì cái kia sẽ không theo kiểu nhân duyên. Nhưng chúng ta ở ngoài có, không thì bất kỳ thời điểm nào chúng ta cũng có thể nhập trong pháp giới Tánh toàn chân, bất kỳ thời điểm nào chúng ta cũng có thể nhập vào Tự Tánh.

Chúng ta không chờ đợi thời gian khác, vì khoảnh khắc vùn vụt trôi qua rất nhanh chóng, rất nhạy bén, chúng ta phải đủ tuệ để thấy rằng khoảnh khắc này chúng ta đang lưu trú ở chỗ cũ, hay là chúng ta hết lưu trú chỗ cũ để chúng ta thấy bằng cái riêng của chính mình. Khoảnh khắc kế chúng ta cũng luôn thấy bằng cái riêng của chính mình, khoảnh khắc kế chúng ta cũng luôn thấy bằng cái riêng của chính mình, là chúng ta luôn sống trong đạo lý, không có chỗ để chúng ta trụ lại được. Đến mức độ chúng ta thấy là mình không có chỗ nào để trụ, không có mình để trụ chỗ nào là xong chuyện. Mình không có chỗ trụ vẫn chưa xong.

Có vị Thiền sư ngộ đạo nói nghe hay lắm: "*Ngày xưa ta nghèo ta không có đất cắm dùi, nhưng chưa thật là nghèo, bây giờ mới nghèo thiệt, không có dùi để cắm."* Ngộ đạo nói chuyện nghe rất là hài hước như vậy để thể hiện cái thấy biết không ngã không pháp. Chúng ta phải học cho tới chỗ này, để khi mình bắt đầu công phu tới những cảnh giới, mà chúng ta thấy nó vẫn còn một chút lợn cợn lăn tăn trong tâm thức mình có một chút gì đó về mình thôi, là phải tận trừ ngã chấp và

pháp chấp. Một xíu xiu ngã chấp và pháp chấp là vẫn lưu trú tiếp tục sanh tử không ra được.

Không phải ngang tầng đó là xong đâu, nó sẽ trở lại đời sau chúng ta sẽ huân tập cả một cuộc đời tu tập mới nữa, rồi chúng ta cũng tới tầng đó. Cố gắng trong đời này chúng ta phải ra được, thì đời sau muốn chơi cõi nào cũng được. Còn đời này mà chúng ta không ra được là bị đi chỗ này chỗ kia cực lắm, được tự do chọn lựa thì sẽ tốt hơn.

VĂN KINH

Đoạn 4: Phá nhân duyên tự nhiên dẫn vào Bồ đề

Chi 1. Phá nhân duyên vào vô công dụng đạo

Thế nên tôi nói: Ba duyên đã đoạn tức là tâm Bồ đề, tâm Bồ đề sinh thì tâm sinh diệt diệt, đó cũng chỉ là sinh diệt, diệt và sinh đều hết, thì gọi là vô công dụng đạo.

Đức Phật nói ba duyên sát, đạo, dâm hết thì sinh diệt tự nhiên hết, chỉ là chuyện hết và còn của vọng niệm chứ chẳng dính dáng gì tới Bồ Đề này. Khi đi vào công phu đến đoạn tâm yên, mình sẽ nhớ chuyện quá khứ, như hồi một tuổi đi té kiểu nào nó cũng nhớ ra, nó hiện rõ lắm, nó cuồn cuộn trào ra, nếu chúng ta không đủ bình tĩnh thì mình trở thành người cuồng loạn vọng tưởng, chứ không phải người tu tập tốt. Mình nghĩ như vậy, nhưng nghĩ như vậy là sai.

Người tâm yên chừng nào thì càng nhớ rõ chuyện quá khứ chừng đó. Ngồi mà không vọng hướng tương lai là chuyện dễ làm và nhẹ nhàng lắm, nhưng cắt chuyện quá khứ thì khó. Chuyện cũ mình nghĩ không có, chứ lúc nào nó cũng đầy ắp cuồn cuộn. Chúng ta nên mừng vì tâm mình yên nên

mình thấy được nhiều chuyện quá khứ. Không phải tu dở mà tu hay mới nhớ quá khứ. Tâm yên thì chuyện cũ tự ra, thì cứ để cho nó ra, như phim đã quay thì phải chiếu mới hết được. Mình rõ biết nó để cho nó ra hết, đừng có ngăn chặn, đừng có đè nén, nó không ra thì nó không hết đâu. Để nó ra một cách tự nhiên, ra bao nhiêu rõ biết bấy nhiêu, cái chính là không lầm lẫn, chứ điều quan trọng không phải là trừ diệt cho sạch.

Đức Phật nói, còn hay mất là chuyện của sanh tử, của ý niệm chứ không phải chuyện của Bồ Đề. Bồ Đề không có dính dáng tới chuyện có và không này. Không ở trong nhân duyên, không ở trong tự nhiên mà nó ở ngoài rồi.

VĂN KINH

Chi 2. Phá tự nhiên, thành vô hý luận

Nếu có tự nhiên, như vậy thì rõ ràng tâm tự nhiên sinh, tâm sinh diệt diệt, đây cũng là sinh diệt. Phải không sinh diệt mới gọi là tự nhiên. Cũng như trong thế gian các tướng hòa lẫn với nhau thành một thể, gọi là tính hòa hợp. Cái chẳng phải hòa hợp thì gọi là tính bản nhiên.

Bản nhiên không phải bản nhiên. Hòa hợp không phải hòa hợp. Hòa hợp và bản nhiên đều ly (rời bỏ), ly hợp đều "phi" (không phải), câu nói này mới gọi là pháp không hý luận.

Một đoạn rất tuyệt vời, Đức Phật nói: Nếu có tự nhiên là tâm tự nhiên sinh. Cứ để mọi cái nó tự nhiên, cái gì tới nó tới, cái gì qua nó qua, tự nhiên chúng ta liền trở thành người ba phải, chúng ta bắt đầu sanh tâm tự nhiên và sanh một đời sống tự nhiên, chứ không phải đạo lý tự nhiên.

Đạo lý tự nhiên là không có ép mình sống đúng với tự nhiên, mà nó là như vậy rồi, chúng ta sống khác không thể được, không phải chúng ta cố sống để được phù hợp. Hai cái này khác nhau. Bây giờ mình thấy đúng, thấy sai là cái thấy của tâm thức. Cái thấy đó không phải đạo, cái đạo là không thấy đúng, không thấy sai. Bây giờ cố gắng sống không đúng không sai, tức là chúng ta sanh cái tâm tự nhiên, là tâm thức chấp nhận một chuyện mới để cố sống cho đúng cái mới này, được mệnh danh là đạo. Chỗ này rất khó qua.

Trong đạo Phật và rất nhiều người bị kẹt chỗ này. Tôi thấy không phân biệt, nghe không phân biệt thì sai cái gì? Có cái thấy để mình làm theo vẫn là tâm thức. Chúng ta nên biết điều này. Dù cái thấy đó là đạo. Tay đã thọc vô lọ mực rồi thì tự động nó sanh cái màu đúng như màu mực, chứ không phải cố gắng để thành màu đó. Tay đã rớt vô trong nước thì tự động nó ướt, chứ không phải tôi cố gắng để ướt nữa. Rớt nguyên cái mình xuống nước, bây giờ nói tôi cố gắng để ướt là điều sai lầm. Ráng sống để hết đi cái phân biệt hai bên là điều sai lầm. Cái phân biệt và không phân biệt không phải là quan trọng. Biết nó đang phân biệt là đủ, đừng có thêm, đừng có bớt. Không quan trọng nên không thêm, không bớt. Nếu chúng ta quan trọng thì chúng ta sẽ thêm sẽ bớt.

Bây giờ cố gắng thấy biết đừng có quan trọng nữa, thấy nghe đừng có quan trọng nữa. Không chuẩn bị thấy. Không chuẩn bị kiến thức thấy cái này là đỏ, là xanh, là vàng; không luôn cái không chuẩn bị đó để thấy bằng cái vô tư hồn nhiên riêng biệt nhất của mình trong cái thấy nghe. Không chuẩn bị để thấy mà không có cái gì không thấy. Không chuẩn bị để nghe mà không có cái gì không nghe. Cái nghe không

chuẩn bị thì nó sẽ dẫn tới cái nghe không có mình nghe và đối tượng để nghe, để mình ra ngoài cái tầng đó.

"Cũng như trong thế gian các tướng hòa lẫn với nhau thành một thể, gọi là tính hòa hợp. Cái chẳng phải hòa hợp thì gọi là tính bản nhiên."

Đức Phật nói trong thế gian này nó có cái hòa hợp. Ví dụ bây giờ mắt mình thấy hình sắc phía trước, tức là căn và trần hợp nhau, rồi lại thêm thức phân biệt đây là cái hoa, đây là cái lá, đây là màu đỏ, đây là màu xanh là nó có cái hòa hợp giữa căn, trần và thức. Đây là một lối công phu rất khéo nếu chúng ta nhận định ra. Còn hòa hợp là thế gian, mà không hòa hợp là ra ngoài thế gian. Chúng ta nên thấy một sự không hòa hợp coi là chúng ta ra ngoài thế gian liền.

Nghe là liền có mình, có âm thanh là có căn và có trần, có mình và có cái đang bị mình nghe là chúng ta đang hòa hợp căn trần. Chúng ta đang hòa trộn trong trần gian này. Thử ai nói một câu ngoài căn trần, để chúng ta là người nghe mà không hòa hợp. Nghe mà còn hòa hợp là chúng ta sẽ nói không nổi. Còn hòa hợp để thành cái thể nào đó, để được cái gì đó là tiếp tục hòa hợp chứ không phải chúng ta đi ra.

"Cái chẳng phải hòa hợp thì gọi là tính bản nhiên"

Tính bản nhiên của mình nó không hòa và không hợp trong trần gian này. Cái thấy tự nhiên mình có khái niệm đó là con mắt, có cái nghe tự nhiên mình có khái niệm là tai nghe, thì có con mắt là có sắc trần, có lỗ tai là có thanh trần. Bây giờ thấy đừng có khái niệm con mắt nữa, mà chúng ta nhận định vật chất không phải là con mắt một lần, phá từ cái gốc là con mắt mình. Chúng ta nhận định âm thanh không phải lỗ tai

được không? Chúng ta nhận biết duyên trần không phải lục căn này được không?

Chúng ta có cái ngoài lục căn để biết mọi cái, thì chúng ta ra ngoài cái hòa hợp mới tới cái bản nhiên. Cái bản nhiên đó nó không có cần có căn và không cần có trần. Ví dụ thấy sắc mình phân biệt, rồi mình thấy cái phân biệt này là không đúng, mình dừng sự phân biệt đó. Thấy sắc phân biệt là có căn, trần, thức; có sự hòa hợp ở đây. Bây giờ mình biết hình sắc đang hiện hữu mà vượt khỏi căn, trần, thức nổi không? Chúng ta phải nhận định chỗ này phải vượt cái hòa hợp thì chúng ta thấy ra ngoài, nếu không chúng ta bị vướng trong sự hòa hợp đó.

"Bản nhiên không phải bản nhiên. Hòa hợp không phải hòa hợp. Hòa hợp và bản nhiên đều ly (rời bỏ), ly hợp đều "phi" (không phải), câu nói này mới gọi là pháp không hý luận."

Chỗ này thực sự khó với chính mình. Chúng ta nhận định là căn, trần, thức hòa hợp, bây giờ chúng ta vượt ra ngoài cái hòa hợp đó đi để chúng ta tới chỗ thấy không hòa hợp, nghe không hòa hợp là chúng ta không còn hòa hợp nữa. Chỗ này ông Bàng Long Uẩn hỏi: *"Thế nào là người không cùng vạn pháp làm bạn lữ?"* Một câu hỏi tuyệt vời! Cho nên ông mới ngộ đạo. Một câu hỏi bất hủ mà từ xưa tới giờ chưa có ai hỏi trong lúc đi tầm đạo. Đức Phật nói rời cái hòa hợp mới là người không cùng vạn pháp làm bạn lữ, nhưng ở tâm chúng ta lại sanh loại tâm không hòa hợp mới. Tức là mình thấy hòa hợp là sai đạo lý, không đúng, bây giờ mình cố gắng để mình không hòa hợp, là chúng ta tiếp tục có cảnh giới mới không hòa hợp cho tự tâm của mình. Do mình hiểu hòa hợp không

đúng nên mình sống không hòa hợp. Điều đó đúng với sự nhận định của tâm thức, đúng với lý luận của đạo lý, nhưng chưa phải là người hòa nhập trong chỗ không có hòa, không có hợp.

Bây giờ hòa hợp là sai rồi, chúng ta sống ly, tức là hòa hợp bản nhiên theo cái tự nhiên, tức là chúng ta thấy tâm hòa hợp không đúng, mà tâm ly sống phù hợp với bản nhiên là đúng. Nếu chúng ta còn nhận định rằng sống ly cái hòa hợp là đúng, thì cũng tiếp tục là lớp chấp trước mới nữa. Cho nên chúng ta phải lìa luôn cái tâm bản nhiên và cái tâm hòa hợp, thì chúng ta còn gì? Hòa hợp cũng không dính, tâm bản nhiên cũng không dính, còn cái ly. Khởi cái gì chúng ta cũng ly, chúng ta không chấp nhận bên đây, không chấp nhận bên kia, không chấp nhận có, không chấp nhận không, không chấp nhận tâm bản nhiên tự nhiên, tức là chúng ta đang còn cái ly. Nếu công phu ngồi thiền tốt đi theo kiểu công phu này có thể chúng ta sẽ tới chỗ này, dễ lắm!

Trước kia mình thấy cái gì đó nên bây giờ mình ngồi nó hiện hình bóng này, hình bóng kia, rồi tự nó mất. Rồi nó hiện ra lời nói người này, người kia, mình biết là cái cũ hiện ra, biết vậy thì tự động nó mất, tức là chúng ta lìa được một số dao động. Rồi nó hiện cảnh giới yên ổn ra, nó cũng là cái đang bị mình biết nữa, cho nên không lưu trú chỗ yên ổn này lâu, là bắt đầu chúng ta có cái ly của cái có và cái không. Nhưng nếu ở nơi mình còn có ý niệm lìa bỏ cái có, lìa bỏ cái không, thì nó cũng là một dạng tinh tế nữa của tâm thức, chúng ta nên khéo nhận biết mình đang ly mọi cái. Rớt luôn cái ly này nữa thì còn cái ly không phải có, không phải không, không phải ly và không phải nhận nữa.

Chỗ đó không còn bóng dáng nào, không còn mình ở đó để ly. Còn mình thì còn ly, còn mình thì còn phải, còn quấy, còn ly, còn hợp, còn bản nhiên. Cho nên phải không luôn cái ly này, thì chúng ta sẽ hòa nhập vô cảnh giới không hòa, không hợp, không phải bản nhiên, không phải ly, mà nó chỉ nguyên là như vậy. Cái đó nó ngoài ngôn ngữ hiện có, đó là chỗ không hý luận. Đây là chỗ công phu thực thụ mà chúng ta phải tới một lần.

Quý vị thấy mình không phải hòa hợp, không phải tính bản nhiên, hòa hợp cũng không đúng, mà tính bản nhiên cũng sai. Ly cái hòa hợp bản nhiên, mình nghĩ hết cái hòa hợp đã là một tầng cao rồi, nhưng hết tính bản nhiên là tầng cao nữa. Ly luôn hòa hợp, ly luôn bản nhiên là tầng rất cao ở tâm thức. Lúc đó mình sẽ không còn là mình. Phút giây không có mình là hoàn toàn không có gì nữa hết, chỉ còn lại một cái duy nhất mà mình không thể nào tự chủ được nữa. Tức là vượt ngoài khả năng tự chủ Hoạt dụng của tâm thức, cái chấp trước của tâm thức tắt mất hết để cho còn toàn tri, nó không phải là thân tâm mình, không phải là thân cũ, không phải là tâm cũ.

Lúc đó mình đang ở trong cái mênh mông đó, mình sẽ thấy rất rõ là cái thân đang ngồi đó nó mong manh, bằng một phần tỷ hạt cát mình đang thấy bằng mắt bây giờ. Đây là điều rất lạ. Quả địa cầu lúc đó còn nhỏ hơn đầu ngón tay út mình đang thấy bây giờ. Thấy quả địa cầu treo lơ lửng giữa hư không, thấy giải ngân hà, thiên hà, những hành tinh, những hằng tinh, những ngôi sao xa xôi nó rất nhỏ treo lơ lửng giữa hư không. Lúc đó mình thực sự nhập trong pháp giới Tánh, mình là cái gì đó thực sự mênh mông chứ không phải là thân tâm này.

Khi chúng ta nhận thân tâm này là chúng ta nhận cái bóng rất nhỏ nhiệm, không phải là cái thật, không phải là cái trùm khắp rộng khắp, nên chúng ta tu theo đạo Phật thì phải tới chỗ này. Còn chưa tới chỗ này thì chưa nói gì với nhau được và chúng ta không ra ngoài tam giới nổi.

Học Kinh Lăng Nghiêm, chúng ta học theo trình tự tháo gỡ của Đức Phật. Đức Phật tháo gỡ điều nào thì mình cho nó rớt, đừng nắm lại. Đức Phật mở cái nào thì mình bung ra chứ đừng co cụm lại nữa. Chúng ta sẽ bị Đức Phật phủi sạch, bị Đức Phật quét sạch, bị Đức Phật mở toang chúng ta ra để chúng ta không còn khu biệt trong thân tâm nhỏ nhiệm nữa, mà chúng ta là người của pháp giới thì lúc đó mới xong chuyện trong đời này.

Chúng tôi mong rằng đại chúng sẽ được điều này trong đời này, nhìn lại kiếp người thấy chúng ta lê lết mang cái thân mấy chục ký lô, đi suốt mấy chục năm trong trần gian này rất cực nhọc. Một ngày qua đã thấy nặng nề, mà còn mấy chục năm, mấy chục kiếp, mấy ngàn kiếp nặng nề lắm, nên giải quyết ở đây càng sớm càng tốt. Chúng ta đừng tiếp tục mang vác nữa, nó chỉ làm cho khổ đau, phiền muộn, nghiệp tập dày thêm trong sanh tử mà thôi. Làm sao mà ngay tại đây chúng ta phải mở toang thành pháp giới liền là xong một đời tu. Còn chưa được như vậy chúng ta còn phải mất nhiều ngàn kiếp nữa cực nhọc khổ đau hoài.

Chúng ta thấy ở tuổi bốn mươi, năm mươi là chúng ta nếm đủ mùi trần thế rồi, vui cũng có, buồn cũng có, sướng cũng có, khổ cũng có, nhưng sướng ít khổ nhiều, vui ít buồn nhiều, mà chúng ta rất sợ hoàn cảnh này tiếp tục xảy ra với

mình trong những đời kiếp tới, cho nên đời này dứt khoát là phải giải quyết cho xong.

Rất mong đại chúng là người có đủ khí phách, có đủ tỉnh táo, có đủ nhạy bén tinh anh để từng khoảnh khắc một chúng ta biền biệt thấu suốt, rõ ràng không lầm lẫn. Đó là loại công phu của Thiền Tông, không đợi nhập định tọa thiền mà người tu luôn sống trong đạo gần như không có hở cách một khoảnh khắc nào, thì nhiều năm nhiều tháng chúng ta mới đủ lực phá vỡ sinh tử, phá vỡ vô minh sâu kín ngàn đời ngàn kiếp.

VĂN KINH

Chi 3. Chỉ bồ đề khuyên tu và trách nghe nhiều thêm lưu ngại

Bồ đề, còn cách xa xôi, nếu ông không trải qua nhiều kiếp siêng năng khó nhọc tu chứng, thì tuy ghi nhớ lý thanh tịnh nhiệm mầu trong mười hai bộ Kinh của mười phương các đức Như Lai, như số cát sông Hằng cũng chỉ càng thêm hý luận.

Ông tuy luận bàn nghĩa nhân duyên tự nhiên quyết định rõ ràng, người đời gọi ông là đa văn bậc nhất. Với cái huân tập đa văn nhiều kiếp đó nhưng không thể khỏi được nạn Ma Đăng Già, phải đợi thần chú Phật đảnh của tôi, khiến cho lửa dâm trong tâm Ma Đăng Già chóng hết và chứng A Na Hàm, ở trong pháp tôi thành rừng tinh tấn, sông ái khô cạn mới khiến cho ông được giải thoát.

Thế nên A Nan! Ông tuy trải qua nhiều kiếp ghi nhớ những pháp bí mật diệu nghiêm của Như Lai, cũng không bằng một ngày tu nghiệp vô lậu, xa lìa hai cái khổ

yêu ghét ở thế gian. Như Ma Đăng Già trước kia là dâm nữ, do nhờ sức của thần chú mà tiêu trừ ái dục, nay ở trong Phật pháp được tên là Tính Tỳ kheo ni, cùng với mẹ của La Hầu La là Da Du Đà La đồng ngộ nhân đời trước, biết trải qua nhiều đời nhân vì tham ái mà khổ, do một niệm huân tu pháp thiện vô lậu, nên người được ra khỏi ràng buộc, người được Phật thọ ký. Sao ông lại còn tự khi mình mà trệ ngại trong vòng thấy nghe."

Đức Phật kết thúc đoạn phá nhân duyên và tự nhiên để dẫn vào Bồ đề và Đức Phật nói với ngài A Nan là Niết Bàn còn xa xôi, nếu không trải qua nhiều kiếp siêng năng tu chứng, thì nhớ nghĩ tất cả những Kinh điển nhiệm mầu của chư Phật khắp mười phương pháp giới này, dù có thuộc lòng đi nữa thì vẫn không phải là pháp dứt bỏ hý luận.

Nếu như chúng ta học đạo và chúng ta hiểu tới mức độ tận cùng chỗ đó là đạo lý, rồi chúng ta bắt đầu ép mình để sống không có sai chỗ hiểu biết đó, thì chỗ đó vẫn còn là hý luận. Ví dụ, mình hiểu rằng một người tu tập phải gìn giữ sao cho lục căn tiếp xúc lục trần mà không dính nhiễm. Và mình đã tu tập một giai đoạn mình thấy mình không nhiễm, mình cố gắng nghe không nhiễm, cố gắng ngửi không nhiễm, cố gắng nếm không nhiễm, cố gắng xúc chạm không nhiễm và ý mình biết pháp trần chúng ta cảm giác là mình không nhiễm, tu như vậy cho rằng mình đúng đạo, thì đạo lý ở chừng đó, Đức Phật vẫn cho là pháp hý luận.

Tại vì sao? Đức Phật nói không phải hòa hợp, cũng không phải tự nhiên. Nếu bây giờ chúng ta thấy căn trần hợp nhau sanh ra thức, tức là mắt chúng ta thấy sắc là có căn, có trần rồi sanh ra sự phân biệt ở trên hình sắc chúng ta đang

thấy, rồi chúng ta cho cái hợp đó là đạo, cũng không đúng. Rồi cho tất cả cacs pháp đều là tự nhiên, ví dụ âm thanh xảy ra tự nhiên mình nghe, hình sắc xảy ra tự nhiên mình thấy, là có loại đạo tự nhiên đó, để rời khỏi nhân duyên hòa hợp. Bây giờ chúng ta hiểu có loại đạo lý rời khỏi nhân duyên và rời khỏi tự nhiên, vì nhân duyên và tự nhiên nó vốn tự ly, hiểu như vậy là chúng ta đã dứt trừ hý luận. Đức Phật đã kết thúc phần trước như vậy.

Chúng ta thấy tất cả các pháp nhân duyên và tự nhiên nó vốn tự ly, mình hiểu tới đó, mình chấp nhận điều đó là đúng và mình hành theo, tức là mình sống làm sao để cho tất cả những cái đụng tới mình nó tự rời là chúng ta đã hành, như vậy cũng chưa dứt khỏi hý luận. Đức Phật đòi hỏi chúng ta phải trải qua nhiều đời tu chứng, không có nghĩa là chúng ta chứng quả vị này, chứng quả vị kia, nhưng Đức Phật muốn chúng ta là người thấy đúng như thật sự thật đang diễn ra, chứ không phải chúng ta hiểu về điều đó, hai cái khác nhau.

Ví dụ, chúng tôi nói chúng tôi ăn muối mặn thì quý vị nghe và tin ăn muối mặn, nhưng quý vị chưa có nếm vị muối vô lưỡi, điều đó Đức Phật không chấp nhận. Chúng ta phải nếm được cái muối đó mặn thực sự với chính mình, thì khi đó mình cũng biết à muối nó mặn, như thế Đức Phật mới chấp nhận. Nếu chúng ta hiểu nó không phải là hòa hợp, không phải tự nhiên, là Đức Phật đã bác bỏ nhân duyên, bác bỏ tự nhiên vì lý nhân duyên và lý tự nhiên vẫn còn trong pháp hý luận, cho nên Đức Phật không chấp nhận. Khi hiểu nhân duyên và tự nhiên đều vốn tự ly thì Đức Phật nói ai hiểu tới điều đó là dứt được hý luận nơi tâm mình.

Nhưng mình chưa dứt được pháp hý luận, ví dụ mình nói chuyện với ai đó đạo lý thế này là đúng là sai, cái đó nó thô lắm. Bây giờ ngồi không một mình, chúng ta vẫn tự có hý luận. Ví dụ mình ngồi đây nhớ chuyện hôm qua mình đi đâu, mình nói chuyện với ai, người đó nói với mình câu gì, rồi mình trả lời cái gì, phải chi hôm qua mình nói câu hay hơn, thuyết phục được người đó, nhưng không hiểu sao hôm qua mình quên cái này cho nên đã không thuyết phục được người đó, thì mình cũng tự hý luận với chính mình, mình tự luận bàn lý đạo với riêng mình. Nghĩa là không hý luận bên ngoài thì mình cũng tự hý luận bên trong, điều đó Đức Phật không chấp nhận.

Nếu chúng ta còn hý luận dù là nói chuyện với người khác, hay là nói chuyện với chính mình thì điều đó vẫn là hý luận. Khi một người có lần công phu tu chứng, nghĩa là tự họ vượt thoát được cái hòa hợp và cái tự nhiên, là người đó đã đứng ở vị trí hoàn toàn không hý luận, thì đối với ngoại cảnh họ cũng hoàn toàn không hý luận. Ví dụ họ thấy một người đẹp hay thấy một người xấu hay thấy một người tốt, thì họ thấy chỉ là thấy thôi mà họ không hý luận. Khi nào mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, lục căn tiếp xúc lục trần mà chúng ta không thêm bớt, mình chấp nhận đó là đạo. Mỗi khi mắt thấy sắc, tai nghe tiếng chúng ta phải làm sao cho nó đừng khởi để mình hợp với đạo, thì đó là một cách hý luận của đạo lý, chứ không phải hý luận bình thường của trần gian này nữa, như vậy chúng ta vẫn chưa thoát ra. Vì tất cả cái thấy hiểu đều là những ghi nhận của tâm thức. Khi nào chúng ta có lần xảy ra mà không phải nhận định cũ, nó hoàn toàn mới với chính mình thì đó là không hý luận.

Trong Pháp Bảo Đàn Kinh, ngài Lục Tổ Huệ Năng nói là: "*Trước niệm không sanh mà sau niệm không diệt."* Cái đó nó không phải do trước niệm mà có mặt nó, cũng không phải dứt hết các niệm mà có mặt nó, mà niệm dứt nó cũng không thay đổi, đó là pháp không hý luận.

Khi chúng ta ứng dụng đạo lý không hý luận được Đức Phật nói chúng ta phải tu chứng, tức là chúng ta phải đến vị trí đó một lần trong đời mình. Không phải đợi chúng ta học hết bản Kinh Lăng Nghiêm về nhà chúng ta ngồi thiền, tư duy mới có ra chuyện này, hoàn toàn không phải như vậy. Ngay tại đây cái đang nghe rõ ràng thường tại của mình, cái đó nó không phải là pháp hý luận. Vì nếu nó tự nhiên thì nó sẽ nghe hoài một tiếng đó nó không thay đổi, đằng này mỗi tiếng mỗi nghe khác nhau thì nó không phải là cái tự nhiên. Nó luôn sống động và mới mẻ, làm sao đó cái nghe chúng ta luôn là mới.

Quý vị đang thấy cái trước mặt như cái bàn, cái bình hoa, thấy tới tượng Phật, nhìn hoài thấy mới hoài là chúng ta đang thấy bằng cái riêng của mình, vì trước đó mình không có khái niệm, ngay khi thấy mình cũng không có bất kỳ khái niệm nào về hình sắc mình đang thấy. Nếu mình không có khái niệm thì tự động nó thành mới. Chúng ta có thể thử điều này ngay tại đây không phải đợi về nhà. Những cái hiện hữu nơi lục căn chúng ta tiếp xúc được, thì ngay tại đây chúng ta phải tiếp nhận một mới mẻ hoàn toàn. Nhìn hoài một chỗ mà thấy nó là cũ, tức là chúng ta hý luận, là lập lại. Nhìn hoài không khái niệm mà nó luôn mới hoài là chúng ta đang đúng, chúng ta luôn sống động trong từng khoảnh khắc một nơi đây. Nhưng chúng ta quen nhìn là trở lại cái cũ, nhìn thấy nó là cái

hoa, là cái bàn là chúng ta trở lại cái cũ, mà chưa bao giờ chúng ta tiếp cận đúng sự thật của nó.

Chúng ta phải tập làm quen công phu, chứ nó không phải là cái đích thực. Ít ra chúng ta phải tập tự xúc chạm lấy, phải để cho cảm giác thật của chúng ta nó chạm tới sự vật, đừng có cái gì che chắn. Ví dụ tay chúng ta đưa tới vừa chạm lửa thì chúng ta vừa nghe độ nóng, hoặc chúng ta chạm cái gai nhọn chúng ta vừa nghe cái đau, cái đau đó hoàn toàn chúng ta không có khái niệm trước. Hoặc chúng ta để tay vào nước vừa nghe cái mát lạnh, đó là cái mới. Làm sao chúng ta vừa chạm vừa tiếp nhận cái mới cho được một lần trong đời của mình.

Như bây giờ chúng ta giở chân lên và chúng ta vừa để chân xuống đụng cái nền, thì cái bàn chân vừa đụng xuống nền là cái mới. Chúng ta phải đủ trí tuệ nhận cái mới đang diễn ra nơi lòng bàn chân của mình. Một sự xúc chạm của căn trần luôn luôn mới như vậy. Chúng ta phải cảm nhận đủ, ví dụ gót chân vừa chạm, rồi tới trước một chút một phần ngàn, một phần trăm, một phần mười của bàn chân. Rồi một phần tư, một phần hai bàn chân thì chúng ta phải cảm nhận đủ sự xúc chạm mới mẻ liên tục xảy ra, thì coi như chúng ta đã biết cái mới. Hoặc chúng ta ngồi nghiêng bên phải chúng ta cảm giác nó nặng như thế nào, cái xúc chạm của mình với cái ghế như thế nào, luôn có cảm giác mới. Từng khoảnh khắc một, từng sát na một luôn diễn ra cái mới mà mình đừng có khái niệm trước.

Chúng ta "không chuẩn bị" để thấy, nhưng không có cái gì xảy ra chúng ta không thấy, "không chuẩn bị" để nghe mà tất cả những âm thanh xảy ra chúng ta đều rõ biết. Nghe

mà không chuẩn bị, thấy mà không chuẩn bị, để lục căn tiếp xúc với lục trần hồn nhiên vô tư không chuẩn bị, chứ không phải là mình chuẩn bị thấy để không khởi niệm. Cái này dễ hiểu và dễ ứng dụng nhất trong công phu. Chúng ta không chuẩn bị thì mọi cái hiện ra trong chân trời thấy biết của mình, thì mình liền nhận rõ.

Làm sao chúng ta nhận từng lúc là mới. Nếu chúng ta luôn quay lại cái cũ thì đời sống chúng ta chẳng có gì vui cả. Trong dòng sống này luôn luôn tiến tới chứ không bao giờ quay ngược trở lại, chỉ có tâm thức chúng ta mới quay ngược lại mà thôi. Chúng ta làm cho chúng ta bị cũ khiến cho đời chúng ta buồn tẻ tăm tối, vì luôn quay lại cái cũ nên đâu có cái gì mới. Thành ra khi rảnh rang chúng ta thích đi tìm chỗ đẹp ráng chụp hình làm kỷ niệm, ráng quay phim để sau này lưu lại cái bóng, mà người xưa thường gọi là chớp bóng. Chúng ta chưa chịu để cho các pháp nó tự luân lưu với chính mình, khiến cho cuộc đời chúng ta buồn tẻ và chán nản. Làm sao mỗi lần chúng ta gặp người cũ nhất trong cuộc đời mình, mở mắt ra cũng thấy, nhắm mắt cũng thấy chúng ta thấy nó mới là tuyệt vời, như vậy là chúng ta đã sống đúng.

Đức Phật dạy chúng ta vượt khỏi hý luận, không có nghĩa chúng ta phấn đấu đi đâu về đâu và tìm thêm cái gì, mà Đức Phật muốn cho chúng ta thấy sự thật diễn ra rất sống động. Một phen chúng ta nhận biết được điều này rồi thì chúng ta mới thấy giá trị của đời người, nó sống động tươi nhuận từng sát na một, khiến cho cuộc đời chúng ta mỗi một sát na là mỗi mới và đời sống chúng ta ý nghĩa tươi vui lạ thường.

Dù chúng ta là ai đi nữa, chúng ta cũng đừng giữ những hình bóng cũ, Thiền sư Đức Sơn quở chúng ta là *"con quỷ giữ mồ xưa."* Rõ ràng những cái gì qua thì xem như nó chết rồi, nhưng chúng ta chôn trong ký ức của mình, chúng ta xây những nấm mồ thật đẹp, nếu đó là kỷ niệm vui, lâu lâu moi nấm mồ lên thưởng thức trở lại, moi mấy thây ma cũ lên mình tâm sự tiếp, chứ chúng ta chưa bao giờ chịu sống với cái mới.

Cái thực tại hiện tiền, mới mẻ, tươi vui, trong sáng, thanh tịnh vốn hiện hữu ở đây, nhưng chúng ta không chấp nhận, khiến chúng ta uổng phí đi phút giây sống động nhất trong cuộc đời mình. Nếu chúng ta không tiếp nhận được lực sống mới mẻ này thì chúng ta luôn bỏ đi khoảnh khắc vàng của chính mình. Cuộc đời này không thể lập lại lần thứ hai, nó luôn luôn tới và mới. Không phút giây nào chúng ta chịu giữ nguyên vị trí của mình ở đây, để chúng ta thưởng thức cái mới mẻ hiện tiền này. Chúng ta phải khéo làm sao thấy ra được cái mới nhất ngay tại đây.

Nếu trước kia chúng ta không thấy cái này là cái hoa thì lấy đâu bây giờ chúng ta cho nó là cái hoa. Từ cái mê lầm cũ cho tới cái hiện tại này chúng ta cũng chưa giác ngộ được, cho nên ngay chỗ thấy bằng cái không giác ngộ gọi là thấy vô minh, cái nghe không giác ngộ gọi là cái nghe vô minh, nên hành bắt đầu sống dậy, nó duyên để khởi ra những chủng tử nghiệp thức hiện hữu trở lại để gọi cái này là hoa. Cái này là sự vật mà mình đã tiếp nhận, nó vận hành để nó trào ra nơi thức phân biệt so sánh nó là loại gì, bắt đầu có danh sắc tức là nó có tên tuổi. Khi danh sắc có thì nó trở thành lục nhập qua lục căn của mình để nó thu nhập lại. Có danh sắc, có lục nhập

thì phút giây đó một sự xúc chạm để nó sanh thọ, sanh ái, sanh thủ, sanh hữu … chính mình trong cái thấy nghe để nó tiếp tục huân thành một dòng sanh tử mới nơi tâm thức của mình, chứ không phải trải qua một đời kia.

Do đó một cái thấy đã đủ mười hai Nhân duyên, một cái nghe đã đủ Mười hai Nhân duyên, chớ không phải chỉ có mười hai Nhân duyên sanh một đời. Ai thấy được trong một sát na niệm của mình là mười hai Nhân duyên, thì mới đủ trí tuệ thấy tất cả các pháp ra ngoài sanh tử. Cho nên mình dứt trừ một niệm tức là cắt được dòng nhân duyên, nhưng điều này chúng ta không được nghe. Cái này hơi mới, và nếu mình giảng kiểu này thì sẽ có một số người giống như họ muốn chống đối. Chúng ta phân tích xem có phải không.

Ngay nơi cái thấy này chúng ta cũng cắt được dòng mười hai Nhân duyên. Ví dụ thấy cái hoa đẹp chúng ta không ái nhiễm tiếp tục là chúng ta cắt được cái ái này, là cắt được một trong cái xích mười hai Nhân duyên thì cái xích này bung liền. Ái bị cắt thì thủ, hữu, sinh và lão tử không còn. Ngay khi thấy mà không có hữu thì không có huân thành chủng tử tiếp tục, thì dòng mười hai Nhân duyên ngay cái thấy cái nghe vẫn không có, thì chúng ta thấy nghe thoát khỏi mười hai Nhân duyên, tức là chúng ta thấy nghe không tiếp tục sanh diệt.

Nếu chúng ta học mười hai Nhân duyên, theo kiểu vô minh trong nhiều đời nhiều kiếp, rồi mới có hành sanh thức, thức sanh lục nhập… Kiểu trải qua một đời rồi huân thành chủng tử sanh đời kế tiếp, điều đó vẫn đúng. Nhưng ở đây chúng ta muốn nói tới mười hai Nhân duyên trong đời sống thực tại này. Từng khoảnh khắc một có đầy đủ mười hai Nhân duyên, đó là chuyện chúng ta cần bàn. Do đó nếu chúng ta

nhận được đúng những điều như vậy, thì chúng ta có thể tu tập đúng mười hai Nhân duyên, dứt trừ xích mười hai Nhân duyên để tiếp tục kết nối những vòng vọng niệm sanh tử mới. Vì mỗi một niệm là đời sống của một chúng sanh trong giai đoạn rất ngắn. Còn đời người thì trải qua nhiều chục năm cũng là một kiếp sanh tử, gom chứa với hàng tỷ tỷ những sinh diệt nhỏ nhiệm của tâm thức. Do đó cái sanh diệt của đời người và sinh diệt của một vọng niệm không khác nhau, chỉ có một cái là chúng ta có thời gian kéo dài hay là ngắn mà thôi.

Mỗi ý niệm sanh tử đều có mười hai Nhân duyên, làm sao ngay ý niệm sanh tử đó chúng ta cắt được móc xích này thì dòng mười hai Nhân duyên để dẫn chúng ta vào sanh tử luân hồi mất. Đó là cách để chúng ta công phu. Đối với người học Phật chúng ta phải rất sáng suốt, nhạy cảm, linh thông, tinh nhuệ thì mới đủ sức phá được dòng sanh tử này, chúng ta chậm lụt là chịu rồi. Mỗi khoảnh khắc vùn vụt trôi qua, nếu trí tuệ chúng ta không bén nhạy thì chúng ta để khoảnh khắc mới trôi qua nữa. Và những khoảnh khắc vùn vụt trôi qua đối với chúng tôi là khoảnh khắc vàng của đời người, mà chúng ta luôn bị bỏ qua.

Người tu Phật không phải đầu óc họ cùn lụt, người nào có phương pháp nào làm cho đầu óc người tu càng ngày càng cùn lụt, thì đó là phương pháp không phù hợp với đạo giải thoát của Đức Phật. Trí tuệ của đạo Phật nhạy cảm linh thông tuyệt đối. Linh thông đến độ không phải nhìn sự vật đó mà giác ngộ ngay đó, không phải nhìn con người đó biết họ ngay chỗ đó nữa, mà nhìn sự vật biết bề mặt bề trái, biết nhân quả, biết nhân duyên của nó, biết thấu tận bên sau nó là cái gì.

Lúc chúng ta chưa giải quyết được cái gì trong đầu của mình thì nhìn người không biết gì ngoài cái cao, lùn, mập, ốm. Nhưng khi người có trí tuệ rồi họ biết người đó có cái nghiệp gì, lý do nào họ huân tập cái nghiệp đó, thậm chí biết luôn đời trước họ đã làm cái gì mà đời này sanh ra họ nước da trắng, hoặc đen, hoặc cao, hoặc lùn. chỉ trong sát na, không đợi suy nghĩ, không đợi suy nghiệm, không đợi nhập định mà chúng ta biết tất cả mọi cái.

Trí tuệ của Đức Phật trong Kinh Pháp Hoa mà Long Nữ khen là: *"Đức Phật thấy rõ tướng tội phước."* Không phải mình ngồi trước Đức Phật mà Đức Phật biết đời của mình đâu, chuyện đó nhỏ lắm. Đức Phật vừa thoáng thấy chúng ta đi ngang, tay chúng ta đánh đằng xa kiểu nào là Đức Phật thấy suốt sanh tử của mình. Đức Phật thấy trong đời này, hoặc trước đời này, hoặc trước đời nữa, hoặc cách đây ngàn đời ngàn kiếp về trước mình đã làm cái gì, nên đời này nó thành cái này. Đức Phật thấy là thấu suốt quá khứ hiện tại vị lai. Mình sanh ở đâu, mình làm cái gì, mình sống làm sao, mình chết làm sao, mình đau làm sao, mình bệnh làm sao, mình ăn cái gì, mình uống cái gì, mình nói cái gì, mình làm nghiệp gì, nó dẫn khởi tới đây để mình thành con người không cao không thấp.

Qua cái đi đó Đức Phật thấy suốt vị lai mình sẽ gặp ai, sẽ nói câu nào, do nói câu đó nó kết thành loại nhân quả nào, loại nhân quả đó nó sẽ kéo dài bao nhiêu kiếp của mình. Tới kiếp nào nó kết thúc dòng nhân quả đó, để nó tiếp tục sanh khởi loại nhân quả mới để mình ra kiểu nhân quả mới nữa, để mình khổ hoặc mình vui cái kiểu nào đó. Bao nhiêu đời, bao nhiêu kiếp cái dòng nhân quả đó nó tắt mất đi, nó chuyển

thành dòng nhân quả mới để kéo dài mình được gặp ai, mình gặp vị Phật nào, gặp vị Bồ Tát nào, mình lạy mấy lạy, mình tu làm sao, ngồi thiền mấy thời. Cho tới vị lai hằng hà sa số kiếp nữa mình mới dứt trừ được cái vọng nghiệp sanh tử của mình, để chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không thể trước một giây, không thể sau một giây.

Đó là trí tuệ Đức Phật. Không chỉ thấy một người, mà tất cả chúng sanh trong pháp giới này như thế nào Đức Phật rõ biết một lượt, không trước không sau, cần nói câu a Đức Phật nói câu a, cần nói câu b Đức Phật nói câu b, không sai chạy ai bất kỳ điều gì. Đó là trí tuệ thấu suốt không qua hý luận.

Đức Phật dạy chúng ta phải sống một cách vô tư hồn nhiên thực sự, không chuẩn bị. Chúng ta hãy sống không chuẩn bị sẽ thấy điều tuyệt vời xảy ra ngay tại đây với chính mình. Đừng chuẩn bị thấy, đừng chuẩn bị nghe. Ngồi đó chỉ là ngồi đó thôi, thả lỏng buông thư để mình trở lại trạng thái hoàn toàn không có gì là mình ngay tại đây. Ngay khi mình thả lỏng buông thư chúng ta tự gạn lại, nếu nó còn một chút lợn cợn gì khẳng định là mình đang ở đây, thì chúng ta nhẹ nhàng không tiếp tục nữa, không còn là mình đang ngồi ở đây, để cho nó hoàn toàn tự nhiên rỗng lặng, thì mọi việc xảy ra chúng ta rõ biết liên tục mới của đời mình. Nếu như ngay tại đây có một người như thế thì mưa hoa sẽ tuôn đổ xuống cuộc đời của họ. Lúc này cuộc đời họ hoàn toàn trở thành mùa xuân, lúc nào cũng tươi thắm như xuân.

Chúng ta tu tập làm sao để cuộc đời chúng ta luôn là như vậy. Không phải tu để bớt cái này, thêm cái kia. Đức Phật không muốn chúng ta như vậy, vì Đức Phật đã cảm nhận được

cái tươi vui tuyệt vời của hạnh phúc đó rồi, bây giờ Đức Phật muốn chia sẻ, muốn làm cho chúng ta nhận ra được điều này để chúng ta sống được một khoảnh khắc đó thôi. Chỉ cần một khoảnh khắc vàng xảy ra cho chính mình thì đủ cho cuộc đời của mình, từ đó về sau là lúc nào cũng tươi như xuân, lúc nào chúng ta cũng là ao mát.

Khi một người thấy biết được đạo lý, họ có sự hấp dẫn, có sức thu hút rất kỳ lạ mình nói không được. Nhìn người đó tự nhiên chúng ta muốn gần gũi, muốn chia sẻ, muốn tâm sự, muốn nói chuyện mà mình không biết lý do đó là gì? Vì sao? Vì người đó đã hết những hơn thua trong cuộc đời này, cho nên khi gần gũi người đó chúng ta không có cảm nghe chống chỏi hơn thua. Rồi tâm họ bình lặng, mát mẻ, tươi vui như mùa xuân, chúng ta có cảm giác êm dịu, an lạc lạ thường lắm.

Họ luôn sống trong bể bình an và hạnh phúc, cho nên lúc nào ở nơi họ cũng tràn dâng sự bình an và hạnh phúc. Trong khi mình hơn với người kia không được, cảm thấy bức não, khó chịu, khổ sở, thì mình muốn gần người này để tự tắm mát trong ao bình an đó. Chúng ta quên mọi cái bên ngoài liền nếu chúng ta được ở bên cạnh người đó.

Thời Đức Phật, Ngài đi tới đâu thì quần chúng đông tới đó. Chúng ta cảm giác mình bất an, đau khổ vì chuyện này, rắc rối vì chuyện nọ, mình muốn tìm người để chia sẻ, nhưng nếu ai trút tâm sự vào Đức Phật thì liền cảm giác nhẹ nhàng, hoặc được Đức Phật nhìn qua một cái thôi, chỉ cần ở trong phạm vi một trăm mét gần Đức Phật thôi, hay chỉ cần ngồi trong đạo tràng của Đức Phật chúng ta tự cảm giác bình an. Đó là điều rất lạ và gọi là năng lực Phật đạo.

Năng lực Đức Phật rất siêu việt, nếu Đức Phật muốn thuyết pháp ở vùng đó thì các vị cõi Trời cho đến cõi người đều đến mở tâm ra thấm dòng sữa Pháp ngọt ngào của Đức Phật, để nuôi lớn trí huệ của mình. Cho nên, thời Đức Phật rất nhiều người chứng quả.

Đức Phật có năng lực rất lạ, chỉ cần nhìn thấy Đức Phật thôi chúng ta không thể nghĩ tà tâm được và luôn cảm nhận sự bình an thanh tịnh. Cho nên khi vào đạo tràng Đức Phật, tự nhiên sự thống nhiếp và đạo lực của Đức Phật làm cho toàn đạo tràng thanh tịnh, bước ra khỏi đó thì có thể động lại.

Khi chúng ta gần vị đạt đạo, chúng ta sẽ cảm giác bình an tuyệt đối, vừa yên ổn, vừa mát dịu, vừa thân thiện, gần gũi. Vì khi họ tới cảnh giới, chết ngã chấp riêng tư để hòa nhập vào bể tánh thanh tịnh thì sự khởi động trở lại đầu tiên là từ bi. Nên tình thương họ trải khắp để họ có thể sống lại đời sống đời thường trở lại; do đó mà sự bao dung, rộng lượng, chở che, vỗ về họ có đủ để một người đau khổ đến với họ người đó có cảm giác bình yên. Còn nếu các vị chưa có năng lực đó thì chưa phải.

Chúng ta đau khổ cỡ nào không biết, nhưng gặp vị đạt đạo tự nhiên mình nghe yên. Nhiều khi mình có nhiều thắc mắc muốn gặp ông Thầy hỏi một câu, nhưng khi gặp rồi là quên mất, thấy Thầy cười rồi là không biết mình hỏi cái gì, nó tự tắt mất, thấy mặt là đủ. Nếu chúng ta không công phu tu tập, cái đầu chúng ta đầy hý luận thì khi gặp người khác cũng hý luận thì hai cái đầu hý luận kết nối với nhau nói chuyện luyên thuyên. Nhưng nếu gặp người vượt qua ngoài hý luận thì mình không hý luận được nữa, mình không muốn hỏi,

không muốn nói mà mình muốn ngồi yên bên cạnh để chúng ta hưởng sức bình an đó. Nếu chúng ta tu tập đạt tới trình độ đó thì điều rất đặc biệt, chúng ta ở đâu thì cõi giới đó sẽ được hưởng sự yên ổn, gặp ai thì người đó liền được bình an.

Vua Tịnh Phạn đưa đại thần đi theo hộ vệ Đức Phật, đưa đại thần nào là mất đại thần đó. Các vị tới gặp Đức Phật nghe Pháp, là quên hết bổn phận sự của mình, xong thời Pháp là liền đảnh lễ thưa Đức Phật con muốn làm Tăng trong Tăng đoàn của Ngài. Đức Phật nói thiện lai Tỳ kheo là râu tóc tự rụng, đắp y, không còn nhớ chuyện mình tới đây thỉnh Đức Phật quay về hoàng cung. Thời điểm đó một số đạo giáo khác nói Đức Phật sử dụng một loại bùa mê để mê hoặc người ta. Đời này chúng ta muốn tìm một người tu có năng lực rất khó.

Trong việc học đạo cũng vậy có những băng giảng chỉ nghe một câu mình bị chấn động thật sự, đó là người có công lực vượt qua tưởng ấm rồi. Còn người chỉ hiểu bề mặt tâm thức thì chỉ phủ người ta thêm một lớp tâm thức mới, chớ không đánh động, không phá vỡ được tâm thức thiên hạ. Nghe những băng giảng của vị chuyên môn thực sự họ có thể đập vỡ tâm thức mình, đập vỡ tưởng ấm để chúng ta nhận biết rất sâu. Một lần chúng ta nghe một băng giảng nào đó, một câu thoại nào đó, mà nó đánh động được tới chiều sâu thì cả đời này mình không thể quên được. Còn nếu nghe cứ hiểu thì cứ chồng thêm cái hiểu khác làm chúng ta nặng hơn.

Cho nên học Phật chúng ta phải tìm cho được Phật Pháp nào đụng tới làm cho chúng ta bể ra, bị phá vỡ và đánh tan những chấp trước của mình để mình nhẹ. Chúng ta nghe không phải để mình hiểu và không cần để hiểu, vì hiểu là chồng thêm một lớp. Không phải nghe để một chút làm cho

đúng, không phải tập trung để nhận theo Pháp. Nếu chúng ta học kiểu đó là làm dày thêm kiến thức.

Cho nên khi chúng ta gặp một người giảng về chuyên môn thì chúng ta phải buông thư và thả lỏng, để mình được cái búa cái chày đó đập nát mình ra, để mình mất đi mình, và mất đi mọi cái từ trước tới giờ mình đang chấp, để mình trở thành người rỗng lặng thênh thang ngay tại đây. Đừng bao giờ nghe để tí nữa làm và không cần chút nữa. Ngay khi nghe tại đây là chúng ta ở chỗ không thời gian và không không gian để nghe, là mình tiếp nhận sự thật không thời gian, không không gian xảy ra tại đây, không trước không sau.

Học Phật như vậy mới hy vọng một phen chúng ta thoát ngoài tam giới. Ngồi ngay tại đây mà không có thời gian và không không gian tức là chúng ta ở ngoài tam giới. Nếu không chúng ta vẫn tiếp tục luẩn quẩn đi tìm tòi để chúng ta ghi nhận, ghi nhớ, huân tập để mình dày hơn trước kia, chớ không phải để mình tìm đường tháo gỡ.

Đạo Phật mình cứ nghĩ cái kiểu một với một là hai, nên trải qua nhiều đời sanh tử mỗi một đời mình huân tập một chút, gom lại mình đã dày quá rồi, nên bây giờ mình tu để gỡ từ từ, tháo từ từ cho tới hết mới chịu mình chứng quả.

Ví dụ người đang chạy thiệt mệt ngoài đường, bây giờ nói mệt quá làm sao cho tôi hết mệt, thì có người nói mi chạy lên tới đây thì phải chạy thụt lùi về tới nhà mới hết mệt, không phải như vậy. Chúng ta chỉ cần đứng lại chỗ đó là hết mệt, đó là điều đặc biệt. Chỉ cần dừng gót chân chúng ta lại thì ngay tại chỗ đó là hết mệt.

Có nhiều lý luận cho rằng do tại chúng ta vô minh dày trong nhiều đời nhiều kiếp. Thực sự cái vô minh không đủ che

chắn được trí huệ hiện tiền của mình, không bao giờ làm mờ được trí tuệ chúng ta. Trí tuệ của chúng ta ngang nhau tại đây không ai cao, không ai thấp, nhưng tâm thức thì có chênh lệch. Người có tri thức, có kiến thức, có học thức nhiều và người học thức ít bắt đầu có sự sai biệt. Nhưng ngay cái rõ biết hiện tại này không ai hơn ai, ai cũng trong sáng rạng ngời, không ai thua ai, có Phật ngồi đây thì cũng chừng đó thôi. Nhưng Đức Phật khác mình ở chỗ Đức Phật không theo đuổi những vọng nghiệp đang có, còn mình ngồi tại đây vẫn theo đuổi những vọng nghiệp của mình.

Ngay tại đây quý vị đang thấy, đang nghe, đang thở, đang nóng nực là chúng ta một lượt cảm nhận lục căn đang xảy ra, thì chúng ta hoàn toàn không vướng mắc duyên cảnh ngay tại đây. Nhưng quý vị chú ý để nghe thì cái chú ý gom về một căn là chúng ta liền bị dính mắc. Hoặc đang thấy hết tất cả mọi cái thì bình thường không có gì, nhưng mình thấy có gì đẹp mình chú tâm là dính lại. Nếu thấy tổng thể thì không dính.

Trong Kinh Đức Phật nói cái thấy hiện lượng và cái thấy tỷ lượng. Đối với đạo Thiền có nhiều cách để chúng ta nhập vào lắm, cách nào chúng ta cũng thể nhận được. Có nhiều người trợt té đứng dậy họ ngộ đạo, đòi hỏi là chúng ta phải sẵn sàng chết đi cái riêng của mình. Người tu tập nên sẵn sàng chết trong bất kỳ phút giây nào, sẵn sàng mọi lúc mọi nơi, phải chết đi cái người này mới được. Nhưng chúng ta không chịu, chúng ta vẫn quý tiếc cái gì đó nó đã được mình huân tập lâu ngày lâu tháng lâu năm lâu đời lâu kiếp, cho nên bung ra cảm thấy tiếc, nhưng đó là tiếc thây ma cũ rích. Đừng luyến tiếc những cái đó thì chúng ta sẽ mới.

Đến với đạo hết sức đơn giản, nhưng mình cảm thấy đạo lý là cái gì rườm rà, rắc rối, phức tạp, khó khăn với chính mình. Ngồi đây chúng ta đâu chịu yên, chúng ta ở chỗ hết sức là hạnh phúc, hết sức bình yên, hết sức trong sáng rạng ngời mà chúng ta không chấp nhận sự thật mà luôn luôn chạy tìm bên ngoài.

Bây giờ một lời khuyên hết sức chân thành là dừng gót chân giang hồ lại giùm, đừng bương chải bên ngoài, đừng tìm cầu gì thêm và không cần bớt thì mọi chuyện yên ổn. Đừng nghĩ mình trừ khử nghiệp tập, nếu ngay đây chúng ta không thêm thắt nữa là mọi chuyện khác liền, rất đơn giản. Chỉ không thêm vào nữa là đủ. Học đạo đúng dễ hơn một khảy móng tay.

Tại vì tâm thức chúng ta luôn luôn vận hành để huân tập. Bây giờ chúng ta không vận hành, huân tập nữa thì nó sẽ bung ra. Tam tổ Tăng Xán Ngài nói: "*Chí đạo vô nan duy hiềm giãn trạch. Đản mạc tắng ái đỗng nhiên minh bạch.*" Tức là cái chỗ cùng tột của đạo lý không có khó, khó là do chúng ta giãn trạch phân biệt. Nếu một phen chúng ta không thương và không ghét thì liền minh bạch. Nhưng chúng ta thấy là thương, thấy là ghét, thấy là ưa, thấy là không ưa, nghe là thích, nghe là không thích. Chúng ta luôn luôn làm chuyện đó nên chúng ta không tới đạo cùng tột kia. Bây giờ chỉ cần không tắng ái nữa, không thương không ghét trong cái thấy nghe nữa là xong chuyện.

Nếu chúng ta không làm được điều đó là đời này có lên trời gặp Phật thuyết pháp đi nữa cũng vậy thôi. Tại chúng ta luôn bị xáo trộn. Ngay tại đây mà tâm thức chúng ta không yên, ngay tại đây mà chúng ta không tìm được mảnh đất bình

an thì lên cõi nào chúng ta cũng bất an, đừng nghĩ lên cõi Phật mình được bình yên, không có đâu. Đức Phật không dẹp được tâm thức bất an của mình đâu, đừng hy vọng hão huyền. Ai nghĩ mình được sống gần Phật tự động mình dẹp được tâm thức, nếu làm được vậy Đức Phật Bổn Sư đã làm rồi. Cho nên trong Kinh Đức Phật nói: *"Ta không phải là vị quan tòa để phán xét tội hay phước của người đó, ta không phải là vị thần linh để phán xét tội hay phước của người đó. Ta cũng không phải là vị thần linh để ban phúc và giáng họa cho chúng sanh, mà ta chỉ là người dẫn đường."* Và suốt cuộc đời Đức Phật chỉ làm điều đó.

Nếu chúng ta đi đúng theo bước chân của Đức Phật. Đối với duyên cảnh bên ngoài chúng ta không thêm không bớt, đối với vọng thức bên trong chúng ta cũng không thêm không bớt, chỉ thuần rõ biết thanh tịnh là xong việc.

Nói tu thiền khó nhưng không khó. Thiền dễ tu hơn tất cả các pháp môn khác. Các pháp môn khác chúng ta phải hành trì cực lắm. Ví dụ muốn niệm chú chúng ta phải niệm tới mức độ nào, niệm Phật phải niệm tới mức độ nào, nhưng hành Thiền là không có niệm và không có hành, chỉ cần không thêm, không bớt là đủ, đơn giản, nhẹ nhàng. Nằm tu cũng được, đứng tu cũng được, đi tu cũng được, thậm chí ngủ tu cũng được. Tại sao? Vì một người tu giỏi là ngủ một đêm tới sáng mở mắt ra không có chuyện gì để dính nữa, là nguyên đêm đó chúng ta đang tu.

Cho nên mở mắt không có chuyện gì để dính là chúng ta đang tu, còn nếu mở mắt ra là bực bội bà này, bực bội ông kia, là tu không đúng. Có nhiều người kể tôi nằm ngủ chiêm bao tôi tỉnh lắm, tôi gặp người kia nói nặng tôi, tôi vẫn niệm

Phật được, tôi không nổi sân được trong giấc ngủ. Tu mà sáng còn kể được là còn dính với chuyện đó. Mình đêm đó nằm mộng thấy Phật mình lạy Phật, nghĩ là mình tu nhưng không phải, sau giấc mộng còn thấy đúng thấy sai của giấc mộng là không phải. Làm sao mở mắt ra là tất cả mọi thấy nghe đều tan biến.

Chúng ta phải tập sống ngay tại đây, để cho mọi cái nó xảy ra tự nhiên. Tức là ngay nơi nghe nó thành không liền trong âm thanh này. Mỗi mỗi âm thanh hiện ra với chúng ta liền biến thành không cho kỳ được. Tức là trí chúng ta càng ngày càng sắc bén, càng nhạy cảm, thấy ngay đây là dứt khoát liền, nghe nơi đây là tan biến liền. Ngay khi chạm tức là Bồ đề, ngay nơi thấy là giác ngộ, ngay nơi nghe là giác ngộ, ngay nơi thấy là tất cả đều Như, ngay nơi nghe là tất cả đều Như. Phải để cho tất cả các pháp đều tự Như trong cái Như Như của chính nó. Chúng ta đừng bóp méo cái Như thật này là được rồi. Tại cái Như nó luôn hiện tiền ở nơi mình cũng Như vạn pháp.

Nếu mình sống bằng cái Như, thì mình phải bằng cái Như mà tiếp xúc với vạn pháp đang Như là xong chuyện. Nhưng mình không chịu Như, cho nên các pháp đang Như mình cũng khuấy nhiễu làm cho nó mất Như, nên đời sống chúng ta bị bất an, sai sự thật trong cái thấy nghe ban đầu, đó là cái thấy vô minh. Nếu thấy không Như thì chúng ta sẽ phân biệt hai bên là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập… Ngay cái thấy nghe hiện tiền đủ mười hai Nhân duyên. Và dòng nhân duyên đó kết nối dòng nhân duyên tiếp, kết nối dòng nhân duyên tiếp để chúng ta tiếp tục sanh tử.

Rất nhiều cửa, rất nhiều ngõ để chúng ta tiếp nhận sự thật trong từng khoảnh khắc một của cuộc đời mình. Bất kỳ người tu nào cũng phải sẵn sàng hòa nhập trong cái Như Như hiện tiền này. Không phải chờ đợi, quý vị làm sao nghe pháp không phải chờ đợi. Đừng nghĩ mình ngồi đây để chút nữa mình sẽ làm. Ngay tại đây nó đang Như, khoảnh khắc nữa nó sẽ Như, khoảnh khắc tới nó sẽ Như và mãi mãi nó sẽ là Như. Vì các pháp vốn tự như cho nên không có sanh không có diệt. Nếu còn thấy có một Pháp sanh diệt, còn thấy có sanh tử và Niết Bàn thì người đó vẫn còn hý luận.

Nghe tại đây là Như rồi thì không có ngôn ngữ để có thể bàn luận. Nếu không Như thì chúng ta còn tiếp tục bàn luận. Không bàn luận với người ngoài thì mình cũng bàn luận với chính mình. Học Kinh Phật nếu chúng ta học đúng nghĩa thì phải học được chữ Như này. Chúng ta phải làm sao Như thấy, Như nghe, Như ngửi, Như nếm, Như xúc chạm. Vì thấy nghe ngửi nếm nó vốn là như vậy rồi, chúng ta đừng làm lệch đi sự thật này.

Chúng ta không thêm thì sự thật nó vốn nguyên là như vậy, phúc lạc tràn dâng liền trong cái thấy nghe hiện tiền. Mình thấy khổ là mình tự làm nhiễu sóng mình, mình tách rời căn nhà bình an của mình chứ không phải cuộc đời này là khổ, nếu thấy mọi cái là như thì khổ không được. Tất cả các pháp vốn tự Như, do chúng ta muốn kết nối, chứ sự thật thì mình cũng không kết nối được. Không ai giữ được hai vọng niệm, hai lời nói, hai âm thanh. Mỗi mỗi âm thanh đều vốn tự Như, không phải nó là ly, không phải nó là vô thường nữa. Cho nên nói tất cả các Pháp đều là Phật Pháp, tất cả các Pháp đều là bất sanh bất diệt. Nó vốn là Như rồi nên không có chuyện

sanh, không có chuyện diệt ở đây, cho nên tất cả chúng sanh chưa từng sanh tử.

Nếu chúng ta thấy có sống, có chết là chúng ta thấy ở tầng tâm thức, chúng ta rớt xuống tầng dưới rồi. Một phen chúng ta đưa cuộc đời chúng ta tới chỗ này là mọi chuyện sẽ đi theo. Đây là điều đặc biệt của đạo Thiền. Thiền sư thông minh ngoài tưởng tượng của mình, các vị tìm cách dồn ép mình tới chỗ này thôi, xong rồi các vị không thèm ngó tới cái mặt mình nữa, thế mà chúng ta bình yên vĩnh kiếp. Thành ra chỉ cần tới đây một lần thôi, một lần chúng ta đến bến bờ giác ngộ là xong, không cực khổ công phu ngày này tháng nọ, không cần sám hối, tụng Kinh, tọa thiền, ăn chay nằm đất, chuyện đó không quan trọng, quan trọng là nhận ra sự thật này.

Sự thật nó đã vốn là như vậy rồi, chúng ta dùng từ là "hay ra." Một sự *"hay ra"* nó khác với ngộ, với nhận. Từ xưa tới giờ chúng ta không hay ra, bây giờ bỗng dưng giật mình hay ra sự thật. Một sự hay ra thì chúng ta liền tan biến trong đó, cả cuộc đời còn lại chúng ta sống trong bình an phúc lạc. Chỉ cần đơn giản là chúng ta buông ra thôi, gánh nặng ngàn cân tự động tan biến với chính mình. Tu Phật nhẹ liền tại chỗ đó, còn không tu mới cưu mang tiếp tục.

Người nào cảm giác mình bị chuyện này mình khổ, bị chuyện kia mình buồn, bị chuyện nọ mình khó chịu, thấy người này mình không ưa, thấy người kia mình không mến, là cưu mang. Chúng ta mang vác người đó lên vai mình, nhồi nhét người đó vào não mình để mình bị bẩn chật, khổ sở, bị bức ngặt. Bây giờ mình đừng có mang vác ai nữa thấy nghe đừng đem kiến thức cũ vào, thì cả tam giới này không có chỗ

cho chúng ta dính lại, nhẹ nhàng liền. Đơn giản thấy đúng là mọi việc đều xong.

Chúng ta muốn phức tạp chúng ta mới đem kiến thức cũ vào. Chúng ta muốn rắc rối chúng ta mới đem cái cũ về. Chúng ta phải thấy bằng Phật, nghe bằng Phật, ngửi bằng Phật, nếm bằng Phật thế là bình yên. Thấy bằng kiến thức cũ là thấy bằng cái đã chết rồi thì chúng ta bị bất an. Muốn sống với Phật hay sống với ma là tự mình chọn. Nếu mình chọn lựa được, là mình quyết tình sống đúng với cái thấy biết Phật hiện tiền của chính mình là đơn giản vô cùng, không có cái gì thêm thắt nữa. Một cái thấy rỗng lặng, một cái hay biết thường tại vốn có của chính mình ở đây.

Bây giờ nói như thế nào quý vị cũng đang hay biết, nói nhanh quý vị hay biết nhanh, nói chậm quý vị hay biết chậm, nói lớn quý vị hay biết lớn, nói nhỏ quý vị hay biết nhỏ. Hay biết đó nó luôn luôn hay biết nhưng mà tiếng lớn, tiếng nhỏ, tiếng mau, tiếng chậm đều vốn tự nó đã là như vậy rồi. Trước khi có tiếng thì tiếng này chưa có và mình cũng không rõ tiếng đang hiện hữu. Ngay tiếng đang hiện hữu thì chúng ta như vậy để mà rõ cái hiện hữu đó và tiếng này nó mất thì chúng ta như vậy rõ biết khoảnh khắc mất của âm thanh. Tiếp tục chúng ta như vậy mà rõ biết âm thanh đang trỗi lên và tiếp tục như vậy để rõ biết âm thanh đang lặn xuống. Cứ tiếp tục như vậy cho tới cả cuộc đời mình.

Chúng ta luôn là Như, chúng ta tự thả lỏng hết mọi cái đều thành Như. Tại vì chúng ta huân tập hay chúng ta bám níu nó mới thành không như. Tự mình làm sai lệch chính mình, chứ chúng ta không thể bẻ cong được vạn pháp. Vạn pháp không phải là ly nữa mà nó vốn Tự Như.

Chúng ta học đạo phải nhớ được chữ Như này và phải sống cho bằng được mà không phải là sự cố gắng. Không phải do chúng tôi áp đặt chữ Như này vào tâm thức. Nó vốn là Như rồi, mình không làm cái gì thì nó mới Như, mình ráng sống thành Như là sai. Không phải mình hiểu các pháp là Như, mình hiểu mình là Như, mình ráng sống để cho được Như là không đúng. Cái như không phải là đáp án. Như là sự sống động hiện tiền luôn diễn ra ở đây. Như không phải là kết luận do quá trình tu tập, Như không phải là kết luận của kiến thức học đạo của mình nhiều năm tháng, có kết luận là không còn Như nữa, không phải là kết quả đúng sai.

Chúng ta phải dẹp hết tất cả cái đúng sai của mình. Không phải do mình gạn lọc ngôn ngữ để nó trở thành Như. Không phải do Đức Phật nói mà các pháp nó như. Các pháp vốn tự Như, Đức Phật thấy được các pháp vốn Như và nói cho mình biết nó là Như. Khi mình biết nó là Như là chúng ta đã ghi nhận bằng tâm thức thì là sai. Không được áp đặt nó thành Như. Đây không phải là lối áp đặt, không phải là lối sống Như, không phài là phương pháp tu tập để thành Như. Nếu nó trở thành pháp tu thì nó không còn Như nữa. Cho nên không tu, không tập, không thêm, không bớt thì nó là Như; muốn thêm, muốn bớt là mất cái Như của chính mình. Nhưng tất cả các pháp vẫn diễn ra cái sự Như Như đó. Pháp giới này luôn là Như Như như vậy, không khác hơn được, chúng ta muốn khác cũng không được. Không thể nào làm cái Như Như này biến dạng được. Nếu chúng ta lầm cái như này để chúng ta sống theo cái lầm của mình thì mình bị lệch hướng mà thôi.

Cho nên không phải là cố gắng nữa, đừng có làm lệch hướng thì chúng ta trở lại thành Như. Bỏ đi tất cả những cố

gắng thì chúng ta là Như, chúng ta đã là như rồi, nhưng vì tâm thức chúng ta bẻ cong uốn vạy lệch lạc chỉ vậy thôi. Chúng ta đừng có phức tạp, đừng có rườm rà, đừng có phá phách để ngồi yên được thì Như Như hiện tiền. Không phút giây nào chúng ta thiếu cái gì cả, bắt đầu chúng ta xài kho vô tận của chính mình nếu chúng ta đừng muốn cái nhỏ.

Thực sự những ham muốn của chúng ta là những ý niệm rất nhỏ nhiệm mong manh trong tâm thức. Có được là được cái vui mong manh, có mất cũng là mất cái ảo mong manh đó, chứ không có thật. Những cái buồn là ảo, cái vui là ảo, hạnh phúc cũng là ảo mà chúng ta ảo giác cảm nhận. Cả đời chúng ta theo đuổi những cái bóng, những cái ảo mong manh đó, nó không có thật, trong Kinh gọi là vọng. Cái ảo không thật mà cả đời mình đeo bám. Trong khi cái Như Như này không có cách nào thay đổi thì chúng ta quên đi.

Khi chúng ta đeo bám theo cái ảo chúng ta đạt được, cảm nhận được cái ảo đó làm cho đời sống chúng ta mơ hồ. Rõ ràng chúng ta luôn sống trong mơ, trong mộng, trong hão huyền, chúng ta chưa bao giờ tỉnh giấc được. Chúng ta chỉ cần thôi đi những cái ảo đó, đừng có tiếp tục chơi giỡn với cái ảo đó là chúng ta đến sự thật.

Phật luôn hiện hữu không thay đổi trong pháp giới này từ lâu lắm rồi. Cõi giới chư Phật mười phương cũng đang hiện tiền với chúng ta. Chúng ta không cần đi đâu để đến cõi Phật. Chỉ cần chúng ta không đeo bám cái ảo là chúng ta ở trong cõi Phật, chung đồng với mười phương pháp giới chư Phật, chung đồng với cõi Phật A Di Đà, cõi Phật Thích Ca, cõi Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Vương. Tất cả chư Phật mười

phương đều chung đồng chỗ này. Nhưng chúng ta không chịu ở cõi Phật, chúng ta thích những cái ảo mong manh đó.

Chúng ta phải thấy ra sự thật quý giá vô vàn của chính mình, không thể lấy cái gì đổi được. Cả tam giới này đổi khoảnh khắc đó chúng ta không bao giờ chấp nhận đổi. Chúng ta phải quý nó như vậy thì tự động chúng ta sẽ sống được. Nhưng từ xưa tới giờ chúng ta không quý phút chốc hiện tiền này. Chưa bao giờ ai quý sự thật này cả. Ngồi tại đây phải nhớ quá khứ, phải vọng hướng tương lai mình sẽ cái gì cái gì chứ cái hiện tại mình mất. Phút giây hiện tại này mất, thì phút giây nữa hiện tại cũng mất. Một ảo vọng tương lai nó chỉ là cái ảo thế mà mình chấp nhận được. Tương lai là ảo, quá khứ là ảo, thực tại cũng ảo, chúng ta không vướng mắc thực tại thì quá khứ và vị lai cũng tan.

Đây là điều rất lạ. Không vướng mắc ngay tại đây thì mất không gian và thời gian liền. Không gian và thời gian là ảo vọng của tâm thức được đặt định một khoảnh khắc nào đó. Giữa hai tâm thức là một khoảnh khắc. Chúng ta đặt ra một chút khoảnh khắc nơi tâm, thấy có trước đây một chút, thấy có sau đây một chút là chúng ta đã có khoảnh khắc rồi. Đã thấy có trước, có sau, có trong, có ngoài là thấy có không gian, có thời gian. Nhưng sự thật là không không gian và không thời gian.

Ví dụ âm thanh chúng tôi vừa phát ra tiếng Phật thì ngay đó không có trước, không có sau, trước đó không có âm thanh Phật và sau đó cũng không có âm thanh Phật. Nó cũng không phải ở trong, cũng không phải ở ngoài, nó vốn là như vậy hiện tiền. Chúng ta tiếp nhận nổi cái hiện tiền này không? Không phải là sự cố gắng mới nhận ra. Quên đi sự cố gắng,

quên đi sự phấn đấu, thôi dứt đi sự muốn nhận, thôi dứt đi sự tìm cầu. Tất cả những mong muốn, những hoài bão, những ước vọng ngay tại đây thôi dứt. Cái muốn được, cái muốn đạt, cái muốn chứng, cái muốn ngộ cũng thôi dứt để vốn thực hiện tiền này đang xảy ra. Không có mình ở đây, không có người ở kia, không ngã không pháp. Cái sự thật Như Như không ngã không pháp luôn luôn hiển bày.

Một cõi bình an hiện tiền này mà chúng ta không nhận uổng lắm, đừng để mất phút giây này. Từng khoảnh khắc một đều là vàng, chúng ta phải trân quý thực sự khoảnh khắc này. Luôn luôn là mới, luôn luôn là Như, luôn luôn là phúc lạc, luôn luôn là bình yên, luôn luôn là thanh tịnh. Nó hiển bày lồ lộ chứ không có giấu ở đâu mà nói mình tìm không ra. Lý do đơn giản là mình mê cái ảo. Mình còn thấy ảo là cái gì quý trọng lắm, thấy tình cảm thương ghét là quý trọng lắm, thấy cái giàu nghèo là quý trọng lắm, thấy cái được mất là quý trọng lắm, thấy cái có không là quý trọng lắm, tất cả những cái quý đó nó chỉ là ảo. Chúng ta phải nhận ra tất cả đều là ảo, thì cái biết ảo đó mới là cái thật.

Người tu cần phải thấy sự thật thì không cần phải nói, không cần phải bàn và quý vị sẽ thấy mình tự tại ngoài tam giới. Sức tự tại đó quý vị không thể tưởng nổi là mình sẵn sàng đi tất cả các cõi trong tam giới này mà không vướng lại, sẵn sàng thâm nhập mọi cảnh giới mà không bao giờ bị vướng mắc, rất đặc biệt. Chúng ta thích xuống địa ngục, ngạ quỷ chơi thì chúng ta xuống dưới chơi được, không đau khổ như những người đó, chơi để giúp đỡ người ta, có thể cứu độ người ta. Không có cõi nào chúng ta không tới.

Nếu có duyên trong đời này họ thuyết pháp giảng Kinh được thì cứu độ theo kiểu thuyết pháp giảng Kinh. Hoặc đến chỗ phức tạp họ cũng làm lợi cho dân phức tạp. Đó là sự thật. Họ sống bất kỳ cõi giới nào, dù chơi kiểu gì, họ cũng muốn làm lợi ích cho người kia chứ không phải vì đam mê. Không đam mê trở lại được dù đó là cõi nào, dù sức hấp dẫn cỡ nào thì sự đam mê tự động không còn, vì đam mê cũng là cái ảo. Người đó không còn chấp ảo được thì không thể có sự đam mê. Chúng ta còn coi trọng cái ảo quá, thành ra mình mới có, mới không, mới khổ, mới vui, chứ mình hết đi cái ảo rồi lấy đâu mà khổ.

Những người đó chúng ta không thể bàn nổi, không thể suy lường. Một điều đặc biệt khi chúng ta thấy đúng điều này lạ lùng là chúng ta đã ra khỏi rồi, không dính được. Cần là cần chúng ta thấy tới chứ không phải cần chúng ta công phu dày. Chúng ta có thể nhập định một tỷ năm nhưng chỗ này không thấy vẫn không phải. Đó là điều Đức Phật quở trách những người nhập định lâu. Những người mê định thì không tới chỗ này. Đức Phật dạy chúng ta phải vượt ra ngoài và phải chứng đắc. Chứng đắc không có nghĩa là chứng quả này chứng quả kia mà chúng ta phải thể nhận được, phải hội nhập được, phải hòa tan được trong cái Như này, gọi là chứng đắc. Nếu tất cả chúng ta thành như hết là chúng ta đang chứng đạo. Nếu nói hành đạo thì chúng ta đang hành đạo. Người sống bằng như là người đang hành đạo. Hành mà không có chỗ hành, tu mà không có chỗ tu, tu vô tu đó mới thật là tu, còn nếu thấy mình còn công phu thì chưa thật tu.

Tới chỗ này mới gọi là hành đạo. Sống đúng từng khoảnh khắc một trong đời sống còn lại của chính mình là

Như Như, nhưng mà sống động chứ không phải bất động. Thường các vị nói Như Như bất động, nhưng với tôi là Như Như sống động. Các vị thích Như Như bất động nên cứ ngồi hoài để thành bất động thân, bất động tâm, lệch đi ý chỉ của Đức Phật.

Cái Như là nguồn sống, một lực sống, mà sống là động chớ không tạm dừng. Danh từ vô trụ trong Kinh Kim Cang gần như diễn tả được mức sống này. Vô trụ tánh, vô trụ tướng. Còn từ Như Như có thể người ta hiểu lầm là bất động. Như thấy, như nghe là động mà không phải động, thì đó mới thật là động. Bất động nhưng mà động, mới thật là bất động. Chúng ta phải thấy được cái bất động ngay khi động này. Chúng ta phải nhận ra sự thật là ngay khi động mà bất động.

Nó luôn luôn như vậy, nó Như Như rõ biết mà không thay đổi được, thì cái không thay đổi rõ biết đó được xem như nó bất động. Nhưng nó luôn luôn rõ biết cho nên nó sống động. Cái rõ biết nó không thay đổi theo thời gian và không gian, cho nên ở đây gọi là định huệ hiện tiền. Chúng ta phải thể nhận được cái định huệ đồng đẳng này ngay tại đây, thì đó là cái thấy biết của đạo lý.

Không phải ngồi định mới phát huệ rồi hiểu điều này điều kia. Chúng ta nhập định năm ngày, bảy ngày rồi mới khai tuệ; hoặc năm năm, bảy năm rồi trí tuệ mới mở ra ; hoặc một kiếp, hai kiếp nhập định rồi mới khai tuệ. Không phải, định huệ đó không phải là cái chỗ đức Phật nói. Đức Phật không bao giờ nói có cái định trước sau như vậy. Định huệ phải đồng đẳng hiện tiền, không trước không sau, thấy in tuồng là động nhưng nó là bất động. Thấy in tuồng bất động nhưng nó là sống động.

Dùng từ ngữ thế gian không bao giờ nói hết được điều đó. Tại vì thế gian luôn luôn xảy ra trong khoảnh khắc mong manh, cái mong manh không phủ trùm được cái lớn lao. Giống như ngọn lửa đom đóm không thể che được ngọn lửa hỏa diệm sơn. Ánh sáng đom đóm không thể so với ánh sáng mặt trời. Cái đó nó luôn sáng như ánh sáng mặt trời, có mây nó cũng sáng, không mây nó cũng sáng. Có mây nó không sáng dưới này, nhưng trên mây nó vẫn tiếp tục sáng. Nó luôn luôn là như vậy, nó không thay đổi.

Tu đơn giản là chúng ta đừng tiếp tục nữa, mọi người mệt mỏi lắm rồi nghỉ ngơi đi là xong chuyện. Tôi chưa bao giờ xúi ai làm điều gì, nhưng nhiều người nghe Pháp tôi giảng rồi muốn làm cái này, muốn làm cái kia nên nói vô không nổi, phải nói là con ra không được vì cái đó nó đã phủ trùm mình nhiều kiếp rồi. Bây giờ mình chỉ hay ra là mình đã ở trong đó rồi. Chúng ta luôn sống trong bể giác, phút giây nào bể giác cũng luôn hiện hữu, phút giây nào cái Như Như cũng luôn hiện hữu, chúng ta luôn ở trong đó. Chờ đợi phút giây nào chúng ta giựt mình hay ra được sự thật này, chứ không phải chúng ta thêm hay bớt, không cần thêm, không cần bớt.

Tôi có bài Pháp làm biếng tu. Ai chơi với tôi thời gian tự dưng làm biếng tụng Kinh, làm biếng ngồi thiền. Nghỉ làm hết mọi cái đi, nhưng phải nghỉ cho được, nghỉ chuyện này mà làm chuyện kia cũng như không. Nghỉ là phải nghỉ sạch, nghỉ tụng Kinh, nghỉ ngồi thiền mà ngồi nghĩ chuyện khác là mình đã làm tiếp. Phải nghỉ đi sự nghĩ ngợi đó nữa, nghỉ toàn triệt, nghỉ là không làm gì cả.

"Ông tuy luận bàn nghĩa nhân duyên tự nhiên quyết định rõ ràng, người đời gọi ông là đa văn bậc nhất."

Đức Phật nhắc lại chuyện cũ của ngài A Nan. Hồi đầu bản Kinh nói đến nhân duyên Đức Phật cùng với Tăng đoàn đi khất thực, còn ngài A Nan đi việc riêng của mình lang thang nên bị thần chú của Ma Đăng Già mê hoặc. Sau được Đức Phật phóng hào quang nói thần chú để ngài Văn Thù đem thần chú đi cứu.

Trong đoạn này Đức Phật kể là: *"Nhờ thần chú đó mà dập tắt tâm nhiễm ái của Ma Đăng Già."* Trong nghi thức tụng niệm bây giờ chúng ta thường hay tụng thần chú Thủ Lăng Nghiêm để dứt trừ nghiệp ái. Người ta thường nói vui: "*Làm lính sợ qua ải, làm sãi sợ Lăng Nghiêm."* Tức là những người lính sợ qua ải chiến trường, nhưng làm thầy tu thì sợ Kinh Lăng Nghiêm lắm, vì học thuộc năm đệ Lăng Nghiêm cực vô cùng. Nhờ Đức Phật sử dụng loại thần chú đặc biệt mới dập tắt được tâm ái của bà Ma Đăng Già khởi lên với ngài A Nan, vì vậy mà ngài A Nan mới thoát ra. Trong khi ngài Văn Thù đọc thần chú Thủ Lăng Nghiêm thì cô Ma Đăng Già cũng chứng quả Tu Đà Hoàn và cứu thoát A Nan ra.

Vì ngài A Nan là người học hiểu nhiều đời nhiều kiếp nên gọi là đa văn. Mà trong Kinh khen tặng Ngài là thông minh và nhớ lời Đức Phật, giống như bưng một chén nước rót qua chén kia không rớt một nửa giọt ra bên ngoài. Đức Phật thuyết giảng ở đâu ngài A Nan cũng thuộc. Lúc ngài A Nan được đề cử làm thị giả của Đức Phật, Ngài đưa ra tám điều kiện để tránh những dư luận không tốt có thể xảy ra. Một là, không đắp y thừa của Đức Phật. Hai là không dùng thức ăn thừa của Phật. Ba là không ở chung tịnh thất với Đức Phật. Bốn là không đi thọ thực cùng nếu thí chủ chỉ thỉnh Đức Phật. Năm là khi A Nan được mời thọ thực Đức Phật hoan hỷ đi

cùng. Sáu là được quyền sắp xếp khách vào gặp Đức Phật. Bảy là được hỏi Đức Phật mỗi khi có hoài nghi phát sinh. Tám là Đức Phật hoan hỷ nói lại những bài pháp khi A Nan vắng mặt. Thành ra có những lúc Đức Phật đi lên cõi Trời thuyết pháp, Đức Phật về cũng phải thuật lại cho A Nan nghe. Đức Phật thuyết pháp ở Long cung, ngài A Nan xuống không được Đức Phật về cũng phải về kể lại cho Ngài A Nan nghe. Thế nên tất cả các thời thuyết pháp trong đời Đức Phật đều được ghi lại trong Kinh điển, là do Đức Phật nói hết cho ngài A Nan và Ngài nhớ rồi trùng tuyên lại. Đó là những điều được Đức Phật khen tặng ngài A Nan là một trong những người thị giả thông minh nhất, thông minh hơn các thị giả của các đời Đức Phật trước nữa.

Ngài A Nan là người thông minh cho nên mới đặt ra tám điều kiện này. Ví dụ điều kiện không đắp y thừa của Đức Phật, thì người ta không thể nói A Nan muốn gần gũi Đức Phật để hưởng sái. Cho nên khi y Đức Phật không đắp nữa đem ra làm lễ yết ma cho người nào thì người đó nhận. Hoặc khi thí chủ thỉnh Đức Phật mà quên thỉnh A Nan là Ngài ở nhà không đi theo Đức Phật ăn ké, đó là người rất thông minh. Vậy mà ngài A Nan vẫn bị thần chú của Ma Đăng Già.

Lúc Đức Phật gần thành đạo thì có cảnh vô minh tăm tối quỷ dạ xoa la sát hiện ra để uy hiếp Đức Phật và cuối cùng là cảnh Gia Du Đà La hiện ra để gọi Đức Phật quay trở lại. Ở đây ý Đức Phật muốn nói phải dứt trừ được ái nghiệp thì mới có thể chứng quả Bồ Đề. Cái ái tuy vậy mà khó gỡ, không thể giỡn được. Tận trong thâm tâm của mình còn thấy có gì vướng lại để mình không gỡ ra, thì rất khó cho mình và sẽ mãi mãi những đời kế tiếp nữa. Việc cư xử với nhau trong đạo tình,

chúng ta phải tận tâm tận lực chăm sóc, quan tâm, lo lắng, dìu dẫn nhau cho tới giác ngộ giải thoát, nhưng phải tháo cái gút bên trong đừng để nó bị đi sâu vào.

Đây là điều người tu phải biết. Những cù cặn ái nhiễm mà còn thì sanh tử này chúng ta không ra được. Ngay phút chốc thành đạo quả Vô Thượng Bồ Đề mà Gia Du Đà La hiện ra, đó là bài Pháp hết sức sống động cho chúng ta phải học theo, đời này lỡ không được thì thôi luôn đi, đừng hẹn đời sau, nếu còn hò hẹn là còn tiếp tục câu móc với nhau bằng tình ái để đi tiếp trong sanh tử luân hồi.

Có những vị tu hành trong đạo Phật rất lỗi lạc, nhưng nhìn tới nhìn lui các vị vẫn dính vào chuyện này là vì đâu? Lý do gì? Trong Kinh nói là: "*Phật cao một thước thì ma cao một trượng."* Nói vậy là chúng ta nói cái kiểu đầu hàng rồi. Phải nói ngược lại: *"Ma cao một thước Phật cao triệu thước."* Tam giới này là vòng quản lý của ma. Ma nó đưa cái danh vọng, sắc đẹp, tiền tài, ngủ nghỉ tới, đó là bẫy rập, nên bất kỳ người tu nào tự trong thâm tâm mình không sạch ngũ dục thì đừng nói chuyện khác. Danh có thì lợi có, lợi có thì tài sắc sẽ có, nó đâu có đưa tài sắc ra sớm đâu, khi chúng ta công phu ngang tầm nào chúng ta sẽ gặp một người ngang tầm đó đến với mình, đó là điều dễ sợ nhất. Chúng ta công phu thấp thấp thì có người tình cảm thấp thấp tới. Tu khả năng cao hơn sẽ có người cao tương ưng. Có khi không phải là ma mà đó là sự thử thách đạo lực của hành giả.

Ma Ba Tuần những vị có đầy đủ thần thông phép mầu, những vị đó muốn cân đo lực tu của hành giả. Học lớp một có bài thi của lớp một, học tiến sĩ sẽ có bài thi của tiến sĩ mới được tốt nghiệp ra trường.

Khi chúng ta tới tầng đó sẽ có người tới tương ưng. Có khi có những người học Phật họ hiểu đạo, trí tuệ họ thuộc dạng siêu xuất vượt bậc không ai có thể hiểu được. Tự động có người hiểu được mình, mình cảm giác thích lắm, hiểu nhau rồi thì sẽ dẫn tới thân thiết và sẽ dẫn tới ái nhiễm, là khó thoát. Khi có sự tương thông tương đồng trở thành tri kỷ mà không thành ái nhiễm thì chúng ta mới ra được. Không phải một đời mà mãi mãi là tri kỷ nhưng không rớt vào ái nhiễm, thì đó mới là siêu xuất tam giới. Nhưng đa số tri kỷ rồi thì thành nhiễm, nên chúng ta phải có cái thấy để thoát ra.

Thật sự khi chúng ta tới chỗ kia là đã ra ngoài rồi, nên dù cái gì đi tới cũng không thể dính, những cái mang tới cho họ là những cái trong trần thế này nó không buộc được người nằm bên ngoài, không còn dây có thể buộc được. Nhưng nếu chúng ta còn trong này khỏi cần buộc chúng ta cũng bị dính. Đó là những bậc thầy để thử mình, chúng ta phải hiểu như vậy. Đó là người lại chấm điểm mình để coi mình nói Như mà mình sống Như được không, nếu mình sống không Như được thì coi như rớt.

Khi nói về việc hành đạo của các vị Bồ Tát, thường là các vị hiện thân xuống cõi này để làm Phật sự trong đoạn đời này, thì sẽ có bạn đồng hành xuống một người chơi thuận, một người chơi nghịch. Ví dụ một người đang sống hạnh phúc nổi danh nổi tiếng tiền bạc đầy nên quên tu, thì sẽ cho một bà quỷ Dạ Xoa La Sát tới gây khó khăn cho tới khi thấy đời này khổ quá chạy vô chùa. Đừng nghĩ bà kia là ma quỷ gì mà là vị kia xuống ép mình, nếu không có vị kia thì ông này không vô chùa được. Hoặc họ sẽ tạo điều kiện thuận, nhưng cái thuận dễ chết hơn cái nghịch, cái nghịch có thể đỡ đòn được còn cái

thuận rất khó chạy, cái gì chúng ta cũng được người đó lo lắng, được phụng sự, gần như tất cả mọi ý muốn của mình đều được đáp ứng đầy đủ, tại vì họ đã là tri kỷ rồi họ hiểu hết ruột gan phèo phổi của mình, mình muốn cái gì chỉ cần móng niệm là có liền thì chúng ta sẽ chết, mà thường là người tu bị chết kiểu này.

Đức Phật nói phải phá được cái gốc ái thì mới ra ngoài sanh tử, còn không thì chúng ta không ra được. Đây là chỗ dính nhiễm rất khó phá. Chính Đức Phật cũng than trong Kinh: *"Nếu cuộc đời này có một kiểu ái thứ hai là ta không có đệ tử nào xuất gia được"*. Không phải chúng ta nói ra để hơn thua, chống phá, đối đầu, nhưng chúng ta phải biết nó. Tất cả đều là ảo, thì cái ái nhiễm, thương yêu cũng là ảo do tâm chúng ta sanh ra. Tâm chúng ta sanh những ảo vọng để chúng ta chấp trước cho nó là thật, chúng ta mới quý mến gìn giữ nó. Khi nhận biết nó là ảo thì thôi có gì đâu, nhưng khi thấy nó là thật là quý thì chúng ta khó thoát ra được.

Trong đời này nếu cái ái phát sinh một lần mà không có đạo lý để chuyển hóa, thì nó trở thành cái móc câu để câu móc nhau thành nhiều kiếp. Khi chúng ta động lòng với ai đó là đời này khó giải quyết lắm, đừng nghĩ đời này xong, khó ra lắm. Thành ra khi động lòng rồi phải coi lại mình, để nghiền ngẫm làm sao cho nó thành Như để nó về cõi Phật. Kinh Kim Cang nói đưa vô lượng vô số vô biên chúng hữu tình tới Vô dư y Niết Bàn, thì nghiệp ái chúng ta cũng phải đưa tới Vô dư y Niết Bàn mới xong trong đời này.

VĂN KINH

Mục 12: Chỉ nghĩa quyết định

Đoạn 1: Thuật lại chỗ ngộ, thỉnh cầu pháp tu hành

Ông A Nan và cả Đại chúng nghe Phật dạy, nghi lầm tiêu trừ, tâm ngộ được thật tướng, thân ý nhẹ nhàng được việc chưa từng có, nên lại thương khóc, đảnh lễ dưới chân Phật, quỳ gối chắp tay mà bạch Phật rằng: "Đức Vô Thượng Đại Bi, Thanh Tịnh Bảo Vương, khéo khai mở tâm chúng con, hay dùng các thứ nhân duyên phương tiện như thế để dẫn dắt những kẻ đắm chìm mê mờ ra khỏi biển khổ. Bạch đức Thế Tôn, nay con tuy được vâng nghe pháp âm như thế, biết tính Như Lai Tạng nhiệm mầu sáng suốt khắp giáp mười phương, hàm chứa các cõi bảo nghiêm thanh tịnh trong thập phương quốc độ của chư Phật, đức Như Lai lại trách con nghe nhiều vô dụng không kịp thời tu tập. Nay con như kẻ lữ khách, bỗng được vị thiên vương ban cho ngôi nhà đẹp. Tuy được ngôi nhà lớn, cần yếu là phải biết cửa vào, cúi mong đức Như Lai mở lòng đại bi chỉ cho chúng con và những người còn tối tăm trong hội chúng từ bỏ pháp Tiểu thừa, trọn nhận được con đường phát tâm tu tập đi đến Vô dư Niết Bàn của Như Lai và khiến cho hàng hữu học biết cách nhiếp phục tâm phan duyên từ trước, được pháp tổng trì chứng nhập tri kiến Phật." Thưa lời ấy rồi, năm vóc gieo xuống đất, ở trong hội một lòng trông chờ từ chỉ của Phật.

Khi ấy, đức Thế Tôn thương xót hàng Thanh Văn Duyên Giác trong hội đối với tâm Bồ đề chưa được tự tại và những chúng sinh phát Bồ đề tâm trong đời mạt pháp về sau, khi Phật đã diệt độ, mà mở ra con đường tu hành

nhiệm mầu nơi pháp vô thượng thừa, tuyên dạy ông A Nan và cả Đại chúng rằng: "Các ông quyết định phát tâm Bồ đề, đối với pháp Tam ma đề (thiền định) nhiệm mầu của chư Phật Như Lai không sinh mệt mỏi, thì trước hết phải rõ hai nghĩa quyết định trong lúc bắt đầu phát tâm tự giác.

Hồi trước có lần ngài A Nan khóc ngộ rồi. Lần này, Ngài đại diện cho một số đại chúng chỉ tin Như Lai Tạng Tâm chứ không phải ngộ như đoạn trước, Ngài đứng ra trình kiến giải, đây là những câu hỏi hết sức ngớ ngẩn, mà nếu chúng ta không tinh ý thì đoạn này chúng ta có thể bắt bẻ Kinh Lăng Nghiêm được, vì hơi xáo trộn về mặt ý tứ.

"Ông A Nan và cả Đại chúng nghe Phật dạy, nghi lầm tiêu trừ, tâm ngộ được thật tướng, thân ý nhẹ nhàng được việc chưa từng có, nên lại thương khóc, đảnh lễ dưới chân Phật, quỳ gối chắp tay mà bạch Phật rằng: "Đức Vô Thượng Đại Bi, Thanh Tịnh Bảo Vương, khéo khai mở tâm chúng con, hay dùng các thứ nhân duyên phương tiện như thế để dẫn dắt những kẻ đắm chìm mê mờ ra khỏi biển khổ."

Đoạn này chúng ta có thể chấp nhận được, vì tất cả những người đã ngộ một lần trước vị Thầy mình, thì không còn gì khác hơn là quỳ lạy khóc lóc đảnh lễ để tạ ơn thôi. Phút chúng ta được vượt thoát sanh tử, phút chốc đó không thể diễn tả bằng ngôn ngữ người phàm được. Chúng ta có thể khóc nhiều ngày, cái xúc động đó có thể làm cho toàn thân tâm chúng ta bị chấn động, và đứng trước vị Thầy mình tự nhiên đầu gối mềm xuống không thể đứng được, ơn đó đối với mình lớn lắm.

Trong Kinh nói ơn cha mẹ rất lớn, nhưng đến phút ngộ đạo chúng ta thấy ơn Đức Phật lớn gấp triệu lần. Cha mẹ sanh chúng ta ra, nuôi nấng dạy dỗ chúng ta chỉ một đời; để lớn lên trở thành người khôn trong xã hội, kiếm kế sinh nhai, chứ ít có được bậc cha mẹ nào có khả năng dẫn dắt con mình vào con đường Phật đạo. Cũng như ít có bậc cha mẹ nào có khả năng làm cho con mình được giác ngộ giải thoát. Hoàn toàn không thể có một gia đình thứ hai như gia đình ông Bàng Long Uẩn, không thể kiếm được trong nhân loại chúng ta, hiếm lắm, nhất là trong thời này.

Cho nên ơn cha mẹ sanh ra thân này, nuôi lớn thân này thì ơn đó không nhỏ, Đức Phật đã kể rồi. Khi chúng ta cảm nhận một chút Phật Pháp thôi thì chúng ta mới thấy ơn Tam Bảo lớn nghìn trùng. Bởi vì chúng ta có được sanh ra trong đời này, lớn lên, già, chết. Mỗi một đời chúng ta mang trọng ơn cha và mẹ nhưng đó chỉ là thân xác này thôi, không dạy nổi tâm chúng ta. Chỉ có Đức Phật mới là người đủ sức phá vỡ được cái màn tối vô minh ngàn đời ngàn kiếp sanh tử của mình.

Nếu không có giáo lý của Đức Phật, không có sự dạy dỗ của chư Tăng thì chúng ta không đủ sức để vượt ra khỏi vòng luẩn quẩn của vô minh, để thoát ra khỏi sanh tử luân hồi. Ơn đó rất lớn, thành ra đa số những người khi tiếp nhận được Phật Pháp đều bị xúc động. Không phải xúc động bình thường, mà là một sự chấn động. Vì chúng ta một lần sụp đổ toàn bộ những khung sáo mà chúng ta đã huân tập ngàn đời ngàn kiếp, một phen gần như vỡ toang cả hư không này, chư vị Tổ sư diễn tả là: *"Sơn hà bị rung chuyển. Đại địa bị chấn động."*

Con người thường của mình trong phút chốc đó chết hẳn không thể nào nhúc nhích được. Khi tỉnh ra rồi mình thấy mình là một con người khác, thay hồn nhưng xác vẫn còn nguyên. Tâm hồn chúng ta không phải là tâm tư của một người từ nhỏ lớn lên được học ở trường lớp, được hiểu một số kiến thức căn bản đời sống con người. Những cái đó nó chết mất trong phút giây đó và chúng ta sẽ có một con người mới hoàn toàn. Cũng con người đó nhưng tâm hồn trong sáng tinh anh bắt đầu hiện ra. Người đó có đời sống hết sức vô tư, nhẹ nhàng, hồn nhiên, trong sáng, an lạc, phúc lạc vô biên tràn dâng nơi người đó.

Phút phúc lạc vô biên đó chúng ta cảm nhận được ơn sâu nhất là của chư Phật, chư Tổ và cảm nhận được ơn nghĩa sâu nặng của vũ trụ, của khắp pháp giới chúng sanh muôn loài. Những điều thuận, nghịch, những cái giúp chúng ta tiến bộ hay phá vỡ con đường hành đạo của mình đều là những ân nhân thực sự. Chúng ta tràn ngập lòng tri ơn và sau phút chốc đó chúng ta tràn ngập tình thương. Hai cái đó lộ ra trong một thoáng chết thân ngũ uẩn và khi chúng ta sống trở lại với cái thân ngũ uẩn cũ, thì hai điều này hiện ra.

Lòng tri ơn đó không có ngôn ngữ nào có thể diễn tả được. Có khi mình nói cái ơn đó mà cả đời này chúng ta không nói được, những cái thấy của mình nó khác hơn trước kia nhiều. Từ trước tới giờ mình chưa bao giờ thấy không khí nó giúp ích được mình điều gì, mặc dù mình hít thở cả đời. Chưa bao giờ mình chắp tay đứng trước hư không xá lạy cảm nhận ân sâu của không khí này. Nếu không có không khí chúng ta không thể sống được? Ngay cả khoảng không chúng ta đang ở chúng ta thấy nó hoàn toàn với mình không có giá trị, nhưng

đến phút giây đó chúng ta mới thấy giá trị của hư không đang hiện hữu này rất lớn. Chúng ta cảm nhận được chúng ta sinh hoạt, đi, đứng tới lui, mình còn hoạt động được là nhờ khoảng hư không này.

Nếu không phải là hư không thì chúng ta cứng ngắc như chúng ta ở trong tảng băng bị đông cứng, nhưng chúng ta chưa bao giờ cảm nhận được ơn lớn đó. Chúng ta muốn đi đâu cũng nhờ khoảng hư không này chúng ta mới sê dịch được, muốn làm cái gì cũng nhờ khoảng hư không này, nhưng chưa bao giờ chúng ta có cảm nhận sâu sắc về ơn đó.

Còn không khí cho chúng ta cả đời chưa bao giờ tính tiền tính bạc với mình, lúc nào chúng ta muốn thở hơi dài thì có không khí để ta thở hơi dài, lúc nào chúng ta muốn thở hơi ngắn thì có không khí để chúng ta thở hơi ngắn. Từng khoảnh khắc một chúng ta được trao đổi với khí bên ngoài để hấp thu nuôi dưỡng tế bào, mà chúng ta thì chưa hay điều đó. Những cơn gió thoảng để thay đổi không khí bức ngặt của mình, những ánh ban mai để sưởi ấm mọi loài, tất cả những điều đó chúng ta chưa nhận ra nổi. Một cành lá nhỏ đang nảy mầm trong lòng đất, dưới chân mình, chúng ta dẫm đạp mà đâu biết rằng nó sinh trưởng để nó tạo nguồn oxy cho mình.

Cho nên khi một người đã chết đi thân ngũ uẩn cũ của mình, phút chốc đó là phá vỡ toàn bộ những lồng sáo đã từng chôn nhốt mình, làm mê mờ mình, cho mình lầm lẫn trong cuộc đời này nhiều ngàn kiếp, để chúng ta thấy được sự thật của mọi vấn đề trong cuộc sống này. Ai là người ơn lớn, ơn nhỏ, ơn nhiều, ơn ít chúng ta thấy hết, tất cả đều là đóng góp và xây dựng cho lộ trình giác ngộ giải thoát của chúng ta. Chúng ta phải thấy những điều này tận sâu trong thâm tâm.

Có những cuộc đời một người tu hành từ nhỏ tới lớn thuận lợi, đi đâu cũng được người ta giúp đỡ, muốn cái gì thì có cái đó, muốn có chỗ tu tốt thì có chỗ tu tốt, muốn sự ủng hộ thì gần như họ có đầy đủ. Nhưng cũng có đời họ đụng đâu là gặp rắc rối tới đó, mình nghĩ cái đoạn rắc rối đó là cái nạn của mình, nó khuấy phá mình, một ma chướng gì đó, là chúng ta không thấy hết vấn đề. Tất cả đều bổ túc cho trí tuệ của mình. Cái thuận chúng ta sẽ học bài học thuận, cái nghịch chúng ta sẽ học bài học nghịch để bổ túc cho trí tuệ chúng ta. Làm sao những thuận nghịch đến với mình đều là liều thuốc bổ, là vị cam lổ để có thể nuôi lớn trí huệ mình thì đó là người biết sống. Nếu thuận tới mà mình có cảm giác là tốt, nghịch tới mình cảm giác là xấu để mình bị xáo trộn thì trí chúng ta không tròn.

Do đó đối trước thuận nghịch chúng ta không có dùng từ dửng dưng, mà phải nói là tiêu dung được thuận nghịch để chúng ta bình an được tâm của mình, thì người đó có thể được chấp nhận là người có công phu tương đối tốt. Mỗi khi chúng ta tiếp xúc với người tốt, hay xấu thì đều là những bài học cho cuộc đời của chúng ta.

Mỗi một bước chân của chúng ta ra đi trong cuộc đời này, trong lúc chúng ta đang tìm cầu Phật Pháp, thì đó là những bước chân được các vị thầy bất đắc dĩ dạy chúng ta, không phải là trường lớp, không phải là sự ký kết, thì chúng ta phải làm sao mở tâm ra để hứng trọn tất cả những bài Pháp thuận nghịch đó. Dù chuẩn bị để học, muốn học hay là không muốn học thì các vị thầy cũng đã dạy cho chúng ta một bài rồi. Chúng ta phải tiêu dung được cái này, để nó trở thành chất

liệu sống cho chúng ta trong bước đường giác ngộ giải thoát. Đó cũng là thường tùy phật học trong Thập Nguyện Phổ Hiền.

Trong đời này nếu chúng ta không học được điều đó, thì không có cách nào chúng ta bình an. Vì đời sống này nó vốn xáo trộn, không phải đi đâu người ta cũng trải thảm nhung để đón rước mình đâu, dù mình là bà gì ông gì cũng phải như vậy. Không phải mình thách thức, nhưng cuộc đời này nếu như một người đi ra biển mà sóng lặng gió yên thì không biết tay thủy thủ nó giỏi cỡ nào. Nhưng nếu khi ra biển sóng gió ba đào biết chạy cấn lướt sóng cho không chìm, mà về tới bến được là biết tay thủy thủ đó giỏi. Cuộc đời này cũng vậy. Chúng ta nhìn lại những cây mọc trong bùn nó sẽ phát triển rất nhanh, nó có đầy đủ dưỡng chất để nó lớn lên, nhưng thân cây đó mềm lắm không có giá trị như cây gòn, cây chuối … Còn những cây chen trên sỏi đá mà nó lớn lên được, lớn rất chậm, thân nó èo ọt vậy mà nó sống được thì những loại gỗ đó có thể dùng xài, có thể có giá trị.

Cho nên trong việc học Phật, tại sao lại diễn tả cảnh ngài A Nan bị nạn Ma Đăng Già? Chuyện đó Đức Phật có thể giấu được hoặc đời đó nếu không đem ra thì đâu có chuyện gì để bàn? Người tu sĩ mà bị người nữ dụ vô phòng riêng là không được rồi, đối với Phật Pháp nó là chuyện xấu. Nhưng Đức Phật muốn nói hai mặt của một vấn đề: Một người xem như đã chết nhưng Phật Pháp có thể tẩy rửa làm cho họ thanh tịnh được, đó là chuyện của Phật đạo. Nếu Đức Phật ra đời tu từ nhỏ tới lớn thanh tịnh, là một đồng tử đi tu rồi tới chứng quả, thì số người đã từng lập gia đình họ không dám đi tu.

Tại sao Đức Phật lại ra đời có gia đình rồi mới đi xuất gia? Đó là bài mà chúng ta phải học, phải thấy được chiều sâu

này. Nếu như những cái thuận nghịch trong cuộc đời không xảy ra với ngài A Nan, thì phút giây này ngài A Nan không có ngộ đâu, mà Ngài còn bầm dập nhiều trận khác nữa. Nhân vật chính A Nan trong bản Kinh Lăng Nghiêm này, được Đức Phật dựng lên ngay từ đầu là không đi khất thực chung với Tăng đoàn, đi một mình nên bị Ma Đăng Già bắt, rồi phải nhờ trí tuệ Phật đạo mới có thể cứu thoát được Ngài trở về với hội chúng.

Khi một người đã bị lún sâu trong cái sai lầm của mình, thì cái thổn thức đó nó sẽ bật dậy mãnh liệt hơn người bình thường. Nếu chúng ta có tu tập sẽ thấy bình thường không có chuyện gì, nhưng lỡ mình lâm trọng bệnh mình thấy rõ ràng là không còn kịp nữa rồi, lúc đó sẽ tinh tấn hơn. Những điều kiện nghịch nó sẽ làm cho chúng ta bật dậy, nhưng thường là chúng ta không hiểu nổi điều này. Với những người có căn cơ Phật Pháp sâu đậm, thì mỗi một lần trải qua một hoạn nạn họ sẽ vững vàng hơn. Vững vàng trong công phu, đời sống họ sẽ vững chãi hơn.

Ở đây không phải mình muốn cho người tu sĩ hay người đi theo Phật đạo phải gặp chướng nạn hay bị khó khăn. Nhưng thật sự những người vượt qua những sóng gió của cuộc đời rồi, thì họ vững chãi lắm. Những người từ nhỏ tới lớn được cha mẹ bảo bọc, đi đâu cũng có người thân ẵm bồng, vuốt ve, chìu chuộng, đi đâu ai cũng chìu ý mình, lớn lên chúng ta thấy không có khả năng gì lắm để giúp đỡ nhiều người.

Chỉ có khi chúng ta khổ trong cái cùng khổ của nhân loại được thì chúng ta mới thông cảm với cái khổ sở của nhân loại. Chúng ta sẽ có bài học thoát ly trong cái cùng khổ này, nhưng đứng bên ngoài mình hiểu cái khổ của chúng sanh thì

chưa chắc. Chúng ta không tới đây để chúng ta cảm nhận cái khổ của sanh, già, bệnh, chết thì chúng ta không thông cảm nhân loại này khổ đau như thế nào. Không thông cảm được thì chúng ta sẽ không có cách để cứu thoát họ trong cửa ngõ đó.

Có những vị bị đắm mình trong bùn nhơ và họ sẽ tắm sạch họ với Phật Pháp được. Họ dám chấp nhận xuống bùn nhơ thì họ cũng có cách để đi ra được. Như vậy họ sẽ giúp được rất nhiều người đã bị nhiễm nhơ. Chúng ta rất khó giữ mình trong lúc mình còn vô minh tăm tối, lúc chúng ta chưa thật sự giác ngộ, chuyện lầm lạc là chuyện bình thường. Chúng ta lầm từ vô minh, từ lúc sanh tử cho tới giờ phút này thì phút chốc giác ngộ chúng ta sẽ mở được trí tuệ Phật đạo.

Có người cũng thần tượng hóa về việc thấy biết Phật Pháp, lại cho rằng người tu theo Phật đạo phải thanh tịnh từ đời này cho tới đời khác, cho tới khi thành Phật, thì người đó mới xứng đáng làm Phật. Đúng không? Nhưng chúng ta xét lại thái tử Tất Đạt Đa khi ra đời sống như thế nào? Đứng về mặt Pháp Tánh để chúng ta có thể nhìn, thì rõ ràng thân và tâm này dù có như thế nào cũng không có thể đá động ảnh hưởng tới pháp giới Tánh toàn chân thanh tịnh. Họ biết chắc họ sẽ mượn thân tâm này để làm cái gì trong đời này. Người thấu hiểu Phật đạo thấy được điều đó, nên lúc nào họ xài thân tâm kiểu nào đó để họ làm cái gì thì mình nên để yên cho họ làm.

Ngày xưa có một vị Thiền sư đi bằng thần thông, ngang qua chỗ lầu xanh Ngài nhìn thấy có hào quang ngũ sắc lạ kỳ, chỗ này lại có chuyện đó sao? Ngài đáp xuống đi vào trong đó, vừa nhìn thấy sắc diện ánh mắt của ngài Lỗ Trí

Thâm, Ngài biết đó là một vị cao thủ, bên đây là người phụ nữ ôm tay, bên kia một cô đút ăn, tay nọ thì cặp cổ, người thì đấm lưng, năm bảy bà. Thiền sư bước tới nói: *"Chỗ này đâu phải chỗ của Ngài?"* Lỗ Trí Thâm nói: "*Đi chỗ khác chơi, chỗ này là chỗ ta đang luyện tâm của ta."* Thiền sư kia buộc phải bỏ ra đi.

Có người họ luyện tâm cả đời của mình. Họ giải quyết chuyện riêng của họ về dính mắc với người khác phái, họ thấy không có đường để gỡ thì không phải là chạy trốn. Ai có sự dính mắc bỏ chạy thì chắc chắn là còn ngàn kiếp nữa chưa ra. Nếu ai thực sự đối diện để vượt thoát được thì chỗ này là con dao tám lưỡi chớ không phải hai lưỡi, nó cắt mình tám phía chứ không phải hai phía. Đó là một con đường rất hẹp mà hàng triệu người mới có một người có thể thoát. Đó là một lối công phu của người ta.

Công phu kiểu gì đó đến chỗ cực âm nó sẽ sanh cực dương, cực dương sẽ sanh cực âm, cực tĩnh sẽ sinh động, cực động sẽ sanh tĩnh và cực nhiễm sẽ có cái cực thanh, cực ô nhiễm sẽ sanh cực thanh tịnh. Chưa bao giờ chúng ta tới cái cực đó hết, nên chúng ta luôn ở chỗ lưng lửng để chúng ta đánh giá thì chúng ta sẽ luôn ở chỗ lưng lửng không qua được. Cái cực khổ sẽ sanh cực lạc. Cho nên một người phải đến chỗ khổ đau sâu tận trong cuộc đời này, thì họ sẽ cảm nhận được an lạc phía sau đó, nếu họ là người có căn cơ. Còn không có căn cơ thì tới chỗ cùng khổ là gục luôn.

Có khi những vị thầy sẽ dạy mình bài học thuận và những bài học nghịch. Có những khi có sự sắp xếp của Phật Tổ để mình gặp hoàn cảnh đó, mình lớn lên kiểu đó. Hoặc là cái nguyện của người đó muốn làm chuyện này, hoặc cái hạnh

của người đó muốn tu trong đời này, hoặc đoạn đó họ muốn rèn luyện họ kiểu gì đó. Khi đến với Phật đạo họ đã xác định đường đi của mình rồi.

Chúng ta phải xác định tường tận với chính mình trong đời này và mãi mãi những đời sau mình đến với Phật đạo vì lý do gì? Trong bước đường công phu chúng ta phải xác định việc chính, việc phụ rồi thì chúng ta cứ từ từ mà tiến, trên bước đường đi chúng ta phải chấp nhận những khúc gập ghềnh, những khúc bình lặng, những xáo trộn đó chúng ta phải qua cho kỳ được. Nếu gặp xáo trộn mà chúng ta gãy đổ thì chúng ta không đi tới nơi. Có những xáo trộn có thể chết mình được, nhưng mình qua được thì tự động mình sẽ lớn lên rất mãnh liệt.

Người không thường xuyên nhập định nhưng xảy ra chuyện xáo trộn với họ, thì họ sẽ lớn lên gấp ngàn lần so với thời thiền định một vài tiếng đồng hồ. Điều này nếu ai có Kinh nghiệm sẽ thấy. Rõ ràng trong đạo Phật có tám muôn bốn ngàn pháp môn, có những pháp môn mà Đức Phật không nói ra trong Kinh điển.

Đầu Kinh Lăng Nghiêm thì ngài A Nan bị nạn Ma Đăng Già. Sau khi trở về với Đức Thế Tôn, ngài A Nan là người thổn thức mãnh liệt nhất trong đại chúng. Ngài nghĩ ở gần Đức Phật thì trước sau gì mình cũng được giác ngộ. Nghĩ gần Phật là phước báu vô lượng, mà còn được làm thị giả nên Ngài có chút ỷ lại, đó là sự nương tựa thầm lặng ở bên trong đủ để có thể dẫn Ngài tới bị nạn Ma Đăng Già. Ngài cũng thấy rằng tất cả những kiến thức mà mình học thuộc, rồi được uy tín thường xuyên gặp gỡ Đức Phật, nhưng đụng chuyện vẫn bị sụp đổ, cho nên Ngài thức ngộ mãnh liệt chuyện này; kiến

thức không giải quyết được, không đủ sức phá vỡ sanh tử và uy tín gần Đức Phật cũng không đủ sức. Ngài A Nan thấu hiểu nhất, chỉ còn một chuyện duy nhất là tự mình phá vỡ. Ngài A Nan đã ngộ rồi, không phải lần này là Ngài ngộ lần thứ hai, mà Ngài đặt ra câu hỏi này là Ngài đại diện cho tất cả những người mê cần phá trừ nghi lầm:

"Bạch đức Thế Tôn, nay con tuy được vâng nghe pháp âm như thế, biết tính Như Lai Tạng nhiệm mầu sáng suốt khắp giáp mười phương, hàm chứa các cõi bảo nghiêm thanh tịnh trong thập phương quốc độ của chư Phật, đức Như Lai lại trách con nghe nhiều vô dụng không kịp thời tu tập. Nay con như kẻ lữ khách, bỗng được vị thiên vương ban cho ngôi nhà đẹp. Tuy được ngôi nhà lớn, cần yếu là phải biết cửa vào."

Đó là câu hỏi của người chưa ngộ. Chúng ta phải khẳng định như vậy. Nếu thực sự là người đã qua cửa rồi thì đâu cần phải hỏi người gác cổng? Mình tới trình giấy qua cổng, nghĩa là mình chưa qua, nếu mình qua bên kia thì đâu phải trình giấy nữa. Đoạn trước đã nói ngài A Nan thật ngộ rồi, tới bây giờ mới hỏi con đường vào nhà lớn là làm sao? Đây là câu hỏi ngài A Nan đại diện cho chúng ta đặt ra mà thôi.

Trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa sau phần kết thúc phẩm Như Lai Thọ Lượng là kết thúc đoạn đốn ngộ. Sau này là đoạn tiệm tu dành cho những người hiểu về Phật giáo Đại thừa tìm cách công phu để thâm nhập vào pháp giới Tánh. Đoạn này của Kinh Lăng Nghiêm cũng nói lên điều đó. Đây là cái hiểu lý của đệ nhất nghĩa đế bằng kiến thức. Chúng ta phải khẳng định như vậy. Khi ngài A Nan diễn tả cái đoạn ngộ

này là diễn tả giùm cho tất cả chúng ta, những người đang hiểu về việc này cần có Pháp để tu, chứ từ trước tới giờ không nói chuyện Pháp tu, đến sau đoạn này sẽ dạy từng Pháp để tu tập. Vậy là đã hạ xuống tầng thứ hai, như chư Tổ nói: *"Từ cửa thứ nhất mà vào thì cùng Phật Tổ làm Thầy trời người. Từ cửa thứ hai mà vào thì xứng được chư thiên cúng dường. Từ cửa thứ ba mà vào thì tự cứu không xong."*

Đoạn trước ngài A Nan là thuộc dạng cửa thứ nhất mà vào. Ngài đặt câu hỏi này là dành cho người cửa thứ hai, ở tầng công phu để được ngộ Tánh. Trước kia không phải là công phu mà chỉ nhận biết Tự Tánh bằng trí tuệ, hai con đường khác nhau. Một con đường bắt đầu đi vào Thiền định để rớt vào Tự Tánh, còn con đường sau chúng ta chưa biết Đức Phật dạy như thế nào. Đây là câu hỏi của người mới đi vào tập học Phật Pháp Đại thừa, chứ không phải là người chuyên sâu, dùng từ đúng hơn là trình bày cái hiểu biết do Đức Phật dạy chứ không phải là ngộ.

Con đường thành Phật phải ngộ được Như Lai Tạng Tâm trùm khắp Pháp giới mười phương của chư Như Lai, thanh tịnh, nhiệm mầu, sáng suốt trùm khắp pháp giới thì người học đạo hiểu như vậy cũng có thể được chấp nhận là chúng ta có được lòng tin, nhưng chưa có đủ. Phải tin hiểu về chuyện này một cách chắc chắn không bao giờ bị lui sụt trong kiến giải này nữa.

Tới đây những người này có đủ kiến giải rồi nên ai nói cái khác không tin. Ai nói bây giờ mình tu tập không cần nhận ra Phật Tánh của mình, không cần nhận ra Tri Kiến Phật mà có thể thành Phật bằng con đường khác thì sẽ không chấp nhận. Đây là một sự trình bày để thấy kiến giải chân chánh

của người học đúng với chánh Pháp của Đức Phật, chưa được xem đoạn này là ngộ.

Sau khi đã thấy được chuyện trọng yếu Đức Phật dạy, là phải nhận được Tri Kiến Phật. Tri Kiến Phật đó không phải là nhân duyên, không phải là tự nhiên, vượt qua tất cả những hý luận của trần gian này để có thể hòa nhập được. Tất cả những người trong pháp hội đã hiểu như vậy, ngài A Nan đại diện cho người hiểu biết bằng tri thức đứng lên trình bày với Đức Phật, cầu Đức Phật chỉ dạy một con đường nào đó thâm nhập Phật đạo. Giống như câu đầu tiên của Kinh Kim Cang, ngài Tu Bồ Đề đứng ra đảnh lễ thưa Đức Phật: "*Người thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên làm sao trụ, làm sao hàng phục tâm kia?"* Tức là phát tâm cầu thành Phật rồi thì làm sao hàng phục được cái tâm đó, làm sao quay trở về với tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đó và làm sao sống bằng tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đó. Đó là một câu hỏi tương đồng.

Ở đây ngài A Nan đại diện cho tu tập theo Phật giáo Đại thừa trình kiến giải chớ chưa phải là người ngộ. Ngộ mà trình kiến giải là chúng ta không chấp nhận, cầu có đường vào là không đúng. Ngộ là có thể hầm hét với Đức Phật : Ngang đây tam giới này không có chỗ nào có thể trói cột con được, con có thể tự do tự tại trong sanh tử, pháp giới mười phương này con muốn xuống địa ngục con có thể chơi tự do, muốn lên thiên đàng con chơi cũng được, cõi trời nào con muốn ghé chơi cũng được, không còn có chỗ ngăn ngại với con.

Với cái thấy hiểu này vượt thoát nhân duyên, vượt thoát tự nhiên, vượt thoát pháp hý luận thì người đó phải đạt đỉnh điểm đó mới đúng. Còn nói như vậy là hạ xuống cấp hai.

Từ đây về sau, Đức Phật dạy mà có thể công phu được liền, có thể ngộ được liền thì người này xứng được trời, người cúng dường. Còn nếu tới đoạn này mà chúng ta hiểu không nổi, phải nhờ người khác giảng dạy cứu giúp mình, thì mình là người tự cứu không xong. Ở đây Đức Phật có một câu gần giống như thọ ký:

"Các ông quyết định phát tâm Bồ đề, đối với pháp Tam ma đề (thiền định) nhiệm mầu của chư Phật Như Lai không sinh mệt mỏi, thì trước hết phải rõ hai nghĩa quyết định trong lúc bắt đầu phát tâm tự giác."

Đức Phật vừa khẳng định rằng ở chúng hội này đặt câu hỏi đó đều là những người đang phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Là người quyết định được giác ngộ giải thoát trong đời này, phải thực hành những nghĩa, Đức Phật chuẩn bị nói ở phần sau. Phần này đã thực sự xuống một cấp rồi, gần giống như Kinh Kim Cang.

VĂN KINH

Đoạn 2: Xét về phát tâm trong lúc tu nhân

Chi 1. Lấy hư không dụ nhân không sinh diệt

Thế nào là hai nghĩa quyết định trong lúc mới phát tâm?

A Nan, nghĩa thứ nhất: Nếu các ông muốn xả bỏ pháp Thanh Văn, tu Bồ Tát thừa vào tri kiến Phật, nên phải xét kỹ chỗ phát tâm trong lúc tu nhân với chỗ giác ngộ trong lúc chứng quả là đồng hay khác?

A Nan, nếu đối với chỗ tu nhân lấy tâm sinh diệt làm nhân chính tu hành, để cầu quả bất sinh bất diệt của Phật thừa thì thật không có lý đó.

Do nghĩa ấy, ông phải xét rõ các pháp có thể tạo tác ở thế gian đều theo sự đổi dời tiêu mất. A Nan, ông xem các pháp có thể tạo tác ở thế gian, cái gì là không hoại diệt, song trọn không nghe hư không bị hoại diệt. Vì sao? Vì hư không chẳng phải là pháp tạo tác, do đó trước sau trọn không hoại diệt vậy.

Phần lý luận này nếu chúng ta giảng theo chữ nghĩa thì nó cũng có một chút mích lòng, và Đức Phật nói việc tu nhân phải phá bỏ Thanh Văn thừa, Nhị thừa hoặc để tu Bồ Tát thừa, thì trên văn tự chữ nghĩa nó là như vậy. Khái niệm hiểu biết thông thường của phật tử cũng như của người nghiên cứu Phật Pháp thì chúng ta thấy là có Nguyên Thuỷ, có Đại thừa, có Thanh Văn thừa, có Bồ Tát thừa, có Phật thừa, nhưng nhìn về chuyên môn nó không khác biệt nhau.

Từ lúc Đức Phật nói bài Pháp đầu tiên cho tới Đức Phật nhập Niết Bàn, Đức Phật chưa bao giờ muốn phân thừa nào hết. Đức Phật đều muốn chỉ một điều duy nhất trong Phật đạo, cũng như sau này chư Tổ nói là tất cả Kinh điển đều có quy thú của nó. Giống như tất cả các dòng sông đều chảy về biển, biển chỉ thuần có một vị mặn, Pháp của Đức Phật thuần là đạo giác ngộ giải thoát mà thôi. Cho nên mình phân là do cái đầu của mình, là do kiến thức của mình.

Ví dụ như mình hiểu là có một pháp khổ thiệt, bây giờ mình tu để diệt cái thiệt khổ đó để có Niết Bàn thiệt. Nếu có kiến thức này thì được xếp là Nhị Thừa, tức là tu theo kiểu hai bên có khổ và có cái vui thật. Còn nếu người thấy khổ không

thiệt, Niết Bàn cũng là không, thấy chúng ta đang lầm trong sanh tử này và muốn phá vỡ cái lầm mê để chúng ta hòa nhập vào chỗ không sanh tử, không Niết Bàn kia, chỗ đó không phải là Nhị Thừa. Đầu tiên Đức Phật cũng giảng dạy theo kiểu cái này có nên cái kia có, cái này không nên cái kia không. Đó là phương tiện dẫn dụ, để Đức Phật muốn chỉ cái chỗ chính này.

"Nếu đối với chỗ tu nhân lấy tâm sinh diệt làm nhân chính tu hành, để cầu quả bất sinh bất diệt của Phật thừa thì thật không có lý đó."

Nếu kiến giải mà ở nơi đầu chúng ta còn thấy cõi đời này thật khổ và có Niết Bàn là thật vui, thì người đó tu phải vài ngàn kiếp nữa cũng chưa có thể chứng được Phật quả. Ở đây Đức Phật nói là không có cái lý đó. Nếu như lấy sinh diệt làm nhân tức là thấy có sinh tử, thấy có Niết Bàn, thấy có khổ, thấy có vui và có một Pháp để có thể diệt trừ các Pháp kia, những loại kiến giải đó Đức Phật nói là không thể chứng được quả vô sanh, Đức Phật xác định rõ ràng.

"Do nghĩa ấy, ông phải xét rõ các pháp có thể tạo tác ở thế gian đều theo sự đổi dời tiêu mất."

Các pháp thế gian mắt chúng ta có thể thấy, tai chúng ta có thể nghe, tất cả cái này có thể đổi dời có thể có, có thể không, có thể thành, có thể hoại, nó là quy luật của vạn pháp. Nhưng hư không chúng ta không thấy nó thành nó hoại, không thấy nó có nó không, tức là nó không có sinh không có diệt, nhưng đối với vật chất thì nó có sinh có diệt. Đức Phật muốn chỉ ra pháp sinh diệt, dù có tu có chứng thì cũng ở chỗ sinh diệt đó. Còn nếu như mình nhận được không sinh không diệt, không công phu như những người kia thì mình cũng là người

không sinh không diệt.

Đức Phật muốn nói, chúng ta phải xác nhận rõ ràng, nếu chọn nhân sanh tử thì chúng ta chỉ đạt quả sanh tử, do đó nếu có một vị Thiền sư nào ra đời mà nổi danh nổi tiếng gì trên thế giới, mà dạy người ta có một pháp tu để diệt được cái này, để chứng được cái kia, thì vị Thiền sư đó đang dẫn người ta theo con đường Nhị thừa, và chứng đắc những quả vị ở trong vòng sanh tử chứ chưa ra khỏi được, không thể chứng được quả Vô sanh.

Có những người nói ta tạm mượn Pháp nào đó, thực sự không phải đâu từ cái thâm tâm của con người đã thấy hai bên rồi, người chưa giác ngộ luôn luôn thấy như vậy. Thiền sư mà không phá vỡ được cái thấy nhìn hai bên của họ, để dẫn dắt họ ra khỏi vòng luẩn quẩn này thì người đó không xứng là Thiền sư, không đủ lực để giúp đỡ trần gian này.

Cho nên chúng ta phải làm sao đứng ngoài cái hai bên để chúng ta có thể lôi người khác ra được, đó là con đường Đức Phật chuẩn bị chỉ cho chúng ta. Một người phải xác định rằng: Nếu chọn nhân sanh diệt thì sẽ có quả sanh diệt, nếu chọn nhân Vô Sanh mới đạt quả Vô Sanh, chúng ta cần phải minh định trước khi Đức Phật dạy Pháp tu.

Ở đây Đức Phật dụ vật chất và hư không để khẳng định lại, nếu đi theo con đường tu tập mà lấy cái này diệt cái kia, lấy cái kia diệt cái nọ, ví dụ như dùng sổ tức hay dùng công phu Thiền định gì đó để chúng ta diệt những ý niệm, diệt những vọng niệm đang có trong đầu của mình; cho rằng đó là những ý niệm thật, những vọng niệm thật dẫn chúng ta tới những phiền não thật, những khổ đau thật tới sanh tử thật.

Cho nên chúng ta diệt những cái này, tức là diệt được cái sanh tử để chúng ta chạy về chỗ không sanh không tử nào đó. Xin thưa, đó không phải là con đường mà Đức Phật chỉ dạy. Đức Phật tạm ví dụ và phương tiện vậy thôi nhưng chỗ chính Đức Phật không muốn nói tới chỗ đó.

VĂN KINH

Chi 2. Chia ra trong và đục để tiêu biểu tâm tính sáng suốt nhiệm mầu

Trong thân ông tướng cứng là đất, thấm ướt là nước, hơi nóng là lửa, lay động là gió. Do bốn thứ ràng buộc này phân chia Tâm Tính Diệu minh vắng lặng trùm khắp của ông làm thành cái thấy, nghe, hiểu, biết, từ đầu đến cuối tạo thành năm lớp vẩn đục.

Thế nào là vẩn đục? A Nan, dụ như nước trong vốn sẵn là trong sạch, lại như các thứ bụi, đất, tro, cát vốn là chất ngăn ngại; hai thể chất vốn sẵn như vậy, không hợp nhau được. Có người thế gian lấy bụi đất kia ném vào nước trong, đất liền mất tính ngăn ngại, nước mất tính trong sạch, hình trạng nhơ bẩn gọi là vẩn đục. Năm lớp vẩn đục của ông cũng giống như vậy.

Thân chúng ta và kết cấu của tất cả vật chất trần gian này đều đầy đủ tứ đại là: đất, nước, gió, lửa. Như chiếc xe, phần cứng mà ta có thể sờ mó được là đất. Nếu xe thiếu lửa thì không chạy được nên nó có vít lửa, có kim xăng. Có bít tông (gió) thì xe mới chạy tới được, một chiếc xe chế tạo cũng phải đủ đất, nước, gió, lửa. Hoặc một cái cây nếu đo nó có nhiệt độ đó là hơi ấm của cây (lửa), ta chạm vào thấy cứng (đất), nó hút được nước từ dưới đất lên nuôi cây (gió), mủ cây

là nước, vậy cây cũng có đủ đất, nước, gió, lửa.

Nhưng từ trước tới giờ nhiều người lý luận sóng là dụng của nước, tĩnh lặng là thể của nước. Không phải. Bản tính thật của nước là ướt, cho nên nước đục cũng ướt, nước trong cũng ướt, nước màu trắng, màu đen, màu vàng, nước nóng, nước lạnh, nước thơm, nước thối gì cũng ướt. Đã nói tới nước là chúng ta liền cảm nhận ướt. Ướt là thật tánh của nước. Nếu chúng ta nhận được cái ướt rồi thì chúng ta không cần thiết những chuyện khác. Nếu chúng ta nhận rằng sóng gió ba đào là động, phải để cho nước bình lặng lại thì đó là chỗ chúng ta cần tu, mà người tu theo kiểu đó rõ ràng là đi theo con đường nhị thừa.

Đức Phật ví dụ cũng hay là nước nó vốn trong. Sở dĩ nước nó đục là bị đất, bùn, tro rớt xuống mới thành đục chứ nước không thể đục được. Nó hòa quyện với nhau nhưng bùn vẫn là bùn, nước nếu đem lọc thì nước trong, bùn không làm hư hại được cái trong sáng của nước.

Tứ đại ở khắp hư không này, nó vốn trong lặng, mà khi nó kết thành thân sắc uẩn của chúng ta rồi thì nó bắt đầu vẩn đục. Thay vì nước trong kia bây giờ nó thành máu, thành mồ hôi, thành nước miếng, nước đó mình thấy khó nuốt lắm, khó chấp nhận được. Nước trong ngoài kia vào mình một hồi nó thành thứ nước đục. Như vậy là nó được hòa trộn thành đục. Nhìn bề ngoài thì đục nhưng bùn, tro, đất đó không phá vỡ được cái trong của nước.

Đây là điều mà các vị Bồ Tát mới dám đủ sức đi vào lục đạo. Nếu thực sự bùn, tro, đất nó làm đục nước, thì các vị không tu tập nổi, xuống trần gian là bị nhiễm hết. Đây mới thấy được chiều sâu của thiền định Đại thừa. Nếu chúng ta có

lần nào thông cảm được với định lực của Đại thừa, mới thấy rằng các vị đi vào nhân gian chơi kiểu nào cũng không dính lại được. Còn nếu chúng ta hiểu theo kiểu Đại thừa thì ở nhà chúng ta cũng bị nhiễm, khỏi cần đi ra đường, khỏi cần gặp ai ngồi tại đây cũng phiền não rồi.

Đức Phật muốn dụ để thấy rằng sự trong sáng của Tự Tánh, từ ngàn xưa tới giờ nó đã phủ trùm pháp giới này. Dù cái đục nhơ của tam giới này như thế nào, cũng không đủ sức để vẩn đục được cái trong sáng thanh tịnh pháp giới Tánh toàn chân của mình, mà mình phải nhận ra được điều này một cách rõ ràng minh bạch, phải có cái hiểu biết thật sự chuẩn mực, không ai có thể lay đổ cái thấy biết này của mình.

Đừng nói tôi bị sanh tử luân hồi, tôi đã từng bị xuống địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh rồi lên làm người, mai mốt nó đảo vòng vòng trong lục đạo luân hồi là chúng tôi tiếp tục bị nhiễm. Xin thưa, không có. Dù có sanh tử bao nhiêu đại a tăng kỳ kiếp nhưng Tự Tánh vẫn hoàn toàn thanh tịnh không nhiễm. Nhưng mà nhìn thì thấy y như đục. Rõ ràng nước bùn là nước đục, nếu chúng ta là người không hiểu biết, bỏ nước đục đó đi thì muôn đời chúng ta không bao giờ có nước để uống. Người khéo thì một là họ lấy nước đó lắng theo kiểu để từ từ bùn nó sẽ lắng, hoặc lắng phèn, hoặc chỉ cần đưa qua máy lọc là trong liền tại chỗ. Đó là kiểu tu Đại thừa, đưa ngang một cái là trong liền.

Với cái nhìn của Phật Pháp, một người ô nhiễm có thể thanh tịnh trong khoảnh khắc. Nếu chúng ta không tin nổi điều này thì chúng ta không thể đi vào con đường Đại thừa được. Hôm qua họ là người đầy tội lỗi, hôm nay họ là người giác ngộ hoàn toàn, tâm họ đã thanh tịnh rồi. Chúng ta có thể đủ

sức để tin điều này và nhìn lại quá khứ mình có đầy tội lỗi không? Không ai dám đứng giữa trời nói tôi hồi xưa tới giờ chưa có tội, chưa bị ô nhiễm. Nếu chúng ta bị ô nhiễm thật sự mà nó phá vỡ tâm thanh tịnh của mình thì chúng ta không bao giờ tu được. Nhưng rõ ràng thấy sự hòa quyện lồng bóng trong nhau giữa cái đục và cái trong của nước như vậy, nhưng nó không làm mất đi cái trong của nước. Đây là chỗ đặc biệt.

Nếu như một người nhận được pháp giới Tánh toàn chân, thì họ sẽ tẩy rửa không phải nghiệp tập một đời mà ngàn đời về trước. Chưa chắc những người ngồi đây hồi trước là người đã đi tu. Biết đâu đời trước mình đã chém giết biết bao nhiêu người, mình đã từng ăn cắp ăn trộm, nhưng do cuối đời mình có chút thức tỉnh mình mới đi chùa trở lại. Trong quá khứ ngàn kiếp chúng ta có đời làm ăn cướp, làm ăn mày, có đời làm vua, làm quan, làm vua quan ăn hối lộ hay làm vua quan thanh liêm, tất cả những cái đó đã trải qua với mình đầy đủ không sót.

Mùi thế gian chúng ta đã trải qua nên chúng ta không thèm quay lại sử dụng mấy loại đó nữa, ngán lắm rồi. Nếu cảm giác đủ thì chúng ta không còn thèm thuồng danh lợi, không thèm thuồng tiền bạc, không thèm thuồng cái này cái kia, nhưng có điều chúng ta còn thấy thiếu cho nên chúng ta mong cầu, chúng ta chưa thỏa trong những đời kiếp trước. Nếu mình chưa từng làm giàu thì quyết tâm làm giàu. Nhưng đời này thấy ngay ngôi vị làm vua họ cũng không thèm, vì đã từng làm vua nhiều kiếp trước, nên đời này muốn lết lết xin ăn chơi, vì họ đã đủ trong tâm rồi.

Mỗi đời họ học một chút, mỗi đời họ học một chút, và người tu thì mỗi đời phá vỡ một chút đi ngược lại, phá vỡ sự

huân tập của mình trong ngàn kiếp. Dù mình có đi trong sanh tử như thế nào và bây giờ mình đang ngồi đây, nếu nhìn theo cặp mắt thông thường thì tất cả chúng ta đang ở đây đều là những người nhiễm, không ai thanh tịnh hết. Nhưng nếu một người hiểu biết sẽ nhìn ra vấn đề là dù có lẫn lộn trong trần tục nhưng cái kia hoàn toàn không thể nhiễm được.

Chúng ta tin điều này thì chúng ta có thể tin cả nhân loại này có thể thành Phật ngay tức khắc, chúng ta không dám khinh chê và coi thường ai nữa. Đừng có nói đẳng cấp mình cao hơn người kia, mình có thể đi trước một bước, có thể ngộ trước một ngày, nhưng nói mình đẳng cấp cao mình được ngộ người kia không được ngộ là sai. Có thể họ không ngộ trong đời này, nhưng chắc chắn họ sẽ được ngộ ở lúc nào đó không biết. Nhìn bề ngoài thì thấy họ nhiễm nhưng họ vốn là người bất nhiễm. Khi học đạo chúng ta phải nhận điều này thật tường tận. Có một cái hoàn toàn không thể nhiễm được, nếu người nào khẳng định ở nơi sanh tử này có cái bất sanh bất diệt thực sự nơi thâm tâm chúng ta, thì người đó đủ kiến giải Đại thừa.

Khi chúng ta tới kiến thức đó rồi thì mình tự tin mình tự gạn lọc được. Các vị Thiền sư nói: Một ly sữa mà hòa với nước rồi thì con ngỗng chúa nó mới biết uống sữa mà bỏ lại nước. Còn những con ngỗng thường thường thì nó uống ừng ực hết cả nước luôn. Chúng ta ở đây cũng vậy. Rõ ràng là nơi đục ngầu của thân tâm này, nếu là bậc siêu trần thượng sĩ thì có thể nhận được cái thanh tịnh, rồi nước đục tự hóa tán, chớ không phải lắng còn cặn ở dưới để mai mốt đục lại.

Cách tu của Đại thừa khác tất cả các đường lối khác. Tu Nhị thừa là phải lắng đục khơi trong, làm cho cái vẩn đục này chìm lắng xuống, để tâm thanh tịnh được trồi lên nhưng

vẫn còn cặn ở dưới, rồi phải diệt trừ hết những cái cặn đó, mới chứng quả Niết Bàn.

Đại thừa không nói tới gạn đục khơi trong, mà nhận được cái trong thì liền tức khắc đó mình thấy mình bất nhiễm từ xưa tới giờ và muôn đời sau vẫn không nhiễm, nếu muốn đi cõi nào thì cứ đi. Thích xuống địa ngục vài ngàn kiếp cũng được, không nhiễm. Ở ngạ quỷ, súc sanh, a tu la, cõi người, cõi trời cũng tự tại. Thích đi cõi nào thì cứ đi, không bao giờ nhiễm nữa.

Nếu chúng ta một lần thực sự nhận ra điều này và chính mình đủ khẳng định với mình điều đó trong kiếp này, gọi là tự tại sanh tử. Còn nếu như mình ngồi tại đây mà không đủ sức để khẳng định mình điều này, thì biết rằng sanh tử còn bấp bênh.

Người tu theo lý luận thông thường thì tu hết đời này sanh lên cõi thanh tịnh chớ chưa bao giờ nghĩ xuống chơi với mấy người ở địa ngục. Địa ngục khổ đau hơn, họ cần mình hơn nếu mình là người giác ngộ. Cõi trần là cõi cực khổ cho nên Phật và Bồ Tát mới xuống đây, chứ nếu cõi này là cực lạc thì các vị không tới đây làm gì. Độ xong rồi thì đi đến chỗ khó khổ hơn để làm Phật hạnh của mình.

Cõi Ta Bà là cõi khổ cho nên các vị Bồ Tát muốn cứu giúp chúng ta ra khỏi chỗ lầm mê, mỗi người cứu một kiểu cho nên nhiều khi chúng ta thấy cảnh thuận cứ nghĩ là Bồ Tát giúp. Thật ra, Bồ Tát thuận hạnh có thể giúp mình trên bước đường tu hành, nhưng có một số Bồ Tát cứ đập mình suốt, đó là Bồ Tát nghịch hạnh để dạy mình bài học nghịch trong cuộc đời này.

Có những bài học trong cuộc đời này không có trong

Kinh điển, mà còn hơn Kinh điển nữa gọi là Kinh thiên động địa. Nếu chúng ta không nuốt trôi cái này là đạo lực chúng ta không lớn đâu, chúng ta phải khẳng định với nhau điều đó. Chúng ta phải nhận ra thanh tịnh ngay trong thân tâm này. Đó mới là kiến giải của Đại thừa, không phải đợi hết thân tâm này mới lòi ra thanh tịnh. Giống như lọc hết cặn rồi mới lòi nước trong. Không phải là nguyên tắc đó.

Thanh tịnh nó vốn có trong cái đục và trong cái trong của nước. Nói về đục và trong nó cũng là hai mặt, cái ướt mới là cái chính, nó không ảnh hưởng gì đục, trong. Cái trong nó cũng ướt mà đục nó cũng ướt. Ướt mới là tánh thật. Đầu tiên chúng ta phải nhận ra cái bất nhiễm, phải nhận ra thật tánh của nước là ướt. Nước động, nước lặng cũng ướt, nước trong biển, nước trong hồ, nước trong tô trong chén cũng ướt, nước trong người mình hay nước ngoài người mình, nước sạch nước dơ cũng ướt. Cái ướt nó không ảnh hưởng tới cái đục và trong.

Chúng ta phải thấy cái trong lặng sáng suốt nhiệm mầu đó nó không bị nhiễm khi chúng sanh đã đi trong lục đạo luân hồi này. Dù hằng hà số kiếp sanh tử của mình đã từng làm vua trời Đế Thích, rồi những cõi thấp thỏi khổ đau mình cũng đã xuống. Cùng cực của cõi thiện và cùng cực của cõi ác mình đã tới rồi.

Cái hay của mở đầu bản Kinh Pháp Hoa, Đức Phật diễn tả: *"Đức Phật từ nơi tướng lông trắng giữa chặn mày phóng ra luồng hào quang chiếu khắp cả một muôn tám nghìn cõi ở phương Đông, dưới thời chiếu đến địa ngục A Tỳ, trên suốt thấu trời Sắc cứu cánh."* Bao nhiêu đó là đủ nhưng nếu mình không thấy hết thì phải học chữ nghĩa. Chân mày của mình là hai bên trái và phải, nó là phương tiện và là pháp hai

bên. Còn lông trắng chặn mày nó không dính bên đây, không dính bên kia, mặc dù nó ở giữa nhưng nó không phải ở giữa, cũng không phải hai bên.

Cái thấy biết không dính hai bên đó nó mới soi thấu được mười phương cõi nước Phương Đông. Phương Đông là chỗ mặt trời mới mọc lên, Phương Tây là chỗ mặt trời lặn xuống. Phương Đông là chỗ bình minh vừa hé mở, chỗ ánh sáng trí tuệ nó khế ứng với chỗ không dính hai bên. Khi chúng ta không dính hai bên thì chúng ta sẽ có loại ánh sáng đó để soi thấu trời Hữu Đảnh là chỗ cực thiện và soi thấu địa ngục A Tỳ là chỗ cực ác. Người không thấu được hai đầu này thì người đó không có trí tuệ.

Ví dụ, một vị thầy giảng về sự khổ đau trần gian mà từ nhỏ tới lớn thầy sanh ra trong gia đình quyền quý rồi đi tu, chưa biết khổ, được Thầy Tổ dạy dỗ đàng hoàng, được học và tốt nghiệp trường nổi tiếng, thì thầy có thể nói chuyện khổ của người thất tình không? Thầy chỉ suy luận thôi, chưa bao giờ thấy trái tim bị một ngàn mũi tên đâm tới. Không bao giờ biết được cảm giác đau ruột mình nó cuộn lên như có ai bóp nát, nên không thể thông cảm nỗi khổ của trần gian này. Tất cả đều là lý luận. Chúng ta đã học nhiều kiếp, nếu đời này chúng ta không học thì đời trước chúng ta đã học, nên khi nói chuyện đó chúng ta có thể nói tới được.

Qua lý luận của Đức Phật về ví dụ nước đục nước trong, để chúng ta thấy ra sự thật của vấn đề mà Đức Phật muốn nói sắp tới, là dù có cặn cáu cỡ nào cũng không phá vỡ được cái trong sạch của nước. Không phải đục của bùn nhơ, tro than trong cuộc đời này, thậm chí dù có pha loại nước thật độc vào, dù có đổ cái gì thật dơ vào thì nước vẫn nguyên là

nó, không bị ô nhiễm, vẫn nguyên là ướt. Cũng vậy Tự Tánh chúng ta trong lặng sáng suốt nhiệm màu phủ trùm pháp giới mười phương, không cái gì có thể làm nhiễm được.

Nếu ngay từ đầu chúng ta có đủ lòng tin chuyện này, thì bây giờ đã đứng lên hét mấy trận cho vang lừng hư không rồi. Tới bây giờ tin là hơi bị muộn nhưng mà có tin là tốt rồi. Trong đời chúng ta mà không gạn lọc được đục trong, không khẳng định được cái thanh tịnh nhiệm mầu chính mình trong đời này, mà chúng ta đi tìm cái gì khác thì uổng phí đời này.

Nếu chúng ta tin mình có cái trong lặng sáng suốt nhiệm mầu phủ trùm pháp giới mười phương, không có cái gì có thể làm nhiễm nó được thì cuộc đời chúng ta có chút ý nghĩa. Để rồi chúng ta phấn đấu quyết tâm trong đời này phải nhận được tri kiến Phật, phải sống được với tri kiến Phật, đó là lập trường sống của mình, là con đường chính để chúng ta đi trong ngàn kiếp nữa.

Đời này nếu không nhận được thì quyết tâm trong đời sau, cái nhân đó nuôi nấng lớn lên trong từng ngày của chính mình. Mình còn sống đừng nghĩ là tôi già rồi chỉ còn niệm Phật vài câu để chết hy vọng sanh lên cõi lành. Sanh cõi nào cũng phải nhận tri kiến Phật mới có thể thoát khỏi kiếp chúng sanh. Trong lục đạo luân hồi này dù sanh cõi trời cũng là chúng sanh, dù sanh cõi lành nào cũng là chúng sanh, nên ngay đây mình nhất định làm chuyện này để ra đi, rút ngắn thời gian sanh tử của chính mình. Nếu không thì đi lòng vòng vài triệu kiếp nữa cũng cực lắm.

Thử tưởng tượng mình mang thân này mấy chục năm, lê lết cái thân mấy chục ký lô đi vào dòng sanh tử. Có khi mấy trăm năm sau mình mới chịu bỏ thân này kiếm thân khác. Nếu

ngang đây chúng ta quyết tìm cái thanh tịnh để phá vỡ cái huyễn giả này, thì chúng ta sẽ đi con đường khác. Điều đó sẽ ăn sâu trong tiềm thức của mình, lỡ đời này chúng ta không giải thoát được, thì cái đó nó trở thành chủng tử, trở thành mầm sống thực trong tâm thức chúng ta.

Khi chúng ta vừa thọ thân mới mà đủ kiến thức của đời sống rồi, thì cái này nó sống dậy với mình, để chúng ta chỉ tìm chuyện chính này. Không phải lên làm vua cho đã rồi bị người ta hạ bệ xuống làm dân khổ mới quay lại với Phật đạo. Không cần làm vua, không cần làm quan, không cần làm giàu, không cần làm tỷ phú chỉ cần làm Phật.

Làm sao đời này chúng ta đủ sức đó, để mình có thể nói với sanh tử sắp tới rằng ta không sợ ngươi. Mặc dù đời này chưa phá vỡ được nhưng mình không sợ sanh tử, mình biết chắc sanh tử cỡ nào cũng không nhiễm nó nổi. Mình chưa đủ phá vỡ lầm mê để hòa nhập trong ánh sáng vô lượng của chính mình, thì mình hứa rằng mình sẽ phá vỡ, quyết tâm phá vỡ. Đủ mãnh lực đó để gieo trong tâm thức mình ngay trong đời này để những đời sau không lòng vòng, không loanh quanh luẩn quẩn trong sanh tử nhiều kiếp, rút ngắn thời gian sanh tử của mình, chỉ đi con đường độc nhất này, không có con đường thứ hai để mình thoát được kiếp chúng sanh, ngoài việc nhận được tri kiến Phật và sống bằng nó.

Thân chúng ta nếu đất, nước, gió, lửa được điều hòa thì sinh hoạt tốt. Ngày nào đó gió nhiều hơn thì đất bị động, nên nhức chỗ này nhức chỗ kia, phải đi giác gió cho nó ra. Bữa nào mà nước bị nhiều hơn thì thân bị phù thủng. Bữa nào thiếu nước có cảm giác khát là nước thiếu thì châm nước vô. Nghe đói bụng là đất thiếu nên phải ăn vô. Trong thực phẩm

ăn uống và sinh hoạt tạo cho chúng ta nhiệt lực để điều chỉnh cơ thể. Thành ra con người chúng ta sở dĩ ăn, sở dĩ thở, uống nước và đào thải ra là cách để cơ thể điều hòa được tứ đại. Tứ đại đi vô một cách bình thường và ra được bình thường thì chúng ta khỏe mạnh, nhưng vô khó khăn là bắt đầu chở đi cấp cứu, ra không được cũng phải chở đi cấp cứu, phải nhờ người ta khai thông tứ đại của mình.

Tứ đại trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới. Chúng ta luôn đi, đứng, nằm, ngồi, sinh hoạt, ngủ nghỉ đều ở trong tứ đại; chúng ta đang hòa quyện với tứ đại và đang mượn tứ đại bên ngoài mà điều chỉnh tứ đại của chính mình. Mình nghĩ là mình hít thở không khí ở đây thôi, nhưng không khí này nó đâu phải dừng ở đây, nó sẽ lan tỏa muôn nơi. Có khi cây hấp thụ CO_2 do mình thở ra, rồi cây nó thở ra oxy để mình hấp thu, là sự trao đổi rõ ràng trong vòng vũ trụ này.

Thành ra cái hít thở của mình nó cũng gắn với lá cây ở ngoài kia và một mầm lá nó có thể tạo một chút mầm sống cho mình. Hiểu được như vậy rồi chúng ta mới biết quý tới cây xanh, quý tới cây rừng, quý tới những mầm sống nhỏ. Nhưng chúng ta đâu bao giờ thấy hết được những điều này, có khi mình dẫm dạp trên cây cỏ hoặc cây mới mọc chồi mình ngắt ngang còn thấy vui nữa, là mình tự hủy từng mầm sống nhỏ của chính mình.

Khi một người hiểu được tứ đại của mình, hiểu tứ đại bên ngoài và hiểu được sự hòa quyện trong đời sống này thì đời sống họ sẽ bắt đầu tốt lên. Tức là mình có kiến thức đúng đắn, có kiến giải chính xác về đời sống cá nhân và cộng đồng. Còn nếu như chúng ta vẫn còn tiếp tục những kiến giải riêng tư, thì sẽ làm cho đời sống chúng ta không được tốt và càng

lúc chúng ta càng xa thiên nhiên.

Khi chúng ta ý thức được tứ đại, thấy mình bắt đầu hòa quyện với vũ trụ này rồi, thì đời sống chúng ta gắn kết trở lại với thiên nhiên, thì tự động chúng ta biết cách điều chỉnh mình để cho thân xác mình được bình ổn từng ngày. Khi thân xác chúng ta bình ổn rồi, một điều lạ lùng là một người đang sống bình an, thân ít bệnh tật, sống đúng với trật tự thiên nhiên thì trí tuệ khai mở.

"Do bốn thứ ràng buộc này phân chia Tâm Tính Diệu minh vắng lặng trùm khắp của ông làm thành cái thấy, nghe, hiểu, biết, từ đầu đến cuối tạo thành năm lớp vẩn đục."

Chúng tôi nghĩ một thời gian tới khoa học sẽ chứng minh được sự kết nối vật chất mà mắt mình thấy được, với cái tâm linh mà mắt mình không thấy được. Vũ trụ tâm linh, không phải nó đứng một chỗ mà nó vận hành với vận tốc bằng mười lũy thừa mười vận tốc ánh sáng (vận tốc ánh sáng là 300km/giây). Cái vận hành của pháp giới nó nhanh lắm khiến trí tuệ bình thường và mắt thường chúng ta không nhận ra nổi, chỉ trừ người đó thiền định vượt qua tưởng ấm thì mới nhận định nổi cái vận hành của hành ấm một phần nào đó, chứ không thấy hết.

Khi vượt khỏi hành ấm mới nhận thấy thức ấm của mình nó vận hành khủng khiếp. Thức ấm được cuốn theo cái vận hành tâm linh đó, ví như một chiếc xe hơi chạy ngoài đường thì có một số bụi nó cuốn theo, cái vận hành của pháp giới Tánh rất nhanh khiến cho tâm thức loài người nó vận hành, suy nghĩ, phân biệt và nó chỉ là cái cuốn theo thôi.

Cái vận hành bất tận mãnh liệt đó mới tạo ra được cái

mầm sống của vũ trụ này. Những dải hằng tinh, hành tinh, thiên hà, ngân hà nó được vận hành với tốc lực khủng khiếp. Tốc lực đó được vận hành quá mãnh liệt từ cái ban sơ, từ vũ trụ tâm linh tạo thành một từ trường tâm linh. Trường tâm linh đó vận hành một giai đoạn mãnh liệt nữa nó mới tạo ra các trường điện từ. Trường điện từ đó mới sản sinh ra trường điện từ âm electron vận hành để nó đi tới một điểm nhất định. Nó dồn ép đi theo chiều đó hàng triệu triệu năm thành cái dòng xoắn ốc âm tới tâm, nó dồn dồn vô nhiều thành electron để nó bắt đầu biến thể thành proton (nhiều âm sẽ sanh dương).

Điện cực âm, điện cực dương được hình thành nó mới hình thành một vật chất nhỏ nhiệm ban sơ là tiền nguyên tử, hoặc tiền phân tử nhỏ nhiệm ban đầu. Mắt chúng ta có thể thấy được một hạt cát là nó đã hình thành hàng triệu năm một cách tự nhiên như vậy, không phải đơn giản. Từ vũ trụ tâm linh nó vận hành mới sinh ra trường tâm linh và vật chất được hình thành từ tâm linh, cho nên tất cả vật chất dù lớn dù nhỏ cũng là vật chất tâm linh.

Chúng ta dùng từ vật chất nhưng thật sự nó là tâm linh. Không có vật chất nào mà hoàn toàn không có tâm linh. Cái gì nằm trong vũ trụ này đều có tâm linh, nhưng cái nhận biết nó khác tùy theo đẳng cấp. Ví dụ đẳng cấp của loài gà, cái hiểu biết thương yêu của nó ở tầng đó, nó cũng biết sợ chết ham sống, nó biết buồn vui chút ít so với đẳng cấp của loài người. Cái dao động tâm thức loài người biết buồn, biết vui, sợ sống, sợ chết, sợ thất nghiệp, sợ đủ thứ không phải đơn giản là chỉ sợ sống sợ chết như con gà.

Mỗi một tầng nó có sự hoạt động của tâm thức, chỉ có loài người là hoạt động tương đối hoàn hảo nhất của loài động

vật trong cõi này. Tiến hóa tới loài người ở cõi này là sự tiến hóa cùng tột của vật chất. Loài người không thể chuyển cái thân này thành cái gì nữa được, mà chỉ chuyển tâm thức từ tầng của người lên tầng cao hơn là tầng trời, cao hơn nữa là có thể thành Tiên, thành Thánh, thành Phật.

Từ cái ban sơ nhỏ nhiệm nhất nó hình thành được thân con người tiến hóa, cộng thêm một số tâm linh đó làm cho con người phát triển cao. Từ cái ban sơ nhỏ nhiệm nhất là nó hình thành bằng tâm linh. Nên thân này là thân tâm linh. Thân tâm linh đó sẽ ra mắt làm thành cái thấy, ra tai làm thành cái nghe, ra mũi làm thành cái biết mùi, ra lưỡi làm thành cái biết vị, ra thân làm thành cái xúc, ra tâm thức thì có sự phân biệt. Do sự hình thành tâm linh kia nó biến thể thành tứ đại. Tứ đại vận hành kết tụ thành nhóm được gắn kết thành thân của mình, để nó ra những loại tâm thức mà Đức Phật nói từ tứ đại hình thành vật chất tạo ra cái thấy, nghe, hiểu biết. Tứ đại bên ngoài được xem là trong sáng, nếu chúng ta giữ được cái trong sáng của tứ đại bên ngoài, mà hình thành cơ thể mình nó trong sáng luôn thì nó không bị vẩn đục. Nhưng đằng này mình bị vẩn đục, là do khi hình thành tứ đại đầy đủ nó lại có năm cái ngăn che là ngũ uẩn.

Đức Phật nói thân sắc uẩn nó cảm nhận khổ, cảm nhận vui, cảm nhận không khổ không vui, nó thành thọ uẩn. Rồi cái tâm vận hành nó lại lộ liễu mà mình có thể thấy được bây giờ, ví dụ mình ngồi đây nhắm mắt lại thì tự động mình nghe âm vang ở trong tâm thức của mình. Như nhớ lại người kia nói cái gì, khi gặp mình bữa trước họ nói lời hay hoặc lời dở. Hoặc đi du lịch mình thích, ngồi nhắm mắt lại là cảnh đó hiện ra với mình, đó là tưởng ấm. Tưởng ấm có chỗ gọi là tri, là hình bóng

và âm thanh hiện ra nơi tâm thức của chúng ta. Chúng ta chưa vượt qua tầng này nổi, đời sống đời thường của chúng ta bị luẩn quẩn trong hình bóng và âm thanh của tâm thức, chưa vượt qua được. Người nào vượt qua được tầng của tưởng ấm, tức là vượt qua được hình bóng và âm thanh rồi, thì họ sẽ nhận được cái vận hành khủng khiếp của hành ấm. Hành ấm như nguyên cái biển lớn, còn tưởng ấm chỉ là những hòn bọt nổi lên trên thôi. Hành ấm của mình nó sẽ tạo dựng được ý chí, hành động, suy nghĩ, việc làm của mình trong đời này.

Ví dụ mình quyết tâm đến chùa ngồi hai tiếng nghe giảng, nhưng mới năm phút thấy chán không muốn nghe, muốn đi ra ngoài, nhưng hành ấm đã quyết ngay từ đầu nên cố gắng và ý chí đó khiến mình ngồi đúng hai tiếng. Hoặc chúng ta muốn leo núi lên tới đỉnh nhưng mới leo một phần tư núi là nghe lả người, mệt mỏi, làm biếng, nhưng do ý chí nó xuất nguồn từ hành ấm tạo thành động lực để chúng ta quyết tâm lên tới đỉnh. Việc muốn làm và cố gắng làm của mình xuất nguồn từ hành ấm và tưởng mới bắt đầu diễn dịch.

Ví dụ quý vị nghe chúng tôi nói từng tiếng từng tiếng rất nhanh, nhưng nó chỉ thu thập và diễn dịch được một phần tỷ lũy thừa tỷ của hành ấm. Hành ấm vận hành khủng khiếp, nhưng ngôn âm phát ra được tưởng ấm sử dụng thành lời nói, thành sinh hoạt hằng ngày của mình rất mong manh, mà mình tu một đời không phá nổi tưởng ấm thì mình đâu có đi tới đâu được. Cái thứ ba là tưởng ấm và cái thứ tư là sự vận hành mãnh liệt của hành ấm. Nó chuyển tải tất cả những mầm mống sanh tử của chúng ta từ vô lượng kiếp. Nó sẽ tạo thành nhân, biến thành quả trong chuỗi nhân quả hàng ngàn kiếp của mình. Nó ghi nhận, thu thập, và phát ra hình thành sự vận hành đó.

Năng lực hành ấm rất khủng khiếp. Khi một người vượt qua tưởng ấm, sử dụng chút chút hành ấm thì có thần lực thần thông.

Ví dụ như người bị bệnh mộng du đi trên vách tường đưa đầu ra không té, hoặc họ phóng lên đi trên dây điện không bị điện giật, mà điều này khoa học cần phải để tâm vì cơ thể con người có lúc khủng khiếp như vậy. Khi họ đi vào giấc ngủ tự động tưởng ấm của họ chìm sâu trong vô thức, tự nhiên năng lực hành ấm bộc phát vượt ngoài quy luật vật lý. Thay vì theo quy luật vật lý nếu ngã ngang như vậy nó sẽ bị rớt xuống, nhưng cái này nó vượt ngoài sự chi phối của vật lý.

Đời sống chúng ta từ những việc nhỏ nhiệm cho tới việc lớn chúng ta thành tựu được công phu hay không là do hành ấm. Tưởng ấm chỉ là cái diễn dịch những sự việc xảy ra một cách rất là ít ỏi. Vậy mà đối với tưởng ấm còn không nổi, ngồi yên là nó ùn ùn xảy ra chuyện này chuyện kia, nhớ người nọ, thương người kia. Khi một người vượt qua tầng thứ ba tưởng ấm thì đời sống họ có năng lực và ngôn âm họ cũng bắt đầu có năng lực.

Ví dụ như vị pháp sư thông Kinh điển của đạo Phật, nói cái gì họ cũng biết, họ có thể giảng thao thao bất tuyệt ngày này qua ngày kia không ngừng nghỉ. Nhưng nếu công phu của vị đó chưa vượt qua tưởng ấm, thì khi giảng chúng ta chỉ có thể tiếp nhận màng ngoài của tưởng ấm mà không chuyển hóa. Nếu như vị Pháp Sư vượt qua được tưởng ấm, họ đang sống trong hành ấm, diễn dịch điều họ muốn nói bằng nội lực hành ấm, thì khả năng chuyển hóa người nghe lớn vô cùng. Có thể nghe một câu nói của người này mà họ thành một con người mới.

Năng lực hành ấm rất lớn mạnh, nó làm người ta chuyển hóa trong thoáng chốc nếu họ có bước nhẹ qua được tưởng ấm. Nhưng nếu chúng ta công phu không vượt qua khỏi tưởng ấm thì vẫn bị xáo trộn bởi những ý nghĩ. Một lần chúng ta có Kinh nghiệm vượt qua khỏi tưởng ấm, từ đó về sau ý nghĩ thiện ác, buồn vui, nhiều ít gì đối với chúng ta không còn quan trọng nữa, tự động mình có cách hóa tán nó. Từ đó về sau họ sống với năng lực khác, không xài năng lực của tưởng ấm, tưởng ấm không còn khuấy động được và tâm họ bình yên.

Sự vận hành của hành ấm chúng ta tưởng tượng khi quay sổ số với vận hành cao thì lâu lâu nó rớt ra một trái banh. Hành ấm vận hành khủng khiếp lâu lâu ý tưởng nó nhận được tín hiệu đó qua dạng âm thanh hoặc hình bóng. Sự vận hành đó chưa rõ ràng nhưng qua cái tưởng nó dịch ra loại này là hình bóng của người nam, loại kia là hình bóng của người nữ. Chỉ cần thấy một người cách đây mười năm mình đã gặp, chưa cần chớp mắt là hành ấm đã làm việc xong rồi, ông này Nguyễn Văn A, gặp lúc uống cà phê, khi đó tưởng ấm mới lại gật đầu chào, anh tên gì. Chỉ trừ người tu theo đạo Phật có công phu rất dày mới có lần vượt qua tưởng ấm và sau khi vượt qua tưởng ấm họ mới thấy hành ấm, nhưng phải phá vỡ hành ấm. Trở về sau chúng ta mới thấy Kinh Lăng Nghiêm nói chuyện rất kỹ.

Có người khi đối duyên xúc cảnh họ ráng tu tập để cho cái lăng xăng lộn xộn nó lắng yên, là mới lắng yên cái tưởng ấm. Lúc đó cái nhận biết của tri còn nhanh hơn hành ấm, để nó nhận biết sự vật thông qua lục căn. Vừa thoáng có tí âm thanh là nó tri, nó biết. Nhưng một số vị tu tập do không thấu

suốt ngũ ấm, xảy ra chuyện chúng ta nghe không còn phân biệt, không phân biệt âm thanh ông thầy đang nói và âm thanh của con chim đang kêu, thì họ cho là thức ấm, nhưng đó là diễn dịch của cái tưởng. Đã khẳng định cái này là cái gì là đã tới tầng ngoài của tưởng ấm. Nhưng thức là cái biết, công phu Thiền gọi là chánh niệm tỉnh giác, là từng giây một, từng sát na một mình tỉnh giác với những hành động, cử chỉ nhỏ nhiệm nhất của mình.

Ví dụ, nói mình đưa tay lên thì mình biết mình đưa tay lên, đó là quá xa rồi. Mình phải biết tới cái động của tâm thức, tới cái diễn dịch của tưởng ấm. Thức đó xuyên qua hành ấm nó vận hành, rồi tưởng ấm mới bắt đầu động đậy để cho cái tay mình nhúc nhích. Nó nhiều lớp lắm rồi mới biết cái tay đưa lên, đừng nghĩ mình chánh niệm tỉnh giác tay mình đưa lên biết đưa tay lên, để tay xuống biết để tay xuống. Khi mình thấy trọn vẹn cái tay đưa lên là một tầng rất xa rồi. Nhưng lúc mình vừa động thức ấm, vừa động hành ấm, vừa động tưởng ấm là cái tay mới vừa máy động để đưa, chưa có nhấc lên khỏi bàn là người ta đã nhận biết ra cái tầng đó rồi. Nhưng sự nhận biết đầu tiên đó nó cũng mới là thức ấm.

Có rất nhiều người hiểu lầm như ngồi đây thấy hình sắc mình không phân biệt cho nó là Tánh. Sự hiểu lầm đó khiến cho Thiền tông bị mất giá và ảnh hưởng lớn đến chiều sâu của Thiền tông và chiều sâu của Thiền Đại thừa. Chúng ta còn nhận biết không ra ngoài thân ngũ uẩn, mắt còn thấy không phân biệt, tai còn nghe không phân biệt, mũi còn nhận biết mùi không phân biệt, lưỡi còn nhận vị không phân biệt, thân xúc chạm không phân biệt thì thân này liền trở thành vô tri. Là thân không đủ ngũ uẩn, không đủ ngũ ấm. Cho nên khi

chúng ta có sự nhận biết của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân tức là chúng ta có đầy đủ sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Cái nhận biết không phân biệt đó nó mới là tầng của thức ấm mà thôi, chưa ra ngoài.

Người ta có thể đặt vấn đề: Nếu như nói Tánh nó khác gì với thức? Nếu chúng ta phân biệt được cái phân biệt toàn tri nó khác với cái tri của thân xác thì biết rằng người này biết được Tánh. Phút giây chúng ta nhận biết mà không bằng thân xác này, tức là chúng ta bước ra ngoài thân ngũ uẩn một lần để chúng ta biết khắp pháp giới vũ trụ này, thì lúc đó hy vọng chúng ta biết được Tự Tánh.

Một số hướng dẫn công phu Thiền học bị ảnh hưởng do chúng ta nhìn không hết được ngũ uẩn này. Tức là không minh định được thức ấm nó tới tầng nào nơi tâm thức chúng ta. Và tầng nào là công phu của mình khi mình chưa qua bờ bên kia của tâm thức, thì không giải quyết được gì. Đạo Thiền hay nói đi nói lại phải ngũ uẩn giai không, tức là phá tan ngũ ấm một lần.

Nhiều lý luận cho rằng mình sanh tử nhiều kiếp, mình đang là chúng sanh này đang ô nhiễm, nhưng có ai dám nói là mình thanh tịnh, không ô niễm không? Thật ra tất cả chúng ta đều thanh tịnh, không ai ô nhiễm cả. Mình lẫn lộn cho rằng mình ô nhiễm. Đức Phật ví dụ rất hay:

"A Nan, dụ như nước trong vốn sẵn là trong sạch, lại như các thứ bụi, đất, tro, cát vốn là chất ngăn ngại; hai thể chất vốn sẵn như vậy, không hợp nhau được. Có người thế gian lấy bụi đất kia ném vào nước trong, đất liền mất tính ngăn ngại, nước mất tính trong sạch, hình trạng nhơ

bẩn gọi là vẩn đục. Năm lớp vẩn đục của ông cũng giống như vậy.”

Nếu chúng ta nhìn theo tâm thức bình thường nước đục xem như nước đó ô nhiễm, nhưng người có kiến thức khoa học nhìn nước đó không đục, họ đưa qua máy lọc là nước đó thành trong, cặn bã nằm riêng. Người dân quê cũng thấy, họ đem nước đi lóng phèn, cặn bã nằm dưới nước trong ở trên. Tức là họ cũng biết rằng nước không bị ô nhiễm, còn người tu thấy mình nhiễm hay không nhiễm? Coi chừng còn thua mấy người nông dân.

Rõ ràng tứ đại chưa từng bị nhiễm ô, tâm linh chúng ta chưa từng bị nhiễm ô, chính cái thấy lẫn lộn mà chúng ta tưởng mình đã nhiễm ô và không chấp nhận mình có cái thánh thiện nơi tâm. Ngay cả vật chất cái gì ra cái đó chứ nó không bị nhiễm. Ví dụ nhiệt độ cơ thể chúng ta là 37 độ nó làm ấm nước trong cơ thể, nhưng nước và cơ thể không lẫn lộn, cái nóng là nóng, ướt là ướt, cái ướt không bị cái nóng làm ngăn trở. Nước đục cũng ướt thì ướt chưa bị nhiễm. Ai có thể làm mất đi tánh ướt của nước? Nếu tánh ướt của nước bị mất đi thì mới gọi là nhiễm, còn nước đục cũng ướt, nước trong cũng ướt, nước sôi cũng ướt, nước lạnh cũng ướt, nước ngọt cũng ướt, nước mặn cũng ướt, cái ướt này không ai có thể làm thay đổi nó được, không ai có thể làm nó nhiễm được.

Vật chất đã có chuyện bất sanh bất diệt, không thay đổi đừng nói là Tự Tánh nếu chúng ta không tin nổi thì hơi uổng. Học đạo nghe nói chúng ta ráng tin nhưng không chắc. Vì Đức Phật nói Tự Tánh bất sanh bất diệt mà bây giờ mình còn là một chúng sanh, còn sanh tử, còn buồn, thương, giận, ghét ; ai chọc còn giận; mình tu mà không kìm được tâm sân

hận như vậy mình nhiễm ô rồi. Hai cục đá chạm nhau mà không sẹc lửa là hai cục đá mủ. Đối cảnh mà không biết là người đó không xài trọn vẹn thân ngũ uẩn này. Khi chúng ta xài trọn vẹn là chúng ta tự vượt qua, còn xài không trọn vẹn chúng ta mới nắm níu. Đây là cái ẩn trên đời sống thường của mình.

Ví dụ từ nhỏ tới lớn mình chưa bao giờ được ở nhà lầu, chưa được đi xe hơi, chưa được ăn món ngon thì với mình đó là cơn khát vọng. Nhưng hỏi mấy ông sanh ra được ở nhà lầu, đi đâu cũng đi trên thảm nhưng, ăn đồ ngon thì họ lại thích ở nhà tranh. Đó cũng là một khát vọng khác. Hoặc những món chúng ta thèm chúng ta ăn no rồi, bây giờ đưa ra một mâm nữa chúng ta không thích nữa. Có nghĩa những cái tròn đủ rồi thì không còn muốn nữa, nhưng chúng ta không thấy tròn, không thấy đủ, nên chúng ta luôn khát khao.

Hoặc mình thấy mình thanh tịnh thì tự động đời sống thanh tịnh lại xảy ra, nhưng chúng ta không thấy mình thanh tịnh; không thấy nổi đất, nước, gió, lửa vốn thanh tịnh, không thấy Tự Tánh vốn thanh tịnh, không thấy trần gian này là Tịnh Độ, mà thấy Ta Bà này là khổ, thấy điều này là không đúng, thấy điều kia là sai là mình thấy kiểu của dòng bất an.

Như người thường họ thấy dòng sông đục, không bao giờ họ dám uống nước đó, nhưng người hiểu biết thấy dòng sông đục không bao giờ họ nghi ngại, họ có thể dùng xài nó bằng cách lọc. Khi chúng ta thấy đúng mọi vấn đề thì nước vốn không đục, đục là do nhận định sai lầm của mình, thì chúng ta sẽ thay đổi đời sống của mình. Ngồi tại đây chúng ta biết mình vốn dĩ là thanh tịnh, do cái thấy lầm mà mình ngỡ mình không thanh tịnh, chớ không phải mình bị vẩn đục.

Chúng ta không bao giờ bị vẩn đục.

Đầu Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Đức Phật nói tất cả chúng sanh đều đã thành Phật rồi, ngày xưa tôi không chịu nổi câu nói đó. Chúng sanh đã thành Phật mà ngồi đây khổ gần chết, vậy thành Phật hồi nào? Ai chọc tới là mình điên lên ba ngày chưa hết mà thành Phật sao được? Đó là do cái nhận lầm của mình. Nếu chúng ta nhận định đúng từ vật chất cho tới tâm linh là chúng ta sẽ có đời sống thoát ly liền tại chỗ.

Sở dĩ chúng ta học đạo là để chúng ta tháo gỡ những cái thấy lầm của mình. Chúng ta nghe một bài Pháp, chúng ta học một thời Kinh để chúng ta tháo đi những cái thấy sai lệch, cho đến một ngày nào đó chúng ta thấy đúng sự thật hoàn toàn, thì lúc đó gọi là mình ngộ được chân lý.

Qua quá trình học ngày này ngày kia thu gom được Kinh nghiệm họ cho rằng, do tôi tu mấy chục năm rồi, tôi tu mấy kiếp rồi cho nên đời này tôi mới thấy ra điều này. Xin thưa, không phải, mình cứ nghĩ là do công phu nhiều kiếp tu tập, do mình được gạn lọc, mình được tiến hóa là chúng ta bị lầm lẫn. Tâm thức mình đã trong lặng lâu lắm rồi, bây giờ nếu thấy đúng thì mọi chuyện đều trong lặng thanh tịnh, nếu thấy sai thì mình có làm kiểu nào nó cũng bị dao động.

Một điều chúng ta mừng là tất cả đều tiến hóa trong từng sát na một, không tạm dừng. Do pháp giới này và vô thường mà không làm cho bất kỳ ai dừng tại chỗ. Bây giờ có tu hay không tu thì một chút nữa mình cũng luôn tiến hóa, không tạm dừng. Từ vật chất nhỏ nhiệm trường tâm linh sanh ra trường điện từ, rồi sanh ra điện cực âm, điện cực dương mới hình thành tiền ban đầu của vật chất. Tiền ban sơ của nguyên tử mới hình thành lớn lên, từng cái một được tiến hóa.

Từng thời điểm, từng khoảnh khắc một tất cả mọi vật trong vũ trụ này đều tiến hóa. Đó là vòng hình thành vật chất.

Cho tới khi vật chất và tâm linh hòa quyện thành một, không còn là hai nữa thì chúng ta thoát ra hết chu kỳ của một chúng sinh. Tức là chúng ta học hết thuận nghịch, khổ vui, hay dở của cuộc đời này. Khi một người có mặt trong trần gian này gặp việc khổ, để chúng ta học bài học khổ trong trần gian thì chúng ta nên buồn hay nên vui? Vì chúng ta không học bài học này thì con đường đó chúng ta cũng phải đi qua, chúng ta phải có đoạn nhân quả trên bước đường tiến hóa của một chúng sanh trong dòng vũ trụ này. Chúng sanh cũng phải đi một vòng để đi trở lại cái ban sơ là không nhiễm. Tới đây để hòa trộn thử trong cái dòng nhân gian này, rồi trở lại cái chỗ vô nhiễm, đủ có thể nói chuyện với nhau rằng mình không nhiễm. Đi một vòng học hết những cái nhiễm rồi tự động mình sẽ tiến hóa, cho tới dần dần học được cái vô nhiễm, nhận định được cái vô nhiễm vốn có của tất cả chúng sanh muôn loài, chứ không riêng loài người.

Cả vạn vật trong trần gian này, vũ trụ này, dù một mảy may nhỏ nhiệm như hạt cát cũng không phải là vật nhiễm, mà mình thấy nó nhiễm, là do cái thấy ảo giác nhiễm nó làm lẫn lộn trong cái tri kiến thấy biết trong đời sống này của chính mình, khiến cuộc đời chúng ta theo cái thấy lẫn lộn đó mà nó lộn xộn theo, để chúng ta buồn thương giận ghét, nếu chúng ta thấy như cái ban sơ của nó thì khác liền.

Đạo Phật cần mọi người có kiến giải chân chánh này. Đạo Phật trải qua hai con đường. Một con đường đi qua Thiền định để chúng ta nhận biết chân lý, con đường thứ hai là trực nhận chân lý không qua Thiền định. Hai cái này mức độ giác

ngộ là cái thấy biết đúng. Cái thấy biết đúng của người không trải qua Thiền định họ cũng thấy biết như mình và người kia trải qua công phu Thiền định cũng thấy biết như nhau, không khác. Đừng nghĩ ông đó nhập định mấy tỷ kiếp rồi nên đời này mở mắt ra là ổng nhận được chân lý, còn mình chưa có nhập định năm ba năm mà mình nhận chân lý là mình không chấp nhận mình, đó là mình tự khu biệt mình, thật ra cũng như nhau hết. Nếu người đó có đầy đủ ngũ uẩn thì mình cũng đầy đủ ngũ uẩn như nhau, nhưng cái ngũ uẩn này nó được tiến hóa trước hay sau thôi.

Có khi người đó tới vị trí thành Phật trước mình mấy ngàn năm, như Đức Phật, tức là cái vật chất hình thành để làm chu kỳ của một chúng sanh trước mình mấy ngàn năm, còn mình được cái hình thành chu kỳ vật chất nó chậm sau mấy ngàn năm, bây giờ mình cũng tiến hóa từng bước một để mình mỗi đời sinh ra mình học cái buồn, thương, giận, ghét, yêu đương, hận thù, phải học cho đủ để khi chúng ta thành Phật là chúng ta có đủ buồn, thương, giận, ghét. Nếu thiếu một chút thì người đó không thể thành Phật được. Thành ra người nào nói tôi tu để sạch hết những buồn, thương, giận, ghét thì xin thưa phải xét lại. Quan niệm mình tu để mình sạch hết cần phải xét lại. Đối với chúng tôi tu là phải còn nguyên và đủ hết không thiếu, không mẻ một miếng nào.

Phật có khi không vui với chuyện làm sai trái của đệ tử. Trong lịch sử một lần chư Tăng hai bên cự cãi nhau, Đức Phật bỏ vô rừng một mình, vì sao? Vì Đức Phật có nguyên cái thân ngũ uẩn, Đức Phật xài hết, xài không có thiếu. Người nào nói mình không có giận, không có hờn là không có xài hết cái thân ngũ uẩn, không xài trọn vẹn nó, cho nên vẫn còn khát

khao qua đời sau xài thân ngũ uẩn này tiếp, chứ nếu xài trọn vẹn là đời sau không cần nó nữa. Do mình xài thân ngũ uẩn này không hết, do một số người dạy chúng ta công phu để chúng ta ém thân ngũ uẩn này, xài một chút thôi. Do chúng ta chưa xài hết cái tưởng uẩn nên chúng ta không qua được. Chưa xài trọn vẹn cái tưởng uẩn thì chúng ta không xài cái hành nổi đâu. Nhưng dù chúng ta có xài hay không xài, cái hành và cái tưởng vẫn luôn vận hành theo tốc lực của nó để nó luôn luôn tới và hấp thu, … không phải tới để loại bỏ.

Tới để loại bỏ là sai. Vì mỗi một bước chân chúng ta bước giữa dòng đời này là một bước mới, là chúng ta cảm nhận một cái mới của chân chúng ta chạm đất. Chúng ta cảm nhận được cái không gian mới, cảm nhận được thời khắc mới, một sự việc mới, chúng ta không có chối bỏ được điều này. Nếu chúng ta chấp nhận mình luôn tiến hóa, luôn tiến tới để hấp thu và chuyển hóa, đó là cái tiến hóa không riêng loài người mà của vạn loài trong vũ trụ này. Chúng ta luôn luôn đi tới, luôn luôn hấp thu và luôn luôn tiến hóa là đúng. Như vậy mỗi phút chúng ta ngồi tại đây là phút vận chuyển để chúng ta mới hơn.

Chúng ta không muốn mới cũng không được. Đây là quy luật của vũ trụ. Nó luôn luôn vận chuyển theo chiều vô trụ tánh và vô trụ tướng, để con người và vạn vật luôn luôn sống trong hoàn cảnh mới, mà mình không chịu mới. Chính cái không chịu mới là mình cưỡng lại chân lý, cho nên mình bị khổ đau. Nếu mình chấp nhận sống đúng với luật vũ trụ, đúng với chân lý, mình không cưỡng lại, không chống chõi lại thì mình sẽ sống một đời sống hạnh phúc phù hợp, sống hòa nhập với thiên nhiên, thì mình luôn vận hành mới mẻ,

chuyển hóa và thanh tịnh.

Chúng ta không chịu đi theo chiều đó nên mình bị nhiều chuyện rắc rối. Chuyện qua đi mình nắm níu lại để nó thành thương hoặc là thành thù. Ngay khoảnh khắc hiện tiền này, chúng ta nên biết tận hưởng lực sống vốn tròn đủ của vũ trụ đang ban phát cho tất cả chúng sanh muôn loài ngay tại đây. Chúng ta chịu khó lắng lòng thật sự thực tế một chút, để chúng ta cảm nhận và chúng ta hòa nhập hoàn toàn trong khoảnh khắc hiện tiền này, thì chúng ta tan vỡ hết. Hạnh phúc bắt đầu trào dâng với đời sống chúng ta liền ngay tại đây. Nhiều người nói tu là phải cắt đứt quá khứ, quá khứ đó xảy ra với mình là một bước xáo trộn, rồi lại thêm một thái độ công phu là thêm một bước xáo trộn thứ hai. Không phải dừng mà thấy được sự thật. Cái thấy sự thật nó bằng một tỷ lần của cái ráng dừng cái đã qua, có nghĩa mình không kịp dừng cái hiện tại này, vì mọi cái cũng đều qua.

Chúng ta nhìn kỹ lại công phu thực tế nhất là chúng ta đang hơn thua với ý niệm trong đầu mình. Ngồi đây thiền định chúng ta thấy có ý niệm xảy ra, nếu chúng ta tu giỏi là chánh niệm tỉnh giác, thì mỗi ý niệm xảy ra chúng ta liền biết nó. Chúng ta biết liên tục, biết chính xác từng ý niệm một xem như công phu chúng ta tốt rồi, ngồi một tiếng biết một ngàn ý niệm và một người ngồi bên cạnh cũng một tiếng có một ngàn ý niệm xảy ra, hai người biết hay không biết cũng một tiếng biết một ngàn ý niệm xảy ra trong một phút. Bây giờ chúng ta hỏi ông chưa tu tập rằng: *"Ngồi đây trong đầu ông có xảy ra cái gì không? "Có chớ!"* Ổng nhận biết là có nhưng mà ổng kềm chế không được, nó khởi nó cứ khởi. Đặt thêm câu hỏi thứ hai: *"Những ý niệm xảy ra nãy giờ ông có làm cái gì*

không?" "Không, tôi đâu có tu tập gì." Hỏi thêm câu thứ ba: *"Những ý niệm đó bây giờ còn không?"* Ổng nói: *"Ủa đâu mất hết rồi?!"* Còn ông kia cứ ghìm ghìm một tiếng đồng hồ cũng bao nhiêu ý niệm đó xảy ra rồi nó cũng mất. Hai người mất như nhau thì đây là vấn đề.

Có phải do công phu mà một ngàn ý niệm này mất không? Mấu chốt ở chỗ này tại sao mình không thấy ra? Nếu mình thấy ra mấu chốt này thì tâm mình yên rồi, nhưng mình cứ ngỡ là mình tu thì những ý niệm này mới hết. Nhìn kỹ, tinh tế một chút, một ý niệm xảy ra và một cái biết đi sau nó, hay là chồng lên được hay là ngăn chặn được? Nếu chúng ta đã từng ngồi thiền tu tập, đã từng đối diện với chính mình rồi thì trả lời: Cái biết nó có thể kịp đụng cái vọng tưởng không? Nó có chận lại được vọng tưởng không?

Chúng tôi dám khẳng định cái biết của công phu luôn là khoảng cách với cái vọng trước, cái vọng lặn rồi cái biết nó mới khởi lên, nếu cái biết khởi lên trước thì cái vọng lấy đâu mà có. Cái vọng và cái biết nó chỉ là bánh xe trước và bánh xe sau, nếu bánh xe trước chạy với tốc độ dù một trăm km giờ, bánh xe sau cũng chạy với tốc độ dù một trăm km giờ nhưng vẫn là một khoảng cách, cái này không chạm cái kia. Nói đến công phu tu để biết vọng niệm, để trừ vọng niệm là công phu gì? Chúng ta phải nhìn lại sự thật.

Người có tu hay không thì bao nhiêu ý niệm khởi lên nó cũng tự lặn, thấy được cái này thì mọi chuyện yên ổn. Phải thấy được sự thật này, chứ không thì tu cực lắm. Ngồi thiền đau chân rồi ráng gồng người chịu, gồng cho tới thay đổi hơi thở, thay đổi nhịp tim, mồ hôi chảy dầm dề, hỏi làm gì, nói chiến đấu với vọng tưởng. Chiến đấu với vọng tưởng là chiến

đấu với chính mình rồi cho đó là công phu. Chúng ta luôn làm những việc mệt mõi như vậy để tiêu hao năng lượng.

Thay vì vọng niệm xảy ra trong cái hồn nhiên, vô tư của nó, thì chúng ta phải nhận định một cái biết do có chú tâm và cái biết không chú tâm trong lúc chúng ta công phu, thì mọi chuyện sẽ khác nhau. Ví dụ chúng ta chú tâm nhìn tâm thức mình coi nó sanh động như thế nào và cái chúng ta không hề chú tâm, để yên thân tâm mình trong lúc chúng ta đang ngồi, mà nó xảy ra cái hay biết không chú tâm, hai tầng khác nhau. Công phu nó nằm ở tầng tưởng, do chúng ta học vị thầy đó rồi, thầy dạy mình ngồi hít thở kiểu đó, tâm mình phải như vậy để nhận định vọng tưởng như vậy.

Bây giờ mình nương theo lời dạy của ông thầy để mình thực hiện công phu như vậy, thì đó là công phu màng ngoài tưởng ấm. Mà màng ngoài tưởng ấm không đủ sức chuyển hóa tâm thức. Chúng ta không xài kiến thức vị thầy trong phút giây hiện tại này để mình thấy riêng cái thấy của mình. Cái thấy cái biết của mình không phải do thầy dạy. Chúng ta bình tĩnh sẽ nhận ra mình có cái không phải của ai dạy để mình xài nó, là người biết xài. Xài cái riêng chính mình để đi vào công phu thì hiệu quả không lường.

Chúng ta trở lại cái rõ biết hồn nhiên không phải do sự tập trung chú ý, không phải do Thầy Tổ dạy. Mình có cái biết để mình nhận biết mọi vấn đề xảy ra mà không hề tác động tới vọng tưởng tưởng. Nó dừng vọng, nó không nhận định vọng tưởng tốt, vọng tưởng xấu, ý niệm này là tham, ý niệm này là sân, ý niệm này là si, không diễn dịch, không bình phẩm, hoàn toàn trong sáng rỗng lặng để nó thấy mỗi vọng niệm đều trong lặng hiện ra. Chúng ta dám thấy như vậy

không? Chừng nào từng ý niệm xảy ra trong tâm thức, chúng ta bằng sự trong lặng soi nhìn vọng niệm trong lặng thì chúng ta thành công.

Khi chúng ta nhận được cái trong lặng, tất cả mọi cái đối đãi nhau bằng sự trong lặng thì khổ đau mất liền tại chỗ. Nhưng chúng ta không đối xử với nhau bằng trong lặng, đối xử với chính mình cũng không bằng cái trong lặng, tại mình thấy mình đục, thì khổ là do mình tự dày xéo mình, tự mình giày vò mình, tự mình khuấy động mình, tự mình biến mình thành vẩn đục.

Trong công phu cũng tự dìm mình xuống vị trí vẩn đục chứ không để cho mình tới cái tầng trong lặng. Tất cả công phu trong tâm thức đều là như vậy hết. Nên chúng ta phải thấy đúng sự thật của vấn đề, không nói tới việc phải làm cái gì. Khi chúng ta thấy đúng sự thật của vấn đề, thì bước chuyển hóa lớn sẽ xảy ra nơi tâm thức của chính mình. Còn chúng ta không thấy đúng sự thật của vấn đề thì không cách nào chúng ta chuyển hóa được.

Chúng ta đã trải qua nhiều kiếp huân tập với kiến thức mang màu sắc Phật giáo, do một số người chưa công phu tới nơi. Chúng ta chấp nhận điều đó để chúng ta bị thấy, bị nhìn theo kiểu lệch lạc huân tập sâu quá trong tâm thức của mình rồi. Bây giờ nói đúng thân này tịnh cũng không đúng mà bất tịnh cũng sai. Nếu một người thấy đúng sự thật trong mọi tình huống thì cái thân này đang hiện hữu như vậy chứ không có tịnh hay bất tịnh. Nó vốn hiện hữu như vậy thì nó là như vậy trong khoảnh khắc này. Khoảnh khắc kế tiếp nó cũng luôn như vậy, khoảnh khắc kế tiếp nó cũng tiếp tục như vậy, thân chúng ta lúc nào nó cũng như vậy. Đó là Pháp Như.

Chúng ta phải nhận định được Pháp Như, để chúng ta bằng cái Như đó chúng ta sống giữa cuộc đời đang Như Như Như vậy. Cuộc đời này vốn dĩ là Như, nhưng chúng ta làm cho nó không Như bằng tâm thức sai lệch của mình, chứ không có gì không Như. Lúc nào chúng ta cũng Như Như, chúng ta vốn sống trong cái Như Như đó trong vạn kiếp rồi mà mình không chịu nhận ra, chứ không phải đợi mình tu nhiều kiếp mình mới thành Như. Nó Như lâu lắm rồi, tất cả vạn hữu đều vốn Như rồi, chúng ta có dám nhận ra không, dám sống điều này không, đó là cái bản lĩnh của người học Phật.

Đừng nghĩ mình ngồi Thiền ba tháng, năm năm, mười năm, hai mươi năm là bản lĩnh, tôi chưa cho đó là bản lĩnh. Người biết sống như thật mọi vấn đề trong từng khoảnh khắc một, đó mới là người bản lĩnh. Chúng ta không đủ sức sống như vậy vì chúng ta bị chìm nổi bởi dòng tâm thức này. Nó sẽ làm chúng ta dao động. Chúng ta vừa tri thì hành diễn dịch bắt đầu tưởng diễn dịch tiếp mới ra chuyện chứ cái tri ban đầu thông qua mắt, tai, mũi, lưỡi, thân là cái tri của tâm thức. Chúng ta phải xác định thức ấm ở tầng đó.

Đừng bao giờ lầm chúng ta vừa nhìn không khởi niệm phân biệt thì đó là cái nhìn của người ngộ Thiền. Một phen chúng ta bước ra ngoài tâm thức người ta mới hiểu cái tri đúng mức Thiền tông muốn nói. Tức là vượt qua cái tri của thân xác này, người ta sẽ nhận cái tri không phải của thân xác. Và cái tri không phải của thân xác không phải là thân tâm này, mà là toàn tri. Phút chốc hành giả tu theo đạo Thiền đến cảnh giới toàn tri, họ mới thấy sự rung chuyển toàn bộ vũ trụ này.

Từng hạt cát cũng đang tri cái toàn tri đó. Chúng ta

đừng tưởng cái bàn này chết khô, một miếng đá, một viên sỏi nào đó nó không tri là chúng ta lầm. Nó không phân biệt khổ vui giống như cái đầu con người nhưng nó vẫn tri, đừng nói nó vô tri. Ai có thể quay phim bụi cây chúng ta từng chăm sóc nó, sẽ thấy sự reo mừng của nó khi mình đi vắng năm ba ngày mới về. Chúng tôi nghĩ khoa học sau này sẽ trả lời hết những cái này. Cái giường chúng ta nằm ngủ, mình đi đâu vắng năm mười ngày về nó mừng và mình sẽ cảm nhận được tâm linh đó. Cái tri, cái nhận biết quen thuộc sẽ xảy ra. Có người đi giữa rừng kiếm cây quý và tác ý đốn nó coi chừng bị ngộp thở chết. Nếu cây đó sống lâu năm thì cái biết đó đã mạnh, nếu chúng ta tác ý đốn nó, nó sẽ tiết ra khí độc để chống lại làm cho chúng ta sẽ bị bất an điên loạn hay tật bệnh.

Khi tu tập nếu chúng ta chấp nhận được sự thật một lần, thì tự sự thật đó nó sẽ chuyển hóa chúng ta tới cảnh giới thật. Và cảnh giới thật đó chỉ xảy ra với chúng ta một lần, chúng ta sẽ thấy sự rung chuyển của toàn thân tâm này, thấy sự rung chuyển của vũ trụ mênh mông rỗng không này. Bây giờ mình thấy nó bình lặng lắm, nhưng phút giây đó mình mới thấy sự rung chuyển của nó, không phải bình thường.

Chúng ta đừng nghĩ khoảng không này không có gì. Sự rung chuyển đó là lực sống của vũ trụ, lực sống của muôn loài trong khắp pháp giới. Nếu không có lực vận hành đó, thì một cành cây, một ngọn cỏ không thể sống được. Không có một mầm sống nhỏ nếu không có lực này. Khi chúng ta tu tập nhận biết và hòa được vào lực sống đó, thì gọi là người nhận biết được Tự Tánh. Hòa trong pháp giới tánh toàn chân đó, hòa vào cái toàn tri để chúng ta tri pháp giới này một lượt.

Ví dụ, mắt chúng ta thấy không qua tường, vách,

nhưng phút chốc khi chúng ta vượt qua cái khằn của ngũ uẩn thì chúng ta sẽ trở thành một loại biết, tự động chúng ta hòa nhập trong cái biết đó để mình chỉ là biết mà không phải là thân xác này. Cái biết đó mới ra khỏi tầng của thức ấm. Những loại diễn dịch biết không vọng tưởng, biết không khởi niệm, biết không phân biệt, biết thế này thế kia vẫn là cái biết của thân căn ngũ uẩn, chưa ra được.

Nhiều người hiểu lầm điều này. Có nhiều lối diễn dịch về Thiền để người ta tới chỗ gì đó, đạt tới cảnh giới định để rồi từ trong định đó mình biết mọi cái không bằng vọng thức nữa. Không bằng tưởng thì đúng, nhưng không bằng thức coi chừng sai. Nó không phân biệt diễn dịch theo kiểu tưởng ấm, nhưng đừng nói lúc đó thức không còn hoạt động. Vì chúng ta chưa vượt qua thức ấm, chưa ngũ uẩn giai không một lần, thì chúng ta vẫn muôn đời xài thân ngũ uẩn này. Không ai ra ngoài được nếu chưa một lần ngũ uẩn giai không, thì không có phương pháp nào đưa chúng ta ra khỏi tam giới.

Dù chúng ta công phu kiểu nào đi nữa, nói đi nói lại tất cả chúng ta đều phải một lần ngũ uẩn giai không. Đừng nói tôi sẽ niệm câu gì đó là ra ngoài tam giới. Nếu niệm câu đó mà chết được thân căn ngũ uẩn thì hy vọng. Còn niệm mà không chết được thân căn ngũ uẩn thì không ra được. Dù có thần thông phép màu có thể bay khỏi cõi này tới cõi khác bằng thân xác này thì cũng được, nhưng không giải quyết được thân căn ngũ uẩn, tức là chưa giác ngộ hoàn toàn, không thể hòa nhập vào toàn tri để sống đúng với chân lý thực tại từng khoảnh khắc một thanh tịnh.

Với người học Phật chúng ta phải thấu hiểu một cách tường tận về thân năm ấm. Nếu chúng ta chưa nghe chưa hiểu,

thì chúng ta phải tìm lại để nghe những lý luận về thân ngũ ấm. Khi nói về ngũ uẩn là chúng ta phải hiểu sắc uẩn là gì một cách rõ ràng minh bạch; rồi thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn là gì. Khi bắt đầu đi vào công phu mà chúng ta phá được sắc uẩn thì chúng ta như thế nào, phần sau Kinh Lăng Nghiêm sẽ trả lời. Nhưng ít ra chúng ta phải hiểu đến mức độ tận cùng vượt qua sắc uẩn mình sẽ ra làm sao, vượt qua tưởng uẩn mình được cái gì, khi biết tới hành uẩn mình được cái gì và khi tới thức uẩn mình sẽ tới ngưỡng nào. Nếu chúng ta không vượt qua cái ngưỡng của thức uẩn, thì chúng ta không hòa nhập trong Tự Tánh được.

Nhưng thức ấm là tri. Cái tri đó nếu chúng ta có công phu cũng cảm giác rất an lạc. Thức nó không làm khổ mình đâu, tưởng mới gây khổ sở. Ví dụ con đỉa đeo vô người mình hút máu đầy, mình vừa thấy nó tức là thức đã phân biệt nhưng không có gì. Tới Hành diễn dịch cho tưởng làm việc là nó hút máu tới chết, thì tưởng làm việc bắt đầu run lên sợ mới la hét um sùm.

Cái nhận biết ban đầu của mình về mọi sự vật sự việc nó chưa mang khổ. Ví dụ nhìn chậu hoa chúng ta thấy từng hoa hoa một, từng cành lá một, thì cái thấy ban đầu không khởi niệm đó chỉ ngang tầng thức uẩn, đừng nghĩ đó là Tánh là chúng ta lầm. Mọi người nhận chỗ không khởi niệm là bất sanh bất diệt tự cho mình ngộ đạo là lầm. Ngộ thức thì có nhưng Ngộ Tánh thì chưa.

Vì phút ngộ đạo chấn động như sơn hà đại địa sụp đổ, không phải bình thường. Bình thường là thói quen của tâm thức, khi chúng ta vượt ngoài thói quen của tâm thức, chúng ta nhận một chân lý, một đạo lý nào đó trong lúc chúng ta tu

tập thì một phen chấn động. Nếu chưa có một lần chấn động, thì biết mình chưa được chuyển hóa. Muốn phá vỡ thì phải một phen chết đi sống lại, phải chấn động toàn thân tâm mình để mình không còn là mình trong phút giây đó nữa thì mới phá vỡ được. Một phen ngũ uẩn giai không, ngã không, pháp không hoàn toàn, chúng ta hòa nhập trong cảnh giới đó thì hy vọng người đó biết được đạo Phật chân chánh, còn không chúng ta chỉ biết vòng ngoài.

Đòi hỏi chúng ta phải có cái nhìn chín chắn, nhìn lại tất cả vật chất này không từng bị ô nhiễm. Chúng ta sử dụng pháp quán nhìn nước nguyên sơ nó là cái gì ; khi chúng ta bỏ đất, bùn vào nước này bị đục là nước có bị nhiễm hay không? Nó nhiễm ra làm sao, nhiễm thế nào? Vốn dĩ nước này là thanh tịnh hay là bị nhiễm. Tự mình phải nhận ra được một vật chất vốn tự thanh tịnh.

Tự đặt câu hỏi: Chúng ta chánh niệm tỉnh giác suốt nửa tiếng đồng hồ thì bao nhiêu ý niệm hiện ra được mình biết nó mất. Hoặc có phút giây không chánh niệm tỉnh giác ý niệm cũng không còn, lý do tại sao, chúng ta buộc phải giải thích được với chính mình. Chúng ta phải quán để thấy ra sự thật, không phải quán để thấy không sự thật. Quán để gò ép theo kết quả của người trước đưa ra là sai, đó không phải là cái quán của đạo Phật. Quán không phải là sự chiếu soi để gán ép sự vật theo kiến thức của mình. Quán là sự thấy nhìn sự thật đang hiện hữu đúng như thật của nó, gọi là Pháp quán của đạo Phật. Nếu chúng ta nhìn sự vật, nhận biết được sự vật mà trái với sự thật đang hiện hữu thì đó không phải là Pháp quán. Chúng ta nghe nhiều người nói thân này bất tịnh, rồi quán làm sao cho thân này bất tịnh mới chấp nhận thì đó không phải là

Pháp quán mà Đức Phật muốn nói. Quán là cái thấy biết, không phải là cái xoay nhìn theo kiểu định nghĩa bình thường.

Ví dụ chúng ta quán thân thì bây giờ mình dùng tâm soi lại thân để thấy thân diễn ra như thế nào, tức là mình đưa thân trở thành đối tượng để huân quán, mình là một người khác, cái thân là người khác đang được mình quán, không phải như vậy. Pháp quán chính thống của Đức Phật không đưa thân và tâm thành đối tượng, mà xảy ra sự nhận biết không còn đối tượng, để chúng ta thấy sự thật đang hiện hữu diễn ra mà nó vượt ngoài đối tượng, lúc đó chúng ta mới thành công được Pháp quán. Một sự nhận biết không tác động, không diễn dịch, không phân chia đó mới là Pháp quán.

Quán sổ tức là nhận biết hơi vào hơi ra của thân xác này, chứ không phải chúng ta cố tình hít vào, cố tình thở ra để chúng ta đếm, mà là một sự nhận biết hơi thở đang xảy ra. Cái nhận biết toàn thân và toàn tâm của mình trong đó có hơi thở, không phải tập trung vào hơi thở mà thân không biết, đó là sự sai lầm.

Tu Tứ Niệm Xứ, quán thân trên thân là thấy hơi thở vào ra, thấy luôn cái động đậy của tâm thức, thấy luôn các pháp đang hiện hữu, thấy những âm thanh đang diễn dịch; thấy luôn cả thân khổ, thân vui, thân không khổ không vui. Có nghĩa Tứ Niệm Xứ luôn hiện hữu một lượt thân, thọ, tâm, pháp không rời nhau một mảy may nào.

Quán thân, quán thọ, quán tâm mà quên quán pháp, coi pháp nó là cái gì rời, nó riêng, nó không chung đồng trong một khoảnh khắc thôi, thì người đó không phải là tu Tứ Niệm Xứ. Nhưng có nhiều Pháp dạy bắt quán thọ riêng, quán tâm riêng, quán pháp riêng, là chúng ta đã rời Tứ Niệm Xứ của

Đức Phật để tu tập, nên người đó không thành công trong công phu Tứ Niệm Xứ.

Tất cả những người tu tập theo đạo Phật mà không tu Tứ Niệm Xứ, thì nói một câu hơi buồn là người đó không bao giờ thành tựu được công phu. Nhưng tu Tứ Niệm Xứ là tu như thế nào? Nếu chúng ta thấy thân khác với tâm, tâm khác với thọ, thọ khác với pháp thì người đó đã phá vỡ Tứ Niệm Xứ chứ không phải tu tập Tứ Niệm Xứ.

Người tu tập đúng với Tứ Niệm Xứ mà Đức Phật dạy là thân, thọ, tâm, pháp nó hòa quyện trong từng khoảnh khắc một không rời. Sự thật đang hiện hữu thân, sự thật đang hiện hữu thọ, sự thật đang hiện hữu tâm, sự thật đang hiện hữu pháp là từng khoảnh khắc một có đầy đủ thân, thọ, tâm, pháp. Nếu thấy đúng như vậy là chúng ta đang hành Tứ Niệm Xứ, còn không là chúng ta đã phá vỡ rồi. Phân chia là phá vỡ, là một sự sai lầm trong công phu, đã phá vỡ bản gốc mà Đức Phật nói. Nên chắc chắn là lệch lạc, dù có chứng cái gì đi nữa thì chúng ta cũng khoan hãy tin.

Một con người có đủ kiến thức về mình thì người đó phải thấu hiểu tường tận ngũ uẩn. Theo Duy Thức Học thì phải hiểu được bát thức tâm vương, thân và tâm mình người học Phật phải thấu suốt. Phải tường tận, nói tới đâu mình biết được cái khởi đầu và cái chung cùng của nó, thì công phu của chúng ta mới không lầm, dài dài về sau công phu sẽ có những biến chuyển. Vượt qua thức ấm cũng là biến chuyển, vượt qua hành ấm cũng là biến chuyển, vượt qua tưởng ấm cũng là biến chuyển, thọ ấm và sắc ấm cũng vậy. Không có cái vượt qua nào mà không có sự biến chuyển. Phải có sự chấn động để phá vỡ, hoặc là tan biến, hoặc là tiến hơn.

Tất cả người tu phải có những cái đó xảy ra một lần trong đời của mình, còn từ xưa tới giờ cũng ngang ngang từ từ hiểu biết thêm, thì biết đó là những bước đang huân tập của tâm thức, đang học hỏi Kinh nghiệm của tâm thức để đúc kết thành Kinh nghiệm của chính mình. Không phải là con đường phá vỡ Kinh nghiệm, phá vỡ tâm thức để bước ra. Nếu đi vào chuyên môn thì chúng ta phải hiểu điều này để càng lúc chúng ta càng giỏi hơn. Có những khúc quanh trên con đường đi tới đạo giác ngộ giải thoát chúng ta phải tường tận, nếu không sẽ ảnh hưởng tới công phu của mình. Công phu không liên tục sẽ mất rất nhiều thời gian.

VĂN KINH

Chi 3. Khai thị năm trược

Tiết A. Kiếp trược

A Nan, ông thấy hư không khắp cả mười phương thế giới, mà chẳng phân chia thành hư không và cái thấy, có hư không mà không thật thể, có cái thấy mà không hay biết, hai bên đan dệt với nhau vọng thành. Đây là lớp thứ nhất gọi là "kiếp trược."

Đến đây là qua phần đốn ngộ đến phần tiệm tu. Phần học trước từ lúc thu thất đại mà chúng ta không tỏ ngộ thì chúng ta nên coi lại nhân tu tập của mình. Mặc dù là tiệm tu nhưng không có nghĩa là chúng ta tu từ từ, mà đây là Đức Phật dạy chúng ta tất cả những chi tiết trong nhân tu tập của mình, không có nghĩa Đức Phật bắt chúng ta phải làm như thế này thế kia để chúng ta chứng được quả nọ. Vì tất cả những lý luận của Đức Phật trong hệ thống Kinh điển Đại thừa đều nhắm đến chỗ thanh tịnh, sáng suốt, toàn chân.

Đức Phật nói nước xưa nó vốn trong lặng nhưng bụi, cát, đất rớt xuống nước chúng ta thấy nước đục, với cặp mắt người sáng suốt thì thấy nước nguyên là nước, đất dù có lẫn lộn trong nước thì đất vẫn nguyên là đất, đất không làm ảnh hưởng đến cái trong của nước. Đức Phật ví dụ dù chúng ta lẫn lộn ở trần gian ô trọc này, nhưng chúng ta vẫn không ô nhiễm. Chúng ta vốn dĩ xuất phát từ chỗ thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu, tới giờ phút này chúng ta vẫn đang thanh tịnh và mãi mãi về sau chúng ta vẫn đang thanh tịnh. Chúng ta có dám nhận ra điều này không? Chúng ta thấy mình thanh tịnh hay mình ô trọc?

Nếu chúng ta thấy nhìn lệch lạc không chính xác về nước thì mình cho rằng nước bị ô nhiễm, nhưng thực sự nước vẫn trong lặng, nước vẫn đang ướt, không ai phá vỡ được điều này. Không ai làm cho nước không ướt được, nói tới nước thì tự dưng nó ướt. Nước nóng, nước lạnh, nước đục, nước trong, nước ngọt, nước chua, nước cay nói tới nước chúng ta liền biết nó ướt. Tánh của nước là ướt. Thể của nước luôn trong và lặng, nhưng do tác động bên ngoài như đất rớt xuống chúng ta thấy có cặn cáu và cho là nước đục. Nhưng thực sự nước không đục, khi chúng ta lóng lại thì nước vẫn trong như cũ.

Khi chúng ta lẫn lộn trong trần gian này để chúng ta sống thì chúng ta vẫn có cái bất sanh bất diệt của chính mình. Giống như nước có tánh ướt và cái thật của mình là cái rõ biết. Không bao giờ ai có thể làm mất đi sự rõ biết của chính mình, giống như nước không ai có thể làm mất đi tánh ướt của nước. Dù chúng ta là người giàu, người nghèo, là quan quyền, là thứ dân, là người học giỏi hay ngu dốt ngồi tại đây chúng ta vẫn biết như nhau không khác, đó là cái bình đẳng của mình. Khi

học Kinh điển Đại thừa chúng ta phải hiểu, tin và nhận điều này, đó là điều căn bản để chúng ta hiểu hết cái gì Đức Phật nói. Nếu chúng ta không đủ lòng tin thì chúng ta không đi sâu vào Kinh điển Đại thừa được.

Ngũ Trược là: Kiếp trược, Kiến trược, Phiền não trược, Chúng sinh trược, Mạng trược.

1. Kiếp trược: Đức Phật muốn nói tới cái kiếp, không có nghĩa là kiếp sống một đời người. Kiếp là sự sanh diệt của một sự việc, một sự vật, một hiện tượng đang xảy ra với mình. Như hư không đang trùm khắp pháp giới này mà chẳng phân chia thành hư không và cái thấy. Mình đang thấy khoảng trống trong không gian này là hư không, quý vị có phân chia được cái mà chúng ta đang thấy và hư không ra thành ranh giới rõ ràng không? Hư không và cái thấy nó là một hay là hai? Nếu hư không và cái thấy nó là một, thì mình thấy hư không, hư không cũng thấy mình, nhưng hư không có thấy mình không?

Trong cái thấy nghe hiện tại ít khi mình đặt lại vấn đề hiện hữu như Đức Phật đặt ở đây. Đức Phật nói hư không trùm khắp pháp giới rồi, ông đang thấy hư không, thì ông có thể phân định được cái thấy và hư không khác nhau chỗ nào. Hư không là cái rỗng và chúng ta đang rõ biết cái rỗng đó, là hư không đang bị chúng ta biết, nhưng ranh giới để rõ ràng hư không và cái biết thì mình không phân định được. Khi chúng ta không phân định được cái đó, thì chúng ta mới thấy rõ ràng là hư không cũng là cái thấy của mình, cái gì rớt trong khoảng này là bị mình thấy, vậy hư không là mình hay không phải là mình? Hư không và cái thấy nó là một hay là hai? Hư không là cái gì? Cái thấy và hư không nó cách biệt nhau hay nó là một ?

Ví dụ, trên mặt chúng ta nổi mụn, thì cái mụn và cái mặt là hai hay là một? Rời cái mặt có mụn không? Rời cái mặt không có mụn thì nó thành hai, nhưng nó ở nơi mặt tại sao gọi nó là mụn, không gọi nó là mặt? Giữa mụn và cái mặt nó không phải là hai, nhưng nó cũng không phải là một. Đó là lý bất nhị trong đạo Phật.

Khi học Phật thường chúng ta thấy không phải một thì là hai, không phải hai thì là một, theo cái đầu phân biệt của mình là đã sai rồi. Có khoảng không trước mắt được gọi là hư không, mình đang thấy khoảng không đó là có cái thấy và có cái hư không rõ ràng, nhưng mình đem nói với người bên cạnh mình, tôi thấy hư không và cái thấy tôi như thế này thì họ có thấy được điều đó nổi không? Chúng ta không đủ để phân định.

Tất cả các pháp trần gian luôn là như thế, nó không phải là hai, nhưng mình luôn thấy có hai nên mình thấy sai lầm. Cái thấy sai lầm của mình là mình luôn minh định thành hai. Giữa cái thấy và hư không không phải là hai, giữa mình và hư không cũng không phải là hai, giữa mình và vạn hữu cũng không phải là hai, thì mình không thể tách rời được. Nhưng trong lúc thấy có mình đang thấy là có hai. Khi chúng ta thấy có mình, có pháp là có hai là có ngã, có nhơn, có chúng sanh, có thọ giả sanh tử tiếp nối. Lúc đó chúng ta không thấy đến sự thật cho nên chúng ta bị thấy lầm lẫn.

Nếu khi nào chúng ta thấy có hai là chúng ta thấy lầm, thấy lẫn lộn thì đó được gọi là kiếp trược. Tức là cái thấy biết của mình đã sinh sôi nảy nở, đã tạo thành kiếp sống của chúng sanh sanh ra gọi là kiếp trược. Chúng ta thấy theo tập khí của mình để sanh ra ý niệm, hoặc theo chủng tử nghiệp thức của

chúng ta mà sanh ra ý niệm gọi là chủng chủng duyên sanh. Đó là tập nghiệp để thấy biết.

Cái thấy, nghe, hay, biết thông qua thân căn ngũ uẩn là cái thấy thuộc về nghiệp cho nên nó thành trược. Có đôi lúc chúng ta quên chúng ta đang thấy, chúng ta đang đi, nhưng đâu bao giờ mình có khái niệm mình đi trong hư không. Chúng ta đang sống lẫn lộn hòa trộn trong hư không từ xưa tới giờ rồi, bây giờ giựt mình thấy có mình và có hư không trước mặt. Nhưng rồi mình sẽ tiếp tục quên bởi vì sự thật mình và hư không không phải là hai, cho nên khi mình vô tình không để ý, tức là tâm thức chúng ta không dự vào thì chúng ta sống đúng với sự thật là mình đang hòa trộn trong hư không này. Nhưng khi có tâm thức rồi là thấy có mình và có hư không, cái đó gọi là kiếp trược.

Bây giờ nghe nói có cái thấy và có hư không tự động mình thấy có khoảng cách và không ai rạch được ranh vức của nó ra được, không ai chia tách được cái thấy và hư không, đó là sự thật rồi. Nên khi đến đây chúng ta phải học thấy sự thật hư không vốn trong lặng thanh tịnh và cái thấy của mình cũng vốn trong lặng thanh tịnh. Cái thấy trong lặng thanh tịnh và hư không không phải là hai, thì lúc đó là có kiếp mà không trược. Nếu chúng ta thấy khoảng không và cái thấy là hai thì rớt vào kiếp trược, là bắt đầu tiếp tục sinh sôi những ý niệm khác. Trong khoảng rỗng này mình có thể cất nhà, trồng cây thì chúng sanh tiếp tục sanh ra và sanh tử tiếp nối. Thực sự chúng ta đã đi, đã đứng, đã ăn, đã ở, đã lăn lộn chạy nhảy trong hư không này nhiều kiếp rồi. Nói chung chúng ta đã hòa trộn rồi không thể tách rời được.

Điều này Đức Phật muốn nói tất cả vạn pháp ở trong dòng sống này không thể tách rời nhau được. Chúng ta với mọi người mình nghĩ là tách rời, nhưng thật sự mình không tách rời với ai được cả. Đây là cộng đồng sống, cả vũ trụ này là cộng đồng sống, thể hiện mãnh lực sống của Tự Tánh vô biên vô tận, để nó sanh sôi nảy nở chuyện này chuyện kia tùy theo nghiệp của mỗi người.

Ví dụ chúng ta có nghiệp là người, tự nhiên chúng ta sanh ra trên quả địa cầu này để chúng ta sinh hoạt. Với kiến thức bình thường, mình thấy quả địa cầu này là duy nhất, thấy chúng sanh và loài người là duy nhất, không có quả địa cầu thứ hai, không có thế giới nào khác. Theo kiểu chúng ta chưa từng học đạo thì chúng ta không hiểu rằng ngoài cõi người này ra còn cõi gì nữa. Nhưng khi hiểu tới một hai cõi khác, chúng ta mới thấy việc sanh tử của chúng ta tùy theo nghiệp tập của mình tương ưng với cõi giới nào, thì chúng ta được sanh về cõi giới đó theo chiều hướng sanh tử.

"Có hư không mà không thật thể, có cái thấy mà không hay biết, hai bên đan dệt với nhau vọng thành."

Tùy theo cái phân định đầu tiên mình tự có khái niệm mình và hư không thì hai cái này nó kết với nhau, nó lồng bóng trong nhau để thành ra cái vọng thấy biết. Thực sự cái thấy mà có minh định hư không và cái đang thấy thì chúng ta vẫn thấy. Nếu mình không có khái niệm hư không thì cái thấy đó vẫn là cái thấy trong lặng của chính mình. Nhưng khi mình thấy có khái niệm hư không xảy ra thì cái khái niệm hư không và cái thấy nó đan dệt với nhau, thành hình một vọng niệm, mới tạo ra một kiếp sống, kiếp sống đó gọi là kiếp trược.

Nếu cái ý niệm hư không không thành hình trong cái thấy hiện tại của mình, mình thấy là thấy mà mình không có khái niệm hư không, tức là hai cái vọng này không đan dệt với nhau, không tạo thành vọng niệm thì không tạo thành một kiếp. Khi nào chúng ta thấy có phân biệt hai bên, thấy có đối tượng là cái thấy đan dệt để kết nối thành vọng, sanh ra một kiếp mới. Đây là lớp thứ nhất gọi là kiếp trược.

Ngay kiếp trược này nếu chúng ta muốn tu, có dễ không? Làm sao quý vị nhìn tôi, giữa tôi và quý vị không còn là hai nữa, tức là chúng ta đang thấy đúng sự thật. Nhưng nếu quý vị đang nhìn có một cái gì trước mắt đang bị mình thấy, mình là người đang thấy là chúng ta đã rớt vào kiếp trược. Nếu muốn tu cho đúng thì chúng ta phải thoát ra cái kiếp trược này bằng cách, chúng ta nhìn mà không bị khái niệm, không có đối tượng xảy ra trong lúc đang thấy đang nghe ngay tại đây và bây giờ thì chúng ta mới thoát khỏi kiếp trược.

Chúng ta đang thấy đang nghe, làm sao chúng ta thoát khỏi khái niệm chúng ta đang thấy, đang nghe ở đây. Nghe là nghe, không phải mình đang nghe và âm thanh đang bị mình nghe. Điều này rất dễ làm, nếu chúng ta làm được như vậy thì hy vọng chúng ta mới tu theo Đại thừa được.

Người tu ngay tại đây phải nhận biết được cái thực thể đang rõ âm thanh này, là từng âm thanh một đang hiện trong cái rõ biết của chính mình. Nếu không có cái mình ở đây, không có cái khẳng định rằng mình đang nghe, chúng ta quên khái niệm mình đang nghe đi, bỏ rớt nó ra đi, thì những âm thanh đang hiện hữu ở đây được mình nhận biết rất rõ ràng. Cái rõ ràng thanh tịnh đó, nếu chúng ta lắng tâm kỹ chút nữa chúng ta sẽ vượt qua lớp nữa, lớp khái niệm về âm thanh và

cái rõ biết, để khi mỗi một âm thanh xảy ra thì mình chính là cái đang vọng đó, mình chính là âm thanh đó, mình không phải là khác. Nhưng không phải là mình và âm thanh nữa. Chúng ta phải quên mất cái mình và âm thanh, lúc này chúng ta chỉ là cái người đang rõ cái âm vang đó, cái âm vang đang rõ đó nó không phải là âm thanh, không phải là sóng âm, không phải là ngôn ngữ, không phải là tiếng nói.

Chúng ta rõ biết qua tầng của danh tự đang hiện hữu ngay tại đây, quên đi khái niệm nó là âm thanh của người nói, âm thanh của ông thầy nói, chúng ta thôi những khái niệm đó đi để chúng ta chỉ là người nhận biết một cách tường tận những cái vọng động đang xảy ra ngay tại đây mà không có khái niệm, không có tác động đến chuyện đó nhưng chúng ta vẫn nhận biết rõ ràng thì đó là kiếp mà không có trược. Còn nếu chúng ta có một chút khái niệm đó là âm thanh, mình nghe âm thanh thì rớt vào kiếp trược. Nếu chúng ta khéo léo ngay tại đây thì chúng ta sẽ nhận một cách rất rõ ràng cái kiếp mà không có trược của mình.

VĂN KINH

Tiết B. Kiến trược

Thân ông hiện bám lấy tứ đại làm tự thể, che lấp sự thấy, nghe, hiểu, biết, khiến bị ngăn ngại, và trở lại làm cho các thứ đất, nước, gió, lửa thành có cái hay, cái biết; các thứ đó đan dệt với nhau giả dối thành lập. Đây là lớp thứ hai gọi là "kiến trược."

2. Kiến trược: Khi mình đã thọ thân này trong mê lầm, khi thân này lớn lên lấy nó làm chỗ nương tựa để sống. Ví dụ, chúng ta mượn không khí để hít thở nếu không là chúng

ta sẽ chết, đói bụng kiếm cơm ăn vào, khát nước kiếm nước uống, thì vô tình chúng ta lấy thân này làm chỗ nương tựa của chính mình và mình không ra khỏi tứ đại này. Rồi tiếp nối chúng ta lấy cái sự thấy, nghe, hiểu, biết trên thân này làm cái thật; ngoài thân này mình không biết thêm cái gì.

Chúng ta chỉ thấy qua con mắt, chỉ nghe qua lỗ tai, chỉ ngửi qua lỗ mũi, chỉ nếm vị qua lưỡi…Tất cả những cái đó chúng ta đang nương tựa trên thân căn ngũ uẩn. Cái thấy đó qua con mắt, cái nghe đó qua lỗ tai, chưa bao giờ chúng ta có cái thấy biết ra ngoài con mắt và lỗ tai, như vậy là chúng ta đang ở trong kiến trược.

Có người nói tôi thấy mà tôi không phân biệt, tôi nghe mà tôi không phân biệt, ngửi không phân biệt, thì đó là kiến trược. Nếu cho rằng nghe không phân biệt, ngửi không phân biệt là Tánh, thì đó là tánh trược, chưa phải tánh thanh tịnh. Chúng ta vẫn còn trên thân căn ngũ uẩn để thấy nghe hay biết, nếu chưa khi nào thông qua con mắt mà mình thấy được hình sắc thì chúng ta chưa thoát khỏi kiến trược. Ngay nơi con mắt hiện hữu này mà chúng ta thấy tất cả sự vật đang hiện ra trước mắt. Làm sao chúng ta mất đi dấu tích là mình đang thấy và có vật đang bị mình thấy, làm được điều này thì mới hy vọng mình thoát khỏi kiến trược.

Ví dụ, chúng ta nhìn lên thấy Đức Phật, vừa nhìn là nơi tâm chúng ta hiện lên danh tự Đức Phật. Bây giờ mình nhìn làm sao mất khái niệm danh tự Đức Phật. Bước đầu tiên là, chúng ta mất đi danh tự đó là cái hiện hữu trước mình. Vẫn còn mình và đối tượng nhưng mình quên đi danh tự, nếu trước kia mình nghe nói đó là ông Thần thì mình nhìn hình Đức Phật cho đó là ông Thần. Từ Thần và Phật là danh tự được gán

ghép trên hình tượng trước mắt chúng ta, danh tự đó không thật, chúng ta bỏ nó đi. Nếu chúng ta có tu thì phải tập tu như vậy. Mất danh tự thì nó chỉ hiện hữu là cái hình như vậy thôi.

Bước thứ hai là, chúng ta vẫn thấy như vậy, nhưng chúng ta phải tập làm sao để cho cái đang thấy và tượng kia không còn là hai nữa, không còn là đối tượng nữa. Chúng ta quên đi khái niệm mình và cái tượng, quên đi mình là người đang thấy và cái tượng đang bị mình thấy. Chúng ta sẽ thấy đối tượng mất đi, chúng ta vẫn còn ngay tại đây rõ biết cái hiện hữu trước mắt của mình, nó vẫn còn chút khẳng định mình đang ở đây và mình đang rõ biết, nhưng không rõ biết cái gì. Phút giây rõ biết này chúng ta thôi đi cái đang chú ý thấy, mất đi cái chú ý đang thấy, quên đi cái mình đang thấy. Chúng ta đang rõ ràng những cái trước mắt, đang rõ ràng những cái động trên tai, cái rõ ràng này nó đang có một chút ranh giới của mắt và tai. Chúng ta tập phá lục căn của mình lần lần. Cái rõ của con mắt và cái rõ của lỗ tai giống hay khác? Làm sao chúng ta phá được cái ranh giữa con mắt và lỗ tai để chúng ta thoát ra ngoài con mắt và lỗ tai, chúng ta rõ vạn vật không cần mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý nữa lúc đó gọi là chúng ta nhập Tánh.

Cái rõ đó không thành sắc, không thành âm thanh. Chừng nào chúng ta rõ cái này mà nó không thành sắc, thành không với chính mình nhưng chúng ta vẫn rõ nó. Chúng ta đang rõ mọi cái không thành hình, không thông qua ý niệm, không thông qua kiến thức; thì lúc này chúng ta rõ ràng mọi cái mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý chứ không phải chúng ta đang thấy, đang nghe, đang ngửi, đang nếm nữa. Chúng ta quên khái niệm đó đi thì cái rõ này nó rõ tất cả mọi cái chứ không

phải rõ riêng. Nó rõ một lượt chứ không phải mắt chỉ thấy sắc, lỗ tai chỉ nghe tiếng, thì chúng ta sẽ phá đi cái khằn của lục căn, chúng ta bước ra thoát khỏi kiến trược.

Nếu nói mình tu là làm sao để cái thực tại hiện hữu này nó đang hiện tiền như vậy. Chúng ta buông những cái riêng tư ra, để chúng ta hòa nhập vào thực tại hiện hữu này thôi, không làm thêm. Sở dĩ mình thấy có mình đang nghe, mình thấy có mình đang thấy là mình làm thêm, mình đang làm dư. Thôi đi những cái dư đó để mình trở lại cái đang vừa, đang đủ, đang đúng của chính mình ngay nơi hiện hữu này thì coi như chúng ta đang tu. Tu có nghĩa là mình không làm dư nữa. Chúng ta dừng lại những cái thêm thắt của chính mình, thì tự nhiên mình là người hiện hữu ngay tại đây.

Ngồi đây chúng ta chỉ để cái rõ nó đang rõ mọi việc, vậy thôi. Chúng ta đang rõ âm thanh, đang rõ hình sắc, nhưng dẹp từ âm thanh, dẹp từ hình sắc, mình không còn khái niệm khẳng định cái ồn ào đang nói kia là âm thanh, những cái trước mắt là hình sắc, chỉ là cái rõ đang rõ hiện tượng. Hiện tượng và cái rõ đang lẫn lộn với nhau ngay tại đây, không có tách rời, không phải là hai, không phải là một là chúng ta đang công phu.

Khi chúng ta không thêm ngay cái thấy, không thêm ngay cái nghe, quên hết những khái niệm đang có ở ngay tại đây thì cái thực sẽ hiện tiền. Khi cái thực hiện tiền thì không cần con mắt vẫn rõ mọi chuyện, không cần lỗ tai nó vẫn rõ, lúc đó chúng ta mới thoát ra thân căn ngũ uẩn một lần, tạm thời gọi là ngũ uẩn giai không. Nếu chúng ta không làm được chuyện này, thì chúng ta không làm cách nào để ra khỏi con mắt để thấy hình sắc cả, không có con đường thứ hai.

Dù chúng ta có công phu Thiền định thế nào đi nữa hỏi anh thấy cái này không? Nói có thấy bằng con mắt. Ngoài con mắt ra chúng ta lấy gì để thấy. Đức Phật nói mình lấy tứ đại đó làm thể, rồi nương theo tứ đại đó mà làm thành cái thấy, làm thành cái nghe, làm thành cái biết, thì tất cả những thấy nghe hay biết của mình đều ở trong tứ đại chưa ra được. Cái biết chúng ta không lệ thuộc trong tứ đại một lần thì lúc đó gọi là chúng ta thoát ra thân căn ngũ uẩn một lần.

Bằng cách tu loại trừ, loại trừ danh tự, loại trừ đối tượng, loại trừ khái niệm khẳng định mình đang ở đây để không còn là mình ở đây nữa, không còn mình của cái thân này và không còn mình của cái tâm này ngay tại đây. Khi cái mình của tâm và cái mình của thân chúng ta làm mờ nó được thì lúc đó cái ngã chúng ta tiêu biến.

Khi mất đi khái niệm mình đang ở ngay tại đây thì chúng ta sẽ có một sự rõ biết không phải của thân tâm. Cái rõ nó ở ngay tại đây là một điểm rất nhỏ, nhưng nó liền thành khắp pháp giới ngay tại chỗ. Cái rõ biết của mình nó sẽ là khắp pháp giới không phải là cái biết của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là chúng ta thoát khỏi kiến trược. Nếu không tất cả chúng ta đều thấy nghe hay biết trong cái vướng của kiến trược.

VĂN KINH

Tiết C. Phiền não trược

Lại trong tâm ông do những sự nhớ biết học tập mà tính phát ra thấy biết, dung nạp sáu trần, hiện tại rời tiền trần thì không có tướng, rời hiểu biết thì không có

tính, đan dệt với nhau mà giả dối thành. Đây là lớp thứ ba gọi là "phiền não trược".

3. Phiền não trược: Khi mắt chúng ta thấy sắc, tai chúng ta nghe tiếng, mũi chúng ta ngửi mùi, tất cả cái đó gom thành chủng tử dung nạp tiền trần vào, thì ngoài sự hiểu biết kiến thức ra chúng ta có cái gì không?

Ví dụ nói mình hiểu điều này điều kia là do chúng ta học, đọc sách hoặc nghe giảng, những cái đó trong cuộc đời này là tiền trần, mình tạm mượn vô chứ không phải của mình. Nếu mình không học thì cái hiểu của mình ở chỗ nào? Hoặc mình có hiểu biết về thành phố, có lầu đài, có xe cộ đông đúc, có buôn bán, có phố thị đông vui là do có người nói qua hoặc chúng ta có lần đến đó. Tức là một lần mắt chúng ta thấy, tai chúng ta nghe thì liền thành kiến thức của riêng mình. Kiến thức đó do mình thu gom từ bên ngoài vào, nếu loại trừ những cái đó ra thì mình còn cái gì?

Nếu cái mà mình chưa từng hiểu biết thì nhìn nó mình thấy nó là cái gì? Chỉ thấy là thấy thôi chứ không có khái niệm nó là cây đèn. Chúng ta phải tập thấy bằng cái thấy của riêng mình, không có đem kiến thức vào mỗi cái thấy nghe hay biết thì chúng ta sẽ hiểu phiền não trược nó dính từ đâu. Còn bây giờ mắt chúng ta thấy là có sắc, tai chúng ta nghe là có tiếng, chúng ta dung nạp tiền trần vào, nhưng thực sự tiền trần không có tướng. Ngoài những kiến thức mà mình đã học, đã hiểu trong cuộc đời này, nếu chúng ta nhìn lại bằng cái không có kiến thức học hỏi từ trước tới giờ thì chúng ta có cái gì không?

Nhìn tâm mình chúng ta nhớ cái này cái kia. Cái chúng ta đang nhớ là cái chúng ta gặp hồi nào đó, học ở đâu đó, nghe ở đâu đó là kiến thức, là chủng tử nghiệp thức của chính mình.

Cái này nó vừa ý thì mình vui, không vừa ý mình buồn, cái này nó kết cái kia, cái kia kết cái nọ nó làm cho cái thấy hiện tiền của chúng ta bị cong quẹo, bị lệch lạc.

Ví dụ thấy chậu hoa mình liền có khái niệm chậu hoa này đẹp quá. Tự chúng ta nhận biết với cái đẹp hiện hữu, nó đẹp so với chậu cúc hôm bữa, hoa này đẹp hơn hoa kia, hoa tươi đẹp hơn hoa héo, hoa nở đẹp hơn hoa búp, chúng ta cứ so với cái gì đó trong cái kiến thức vốn có của mình.

Luôn luôn trong cái thấy nghe của chúng ta là đem kiến thức cũ ra so sánh, ngoài kiến thức đó ra chúng ta nhìn thấy tất cả cái này nó có thành đẹp với mình không, nếu chúng ta không có kiến thức. Nên rời cái hiểu biết ra nó không thành cái gì thật ở nơi chính mình cả. Nếu ngoài những kiến thức chúng ta thu nạp thì tâm chúng ta luôn rỗng lặng. Nên khi tâm chúng ta khởi cái này, khởi cái kia là những cái chúng ta thu nạp một đời này hoặc nhiều đời khác rồi. Bây giờ ngồi nhắm mắt là đầy đủ hết không thiếu chuyện quá khứ, vị lai, chuyện buồn, thương, giận, ghét đầy đủ trong đó.

Chúng ta phải làm sao thấy thoát những kiến thức của chính mình, thấy những hiểu biết, những kiến thức là lỗi lầm, là ngăn trở sự thật hiện hữu ngay tại đây. Nếu không qua kiến thức là chúng ta thấy tới sự thật, nhưng nó được phủ bởi danh từ, bởi kiểu này đẹp, đẹp hơn cái mình thấy hôm qua là chúng ta tiếp tục so sánh. Hàng loạt kiến thức nó đang hiện trước cái thấy của mình, nó đang che chắn giữa mình và sự thật đang thấy. Có bao giờ chúng ta thấy đó là lỗi của chính mình chưa? Nếu chúng ta tiếp tục phạm lỗi lầm này, là chúng ta tiếp tục đem phủ mờ sự thật trong thấy nghe hay biết của mình hiện tại.

Chúng ta luôn làm điều này nhiều kiếp rồi, bây giờ theo lời Đức Phật dạy thấy như vậy thì sẽ kết thành phiền não. Cái thấy nghe hay biết ngoài kiến thức, ngoài sự học hiểu chúng ta không có cái gì trong đó. Nhưng đến lúc thấy không có cái gì, mình khó có thể chấp nhận mình, mình sợ hãi trong lúc mình đang không có cái gì, cho nên mình phải quơ bên đây một chút, bên kia một chút.

Ngồi đây mà nói phật tử không thuộc câu kệ câu Kinh nào mình khó chịu lắm, vì mình đã quy y lâu rồi, mình ráng học vài câu để khi nói chuyện với huynh đệ mình cũng xổ Kinh ra cho vui. Mình không chấp nhận mình rỗng, mình muốn mình có cái gì đó, thì trong tứ thực gọi là thức thực. Mình phải phân biệt, phải thế này thế kia cho no thức mình mới chịu. Để cho Thức rỗng mình không chịu, mình cảm giác mình đói. Nếu chúng ta dám đối diện thật với chính mình, quay trở lại với con người thật để chúng ta thấy thật, nghe thật, biết thật, ngửi thật trong từng khoảnh khắc một, thì chúng ta phải thôi đi cái thấy lúc đang có danh tự, có kiến thức xảy ra. Luôn luôn cái thấy nghe hay biết không có kiến thức chúng ta làm nổi không? Nếu không làm nổi là chúng ta không có tu được.

Lúc nào chúng ta thấy nghe có kiến thức là lúc đó chúng ta quên tu. Người tu rất nhạy bén, vừa có kiến thức trong cái thấy là họ đã không cho nó tiếp tục liền ngay tại chỗ là họ đang tu. Không đợi nó thấy nó phân biệt là đẹp, là dễ mến, là dễ thương, là dễ ghét là quá thô bên ngoài rồi. Người tu rất nhạy cảm, nhạy bén, tinh tế, linh thông, vừa chạm mắt là liền giác ngộ, thấy trước mắt là Bồ đề, nghe là giác ngộ thì chúng ta mới thoát khỏi phiền não trược. Nếu không thì cái

thấy là hình sắc, cái nghe là âm thanh thì chúng ta rớt vào phiền não trược.

Nơi lục căn chúng ta có tiền trần nên cảm giác có mình. Với bao nhiêu kiến thức này nếu mình chưa từng học thì vừa học vừa gom vô mình liền cho nó là mình. Mình là người ăn ngang nói ngược. Nếu không gom những cái này vô thì mình đâu có những chuyện này. Mình vừa học một bài, vừa có một câu, vừa có một chút kiến thức mình liền nói tôi hiểu, cái này là của tôi. Kiến thức này của tôi, tôi học bao nhiêu năm từ trung cấp rồi đại học, rồi cao học, rồi tiến sĩ, tất cả những cái đó là của tôi. Mình vừa mượn liền thành của mình, mình chấp chặt cái đó cho đó là kiến thức của mình, ai nói sai là mình không chấp nhận. Nếu chúng ta còn tiếp tục huân tập chấp nhận kiểu đó nữa, chưa thấy lỗi lầm kiến thức của mình, thì chúng ta không bao giờ tiến bộ trong Phật đạo được.

Đừng nghĩ thuộc hết Kinh điển là có thể ngộ đạo. Đọc ngược đọc xuôi Tam Tạng Thánh Điển cũng chưa chắc mình là người hiểu đạo đúng. Đức Phật nói kiến thức là lỗi lầm, là phiền não trược. Khi nào chính chúng ta ngồi lại lắng đọng tự thấy lỗi lầm của kiến thức một lần, nó là phiền não cho chính bản thân mình, một phen chúng ta rũ sạch kiến thức để mình thấy nguyên là mình, nghe nguyên là mình, là lúc đó chúng ta đang thấy đúng nghe đúng, dù là cái thấy trên thân căn ngũ uẩn nhưng chúng ta đang đúng ở một tầng mức nào đó. Nếu chúng ta còn thấy nó là cái kia cái nọ theo cái hiểu biết kiến thức là chúng ta đang thấy sai.

VĂN KINH

Tiết D. Chúng sinh trược

Lại tâm ông sớm chiều sinh diệt không dừng. Cái thấy biết thì muốn lưu mãi ở thế gian, mà nghiệp báo chuyển vần luôn luôn dời đổi cõi này cõi khác. Những điều đó đan dệt với nhau giả dối thành lập. Đây là lớp thứ tư gọi là "chúng sinh trược."

4. Chúng sanh trược: Đức Phật nói tâm mình luôn luôn sinh diệt. Ví dụ mình là người, tâm mình luôn sinh diệt hiểu biết nơi cõi người, mình cảm giác thích làm người tiếp tục nữa nhưng không được như vậy, do đời này mình quý thân tâm này quá nên mình làm một số nghiệp để nó chuyển đời sau mình lên trời nếu mình làm thiện, hoặc chuyển xuống địa ngục ở nếu mình làm ác. Nghiệp nó làm chúng ta đổi dời từ kiếp này sang kiếp nọ gọi là chúng sanh trược.

Khi chúng ta sanh ra đây với bao nhiêu nghiệp thức, bao nhiêu nhân quả nào đó đã tạo để chúng ta đủ làm một chúng sanh là người trong đời này. Rồi tự nhiên chúng ta làm điều gì đó hết phước làm người, xuống làm loài thấp hơn, là đủ nhân quả nghiệp báo làm một kiếp chúng sanh. Chúng sanh mới là súc sanh, làm trâu, làm bò, làm heo, làm ngựa. Trong kiếp đó chúng ta không làm phước gì lớn để được thăng tiến, thì chúng ta bị sanh làm loài gì nữa ở cõi thấp hơn nữa. Như vậy chúng sanh luôn được sanh ra bởi nghiệp của chính mình, tương ưng với nhân quả nghiệp báo của chính mình. Đây là điều dễ sợ mà chúng ta phải thấy.

Tất cả những người học Phật dù chúng ta học Phật kiểu nào, Thiền hay Tịnh hay Mật nên nhớ nếu trong cuộc sanh tử của lục đạo luân hồi nếu chúng ta không có phá vỡ sanh tử một lần vọt ra ngoài tam giới để chứng Thánh quả, thì

bắt buộc chúng ta phải đi luẩn quẩn trong tam giới này, mà chúng ta đi tới cõi nào thì cõi đó tương ưng với nghiệp quả của chính mình, chứ mình không thể đi hơn cái nghiệp đó được.

Mình với cái nghiệp là người rồi thì không có ông Phật nào kéo mình ra khỏi cõi người được. Chúng ta đừng bao giờ tin rằng có chuyện gì đó để làm cho mình đi ra khỏi cõi người, trong khi cái nghiệp người chúng ta còn nguyên đây. Chỉ trừ chúng ta tu tập hơn cái nghiệp người, thì chúng ta nhấc cao hơn người một chút lên tới trời. Từ cõi trời Dục giới chúng ta tu tập hơn chút nữa có thể lên cõi trời Sắc giới, tu tập hơn chút nữa chúng ta có thể lên cõi trời Vô sắc giới. Từ cõi trời Vô sắc giới tu tập hơn chút nữa chúng ta thoát ra ngoài tam giới.

Cũng chính là sự tu tập và nhân quả nghiệp báo của mình tương ưng với cõi nào, thì chúng ta được sanh ra cõi đó chứ chúng ta không thể vượt khỏi nghiệp của mình mà về cõi cao hơn. Chúng ta đừng bao giờ tin lý luận đó. Nghiệp mình là người nghèo thì đời sau mình không thể là người giàu được chứ đừng nói là mình lên hơn cõi người.

Sự chuyển vần của nghiệp báo là nó chuyển chúng ta đi các cõi. Nhưng chúng ta đi cõi nào là tương ưng với nghiệp quả mình ở cõi đó. Nhân quả mình chừng đó thì mình tới cõi đó thôi chứ mình thêm chút nữa không được. Muốn trả giá cao hơn thì mình phải làm phước và tu tập để phước mình hơn cõi người một chút. Cả đời sống này kiểm chứng lại xem mình tu như thế nào, tu ra làm sao, mình có cái gì hơn con người chưa mà hy vọng mình lên cõi cao? Nếu mình chưa hơn con người này mà nói mình sẽ ra khỏi cõi người là một ảo vọng.

Điều Đức Phật nói không bao giờ sai về nhân quả nghiệp báo. Sanh tử này do nghiệp chúng ta mà sanh. Chúng ta được sanh cõi nào là do nghiệp chúng ta tương ưng cõi đó để chúng ta đến cõi đó. Nghiệp chúng ta chừng đó thì chúng ta không thể lên cõi cao được.

Ví dụ phước mình là người lỡ có ông Thánh thương mình quá đem mình về cõi trời, thay vì ở cõi người mình có thể sống bình an đúng một trăm năm, nhưng về cõi trời mình sống chưa chắc được một ngày là mình xuống địa ngục vì mình hết phước rồi. Hoặc một người nghèo ở vùng quê làm một ngày năm đồng đủ mua lon gạo ăn qua ngày. Cứ bình bình như vậy thì họ có thể xài được một tháng, làm một tháng họ có thể tích tụ ăn ở không mười ngày, nhưng lỡ gặp ông tỷ phú rủ mình đi ăn bữa tiệc lớn nhiều tiền quá cỡ vài chục triệu, thì mình ở đợ cả đời trả nợ chưa hết.

Chúng ta có ảo vọng sau khi chết mình được sanh cõi cao hơn cõi người, mà mình không lường được cái phước mình tới đâu. Chúng ta hy vọng mình thăng tiến cái gì đó mình cao hơn bây giờ, thì phải coi lại từ sáng tới chiều mình ăn bao nhiêu cơm, mặc bao nhiêu quần áo, ngủ như thế nào, phước mình ra làm sao, có tạo phước hơn cái mình tiêu xài chưa? Thực tế mỗi ngày mình dư phước hay mình tiêu phước để làm người tiếp tục tốt hơn hay xấu hơn? Phải kiểm tra lại.

Nếu mỗi ngày mình làm mòn phước của mình, trong từng ngày sống của chính mình, lần lần càng về già mình càng bị bất an, càng bị khó khăn, càng bị phiền não thì biết rằng cái phước làm người gần như tiêu rụi, đời sau chưa chắc lên nổi để làm người chứ đừng nói chuyện lên cõi cao. Tự mỗi người

hãy kiểm tra thấy cái nghiệp của mình, để xem mình sẽ tương ưng ở cõi giới nào sau khi bỏ thân mạng này.

Mọi người phải hiểu ra điều thật là nếu mình bị sanh tử kiếp tới, thì mình chỉ đi ngang với cái nghiệp mình thôi chứ đừng suy nghĩ khác giùm. Mình bình tĩnh ngồi ngay tại đây tạo nghiệp lành cho mình. Mình tu tập, công phu như thế nào đó để phước báu mình lớn hơn cao hơn kiếp người này thì chúng ta sẽ đi lên cõi cao hơn, nhàn nhã hơn. Còn nếu mỗi ngày phước chúng ta mỗi tổn giảm thì biết chắc rằng chúng ta sẽ đến cõi thấp hơn cõi người. Ngài A Nan ra ngoài ngũ trược rồi Ngài nói: "Ngũ trược ác thế thệ tuyên nhập" là nguyện sẽ trở lại đây. Nhưng nếu ngũ trược ác thế chúng ta còn nguyên thì khỏi cần thệ cũng ở nguyên trong này.

VĂN KINH

Tiết E. Mạng trược

Cái thấy cái nghe của các ông, bản tính vốn không khác nhau, do các trần cách trở mà không duyên cớ gì lại sinh ra khác. Trong tính thì vẫn biết nhau, nhưng trong dụng thì trái nhau. Cái đồng và cái khác mất hẳn chuẩn đích, cùng đan dệt với nhau giả dối mà thành. Đây là lớp thứ năm, gọi là "mạng trược."

5. Mạng trược: Đức Phật khẳng định là cái thấy cái nghe của mình bản tính nó không khác nhau, nhưng do các trần cách trở không duyên cớ mà sanh ra khác. Mình đang rõ mọi việc, thì cái rõ hình sắc và rõ âm thanh nó không khác nhau nhưng vô cớ mắt mình đang thấy, tai mình đang nghe là thành khác. Khi mình minh định lục căn mình thấy cái này, đang nghe cái kia là nó thành khác. Nhưng thực sự cái đang

rõ hình sắc và rõ âm thanh không khác. Người này đang rõ như vậy, người kia đang rõ như vậy, ngồi ở đây chúng ta chung đồng cái rõ đó, không khác nhau. Nhưng người thích âm thanh cho nên ngồi lắng tai nghe âm thanh đang nói, người thích hình sắc thì đắm đuối nhìn đóa hoa này nên chúng ta thành khác. Chúng ta tự phân chia trong cái thấy nhìn hiện hữu của chính mình, chứ sự thật nó không khác nhau cái gì.

Khi nhận biết được sự thật không khác nhau, thì chúng ta liền nhận thấy được lục căn chúng ta ngay tại đây đang hỗ dụng, và chúng ta thoát ra cái gút này. Phần sau Đức Phật sẽ dạy: Bị cột ở đâu sẽ gỡ ra ở đó.

Có người nói tính thấy ở nơi mắt, tính nghe ở nơi tai cho nên phải nghe không phân biệt, thấy không phân biệt gọi là Tánh, thì chính bản thân người đó đã phân biệt. Nếu là ban đêm trong nhà đốt đèn, ánh sáng phát ra từ các cửa, cửa lớn ánh sáng lớn, cửa nhỏ ánh sáng nhỏ. Ví dụ cửa mắt, cửa kế là lỗ tai, cửa kế là lỗ mũi thì trong một ánh sáng đó ra thôi nó làm sáng ở con mắt thì thấy hình sắc, nó làm sáng ở lỗ tai thì nghe âm thanh, nó làm sáng ở mũi thì ngửi mùi, nó làm sáng ở lưỡi thì nếm vị, nó làm sáng ở thân là xúc chạm, nó làm sáng ở ý thì biết trần cảnh. Trong một ánh sáng kia thôi nó có ra trên thân xác chúng ta và tự động mình lại phân chia thành thấy nghe khác nhau.

Lúc nào chúng ta nhận được cái thấy và cái nghe không khác nhau thì chúng ta có sự nhận định đúng về Tánh. Người tu có lần vượt ra ngoài thân căn ngũ uẩn, để nhận biết không phải thân căn ngũ uẩn thì chúng ta mới thoát khỏi mạng trược, mà chúng ta sống với cái mạng không trược của chính mình.

VĂN KINH

Chi 4. Kết thành cái tâm tu nhân

A Nan, nay ông muốn cho cái thấy, nghe, hay biết xa hợp với bốn đức thường, lạc, ngã, tịnh của Như Lai, thì trước hết phải lựa ra cái cội gốc sinh tử, nương theo tính không sinh không diệt, yên lặng cùng khắp mà thành tựu.

Dùng cái yên lặng (trạm) mà xoay các thứ sinh diệt hư vọng trở về nơi bản giác. Được tính không sinh diệt của bản giác làm cái tâm tu nhân, nhiên hậu thành tựu viên mãn quả vị tu chứng.

Như lóng nước đục lấy đồ đựng để yên mãi không lay động, thì đất cát tự chìm xuống, nước trong hiện ra, gọi là bắt đầu hàng phục khách trần phiền não, kế gạn bỏ đất bùn chỉ còn thuần nước trong gọi là dứt hẳn căn bản vô minh. Tướng sáng suốt đã ròng rặc (tinh thuần), thì tất cả biến hiện mà không bị phiền não và đều hợp với đức nhiệm mầu thanh tịnh của Niết Bàn.

Ở đây mới bắt đầu nói tu từ từ gọi là tiệm tu. Đức Phật dạy chúng ta trong cái thấy, nghe, hay, biết là cái xa bên ngoài; bây giờ chúng ta tu tập để nó trở lại với cái thường, lạc, ngã, tịnh của Như Lai. Muốn vậy, đầu tiên chúng ta phải lựa bỏ cội gốc sanh tử là ngũ trược, là thấy có hai, nghe là có hai, thấy khác với nghe, bây giờ trở lại cội gốc không sanh tử là mình thấy không còn hai, cái thấy cái nghe không phải là khác và chọn nhân này để tu.

Không có con đường thứ hai để chúng ta làm. Thấy vượt ra ngoài danh tự, chỉ cần lắng tâm thì khái niệm cái gì trước mắt chúng ta tự mất, mình và cái hiện hữu không còn là

đối tượng, không còn là hai nữa, là chúng ta phá vỡ cội gốc sanh tử trong cái thấy nghe của chính mình. Rồi chúng ta phải dung hợp được một lần trong đời giữa cái thấy và cái nghe không khác nhau, để cái tri đang hiện hữu đó thôi. Không còn khái niệm tri ở mắt để thấy hình sắc, không còn khái niệm Tri ở tai để nghe âm thanh, mà tri chỉ là tri thôi. Tất cả những gì hiện hữu trong cái tri được nó tri; mà không có khái niệm của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, vậy là chúng ta bắt đầu chọn nhân không sanh không diệt để chúng ta tu.

Đức Phật nói chọn nhân sanh tử thì tiếp nối sanh tử với chính mình, chọn nhân vô sanh thì chúng ta sẽ được quả vô sanh. Nếu khởi điểm tu tập bằng nhân vô sanh, trong chỗ không sanh không diệt mà rõ biết mọi chuyện, thì chúng ta mới có thể viên mãn quả vị tu chứng trong đời này. Nếu chúng ta tu Pháp này, quán Pháp kia, là nhân sanh tử, còn một Pháp để chúng ta có thể tu tập được, đó là nhân sanh tử.

Đức Phật ví dụ, chúng ta lấy nước đục múc ra lu để yên, từ từ cặn lắng xuống, chúng ta gạn nước trong ra để một bên, nước đục bỏ đi, thì nước đó trở thành thuần khiết. Đức Phật gọi là *"Dứt hẳn căn bản vô minh. Tướng sáng suốt đã ròng rặc (tinh thuần), thì tất cả biến hiện mà không bị phiền não và đều hợp với đức nhiệm mầu thanh tịnh của Niết Bàn."* Chúng ta nghe như vậy thì tu làm sao?

Có hai kiến giải theo kiểu tiệm thứ công phu và đốn ngộ ngay tại đây về chuyện lắng tâm dứt trừ phiền não. Nếu chúng ta hiểu theo kiểu đời thường là lắng nước đục bỏ cặn thành nước trong, để tâm mình được định, mình gạn bỏ hết những cặn cáu đó ra cho tâm được thuần khiết là mình phá được vô minh. Nước trong dù mình có lắc nó cũng không lợn

cợn trở lại được, vì đã gạn hết nghiệp tập phiền não rồi. Mình hiểu như vậy nên cố gắng ngồi cho định càng sâu chừng nào càng diệt vô minh phiền não chừng đó. Và rất nhiều người dạy theo nghĩa này nên chúng ta đã từng lầm lẫn với công phu Thiền của đạo Phật.

Ngay tại đây nếu chúng ta thấy không khái niệm, nghe không khái niệm, thì trong hay đục là mình đã hạ một lớp nghiệp tập phiền não mà không phải Thiền định. Gạn bằng cái thấy nó sẽ lọc nhanh hơn, như máy lọc đưa ngang một cái là nước sạch rồi đâu cần phải chờ lâu. Chúng ta phải tu automatic tâm mình trong nhanh hơn máy lọc đó mới được. Không phải đem nước bỏ vô lu để đừng nhúc nhích, lâu ngày lóng cặn, xưa lắm rồi, tu như vậy chậm lắm và đời này mình không tu kịp cái gì hết.

Bắt đầu chúng ta gạn: Ngồi tại đây chúng ta đang nghe tất cả âm thanh thì làm sao chúng ta phải qua tầng danh tự, rồi âm thanh đang hiện ra đó nó không phải là đối tượng để mình nghe, mà mình là người đang rõ âm thanh để tất cả âm thanh và hình ảnh hiện ra trong cái rõ đó. Mình đang là người rõ và cái rõ ràng đó không dính với âm thanh, không dính với hình sắc, bao nhiêu âm thanh hình sắc nó tự tắt mất là mình đã lọc hết bùn rồi.

Mình chỉ thuần khiết cái rõ biết thì vô minh tắt mất ngay phút này, chứ không phải đợi công phu nhiều đời nhiều kiếp. Ngay tại đây thôi là xong chuyện đâu cần ngồi năm tháng bảy tháng thiền định gì để lọc tâm? Ngay cái rõ biết hiện hữu này, bao nhiêu âm thanh có hiện ra trong cái rõ biết thì nó đang rõ biết mà không có dính lại được. Mình phải khẳng định bao nhiêu âm thanh hiện hữu mà không dính lại được,

không có cái gì nhiễm được cái gì thì tất cả vô minh phiền não một phen được lọc sạch.

Ví dụ tôi nói nãy giờ có nhiễm lỗ tai quý vị không? Chúng ta đã khẳng định không nhiễm được tức là phiền não nghiệp tập ngang đây tiêu biến, mình là người đang giác ngộ hiện hữu hiện tiền, đang rỗng lặng thênh thang mênh mông trùm khắp pháp giới ngay tại đây, chứ mình không phải là người ô trọc nữa.

Chúng ta phải tu đúng lời Đức Phật dạy, nghe Đức Phật dạy như vậy mình tưởng mình phải làm như vậy. Có nhiều người dạy phải ngồi thiền, phải lắng tâm thanh tịnh, phải nhập định, mỗi lần nhập định là phá bao nhiêu nghiệp tập phiền não. Phá cái này, phá cái kia, để chúng ta tiến từ từ. Khi nào chúng ta ngồi thiền mà tâm không còn niệm nào, bặt dứt trong cái yên lặng thanh tịnh đó ngày này qua tới tháng kia, gọi là nhập định, rồi mới phát huệ, rồi mới phá vô minh phiền não thì lâu lắm, cực lắm.

Tất cả các pháp tánh, tướng đều như nhau, chúng ta phá được một pháp là phá được hết pháp giới này. Ngay một âm thanh mình thấy nó không dính, mà giữ cũng không được tức là tất cả âm thanh đều mang tánh tự ly, đều vô trụ tánh, vô trụ tướng. Tức là ở phần lý chúng ta cũng vô ngại, sự chúng ta cũng vô ngại, thì ở tướng cũng không trụ, ở tánh cũng không trụ. Mình vốn là vô trụ nên mình luôn trôi lăn và mới mẻ, luôn luôn là thanh tịnh, luôn luôn là không dính mắc, lọc một phen vậy là xong, chúng ta đâu cần phải thêm gì. Ngồi đây để mà thiền định năm này qua tới năm kia, để mình đạt được định gì đó mình mới lọc được phiền não vô minh thì thiệt là cực.

Chúng ta cố gắng lọc sạch phiền não ngay tại đây không trước không sau. Ngay một âm thanh nếu chúng ta không vướng mắc là xong chuyện. Tu vậy rất nhẹ và rất dễ cho chính mình. Chúng ta dụng công như thế nào đó để ngay tiền trần, ngay hiện tướng, ngay thực tại này chúng ta phải nhận biết chúng ta đang hiện hữu thanh tịnh, chứ không phải chúng ta hiện hữu trong sự ô trược. Rõ ràng ở đây không có ai ô trược cả.

Giống như nước bỏ bùn vô thấy đục, mình làm theo kiểu thế gian lọc bùn cho trong, nhưng thực sự nước từ ngàn xưa đã vốn trong, tất cả các pháp từ ngàn xưa đã vốn thanh tịnh, bất sanh bất diệt. Không ai ngồi đây bị ô nhiễm, không ai ở đây bị vướng mắc, bị trói cột, mình lầm nghĩ là mình bị trói cột chứ thực sự không ai trói cột được mình. Mình lầm nghĩ là mình bị phiền não vô minh, thực sự là cái thấy của mình luôn sáng suốt nhiệm mầu, cho nên muốn phá vô minh phiền não thì chúng ta phải thấy cho đúng sự thật thì vô minh phiền não tự nhiên mất, không phải trải qua công phu Thiền định.

Đến với đạo giác ngộ giải thoát có hai con đường. Nếu chúng ta đi theo con đường Thiền định nhập định lọc tâm mình thì cũng được, không sai nhưng rất cực. Còn chúng ta đi theo con đường huệ phá vỡ vô minh, như Đức Phật là người giác ngộ nên mới giải thoát, dù đi bằng con đường gì cũng phải giác ngộ. Nên chúng ta ca tụng Đức Phật không nói từ giải thoát mà là giác ngộ. Giác ngộ là thấy biết đúng như thật. Dù chúng ta công phu như thế nào đó hàng tỷ kiếp đi nữa mà chúng ta không thấy ra sự thật, thì người đó chưa được gọi là giác ngộ. Giác ngộ là thấy được sự thật của mọi vấn đề và khi

thấy được sự thật của mọi vấn đề thì người đó được giải thoát, không trải qua công phu thiền định.

Đến đạo Phật chúng ta nhìn lại những lối lý luận phải làm như thế này để chứng cái gì, làm như thế kia để chứng cái gì thì chúng ta phải xét lại hết vì đó là những nhân sanh tử. Rõ ràng Đức Phật dạy chọn nhân sanh tử sẽ gặt hái quả sanh tử, chọn nhân vô sanh thì chúng ta sẽ gặt hái quả vô sanh, chọn nhân thanh tịnh để được mình thanh tịnh là mình đã thấy tất cả các pháp vốn thanh tịnh.

Tự Tánh của mình xưa nay thanh tịnh không từng bị nhiễm ô, bằng cái không nhiễm ô mà thấy, bằng cái không nhiễm ô mà nghe, bằng cái không nhiễm ô mà nói, thì nguyên cuộc đời còn lại là thanh tịnh, không nhiễm ô. Bắt đầu chúng ta khởi nhân bằng không nhiễm ô thì rất đơn giản. Mà muốn nhiễm cũng không được, tại mình gượng cho mình nhiễm, rồi công phu loại cái này trừ cái kia đó là ảo tưởng, chứ mình thực tế chưa từng dính. Hay nói khác hơn là mình dính không được.

Các pháp xưa nay không có Pháp nào dính với pháp nào cả, không có pháp nào làm nhiễm Pháp nào. Lấy đất bỏ trong nước thì đất đó không làm nhiễm được nước, nước vẫn trong, ví dụ đó của Đức Phật rất hay. Đức Phật khẳng định tất cả các pháp ở trần gian chưa từng nhiễm, vô minh chưa từng che lấp được cái gì. Trong cái ảo tưởng mình có vô minh chứ thật sự không có cái gì là vô minh. Chúng ta chỉ thấy ảo, thấy sai sự thật do chúng ta bị un đúc một số kiến thức nào đó.

Người từ xưa tới giờ chưa có kiến thức Phật Pháp nghe cái này có khi họ ngộ. Mình học Phật Pháp nhiều quá, như Đức Phật cũng phải tu ba đại a tăng kỳ kiếp, phải gạn lọc phiền não vô minh, còn mình là chúng sanh có gia đình, đang làm

ăn buôn bán, mình còn buồn thương giận ghét, nói mình thanh tịnh không được, nói coi chừng bị đọa chết, mình không dám nhận. Nhưng nhận hay không nhận thì mình cũng vốn là thanh tịnh rồi, chỉ có điều quý vị có dám chấp nhận mình thanh tịnh ngay tại đây không, không phải đợi quý vị phải làm thêm cái gì. Làm thêm là thừa, có chút công phu là thừa, đừng công phu là vừa đủ.

Chúng ta đã đủ lâu lắm rồi nên đừng thêm, đừng bớt. Không có cái gì để bớt, thêm vô cũng không có chỗ. Một lần chúng ta phải thấy đúng tới sự thật này thì coi như đời tu chúng ta xong. Nếu chúng ta không thấy đúng với sự thật này thì dù có làm gì đi nữa cũng thành thừa. Có sử dụng công phu này, luyện tập kiểu kia để chứng đắc kiểu nọ, thì tất cả những manh mún vụn vặt đó để thành nhân thành quả với nhau chơi cho vui thôi.

Đức Phật nói muốn thành tựu viên mãn Phật quả thì chọn nhân vô sanh ngay tại đây. Muốn tu thì khởi bằng nhân vô sanh tu. Khởi bằng nhân vô sanh trên lục căn của mình, ngay cái thấy này không lấy không bỏ, ngay cái nghe này không lấy không bỏ, cái thấy này không khác cái nghe. Chúng ta làm sao dung hội được cái thấy và nghe, cái ngửi và cái nếm là một ngay tại đây thì coi như chúng ta xong.

Làm sao cái thấy nghe hay biết của mình nơi tiền trần, nơi lục căn là không có khoảng cách, không có cách ngăn, không phải là hai. Cái nghe và cái âm thanh chúng ta không thể tách ra làm hai được. Lúc nào chúng ta thấy hai là thấy sai, gọi là kiếp trược. Thấy có cách ngăn là sai, thì chúng ta đừng tiếp tục sai lầm nữa, chứ không làm thêm cái gì. Đừng tiếp tục

thấy sai, nghe sai, ngửi sai là mình đã tự thanh tịnh rồi, mình vốn thanh tịnh.

Tất cả những người ở đây đã là Phật rồi, không phải là chúng sanh nữa. Nhưng mình không chịu, tu theo Phật mà sợ làm Phật. Làm Phật phải như thế nào, phải thành cái gì. Khi mình không chấp nhận là chúng sanh nữa, thì mình ở vị trí đúng của mình thì tương đồng với pháp giới, hòa quyện với pháp giới. Pháp giới này và cảnh giới chư Phật không khác nhau, thì mình mất đi khái niệm Phật và chúng sanh, mất đi khái niệm cao thấp thì mình đang ở chỗ pháp giới toàn chân đó, mình và chư Phật mười phương không khác.

Nhưng nếu mình còn phân chia, còn thấy mình là chúng sanh, mình còn khác cái này khác cái kia thì sẽ có cấp bậc cao thấp với kiến thức hiện có của chính mình. Thực sự trần gian này không có cao, không có thấp, không có hai; trong tam giới và trong cõi giới mười phương chưa từng có hai, làm sao chúng ta thấy được như vậy để chúng ta khởi nhân bằng cái không hai, thấy bằng không hai, nghe bằng không hai, ngửi bằng không hai; mắt, tai, mũi, lưỡi không hai.

Ngồi tại đây thả lỏng chúng ta quên đi khái niệm mắt thấy, tai nghe; lúc này những cái hiện hữu hình tướng chúng ta đang nhận biết như âm thanh, hình sắc, mùi vị, nóng lạnh, những cái lăng xăng lộn xộn trong tâm chúng ta cũng đang nhận biết. Chỉ có cái biết đang biết hết mấy cái này một lượt không trước, không sau. Cái biết đó không phải là con mắt, cái biết đó không phải là lỗ tai nhưng nó biết được hết tất cả. Làm sao một lần chúng ta biết là lục căn hỗ dụng, chúng ta phá đi cái khăn của sáu căn liền ngay tại đây. Để chúng ta là người biết khắp, không phải là thân tâm này nữa là xong việc.

Rất mong mọi người thoát khỏi ngũ trược trong cái thấy nghe hay biết của mình. Đồng thời chúng ta nhận ra cái chung đồng, cái thấy nghe hay biết của chúng ta không phải là hai. Chính cái đó mới là chỗ bất sanh bất diệt tạo thành nhân tu tập cho chúng ta ngay bây giờ, để ngồi ngay tại đây chúng ta là người vô sanh chứ không phải là người sinh diệt.

Chúng ta đang ở vị trí vô sanh, rỗng lặng, thanh tịnh, không ô nhiễm mà chúng ta đang rõ hết tất cả mọi điều. Cái gì xảy ra trong rỗng lặng thanh tịnh thì nó đều nhuốm bởi cái rỗng lặng thanh tịnh này. Cái biết chúng ta đang thanh tịnh, bao nhiêu âm thanh đến với mình đều thanh tịnh. Phút giây này quý vị đang thanh tịnh thì tí nữa quý vị đang thanh tịnh, những ngày tháng còn lại quý vị đang sống trong chân trời thanh tịnh tuyệt đối, không thêm không bớt. Ngay tại đây chúng ta ở được mảnh đất thanh tịnh, để mãi mãi về sau cuộc đời chúng ta là thanh tịnh, không cần thêm, không cần bớt cái gì.

VĂN KINH

Đoạn 3: Xét rõ cội gốc phiền não

Chi 1. Xét chỗ điên đảo của căn trần

Nghĩa thứ hai, các ông hẳn muốn phát tâm Bồ đề, đối với Bồ Tát thừa sinh tâm đại dõng mãnh, quyết định rời bỏ các tướng hữu vi, thì nên xét rõ cội gốc phiền não, những cái vô minh phát nghiệp và nhuận sinh từ vô thỉ đến nay là ai làm ai chịu?

A Nan, ông tu đạo Bồ đề, nếu không suy xét cội gốc phiền não, thì không thể biết những căn trần giả dối điên

đảo ở chỗ nào, chỗ (điên đảo) còn không biết, làm sao hàng phục để chứng được quả vị Như Lai?

A Nan, ông xem người mở gút trong thế gian, nếu không thấy chỗ thắt gút thì làm sao biết mở gút? Nhưng chẳng nghe hư không bị ông phá vỡ bao giờ. Vì sao? Vì hư không không hình tướng, nên không có thắt và mở.

Như hiện nay, sáu thứ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý làm mai mối cho giặc, cướp hết gia bảo của ông. Do đây từ vô thỉ thế giới chúng sanh, sinh ra ràng buộc, không thể vượt khỏi sự vật thế gian.

Đoạn rồi Đức Phật xác định nếu muốn tu giải thoát thì chúng ta chọn ra hai nhân, một là nhân sanh tử, hai là nhân Niết Bàn, xét rõ nhân Niết Bàn để chúng ta khởi nhân tu tập. Đến đoạn này Đức Phật dạy chúng ta xét rõ cội gốc sanh tử, vì nếu chúng ta không biết chỗ vướng mắc của mình, không biết chỗ trói cột của mình thì mình sẽ không có cách để tháo gỡ. Và có tháo gỡ đi nữa cũng là sự tháo gỡ sai lầm mà thôi. Đức Phật chỉ rõ cội gốc sanh tử của chúng sanh nhiều đời nhiều kiếp, để chúng ta nhận ra rằng mình đang sanh tử này là từ đâu, muốn hết sanh tử này thì từ chỗ trói cột đó mà mình tháo gỡ thì sẽ thoát khỏi sanh tử luân hồi.

Một người tu theo đạo Phật mà không thấu rõ cội gốc sanh tử, thì chúng ta không có cách nào tu chứng đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ví dụ nói mình đang bị trói nhưng không biết ai trói mình và mình bị trói như thế nào, thì mình sẽ không biết chỗ gỡ, nên phải tìm cho ra cái gút trói mình thì chúng ta sẽ có cách tháo gỡ.

VĂN KINH

Chi 2. Phát minh chúng sinh và thế giới bị ràng buộc hay vượt khỏi

Tiết A. Phát minh phương vị thế giới

A Nan, thế nào gọi là chúng sinh và thế giới? Thế là dời đổi, giới là phương hướng. Nay ông nên biết những phương: Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông nam, Tây nam, Đông bắc, Tây bắc, phương trên, phương dưới là giới. Quá khứ, vị lai, hiện tại là thế. Phương vị có mười, số lưu chuyển của thời gian có ba. Tất cả chúng sinh đan dệt cái giả dối mà thành như vậy. Sự dời đổi trong thân, thế và giới gắn bó với nhau.

Nhưng cái tính của giới đó thiết lập tuy có mười phương, song chỗ nhất định có thể chỉ rõ, thì thế gian chỉ nhận phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc; phía trên, phía dưới thì không có vị trí rõ ràng; ở giữa cũng không có chỗ nhất định. Số bốn đã rõ, nhân với số thế, thì ba lần bốn, bốn lần ba xoay vần là số mười hai, nhân luôn ba lớp một chục thành trăm, thành ngàn, thì tổng quát trước sau ở trong sáu căn, mỗi mỗi có thể có đến một ngàn hai trăm công đức (công năng).

Đức Phật bắt đầu nói về chúng sanh và thế giới ràng buộc hay vượt khỏi, thì trước hết Đức Phật nói lại sự ràng buộc của tất cả chúng sanh. Đức Phật ví dụ như hư không thì không có trói buộc và cũng không có tháo gỡ, bởi vì hư không không có hình tướng. Còn thế giới Đức Phật giải thích: ***"Thế là dời đổi, giới là phương hướng. Nay ông nên biết những phương: Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông nam, Tây Nam, Đông bắc, Tây Bắc, phương Trên, phương Dưới là giới. Quá khứ, vị lai, hiện tại là thế".***

Nói tới thế giới là chúng ta liền có cảm nhận đủ mười phương và số lưu chuyển của thời gian thì có ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai. Khi tâm thức con người ta có hình thành khoảng không gian phương hướng và có thời gian là khi đó chúng ta đã lún sâu vào sanh tử, đó là cái gút trói cột tất cả chúng sanh và đó cũng là khởi nhân sanh tử.

Ví dụ, ngồi tại đây chúng ta có thể đặt la bàn định hướng. Đặt hướng trước mặt là hướng Bắc thì hướng sau lưng là hướng Nam. Nếu chúng ta quay mặt về hướng Bắc thì bên phải là hướng Đông, trái là hướng Tây. Ở khoảng giữa hướng Bắc và hướng Đông thì gọi là Đông Bắc, giữa hướng Nam và hướng Đông gọi là Đông Nam, giữa hướng Nam và hướng Tây gọi là Tây Nam, giữa hướng Tây và hướng Bắc gọi là Tây Bắc, rồi hướng trên là Thượng Phương, hướng dưới là Hạ Phương.

Trong sách địa lý mỗi phương chia làm ba, tám mặt nó là hai mươi bốn phương hướng để chúng ta có thể chọn ra cất nhà, nhưng Đức Phật muốn nói tới mười phương thôi. Chúng ta bắt đầu nhìn lại: Khái niệm của chúng ta hướng Đông là hướng mặt trời mọc, hướng Tây là hướng mặt trời lặn, theo định vị thế gian là như vậy. Chúng ta tưởng tượng mở rộng hư không ra thì quả địa cầu như trái banh tròn treo lơ lửng giữa không gian mênh mông, lúc đó chúng ta định vị Đông, Tây, Nam, Bắc của quả địa cầu với khoảng hư không này được không? Không được, nó vượt ngoài khái niệm Đông, Tây, Nam, Bắc của chính mình.

Thực sự mặt trời không mọc lên và lặn xuống. Quả đất quay quanh mặt trời, khi nó ở nửa khuất mặt trời thì tối chúng ta cho là ban đêm, nó quay dần dần tới nửa có mặt trời thì sáng

chúng ta cho là ban ngày. Rồi chúng ta cho rằng mặt trời mọc là hướng Đông, mặt trời lặn là hướng Tây. Mặt trời ít dịch chuyển. Nhưng khi chúng ta ra khỏi hư không mênh mông này thì chúng ta hết định vị được rồi, ở trên cũng như ở dưới, hướng Đông cũng như hướng Tây, hướng Nam cũng như hướng Bắc là không cố định với chính mình và chúng ta sẽ không còn phương hướng nữa. La bàn để thấy từ trường của riêng quả địa cầu thôi chớ không ảnh hưởng gì tới không gian bên ngoài, vì chúng ta vẫn còn ở trong cái vòng khí quyện của quả đất thì từ trường lực nó đi theo cái vòng đó. Từ trường đi thẳng từ Bắc vào Nam nên cái dao động của la bàn khi đặt xuống đều chỉ về hướng Bắc, là chỉ theo chiều trường lực đó theo cái nhỏ nhiệm của quả địa cầu.

Như vậy định hướng trên và hướng dưới, Đông, Tây, Nam, Bắc là khái niệm của những người mà tâm thức còn vướng kẹt trong cõi người của chúng ta. Nhưng Phật, Bồ Tát nhìn là không có hướng, vì cái thấy của các Ngài thoát ra ngoài vòng tâm thức của loài người. Khi nào chúng ta tu tập thực sự thoát thân tâm một lần, chúng ta sẽ nhìn ngắm quả địa cầu treo lơ lửng như trái chanh nhỏ giữa hư không, lúc đó chúng ta liền cảm nhận là mình từ xưa tới giờ quá ngu muội cho thân tâm này tối quan trọng. Khi hết tưởng thì chúng ta mới nhận được cảnh giới này chư Phật, Bồ Tát căn cứ vào điều này nói với chúng ta. Nếu chúng ta còn có khái niệm Đông, Tây, Nam, Bắc là chúng ta còn bị vướng kẹt, là chỗ trói cột của chúng sanh. Nên Đức Phật nói: Khi chúng ta tác ý về thế giới là chúng ta bị vướng kẹt rồi.

Khái niệm nửa khuất mặt trời thì chúng ta cho tối là ban đêm, nửa có mặt trời thì chúng ta cho sáng là ban ngày,

là khái niệm thời gian ở nơi tâm thức có ngày và có đêm. Sau đó họ chia làm mười hai múi giờ có 24 giờ. Một múi tính theo Ngũ Hành thì giờ Dần giờ Mẹo là một múi thuộc về Mộc, giờ Thìn thuộc về Thổ, giờ Tỵ thuộc về Hỏa… Chỗ trói buộc của chúng ta là khi chúng ta thấy có phương hướng, có vị trí, có ta, có người, có mình, có vật, có hướng Đông, Tây, Nam, Bắc là đã hình thành cội gốc của chúng sanh.

Lúc nào mình rớt vào phương hướng? Ví dụ nói: Tôi ở đây tôi nói chuyện với người đằng kia. Có chút khái niệm định vị là chúng ta đã rớt vào tầng chúng sanh trói cột, để mình biết cái gốc mình bị cột là cái gì. Hoặc đang ngồi đây tự dưng trong đầu mình có khái niệm: "Hồi nãy chị đó nói, ngày mai mình sẽ làm, chút nữa mình làm gì" là nơi đầu chúng ta hình thành khái niệm thời gian, đó là chúng ta bị trói cột.

Bước vào sanh tử là mình phải nhận ra điều này. Con người rớt vào thời gian và không gian là chúng ta rớt vào sanh tử. Đó là cội gốc. Muốn phá cội gốc sanh tử thì ngay tại đây chúng ta phải làm sao thoát khỏi thời gian và không gian. Nếu chúng ta công phu mà không thoát khỏi thời gian và không gian ngay tại chỗ này, thì dù tu suốt kiếp mình không biết mình giải thoát đi đâu, tại mình ngay đây đã bị cột. Đã nói bây giờ thì phải có chuyện hồi nãy, có chuyện sắp tới, ở đây thì phải có đằng kia, trong đầu chúng ta chưa bao giờ vượt khái niệm thời gian và không gian. Ngày nào giờ nào chúng ta chưa vượt ra khỏi khái niệm thời gian và không gian thì ngày đó giờ đó chúng ta còn sanh tử.

Tu để chúng ta thoát được thời gian và không gian ngay tại đây. Nếu ngồi ngay tại đây chúng ta không còn khái niệm thời gian và không gian thì coi như chúng ta không bị

lôi cuốn vào sanh tử tiếp nối. Nếu ngồi ngay tại đây chúng ta còn khái niệm thời gian và không gian thì coi như chúng ta tiếp tục đi vào sanh tử, điều đó không thể tránh khỏi. Đức Phật muốn nói điều này để chúng ta thấy rằng mình bị xoay vần trong sanh tử từ đâu?

Chúng ta quên đi khái niệm thời gian và không gian, vì nó là khái niệm của tâm thức từ trước. Người ta đã đặt định như vậy rồi, mình coi mình tuổi gì, thuộc mạng gì, cung gì, hợp hướng gì thì cất nhà chúng ta quay hướng đó mình cảm giác yên, nếu quay hướng khác mình cảm giác ở nhà trật hướng rồi nên bất an. Chúng ta thấy khái niệm thời gian và không gian nó quá thật với chính mình, bây giờ muốn rớt khái niệm này ra khỏi đầu rất khó. Nếu không phá cái này thì sanh tử không phá được, đó mới là khái niệm thời gian và không gian thôi, đủ biết chúng ta đã lún sâu vào sanh tử rồi. Chúng ta phải thấy cái lỗi của mình khi đi vào sanh tử là nơi đầu chúng ta bắt đầu có khái niệm thời gian và không gian. Khi có khái niệm thời gian là có quá khứ đẹp, xấu, đúng, sai, hay, dở; có khái niệm không gian thì hướng này tốt, hướng kia xấu, hướng này hay, hướng kia dở thì chúng ta tiếp tục dính mắc trong sanh tử hoài không thoát ra được.

Nếu nhìn rộng, chúng ta tưởng tượng mình đang đứng giữa hư không này mà không đặt la bàn định vị Đông, Tây, Nam, Bắc nữa; thì tự động mười phương không còn. Vì khoảng hư không này nó mênh mông lắm, nó không có trên, không có dưới, không có phải, không có trái, không có Đông Tây Nam Bắc với chính mình. Chúng ta tưởng tượng mình bước ra ngoài hư không này không định vị thì quên hết khái niệm có không, vì chúng ta có khái niệm chỗ chân chúng ta

đang đứng là ở dưới, cái đầu ở trên, nhưng đứng giữa hư không thì không trên không dưới. Mình cứ nghĩ mình đứng chân dính trên mặt đất, đầu ra ngoài hư không. Không phải địa cầu quay là chúng ta đứng hoài ở đây, đâu có bao giờ mình tưởng tượng mình cắm đầu ngoài hư không đâu.

Sở dĩ chúng ta đứng ở đây, theo khoa học lực Newton, trọng lượng chúng ta bị hấp lực của quả địa cầu hút vào tâm. Nhưng Tiên sinh Ohsawa không nói như vậy, Tiên sinh nói do vũ trụ này ly tâm vô cực, cho nên sức ly tâm nó đẩy mọi vật dang ra. Mình bị sức ly tâm đẩy mình hít vào quả đất, chứ không phải lực hút trái đất mà chúng ta đi vào. Nếu nhìn theo kiểu cạn cợt thì chúng ta bị lực hút của quả địa cầu, nhưng nhìn rộng thì tất cả chúng sanh mọi vật đều bị đẩy rời khỏi tâm điểm của nó, để nó đi theo vòng nào đó. Đây là khái niệm mới của Tiên sinh và chúng ta thấy đúng.

Khi nào quý vị ra biển đứng thật lâu quý vị thấy sóng biển luôn luôn đẩy vào bờ. Tâm điểm để khởi sóng nằm đâu? Nằm giữa biển. Và vật chất đi theo vòng xoắn ốc đối số, cho nên khi luộc trứng chúng ta chẻ ra sẽ thấy từng vòng. Hoặc cưa cây mặt ngang chúng ta cũng thấy nó xoắn thành từng vòng xoắn ốc như thế. Tất cả vật chất bị lực ly tâm của vũ trụ đẩy, nhưng chúng ta không biết tâm nó nằm đâu.

Khi một người nhận rõ được lực ly tâm của vũ trụ rồi, thì họ thoát khỏi khái niệm mình bị sức hút của quả địa cầu. Nhưng nói điều này thì rất nhiều tranh cãi, chúng ta không bàn nhiều, chúng ta chỉ muốn nói khái niệm của Tiên sinh về vạn vật trong vũ trụ này được hình thành theo kiểu gì. Tiên sinh giải thích, mình đứng ở quả địa cầu này không phải mình đứng thẳng đâu, có lúc nghiêng, vì quả địa cầu hình bầu dục

nên có chuyện ngược ngược với cuộc đời này. Nếu chúng ta làm cái kiếng hình bầu dục to thật to, khi chúng ta đứng trước mặt kiếng thấp hơn thì thấy mình cao, nếu nhón cao cao cho tới ngang đỉnh thì đầu mình vẫn còn cao, nhưng mình chồm qua khỏi đỉnh thì bóng mình bắt đầu gục xuống, chồm qua nữa thì đầu mình sẽ bị gục xuống. Ý muốn nói điều gì? Tức là chúng ta muốn leo cao chừng nào chúng ta bị rớt xuống chừng đó.

Đức Phật muốn nói mình nhìn bình thường không có thời gian và không gian, thì mình không vướng vào thế giới và chúng sanh, nhưng một hồi mình có thời gian và không gian thì lúc đó mình bị vướng. Nếu ngồi đây chúng ta không có thời gian và không gian, thì mình cảm giác mình tự do, nhưng bắt đầu mình có khái niệm thời gian và không gian thì lúc đó mình bị ràng buộc.

Nếu mình không nghĩ tới chuyện hồi nãy vì hồi nãy là nó đã qua rồi, nhưng mình nghĩ lại hồi nãy người đó nói nặng mình và phiền não khởi lên. Có khi quá khứ hiện vui chúng ta vui, có khi quá khứ hiện buồn chúng ta buồn, chúng ta thương nhớ. Rồi có hứng khởi về chuyện mình muốn làm, hoạch định chương trình cho tương lai là mình sẽ làm cái gì cái gì, nếu thuận theo ý thì chúng ta vui, không thuận chúng ta buồn. Rõ ràng chúng ta chỉ ảo tưởng có thời gian, chứ quả địa cầu này nó quay vậy thôi nó không có ngày, không có đêm, không có thời gian, nhưng do con người sống bắt đầu định vị chia khoảng cách thời gian để tính, để định đoạt, để phân biệt sinh hoạt đời sống chúng ta trong cõi này, nên chúng ta chấp nhận có thời gian thật và có không gian thật. Nếu như chúng ta muốn thoát khỏi cõi này thì chúng ta phải phá được thời gian

và không gian trong khái niệm tâm thức chấp trước của mình. Chứ thực sự thời gian không có, không gian cũng không có.

Khi nào chúng ta rớt vào tầng chúng sanh thì chuyện này sẽ hiện ra. Khi nào tâm chúng ta hiện ra chuyện này thì biết rằng mình đi sâu vào chúng sanh rồi, mình bị vướng mắc rồi. Đó là điều đầu tiên mà Đức Phật gợi nhắc cội gốc sanh tử của chúng sanh sanh ra từ đâu. Cứ xoay vần như vậy hướng Đông, Tây, Nam, Bắc tạo thành trước, thành sau, thành trong, thành ngoài. Đã có khái niệm thời gian và không gian thì có khoảng cách giữa mình và người, mình và vật, có mình ngồi đây để mình nghe âm thanh kia, mình ngồi đây thấy hình sắc. Vậy người tu tập tốt chúng ta phải tu như thế nào?

Nếu mình ngồi đây nhìn hình sắc thì chuyện đầu tiên là không có thời gian và không có không gian. Ngay cái rõ mọi duyên của mình thứ nhất là không có khoảng cách, thứ hai là không có phương hướng. Mình có thấy giữa mình và lọ hoa không có khoảng cách không? Nếu có cái ranh thì tạo thành khoảng cách, vậy chúng ta tìm được cái ranh giữa mình và lọ hoa không? Tìm được kẽ của hai cái ráp nối được không? Nói mình và cái hoa nó khác, cái áo và cái tay nó khác thì nó sẽ có kẽ hở. Như hai ngón tay dù bóp chặt cỡ nào nó cũng có kẽ hở.

Điều này rất khoa học, chúng ta phải nhìn ra giữa mình và vạn vật không cách ly. Giữa mình và tượng Phật, cái bàn, cái hoa, cái tường, những cái xung quanh mình thấy, mình tìm được khoảng giáp giữa cái thấy và các vật không? Nếu mình tìm không ra khoảng giáp đó thì giữa mình và vạn vật không hề cách ly. Đây là điều rất thật của vấn đề đang hiện hữu ngay tại đây không trước không sau. Ai tìm được khoảng hở của

cái đang thấy và hình sắc? Mình và lọ hoa không phải là hai, mình và vạn hữu đã là không hai thì không gian tự tắt. Nếu còn có khái niệm khoảng cách là chúng ta rớt xuống hai bên để đi vào sinh tử. Đây cũng là cội gốc mà chúng ta phải thấy. Thấy để gút hay thấy để mở ngay trong cái thấy của chính mình mà thôi. Sanh tử hay Niết Bàn ngay tại chỗ này. Thấy nó in tuồng rất đơn giản, nhưng nếu có lần chính bản thân mình nhận ra được giữa mình và vạn hữu này không cách ly, không phải là hai thì chúng ta thoát ly sanh tử liền.

Chuyện thoát ly sanh tử không phải là chuyện khó, cái khó là mình chưa có phá nổi cái khái niệm đã khằn trong tâm thức mình từ trước tới giờ, chứ sự thật đã lộ bày. Do chúng ta huân tập những kiến thức sai lầm của mình về đời sống, về quan hệ giữa mình với mọi người, về quan hệ giữa mình với vạn vật, với vũ trụ này khiến cho chúng ta có cái nhìn khu biệt riêng tư để rồi mình thấy có mình, có người, có đối tượng.

Nếu chúng ta thấy hiểu đúng thì mình không phải là thân tâm nhỏ hẹp này, mình là cái gì đó khắp. Không phải thấy là tập trung ở mắt để mình biết hình sắc mà thôi, nghe là tập trung ở tai để mình biết âm thanh thôi, thực sự cái biết của mình nó không phải ở mắt, không phải ở tai. Chúng ta phải Thiền định ngay tại đây để chúng ta nhận ra sự thật là mình đang hiện hữu với cái bàn, cái hoa, cái nhà với những cái xung quanh không phải là hai, nhận định đúng cái chỗ không hai của mình ngay tại đây, thì quý vị sẽ thấy một lần chúng ta có thể bùng vỡ lạ lùng lắm.

Chúng ta là người trải rộng thật sự để biết mọi duyên mà không cần thân căn ngũ uẩn này. Nếu chúng ta không ra được thì mới đi vào sáu căn, mình thấy có căn thật của mắt để

có thể thấy hình sắc, có căn thật của tai để có thể nghe âm thanh, có căn thật của mũi để biết mùi, có căn thật của lưỡi để biết vị, có căn thật của thân để xúc chạm, có căn thật của ý để phân biệt pháp trần. Nếu chúng ta không dủ sức ngay tại đây phá vỡ cái kết nối của mình và vật bên ngoài, thì liền sanh khái niệm căn trần, là đi sâu tiếp tục sanh tử.

VĂN KINH

Tiết B. Chia riêng công đức (công năng) của sáu căn

B1. Công năng của nhãn căn

A Nan, trong sáu căn đó, ông lại xét định chỗ hơn chỗ kém; như nhãn căn xem thấy phía sau tối, phía trước sáng, phương trước hoàn toàn sáng, phương sau hoàn toàn tối, kể cả ngó qua hai bên phải và trái, thì ba phần chỉ được hai (2/3). Tóm lại, công năng của nhãn căn không đầy đủ, trong ba phần công năng thì một phần không có. Vậy nên biết nhãn căn chỉ có tám trăm công năng.

1. Nhãn căn: Đức Phật ví dụ rất thực tế, nếu thu cái thấy của chúng ta trong thân căn ngũ uẩn thì công năng của nó trọn vẹn là một ngàn hai trăm công đức, riêng phần mắt có tám trăm công đức vì nó chỉ thấy đằng trước và hai bên còn đằng sau hoàn toàn không thấy. Trừ trường hợp chúng ta tu phá hết cái vướng kẹt của thân căn ngũ uẩn thì muốn thấy kiểu gì là thấy, không cần nhìn cũng thấy, không cần xài con mắt vẫn thấy mọi vật rõ hơn con mắt bây giờ.

Nếu chúng ta còn dùng con mắt để thấy mọi hình sắc thì biết rằng đó là cội gốc của sinh tử. Không phải Đức Phật muốn phân định công năng của căn cái nào nó hơn cái nào,

cái nào quý hơn cái nào, chúng ta phải dùng xài cái nào, mà ý Đức Phật muốn chúng ta thấy thế giới và chúng sanh bị ràng buộc hay vượt thoát như thế nào. Đầu tiên Đức Phật nói ý ràng buộc, ngay cái nhìn của chúng ta về mắt để nhận định hình sắc, dù chúng ta nhận định có hai phần ba hay nhìn trọn vẹn đi nữa thì cái nhìn thuộc về mắt vẫn là cội gốc sanh tử chứ không phải giải thoát.

Muốn thoát thì làm sao chúng ta phải nhìn giữa mình và vạn vật cho ra, vì đây là chuyện trước mắt bên tai, chuyện ngay tại đây chứ không phải chuyện giấu kín. Chúng ta tu tập làm sao đến mức độ thực tế là không được hoạt động cái đầu, mà chỉ ngay tại đó chúng ta thấy bằng cái thấy thực của riêng mình mà không có khái niệm thời gian và không gian, không có khái niệm trước sau, không có khái niệm trên dưới, không có khái niệm đúng sai của ai, dù đó là Đức Phật đã nói.

Không đem bất kỳ kiến thức của ai dự vào cái thấy nghe hay biết này của chính mình, lúc đó là chúng ta thấy như thật của vấn đề. Còn thấy bằng kiến thức, thấy bằng hiểu biết thì mình đâu thấy rõ sự vật, nên khi mở mắt nhìn cái hoa mình không biết cái hoa với mình có cái gì quan hệ. Mình nhìn rất vô cảm, chai lỳ, không để ý cái hoa nó nở như thế nào, nó búp thế nào, thấy nó là hoa ly, hoa cúc thế là xong, trong khi nó hết sức sinh động, tươi nhuận, mãnh liệt và tràn đầy nhựa sống. Nó thể hiện trước mặt chúng ta một nguồn sống thu gom hết tinh hoa của vũ trụ vào một chóp lá nhỏ. Mình chưa bao giờ rung cảm nhận ra cái hoa đang hiện hữu đẹp đẽ, mình chỉ khái niệm đẹp xấu trên so sánh. Cái này đẹp hơn cái kia, nó đúng hơn cái kia. Chúng ta không đứng chỗ này thì cũng đứng chỗ nọ, luôn chạy lòng vòng trong khoảng không gian và thời

gian, chưa bao giờ chúng ta đứng thật với hai bàn chân của chính mình trong cái thấy, cái nghe.

Nếu chúng ta thấy có mình có hình sắc là chúng ta đã rớt vào không gian và thời gian tức là chúng ta đã bị sanh tử. Đức Phật bắt đầu phân tích cội gốc sanh tử trên từng căn một. Tuy phân định mắt có tám trăm công đức, nhưng ý chính Đức Phật muốn nói mắt đã thấy sắc là đã đi vào sanh tử. Muốn không lún sâu vào sanh tử thì ngay cái thấy này chúng ta thoát ra, ngay cái thấy hiện hữu mọi hình sắc thì phải mất đi khoảng không gian mình ở đây đang thấy cái đằng kia, giữa mình và hình sắc không có chỗ ráp nối nghĩa là mình và hình sắc không phải hai, cái này không đẹp hơn cái kia, cái kia không đẹp hơn cái nọ. Mình không tiếp tục so sánh trong cái đang thấy, thì cái hiện hữu mọi hình sắc mà không có so sánh, không có khoảng cách không gian và thời gian, không có khoảng cách giữa mình và vạn vật. Như vậy mình và vạn vật là một là sai, mà hai cũng không phải.

Nếu là một, thì mình biết cái gì thì cái hoa biết cái đó, nhưng mình biết mà cái hoa không biết. Cái hoa không biết thì nó không phải là mình, thì nó không thành một. Nhưng nếu mình không có ở cái hoa thì mình không biết đó là cái hoa. Mình ở chỗ này thì mình không biết cái hoa. Sở dĩ mình biết cái hoa ở đây là mình đang ở chỗ cái hoa đó. Mình đang có mặt ở ngay cái hoa. Giữa mình và cái hoa không có cách khoảng.

Như vậy tất cả chỗ chúng ta biết trong không gian vũ trụ này, thì chỗ đó là chỗ mình đang ở. Vì sao? Vì chúng ta đang ở khắp cho nên mọi vật được chúng ta khắp biết. Nếu mình ở đây để rồi mình biết phía bên trái thôi, không biết phía

bên phải, hoặc mình ở khoảng phía Bắc thì phía Nam mình không biết, hoặc mình ở phía trên thì phía dưới mình không biết. Mà mình biết một lượt tròn trịa thì biết mình đang trùm khắp.

Khi đã vào căn mắt thì nó khiến cho phía trước nhận định mà phía sau thấy không được, nên chúng ta biết không tròn. Sự thật là chúng ta đang tròn trịa khắp biết. Chúng ta tưởng tượng, nếu treo bóng đèn tròn ở đây mà không có gì che thì nó sáng khắp nhà, nhưng là đèn pin thì nó chỉ rọi sáng phía trước thôi. Mắt chúng ta cũng giống như đèn pin vậy. Mắt chúng ta bị dính vào thân căn này và cái trách nhiệm nó chỉ thấy phía trước, do công năng nó chỉ rọi phía trước để nó thấy thôi. Đừng nghĩ chúng ta chỉ thấy đằng trước mà phía sau không thấy là mình không có đằng sau. Mà có âm thanh phía sau là mình nghe liền. Người bình thường họ cứ nghĩ mình ở đằng trước để biết đằng trước, đằng sau không có mình nên mình không biết, là sai. Mặc dù công năng của nó không đủ xài tròn trịa ở nơi mắt, nhưng qua lỗ tai là nó tròn.

VĂN KINH

B2. Công năng của nhĩ căn

Như nhĩ căn nghe khắp mười phương không sót, động thì giống như có xa, có gần, tịnh thì không có bờ mé. Vậy nên biết nhĩ căn viên mãn một ngàn hai trăm công năng.

2. Nhĩ căn: Đức Phật ví dụ theo kiểu chúng sinh: Khi có tiếng động chúng ta nghe có xa có gần, có phải có trái, có trước có sau, có trên có dưới, có trong có ngoài, mọi âm thanh ở mười phương chúng ta nghe được hết, còn lúc không có âm

thanh mình tưởng tượng giống như mình rỗng lặng mênh mông không có bờ mé, nhưng thực sự động và tịnh cũng không có bờ mé.

Ví dụ ngồi đây âm thanh trước sau, trên dưới, lớn nhỏ, xa gần chúng ta nghe một lượt. Như vậy âm thanh tới mình để mình nghe, hay mình đi tới âm thanh để nghe? Nếu âm thanh tới mình để mình nghe, thì âm thanh gần sẽ tới trước, âm thanh xa tới sau, nhưng đằng này một lượt xảy ra âm thanh chúng ta nghe một lượt. Nếu âm thanh chạy tới mình để mình nghe, thì mình chỉ nghe cái ù ù ngay tại đây thôi, nhưng mình vẫn nghe và xác định từng vị trí một. Ví dụ hướng này là năm âm thanh, ở gần xảy ra âm thanh, kế ba mét xảy ra âm thanh, kế năm mét xảy ra âm thanh, cái kế mười mét xảy ra âm thanh, cái kế một trăm mét xảy ra âm thanh một lượt chúng ta vẫn nhận định một lượt bao nhiêu vị trí, không sai sót.

Chúng ta nên lắng tai lại coi cái nghe có phải tại đây không? Mình nghe khắp nơi, như vậy mình không phải tại đây, mình không phải chạy tới để nghe âm thanh. Nếu mình đi tới âm thanh đó thì mình nghe chỗ đó vậy chỗ này sẽ không nghe. Nhưng đằng này mình vừa nghe âm thanh bên kia vừa nghe âm thanh bên đây, vừa nghe âm thanh đằng trước, vừa nghe âm thanh đằng sau một lượt. Như vậy mình không phải chạy tới đằng kia để nghe, rồi mình chạy sang bên trái nghe, rồi sang bên phải nghe. Mình không thể nhúc nhích để nghe, mà là bất động để nghe, chớ nếu chạy thì chạy kiểu nào để nghe âm thanh.

Rõ ràng cái nghe chúng ta bất động, nó đang rất định và định này không cần phải công phu gì. Nó đã định từ hồi xưa cho đến bây giờ và mãi mãi về sau nó vẫn định. Cái nghe

nó thường định. Nếu bây giờ mình không phá được khái niệm lỗ tai đang nghe âm thanh ngồi ngay tại đây, thì chúng ta bị vướng mắc sanh tử. Còn nếu chúng ta thoát ra được, chúng ta sẽ nghe bằng cái nghe khắp của chính mình, thì mình sẽ mênh mông rộng khắp pháp giới này.

Đức Phật nói công năng của lỗ tai là nghe hết, nên nhĩ căn viên mãn một ngàn hai trăm công năng. Đức Phật lý luận cho ta thấy rằng cái chỗ vướng mắc của mình là lỗ tai chỉ biết nghe âm thanh thôi, chúng ta không vượt qua được. Khi nào chúng ta có khái niệm rằng lỗ tai đang nghe thì biết rằng chúng ta đang lún sâu trong sanh tử.

VĂN KINH

B3. Công năng của tỷ căn

Như tỷ căn biết ngửi thông cả lúc thở ra thở vào, nhưng thở ra thở vào mà còn thiếu trong lúc hơi thở giao tiếp. Nghiệm xét tỹ căn ba phần thiếu một. Vậy nên biết tỹ căn chỉ có tám trăm công năng.

3. Tỷ căn: Với một người bình thường thì chỉ nhận định hơi thở ra hít vào, nhưng khoảng giao tiếp của chỗ thở ra hết và vận chuyển để chuẩn bị hít vào thì không ai để ý, chỉ trừ chúng ta ở trong Thiền định. Cái vận hành đó trở thành bốn thì, vừa hít vào hết hơi thì nó có cái ngắt và chuyển động hơi thở chuẩn bị thở ra, khi thở ra hết nó có khoảng ngắt để nó chuyển động hơi thở chuẩn bị hít vào. Bình thường mình hít vô thở ra thôi, còn hai khoảng kia tương đương nhưng mình có bao giờ để ý. Đây là sự thật đang xảy ra của thân xác mình, nên Đức Phật nói do chúng sanh không thấy được cái

đoạn ngưng thở ra, ngưng thở vào cho nên tỷ căn có tám trăm công đức.

Ví dụ mùi thơm mùi hôi tới với mình, mình hít vào thì mình mới cảm nhận được, còn lúc mùi đang bay tới mà mình nín thở, thì khoảng ngắt đó mình không nhận được mùi. Sở dĩ lỗ tai có một ngàn hai trăm công đức là vì mình muốn nghe nó cũng nghe, mà mình không muốn nghe nó cũng nghe. Còn ở đây mình không muốn ngửi, mình nín thở tự động nó cắt mùi liền. Như vậy khả năng nó không tròn trịa cho nên nó chỉ có tám trăm công đức.

VĂN KINH

B4. Công năng của thiệt căn

Như thiệt căn hay diễn nói cùng tột các trí thế gian và xuất thế gian. Lời nói có chừng hạn, nhưng lý thì không cùng không tận. Vậy nên biết thiệt căn viên mãn một ngàn hai trăm công năng.

4. Thiệt căn: Đức Phật nói cái lưỡi này không phải dùng để nếm vị, để biết mặn ngọt chua chát nữa, mà Đức Phật nói cái lưỡi của mình nói chuyện trên trời cũng được, nói chuyện dưới đất cũng được, chuyện phải, chuyện trái, chuyện đúng, chuyện sai chúng ta đều nói tròn trịa. Lý thế gian và lý xuất thế gian chúng ta cũng nói cùng tận, không bị ngăn chặn nên nói về công đức thì lưỡi đạt một ngàn hai trăm công đức. Khi phân định công đức rồi mới chọn pháp tu, thì Đức Phật nói công đức từng căn một để chúng ta biết cái gốc sanh tử từ đâu trước, rồi mới phá gút sau

VĂN KINH

B5. Công năng của thân căn

Như thân căn cảm biết xúc trần, nhận biết các cảm xúc nghịch và thuận, khi hợp lại thì hay biết, khi rời ra thì không biết. Rời ra chỉ có một, hợp lại thì có hai, nghiệm xét thân căn ba phần thiếu một. Vậy nên biết thân căn chỉ có tám trăm công năng.

5. Thân căn: Ví dụ có người chạm tới mình, tay họ nóng mình cảm nhận nó nóng, hoặc tay họ lạnh mình cảm nhận nó lạnh. Hoặc tay mình chạm tới cái đèn nghe nóng, chạm cục đá nghe lạnh, chạm cái áo thô cứng mình nghe khó chịu, mà chạm cái mềm mại mình nghe dễ chịu. Tức là khi chạm vào thì chúng ta có sự nhận biết và khi không chạm vào thì chúng ta không biết sự xúc chạm đó nơi thân của mình. Có lúc xúc chạm, có lúc không xúc chạm, cho nên công năng của thân không trọn vẹn, chỉ có tám trăm công đức.

VĂN KINH

B6. Công năng của ý căn

Như ý căn thầm lặng dung nạp tất cả pháp thế gian, xuất thế gian trong mười phương ba đời, dù phàm hay Thánh không pháp nào chẳng bao dung cùng tột bờ mé. Vậy nên biết ý căn viên mãn một ngàn hai trăm công năng.

6. Ý căn: Ý căn không có cái gì nó không biết. Nó biết chuyện quá khứ, hiện tại, vị lai, chuyện thế gian, chuyện đời phù du hay chuyện cao tột của Thánh hiền, tất cả mọi cái nó đều biết rõ ràng, cho nên ý căn có một ngàn hai trăm công đức. Như vậy chỉ có nhĩ căn, thiệt căn và ý căn là tròn trịa một ngàn hai trăm công đức. Còn lại nhãn căn, tỷ căn, thân căn là

tám trăm công đức, có nghĩa sự hoạt động của nó bị khiếm khuyết. Căn nào công năng mạnh thì vướng mắc nhiều hơn.

VĂN KINH

Tiết C. Khiến cho rõ chỗ viên thông và ngăn ngại của sáu căn

A Nan, nay ông muốn ngược dòng sinh tử, xoay về chỗ cùng tột cội gốc lưu chuyển đến chỗ không sinh diệt, thì xét trong sáu căn hiện đương thọ dụng này, cái gì là hợp, cái gì là ly, cái gì là sâu, cái gì là cạn, cái gì là viên thông, cái gì là không viên mãn?

Nếu hay ngay nơi đây ngộ được căn tính viên thông, ngược lại dòng nghiệp giả dối đan dệt từ vô thỉ kia và được theo tính viên thông, thì đối việc tu hành nơi căn không viên thông, hiệu quả gấp bội, một ngày bằng một kiếp.

Nay tôi đã chỉ đủ sáu căn viên minh, vốn có vô lượng công năng như thế, tùy ông xét rõ và lựa chọn căn nào có thể nhập đạo được, thì tôi sẽ phát minh, khiến cho ông tăng tiến trên bước đường tu hành.

Các đức Như Lai trong mười phương đối với mười tám giới, mỗi giới tu hành đều được viên mãn Vô thượng Bồ đề. Trong các giới đó cũng không có gì là hơn là kém. Chỉ vì căn cơ ông còn thấp kém, chưa thể viên mãn trí tuệ tự tại trong ấy được, nên tôi mới tỏ bày khiến cho ông chỉ đi sâu vào một căn, vào một căn không còn vọng tưởng, thì cả sáu căn kia đồng thời thanh tịnh".

Chi 3. Chỉ rõ chỗ hư vọng của sáu căn

Tiết A. Xét sự tích trữ và huân tập trong các căn

A1. Hỏi thế nào là đi sâu vào một căn

Ông A Nan bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn, thế nào là ngược dòng đi sâu vào một cửa (căn) có thể khiến cho sáu căn một lúc đều thanh tịnh?"

A2. Chỉ chỗ đoạn phiền não trong khi tu

Phật bảo ông A Nan: "Nay ông đã chứng được quả Tu Đà Hoàn, đã diệt hết kiến sở đoạn hoặc của ba cõi chúng sinh và thế gian, song còn chưa biết những tập khí hư vọng chứa nhóm trong căn từ vô thỉ. Các tập khí kia phải do tu tập mới đoạn được. Huống chi trong đây sinh trụ dị diệt còn có rất nhiều phân loại số mục.

Tiết B. Chỉ rõ một sáu đều hư vọng

B1. Biện minh không phải một, không phải sáu

Nay ông hãy xem sáu căn hiện tiền là một hay là sáu? A Nan, nếu nói là một thì lỗ tai sao không thấy, con mắt sao không nghe, đầu sao không đi, chân sao không nói. Nếu sáu căn ấy quyết định là sáu, như nay tôi ở trong hội vì các ông tuyên dương pháp môn vi diệu, vậy trong sáu căn ông cái gì là lãnh thọ?"

Ông A Nan thưa: "Con dùng lỗ tai nghe."

Phật bảo: "Lỗ tai ông nếu tự nghe, thì đâu quan hệ gì đến thân và miệng. Tại sao miệng lại hỏi nghĩa lý, thân đứng dậy kính vâng. Thế nên phải biết, không phải một mà trọn là sáu, không sáu mà trọn là một; rốt cuộc các căn của ông vốn không phải là một hay là sáu. A Nan, phải biết căn ấy không phải là một, không phải là sáu.

Sau khi Đức Phật chỉ sáu căn rồi, thì chúng ta bắt đầu chọn lựa căn để tu tập. Phần chỉ rõ chỗ hư vọng của sáu căn tương đối quan trọng. Đức Phật đặt vấn đề với chúng ta: Căn

của mình là một hay là sáu? Đức Phật lý luận để chúng ta thấy: Nếu là một sao lỗ tai không nghe được hình sắc, con mắt không thấy được âm thanh, con mắt sao không đi. Nếu nói là một thì sự đảo lộn này người ngộ Thiền sẽ làm được, con mắt có thể đi dưới đất, nhưng chưa ngộ Thiền thì cái thấy của chúng ta ở nơi sáu căn không thể đảo lộn sáu căn này.

"A Nan, nếu nói là một thì lỗ tai sao không thấy, con mắt sao không nghe, đầu sao không đi, chân sao không nói. Nếu sáu căn ấy quyết định là sáu, như nay tôi ở trong hội vì các ông tuyên dương pháp môn vi diệu, vậy trong sáu căn ông cái gì là lãnh thọ?"

Mỗi căn có chức năng riêng biệt của nó, con mắt dùng để thấy, lỗ tai dùng để nghe, khi hình thành vật chất thì mỗi cái có trật tự, có thứ lớp, có thứ tự rõ ràng, đó là công năng chức năng riêng của từng căn. Mỗi cái nó giữ vị trí riêng biệt của nó. Đức Phật muốn nói tới cái chủ chốt lãnh thọ sáu căn này. Ngài A Nan nói Ngài chỉ dùng lỗ tai để nghe thôi. Nhưng chúng ta dùng lỗ tai nghe thì chỉ nghe lỗ tai thôi chớ sao dùng cái đầu để hiểu, sao dùng cái miệng để hỏi. Nếu dùng cái miệng để hỏi, để nghe qua âm thanh, để hiểu vấn đề thì lỗ tai không thể riêng được rồi. Sở dĩ nó riêng vì con mắt không thể thấy âm thanh, con mắt chỉ thấy hình sắc, cũng như lỗ tai không thể nghe được hình sắc mà nó chỉ nghe được âm thanh, cái chân chỉ biết đi chứ không nói chuyện được, cái miệng mới có thể nói chuyện và cái đầu mới có thể hiểu, chứ bàn Chân không thể hiểu. Như vậy là phân biệt ra sáu cái riêng biệt rồi. Nói như vậy thì mình sẽ vướng vào chỗ sáu căn nó rời nhau riêng.

Đức Phật hỏi ngài A Nan: Tôi nói ông nghe bằng cái gì? Ngài A Nan bạch Phật: Con nghe bằng lỗ tai của con. Đức Phật đặt vấn đề: Nếu ông nghe bằng riêng lỗ tai không dính gì tới các căn kia, thì cái đầu ông làm sao hiểu? Nhưng ngay khi chúng ta nghe là chúng ta hiểu, chúng ta thấy là chúng ta hiểu, chúng ta buồn, chúng ta thương, chúng ta giận là chúng ta hiểu, như vậy cái thấy và thức tâm không phải là hai. Lục căn này nói nó là riêng không thể được, nhưng nói nó là một cũng không thể đúng. Rõ ràng nó có sự liên hệ chặt chẽ, tương giao, hòa quyện, kết nối giữa lục căn với nhau qua một cái gì đó.

Ví dụ điện khi tới micro phát qua loa thành âm thanh, điện đi tới bóng đèn phát ra ánh sáng, đi tới quạt nó quay. Như vậy chúng ta nói cái quạt nó khác nguồn điện với cái đèn, cái đèn khác nguồn điện với cái micro, được không? Mỗi cái nó có chức năng riêng của nó, do chúng ta chấp trước cho nên chúng ta bị dính trong từng chức năng riêng biệt.

Với người bình thường không biết gì hết, bật đèn lên cháy thì họ cho rằng điện chỉ có chức năng làm cho đèn cháy thôi, họ không biết chuyện khác, tại họ chưa từng sử dụng điện để làm nước nóng, hoặc làm cho nước lạnh, làm cho quạt quay, làm cho đèn sáng. Rõ ràng là cái thấy chúng ta nông cạn. Người biết sử dụng điện thì họ sử dụng cho đèn, cho quạt, cho nấu nướng, cho tất cả mọi cái trên thế gian này.

Một người biết Tánh hay không biết Tánh cũng giống như vậy. Khi chúng ta chưa ngộ được Tự Tánh chúng ta rất bế tắc, chúng ta xài Căn này dính căn này, xài căn kia dính căn kia, chứ chúng ta không thể sử dụng trọn vẹn sáu căn một cách linh diệu giữa cuộc đời này và chúng ta dùng xài đặc biệt cho riêng một căn thôi.

Ví dụ đang nói, chúng ta nghe, chúng ta hiểu là chúng ta sử dụng nhiều căn, nhưng mình nghĩ mình đang nghe thôi, đâu biết là chúng ta đang hiểu. Chưa bao giờ chúng ta chấp nhận một lượt là mình đang nghe và hiểu. Có nghĩa chúng ta xài hai căn một lượt, đồng thời lúc đó chúng ta đang thấy là ba căn, đồng thời chúng ta đang thở là bốn căn, thân chúng ta đang nóng lạnh là năm căn. Cái đang hiểu được hay không hiểu được, đang biết hay không biết, đang vui hay đang buồn là sáu căn đang hoạt dụng một lượt. Chưa bao giờ ai xài riêng được một căn.

Ví dụ mình mở hết công tắc đèn, công tắc quạt, công tắc âm thanh một lượt, không ai có thể tách ra được giữa nguồn điện của đèn và của quạt, của micro. Nó đang hiện hữu với công năng của nó nhưng mình vẫn không tách rời ra được, đây là vấn đề. Để thấy lục căn chúng ta từ xưa tới giờ nó chưa hoạt động riêng. Đang thấy nhưng nó vẫn nghe, đang thấy nhưng nó vẫn hiểu, đang thấy vẫn nói chuyện được, đang xảy ra một lượt nhưng mình chưa bao giờ chấp nhận một lượt. Chính chỗ này là chỗ bị vướng của mình.

Mình thấy mình chỉ biết mình thấy thôi. Từ đâu để con mắt có thể thấy được? Từ đâu mà ánh sáng đèn có thể cháy, quạt có thể quay? Từ đâu mà âm thanh có thể phát? Là từ nguồn điện nào, ở đâu đó. Nguồn điện thì rõ ràng là mình không thấy, nhưng chạm tới nó có thể chết người. Vậy là từ nguồn gì đó để cho lục căn thực sự không cách ly nhau. Mỗi căn nó hoạt động một chức năng của nó. Khi nào chúng ta dùng xài riêng một chức năng nào đó, thì biết rằng mình đang tập trung ở chức năng đó, để rồi mình bị vướng trong căn trần đó. Khi chúng ta riêng rẽ thì chúng ta bị vướng, mà khi chúng

ta xài được trọn vẹn lục căn thì chúng ta hoàn toàn không vướng mắc, đây là chỗ kỳ diệu.

Quý vị thử thả lỏng toàn thân, ngay từ giờ phút này chúng ta nhận rất rõ âm thanh đang hiện ra, mắt mở bình thường. Chúng ta yên lặng để nghe đằng trước, đằng sau, trong ngoài, tiếng chim hót, tiếng chuông reo, tiếng động nhỏ, tiếng động lớn, mọi phương hướng chúng ta nghe một lượt, không tập trung nghe tiếng chúng tôi giảng nữa thì quý ị thấy mình bắt đầu được mở lỏng. Cứ để con mắt thấy tiếp tục thì phút này đang nghe và đang thấy một lượt, một lượt hít thở để chúng ta cảm nhận mùi, lưỡi đang biết ngọt biết lạt hoặc nó cảm nhận với cái đang có nơi lưỡi mình; thân đang khó chịu, chân tê mỏi, ngứa nơi đầu; đồng thời mình nghe Thầy nói mình hiểu đoạn này, hoặc câu này khó chịu để nghe tiếp đoạn sau, là cái đầu chúng ta đang hoạt dụng. Ngay phút giây này, thoáng chốc thôi là lục căn hoạt động hỗ dụng, không phải trước, không phải sau. Quý vị thử để mình rớt vào tình trạng này thì mình không dính đâu hết.

Mình buông đừng có tập trung vào căn nào. Đừng nghĩ mình tập trung nghe để mình hiểu. Đây là cảm nhận trực diện của chính mình ngay tại đây với tất cả duyên cảnh. Chúng ta phải thực tế cảm nhận điều này không trước, không sau. Nếu chúng ta thả lỏng lục căn ngay tại đây, mình không còn khái niệm nghe ở tai, không còn khái niệm thấy ở mắt, không còn khái niệm mùi nơi mũi, không còn khái niệm vị ở lưỡi, không còn khái niệm cảm nhận nơi thân, không còn khái niệm hiểu hay không hiểu, thôi dứt những khái niệm đó đi thì chúng ta đang hiện hữu ngay tại đây, đang nhận biết rõ ràng tất cả duyên cảnh đang có nơi lục căn của mình, ngay phút giây này,

ngay hiện tại này. Chúng ta phải chấp nhận được cái thực tại hiện tiền đang hiện hữu này, thì hy vọng chúng ta mới có bước vượt thoát thân căn ngũ uẩn. Còn nếu chúng ta thấy rằng mắt để thấy, tai để nghe là chúng ta rớt vào tầng sinh tử rồi.

"Thế nên phải biết, không phải một mà trọn là sáu, không sáu mà trọn là một; rốt cuộc các căn của ông vốn không phải là một hay là sáu. A Nan, phải biết căn ấy không phải là một, không phải là sáu."

Đức Phật nói căn không phải là riêng, không phải là sáu, nhưng một cũng không phải. Không phải là một thì mình đã nhận ra rồi, không phải là sáu chúng ta nhận ra chưa?

Ví dụ quý vị đang nghe, đang thấy và đang hiểu một lượt. Vấn đề rất đặc biệt là mình rất kỳ diệu. Mình đang nghe mà mắt mình vẫn thấy hoa này đẹp, Đức Phật cũng đẹp, rồi có mùi hôi thoảng qua chúng ta biết, thân nóng chúng ta cũng cảm nhận. Chúng ta phải nhận ra là lúc nào, bất kỳ thời khắc nào trong đời sống này lục căn luôn luôn hoạt động một lượt. Như thế thì không dính bất kỳ cái gì. Đây là cửa ngõ rất rộng cho chúng ta vào Thiền và rất dễ thâm nhập thực tại.

Nếu nhìn hết tất cả những hình sắc một lượt thì chúng ta đâu dính, nhưng mình tập trung phân biệt cái hoa ly này đẹp hơn hoa cúc là chúng ta bắt đầu dính nơi căn trần. Nếu chúng ta không tập trung vào căn thì chúng ta không dính. Chúng ta nên có khái niệm cảm nhận về chuyện này trước, rồi mới đi riêng từng căn sau. Chúng ta có khái niệm về ba căn vừa thấy, vừa nghe, vừa hiểu nhận biết một lượt chưa? Lạ lùng là cái hiểu nó đang hiểu về âm thanh mà nó cũng vẫn nhận biết hình sắc. Thậm chí nó còn phân biệt, tức là nó làm nhiều chuyện ở

đây. Lục căn chúng ta sáu cũng không được, mà một cũng không được, đó là kết luận của Đức Phật.

VĂN KINH

B2. Dùng hư không để thí dụ cái một cũng không thành

Do từ vô thỉ đến nay điên đảo chấp trước, nên đối với tính viên trạm (lặng lẽ trùm khắp) lại sinh ra nghĩa một và sáu. Nay ông đã chứng quả Tu Đà Hoàn, tuy cái chấp sáu đã tiêu, nhưng vẫn chưa quên cái một.

Như bầu hư không chung hợp với các vật, do hình trạng các vật có khác, nên gọi là hư không có khác. Bỏ các vật xem hư không thì nói hư không là một. Bầu hư không kia làm sao vì ông mà thành đồng hay khác, huống chi lại gọi là một chẳng phải một, thì ông rõ biết sáu căn thọ dụng cũng lại như vậy.

Ví dụ chúng ta nhìn cái bàn thì tự động hình cái bàn nó lộ ra với chính mình. Chúng ta liền có khái niệm khoảng cái bàn nó khác với hư không đang rỗng. Nếu không có cái bàn thì khoảng hư không này là một, nhưng khi có cái bàn thì có bàn và có hư không là thành hai trong khái niệm tâm thức của chính mình. Bây giờ có thêm cái hoa là thành ba, có cái đèn thành bốn, có cây nó thành năm, có chậu hoa thành sáu… Nó sẽ thành rất nhiều. Đó là cái hình thành của vật chất chứ không phải do hư không chia thành manh mún, khi vật chất thành hình gì thì chúng ta nhìn trong hư không lộ hình đó ra, chúng ta liền có khái niệm nó khác với hư không. Nếu nó đi khỏi thì hư không trở lại như cũ, vậy đối với chúng ta hư không có thay đổi không?

Vấn đề Đức Phật đặt ra rất tinh tế. Cho nên học Kinh Lăng Nghiêm chúng ta rất thích, lý luận rất chặt chẽ, khi chúng ta nhận ra mọi vấn đề rồi chúng ta sáng lắm. Lý luận hết sức sắc bén khi chúng ta nói chuyện đạo lý. Khi có cái hoa nó làm cho hư không thay đổi hay sao? Tại vì khi mình nhìn là nó không còn là hư không rỗng nữa, mà nó lộ tướng của vật chất ra, nó làm mất hư không ở khoảng đó. Nếu hư không không thay đổi tại sao có cái hình này? Ví dụ của Đức Phật rất thực tế. Khi chúng ta nhận ra được rồi thì Đức Phật sẽ chỉ cho chúng ta chỗ thoát ra.

Đức Phật muốn chỉ chúng ta một điều hư không này không phải là cái thay đổi, mà thay đổi là do cái nhận định hình sắc nó hiện hữu ở khoảng không gian đó, nó lấn át khoảng hư không đó để nó hiện ra hình của nó, nhưng hư không vẫn không bị thay đổi bởi hình sắc. Đó là ý gì mà Đức Phật muốn nói bên sau. Dù cho đầy hình sắc trong không gian này, thì hư không có bị mất, có bị thay đổi tính chất của nó hay không? Dù cho căn trần chúng ta có xáo trộn như thế nào,mắt chúng ta có bị dính cái gì, tai chúng ta có bị dính cái gì, mũi chúng ta có bị dính cái gì thì cái kia có bị mất hay không? Đó là điều Đức Phật muốn đặt ra. Đức Phật muốn gọi ý cái này để muốn nói cái chính là hư không không thay đổi.

Nếu tập trung ở mắt thì mình vướng, tập trung ở đâu thì mình bị vướng ở đó. Nếu mình thấy rõ ràng hư không thật chất của nó không thay đổi là do hình trạng của vật có khác, do cái hiện của các căn có chút khác biệt, do chức năng của các căn có năng lực riêng biệt, chứ không phải do con mắt mà mình thay đổi cái kia, không phải do hiện bình hoa mà thay đổi hư không. Hư không vẫn nguyên là như vậy, nhưng mỗi

mỗi nó đều hiện cái hình tướng riêng biệt của chính nó. Ở trong hư không nó có chức năng đó, do duyên nó hợp mà hình thành sự vật như vậy, chứ nó không phá vỡ được cái chính rỗng lặng của hư không.

Ví dụ nguyên cái nhà dày đặc là khoảng hư không này mất, nếu bỏ cái nhà thì hư không vẫn nguyên vẹn là hư không. Hình sắc có ra không cản trở được tính chất thật của hư không. Chúng ta tạm để cái đó nó hiện hữu giống như mắt chúng ta tạm thấy hình sắc, tai chúng ta tạm nghe âm thanh, đó là những cái rất tạm bợ mong manh, huyễn ảo, không thật. Nếu mình thấy được các hiện tướng nơi lục căn nó là tạm bợ mong manh, huyễn ảo, không thật thì chúng ta không dính mắc nơi lục căn là chúng ta viên thông. Còn nếu mình thấy có hình sắc thật, có âm thanh thật, có mùi vị thật là chúng ta bị vướng vào.

Chúng ta cứ ngỡ hư không bị phá vỡ do hình sắc hiện hữu này. Hư không không bị thay đổi dù cho có hình sắc cỡ nào, cái thường tri của chúng ta không thay đổi bởi hình sắc, cái yên lặng rõ biết của chúng ta không bao giờ bị thay đổi bởi lục căn. Lúc nào chúng ta cũng thanh tịnh rõ biết nơi lục căn. Vì nơi căn tai mình vẫn nghe từng tiếng nhưng đâu có tiếng nào dính lại. Rõ ràng từng tiếng một nếu còn nói tiếp, thì còn nghe tiếp. Cái nghe trước không che chắn cái nghe sau, cái nghe sau cũng không che chắn cái nghe sau nữa. Mỗi cái nghe đều trong lặng, rõ biết, thanh tịnh, nhiệm mầu chúng ta phải nhận ra được điều này.

Người tu Phật mà không nhận ra điều này thì chúng ta không thể tu được cái gì. Đừng dụng công thiền định gì cho dư thừa. Ngay tại đây chúng ta phải nhận ra cái thanh tịnh hằng hữu đang hiện tiền. Mắt chúng ta vẫn thấy một cách rất

rõ ràng tường tận. Quay bên trái chúng ta thấy hình sắc bên trái, quay bên phải chúng ta thấy rõ hình sắc bên phải. Không phải nhìn bên trái nó dính với con mắt, thì nhìn qua bên phải mình thấy không rõ ràng. Nhưng mình nhìn một cái là nó tự động rớt để mình thấy rõ cái bên đây. Nhìn bên đây mình rớt ngay tại chỗ đó để mình thấy rõ cái khác, nhưng mình chưa hề dụng công.

Khi xe chạy thật nhanh lướt lướt trên đường, nhưng mỗi cảnh mỗi mới, mình thấy rõ rõ không lộn, không sót. Xe chạy nhanh cỡ nào mình thấy nhanh chừng đó và mình còn thấy nhanh hơn xe chạy. Chúng ta luôn luôn không dính mắc, chúng ta sẽ cảm nhận cái rơi rụng trên đường đi xe. Nhưng gặp tai nạn là mình khựng lại về nhà mình nhớ. Chuyện đặc biệt mình nhớ còn cảnh thấy bình thường quá nên mình không dính. Cuộc đời chúng ta cũng luôn luôn lướt qua và không vướng mắc như vậy từ xưa tới giờ. Mỗi mỗi bước chân đi của mình, mỗi mỗi hơi thở nhỏ của mình, mỗi mỗi hành động, cử chỉ, lời nói, việc làm, cái thấy nghe hay biết nơi lục căn của chúng ta luôn luôn rơi rụng. Đời sống chúng ta chưa có cái gì dính lại được.

Đức Phật lý luận để chúng ta thấy rằng do mình thấy lầm cho nên mình ảo giác mình dính mắc, chứ ai dính được cái gì. Học Phật là chúng ta học đến sự thật, không phải chúng ta nói trên lý luận để trở thành tư tưởng học, không nói tới nguyên lý định lý nào, mà muốn nói tới sự thật hiện tiền từng phút giây trong đời sống của chúng ta. Khi học Phật là chúng ta quên hết những định lý, định nghĩa để chúng ta trở lại cuộc sống hiện tiền ngay tại đây và bây giờ, không có chỗ để vướng lại.

Đức Phật nói dù mình đi vào sinh tử bao nhiêu ngàn kiếp nữa cũng không dính được, vì sao? Vì chúng ta vốn là người giải thoát từ xưa rồi, tại mình không chịu nhận ra thôi. Ai có thể nắm đứng lại được một âm thanh? Ai có thể gìn giữ được một ý niệm? Nếu ai giữ đứng được một ý niệm thì xem như mình bị dính mắc. Lấy cái gì dính cái gì? Đứng ở đâu để dính cái gì?

Dòng sóng mãnh liệt này đang cuốn chúng ta đi tới nên mỗi phút chúng ta mỗi mới. Chúng ta không mới chúng ta cũng bị mới nữa. Chưa người nào ngồi đây là cũ hết, thì đừng bao giờ đi ngược chiều với dòng sống của mình. Đừng bao giờ phá vỡ cái thực tại mới mẻ, hiện tiền, sống động, mãnh liệt này của chính mình. Đừng làm trái nghịch đó thôi là tự động chúng ta sẽ bình an hạnh phúc, không cần thêm, không cần bớt cái gì.

Thả lỏng cái tài khôn lanh của tâm thức ra, đừng có dùng xài nó tiếp tục, tại nó cản trở rất nhiều chuyện hay đẹp của mình ngay tại đây. Nó là rào chắn, nó cản trở cái thực tại đang sống động nhiệm mầu của chính mình. Chúng ta đang hết sức tuyệt vời, đang hết sức rỗng rang, đang hết sức thanh tịnh tại đây. Là những vị Phật đang thành Phật tại cõi Ta Bà, mà không chịu ở vị trí Phật lại xuống chúng sanh chơi hơi cực vậy thôi, chứ muốn trở về vị trí Phật thì thôi trò chơi chúng sanh liền xong chuyện.

Quý vị đã thành Phật lâu rồi. Đó là lời Đức Phật nói trong Kinh Pháp Hoa: Tất cả chúng sanh đều đã thành Phật. Hồi xưa đọc câu này tôi nhức đầu sáu tháng chưa phá vỡ được. Mình đang nghĩ tới chuyện người ta chửi mình mình còn khó chịu, cái chuyện muốn làm mà mình làm không được, vậy mà

Đức Phật nói mình đã thành Phật lâu lắm rồi. Nhưng sau này khi hiểu được rồi mình lạy Phật ngàn kiếp vẫn chưa xứng đáng. Rõ ràng là tất cả mọi người đã thành Phật rồi. Xin trân trọng kính chào những vị Phật đang hiện hữu, không phải là vị Phật tương lai. Bởi vì chúng ta ai cũng có cái thấy biết Phật, là cái thấy biết giác ngộ giải thoát hiện tiền, thanh tịnh, nhiệm mầu, sáng suốt.

Nếu có Đức Phật ngồi tại đây thì Đức Phật cũng vẫn là người tự tại không vướng mắc, giống như mình đang tự tại không vướng mắc ngay tại đây. Mình không thêm gì hơn, Đức Phật thành Phật cũng không thêm gì hơn. Chính do Đức Phật không thêm không bớt mà Đức Phật thành Phật, còn mình còn quá nhiều thêm bớt cho nên mình làm chúng sanh. Mình thích chơi trò nhỏ nhỏ để mình phân biệt mình thương thương một chút, mình ghét ghét một chút, mình buồn buồn một chút, mình giận giận một chút để mình thành chúng sanh, nếu mình đừng thích trò này là liền thành Phật. Không cần tu thêm, đã là Phật rồi.

Nếu một ngày nào mình còn tu thêm là mình thành một ông Phật thừa. Nếu là ông Phật tròn đầy tròn đủ đừng có làm thêm gì hết thì chúng ta trọn vẹn quả vị của mình. Tu là thừa, tu thêm cái gì cũng thừa. Bỏ ra cũng thừa, mà thêm vào cũng thừa. Chúng ta hiện hữu là Phật.

Không phải chúng ta ngồi đây để xưng tôn, mà thực tế chúng ta đã là con người như vậy rồi, nhưng tại mình không chấp nhận thực tại, mình mới đuổi bắt, mình mới tìm cầu, mới chạy vạy, mới lo lắng đủ điều, cho nên chúng ta mới bị xoay quanh trong vòng này. Làm kiểu này mình chưa thỏa mãn, mình tìm cái khác mình làm. Chính cái không thỏa mãn của

tâm thức làm cho chúng ta mệt nhọc, chứ thực sự chúng ta tròn đủ không thiếu thốn cái gì. Không ai ngồi đây thiếu cái gì, không ai ngồi đây vướng cái gì, không ai ngồi đây mất cái gì. Nhưng buông ra là tôi nghiệp nặng quá, bữa nào tôi kiếm ông thầy giải quyết mới được, không hiểu sao cuộc đời tôi gặp chuyện này chuyện kia hoài. Nhưng nghiệp như thế nào?

Ngài Vô Nghiệp rất tuyệt vời. Có thiền khách đến hỏi Ngài, ông này chắc nghiệp chướng nhiều lắm, khổ lắm mang tới ngài Vô Nghiệp hỏi: Thưa Hòa thượng, thế nào là nghiệp chướng? Ngài nói tỉnh queo: Bổn lai không. Đối với Ngài, nghiệp chướng xưa nay là không. Ông này nghe khó chịu hỏi lại: Thưa Ngài thế nào là bổn lai không? Ngài nói nhẹ nhàng: Nghiệp chướng. Ông này hỏi lại: Thưa Ngài thế nào là nghiệp chướng? Ngài nói: Bổn lai không. Ông này khó chịu quá hỏi lại lần thứ tư: Thưa Ngài thế nào là Bổn lai không? Ngài nói: Nghiệp chướng. Ổng tức quá nói: Thưa Hòa thượng con hỏi nghiêm túc nãy giờ con đâu có giỡn mà Hòa thượng trả lời kiểu đó? Ngài Vô Nghiệp nói: Ta không có giỡn ta rất nghiêm túc. Tại sao Hòa thượng nói vậy? Ta thấy vậy nói vậy. Đối với ta nghiệp chướng xưa nay là không, nhưng cái chỗ không nghiệp chướng đó ngươi cắm cái đầu vô hiểu nên nó thành nghiệp chướng. Cái chỗ bổn lai không mà mình hiểu nên nó thành nghiệp chướng. Bổn lai không là bổn lai không nhưng mình hiểu nên nó thành có thì thành nghiệp chướng chuyện đó rõ ràng.

Mình từ xưa tới giờ vốn thanh tịnh, nhưng mình thấy mình nghiệp nặng, thấy mình vô minh, thấy mình phiền não, đâu bao giờ mình thấy mình thanh tịnh. Nói tôi mới tu theo đạo Phật, mới quy y Tam Bảo mà nói mình thanh tịnh giải

thoát tin nổi không? Trong Kinh nói Đức Phật tu ba đại a tăng kỳ kiếp mơi thành Phật, còn mình chưa tu làm sao thành Phật được. Chúng ta không chấp nhận thực tế và chính mình không chấp nhận thực tại hiện tiền này cho nên mình mới khổ đau.

Đơn giản của người tu là chúng ta thôi dứt đi đừng có chạy loạng xoạng nữa, đừng có tìm cầu thêm cái gì nữa. Chúng ta dừng hết sự tìm cầu, để mình trở lại với chính mình ngay tại đây. Ngồi đây đừng có dư, ngồi là ngồi, ngồi một cách trọn vẹn, không còn một chút thời gian và không gian ngay tại đây là xong chuyện. Tự mình phá vỡ được khái niệm đó là tự mình sẽ thoát ra. Còn nếu không chúng ta bị trói cột hoài.

Đức Phật phân tích cho chúng ta thấy cội gốc sanh tử là gì? Từ đầu chúng ta có khái niệm Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông nam, Đông bắc, Tây Nam, Tây bắc, Thượng phương, Hạ phương là chúng ta có khái niệm mười phương; đồng thời chúng ta rớt vào khái niệm của thời gian và không gian; rồi chúng ta rớt vào khái niệm căn, trần. Khi chúng ta thấy có căn và có trần riêng rẽ thì chúng ta bị vướng lại. Còn thấy căn trần nó không phải là một, cũng không phải là sáu, thấy nó viên thông, viên mãn, thanh tịnh thì chúng ta tự thoát ra. Cái gút là nơi căn, trần.

Chúng tôi mong mỏi quý vị nên hết sức tỉnh táo, nên ngồi lại với chính mình ngay tại đây, ngay phút giây hiện tiền này. Chúng ta vốn là người thanh tịnh và phải cảm nhận được sự thanh tịnh đang hiện hữu ngay tại đây của chính mình. Mình là người không phải của thân này, mình không phải của tâm này, mình và ngoại cảnh không có cách ly. Mình đối với

vũ trụ này, với không gian này được hòa quyện không phải là một, cũng không phải là hai.

Chúng ta chưa từng lìa trái cây này, chúng ta chưa từng lìa cái hoa này, chưa từng lìa cái bàn này. Vạn vật và vũ trụ này đối với chúng ta không có lìa. Hư không này với mình không có cách, không có khoảng ráp. Nếu là hai thì cái chỗ ráp lại sẽ có khe, có mối nối, nhưng chúng ta tìm không ra. Khi chúng ta tìm không ra thì biết rằng mình và vũ trụ này không phải là hai.

Lúc nào, thời khắc nào chúng ta thấy được điều này thì lúc đó, thời khắc đó, chúng ta bùng vỡ, chúng ta sẽ sống ở chỗ thanh tịnh nhiệm mầu của chính mình không thông qua khái niệm hiểu biết, không cần bất kỳ kiến thức nào. Nếu một lần chúng ta chấp nhận đời sống này, rũ sạch tất cả những hiểu biết của kiến thức, thì chúng ta liền hiện hữu với chính thực mình. Nếu mình còn chấp nhận những kiến thức, những khái niệm, những định nghĩa, những cái chúng ta có thể thấy được, có thể hiểu được, có thể học được, có thể biết được đó là rào chắn đối với thực tại.

Mong rằng chúng ta thấy thật ngay nơi thấy, mình và hình sắc không phải là hai. Mình đang hiện hữu nơi hình sắc và hình sắc đang hiện hữu ngay tại đây. Do mình ở khắp nơi cho nên tất cả những cái đang hiện ở trong mình, mình đang rõ biết từ hình sắc cho tới âm thanh, cho tới mùi vị, cho tới sự xúc chạm v.v… Cái rõ biết đó nó luôn rõ biết không bao giờ bị mê mờ, mờ một chút cũng không được đừng nói bị ngăn ngại. Cái rõ biết không ai có thể làm cho nó mờ, không ai có thể tăng thêm cái rõ biết được, và giảm cái rõ biết đó cũng không được nơi lục căn. Nó luôn luôn hiện hữu và cái hiện

hữu đó luôn luôn thanh tịnh, nhiệm mầu, sáng suốt không hề bị thay đổi bởi thời gian và không gian.

Đó là cái Đức Phật muốn nói trong đoạn này, mong chúng ta ngồi đây khéo cảm nhận cái thực tại của chính mình, để đời sống còn lại của chúng ta luôn luôn ở chỗ thực tại mới mẻ. Quý vị vốn đã thực tại rồi nhưng do chúng ta có chút khái niệm thời gian, có chút khái niệm không gian, làm cho mình mất đi. Thôi đừng tiếp tục xài đồ giả nữa để chúng ta hiện hữu không thật, không giả ngay tại đây. Không phải bỏ đồ giả để xài đồ thiệt, mà nó không thật không giả, không có chút khái niệm nào ngay tại đây.

Chúng ta khái niệm cũng là sai, chúng ta có nhận định cũng lệch rồi, bây giờ thôi dứt khái niệm nhận định để ngay tại đây chúng ta hiện hữu rõ ràng, thường tại, thường tri, thanh tịnh, sáng suốt, nhiệm mầu, thì mưa hoa mười phương sẽ rải xuống cúng dường các vị Phật đang ngồi. Mong rằng các vị Phật ngồi đúng vị trí Phật của mình.

Phần trước ngài A Nan hỏi Đức Phật làm thế nào để ngược dòng đi sâu vào một căn, có thể khiến cho sáu căn một lúc đều được thanh tịnh. Được Đức Phật trả lời là khi ngài A Nan chứng được quả Tu Đà Hoàn rồi thì diệt hết kiến sở đoạn hoặc, là cái thấy lầm trong ba cõi của chúng sanh và thế giới. Xong ngài A Nan vẫn chưa biết hư vọng chứa nhóm trong sáu căn từ vô thủy và các tập khí của mình do phải tu tập mới có thể đoạn được.

Trong sáu căn: căn mắt gọi là nhãn căn, căn tai gọi là nhĩ căn, căn mũi gọi là tỷ căn, căn lưỡi gọi là thiệt căn, căn thân gọi là thân căn, căn ý gọi là ý căn. Sáu căn này Đức Phật đặt câu hỏi với ngài A Nan nó là một hay là sáu? Với chúng

ta từ xưa tới giờ chúng ta thấy sáu hay là thấy một? Đức Phật nói nếu ông nói là một thì lấy lỗ tai để có thể thấy hình sắc, nhưng lỗ tai mình làm sao thấy hình sắc được. Nếu là một thì lấy cái đầu đi chớ không phải cái chân đi, nhưng cái chân đi mà cái đầu không đi, như vậy nó không phải là một. Khi lỗ tai mình nghe thì nó không có quan hệ gì tới cái miệng hết, nhưng tại sao mình đem cái miệng hỏi và lúc mình hỏi đó thì lỗ tai mình vẫn nghe, lỗ mũi vẫn thở và thân mình vẫn cử động, như vậy nếu nói là sáu cũng không đúng mà nói là một cũng không đúng. Đó là phần lý luận của Đức Phật.

Đức Phật đã khẳng định là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của chúng ta không phải là sáu. Vì từ đầu ngài A Nan muốn hỏi Đức Phật làm thế nào để đi ngược dòng của các căn, mình phá vỡ một căn tức là phá được sáu căn, mà phá vỡ được sáu căn tức là phá vỡ được sanh tử. Đó là câu hỏi hết sức quan trọng. Nếu chúng ta nghe đoạn này thật kỹ thì chúng ta cũng nắm vững được pháp tu. Trong Thiền sử Trung Hoa có người hỏi Quốc sư Huệ Trung: *"Thế nào là giải thoát?"* Ngài trả lời một câu rất ngắn gọn: *"Căn trần không dính nhau là giải thoát."* Ở đây ngài A Nan cũng thấy được điểm yếu, cái gút mắc của chúng ta nơi căn, trần. Tức là mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý duyên pháp trần nếu chúng ta còn dính mắc thì coi như chúng ta bị trói buộc. Còn ngược lại lục căn tiếp xúc lục trần chúng ta không dính mắc xem như chúng ta được giải thoát.

Ngài A Nan chứng quả Tu Đà Hoàn là hết những kiến chấp sai lầm sanh tử trong tam giới này, diệt hết cái kiến sở đoạn hoặc là thấy được đạo lý, đoạn được hoặc nghiệp sanh tử của mình nhưng mà Ngài muốn dứt trừ cù cặn nghiệp tập,

muốn diệt trừ vi tế ngã chấp, pháp chấp trong tâm, đòi hỏi chúng ta phải tu tập. Vì các căn đã huân tập trong một đời của mình nên nó rất sâu. Đức Phật dẫn giải từ từ để phá cái chấp trước trong căn của mình. Đầu tiên Đức Phật phá cái một và cái sáu. Nơi thân chúng ta nếu nói sáu cũng không được mà nói một cũng không được.

Nếu ông nói sáu căn này là một thì lỗ tai phải thấy được hình sắc, lỗ mũi phải nói chuyện được không cần cái miệng, con mắt có thể nghe được không cần lỗ tai. Vì là một nên nó lưu thông như vậy, nhưng nếu nói một thì lục căn phải thông. Lúc chúng ta còn kẹt trong thân căn thì mỗi căn có sự phân biệt khác nhau, nhưng khi chúng ta phá vỡ được lục căn thì không cần lỗ tai chúng ta vẫn nhận biết được âm thanh, không cần con mắt chúng ta vẫn nhận thấy được hình sắc. Đoạn sau Đức Phật sẽ lý giải. Khi lục căn hỗ dụng rồi chuyện này không xảy ra là không đúng.

Khi người còn trong dòng tâm thức nói là một mình sẽ cãi tới nơi vì mắt tôi thấy khác lỗ tai. Nhưng đến lúc chúng ta tu tập thấy không có sự khác biệt của con mắt và lỗ tai, mà chúng ta có thể nhận định được hình sắc, âm thanh, mùi vị, xúc chạm và nhận định được pháp thì lúc đó chúng ta ra ngoài thân căn. Đức Phật muốn lý luận để phá vỡ sự chấp trước của mình quen thấy có lục căn, nói không có lục căn ai tin cho.

"Do từ vô thỉ đến nay điên đảo chấp trước, nên đối với tính viên trạm (lặng lẽ trùm khắp) lại sinh ra nghĩa một và sáu."

Khi chúng ta thấy có sự sai biệt giữa mắt và tai, tức là chúng ta thấy theo cái điên đảo vọng chấp của mình mà ra. Thực chất nếu chúng ta đứng ở vị trí lặng lẽ trùm khắp không

phải trong thân căn để thấy nghe, thì mọi việc hoàn toàn khác hẳn. Khi công phu tu tập trong Phật đạo đến lúc chín muồi, một lần chúng ta phải ra ngoài thân căn ngũ uẩn để thấy rõ nó, thì lúc đó chúng ta mới biết chân lý là gì. Còn ai chưa một lần thoát ra để nhận định được điều này, thì người đó vẫn còn kẹt trong thân căn ngũ uẩn, có nghĩa sanh tử chưa giải quyết xong. Ngài A Nan đã chứng quả Tu Đà Hoàn tuy cái chấp sáu đã tiêu, tức là Ngài cũng có lần nếm được hương vị ra ngoài cái sáu để thấy, nhưng vẫn chưa quên cái một, thì vẫn chưa xong việc của mình.

Ví dụ chúng ta nhìn trước mắt thấy có hình sắc và có hư không, tự động chúng ta thấy có sự sai khác trong hư không. Nếu như chúng ta bỏ hết tất cả những hình sắc rồi thì hư không mênh mông này có sự sai khác không? Chúng ta thấy hư không hoàn toàn, nhưng nếu thấy có hình sắc thì chúng ta liền nhận định có vật và có hư không. Đức Phật nói nếu bỏ các hình sắc thì hư không này không đồng không khác, huống chi gọi là một và chẳng phải một. Sáu căn chúng ta thọ dụng cũng có sự khác biệt đó.

Khi chúng ta không an trú trong cái viên trạm lặng lẽ trùm khắp, không an trú trong bể tánh thanh tịnh của mình, mà chúng ta rớt xuống tầng tâm thức thì lúc đó chúng ta sẽ thấy có sự sai khác, là có căn có trần là chúng ta rớt xuống tầng sâu sanh tử. Ngày nào mắt chúng ta còn thấy hình sắc khác với lỗ tai nghe âm thanh, thì ngày giờ đó biết rằng chúng ta rớt xuống tầng sâu sanh tử chưa thoát ra.

Một người dù có tài ba cỡ nào, lý luận hay cỡ nào trong Phật đạo nhưng điểm yếu này không giải quyết được là không thông, không có câu nói ngoài lục căn thì chưa phải là

người sáng đạo. Nhưng ngoài lục căn không có nghĩa là chúng ta đi ra quên thân căn này, vẫn ở đó, như kiểu nói của Thiền sư, nói mà không động lưỡi. Khi nào mình nói một câu mà không động lưỡi, thì hy vọng lúc đó mình là người sáng đạo.

Đức Phật muốn nói điều này để cho chúng ta thấy sự thật: Nếu chúng ta không có cái thấy nhìn thoát ra cái sáu và cái một, thì việc tu tập của chúng ta vẫn còn nguyên đó chưa xong. Khi nào vượt ra được lục căn một lần, thì lúc đó mới được gọi là ngộ đạo. Đây là cái chuẩn của một người được xác định là ngộ hay chưa ngộ, nếu không chúng ta vẫn còn mù mờ lắm. Mình tu lâu nay cũng ngon lắm rồi, có khi mình ngồi thiền nhập định ba tháng, bảy tháng, ba năm, mười năm, một trăm năm đi nữa mà không thoát ra câu nói này thì vẫn chưa phải là người sáng đạo. Chúng ta có thể nương theo chỗ căn bản này của Đức Phật, và được quyền đặt câu hỏi với người được gọi là sáng đạo.

VĂN KINH

B3. Xét về nhân tướng của nhãn căn

Do hai thứ tối sáng hiển bày lẫn nhau, nơi tính diệu viên làm dính tính yên lặng mà phát sinh ra cái thấy. Cái thấy ánh hiện ra thành sắc, kết sắc lại thành căn, gốc căn gọi là tứ đại thanh tịnh; nhân đó gọi hình thể của con mắt như trái bồ đào; bốn trần của phù căn dong ruổi chạy theo sắc.

Đức Phật ví dụ căn đầu tiên là mắt để Đức Phật nói lên sự vướng mắc của mình. Bây giờ nếu ban ngày có ánh sáng mặt trời để chúng ta thấy được mọi vật, hoặc là ban đêm có đèn để chúng ta thấy được mọi vật, hoặc hai mắt chúng ta

còn nguyên bình thường chúng ta mới thấy được mọi vật, là do cái tối và cái sáng nó lẫn lộn hiển bày lẫn nhau tạo ra tính diệu viên làm dính tính yên lặng mà phát sinh ra cái thấy. Tức là cái thấy ban đầu tính diệu viên của mình nó vốn là thanh tịnh rồi, nhưng nó lại dính với con mắt cho nên mới sanh ra cái thấy.

Ví dụ ở hư không có điện sẵn, nếu không có điện sẵn thì nhà máy có làm kiểu nào nó cũng không hình thành điện được. Khoa học nghiên cứu và chế biến nhà máy từ hư không mênh mông tạo thành nguồn điện thì nó sẽ theo ý của mình. Từ điện cao thế, họ hạ thành trung thế, giống như từ Tính diệu viên kia nó mới sanh ra duyên trần để chúng ta thọ thân làm người. Và từ điện trung thế mới câu vô nhà mình, mở đèn đèn cháy, chúng ta chỉ biết ngang chỗ đèn cháy thôi chứ chúng ta không biết ở bên sau cái đèn cháy nó là cái gì. Điện không là ánh sáng nhưng nó làm cho đèn sáng, thì đây là vấn đề.

Thân căn chúng ta được liên kết với Diệu minh chân tâm, nếu mình có cái Diệu minh chân tâm rồi mà không có con mắt thì cũng không sáng được. Giống như bây giờ có điện câu hết nhà này rồi mà không có bóng đèn thì không thành ánh sáng. Diệu minh chân tâm liên kết với con mắt mình tạo thành cái được gọi là thấy, cái thấy đó nó thấy được tất cả những hình sắc. Đức Phật nói cái thấy ánh hiện ra thành sắc kết lại thành căn. Do cái thấy từ Diệu minh chân tâm kết hợp với thân mình, lúc đó chúng ta thấy thì nó liền có hình sắc. Thấy liền có hư không. Những cái đối diện trước mắt chúng ta do sự kết nối của Tính diệu viên làm tính dính và kết nối được sự yên lặng đó tạo thành căn mắt của mình, là cái thấy. Cái thấy đó hiện ra nó thấy hình sắc và thành nhãn căn chúng

ta. Gốc căn này nếu nó không có khởi niệm thì nó trở thành tứ đại thanh tịnh. Nhân đó hình thể con mắt chúng ta Đức Phật nói nó giống trái bồ đào.

Do cái phù trần, là cái căn thô phù bên ngoài mà chúng ta rong ruổi chạy theo hình sắc, chạy theo cái đẹp, chạy theo cái xấu, chạy theo cái không phải đẹp và không phải xấu. Cái phù trần bên ngoài, cái ảnh hiện bên ngoài làm thành xấu, thành tốt, thành không tốt mà chúng ta cứ rong ruỗi, không dừng được. Từ cái gốc Diệu minh thanh tịnh, nhiệm mầu, sáng suốt, trùm khắp pháp giới và do nghiệp tập để chúng ta có thân, khi có thân rồi thì nó kết dính với mắt chúng ta mới tạo ra cái thấy. Cái thấy là cái được sinh sửa sau này.

Như bây giờ mình mua một cái đèn, mua một cái chén, mua một cái ly thì mình cho là cái đèn nó đẹp, cái chén nó đẹp, cái ly nó đẹp, cái áo nó đẹp và chúng ta chỉ biết nó đẹp thôi, giống như mình thấy hình sắc đẹp thôi. Nhưng cái đẹp của cái áo là do thợ may, do người dệt vải, rồi do nuôi tằm. Chúng ta nhìn ngược lại cái gốc tạo ra được vật mà chúng ta xài. Nhưng chúng ta nhìn hình sắc chúng ta không thấy được cái gốc là cái gì tạo ra cái thấy. Đức Phật lý luận cho chúng ta thấy rằng từ cái nguồn gốc nào mà mình mới có cái thấy ở mắt. Đức Phật chỉ chỗ sinh ra cái thấy, cái chỗ sinh ra cái nghe, rồi Đức Phật phá hết cái thấy nghe này để chúng ta thấy căn trần còn có cái gì bên sau nó, chứ không đơn giản mắt chúng ta thấy sắc, tai chúng ta nghe tiếng nữa.

VĂN KINH

B4. Xét về nhân tướng của nhĩ căn

Do hai tướng động tịnh đối chọi lẫn nhau, nơi tính diệu viên làm dính tính yên lặng mà phát ra cái nghe. Cái nghe ánh hiện ra thành tiếng, rồi cuốn cái tiếng lại làm thành căn, gốc của căn gọi là tứ đại thanh tịnh; nhân đó gọi hình thể của lỗ tai như lá sen non; bốn trần của phù căn dong ruổi chạy theo tiếng.

Lúc không có âm thanh chúng ta xem như tịnh, có âm thanh thì xem như động, tạo thành sự khác biệt với nhau, nó đối chọi với nhau ở nơi tính diệu viên dính sự yên lặng phát ra cái nghe. Từ nơi tính diệu viên kết hợp với cái dính mắc ở nơi thân căn của mình tạo ra tính nghe. Tính nghe đó nó ánh hiện ra bên ngoài để nó nhận biết tiếng, và tiếng đó lôi cuốn làm thành thân căn là căn nhĩ của mình. Như vậy cái gốc đó là tứ đại thanh tịnh không phải ô trược, tạo thành hình thể lỗ tai giống như lá sen non cuốn cuốn như vậy, nó chạy theo cái chấp trước của chúng ta mà có cái nghe riêng khác ở nơi thân căn mình, rồi mình chạy theo âm thanh là phù trần ở bên ngoài.

VĂN KINH

B5. Xét về nhân tướng của tỷ căn

Do hai tướng thông bít phát hiện lẫn nhau, nơi tính diệu viên làm dính tính yên lặng mà phát ra cái ngửi. Tính ngửi ánh hiện ra thành hương, thu nạp các hương thành căn, gốc của căn gọi là bốn đại thanh tịnh; nhân đó gọi hình thể của lỗ mũi, như hai móng tay duỗi xuống; bốn trần của phù căn dong ruổi chạy theo hương.

Đức Phật nói nơi tính diệu viên kia nó dính với sự yên lặng của cái lỗ mũi tạo thành cái ngửi, tự động chúng ta sẽ

nhận biết được mùi thơm, mùi hôi. Và khi chúng ta nhận biết được, chúng ta chấp trước cho nên nó thu nạp tất cả các hương đó thành căn. Nhận biết mùi là tỷ căn chúng ta hoạt động.

Nhưng gốc của tỷ căn, Đức Phật nói cũng là tứ đại thanh tịnh, nó giống như hai móng tay cắm xuống. Và chúng ta luôn rong ruổi theo mùi nhận định nó là mùi thơm, mùi hôi, mùi tanh, mùi nồng. Cái nhận định tạo ra mùi đó cũng xuất phát từ nơi tính diệu viên kia. Tính diệu viên kia nếu nó không dính với thân chúng ta, như chúng ta bị nghẹt mũi thì chắc chắn là mình không nhận ra được mùi vì mũi bị bít. Do lỗ mũi thông, mình mới nhận ra mùi, thông qua cái tính diệu viên thanh tịnh kết dính với cái thanh tịnh của mình. Còn khi nó đã cuốn thành căn rồi thì chúng ta bị vướng mắc ở trong đó không ra được.

VĂN KINH

B6. Xét về nhân tướng của thiệt căn

Do vị lạt và có vị, hai thứ xen lẫn nhau, nơi tính diệu viên làm dính tính yên lặng mà phát sinh cái nếm vị. Cái biết nếm vị ánh ra thành vị, kết vị thành căn, gốc của căn gọi là tứ đại thanh tịnh; nhân đó gọi hình thể của cái lưỡi như mặt trăng lưỡi liềm; bốn trần của phù căn dong ruổi chạy theo vị.

Đức Phật nói cái lưỡi chúng ta bình thường nó lạt, sở dĩ chúng ta nhận biết được cái chua, ngọt, mặn, đắng là do cái lưỡi của mình mà có vị sai khác. Nếu như suốt đời chúng ta đưa vô miệng một vị thôi, thì chúng ta không thấy sự sai khác này. Nếu lạt như nước, nhưng nước khi đưa vào lưỡi cũng nhận được vị của nó. Cái lưỡi vốn không có vị, đối với cái có

vị như chua, ngọt, mặn, đắng; do hai cái vị lạt và có vị nó xen lẫn nhau ở nơi Tính diệu viên làm tính dính yên lặng mà sanh ra cái nếm vị.

Khi nếm chúng ta nhận định là ngon, là dở, là chua, là bùi là do cái đó nó ánh ra tạo thành vị, đồng thời nó cuốn với nhau tạo thành căn gọi là thiệt căn. Lưỡi mình về hình thể Đức Phật diễn tả giống như trăng lưỡi liềm. Do có cái lưỡi rồi cho nên chúng ta buộc phải rong ruổi theo vị ngọt, chua, mặn, đắng, cay để làm chúng ta bị điên đảo.

VĂN KINH

B7. Xét về nhân tướng của thân căn

Do hai tướng ly và hợp cọ xát lẫn nhau, nơi tính diệu viên làm dính tính yên lặng phát ra cái biết xúc. Cái biết xúc đó ánh ra thành xúc, nắm cái xúc thành căn, gốc của căn gọi là tứ đại thanh tịnh; nhân đó gọi thể của thân như dáng trống cơm; bốn trần của phù căn dong ruổi chạy theo xúc.

Khi chúng ta ngồi chạm ghế, lưng dựa vào thành ghế là chúng ta đang hợp, nếu chúng ta rời cái ghế ra là chúng ta đang ly, hoặc khi chúng ta chạm tới vật gì là hợp, nhưng rời sự xúc chạm của thân gọi là ly. Chúng ta nắm tay một người, dựa vào cây cột, dựa vào cái ghế, hoặc chân chúng ta chạm mặt đất là đang hợp. Nếu mình không có hợp gì hết, thực sự chúng ta cũng không có làm được điều đó vì mình không thể ở giữa hư không, chân chúng ta dù không có đụng tới ai nhưng vẫn đứng trên mặt đất, mình ngồi là lưng đụng vô ghế hoặc mông đụng vô ghế, không có lúc nào mà chúng ta không hợp

với một duyên bên ngoài, cho nên có cái ly và cái hợp đó thì chúng ta có sự nhận biết về cái xúc chạm của mình.

Ví dụ chúng ta đang đứng không dựa vào đâu, nhưng nóng quá chúng ta nhận được cái xúc chạm với không khí nóng hoặc khí lạnh là chúng ta hợp. Thân căn chúng ta thực sự nó không lìa bên ngoài, lúc nào nó cũng hòa hợp với tất cả mọi điều mọi thứ. Cái xúc chạm đó nó dựa vào cái tính diệu viên kia, rồi nó kết dính để tạo thành cái xúc nơi thân chúng ta, lúc đó nơi thân chúng ta biết có sự xúc chạm, thì sự xúc chạm đó nó ánh ra cái nhận biết của chính bản thân mình. Hoặc mình ngồi mồ hôi chảy ra mình nghe cảm giác nóng nực, đó cũng là xúc chạm khó chịu nơi thân. Hoặc là đang nóng nực có gió thổi qua mình nghe mát, đó cũng là sự xúc chạm. Tất cả những gì liên quan chạm tới thân chúng ta gọi là xúc, là sự chung đụng.

Thân mình Đức Phật nói nó cũng là Tứ Đại thanh tịnh nó giống như cái trống cơm. Khi chúng ta thấy mình có thân rồi, thì chúng ta rong ruổi theo cái trơn nhám, nóng lạnh, dễ chịu, khó chịu theo cái phù trần bên ngoài tạo thành cái xúc của thân mình.

VĂN KINH

B8. Xét về nhân tướng của ý căn

Do hai thứ sinh diệt tiếp nối lẫn nhau, nơi tính diệu viên làm dính tính yên lặng phát ra cái biết, cái biết ánh ra thành các pháp, tóm thu các pháp thành căn, gốc của căn gọi là tứ đại thanh tịnh; nhân đó gọi ý nghĩ như cái thấy ở trong nhà tối; bốn trần của phù căn dong ruổi chạy theo pháp.

Nếu người chưa học sâu về thiền, người bình thường chưa hiểu Phật Pháp, mình nghĩ thì chỉ thấy có cái một là mình nghĩ thôi. Ví dụ ngồi đây mình có thể nhớ lại hôm qua mình đi ngoài đường gặp cái nhà đó đẹp quá, thì những hình sắc bắt đầu gợi ra chúng ta tưởng tượng mình thấy được cái nhà của mình, lúc đó mình cho là mình nghĩ. Rồi mình nhớ mình chạy qua cây cầu đó đẹp, gặp người đó nói câu gì hay thì tất cả những cái hiện ra nơi đầu chúng ta, trong Duy Thức Học gọi là tịnh sắc căn. Tịnh sắc căn không phải là cái thô phù hiện ra bên ngoài nữa, có nơi khác gọi là lạc tạ ảnh tử. Tức là chuyện nó qua rồi mình không để ý, nhưng tự nhiên về nhà nằm không một mình là hình ảnh đó gợi nhớ lại.

Những cái hiện lại trong đầu chúng ta giống như máy chụp hình, về mình không cần mở máy lên mà nó hiện, nhưng mình thì không cần mở máy mà nó hiện liên tục. Những gì mình thấy, mình nghe từ sáng sớm cho tới chiều tối là nó đã dính hết. Không có cái gì qua mắt qua tai mà mất cả. Khi chúng ta thấy một cái hoa, trong A lại da thức chúng ta liền phát khởi, được Mạt na thức nó lấy ra so sánh liền, hoa này hồi xưa ông kia nói là hoa ly. Khẳng định tên tuổi rồi nó lại tiếp tục đưa ngược lại chủng tử này vào tàng thức, để khởi thành hiện hạnh ngay tại đó.

Ví dụ người đó hồi xưa gặp mình đã có nói chuyện với nhau rồi, bây giờ vừa gặp mặt người đó là mình nhớ tên Nguyễn Thị Ổi hay Nguyễn Văn Mít liền. Mình nhớ liền hồi đó gặp nhau ở đâu, hai người uống nước gì, nói chuyện gì, ngay lúc gợi lại đó gọi là hiện hạnh và hiện hạnh đó tiếp tục huân thành chủng tử mới. Như vậy chúng ta mở mắt thấy là có một chủng tử, nghe một âm thanh là có một chủng tử, nếm

một mùi vị hay xúc chạm đều có một chủng tử. Khi lục căn chúng ta chưa giải thoát, thì tiếp xúc lục trần dù muốn dù không vẫn huân thành chủng tử nghiệp thức. Đây là chỗ dễ sợ nhất của việc tu tập.

Đức Phật nói do cái sinh và cái diệt nó đang hiện khởi trong tâm của mình, nó dính với tánh Viên Trạm đó mới phát ra sự yên lặng, ánh ra cái biết. Có người thấy hết bên ngoài không khởi niệm, thậm chí chúng ta đang biết nơi tâm mình không có niệm, như vậy chúng ta biết đạo lý chưa? Đây là vấn đề. Ví dụ, mình tu tập lâu nay đạt tới mức độ định rồi thì ngồi một tiếng, hai tiếng, ba tiếng, một ngày, hai ngày, năm ngày, một tuần, một tháng, một năm mà không hề khởi ý niệm nào thì chỗ đó là chỗ diệt mất của ý niệm thôi.

Đức Phật nói do cái sinh và cái diệt tiếp nối lẫn nhau mà dính với cái Tính Diệu Viên, dính với sự yên lặng mới phát ra cái biết. Thì cái đang biết khởi niệm và đang biết không niệm (không niệm là chúng ta đang định) yên lặng hoàn toàn nhiều năm như vậy, chỗ đó có phải là chỗ đạo lý chưa? Nếu học Kinh Kim Cang thì chỗ đó là một chúng sanh không hình sắc hiện ra chớ chưa phải là định. Một chúng sanh mới sanh ra do công phu tu hành của mình, do mình ép nó để nó đừng có khởi, để còn nguyên cái không đó mới chỉ là chúng sanh không hình sắc trong chín loài chúng sanh mà Đức Phật nói.

Người nào mê định thì người đó không đủ căn cơ ngộ Thiền tông. Ngồi Thiền ai cũng muốn định đó cả, tu mà khởi niệm hoài cũng không đúng, cũng không phải muốn cho được định. Người tu Thiền đạt tới đỉnh cao là ra ngoài cái định và cái loạn, để chúng ta nhận được cái thường tại định mà không

dính dấp gì đến động và tịnh, không dính ở hai đầu sinh và diệt tiếp nối như bây giờ.

Có ai ngồi đây nhắm mắt lại lắng tâm thấy trong đầu mình hoàn toàn không có ý niệm nào không? Không có, như vậy là chúng ta chưa phá được. Nếu chúng ta tu tập tốt nhắm mắt lại thấy rất nhiều ý niệm xảy ra nơi tâm, liên tục nó sinh rồi diệt, sinh ra diệt đi, sinh ra diệt đi v.v… Điều này không bao giờ dứt được, chỉ trừ những người chứng Thánh muốn khởi thì khởi, muốn diệt thì diệt. Như chúng ta ngồi tại đây khó ai giữ được sự thanh tịnh. Nếu giữ được sự thanh tịnh cũng là khoảng diệt đi của tâm thức, cũng là chúng sanh không hình sắc. Vì cái sinh và cái diệt tiếp nối này khiến chúng ta sinh ra cái biết.

Khi chúng ta ngồi để chúng ta biết vọng, thì vẫn còn người đang ngồi và vọng niệm đang được chúng ta biết. Nếu chúng ta biết vọng một cách đơn thuần để chúng ta theo hoặc không theo, thực sự vẫn còn rất xa, chỉ là bề ngoài của tâm thức. Chúng ta phải có cái gì nữa ngay chỗ biết vọng này thì chúng ta phá vỡ được vọng. Vì Vọng là đầu mối của sanh tử, cho nên phá được một vọng tức là chúng ta phá được sanh tử. Pháp tu biết vọng cũng cận kề việc giải quyết sanh tử, nhưng chúng ta có biết tới hay là không tới, đúng hay là sai để chúng ta ra mà thôi.

"Do hai thứ sinh diệt tiếp nối lẫn nhau, nơi tính diệu viên làm dính tính yên lặng phát ra cái biết, cái biết ánh ra thành các pháp, tóm thu các pháp thành căn, gốc của căn gọi là tứ đại thanh tịnh."

Đức Phật nói: Khi Tính diệu viên kia kết dính thân chúng ta với thức (ý căn của mình) tạo thành cái biết. Nếu

chúng ta không khéo thì khi dụng công sẽ bị lúng túng ra không được, vì ý căn không phải là cái khởi niệm mà là cái biết khởi niệm. Thành ra có một cái biết nào mới gọi là biết thật, biết nào gọi là biết giả. Đây là công án.

Chúng ta tu lâu nay, bây giờ ngồi lại thấy mình khởi niệm hoặc là không khởi niệm, mình định hoặc là không định thì mình cũng vẫn đang biết. Từng phút từng giây, chúng ta đang rõ biết từng vọng niệm một không lầm lẫn, chỗ đó gọi là chánh niệm chưa? Rất nhiều người định nghĩa chánh niệm tỉnh giác sai lầm lệch đi ý chỉ chánh niệm thực sự của Đức Phật dạy. Đi đứng nằm ngồi, luôn luôn thấy cái động khởi thân tâm, nhất cử nhất động đều rõ biết cho là mình chánh niệm tỉnh giác thì chưa phải. Tỉnh thì có nhưng giác thì chưa, chưa đạt được chánh niệm đâu.

Người đạt được chánh niệm là không bao giờ cái thấy đó thay đổi được một lần trong đời của họ nữa. Kể từ lúc họ nhận được cái đó rồi thì cả đời cái đó luôn tỏa sáng, không có gì có thể khuấy nhiễu nó được thì mới gọi là chánh. Chánh thì không bao giờ bị đánh đổ. Ví dụ mình dụng công kỹ, tu kỹ thì một tiếng đồng hồ mình rõ biết vọng niệm, nhưng lúc xả thiền khởi niệm mình không biết là lúc đó mình không chánh niệm tỉnh giác. Do công phu như thế thì không gọi là chánh niệm tỉnh giác. Cái chánh thì không ai có thể phá vỡ được. Khi chúng ta nhận được cái biết đó rồi thì muôn đời nó hiện hữu như thế, lúc đó mới gọi là chánh niệm tỉnh giác.

Cho nên tất cả những câu định nghĩa chánh niệm tỉnh giác từ trước tới giờ chúng ta cần phải xét lại. Đó chỉ là sự nhận định của ý căn chúng ta mà thôi. Ý căn luôn luôn thanh tịnh là điều đặc biệt. Và ý căn luôn luôn rõ biết từ nơi căn ý

của mình. Thành ra mình buồn ý căn nó cũng biết, mình giận ý căn cũng biết, mình nhớ ai ý căn cũng biết, mình thương ai ý căn cũng biết, mình suy nghĩ cũng được ý căn biết chứ không phải Tánh biết. Ý căn khi dính với Diệu minh rồi là quyện với ý nó tạo thành cái biết, cái biết này luôn luôn có mặt nơi thân và tâm của mình. Chúng ta đi sâu vào công phu thì chỗ này phải minh định cho ra chứ nếu không mình lầm vì cái thấy mình rất thanh tịnh, mình có cái biết hằng hữu, lúc nào mình cũng biết. Đương nhiên có thân là sẽ có cái biết đó. Đây là công án.

Cái biết hiện đang có nơi thân chúng ta có phải là Tánh chưa? Chỗ này không lý giải. Khi nào chúng ta nhận ra được cái biết một cách rõ ràng nơi thân này nó đúng như thật của nó, thì lúc đó chúng ta mới được gọi là ngộ đạo. Còn không chúng ta ra không được. Chúng ta phải có một câu thoát ngoài ý căn này. Nếu chúng ta không có ngôn ngữ thoát ngoài ý căn, thì không cách nào chúng ta tới được đạo lý đúng như Đức Phật chỉ dạy.

Nơi thân chúng ta rõ ràng, nơi tâm chúng ta rõ ràng. Mình nghĩ, là nhớ chuyện quá khứ, tức là những hình bóng, những ý niệm vừa qua nó thuộc về ký ức, thuộc về tâm thức, thuộc về kiến thức, những suy nghĩ đó hoàn toàn không phải là ta. Mình là người đang biết suy nghĩ đó. Nhưng mình ở tầng này, là nơi thân căn này, mình đang biết vọng niệm của chính mình, chỗ đó chưa được gọi là Tánh. Quý vị thấy đây là điểm yếu của người tu tập. Nếu tu Thiền muốn Ngộ Tánh thực sự phải lấy chỗ này làm gút để chúng ta phá, còn nếu không chúng ta không ra khỏi thân căn ngũ uẩn đâu.

Bây giờ cho cái biết yên lặng để rõ biết tất cả những khởi niệm nơi đầu của mình là Tánh, thì xin thưa chúng ta bị lầm. Nhận định lầm này mà chúng ta không thể tu Thiền tông được. Chúng ta có thể ép mình không khởi vọng niệm, thì tâm chúng ta lộ ra một chúng sanh không hình sắc như trong Kinh Kim Cang nói, là chưa tới đâu. Bây giờ nhận cái đang biết của mình là Tánh thì cũng là ý căn mà thôi. Kinh Lăng Nghiêm chỗ này chúng tôi thấy rất đặc biệt. Người tu chúng ta nên lưu tâm, nếu chúng ta không lưu tâm chỗ này thì mình nhận cái thường biết của thân là Tánh thì chưa phải, cho nên chúng ta không bao giờ ngộ đạo. Những người đã từng nhận ra mình có cái biết, mà mình vẫn còn nguyên đó chưa ra được thì không phải.

VĂN KINH

Chi 4. Chỉ các căn hư vọng không thật thể để phát minh chân tính viên thoát

Tiết A. Phát minh cái dính vọng không thật thể

A Nan, sáu căn như vậy do Tánh Giác minh kia minh lại (soi lại) cái minh giác, mất tính sáng suốt làm dính khằn với cái vọng mà phát ra hay biết. Vậy nên nay ông rời tối rời sáng không có cái thể thấy; rời động rời tịnh không có cái nghe; không thông, không bít, cái ngửi không sinh; không vị không lạt, cái nếm không phát ra; không ly, không hợp, biết xúc vốn không; không diệt, không sinh cái rõ biết không chỗ gá.

Đức Phật tóm lại cái phân biệt trước. Do có cái sáng cái tối thì sanh ra cái thấy, do cái động cái tịnh sinh ra cái nghe, do cái thông cái bít sanh ra cái ngửi, do cái lạt và vị sanh

ra cái nếm, do cái hợp và ly sanh ra cái xúc và do cái sinh cái diệt sinh ra ý căn. Bây giờ lìa hết những cái đó chúng ta gá chỗ nào? Đức Phật nói không nhân mắt để mà thấy, không nhân tai để mà nghe, không nhân mũi để mà ngửi, không nhân lưỡi để nếm, không nhân thân để xúc chạm, không nhân ý căn để biết được sắc trần thì mình gá chỗ nào? Có chỗ gá không? Nếu không có chỗ gá thì mình biết không? Đây là vấn đề.

Đức Phật lý luận những chỗ phải nói thật sự ách yếu chúng ta phải tinh tế nhận ra. Có nghĩa con người thật chúng ta không nương nơi sáu căn mà biết. Cho nên ngày nào chúng ta còn biết nơi sáu căn là ngày đó chúng ta còn xài thân căn ngũ uẩn. Một câu nói tuyệt vời!

Đức Phật nói nếu ông lìa hết đi hình sắc do mắt thấy, lìa hết âm thanh do tai nghe, lìa hết mùi do mũi ngửi, lìa hết vị do lưỡi nếm, lìa hết xúc chạm do thân … Không còn chỗ nương gá nữa thì cái biết chúng ta có biết được sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp không? Nếu chúng ta không biết là trở thành cây gỗ rồi. Chúng ta học thiền đi tới chiều sâu này đòi hỏi trí tuệ phải thật sự sắc sảo chúng ta mới nhận ra. Khi chúng ta đã phân biệt rõ ràng điều này rồi thì công phu tu tập chúng ta rất nhẹ nhàng. Nếu không chúng ta trở lại con đường mù mịt như xưa. Giống như nguyên con sông lớn đầy rác, chúng ta chỉ lấy tay khoát rác, nó hiện một khoảng trống rỗng mặt nước rồi nó sẽ lấp lại. Công phu mình từ trước tới giờ chuyên làm kiểu đó. Như dùng tay khoát bèo cho trống rồi bèo lại lấp đầy lại. Chúng ta luôn luôn bị đóng kín từng lúc như vậy.

Cho nên việc tu tập trong đạo Phật không phải đơn giản. Vì vậy những người ở bên ngoài nhìn đánh giá đạo Phật sâu cạn là không đủ sức đâu. Không ai đủ sức đánh giá một vị

đang tu cả, nếu chúng ta nhận định việc tu, nhất là nhận định đạo Phật còn cao còn thấp theo kiểu tâm phàm tục của mình, coi chừng là chúng ta bị tổn phước lành. Đối với người họ đã tu có chiều sâu, thì thế gian này rất khó đánh giá về năng lực chiều sâu tâm linh và chỗ đạt đến của họ. Khó thật là khó. Chúng ta bây giờ bằng tâm mù mịt mình đánh giá người khác là không đánh giá nổi đâu, chúng ta không đủ sức. Cho nên tốt nhất là chúng ta đừng nhận định người đang tu, ai muốn hỏi người đó cao thấp ra sao mình thưa không biết để giữ cái phước của mình, chứ nhiều khi mình đánh giá một vị Thầy, hay một Sư cô, hay một người đang tu, theo cái nhìn phàm phu của mình thì phước duyên của chúng ta đối với người đó sẽ mất liền.

Ví dụ mình đang học đạo với người đó, những mình nghe cái gì về người đó mà mình đánh giá, trong lòng mình không còn nhìn Phật Pháp trong người đó nữa, mình không quý chuộng Phật Pháp đó nữa thì đầu tiên mình sẽ mất duyên lành với người đó, chưa nói phước khác. Nếu người đó thực sự có đạo, thì mình không còn duyên để học đạo tiếp và đời mình coi như tắt đường đối với dòng Pháp đó. Nếu như đó là dòng Chánh Pháp rồi thì thật là uổng cho cuộc đời của mình.

Càng đi sâu vô công phu chừng nào chúng ta thấy việc tu tập phải nói là gút mắc chừng đó, đòi hỏi người hành giả phải có đủ trí tuệ Phật đạo thực sự mới có thể giúp được mình thoát ly sanh tử. Với năng lực tu tập phấn đấu cả đời, với tất cả nhiệt huyết và căn cơ, nếu căn cơ của mình không đủ, trình độ mình không đủ, công phu mình không đủ thì chúng ta không thừa đương Kinh điển Đại thừa. Mà đối với Kinh Lăng Nghiêm cũng như một số Kinh điển Đại thừa khác, chúng ta

đọc qua không hiểu, tức là mình chưa hiểu được mình. Vì tất cả những bản Kinh Đức Phật đều lý giải cho chúng ta thấy đến mức độ tận cùng, để chúng ta thấy rõ được mình. Nếu chúng ta không có ngày nào, giờ nào, phút giây nào mình thấy được mình thì mình rất khó thấu hiểu nghĩa lý sâu mầu trong Phật đạo. Đây là điều chúng tôi gọi là căn cơ. Với những người nghiên cứu Phật Học theo kiểu kiến thức, có thể học thuộc Tam Tạng Thánh Điển nhưng chưa có một ngày ngồi lại để nhận biết mình như thế nào, thì người đó vẫn không thể hiểu được Kinh điển Đại thừa như thế này.

Bây giờ ngay tại đây chúng ta tập lìa hình sắc. Tức là thấy không phải mình cố tình phớt lờ, không phải cố tình ngăn ý niệm xảy ra trong lúc chúng ta đang thấy. Chúng ta thả lỏng toàn thân tâm. Theo lời Đức Phật dạy, bước đầu chúng ta rời khỏi cái tối và cái sáng, nếu còn tối chúng ta nhận định có cái tối, còn sáng chúng ta nhận định có cái sáng. Còn nhận định hình sắc là chúng ta chưa rời cái tối và cái sáng. Nhãn căn chúng ta còn nương gá hình sắc để chúng ta thấy tối và sáng. Muốn công phu chỗ này chúng ta công phu làm sao?

Làm sao căn không nương gá nơi trần, mắt thấy hình sắc mà không nương gá. Đây là chỗ rất thực trong công phu. Tai chúng ta đang nghe âm thanh, ra ngoài chỗ nương gá thì chúng ta còn nghe âm thanh không? Tai không nương âm thanh thì có chỗ nào để mình nghe? Và nghe làm sao? Đây cũng là công án kế tiếp. Nếu mình lấy hoa gòn nhét lỗ tai lại để mình không nghe âm thanh, là mình vẫn còn nương gá cái hoa gòn. Mình còn một chỗ nương có nghĩa mình chưa ra được thân căn này.

Đức Phật thách thức chúng ta có dám bước ra ngoài thân căn này để nhận biết tất cả những duyên trần hay không. Tất cả mọi cái chúng ta nhận biết một lượt thì đó là chỗ chúng ta thoát ra. Chúng ta mới thấy rõ ràng những suy nghĩ buồn, thương, giận, ghét trong cuộc đời này của mình là cái gì? Là căn nương gá với trần, là mắt nương sắc, là tai nương tiếng, mũi nương mùi, lưỡi nương vị, thân nương xúc chạm, ý nương những pháp trần sanh diệt liên tục nơi tâm mình. Ngày nào chúng ta còn ngồi đây với những cái nương gá đó, thì ngày đó biết sanh tử chưa xong. Một lần giữa trời không này, mình mất đi cái nương gá hoàn toàn, tuyệt đối không còn nương ai dù đó là Đức Phật chúng ta cũng không nương. Nếu hành giả còn có chỗ nương tựa nào đó nơi thân, căn, nơi những bậc giác ngộ thì biết hành giả đó vẫn còn ở trong thân căn ngũ uẩn chưa ra được.

Chúng ta trở lại công phu, bắt đầu mình ngồi thiền, ngay đây mình nhắm mắt lắng tai mình nghe một cách rất rõ ràng từng âm thanh một. Âm thanh thứ nhất, rồi có khoảng rỗng, có âm thanh thứ hai, có khoảng rỗng, có âm thanh thứ ba, có khoảng rỗng, có âm thanh thứ tư… Mình nghe như vậy một cách rõ ràng nhưng không phải là người nương âm thanh nữa. Muốn cho không có người nương âm thanh chúng ta phải làm cái gì? Chúng ta nhìn lại cái người đang rõ biết âm thanh này, đang rõ biết cái động và không động, chúng ta tập rời sự chú ý để rõ biết. Tức là không phải sự chú tâm, không phải sự tập trung, thả lỏng hoàn toàn mà không có cái động nào mà chúng ta không nhận rõ.

Khéo một chút chúng ta thả lỏng để cái nhận biết này không phải là lỗ tai. Thử chúng ta không quan tâm tới lỗ tai

nữa nhưng tiếng động trước sau, trong ngoài, trên dưới chúng ta đều rõ biết. Cố gắng thả lỏng, không trụ lỗ tai, mình không còn đặt vấn đề lỗ tai nghe âm thanh nữa, thả lỏng luôn, đừng có khái niệm mình ở đây để nghe âm thanh nữa, mất hết thả lỏng hết những cái này. Không còn khái niệm mình nghe và âm thanh bị mình nghe, không còn âm thanh đằng đó vang dội lại mình thả lỏng, hoàn toàn không còn nương gá nơi lỗ tai mà mình vẫn nhận cái động và cái tịnh đó.

Nếu chúng ta muốn hòa nhập vào chỗ này thực sự thì chúng ta phải trở lại cái gốc của nó, trở lại cái quấn để trở thành lục căn. Đức Phật nói từ Diệu Trạm Viên Minh đó nó quấn sự yên lặng rồi nó mới sanh ra cái biết nghe. Cái biết nghe nó quấn với âm thanh tạo thành nhĩ căn.

Bây giờ tháo gỡ từ lỗ tai ra, chúng ta đi ngược lại từ lỗ tai. Không phải là sự chú ý để nghe ở đây nữa. Tháo cái nghe và âm thanh đang bị mình nghe, thả lỏng nó luôn. Lúc đó chúng ta rớt vào khỏang không nương gá nơi âm thanh, có một thoáng chơi vơi không phải nghe bằng căn, thì chúng ta liền nhận được một điều không phải cái nghe ở đây, không phải cái nghe của thân, không phải cái nghe của tâm nữa, lúc đó là cái nghe không nương gá xảy ra.

Đặt là cái nghe thôi, chứ nó không phải là nghe. Dùng từ nghe có khi mình vướng vào tâm thức cũ là vẫn còn lỗ tai. Lúc đó chỉ là cái rõ mọi cái động và tịnh đang hiện hữu ngay tại đây. Trong lúc chúng ta đang rõ cái động và tịnh thì chúng ta cũng đang rõ biết một lượt những hình sắc tối và sáng này. Lúc đó chúng ta cũng đang một lượt rõ được mùi vị và sự xúc chạm, đang một lượt rõ cái sinh diệt đang xảy ra nơi tâm

chúng ta, mà không phải nương gá nơi thân căn này. Khéo thì chỗ này chúng ta sẽ ra chuyện.

Rõ ràng Đức Phật đã chỉ chỗ tu cho chúng ta rồi. Chúng ta phải hết sức trầm tĩnh thì mình mới đi sâu vào công phu này được. Còn nếu không là chúng ta sẽ bỏ qua công phu này, bỏ qua những phút chốc hiện tiền không nương gá chính mình, thì rất uổng. Lúc nào chúng ta cũng làm được, lúc nào chúng ta cũng thả lỏng sáu căn để mình hoàn toàn không còn nương gá nơi lục căn nữa, không cần chú ý nơi mắt để thấy, không cần chú ý lỗ tai để nghe, không cần chú ý mũi để ngửi mùi mà tất cả mọi cái hiện hữu như thật. Không làm được chỗ này thì chúng ta rất khó đi sâu vào Thiền định. Nếu như một phen chúng ta không rời cái nương gá, thì biết rằng mình còn ở trong thân căn và sinh tử vẫn còn tiếp nối với mình.

VĂN KINH

Tiết B. Chỉ bày để phát minh chân tính viên thoát

Ông chỉ không theo động tịnh, hợp ly, có vị không vị, thông bít, sinh diệt, tối sáng, mười hai tướng hữu vi đó, tùy nhổ một căn, thoát khỏi cái dính vọng phục vào bên trong, hàng phục để trở về tính bản chân, phát ra tính sáng suốt sẵn có. Tính sáng suốt đó được phát minh thì năm chỗ dính khác cũng liền đó được giải thoát.

Không do tiền trần mà khởi ra cái thấy biết, thì cái sáng suốt không theo căn, chỉ gá với căn mà cái sáng suốt phát ra, do đó sáu căn có thể dùng thay lẫn nhau.

Đức Phật nói không theo động tịnh là không theo tiếng, không có hợp ly là không theo thân, không có vị là không theo lưỡi, không theo thông bít là không theo mũi,

không có sinh diệt là không theo ý căn. Căn trần tiếp xúc với nhau mình không theo. Đồng thời chúng ta thoát ly được cái vọng bên trong, tức là những ý niệm, những vọng động tiềm phục trong tâm chúng ta và chúng ta trở ngược về bản tính sáng suốt sẵn có của chính mình. Tánh đó được phát minh thì năm chỗ kia tự động tắt mất. Tháo gỡ bất kỳ căn nào khi mình trở lại.

Hoạt động mạnh nhất là nhĩ căn, chúng ta không theo nó để tháo gỡ dính mắc này. Đức Phật dạy chúng ta không do tiền trần mà có cái thấy biết, thì cái sáng suốt sẽ không theo căn và cái sáng suốt phát ra do sáu căn đó có thể dùng hỗ tương lẫn nhau. Trong đại chúng có ai nói được một câu từ trước tới giờ mình chưa từng thấy, chưa từng nghe, chưa từng ngửi, chưa từng nếm, chưa từng xúc chạm, chưa từng học hiểu không? Như vậy thì mới gọi là không do tiền trần mà mình có cái hay biết. Tức là không do lục căn mà chúng ta có một câu nói, thì người đó thoát ly sanh tử.

Đọc trong lịch sử Thiền tông Trung Hoa, có những mẫu đối đáp với nhau: "*Ông đừng dùng cái lưỡi nói cho tôi nghe một câu đi.*" Ai có khả năng nói một câu mà không dùng lưỡi? Tức là lìa tiền trần mà có được âm thanh, lìa tiền trần mà có cái thấy biết. Đây là chỗ hết sức quan trọng. Đức Phật dồn chúng ta tới cửa. Chỗ này chút xíu là chúng ta vỡ ra. Làm sao gõ trúng ổ khóa này là ra chuyện. Cái gút của mình là ngay căn và trần.

Bây giờ, mắt không nương vào hình sắc mà chúng ta thấy, lỗ tai không nương âm thanh mà chúng ta nghe, tức là lìa tiền trần mà chúng ta có cái thấy biết. Vấn đề trọng yếu là

ở chỗ này. Thành ra một người tu tập nếu chưa một phen mà cái thấy biết lìa tiền trần, thì rõ ràng người đó chưa tới đâu.

Nhiều khi học Thiền có nhiều cái vui lắm. Nếu chúng ta thực sự ở trong Pháp, tu tuyệt đối về Thiền tông thì chúng ta sẽ thấy các cuộc đối thoại chư Tổ nghe như nói nghịch nghịch mình không hiểu. Không hiểu thực sự là tốt, chứ hiểu chắc vỡ cái đầu mình ra. Thiền sư nói ngoài kiến thức, ngoài tiền trần thì lấy gì mình hiểu. Từ xưa tới giờ trong tiền trần mình mới hiểu được. Tâm mình quen nương theo cái này, quen nương theo cái kia, chúng ta mới hiểu, thì gọi là chúng ta có kiến thức, có học thức, có trình độ, có bằng cấp, tất cả những cái đó đều là tiền trần, đều là sinh diệt, đều là sinh tử, chẳng có giá trị gì. Bằng cấp cỡ nào đi nữa cũng còn sinh tử, cũng còn mù mịt, cũng kẹt trong thân căn ngũ uẩn chưa ra được vì chúng ta nương tiền trần để hiểu biết.

Bây giờ muốn ra khỏi tiền trần là điều thách thức lớn cho cuộc đời của mình. Mình sống trong cuộc đời này cũng vất vả, gian truân, bương chải để nuôi thân và cuối cùng mình mù mịt ra đi, giá trị đời người chừng đó sao? Nếu chúng ta ngồi nghiệm lại, mình sống mấy chục năm làm được cái gì cho bản thân mình? Khai mở được cái gì cho trí huệ mình? Mình làm cái gì để thoát đi cái lầm mê sanh tử luân hồi? Mình làm cái gì cho căn đừng dính với trần? Đây là vấn đề.

Làm sao đi, đứng, nằm, ngồi, căn trần hoàn toàn trơn tuột, khi đó mới gọi là người tự tại sống giữa cuộc đời này. Bây giờ một chút là dính, thấy là dính, nghe là dính, ngửi là dính, như mủ mít đụng đâu dính đó thì không phải. Cả cuộc đời chúng ta khổ sở, thấy nghe hay biết gần như chúng ta không ra được. Người ta nói thuận lỗ tai một chút thì mình có

tình cảm, nói nghịch một chút là nghe khó chịu. Chúng ta luôn bị hai đầu thuận và nghịch quấn. Thấy tốt thì dễ chịu, thấy xấu thì khó chịu. Ai nói mình lời ngọt mình nhớ hoài, ai nói sốc cũng nhớ hoài, quên đi mười năm, hai mươi năm gặp lại là mình nhớ lại liền. Nhớ câu hôm đó ông nói làm mình mất danh dự, lúc đó mình cô thân cô thế không làm gì được, bây giờ mình có quyền có khả năng thì bắt đầu mọi chuyện ân oán cũ xảy ra từ đó. Nếu chúng ta không nương tiền trần một lần cho cuộc đời của mình, thì chúng ta sẽ thoát ra ngoài sanh tử này.

Nguyên đoạn này Đức Phật chỉ chỗ hết sức chuyên môn của người chuyên tu. Nếu chúng ta không thực sự chuyên tu thì chúng ta sẽ khó thông cảm được với những điều này. Đòi hỏi tất cả những người tu theo Đạo Phật chúng ta phải có thời gian, để chúng ta phải nhìn ngắm hiểu thấu được mình. Khi chúng ta hiểu thấu được mình rồi thì chúng ta mới có thể phá vỡ được, nếu không chúng ta không thể ra.

VĂN KINH

Tiết C. Dẫn chứng các căn được viên thoát

A Nan, ông há chẳng biết, hiện nay ở trong hội này ông A Na Luật Đà, không con mắt mà vẫn thấy, rồng Bạt Nan Đà không lỗ tai mà vẫn nghe, thần nữ Căng Già không lỗ mũi mà vẫn ngửi được mùi hương, ông Kiều Phạm Bát Đề cái lưỡi khác với lưỡi người mà vẫn nếm được vị, thần Thuần Nhã Đa, không thân mà vẫn biết xúc, do hào quang của Như Lai ánh ra mà tạm hiện có thân, chứ bản chất của ông là gió, nguyên không có thân; các vị Thanh Văn được tịch diệt trong diệt tận định như ông Ma

Ha Ca Diếp trong hội này đã diệt ý căn lâu rồi mà vẫn rõ biết cùng khắp không nhân nơi tâm niệm.

Đoạn này Đức Phật dẫn chứng những người không nương tiền trần. ***"Ông A Na Luật Đà, không con mắt mà vẫn thấy."*** Trong sử ghi lại, ngài A Na Luật Đà trong lúc mới tu ngồi nghe Đức Phật giảng pháp thì ngủ gục, lúc đó bị Đức Phật quở, Ngài phát nguyện là cả đời không nhắm mắt để ngủ nữa. Ngài mở toang con mắt suốt nhiều ngày dần dần mắt bị đau. Nhiều người khuyên Ngài cứ ngủ đi sợ hư con mắt, nhưng Ngài quyết định mở mắt suốt cuộc đời còn lại để tu tập. Một giai đoạn mắt Ngài chảy ghèn chảy mủ cả ngày lẫn đêm không ngủ, cho đến khi mù. Do công phu quyết liệt đó mà Ngài chứng quả A La Hán. Sau khi chứng Thánh quả ngài A Na Luật Đà không dùng mắt mà không có cái gì Ngài không thấy. Đức Phật muốn dẫn chứng không có con mắt vẫn thấy.

"Rồng Bạt Nan Đà không lỗ tai mà vẫn nghe." Đức Phật muốn dẫn chứng không phải ở cõi người, mà ở cõi rồng một phen tu tập vượt qua thân căn rồi không cần lỗ tai cũng nghe được.

"Thần nữ Căng Già không lỗ mũi mà vẫn ngửi được mùi hương. Ông Kiều Phạm Bát Đề cái lưỡi khác với lưỡi người mà vẫn nếm được vị, thần Thuấn Nhã Đa, không thân mà vẫn biết xúc." Dù người đó có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, hay không có mà người đó chứng Thánh quả thì lục căn hỗ dụng. Không nương gá vào tiền trần mà rõ biết cùng khắp. Một phen chúng ta tu tập thoát ra thân căn thì chúng ta không cần mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà chúng ta biết được tất cả mọi cái, không hạn hẹp.

Ví dụ qua tường ngăn chúng ta không thấy, nhưng khi chứng Thánh quả rồi thì bức tường vách núi không thể ngăn cái thấy của họ. Hoặc âm thanh cách xa vài trăm mét chúng ta không nghe, nhưng khi chứng Thánh thì ở Mỹ họ muốn nghe mình nói thì không sót mảy may nào. Họ nghe cùng khắp pháp giới này, tất cả các âm thanh họ đều nhận biết rõ ràng mà không dùng thân căn. Đức Phật muốn nói khi chúng ta thoát ra ngoài thân căn ngũ uẩn, thoát ra ngoài cái khằn của sáu căn vì chính do cái khằn này mà nó lệ thuộc ở mắt chỉ thấy hình sắc thôi, tai chỉ nghe âm thanh thôi chứ tai không biết được hình sắc.

Một phen chúng ta phá được cái khằn của lục căn rồi thì cái nhận biết của mình, (ở đây không dùng từ là thấy, là nghe, là ngửi, là nếm nữa mà là một sự nhận biết), là một sự rõ biết không thông qua lục căn, mà tất cả những âm thanh, những hình sắc, những mùi vị đều được người đó nhận biết một cách rõ ràng tường tận cùng khắp pháp giới mười phương không hạn cuộc. Nếu ngày nào chúng ta còn dùng xài thân căn này, thì ngày đó, giờ đó chúng ta bị khằn trong thân căn nhỏ nhiệm này, bị hạn cuộc và không bền chặt.

Khi chúng ta phá vỡ được thân căn ngũ uẩn một lần, thì khắp pháp giới này chúng ta nhận biết một lượt, tất cả hình sắc trong hư không chúng ta thấy rõ, lúc đó quả địa cầu này nó nhỏ hơn đầu móng tay. Lúc đó mình không phải là thân căn, mình trùm khắp pháp giới mười phương để nhận biết những cái trong pháp giới mười phương, không lầm lẫn. Những cái nhỏ như mảy tơ, sợi tóc, những cái lớn như quả địa cầu chúng ta đều nhận biết một cách rõ ràng mà không phải sử dụng thân căn này. Đó là người đã phá vỡ được thân căn.

Đồng thời chúng ta nghe được tất cả âm thanh ở mười phương, nói lớn, nói nhỏ, nói nhiều, nói ít, cả thế giới mười phương này nói người đó cũng nghe một lượt.

Trong Kinh Đức Phật nói: "Mười phương pháp giới mưa một lần Ta đều rõ bao nhiêu hạt". Ngay đệ tử của Đức Phật như ngài Xá Lợi Phất cũng vậy. Có một vị ngoại đạo kiên nhẫn ngồi đếm lá cây cổ thụ suốt mười hai năm, đếm lá này lá kia rụng, lá kia trồi lên, cho tới mười hai năm vị đó mới đếm hết vừa xong, mừng quá. Ngài Xá Lợi Phật đi tới hỏi: *"Sao ông mừng thế?"* Ông nói: *"Mười hai năm tôi cần cù đếm hết lá cây này vừa xong"*. Ngài Xá Lợi Phất nói: *"Đâu cần cực tới mười hai năm, đệ tử của đấng Cù Đàm chỉ cần liếc qua là biết bao nhiêu lá"*. Ngài Xá Lợi Phất nói đúng số lá mà vị đó vừa đếm, ổng giựt mình thán phục không biết đệ tử Cù Đàm tu Pháp gì mà siêu việt như vậy.

"Các vị Thanh Văn được tịch diệt trong diệt tận định như ông Ma Ha Ca Diếp trong hội này đã diệt ý căn lâu rồi mà vẫn rõ biết cùng khắp không nhân nơi tâm niệm."

Đức Phật nói ngài Ma Ha Ca Diếp trong hội này đã diệt ý căn lâu rồi mà vẫn rõ biết cùng khắp, không nhân nơi tâm niệm mà biết. Có nghĩa những tâm niệm sanh diệt từ trước bây giờ không nương gá nơi căn thân nữa, thì gần như mọi chuyện ở trong tam giới này các Ngài biết rõ, không dùng xài cái thấy nghe hay biết theo kiểu phàm trần, mà không có gì trong thế gian này Đức Phật không biết.

Đó là một trong mười hiệu của Như Lai là Chánh Biến Tri, có nghĩa thấy biết chân chánh trùm khắp. Thế Gian Giải là thấu hiểu được tất cả mọi chuyện thế gian không cần thông qua học hiểu. Đạt tới cảnh giới này gọi là vô sư trí thật sự.

Nhưng muốn đạt tới chỗ vô sư trí đó thì phải phá vỡ trí hữu sư này. Trí hữu sư là do học mà được, do học mà hiểu, do lục căn tiếp xúc lục trần mà có sự nhận biết, phá vỡ hết những điều này lúc đó chúng ta mới đạt tới trí vô sư. Nếu không chúng ta vẫn luẩn quẩn trong sanh tử tiếp nối.

VĂN KINH

Tiết D. Tóm kết tính viên thoát thành nhiệm mầu

A Nan, các căn của ông hiện nay nếu đã hoàn toàn nhổ sạch, thì cái sáng suốt bên trong phát ra; như thế các phù trần và các tướng biến hóa trong thế gian như nước nóng làm tiêu băng, ngay đó liền hóa thành vô thượng tri giác.

A Nan, như người thế gian kia gom cái thấy nơi con mắt, nếu khiến nhắm kín thì tướng tối hiện ra. Cả sáu căn đều tối, đầu và chân giống nhau. Người kia lấy tay rờ quanh thân thể, tuy không thấy nhưng một phen nhận được đầu và chân thì cái hiểu biết vẫn đồng như trước.

Duyên vì cái thấy nhân nơi ánh sáng, nên khi tối thành ra không thấy, chứ không có ánh sáng mà tự phát ra cái thấy, thì các tướng tối hẳn không thể làm mờ tối được. Căn trần đã tiêu làm sao Tánh giác minh không thành nhiệm mầu cùng khắp?

Đức Phật tóm kết những lý luận từ trước tới giờ. Nếu sáu căn của chúng ta nhổ sạch rồi, thì cái sáng suốt bên trong nó lại bắt đầu phát ra, như thế các phù trần và các tướng biến hóa trong thế gian như nước nóng làm tiêu băng. Cái thấy nơi hình sắc nó giống như bị đóng băng, lục căn chúng ta bị đông cứng, chúng ta không phá vỡ nên chúng ta không tự tại được.

Khi một người tự tại sanh tử rồi họ sống rất bình thường giữa trần gian này; mà mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý hoàn toàn không có vướng đọng lại trong tâm thức, lúc nào họ cũng rỗng rang mênh mông khắp pháp giới, gọi là thoát khỏi lục trần.

Đức Phật nói khi một phen chúng ta nhổ được tận gốc, sạch được lục căn thì ánh sáng kia nó làm tiêu tan tất cả những nghiệp tập phiền não nơi tâm chúng ta. Đức Phật ví như nước nóng đổ trên băng thì băng tan. Những cái khằn, những cái vướng đọng ở tâm thức chúng ta, những cái vướng mắc trong ngàn đời ngàn kiếp của mình một phen chúng ta nhổ được tận gốc thì nó tan biến. Đây là điều rất đặc biệt của người ngộ Thiền. Nếu người nào ngộ Thiền mà nghiệp cũ còn có thể quấn họ được, họ còn vướng mắc thì người đó chưa phải là triệt ngộ. Họ lăn lóc trong tam giới này mà không hề bị vướng đọng lại, đó mới thực sự là người ngộ Thiền.

Nếu chúng ta chưa đạt được cảnh giới Vô Thượng Tri Giác như Đức Phật nói là phải tiêu tan tất cả nghiệp tập phiền não của chính mình. Ví dụ trước kia mình giận một người năm, bảy ngày thậm chí mình giận cả đời thề không giết được họ trong đời này mình chết khó nhắm mắt, nhưng bây giờ ngộ Thiền rồi tất cả những cái đó tự tan biến. Chúng ta có đối diện hay chúng ta có gợi lại cái uất hận cũ nó cũng hoàn toàn tự tắt mất. Chúng ta đối diện với người đó một cách mới tinh khôi, không hề có mang theo một chút ý niệm cũ là người này đã giết mình không chết, người này đã tạo sự khổ đau phiền hận cho mình. Dù chúng ta có khởi lại tất cả phiền hận nhưng trong tâm chúng ta không có sự sục sôi phiền hận nữa nó tan biết rồi. Chúng ta có thể vui cười chơi đùa với người này một cách thoải mái vô tư, không hề có một vướng đọng nào khác.

Đó mới là người hóa giải được nghiệp cũ, hóa giải hai căn bản nghiệp là thù và ái nhiễm. Còn bây giờ mình nhớ lại người đó mình vẫn còn tức họ, vẫn còn phiền họ, họ hiếp đáp mình, mình quyết lòng trả thù làm cho thỏa mãn cơn tức giận. Và ngày nào mình không làm được chuyện đó là ngày đó mình cảm giác ăn không ngon, ngủ không yên. Mỗi lần nhớ tới người đó đang ăn cơm có khi mình cắn bể đũa hồi nào không biết, cái uất kết nơi tâm chúng ta không có tan giống như băng này.

Nhưng khi người đó phá hết những vướng mắc nơi lục căn, một lần chúng ta vượt thoát được thân căn thì tất cả những cái này được tiêu tán. Hai căn bản nghiệp một là thù, hai là ái nhiễm tan biến và điều đặc biệt là tình thương vô biên sau khi họ trở lại thân bình thường này. Phút chốc ngộ đạo là họ nhập vào bể tánh thanh tịnh, nhập trong đại bi tâm và họ trở lại đời thường với tình thương tràn ngập khắp pháp giới mười phương, sống không có gì riêng tư, lúc đó mới thật sự ngộ đạo. Nếu người đó sống trở lại còn có sự riêng tư, tất cả việc làm là cho họ thì thực sự là họ chưa phá vỡ được ngã. Vì phá ngã là không còn gì riêng của mình nữa. Tâm thù hằn không gợi lên với bất kỳ ai.

Ví dụ hồi xưa mỗi lần nghĩ tới chuyện đó là mình uất lắm, có thể ói máu, tim như bị ai bóp nát, nhưng sau khi nhận biết đạo lý rồi thì nó không còn, tự nhẹ nhàng tan biến, cái gợn lăn tăn trong đầu óc mình phiền người ta không có nữa. Hồi xưa nếu không có người đó thì cuộc đời mình không có ý nghĩa, vô vị, nhưng bây giờ nhận ra đạo lý rồi thì có hay không có không thành vấn đề nữa, ân ái đã tắt mất nơi tâm.

Nếu hai căn bản nghiệp thù và ái nhiễm còn là sanh tử còn, vì ân ái mà chúng ta trở lại trần gian, vì thù hằn mà chúng ta trở lại đây để phát triển chiều ân ái hoặc thù hằn. Nếu chúng ta không trở lại bằng hai căn bản nghiệp này thì chúng ta thoát ra. Mình nói mình ngộ đạo chứng đạo, lý luận rất hay, tu tập giỏi, ngồi thiền không để lưng chạm chiếu, cả ngày tu tập, hành đạo sáu thời, tâm thanh tịnh, nhập định xuất định, nhưng buông ra mình vẫn nhớ chuyện thương chuyện ghét thì không phải.

Điều rất lạ lùng, người ngộ đạo hóa giải được nghiệp thù hằn ngay trong đời này và tất cả nghiệp chướng cũ. Khi chúng ta rời thân căn nó sẽ xóa sạch những thù hằn hằng hà sa số kiếp về trước của mình, có nghĩa xóa sạch nghiệp sanh tử. Tất cả những nghiệp ân ái của ngàn kiếp về trước cũng được xóa sạch, để khi chúng ta trở lại trần gian này không phải vì thù hằn cũng không phải vì ái nhiễm nữa, mà trở lại nơi đây bằng nguyện, bằng tình thương của đạo lý. Bằng lòng từ bi chúng ta muốn cứu giúp cõi này mà chúng ta tới. Và như vậy trong lục đạo luân hồi không còn cản trở đường đi của người này. Sanh tử hoàn toàn không còn có cái gì để bàn và hai căn bản nghiệp này không còn nữa. Nếu chưa xảy ra những điều này thì biết rằng chúng ta chưa triệt ngộ.

Không phải vì mình lạy Phật nhiều, tụng Kinh nhiều, sám hối nhiều nên nó khởi lên mình ráng đè xuống. Không phải như vậy, không cần đè nén và công phu mà nhớ lại chuyện đó nó hoàn toàn tan biến nhẹ nhàng. Tới mức độ cùng tận nếu như chuyện gần nhất họ chặt đứt đầu mình rớt xuống, nếu gắn lại mình còn sống thì mình vẫn không có nửa ý niệm

hận thù, thì như vậy mới dứt được nghiệp ác của chính mình, gọi là căn bản nghiệp đó mới sạch tuyệt đối.

Việc ân ái cũng vậy. Mới hồi nãy vắng người này mình cảm nghe lòng mình khó chịu, vắng người này dài như thế kỷ, nhưng ngộ đạo rồi là hết, tắt mất liền. Có gợi đi nữa là bằng tình thương đạo lý. Khác biệt lắm. Mình thông cảm tuyệt đối với người mà mình đã quen cũ. Không phải hết thương thành thù. Hết thương lại có tình thương khác bao la hơn, rộng khắp hơn, tươi đẹp hơn, sáng suốt nhiệm mầu hơn. Mình nghĩ tới người thương cũ chỉ là một sự cứu thoát thôi chớ không còn chuyện khác.

Đạt tới cảnh giới đó mới lìa thoát được ân ái trong đời này. Còn nếu nghĩ tới người đó tim đổi nhịp, mặt đổi sắc thì biết rằng sanh tử chúng ta vẫn còn bị nặng nề. Nếu không tháo gỡ ra trong đời này thì những đời kiếp sau chúng ta bị cuốn đi theo hai chiều đó. Như vậy mới kiểm tra được nội lòng mình. Sau đó họ trở lại giống như người thường cũng vui cười buồn như mình nhưng khác hẳn. Có người nói người ngộ đạo trở lại giống như sắt đá. Không phải.

Có câu chuyện *"Bà già đốt am*": Có một vị Thầy đang tu Thiền, quyết chí đi đến con đường giác ngộ giải thoát đến mức độ tận cùng nên đi tìm nơi nhập thất giải quyết sanh tử trong đời này. Lang thang gặp bà già rất giỏi Thiền học, bà tu theo Thiền tông, nghe Thầy nói lên tâm nguyện, bà chấp nhận cất thất cho Thầy, mỗi ngày cơm nước cúng dường phụng sự. Đúng ba năm , bà cho cô cháu gái vô thử ông Thầy. Bà dặn con đem cơm vào, vừa để khay cơm xuống bàn là con ôm ông Thầy liền và hỏi: *"Ngay giờ phút này ông như thế nào?"* Cô cháu làm như bà dặn. Thầy trả lời: *"Ba năm rồi ta không còn*

hơi ấm nữa, cô ôm ta giống như cây khô trồng trên đá, ta không còn một móng niệm dục nữa". Chúng ta nghe như vậy tuyệt vời không? Lạy được rồi, nhưng bà già thì khác, nghe cô cháu kể, bà xách đuốc đốt thất đuổi Thầy đi. Hồi đó đọc tới đây tôi thắc mắc lắm, gặp tôi là cõng Thầy trên vai đi khắp phố. Thực sự lúc đó mình không hiểu. Ông Thầy cũng không biết mình sai chỗ nào, duyên trần đã bặt dứt rồi, tình ái không khởi niệm rồi, người nữ ôm là không động rồi, sao bà này đốt thất đuổi đi?!

Thầy ra đi, một thời gian tìm Thầy học đạo, ba năm sau quay lại tìm bà già nói cất thất cho tôi tu. Bà già không hề hỏi câu nào cất thất trở lại, mời Thầy nhập thất. Trãi qua một thời gian, bà xúi cô cháu đem cơm vào, vừa để khay cơm xuống bàn là con ôm ông Thầy liền và hỏi Thầy lần nữa: *"Ngay giờ này ông như thế nào?"* Ông Thầy nói: *"Cô biết, tôi biết, trời đất biết, đừng cho bà ấy biết."* Cô cháu gái ra tường thuật lại, bà già quỳ lạy ông Thầy.

Chuyện này rất nhiều người tu Thiền lý giải vui lắm. Người nữ ôm ông thầy, chuyện đó chỉ có hai người và trời đất biết đừng cho người khác biết. Nếu suy nghĩ như vậy thì phàm tục quá rồi. Nhưng đây là câu nói thể hiện trọn vẹn sức sống của ông Thầy, thứ hai là đang khai thị cho cô này. Nếu cô ôm tôi mà buông ra cô còn có nửa ý niệm để nói lại với bà già, là sai với đạo lý rồi. Vì cái thấy của vị này là ngay tại đó. Ngay khi cô ôm tôi thì rõ biết như vậy, buông ra là tắt mất liền không còn một gợn lăn tăn nữa. Tức là không cưu mang, không vướng mắc, không vướng bận trong tâm thức nữa, phải sạch bóng nơi tâm liền, đó mới là Thiền sư. Mỗi phút giây mỗi mới, chạm như vậy thì biết như vậy, buông ra là phút giây khác, là

khoảnh khắc khác, một sự việc hoàn toàn mới hẳn. Bây giờ đem chuyện cũ ra nói tức là quay trở lại quá khứ, tức là rớt vô tâm thức rồi không phải là sức sống của Thiền sư.

Thiền sư vừa chạm là tan biến ngay tại chỗ. Đó là năng lực sống của nhà Thiền. Thiền sư đủ sức chạm tất cả các duyên đều tan biến tức khắc, không hề có một chút công phu và cũng để khai thị cô này. Thiền sư không phải nói chuyện riêng của mình, mà Thiền sư luôn luôn nhắm để khai thị người khác trong tất cả những hành động, cử chỉ trong đời sống của Thiền sư.

Nếu chúng ta biết người đó là Thiền sư rồi thì luôn luôn sẵn lòng mở tâm để gặp người đó. Vì dù là thuận, dù là nghịch cỡ nào vị đó cũng đem đạo lý ra dạy cho người. Lúc nào chúng ta đến Thiền sư mà chúng ta không mở tâm mình ra để chờ đợi đạo lý thì chúng ta đã sai rồi. Cô này không phải mở tâm chờ đợi dạo lý mà là bà già cho nên cô đi ra nói với bà già, bà quỳ lạy ông thầy liền. Đó là người đáng lễ lạy.

Trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương: "Nếu cúng dường cho một vị vô tu vô chứng thì bằng cúng dường cho hằng hà sa số chư Phật". Đó là bà già này. Bà biết tới chỗ vô công dụng hạnh của Thiền sư. Một câu nói thể hiện trọn vẹn sức sống đạo Thiền. Từng khoảnh khắc một mỗi mới mẻ, không hề có chút nào vướng đọng trở lại. Người đó đang sống trong cái vô trụ tánh, vô trụ tướng đáng cho chúng ta lễ lạy.

Cái gút mắc trong sanh tử chúng ta là từ lục căn, tháo đi cái gút này cũng phải từ lục căn. Trong đi, đứng, nằm, ngồi hoàn toàn thoát ra hẳn không vướng lại là biết chúng ta giải thoát. Khi hỏi tu đạo Phật để làm cái gì? Để được giải thoát,

nhưng giải thoát là cái gì mình không biết. Nhận được sự thật căn và trần không dính nhau là tự động chúng ta giải thoát.

Lục Tổ Huệ Năng ngày xưa là một cư sĩ bán củi. Khi vác bó củi tới nhà chủ để bán, đứng dựa tường chờ trả tiền nghe người ta tụng Kinh Kim Cang: *"Bất ưng trụ sắc sanh tâm. Bất ưng trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm. Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm,"* Ngài ngộ và đời sống biến chuyển liền, sau này thành Lục tổ Huệ Năng. Ngài nghe qua một câu ngộ, còn mình đọc mấy ngàn lần nhưng mình không ngộ được, lý do vì sao? Vì vừa nghe Đức Phật nói "*không nên trụ sắc sanh tâm*", bắt đầu mình thấy sắc ráng làm sao cho đừng dính mắc. Nghe "*không nên trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm*" mình ráng nghe, ngửi, nếm làm sao cho đừng dính mắc.

Đức Phật không dạy như vậy. Câu kết Đức Phật dạy: "*Nên không chỗ trụ mà sanh tâm kia,*" thì cư sĩ họ Lư giựt mình thấy ra là căn trần từ xưa tới giờ chưa từng dính nhau, mình thực sự vốn là người vô trụ cho nên Ngài không trụ được nơi sắc, không trụ được nơi thân, chứ không phải là không trụ, hai cái khác nhau. Trong Pháp Bảo Đàn Kinh chúng tôi nói rất rõ. Một người học đạo chúng ta làm sao nhận ra được sự thật này thì chúng ta sẽ tự tại trong sanh tử. Còn nếu ngày nào chúng ta không phá vỡ được sự vướng mắc của lục căn, thì ngày đó sanh tử chúng ta rất khó phá vỡ.

Rất mong đại chúng thấy được giá trị tu tập ngay trong đời sống này của chính mình, thì dù chúng ta là ai đi nữa, nếu lục căn vẫn còn vướng mắc lục trần thì biết rằng sanh tử vẫn còn tiếp nối với mình. Một phen chúng ta phá đi cái vướng mắc của căn trần thì chúng ta sẽ tự tại trong tam giới này. Lúc đó chúng ta mới biết được lục căn chúng ta không phải là sáu,

cũng không phải là một. Lìa một và sáu chúng ta mới hòa nhập vô Tự Tánh Viên Minh của chính mình, lúc đó chúng ta mới hoàn thành việc sanh tử ngàn đời ngàn kiếp của mình. Sanh tử đã được phá vỡ rồi, lúc đó chúng ta sẽ tự tại trong tam giới. Còn nếu chưa được như vậy thì sanh tử còn tiếp tục cuốn mình đi, chúng ta tiếp tục lầm lạc đời này kiếp nọ. Nên ra đời được gặp Phật Pháp là điều quý cho chính mình.

Mỗi người chúng ta phải tìm ngược về nguồn của mỗi căn, để phá vỡ được một căn là phá vỡ lục căn để thoát ly sanh tử luân hồi. Người nào ý thức được việc này là chính, thì đó là cái phước của người đó. Ai chưa có được cái này thì chúng ta nên quay lại để tu tập và nhìn ngắm lại mình, tìm cách phá vỡ sanh tử, điều đó chúng ta cần hướng tới và tu tập.

VĂN KINH

Mục 13: Đánh chuông nghiệm tính thường

Đoạn 1: Nghi căn tính không tự thể

Chi 1. Xét về quả vị thể tính thường trụ

Ông A Nan bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn, như Phật đã dạy, muốn cầu quả thường trụ, chỗ phát tâm tu nhân cần phải cân xứng với danh mục của quả vị. Bạch Thế Tôn, như trong các quả vị Bồ đề, Niết Bàn, Chân Như, Phật Tính, Yêm ma la thức, Không Như Lai Tạng, đại viên cảnh trí, bảy thứ danh hiệu ấy tuy có khác mà thể tính đều thanh tịnh viên mãn vững chắc như kim cang vương, thường trụ không hoại diệt.

Chi 2. Nghi căn tính không cùng với nhân giác, thù đáp lẫn nhau

Nếu cái thấy nghe này ngoài những tướng tối sáng, động tịnh, thông bít, rốt ráo không có tự thể, cũng như tâm niệm rời tiền trần vốn không thật có, tại sao lại đem cái rốt ráo đoạn diệt đó dùng làm nhân tu hành mà muốn được bảy quả thường trụ của Như Lai. Bạch Thế Tôn, nếu rời sáng tối thì cái thấy rốt ráo là không, như không có tiền trần thì tự tính của tâm niệm bị diệt mất, tới lui xoay vần suy xét cho chín chắn vốn không có tâm và tâm sở của con, vậy con đem cái gì mà lập thành nhân để cầu Vô Thượng Giác? Đức Như Lai trước đã dạy, tính hay biết yên lặng, viên mãn, thường trụ, thật là lời nói trái lẽ thường, rốt cuộc chỉ thành hý luận, làm sao nhận được lời nói của Như Lai là chân thật. Cúi mong đức Như Lai mở lòng đại bi khai ngộ chỗ mê lầm cho chúng con."

Câu thắc mắc này của ngài A Nan, chúng tôi nghĩ cũng là thắc mắc chung của tất cả những người tu theo đạo Phật. Có điều là chúng ta chưa đặt câu hỏi xác quyết giống như Ngài.

Đầu tiên ngài A Nan muốn trình bày với Đức Thế Tôn kiến giải của mình, qua chỗ Đức Phật dạy ở trước, chọn nhân tu hành phải cân xứng với quả vị tu chứng, nhân sanh diệt sẽ đạt quả sanh diệt, nhân vô sanh sẽ đạt quả vô sanh. Nếu chúng ta không chọn nhân vô sanh để tu thì quả vô sanh chúng ta không bao giờ đạt tới. Quả vị Bồ đề, Niết Bàn, Chân Như, Phật Tính, Yêm ma la thức, Không Như Lai Tạng, Đại Viên Cảnh Trí, bảy thứ danh hiệu ấy được nói trong Kinh Lăng Nghiêm này, danh từ tuy có khác nhưng nó cũng là tâm tánh thanh tịnh viên mãn vững chắc như Kim Cang Vương thường trụ, không biến hoại. Đó là quả vị tu chứng của tất cả những

người tu theo đạo Phật. Theo kiến giải Ngài A Nan thấy như vậy rồi, nhưng tại sao Ngài tiếp tục nghi lời nói Đức Phật?

Có nghĩa ngài A Nan tin rằng có quả vị Bồ đề, Niết Bàn, Chân Như, Phật Tính, Yêm ma la thức, Không Như Lai Tạng, Đại viên cảnh trí. Ngài cũng tin nó thanh tịnh viên mãn vững chắc như Kim Cang Vương thường trụ, không biến hoại. Nếu người nào không tin thì việc học Phật chúng ta còn mơ hồ, còn xa vời với đạo giác ngộ giải thoát. Cho nên ngài A Nan cũng như đại diện một số thính chúng trong thời thuyết pháp của Đức Phật, muốn trình này kiến giải, lòng tin của mình về chuyện này.

Ngài chắc chắn rằng cái này là cái thanh tịnh không biến hoại, chắc chắn ở nơi mình có Phật Tánh không bao giờ thay đổi bởi thời gian và không gian. Ngài A Nan thể hiện sự thấy biết, kiến giải, học hiểu, kiến thức của mình đối với Đức Phật. Tiếp đó ngài A Nan mới bắt đầu thắc mắc: Nếu cái thấy nghe này ngoài những tướng sáng tối, động tĩnh rốt ráo không có tự thể, cũng như tâm niệm mình rời tiền trần thì không thật có, tại sao lại đem cái rốt ráo đoạn diệt đó dùng làm nhân tu hành mà muốn được quả thường trụ của Như Lai?

Chúng ta phân tích từng cái thắc mắc nhỏ của ngài A Nan. Đầu tiên Ngài nói cái thấy của mình, ví dụ như ban ngày khi mặt trời mọc lên, khi có ánh sáng của đèn thì chúng ta thấy được những hình sắc, có cái sáng và cái tối chúng ta mới có thể thấy nhau. Ngoài cái sáng, ngoài cái tối mình thấy cái gì? Có ai ở đây có khả năng thấy ngoài cái sáng và cái tối không? Không được.

Thứ hai, ngài A Nan cũng xác định rằng ngoài cái động và cái tịnh thì chúng ta không có cái nghe. Ví dụ đánh

tiếng chuông chúng ta nghe cái động, hoặc nói có âm thanh chúng ta nghe đó là âm thanh. Bây giờ không có âm thanh và không có cái động thì mình lấy gì để được gọi là cái nghe? Thứ ba mình ngửi là do cái thông và bít. Ví dụ mũi mình thông mình có thể hít thở không khí, mình biết được mùi này mùi kia; hoặc là mũi bít thì mình không biết được cái gì. Nhưng ngoài cái thông và bít thì lấy cái gì để mình nghe?

Rốt ráo không có cái gọi là thấy, không có cái gọi là nghe, không có cái gọi là ngửi, không có cái gọi là nếm. Tất cả rốt ráo nó không có tự thể, tức là không có cái gì sẵn có và cố định. Sở dĩ có thông và bít thì mình mới có cái ngửi. Sở dĩ có tối và sáng mình mới có cái thấy. Có động và có tịnh mình mới có cái nghe. Đó là cái thấy của ngài A Nan. Ngài nói tâm niệm của mình rời tiền trần thì mình lấy cái gì để nghĩ? Ngoài việc mình thấy hình sắc, mình nghe âm thanh, ngoài cái mình ngửi được mùi, mình nếm được vị và ngoài cái tâm thức của mình phân biệt ra thì mình có suy nghĩ được ý niệm nào không? Đây là điều khẳng định của ngài A Nan và chúng ta cũng nên biết điều này. Nếu chúng ta không biết được điều này thì việc tu của chúng ta vẫn còn mơ màng lắm.

Ví dụ người nào đó mà từ xưa tới giờ mình chưa từng thấy, chưa từng nghe tới, chưa từng gặp lần nào, thì mình không thể nghĩ được khuôn mặt người đó. Tức là không có tiền trần thì mình không thể có cái suy nghĩ đó. Hay mình nghe đồn ca sĩ ở xứ nào đó trên thế giới ca rất hay, mình chưa từng nghe họ ca lần nào hết thì mình có thể tưởng tượng cái hay nó như thế nào không? Chúng ta có giỏi đi nữa, mình có thể tưởng tượng thì nó cũng nương tiền trần mà cái tưởng của mình mới có thể suy diễn được. Nhưng đằng này Ngài A Nan

nói lìa hết những cái tiền trần thì lấy gì mình suy diễn đây? Rời tiền trần cũng không có cái gì nơi tâm chúng ta, tại sao lại đem cái rốt ráo đoạn diệt dùng làm nhân tu hành? A Nan thắc mắc với Đức Phật như vậy.

Cái chỗ vô sanh kia là ngoài tiền trần, đối với ngài A Nan có sự gút mắc là, ví dụ muốn tu là mình phá đi âm thanh trong tâm thức của mình, việc mình nhớ lại hôm qua có người khen mình cảm thấy vui, có người chê mình cảm thấy buồn, có người nói nặng mình cảm thấy phiền não với những lời nói của người đó.

Bây giờ Đức Phật nói chọn nhân vô sanh tức là lìa tiền trần này để tu, thì tu cái gì? Đối với A Nan là không có tiền trần, tức là vô sanh thì cái chỗ vô sanh đó lìa tiền trần là chỗ đoạn diệt thì tu như thế nào cho được đây? Đứng vị trí vô sanh mà tu thì tu làm sao? Mình nhớ âm thanh người này, nhớ hình dáng người kia, có kỷ niệm gì đó, bây giờ nó khởi lên thì mình đè, mình diệt, mình trừ thì gọi là tu. Bây giờ tự nhiên không có gì hết thì tu cái gì? Đó là thắc mắc của A Nan. Chúng ta là người thật tu, chúng ta muốn đi vào chuyên môn thật của đạo Phật thì mình có thắc mắc này không?

Đức Phật nói chọn nhân vô sanh để tu, mà nhân vô sanh là lìa thoát tiền trần. Phải nhận được cái không dính với căn, không dính với trần để làm nhân tu tập. Đối với ngài A Nan tin có ***quả vị Bồ đề, Niết Bàn, Chân Như, Phật Tính, Yêm ma la thức, Không Như Lai Tạng, Đại Viên Cảnh Trí***, nhưng cái đó là quả vị tu chứng do dứt trừ tiền trần mà được. Nhưng Đức Phật lại đưa ra vấn đề là ngoài tiền trần mới tạo ra được nhân tu hành. Đoạn sau Đức Phật sẽ giải thích.

Đây là câu hỏi chung của tất cả người tu tập. Nếu chỗ này mà chúng ta rõ thông, thì coi như việc tu hành chúng ta không còn gì để bàn tức là mọi chuyện chúng ta sẽ thông. Nếu chỗ này chúng ta không rõ thông thì việc tu hành của chúng ta mơ màng thực sự, không biết mình tu cái gì, đắc cái gì, chứng cái gì và được cái gì.

"Bạch Thế Tôn, nếu rời sáng tối thì cái thấy rốt ráo là không, như không có tiền trần thì tự tính của tâm niệm bị diệt mất, tới lui xoay vần suy xét cho chín chắn vốn không có tâm và tâm sở của con, vậy con đem cái gì mà lập thành nhân để cầu Vô Thượng Giác?"

Ngoài sáng tối thì không thể lập được cái thấy, ngoài tiền trần thì tự tính tâm niệm bị diệt mất đi. Đây là nhận định sát sao của ngài A Nan. Người có tu thật họ mới có thắc mắc này. Ngài A Nan đang tu và Ngài cũng nghiệm thấy rất rõ nếu bây giờ không có âm thanh, không có hình sắc thì lấy đâu để mình suy nghĩ. Tất cả những tâm niệm bị diệt mất, nếu không có tiền trần. Như vậy nó vốn không có tâm và tâm sở, tức là không có tâm mình và không có cái thuộc về tâm mình. Cái thuộc về tâm mình là tiền trần và tiền trần nó biến thành suy nghĩ trở thành cái tâm.

Ví dụ chúng ta lâu nay quen rồi, cuộc đời xảy ra mười năm, hai mươi năm chúng ta từng huân tập trong cái thấy, cái nghe, cái hay, cái biết, hay nói khác hơn là chúng ta có kiến thức về cuộc sống này. Người học theo cơ khí thì có kiến thức cơ khí, học điện tử có kiến thức điện tử, học y học có kiến thức y học. Tất cả những kiến thức đó làm thành dòng suy nghĩ, thành dòng tư tưởng trong đời sống hiện tại của mình, gom lại thành tri thức của chính mình và mình cho rằng đó là

trình độ hiểu biết, là kiến thức, là tâm của mình. Bây giờ ngoài kiến thức được học hỏi, được thu gặt cả đời mình thì ngồi không lại mình có cái gì? Không có cái gì hết.

Đây là chỗ nhận rất sâu của ngài A Nan, thắc mắc này chúng ta cần phải lưu tâm nếu mình thật là người tu hành. Thấy vậy chứ chúng ta còn mơ hồ lắm, mình chưa có xác quyết rằng rời tiền trần ra là mình không có tâm và tâm sở. Tự nghiệm đi mình đủ kiến thức này chưa? Đối với A Nan, Ngài thấy tất cả những kiến thức, những học thức, những trình độ, những hiểu biết từ ngàn xưa tới giờ của mình nó chỉ là những tiền trần, những ảo ảnh chứ không phải là mình.

Thiền sư Đức Sơn, sau khi ngộ Ngài nói tất cả những hiểu biết kiến thức của thế gian giống như một giọt nước nhỏ trong biển lớn mà thôi. Đối với ngài tất cả kiến thức trần gian không là cái gì cả, chỉ có cái kia mới là chuyện lớn. Đây là điều khẳng định của người hiểu biết đúng đắn đang trình lên Đức Phật. Ngài A Nan thắc mắc thêm điều nữa, nếu như rời hết tiền trần, không có tâm và tâm sở, thì đem cái gì lập thành nhân để cầu quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây là chỗ buộc mình phải suy nghĩ tiếp.

Nếu chọn nhân vô sanh là phải lìa tiền trần, mà lìa tiền trần hết rồi thì không có tâm và tâm sở. Lúc không có tâm và tâm sở lại là nhân vô sanh để tu đạt quả vô sanh, thì lấy cái gì để làm nhân? Tôi chấp nhận kiến thức, hiểu biết, tâm và tâm sở đều là những cái thu gom bên ngoài tôi chấp nhận xả nó hết. Coi như tôi không dính mắc những kiến thức từ xưa tới bây giờ, thì lấy gì làm nhân tu hành để chứng được đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác? Đức Phật nói lấy nhân vô sanh thì lấy gì mà tu? Đó là một câu thắc mắc hết sức đặc

biệt, chúng ta cũng nên có thắc mắc này. Khi một người đạt tới chuẩn tâm niệm này, phải nói là họ gần chứng quả mới có thắc mắc rất sát sao.

Tới chỗ mình dám đủ một lần thấy rằng tất cả những kiến thức xưa nay là cái huân tập bên ngoài, không phải là tâm mình, không phải thật là mình. Có mấy người có đủ sức để thấy? Câu hỏi này hết sức trọng yếu cho cuộc đời tu của chúng ta. Nếu mình chưa có đủ sức để thấy một lần thấy rằng tất cả những kiến thức xưa nay, tất cả những công phu, những sở đắc của mình là cái mình mượn bên ngoài vào, không phải là của mình, thì người đó không bao giờ đạt đạo quả đâu.

"Đức Như Lai trước đã dạy, tính hay biết yên lặng, viên mãn, thường trụ, thật là lời nói trái lẽ thường."

Đức Phật nói lìa tiền trần ra mình còn cái gì đó chứ không mất, điều này A Nan thắc mắc, Ngài không chịu nổi cái này. Những cái mình có thể hiểu được thì mình chấp nhận, những cái mình thấy được nghe được mình có thể chấp nhận, những cái còn nằm trong tầm kiểm soát của tâm thức được thì mình có thể chấp nhận, đó là lẽ thường của thế gian. Nhưng Đức Phật muốn nói tới điều là vượt ngoài lẽ thường này, có cái vô sanh không cần duyên trần mà nó thông rõ thông khắp pháp giới. Điều này A Nan chịu không nổi.

Chúng ta phải gom lại hết tâm tu tập của mình để thắc mắc vào chuyện này. Vì đây là vấn đề chính mà ngài A Nan muốn gợi lên cho Đức Phật khai thị cho mình. Ngài A Nan cũng tin *có quả vị Bồ đề, Niết Bàn, Chân Như, Phật Tính, Yêm ma la thức, Không Như Lai Tạng, Đại viên cảnh trí,* đó là cái tin và chấp nhận của tâm thức mà thôi.

Với chúng ta học đạo lâu nay cũng có thể kết luận được mình có cái bất sanh bất diệt. Nghe lý luận Kinh điển Đại thừa, những lý luận của Thiền tông mình có thể chấp nhận điều này, mình tin chắc rằng mình có cái bất sanh bất diệt và niềm tin này là sự chấp nhận của tâm thức. Bây giờ Đức Phật nói tiền trần tức là mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý duyên pháp trần, khi có trần thì có những tâm niệm đó, nhưng lìa hết những cái này rồi thì tới chỗ Không.

Ngài A Nan nhận rằng khi không có tiền trần khi đó vẫn không có tâm và tâm sở của con, điều này con chấp nhận, nhưng ngài A Nan chỉ chấp nhận về mặt kiến thức thôi chứ Ngài chưa có một lần thật tới chỗ này. Đây là vấn đề mình muốn nói. Nếu thật A Nan tới chỗ lìa tiền trần, Ngài sẽ thấy rằng có cái thường tri không cần căn trần mà có, ngài A Nan chưa biết. Ngài A Nan thắc mắc, chuyện Đức Phật nói Ngài hiểu rồi, Ngài tin có cảnh giới Bồ đề, Niết Bàn tin chắc đó là như kim cương bất hoại, không biến diệt. Và Ngài hiểu rằng tiền trần là cái giả, cái huyễn, những sinh diệt nơi tâm đều do tiền trần mà có, cái đó không phải thật là Ngài.

Nhưng một điều là lìa tiền trần mà còn có cái gì đó thì Ngài không hiểu nổi. Vì tâm thức không thể hiểu tới điều này. Cho nên phải chết đi tâm thức hiểu biết thực sự, thì mới có thể tương ưng và thông cảm. Ngài A Nan rất khó chịu với câu Đức Như Lai đã dạy là có tính biết yên lặng viên mãn thường trụ, tính đó ở đâu? Lìa tiền trần là cái không rồi, bây giờ Đức Phật nói là có tính thường trụ yên lặng đó trái với lẽ thường, nó không giống với cái con hiểu hồi xưa tới giờ. Đức Phật nói là con hiểu hết vậy rồi, nhưng con đâu thấy tính lặng lẽ thường

trụ kia đâu. Như vậy cái đó con có thể hiểu được không? Và lý do nào Đức Phật lại nói điều này?

Nếu theo cái nhìn từ nãy giờ thì người thế gian có thể hiểu được, hiểu tất cả ý niệm của mình đều không thật, nó do tiền trần mà có, do sự huân tập của lục căn và lục trần, để chúng ta có tâm niệm tốt xấu, đúng sai, hay dở, buồn thương, giận ghét. Điều đó đối với ngài A Nan ngang đây thấy nó không thật là tâm và tâm của A Nan. Những cái đó nếu không có tiền trần thì nó liền biến thành Không, nó không thật. Một khẳng định điều này nhưng vẫn chưa phải cái thấy của Thánh. Vì cái thấy còn đời thường, kiến thức có thể nghiên cứu tới đây.

Chúng ta là người đang ở chỗ chấp nhận hoặc không chấp nhận, đúng hay sai, hay hoặc dở, có hoặc không với mình thôi, chứ ra ngoài sự chấp nhận chúng ta có dám ra không? Chúng ta có dám lần nào bỏ thân mạng mình để rớt vô chỗ không lấy, không bỏ chưa? Chúng ta chưa đến trình độ này, thì chúng ta không bao giờ hiểu biết được có cái lặng lẽ thường tri ngoài căn trần. Chỗ này ngài A Nan không chấp nhận nổi. Chúng ta không thể hiểu chỗ này được, hiểu thì còn nguyên trong tầng tâm thức, chết tâm thức để chúng ta tới chỗ lìa căn trần, thì chúng ta sẽ thông cảm và tương ưng chỗ Đức Phật nói là có cái viên mãn thường trụ yên lặng thường tri.

Ngài A Nan trình kiến giải đã tột tầng kiến thức rồi. Đối với tất cả sự hiểu biết, Ngài đã một phen thể hiện trọn vẹn thế gian này không có mấy người đủ kiến thức như ngài A Nan, nhưng vẫn bít lấp. Tức là tột cùng kiến thức vẫn là chỗ thấy biết của tâm, của tri giải, của tri thức, của ý thức, chứ không phải cái biết của trí tuệ. Ngài A Nan đại diện cho chúng

sinh khắp pháp giới mười phương này đặt câu hỏi hết sức trọng yếu với Đức Phật. Chúng ta nên thật sự lắng tâm để nhận ra thắc mắc hết sức tuyệt vời của ngài A Nan.

"Rốt cuộc chỉ thành hý luận, làm sao nhận được lời nói của Như Lai là chân thật. Cúi mong đức Như Lai mở lòng đại bi khai ngộ chỗ mê lầm cho chúng con."

Ngài A Nan dám nói Đức Phật là hý luận. Vì rõ ràng ngoài cái hiểu của con, con không bao giờ chấp nhận được lìa căn trần còn cái gì đó. Ngài không bao giờ chấp nhận nổi điều này. Đối với A Nan lìa căn trần là không có gì hết. Còn nằm trong căn trần, còn trong sự kiểm soát của ý thức thì con có thể chấp nhận theo lẽ thường của thế gian và cả thế giới này đều công nhận chỗ này là đúng, bây giờ Đức Phật nói lìa căn trần có cái gì nữa thì thế gian này không chấp nhận được, bản thân con cũng vậy. Đức Phật có nói là hý luận thôi, vậy Đức Phật làm sao chứng minh được chỗ này cho con. Lấy gì chứng minh lìa căn trần còn một cái nữa? Đó là ngài A Nan hỏi Đức Phật. Chúng ta phải hiểu câu hỏi thì mới thấy được giá trị của bài sau, còn nếu chúng ta không hiểu hết ý của ngài A Nan thì phần sau chúng ta cũng không biết gì.

Tóm lại, ý ngài A Nan thắc mắc với Đức Phật, đầu tiên Ngài trình kiến giải là đối với Ngài trước kia đã nghe Đức Phật nói về *quả vị Bồ đề, Niết Bàn, Chân Như, Phật Tính, Yêm ma la thức, Không Như Lai Tạng, Đại Viên Cảnh Trí*, những điều này ngài A Nan đủ lòng tin, tại Đức Phật nói thì tin thôi chứ thấy thì không thể thấy được. Cho nên cái tin là sự chấp nhận của ý thức. Chấp nhận điều này không sai, vì Đức Phật là người giác ngộ rồi, có uy tín rồi nên nói cái này là đúng.

Thực sự là để thấy được như thế nào là Tự Tánh thì ngài A Nan không thể thấy. Đồng thời ngài A Nan cũng thấy được lìa căn trần không có gì hết, tức là không có tâm và tâm sở chứ không phải lìa căn trần để tới cái gì đó. Những cái này đối với người học Phật có chút chiều sâu đều thấy hết. Thấy tới đây cũng xứng ăn cơm của trời người, không đơn giản. Mặc dù chưa chứng quả Phật, chưa thấu suốt pháp giới, nhưng muốn thấu suốt pháp giới này phải qua cửa ngõ đó. Tức là không phải hiểu tới chỗ lìa căn trần mà phải tới chỗ không căn không trần thì mới thực sự hiểu điều này.

Ngài A Nan thắc mắc, như đoạn trước Đức Phật nói cho con nghe, là người tu phải chọn nhân vô sanh mới đạt quả vô sanh, thì bây giờ lìa căn trần tới chỗ không còn gì hết thì lấy chỗ đó làm nhân tu tập có được hay chăng? Và lấy cái gì làm nhân tu tập đây? Nó vô sanh rồi thì lấy cái gì làm nhân? Thứ hai, là làm sao lìa căn trần có cái thường tri lặng lẽ thanh tịnh? Mình có thể tưởng tượng được cái lặng lẽ thanh tịnh nổi không?

Tại vì chúng ta chưa có lần nếm tới. Nếu chưa nghe giọng ca của ca sĩ đó thì mình chưa biết nó hay tới cỡ nào, mình cũng chưa biết chỗ lìa căn trần là cái gì vì mình chưa nếm mùi, cho nên mình không thể tưởng tượng ra lìa căn trần có cái biết. Đó là thắc mắc chung của tất cả người tu tập. Nếu ai không thao thức điều này thì người đó hoàn toàn không thể đạt tới giác ngộ.

Nếu chúng ta tu theo con đường Thiền tông, hoặc là đi vào con đường chuyên môn của Phật đạo, mà chỗ này mình không thắc mắc thì đừng nói tới tu chuyện gì khác. Chúng ta nên đặt chỗ này làm thắc mắc cho chính mình thì có thể vỡ

chuyện. Chánh nghi thì chúng ta sẽ có chánh ngộ. Chúng ta nên lấy chỗ này làm thao thức chính cho cuộc đời tu tập của mình. Khi nào chuyện này chưa vỡ ra, thì biết rằng việc tu tập chúng ta chưa tới đâu, chưa ra gì, chưa xong việc của chính mình. Chúng ta nên thao thức như ngài A Nan. Đây là thắc mắc chính yếu của người tu khi chưa tới lẽ thật này. Đức Phật bắt đầu trả lời.

VĂN KINH

Đoạn 2: Chỉ tính nghe là thường trụ

Chi 1. Trách tâm chẳng tin phục

Phật bảo ông A Nan: "Ông tuy học rộng nghe nhiều, mà các mê lầm chưa hết, trong tâm chỉ biết suông cái nhân của điên đảo, mà cái điên đảo hiện tiền thật chưa hay biết, tôi e cho tâm thành thật của ông vẫn chưa tin phục.

Đức Phật quở trước kia ông có kiến thức học sâu rộng nhưng hiểu biết theo cái điên đảo vọng tưởng, còn cái thấy như thật thì chắc chắn ông chưa biết rồi. Những điều tôi lý luận từ đầu bản Kinh tới giờ ông chưa tin phục tôi. Từ tin phục Đức Phật nói là ngài A Nan chưa tới sự thật, chứ không phải là A Nan không tin Đức Phật.

VĂN KINH

Chi 2. Đánh chuông để gạn hỏi tính nghe

Nay tôi thử đem cái việc thế gian để trừ nghi cho ông." Liền khi ấy, đức Như Lai bảo La Hầu La đánh một

tiếng chuông và hỏi ông A Nan rằng: "Nay ông có nghe chăng?"

Ông A Nan và Đại chúng đều đáp: "Dạ có nghe."

Khi tiếng chuông hết ngân, Phật lại hỏi: "Nay ông có nghe chăng?"

Ông A Nan và Đại chúng đều đáp: "Dạ không nghe."

Khi ấy La Hầu La lại đánh một tiếng chuông nữa, Phật lại hỏi: "Nay ông có nghe chăng?"

Ông A Nan và Đại chúng đều đáp: "Dạ có nghe."

Phật lại hỏi ông A Nan: "Thế nào là ông có nghe, thế nào là ông không nghe?"

Ông A Nan và Đại chúng đều bạch Phật rằng: "Tiếng chuông nếu đánh lên thì chúng con được nghe, đánh lâu tiếng hết, âm vang đều dứt, thì gọi là không nghe."

Chi 3. Đánh chuông để gạn hỏi cái tiếng

Đức Như Lai bảo La Hầu La đánh một tiếng chuông nữa và hỏi ông A Nan rằng: "Theo ông nay có tiếng chăng?"

Ông A Nan và Đại chúng đều đáp: "Dạ có tiếng."

Giây lâu tiếng dứt, Phật lại hỏi: "Theo ông nay có tiếng chăng?"

Ông A Nan và Đại chúng đều đáp: "Dạ không tiếng".

Lát sau La Hầu La lại đánh một tiếng chuông. Phật lại hỏi ông A Nan: "Nay đối với ông có tiếng chăng?"

Ông A Nan và Đại chúng đều đáp: "Dạ có tiếng."

Phật hỏi ông A Nan: "Thế nào mà ông gọi rằng có tiếng và thế nào gọi là không tiếng?"

Ông A Nan và Đại chúng đều bạch Phật rằng: "Tiếng chuông đánh lên thì gọi là có tiếng, đánh lâu tiếng hết âm vang không còn, thì gọi là không tiếng."

Đức Phật chuẩn bị chứng minh cho ngài A Nan thấy lìa tiền trần vẫn còn có cái gì đó. Đầu tiên Đức Phật sai La Hầu La đánh chuông, tiếng chuông ngân ngân ngân, Đức Phật hỏi có nghe không? Cả A Nan và đại chúng đều nghe. Có âm thanh thì chắc chắn chúng ta nghe rồi. Khi âm thanh vừa dứt, Đức Phật hỏi: "Nay ông có nghe chăng?". Ông A Nan và Đại chúng đều đáp: "Dạ không nghe". Phật lại hỏi ông A Nan: "Thế nào là ông có nghe, thế nào là ông không nghe?" Ông A Nan và Đại chúng đều bạch Phật rằng: "Tiếng chuông nếu đánh lên thì chúng con được nghe, đánh lâu tiếng hết, âm vang đều dứt, thì gọi là không nghe". Có nghĩa khi tiếng chuông ngân ngân ngân thì chúng con có nghe, khi tiếng chuông lặng dứt thì chúng con không nghe. Phần sau chúng ta sẽ giải thích trọn vẹn ý này.

Lúc đó Đức Như Lai bảo La Hầu La đánh một tiếng chuông nữa và hỏi ông A Nan rằng: "Theo ông nay có tiếng chăng?". Ông A Nan và Đại chúng đều đáp: "Dạ có tiếng". Giây lâu tiếng dứt, Phật lại hỏi: "Theo ông nay có tiếng chăng?" Ông A Nan và Đại chúng đều đáp: "Dạ không tiếng". Lát sau La Hầu La lại đánh một tiếng chuông. Phật lại hỏi ông A Nan: "Nay đối với ông có tiếng chăng?" Ông A Nan và Đại chúng đều đáp: "Dạ có tiếng". Phật hỏi ông A Nan: "Thế nào mà ông gọi rằng có tiếng và thế nào gọi là không tiếng?" Ông A Nan và Đại chúng đều bạch Phật rằng: "Tiếng chuông đánh

lên thì gọi là có tiếng, đánh lâu tiếng hết âm vang không còn thì gọi là không tiếng.”

Khi đánh tiếng chuông ngân lên, Đức Phật hỏi ngài A Nan có nghe không? Cả ngài A Nan và Đại chúng đều đáp là có nghe, nhưng rồi tiếng chuông mất đi, không còn âm vang nữa, Đức Phật hỏi các ông có nghe không? Cả ngài A Nan và Đại chúng đều đáp là không nghe. Đây là chỗ sai lầm phần sau Đức Phật sẽ lý giải. Khi đánh tiếng chuông nữa, Đức Phật hỏi ngài A Nan và Đại chúng có tiếng không? Cả ngài A Nan và Đại chúng đều đáp là có tiếng. Đánh tiếng chuông nữa, khi tiếng chuông ngân dứt rồi Đức Phật hỏi ngài A Nan và Đại chúng có tiếng không? Cả ngài A Nan và Đại chúng đều trả lời là không có tiếng.

Đức Phật đặt ra hai vấn đề: Ông lấy cái gì gọi là nghe và lấy cái gì gọi là không nghe? Cả ngài A Nan và Đại chúng đều trả lời là khi có âm thanh vang lên thì con nghe, khi âm thanh dứt đi thì con không nghe. Đức Phật hỏi: Ông nói thế nào là có tiếng và không tiếng. Cả ngài A Nan và Đại chúng đều trả lời: Khi đánh tiếng chuông thì có tiếng, khi tiếng chuông dứt con thấy là không tiếng. Đây là chỗ nghe và không nghe, tiếng và không tiếng nó lẫn lộn. Không tiếng là đúng, nhưng không nghe là sai lầm.

Đức Phật đưa sự thật đang diễn ra trong hội chúng để gạn lại kiến thức cái thấy nhìn, ngài A Nan có lanh lợi cỡ nào khi Đức Phật hỏi có nghe hay không thì đáp dạ con có nghe, dứt tiếng hỏi có nghe hay không thì đáp dạ con không nghe là sai.

VĂN KINH

Chi 4. Trách cái nghe và tiếng rối loạn

Phật bảo ông A Nan và Đại chúng: "Hôm nay sao các ông nói trái ngược lộn xộn như thế?"

Ông A Nan và Đại chúng đều bạch Phật: "Thế nào Thế Tôn bảo chúng con nói trái ngược lộn xộn?"

Phật bảo: "Tôi hỏi ông về nghe, thì ông nói là nghe. Lại hỏi ông về tiếng, thì ông nói là tiếng. Chỉ cái nghe và cái tiếng mà ông trả lời không nhất định, như thế làm sao không gọi là trái ngược lộn xộn? A Nan, tiếng hết không còn âm vang, ông nói rằng không nghe, nếu thật không nghe, thì tính nghe đã diệt đồng như cây khô, khi tiếng chuông lại đánh lên ông làm sao mà biết tiếng? Biết có biết không tự là thanh trần hoặc không hoặc có, chứ tính nghe kia há lại vì ông mà thành có thành không. Nếu tính nghe nói là thật không thì ai biết là không nghe?

Thế nên A Nan, tiếng trong cái nghe tự có sinh diệt, chẳng phải vì ông nghe tiếng sinh tiếng diệt, khiến cho tính nghe của ông là có hay là không. Ông còn điên đảo lầm cho cái tiếng làm cái nghe, thì đâu có lạ gì không mê muội cho cái thường làm cái đoạn. Tóm lại, ông không nên nói rời các tướng động tịnh, đóng mở, thông bít thì cái nghe không có tính.

Đức Phật lý luận để chúng ta thấy rằng nếu nói theo có tiếng, không thấy Đức Phật không bàn, vì chuyện đó thường quá rồi. Đức Phật rầy A Nan ở chỗ không minh định rõ ràng giữa cái nghe và cái tiếng. Bây giờ có âm thanh thì có nghe, không âm thanh thì gọi là không nghe. Có tiếng và không tiếng thành lẫn lộn. Nếu tánh nghe của ông khi có âm thanh ông nghe và khi âm thanh không có là ông không nghe.

Nếu cái không nghe này thực sự không nghe rồi thì nó hoàn toàn không nghe được gì hết, nhưng tại sao đánh tiếng chuông nữa ông lại nghe? Đánh tiếng chuông thì ông nghe, tiếng chuông dứt thì ông không nghe, nếu cái không nghe đang hiện ở đây thì do âm thanh hết nên ông hoàn toàn không còn nghe được nữa, nhưng tại sao đánh tiếng chuông nữa ông lại nghe? Có nghĩa là có một cái gì đó ngoài âm thanh và tiền trần. Cái nghe của chúng ta không phải do có âm thanh mà nó nghe, không phải do không âm thanh mà nó không nghe.

Điều này Đức Phật đã chỉ rồi, nhưng do ngài A Nan thắc mắc nên Đức Phật nói lại. Nếu chúng ta nói một tiếng có một âm thanh mình nghe và bây giờ tiếng đó mất mình không nghe nữa thì tiếng kế tiếp mình hoàn toàn không nghe. Như chúng tôi nói tiếng Phật, Pháp, Tăng thì tiếng Phật nói ra nó mất, nếu như ngay cái mất đó mình không còn nghe nữa, thì tiếng Pháp kế tiếp chúng ta không bao giờ nhận biết được. Tiếng Pháp đó mất chúng ta cũng mất nghe luôn, thì tiếng Tăng chúng ta không nhận biết được, đằng này tiếng Phật, Pháp, Tăng chúng ta nhận biết rõ. Có tiếng chúng ta nhận là nó có tiếng, không tiếng chúng ta cũng nhận biết lúc đó là không tiếng, thì cái nhận biết này nó không theo âm thanh mà còn, mà mất.

Ý Đức Phật muốn chỉ chỗ này. Chúng ta phải làm sao nhận được điều quan trọng, đây là cửa ngõ chúng ta bắt đầu vào. Chúng ta phải nhận điều rất kỳ diệu nơi mình là có âm thanh nó cũng nhận biết, không âm thanh nó cũng nhận biết không có âm thanh. Câu trả lời đúng khi Đức Phật hỏi ông có nghe không thì chúng ta trả lời là có nghe âm thanh, khi dứt âm thanh Đức Phật hỏi ông có nghe không thì chúng ta trả lời

là nghe không âm thanh. Cái nghe của mình lúc có âm thanh nó cũng nghe, lúc không có âm thanh nó cũng nghe.

Đoạn trước ngài A Nan lý luận rằng lìa tiền trần thì không có cái gì, đó là lý luận sai. Đức Phật muốn kết luận cho ngài A Nan thấy rằng ông nói lìa tiền trần là không, khi nó trở thành không rồi thì ông không còn chấp nhận có cái lặng lẽ thường tri nào ngoài tiền trần. Với kiến thức của ngài A Nan, có tiền trần thì có hình sắc, có âm thanh; không tiền trần thì hoàn toàn không có hình sắc, không có âm thanh; điều đó hoàn toàn đúng, nhưng ngoài hình sắc, âm thanh và tiền trần ra vẫn còn có một cái khác, chứ không phải lìa cái đó là rỗng không, là hết. Chúng ta làm sao thấy biết được lìa căn trần chúng ta vẫn còn có một cái gì đó, theo lối lý luận này. Người nào đủ lòng tin, đủ kiến thức, đủ hiểu biết này thì xem như chúng ta sắp sửa bước vào cửa nhà Thiền. Nếu không chúng ta không thể vô cửa nhà Thiền nổi.

Nếu chúng ta không biết được điều này thì chúng ta cố gắng đè nén vọng niệm của mình trong lúc tu tập, cố gắng trừ khử vọng niệm mình trong lúc đi vào công phu chuyên môn, cho tới đạt được cái Không lúc đó mình mới chấp nhận là mình tu tốt. Còn khi nào mình ngồi ở đâu cứ vọng tưởng hoài, ngồi yên chút là chuyện quá khứ nó cứ trào hoài, đóng cửa ngồi một mình thì đủ thứ chuyện trên đời nó hiện ra không còn sót một mảy may thì có phải là mình tu dỡ hay không. Ai đủ bản lĩnh để thấy điều này?

Thực sự chúng ta thanh tịnh chúng ta mới thấy được chuyện quá khứ của mình, còn không thanh tịnh chúng ta không nhớ được chuyện quá khứ. Nếu thanh tịnh đến mức độ tuyệt đối chúng ta có thể thấy luôn những đời kiếp trước gọi

là Túc mạng thông. Còn thanh tịnh sơ sơ thấy hết một đời mình tới ba bốn tuổi là bít. Tất cả những chuyện quá khứ khởi lên trong lúc chúng ta yên ở một chỗ, hay trong lúc nhập thất là điều tốt hay xấu? Nếu mình chủ động để mình khởi thì xấu, nhưng tự động nó khởi ra không phải do mình muốn khởi, không phải mình moi móc chuyện quá khứ thì đây là điều tốt.

Quý vị tưởng tượng mắt mình như máy chụp hình, chúng ta ngắm ngắm bấm là dính cảnh, mắt nó nhạy gấp tỷ lần máy chụp hình, chỉ cần một thoáng qua là thấy không sót thứ nào và dính hết thành hình nơi tâm liền. Bao nhiêu âm thanh chỉ cần lướt qua tai là thành hình rồi, đừng nghĩ là nó mất. Từ ngàn xưa tới bây giờ chưa có cái gì gọi là mất cả. Đến đỉnh cao của chuyên môn chúng ta sẽ nói sâu tới chuyện này.

Có khi bài đó mình cố tình học thuộc lòng hoài mà không nhớ. Có những bản Kinh mình chỉ đọc lướt qua thôi mình không nhớ, nhưng khi tâm chúng ta thanh tịnh chúng ta bắt đầu nhớ từng nét một, nhớ không sót. Lúc chúng ta đang ngồi công phu thì những chuyện quá khứ nó tự ùn ùn trào ra, nó nhớ tới người nào đó bắt đầu nó giận người đó vì ngày xưa lấn lướt mình, nếu chúng ta đang tu thì chúng ta phải làm sao? Dừng cơn tức hay sao? Phải làm sao để chúng ta có thể đối phó với tất cả những thuận nghịch trong tâm của mình đây?

Rõ ràng người tu mà nổi điên nổi khùng lên giận chửi người ta lầm bầm, là mình đã nghịch với con đường đạo rồi. Mỗi lần chuyện quá khứ trào dâng nơi tâm mình thì mình làm sao? Hoặc mình thương ai một cách da diết, nhớ người đó không thể kìm chế được, hoặc nhớ lại hận một người mà mình không thể kìm chế được, thì chúng ta phải làm sao? Đương nhiên người tu phải dừng lại điều này rồi, không phải nuôi

mối hận để khi ra thất đi tới hại người ta, không phải nuôi tình cảm để đi tới thương yêu người đó tiếp tục. Nhưng nếu chúng ta dự vào hai đầu của vọng niệm thì mình sẽ thành thương và thành ghét, nên người tu thường hay nói tôi công phu tức là tôi xả bỏ. Xả cũng không đúng, lấy cũng không được. Nếu trong lúc chúng ta công phu mà chúng ta cố tình xả bỏ ý niệm, là coi chừng sai lầm. Đó là sự chọn lựa khác của tâm thức, một trò chơi mới của tâm thức mà thôi. Đây là điều hết sức chuyên môn của người tu.

Ví dụ khởi lên cái hận ông đó, hồi xưa ổng gạt mình như vậy, mình bao nhiêu ngày đói khát, không có nhà ăn chốn ở, mình ly hương tha phương cầu thực, khổ sở đó là mối hận khó quên với mình. Ngồi đó mình nghĩ cho hết chuyện đó. Bây giờ phải gặp ổng lấy hết tiền của của ổng cho thỏa lòng mình. Mình nghĩ cho hết chuyện đó. Có phải là mình thấy hết từ đầu ý niệm không? Đây là vấn đề. Làm sao mình thấy rõ ràng từng ý niệm từng ý niệm từng ý niệm từ đầu tới bây giờ. Thấy hay không? Mình phải xác định rõ ràng để thấy mình có tu hay không? Vì đây là chỗ công phu thực sự.

Nếu chúng ta không công phu được chỗ này thì đừng nói chuyện chiều sâu của Phật Pháp. Phải thấy chỗ này một cách rất rõ ràng của chính mình. Mình nói mình là người tu, mình thấy được mình thì từng ý niệm nhỏ nhiệm mình phải thấy. Nếu mình là người chuyên tu, phải tập trung tư tưởng để thấy được ý niệm của mình. Thấy được động khởi đó là vọng, tất cả những động niệm nơi tâm là vọng với mình, mình cũng xác quyết như vậy rồi, cho nên mình ngồi, vọng khởi mình thấy, mình không theo. Mình thấy là giỏi hơn cái thấy mà

không theo, thấy một cái nó tự biến. Nhưng chỗ này mình thấy bằng cái gì để vọng niệm này tan biến?

Chúng ta nhận biết và tin mình có cái bản thể thường tri, mình đứng ở bản thể đó để mình nhìn thấy vọng tưởng thì vọng tưởng tan biến, đúng không? Đây là chỗ hết sức tinh vi, cho nên đừng nói người tu là thường. Người tu không phải tầm thường. Phải là loại trí tuệ hết sức sắc bén lắm mới nhận ra cửa ngõ này. Một khe rất nhỏ bằng một phần tỷ của sợi tóc thôi, mà chúng ta phải qua được khe đó thì mới xong chuyện, nếu không chúng ta bị vướng hết. Rất nhiều người đã từng ngồi Thiền đến chỗ yên lặng đó mà nghe mà thấy mọi duyên không động niệm, rồi cho đó là Tánh thường tri của mình. Xin chia buồn, rất nhiều người Ngộ Tánh kiểu này và bảo đảm những người đó còn nguyên không biến chuyển.

Tại vì sao? Vì vẫn còn chỗ lặng lẽ để mình nhận nó. Ai nhận? Mình nhận cái lặng lẽ đó là đạo. Đạo là cái mình nhận được chăng? Nếu mình có đạo để mình nhận là ngã chấp nhận. Lúc đó hiện đang có ngã và có pháp thì lấy cái gì để ra khỏi chỗ này? Tôi chấp nhận chỗ này là thanh tịnh, chấp nhận chỗ này là đạo, bản ngã vẫn còn nguyên.

Khi đến chỗ chuyên môn chúng ta phải hết sức trầm tĩnh, đừng bao giờ đưa kiến thức can dự vào và đừng có tin ý thức này. Chúng ta sẽ xả bỏ cái chấp nhận, khái niệm, khẳng định, định nghĩa từ trước tới giờ với mình đi. Chỗ này chúng ta buông nhẹ nó để mình rớt vào trạng thái mà không còn tập trung để công phu, không còn chú ý để công phu, không còn tập trung để mà biết, tức là không còn sử dụng thói thường từ trước tới giờ trong căn trần thì hy vọng chúng ta biết chỗ này.

Cảnh giới ngũ uẩn giai không là cảnh giới thực sự chứ không phải là không có. Chỗ này cũng vậy, nếu chúng ta thực sự chuyên môn thì chỗ này chúng ta không còn hý luận được đâu. Nhưng chúng tôi nói rằng, nếu như chỗ này chúng ta nhận biết và lúc đó chúng ta còn là mình để thấy cái buồn, thương, giận, ghét thì vẫn còn có hai. Bây giờ mình thấy mình thường tri, tức là mình đứng chân trời Tự Tánh để thấy được vọng niệm, thì nó sẽ trở thành loại ngã chấp mới của mình. Mình nhận cái thường tri là mình là chưa phá được ngũ uẩn.

Học đạo đến chỗ chuyên môn mình thấy rõ ràng kiến giải mình từ xưa tới giờ là chưa tới, mình phải chấp nhận mình chưa tới thì hy vọng mình còn tới. Mình đã học, đã hiểu với bao nhiêu Kinh nghiệm, bao nhiêu kiến thức từ ngàn xưa tới giờ, mình kết luận chỗ lặng lẽ thường tri là mình, là bằng cái kết luận của kiến thức chứ mình chưa đạt tới cảnh giới thường tri.

Vì cái tri đó đang được mình chấp nhận, được mình Kinh nghiệm để mình lấy Kinh nghiệm tu tập đó mà mình soi rọi các pháp, gọi là đứng chân trời Tự Tánh để nhìn muôn vật. Nhưng mà vẫn chưa phải vì còn một niệm ngộ in tuồng người mê cũ, không khác. Ngài Trí Thường nói với Lục Tổ trong Pháp Bảo Đàn Kinh: *"Tình còn một niệm ngộ. Đâu vượt mê ngàn xưa."* Đến chỗ này nếu thực sự là người chuyên môn, phải thấy được cái lỗi của mình là *"*mình ngộ đạo.*"* Mình ngộ đạo là cái lỗi thật sự rất lớn. Tuy là rất nhỏ nhưng nó che chắn toàn bộ trí tuệ sắp có của mình. Đây là điều dễ sợ nhất. Cho nên phải phát nguyện *"nguyện con phá trừ được những cù cặn nghiệp tập, những vi tế ngã chấp pháp chấp"* là ở chỗ này.

Đây là cái vi tế thật sự, mình không nhận biết rằng mình tan bản ngã hay chưa. Nhưng tại mình tu cực quá rồi, hai chục năm, ba chục năm, cả một đời tu tập chuyên môn của mình mà bây giờ đạt tới chỗ lặng lẽ mình không nhận sao được, không nhận thì đâu phải là đạo. Rõ ràng đúng như Kinh Đức Phật nói là mình thấy không khởi niệm, nghe không khởi niệm mà còn nghe trùm khắp pháp giới, trước sau trong ngoài nghe hết mà không khởi niệm nào, điều này mình không chấp nhận đạo thì ai vô đây. Đó không phải là đạo thì là cái gì? Nhưng mà chưa xong. Còn một chút xíu xiu nữa thôi.

Chúng ta tập công phu, khi cái buồn, thương, giận, ghét xảy ra nơi tâm làm sao chúng ta qua được? Vấn đề này mới quan trọng. Đương nhiên trong một số sách vở, trong một số Kinh điển, trong một số bài giảng của các vị có một chút chuyên môn thì các vị đều nói một câu "biết là xong." Nhưng biết thế nào mới gọi là xong? Biết thế nào mới là vấn đề. Mình biết thấy nó qua, nhưng mà nó đã sạch chưa hay còn tái diễn trở lại?

Cho nên trong đầu bản Kinh Kim Cang, Đức Phật nói*:"Tất cả các loài chúng sanh ta đều khiến vào vô dư Niết Bàn mà được diệt độ đó. Diệt độ như thế vô lượng, vô số, vô biên chúng sanh mà thật không có chúng sanh được diệt độ."* Một chúng sinh khởi lên với mình làm sao nó tới Vô Dư Y Niết Bàn? Nó khởi lên rồi nó lặn là tới Vô Dư Y Niết Bàn chưa? Bây giờ lặn hết những ý niệm buồn, thương, giận, ghét là tới Vô Dư Y Niết Bàn chưa? Chưa chắc! Vậy mình tri làm sao? Để dành làm công án? Mình phải đủ bình tĩnh và có Thiền định hết sức sâu lắng để mình nhận ra cái chỗ vẫn là quen thuộc. Một điều rất lạ lùng là tới chỗ này cái nhận biết

đó vẫn là quen thuộc, vẫn là cái thói của tâm thức, vẫn là lối mòn cũ chưa phải là con đường mới. Và như vậy đặt ra một câu hỏi nữa để lộ ra cái này.

Ví dụ mình đang khởi giận một người, có thể đánh họ, đốt nhà họ, lấy hết của cải của họ … Xảy ra ý niệm đó mình cắt một cái gọn rồi, coi như chuyện đó không còn với mình nữa. Bằng cái lặng lẽ thường tri của mình, mình có thể cắt được dòng ý niệm này, nhưng lỡ một chút nữa một ý niệm thương người quá thì mình làm sao? Mình cũng đứng ở chân trời lặng lẽ thường tri để mình cắt ý niệm kia hay sao? Và dù cho mình có cắt được thì mình là cái gì rồi. Là lập lại công phu cũ lần thứ hai. Nhưng Tự Tánh thì không phải là Kinh nghiệm và lập lại. Cái lập lại là tâm thức.

Cho nên mình cắt ý niệm hồi nãy cũng như cắt ý niệm bây giờ nó giống nhau hay khác nhau? Giống cũng không phải, mà khác cũng không đúng. Thành ra công phu đến mức độ chuyên môn cái đầu mình không chịu nổi. Kiến thức hiểu biết thế này thế kia nó còn ở đâu đó, đối với Phật Pháp chuyên môn nó không phải là kiến thức, không phải là ý thức mà là một cái thấy thực sự của đạo.

Quý vị đủ tin rằng mình có cái thường nghe, bây giờ đánh tiếng chuông chúng ta nghe, tiếng chuông lặng chúng ta cũng nghe, đánh tiếng chuông sau chúng ta cũng nghe thì mình liền nhận biết là mình có cái thường nghe. Câu hỏi đặt ra là: Cái nghe âm thanh thứ nhất và cái nghe âm thanh thứ hai giống nhau hay khác nhau? Nếu âm thanh hồi nãy mình nghe cũng như vậy và bây giờ mình nghe cái giống như vậy, mình nghĩ cái giống nhau đó là cái thường hằng. Do hồi nãy nghe như vậy nên bây giờ mình mới nghe như vậy, tức là mình

có cái thường nghe như vậy. Từ xưa tới giờ mình chấp nhận như vậy, có ai có cái thấy khác hơn không?

Vấn đề là ở chỗ này. Giống thì không phải mà khác thì không đúng. Không ra được chỗ này thì đừng mong thấy được đạo. Chúng ta phải có con mắt nào đó để nó xuyên thấu được chỗ này. Đến với đạo lý chúng ta phải thấy tới sự thật của nó chứ không phải thông qua cái đầu. Tất cả chúng ta đều có thể tưởng tượng ra, hoặc là chúng ta có khả năng công phu cho chính bản thân mình đạt tới cảnh giới lặng yên mà rõ biết. Chuyện này nhiều người làm được, nhưng nếu chúng ta tới chỗ này và chúng ta đang ở trong cảnh giới lặng lẽ thường tri nói tiếng nào chúng ta nghe tiếng đó, âm thanh xung quanh mình nghe hết không khác nhau. Không khác thì giống chớ không còn con đường nào nữa. Mình chấp nhận chỗ này là đạo được chưa?

Nhưng chuyên môn có cái gì thật sự khác chứ không nằm trên lý luận mà được. Thành ra chúng tôi xin gợi ý với người đã có kiến thức và có một chút Kinh nghiệm chuyên môn, nên lắng tâm thật kỹ lưỡng, nếu không chúng ta bị mình gạt chính mình mà không khai được tuệ Phật đạo.

Chỗ này là cửa mở mà cũng là cửa khóa. Nó có thể mở toang cánh cửa giác ngộ giải thoát cho chúng ta nếu chúng ta nhận đúng. Và nó sẽ mãi mãi đóng bít nếu chúng ta nhận đây là đạo. Người này sẽ bị đóng bít không phải kiếp này mà ngàn muôn kiếp về sau. Đạo là vượt tầm hiểu biết, phải tương ưng với chỗ đó mới tương thông, còn nhận là sai rồi.

Chúng tôi gợi ý là chúng ta đã từng nhận biết yên lặng thanh tịnh, chúng ta đã từng an trú ngày này qua tới ngày kia, ngày kia qua tới ngày nọ cho tới tỷ kiếp đi nữa đối với Tự

Tánh vẫn chưa có dính dáng. Dù chúng ta ở chỗ yên lặng mà rõ biết thường tri vẫn chưa dính dáng gì. Chúng tôi mong mỏi tất cả những người tu vượt qua, đừng đứng ở ủng lầy đó, uổng phí cuộc đời chúng ta. Chỗ đó là cái ủng chết, là vũng lầy và rất nhiều người tu Thiền dẫm chân tới đó chết không qua được.

Chúng ta phải qua cửa ngõ này, đó là chưa nói tới định, dù có định hàng tỷ kiếp đi nữa và người tu Thiền tông tới chỗ lặng lẽ thường tri cho là ngon hơn người nhập định kia, chưa chắc, hai người gần giống như nhau.

Đây là cửa mà thực sự chúng ta phải mở toang. Chỗ này chỉ cần lách một chút là qua một khe nhỏ, thì chúng ta mới xong được việc, nếu không nó sẽ lùng tung lúng túng cả đời của mình và không đủ sức phá vỡ sanh tử. Nếu qua cửa này họ thừa sức phá vỡ sanh tử, muốn chết kiểu nào chết, muốn sống kiểu nào sống, muốn kéo dài mạng sống cũng được, muốn tắt ngay cũng được, muốn để lại thân cũng được, muốn hủy thân cũng được.

VĂN KINH

Chi 5. Nghiệm xét tiếng chày để trách theo tiếng

Như có người ngủ say trên giường gối, trong lúc người kia đang ngủ, trong nhà có người giã gạo. Người ấy ở trong chiêm bao nghe tiếng chày giã gạo, lầm cho là tiếng gì khác, hoặc cho là đánh trống, hoặc là gióng chuông. Tức ngay khi trong mộng, người ấy tự lấy làm lạ sao tiếng chuông lại vang lên như là tiếng cây tiếng đá. Khi ấy chợt tỉnh dậy biết là tiếng chày giã gạo thì người ấy tự bảo người trong nhà, chính khi tôi chiêm bao lầm tiếng chày

này cho là tiếng trống. A Nan, người ấy khi ở trong chiêm bao đâu có nhớ những việc động tịnh, mở đóng, thông bít; thân người ấy tuy nằm ngủ, nhưng tính nghe không mờ tối; dẫu cho thân hình ông có tiêu tan, mạng căn có dời đổi diệt mất, làm sao tính nghe ấy lại vì ông mà tiêu diệt được?

Do các chúng sinh từ vô thỉ đến nay theo các thứ sắc thanh dong ruổi với vọng niệm mà lưu chuyển, chưa từng khai ngộ bản tính thanh tịnh diệu thường; không theo cái thường chỉ theo các thứ sinh diệt, do đó mà đời đời bị tạp nhiễm phải chịu lưu chuyển.

Đức Phật ví dụ một người đang ngủ vẫn nghe tiếng động bên ngoài, trong cái mơ màng ngủ thức đó nhiều khi tiếng chày giã gạo họ nghe là tiếng chuông và trong mộng cũng thắc mắc là tại sao bữa nay tiếng chuông nó nghe giống tiếng đá kêu quá. Khi họ thức giấc rồi thì họ mới phát hiện ra được là mình nghe tiếng chày, chớ không phải tiếng chuông. Như vậy giữa ngủ và thức vẫn còn nguyên cái nghe đó, nhưng cái xác định tiếng chày và tiếng chuông trong cái mơ màng và trong cái tỉnh nó khác nhau.

Ở đây Đức Phật muốn nói tới điều gì? Là dù mình có ngủ đi nữa thì cái nghe đó vẫn còn và dù cho mình có chết đi nó cũng vẫn còn. Người nào tin rằng trong lúc ngủ, trong lúc thức, trong lúc thấy, trong lúc không thấy thì không có khái niệm động và tịnh, không có khái niệm thông và bít, không có khái niệm sáng và tối nhưng nó vẫn rõ ràng nhận biết được âm thanh bên ngoài, thì chính cái này được gọi là Tự Tánh của mình. Nếu chúng ta chấp nhận, hiểu thấu được điều này thì ngủ thức gì nó cũng hiện tiền và sống chết gì nó cũng hiện tiền. Người nào tin như vậy thì tạm gọi là có đủ lòng tin,

nhưng tới được là chuyện khác, tin là chuyện khác, hai cái này khác nhau rất xa.

Đức Phật muốn mình nhận ra được cái đang nghe của mình trong từng giờ, từng phút, từng giây nó không bị thay đổi với thời gian và không gian. Tức là chúng ta có cái thường hay nghe ở nơi mình. Ngủ nó cũng nghe, thức nó cũng nghe, có âm thanh nó cũng nghe, không có âm thanh nó cũng nghe. Qua đoạn này chúng ta hiểu rằng ngoài tiền trần ra nó vẫn còn cái gì đó hoàn toàn không mất giống như ngài A Nan nói ở đoạn trước. Ngoài tiền trần ra vẫn còn cái hay nghe, hay biết, nó không bị thay đổi, không bị sinh diệt bởi thời gian và không gian.

VĂN KINH

Chi 6. Tóm kết bỏ cái sinh diệt để hoàn thành tri giác

Nếu bỏ cái sinh diệt, giữ tính chân thường, cái sáng suốt chân thường hiện tiền, các thứ tâm niệm căn, trần, thức đồng thời tiêu mất. Tướng của vọng tưởng là trần, tình phân biệt là cấu, cả hai đều xa lìa, thì pháp nhãn của ông liền được trong suốt, làm sao lại không thành bậc Vô Thượng Tri Giác?

Tướng vọng tưởng là trần, tình phân biệt là cấu. Ví dụ ngồi đây chúng ta khởi ý niệm gì đó, hoặc nhớ hình người nào, hoặc nhớ âm thanh nào hoặc nhớ chuyện gì đã qua thì đó là tướng vọng tưởng, là trần, là cái bên ngoài. Chúng ta có thể phân biệt cái này là tốt, cái này là xấu, là hay, là dở nó làm cấu bẩn tâm thức chúng ta. Vậy sự phân biệt ở bên trong và tướng tiền trần mà mình có thể thấy được nó, cả hai cái này

chúng ta xa lìa thì pháp nhãn liền được thông suốt và sẽ chứng quả Vô Thượng Tri Giác.

Pháp tu này đối với chúng ta dễ hay khó. Quá dễ đi, nhưng mấy người làm được? Bây giờ mình thấy rất rõ ràng tất cả những vọng tưởng là tiền trần để mình không dính nó, tất cả những sự phân biệt làm cấu bẩn nơi tâm chúng ta tiếp tục không dính nữa, nghe lời Đức Phật chúng ta bắt đầu đi vào công phu.

Chúng ta đang ngồi hết sức lắng đọng thanh tịnh ngay tại đây, để tất cả những hiện khởi xảy ra nơi đầu của mình, những ý niệm nhớ người này người nọ, những câu nói … tất cả những cái hiện ra nơi tâm chúng ta lìa nó. Lúc suy nghĩ mình cho nó là đúng, là sai, là hay, là dở, chấp nhận, không chấp nhận, lấy hay bỏ chúng ta cũng xa lìa. Hai hiện tượng xảy ra nơi tâm thức chúng ta đều rõ biết để xa lìa nó là chúng ta công phu và chúng ta chấp nhận công phu này. Thực sự làm được điều này cũng là cao thủ rồi, nhưng có điều, đơn giản là cả đời có khi chúng ta không thấy được: "Đạo Phật là thấy đúng như thật của mọi vấn đề." Người có trí thấy đúng như thật vị trí mình đang ở, vị trí mình đang đứng, chỗ mình đang tu tập. Nếu chúng ta hoàn toàn không có trí thì chúng ta không biết mình là ai, không biết mình đứng đâu, không biết mình tu như thế nào.

Chúng ta phải thấy đúng như thật một ý niệm. Biết vọng là giả, nó chợt khởi chợt mất, để mình không theo nó, cũng là cách chúng ta công phu. Việc này hoàn toàn không có sai, nhưng đó chỉ là vén một bức màn mỏng ở bên ngoài thôi. Nhưng bức màn này buộc chúng ta phải vén, nếu không thì chúng ta cũng không tới chiều sâu tâm linh được đâu. Buộc

chúng ta tu phải thấy rõ điều này, đây là cửa ngõ khác của Thiền Đại thừa. Một phen người hành giả nhận biết tất cả động niệm đều là giả, là huyễn, là không thật, là chúng ta bước một bước rất dài trong công phu chứ không phải là ngắn.

Nhưng thấy cái đó là Thiền chứ chưa phải là Thiền Tông. Cái biết hiện tiền của chúng ta là bao nhiêu ý niệm khởi lên nó liền biết. Nhưng một sự chú ý tập trung để biết nó với cái biết không tập trung, không chú ý, chúng ta khéo nhận ra. Không nhận ra hai cái này thì chưa phải là Thiền tông. Thiền tông phải thấy rõ ràng là lúc mình đang biết này thì cái biết nó thuộc dạng nào. Còn nếu tập trung là sự vay mượn của người khác. Ví dụ ông thầy dạy là mình có cái biết thường hằng, cho nên mình trụ nơi cái biết để mình biết tất cả vọng niệm, thì điều này hoàn toàn không sai và mình bắt đầu công phu. Như vậy là mình nhận được công phu từ thầy dạy.

Có một pháp để công phu, đó là pháp biết vọng. Nhưng cái biết ban đầu chúng ta còn tập trung, còn cố gắng để mình nhìn vô tâm mình, mình thấy cái động niệm khởi thế này thế kia là vọng. Như vậy là đã quá giỏi rồi, nhưng nếu mình thấy rõ sự động niệm mà chưa gán danh từ là tham, sân, si; chưa gán cho nó là vọng hay không vọng; tức là nó không được đặt thêm một cái tên nào nữa ngoài cái thấy đó, thấy mà chưa định danh. Chúng ta phải qua một lớp đó nữa, vén bức màn thứ hai để thấy rằng cái động đó nó chưa thành hình, nó chưa là vọng, chưa là tham, chưa là sân, chưa là si; nó chỉ là cái động ở nơi tâm thôi.

Nếu chúng ta thực sự công phu thì vừa động là chúng ta nhận biết. Vừa động chúng ta nhận biết là biết được cái đầu của vọng niệm, như thế chúng ta mới đủ sức an. Nhận nó là

tham, là sân, là si là chúng ta không an nổi tại nó đã thành hình tham, thành hình sân, thành hình si rồi. Chúng ta phải nhận trước chỗ động đó, lúc nó chưa thành hình, chưa thành câu, chưa thành lời, chưa thành chữ, chưa thành danh, chưa thành tánh. Cái thấy này phải vượt ngoài tưởng ấm mới đủ sức thấy. Vì khi nó thành hình là nó thành tưởng ấm rồi, đã quá xa rồi, nên mình thấy có tham, có sân, có si nơi lòng. Nếu vượt qua tưởng ấm mình mới thấy là cái vận hành miên man liên tục chưa ra cái gì hết, chưa thành câu, thành chữ, thành lời, đó là hành ấm.

Nếu công phu xa hơn nữa chúng ta sẽ nhận ra được là ở nơi tâm của mình nó có một cái gợn lăn tăn, không phải là cái yên tịnh, thì đây là cái biết của thức. Cái biết này nó nhận định một cách rõ ràng là mình và ý niệm một cách rất tinh tế. Mình và cái gợn lăn tăn nó sâu thẳm bên trong, rõ ràng là nó còn hai. Nó còn nhận biết và còn cái gợn lăn tăn để đang bị nó biết, chỉ là cái biết của thức, nhưng mà cái biết này không phải là động, cái biết này khi có thân là có nó. Cho nên chúng ta mới thấy rằng chưa qua cửa ngõ của ngũ uẩn thì phải qua cửa ngõ của thức uẩn, mà thức uẩn có mặt khi có thân, cho nên cái phân biệt của nó ở nơi thân tâm, chưa phân biệt ra ngoài thân tâm nổi. Ra ngoài thân tâm nó không biết, trở thành cái không. Đến mức độ lặng lẽ để biết mọi vấn đề nơi tâm của mình thì đó chưa phải là cái biết của trí. Nên khéo nhận ra điều này, nếu không mình sẽ chết ở chân trời ý thức này không ra được.

Chân trời của thức ấm nó mênh mang khủng khiếp lắm, đừng nghĩ là nó nhỏ nhiệm thường tình. Nó biết được cái nhận định của mắt, nó biết được cái phân biệt của âm thanh,

nó biết được cái phân biệt mùi vị. Nó biết được cái xúc chạm này và nó biết được những cái mảy trần mong manh đang hiện khởi nơi tâm của mình, thì cái biết đó chưa phải là trí, chỉ là thức mà thôi. Thức là tri, mà nó thường tri ở nơi thân, và chỉ có vùng trời của thân tâm là thức này biết thôi. Nó biết luôn cả cái sinh hoạt nhỏ nhiệm của thân và biết luôn cả cái sinh hoạt nhỏ nhiệm của tâm, vì lúc đó nó còn nhận định, có thân và có tâm. Có cái biết và cái bị biết nên chưa ra được. Thì mình biết cái kiểu nào để ra đây?

Người tu tập có hoài bão giác ngộ giải thoát ngay trong đời này thì chỗ này chúng ta phải thật sự để tâm. Chỗ này chỉ cần một xíu xiu nhỏ nhiệm nữa thôi là Thánh, phàm phân minh. Chỉ cần một gõ nhẹ nó có thể tan biến cả pháp giới này, nhưng dùng dùi đục là nó còn nguyên đó, cho nên phải hết sức khéo. Có những pháp môn tu tập không cho người ta học, có những môn phái cho người ta học nhiều kiến thức, hai con đường đó chưa đi đến chỗ này. Khi học đạo chúng ta phải tìm cho ra dòng đạo thực sự chuyên môn, để có thể phá vỡ mình ngay tại đây. Chúng ta phải học để mình có thể tan biến được, hoặc để mình có thể ra được sanh tử ngay tức thời, chứ không phải học để chút nữa tu. Nghe giảng là chúng ta phải tan biến, tự nát mình ngay tại chỗ, đừng để chút nữa làm là hư chuyện.

Học đạo mà có một Pháp để tu là không phải đạo Thiền. Đạo Thiền không dạy chúng ta công phu chuyên môn, nhất là càng đi vào chuyên môn chừng nào chúng ta càng thấy rằng không có Pháp để chúng ta dụng công. Người nào dám không dụng công thì người đó mới dám bước vô cửa ngõ nhà Thiền. Nếu mình vẫn còn phải như thế này, phải như thế kia

mình mới chấp nhận được; không như thế này, không như thế kia mình không chấp nhận được, là người đó chưa phải đi vào con đường thực sự của Thiền tông.

Đến chỗ này, Đức Phật muốn cho chúng ta đạt tới vị trí nhận biết thường hằng. Chúng ta thấy mình có cái thường nghe, có âm thanh cũng nghe, không có âm thanh cũng nghe. Nhưng muốn hòa nhập thực sự thành cái thường nghe đó đoạn sau chúng ta sẽ học tiếp. Nhưng không phải cái thường nghe này là cái mình có thể hiểu và chấp nhận. Đạo Phật chuyên môn không thể hiểu và chấp nhận mà được. Đương nhiên là mình phải có kiến giải chân chánh, tức là mình phải có cái thấy nhìn đúng đắn. Nhưng khi mình đã thấy hiểu đúng đắn, thì phải biết rằng đó chỉ là sự chấp nhận của tâm thức, chưa phải cái đến của chính mình. Người học Phật phải đủ trí tuệ để thấy là mình đến hay mình hiểu, nếu không mình tự gạt mình.

Những cảnh giới chuyên môn, đòi hỏi phải một người chuyên môn bên cạnh mình khi mình có bước chuyển. Ví dụ từ trước giờ mình công phu chưa đạt được cái lặng lẽ thường tri, nhưng bữa nay tu rồi mình thấy lúc nào mình cũng có cái biết bên mình. Cái biết đó luôn thanh tịnh, rỗng lặng, an lạc là đạo rồi nên chấp nhận. Chỗ này phải thực sự coi chừng, rất khó qua cửa ngõ này.

Nếu trong cuộc đời này của mình chỉ còn việc giác ngộ giải thoát là tối hậu, thì chúng ta cần phải đào sâu chuyên môn đến mức độ tận cùng, để khi tâm mình chuyển từ cảnh giới này sang cảnh giới nọ, mình thừa biết rằng mình đang có những bước chuyển chứ chưa thực sự phá vỡ. Có những bước chuyển đều đáng mừng, đáng trân trọng, nhưng nói những

chuyển đó để mình được vượt thoát sanh tử luân hồi thì chúng ta phải xét lại. Nói gì thì nói chúng ta vẫn còn nhiều cái mù mờ sâu trong công phu lắm, mà người tu phải dè dặt. Có khi chúng ta hiểu hết rồi không có chỗ nào mình không hiểu, nhưng chưa chắc là mình tới. Đó chỉ là cái hiểu thôi, chúng ta nên dè dặt.

HẾT QUYỂN 2

MỤC LỤC

SƠ LƯỢC TIỂU SỬTỲ KHEO THÍCH TUỆ HẢI 2
KINH THỦ LĂNG NGHIÊM 1
Mục 8: Chỉ rõ vọng sinh tiếp nối và các đại không ngại nhau 1
Đoạn 1: Ông Mãn Từ khen ngợi Phật và trình bày chỗ nghi 1
Đoạn 2: Thiết lập hai điều nạn vấn 14
Đoạn 3: Phật hứa sẽ tuyên nói nghĩa thù thắng bảo đại chúng hãy lắng nghe 16
Đoạn 4: Nêu bản tính để chỉ rõ căn nguyên hư dối 17
Đoạn 5: Chỉ nguyên nhân có tướng thế giới hư không và chúng sinh 34
Đoạn 6: Chỉ ba tướng kết quả tiếp nối 52
Đoạn 7: Thuyết minh giác chẳng sinh mê 100
Đoạn 8: Chỉ bày các đại có thể dung nhau 117
Mục 9: Chỉ Diệu minh hợp với tạng tính "phi" "tức" cả hai đều ly 137
Đoạn 1: Chỉ trái với Giác Tánh hợp theo trần tướng 137
Đoạn 2: Chỉ tính Diệu minh hợp với Như Lai Tạng 145
Đoạn 3: Chỉ như lai tạng đều "phi" tất cả 167
Đoạn 4: chỉ như lai tạng đều "tức" tất cả 183
Đoạn 5: Chỉ ra ngoài các nghĩa "phi" tức" và phải nhờ đến ngón tay khéo 186
Mục 10: Chỉ mê vọng không có nhân, hết mê tức là Bồ đề 212
Đoạn 1: Nghi Tánh giác nhân đâu có vọng 212
Đoạn 2: Chỉ mê vốn không nhân 216
Đoạn 3: Chỉ dứt các duyên thì hết cuồng, Tánh giác trùm khắp 237
Mục 11: Lại bác nghĩa nhân duyên tự nhiên, để trách nghe nhiều 245
Đoạn 1: Phát nghi và hỏi 245
Đoạn 2: Gạn hỏi nguyên nhân khởi nghi 262

Đoạn 3: Ví dụ cái đầu xưa không mất để chỉ ra tính cuồng giả dối 264
Đoạn 4: Phá nhân duyên tự nhiên dẫn vào Bồ đề 275
Mục 12: Chỉ nghĩa quyết định 318
Đoạn 1: Thuật lại chỗ ngộ, thỉnh cầu pháp tu hành 318
Đoạn 2: Xét về phát tâm trong lúc tu nhân 332
Đoạn 3: Xét rõ cội gốc phiền não 401
Mục 13: Đánh chuông nghiệm tính thường 473
Đoạn 1: Nghi căn tính không tự thể 473
Đoạn 2: Chỉ tính nghe là thường trụ 485

BĂNG ĐĨA GIẢNG ĐÃ PHÁT HÀNH

- **Kinh Hoa Nghiêm (đang giảng)**
- **Kinh Pháp Hoa**
- **Kinh Lăng Nghiêm**
- **Kinh Kim Cang**
- **Ma Ha Bát Nha Ba La Mật Đa Tâm Kinh**
- **Tiểu Bổn A Di Đà**
- **Tứ Niệm Xứ**
- **Tứ Thánh Đế**
- **Kinh Pháp Cú**
- **Kinh Thập Thiện**
- **Kinh Pháp Bảo Đàn**
- **Kinh Duy Ma Cật**
- **Lục Độ Ba La Mật**
- **Thập Nguyện Phổ Hiền**
- **Bát Đại Nhân Giác**
- **Kinh Ba Cửa Giải Thoát**
- **Kinh Phước Đức**
- **Kinh Vô Ngã Tướng**
- **Kinh Nhất Dạ Hiền Giả**
- **Tuệ Trung Thượng Sỹ Ngữ Lục**
- **Yếu Quyết Tứ Diệu Đế**
- **Lời Nguyện Thứ 18 Của Đức Phật A Di Đà**
- **Tứ Nhiếp Pháp**
- **Mười Bốn Điều Minh Triết**
- **Yếu Nghĩa Kinh Kim Cang**
- **Yếu Nghĩa Kinh Pháp Bảo Đàn**
- **Phương Pháp Tọa Thiền**
- **Thiền Thư Giản Và Quán Thân**
- **Vô Thường - Khổ**
- **Tham Vấn Phật Pháp**
- **Mười Hai Lời Nguyện Của Bồ Tát Quán Thế Âm**
- **Công Hạnh Của Bồ Tát Quán Thế Âm**
- **Đức Phật Là Bậc Y Vương**
- **Niệm Phật Thế Nào Để Có Công Đức**
- **Hạnh Phúc Chân Thật**
- **Thương Yêu và Tôn Kính**
- **Thiền Tịnh Song Tu**
- **Chữ Tu Trong Đạo Phật**
- **Vượt Qua Nghiệp Chướng Và Tái Sanh**
- **Tu Tập Và Trị Liệu**
- **Thân Tâm Không Khác**
- **Sống An Lạc Chết Siêu Thoát**
- **Lễ Phật Thành Đạo**
- **Ý Nghĩa Phật Đản Sanh**
- **Đạo Hiếu Người Con Phật v.v …**

BĂNG ĐĨA DƯỠNG SINH

- **Phương Pháp Dưỡng Sinh (1- 9)**
- **Giải Đáp Câu Hỏi Dưỡng Sinh**
- **Thai Giáo**
- **Để Hoàn Thiện Một Con Người**
- **Phật Pháp Và Dưỡng Sinh**
- **Ăn Chay Với Thực Phẩm Ohsawa**
- **Dưỡng Sinh Phòng Bệnh**
- **Dưỡng Sinh Hằng Ngày**
- **Dưỡng Sinh Chăm Sóc Sức Khỏe Cộng Đồng**
- **Dưỡng Sinh Trong Đời Sống**
- **Cân Bằng Thân Tâm**
- **Cân Bằng Âm Dương Trong Ăn Uống**
- **Nâng Cao Đời Sống Vật Chất Và Tâm Linh**
- **Nguyên Nhân Bệnh Tật**
- **Lễ Giỗ Ohsawa 2007-2008-2009-2010-2011-2012-2013-2014-2015-2016-2017-2018 …**

KINH SÁCH ĐÃ IN

- **Kinh Pháp Hoa**
- **Kinh Kim Cang**
- **Bát NhãTâm Kinh**
- **Tinh Túy Bát Nhã Ba La Mật Đa**
- **Vượt Qua Nghiệp Chướng và Tái Sanh**
- **Tiểu Bổn A Di Đà**
- **Lời Nguyện Thứ 18 Của Đức Phật A Di Đà**
- **Đạo Hiếu Người Con Phật**
- **Sống An Lạc Chết Siêu Thoát, …**

Điện thoại: 0251 86 00 258
Di động: 0911 258 258
Email: thichtuehai@chualonghuong.org
Website: www.chualonghuong.org, www.quynguyen.org , www.quynguyen.com

SÁCH ẤN TỐNG KHÔNG BÁN